

Ấn Quang Đại Sư
Gia Ngôn Lục
印光大師
嘉言錄

Theo bản in của Phật Quang Viện,
thành phố Bản Kiều, Đài Loan, tháng Hai năm 1982
Cư sĩ Lý Viên Tịnh kết tập, Ấn Quang Đại Sư giám định
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

MỤC LỤC

Contents

LỜI TỰA.....	6
DUYÊN KHỞI TÁI BẢN SÁCH ÁN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC	15
ÁN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC	31
II. KHUYÊN TÍN HẠNH NGUYỆN NÊN CHÂN THÀNH, THA THIỆT.....	81
2.1. Giảng về lòng tin chân thành, tâm nguyện tha thiết	81
2.2. Khuyên trừ nghi sanh tín.....	93
2.3. Khuyên đầy đủ tín nguyện	132
III. CHỈ DẠY PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ.....	149
3.1. Giảng về phương pháp Niệm Phật.....	149
3.2. Đối trị tập khí.....	170
3.3. Luận về việc gìn giữ tâm lòng để tạo lập phẩm đức.....	221
3.4. Luận định các pháp tu trì	242
3.5. Khuyên hành nhân nỗ lực	268
IV. LUẬN VỀ VIỆC LỚN SANH TỬ	277
4.1. Cảnh tỉnh mạng người vô thường	277
4.2. Khuyên chuyên cậy vào Phật lực.....	281
4.3. Dạy những điều thiết yếu về lâm chung	297
V. KHUYÊN NÊN GIỮ LÒNG THÀNH KÍNH.....	324
VI. KHUYÊN CHÚ TRỌNG NHÂN QUẢ	353
6.1. Luận về lý nhân quả.....	353
6.2. Giảng về chuyện nhân quả.....	383
6.3. Giải thích về nguyên do của kiếp vận.....	398
6.4. Giảng những điểm trọng yếu trong việc kiêng giết	410
VII. PHÂN ĐỊNH GIỚI HẠN GIỮA THIỀN VÀ TỊNH.....	441
VIII. GIẢI QUYẾT NHỮNG ĐIỀU NGHI HOẶC THƯỜNG GẶP... ..	473
8.1. Luận về Sự, Lý.....	473
8.2. Luận về tâm tánh.....	488
8.3. Luận về ngộ chứng.....	502
8.4. Luận về Tông, Giáo	520
8.5. Luận về Trì Chú	528
8.6. Luận về xuất gia.....	533
8.7. Luận về báng Phật.....	542
8.8. Luận về đạo thầy trò	568
8.9. Luận về Giới Luật	569
8.10. Luận về kinh điển.....	570

8.11.	Luận về Trung Âm:.....	579
8.12.	Luận về bốn cõi Tịnh Độ	585
8.13.	Luận về xá-lợi	589
8.14.	Luận về tỷ hương	591
8.15.	Luận về cảnh giới.....	597
8.16.	Luận về thần thông.....	605
8.17.	Luận về bí truyền	611
8.18.	Luận về cầu cơ	612
8.19.	Luận về luyện đan.....	615
8.20.	Luận về tu hành, xử sự phải phù hợp, thích nghi.....	618
8.21.	Luận về phú cường	629
8.22.	Luận về cách dự phòng tai họa	633
IX. KHUYÊN NHỮ CÁC THIÊN TÍN TẠI GIA		635
9.1.	Dạy về luân thường đại giáo	635
9.2.	Luận về giáo dục gia đình.....	643
9.3.	Khuyên nên tại gia hoằng pháp.....	669
9.4.	Khuyên nên sống trong cõi trần học đạo	685
* Vì hàng tại gia đệ tử, lược giảng ý nghĩa của Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện		696
1)	Chẳng sát sanh:	700
2)	Chẳng trộm cắp:	701
3)	Chẳng tà dâm:	703
4)	Chẳng vọng ngữ:	704
5)	Chẳng uống rượu:.....	705
X. CÁC SÁCH VỎ NÊN ĐỌC		710
Phân Tặng Bồ.....		730
2.	Thư phúc đáp Du Huệ Úc và Trần Huệ Sưởng (đính kèm thư gởi tới) 734	
3.	Thư phúc đáp cư sĩ Ngu Tăng.....	741
4.	Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên.....	745
5.	Thư trả lời cư sĩ Vương Tâm Thiền.....	747
Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục hết		749
THAY LỜI BẠT		750

ẤN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC

印光大師嘉言錄

*(Theo bản in của Phật Quang Viện,
thành phố Bản Kiều, Đài Loan, tháng Hai năm 1982)
Cư sĩ Lý Viên Tịnh kết tập,
Ấn Quang Đại Sư giám định
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa*

LỜI TỰA

Pháp môn Tịnh Độ lý cực cao sâu, sự cực giản dị. Do vậy, người thiên tư thông minh, tri kiến cao siêu, thường xem Tịnh Độ là pháp tu của bọn ngu phu, ngu phụ, chẳng chịu tu trì. Chẳng biết đây là pháp môn rất ráo để mười phương tam thế hết thảy chư Phật, trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh, thành thí, thành chung¹. Họ thấy kẻ ngu phu, ngu phụ có thể tu pháp này bèn coi thường, sao chẳng xét trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, vẫn phải dùng mười đại nguyện vương hồi

¹ Thành thí, thành chung: Thành tựu lúc ban đầu, thành tựu lúc kết thúc. Ý nói do pháp môn Niệm Phật mà thoát khỏi địa vị phàm phu, chứng nhập địa vị Pháp Thân đại sĩ, và cũng do pháp môn Niệm Phật mà thành tựu quả Vô Thượng Bồ Đề rất ráo.

hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, ngô hầu viên mãn Phật Quả? Miệt thị pháp môn Tịnh Độ chẳng chịu tu là coi những vị trong hội Hoa Nghiêm thuộc hạng người gì? Chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm có đáng nên tôn trọng hay nên coi thường?

[Có thái độ như vậy], không có gì khác hơn là do chưa xét kỹ nguyên do của từng pháp môn thông thường và đặc biệt, cũng như [chẳng suy xét] tự lực, Phật lực, đại, tiểu, khó, dễ, nên mới đến nỗi như thế. Nếu đã xét kỹ, há chẳng học đòi Hoa Nghiêm Hải Chúng, nhất trí tiến hành cùng cầu vãng sanh ư? Án Quang tôi từ lúc búi tóc đọc sách, nhiệm ngay phải cái đạo bài Phật của Hàn, Âu, Trình, Chu, may là không có được cái tài như Hàn, Âu, Trình, Chu. Nếu có được chút tài như họ, ắt sẽ tự mình làm, khiến người làm, thân còn sống mà đã hãm trong địa ngục A Tỳ mất rồi. Từ năm mười bốn, mười lăm tuổi

về sau, bệnh nặng nhiều năm. Từ đây chiêm nghiệm khắp xưa nay, xem kỹ kinh sách, mới hay những thuyết do Hàn, Âu, Trình, Chu đã lập đều là những tri kiến quẩn quanh ngoài cửa ngõ, tuyệt chẳng đạt đến những sự huyền áo trong nhà.

Nhược quan² được một năm, tôi liền xuất gia làm Tăng, chuyên tu Tịnh nghiệp. Thề trọn một đời này làm một kẻ tự tu, chẳng lập môn đình, rộng thâm đồ chúng đến nỗi con cháu đời sau làm Phật pháp bại hoại, kéo cả Án Quang tôi vào trong địa ngục A Tỳ chịu khổ với chúng. Đến năm Quang Tự 19 (Quý Tỵ - 1893), hòa thượng Hóa Văn chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà Sơn lên kinh đô thỉnh Đại Tạng Kinh, nhờ tôi coi sóc việc ấn loát. Xong việc, Hòa Thượng mời tôi cùng về núi. Biết tôi

² Nhược quan là hai mươi tuổi. Thời cổ, con trai đến hai mươi tuổi sẽ làm lễ đội mũ (nhược quan), [tức là lễ] công nhận là một người trưởng thành. Theo Án Quang Niên Phổ, đại sư trốn nhà đi xuất gia năm hai mươi một tuổi, nhằm năm Quang Tự thứ bảy (Tân Tỵ - 1881), xuống tóc tại chùa Nam Ngũ Đài Liên Hoa Động Tự ở núi Chung Nam, thờ hòa thượng Đạo Thuần làm thầy.

chẳng thích tham gia Tăng sự, Ngài cho tôi ở riêng một liêu, tùy ý tu trì. Đến nay đã hơn ba mươi lăm năm rồi. Ở núi lâu ngày, có việc phải dùng đến bút mực viết lách, tuyệt chẳng dùng đến tên gọi Án Quang. Ngay cả những văn tự cần phải ký tên, cũng chỉ tùy tiện viết hai chữ là xong. Vì thế, trong hai mươi năm qua, không có người khách nào đến thăm, cũng không có thư từ qua lại làm phiền.

Năm đầu Dân Quốc (1911-1912), cư sĩ Cao Hạc Niên đem mấy thiên văn cáo đăng trên Phật Học Tùng Báo, chẳng dám dùng tên Án Quang, mà dùng tên Án Quang thường tự xưng là Thường Tâm Quý Tăng. Vì thế, ký tên là Thường Tâm. Cư sĩ Từ Úy Như và Châu Mạnh Do làm lần tán thưởng, hỏi dò suốt ba bốn năm. Sau Mạnh Do lên núi bái yết, xin quy y, đem mấy thiên bản cáo tộ hại gửi cho Úy Như, đưa in ở kinh đô, đặt tên là Án Quang Pháp Sư Văn Sao, khiến cho văn

tôi gai mắt khắp mọi người cao nhĩ nên càng thêm hồ thẹn.

Năm Dân Quốc thứ bảy, thứ tám (1918-1919), họ lại lôi ra thêm mấy thiên nữa, soạn thành sách Tục Biên, in chung với cuốn Sơ Biên. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), giao cho Thương Hải Thương Vụ Án Thư Quán sắp chữ thành hai cuốn để làm bản lưu. Mùa Xuân năm Dân Quốc thứ mười (1921), sách in xong. Quang tôi lại sang Dương Châu, đem bản sắp chữ năm Dân Quốc thứ chín khắc thành một bản, chia làm bốn cuốn. Năm Dân Quốc 11 (1922), lại giao cho Thương Vụ Án Thư Quán in thành bốn cuốn. Khi ấy, các cư sĩ chỉ yêu cầu in hai vạn bộ, nhưng đến khi Thương Vụ Án Thư Quán in xong, gửi ra bán, số ấy vẫn chẳng đủ!

Mùa Đông năm Dân Quốc thứ 14 (1925), lại giao cho Trung Hoa Thư Cục in bản Tăng Quảng (bản mở rộng – do thêm vào những bài mới), cũng chia thành

bốn cuốn, dày hơn lần in trước một trăm tờ. Mùa Hạ năm nay in sách, do phong trào công nhân đấu tranh, giá in rất cao, chỉ in được hai ngàn bản. Bản gốc đã đem đánh máy ra thành bốn bản sao thì nhà in giữ lại hai bản, trả về cho Quang hai bản. Tôi bèn giao cho Hàng Châu Chiết Giang Án Loát Công Ty in trước một vạn bản, sau đó sẽ in tiếp.

Một nhân duyên tình cờ nữa là cư sĩ Viên Tịnh Lý Vinh Tường trong mấy năm qua, chuyên tâm học Phật, đối với luận Khởi Tín, kinh Lăng Nghiêm, kinh Viên Giác đều viết số giải. Quang bảo: *“Người thanh niên nên thiết thực dụng công niệm Phật trước đã, đến khi nghiệp tiêu trí rạn, chướng tận, phước đầy rồi sẽ lại phát huy, tự có thể xiển minh Phật ý truyền khắp vũ trụ”*. Khi ấy, ông Lý chẳng chịu là đúng. Sau vì dụng tâm quá độ, tinh thần, thân thể mỗi ngày một suy, mới hay lời Quang nói chẳng sai.

Ông bèn đọc kỹ Văn Sao, hoan hỷ khôn xiết, nên trích lục những nghĩa trọng yếu, chia thành từng môn, từng loại, soạn thành một cuốn, tính dùng giấy in báo để in một ngàn cuốn nhằm đáp ứng nhu cầu cần đọc ngay của độc giả. Tháng Năm, ông đến Thượng Hải, rồi cùng vợ xin quy y. Tháng Tám sách in ra, chẳng lâu sau sách được thỉnh hết. Thư yêu cầu nườm nượp gửi tới, tôi bèn bảo sở in của nhà giam Tào Hà Kinh sắp đặt việc in sách. Cư sĩ Trần Địch Châu xin đảm nhiệm việc trình bày, cũng như chịu phí tổn đánh máy bốn bản sao. Ông Trần lại chịu tiền in hai ngàn bản, một lúc bỏ ra gần hai vạn.

Đối với xuất xứ của mỗi câu trong bản này, thuộc quyển nào, trang nào, ông Lý đều ghi kỹ để người đọc có thể đối chiếu với quyển Văn Sao. Do chỉ chép lấy những nghĩa trọng yếu trong các bài văn, xếp vào một loại, nên trong mỗi thể loại, ý nghĩa [từng đoạn trích] khá giống nhau,

nhưng tôi chẳng lược bớt đi, ngõ hầu người đọc được khuyên đi, khuyên lại nhiều lần, sẽ đoạn ngay được lòng nghi, phát sanh lòng tin. Xuất xứ từ quyển nào, trang số mấy đều dựa theo cách đánh số trong bản Tăng Quảng Văn Sao để làm bản lưu thông vĩnh viễn, sau này không phải in lại nữa.

Lại vì Văn Sao ý nhiều, nghĩa lắm, có lẽ kẻ sơ cơ khó lòng phân biệt, hiểu rõ dễ dàng được, nên tôi thuận theo cơ nghi, muốn cho họ trước hết thấy được những đường lối [trọng yếu] trong pháp môn, từ đây sẽ thiết thực tấn tu, tự đạt đến chỗ cùng cực, khỏi phải đến nỗi nhìn biển cả than dài, hoặc đến nỗi lui sụt. Nhân đây, chép cả mục lục cuốn Văn Sao Tuyền Độc Thiên vào sau mục lục cuốn Gia Ngôn Lục để người chưa từng nghiên cứu Phật học dễ theo dõi. Tôi trình bày duyên do như thế để mong người đọc đều biết rõ.

Nguyện người thấy, người nghe đừng

cho lời tôi nói là tâm thường, quē mùa rồi bỏ qua, chỉ toan cầu lấy những điều cao sâu, huyền diệu. Đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu đễ mà thôi. Đạo của Như Lai chỉ là Giới, Định, Huệ. Thực hành được việc tâm thường, quē mùa, hành đến cùng cực thì lý cao sâu huyền diệu há còn phải cầu ở nơi nào khác nữa ư? Nếu không, chỉ là cao sâu huyền diệu nơi đầu môi chót lưỡi, khi sanh tử xảy đến, chẳng dùng được mảy may! Xin độc giả hãy lưu tâm!

Mồng Tám tháng Chạp năm Đinh Mão, Dân Quốc 16 (1927), Cổ Tân Thường Tâm Quý Tăng Thích Án Quang cẩn soạn.

**DUYÊN KHỞI TÁI BẢN SÁCH
ÁN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC**

Cổ đức nói: “*Pháp chẳng thể phát khởi một mình, mà cần phải có nhân duyên*”. Rõ ràng là người có thể hoằng đạo, chứ đạo chẳng thể hoằng người, pháp chẳng tự hoằng, đạo chẳng thể tự sát thương, toàn là phải nhờ vào con người hoằng dương, vận dụng. Nay muốn in hơn ngàn cuốn, ắt cũng phải có nhân duyên. Vì thế, tôi nay chia ra ba điều duyên khởi để thuật rõ gốc ngọn, ngõ hầu độc giả biết được một đôi điều, sanh ý tưởng khó gặp gỡ, sanh tâm khánh hạnh³. Do Văn - Tư - Tu, khởi Tín, Nguyện, Hạnh, nhập Niệm Phật tam-muội, ai nấy cùng thấy Di Đà, người người chứng địa vị Bất Thoái. Đây chính là điều tôi thom thảo cầu khẩn vậy.

Thứ nhất là thực hiện nguyện cũ. Nhớ

³ Khánh hạnh: Mừng rỡ, nhận biết là mình may mắn mới gặp được việc gì đó.

lúc năm Dân Quốc 57 (1968), tôi đến học tại Trung Quốc Phật Giáo Nghiên Cứu Viện, có dịp đọc được trong thư viện cuốn Án Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục, khôn ngăn vỗ tay, giậm chân, hớn hở vô lượng, nhận thấy đây là một tác phẩm ngàn đời khó thấy, vạn kiếp khó gặp, chẳng gieo trồng cội đức dễ đâu gặp gỡ, mà nay được gặp gỡ. Tôi bèn hạ quyết tâm đọc một mạch, không dưới mấy chục lần, ngộ được chẳng ít Phật lý. Trong tác phẩm này có rất nhiều đạo lý tôi chưa từng bao giờ biết đến, nhưng có cảm giác vô cùng thân thiết. Tôi nhận ra hết thấy những Phật pháp được nhắc đến trong Văn Sao đều là những thứ vật báu có sẵn trong nhà mình, chẳng đến từ bên ngoài, khác nào đếm của cải gia bảo, vói tay liền được. Nhân đó, tôi đọc đi đọc lại những kinh điển, luận tạng được nhắc đến trong Văn Sao như Tịnh Độ Tam Kinh, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Long Thư Tịnh Độ

Văn, Tây Quy Trục Chỉ, Liên Tông Bảo Giám, Niệm Phật Luận, Tịnh Nghiệp Chỉ Nam v.v... Trong mỗi tác phẩm ấy, câu nào cũng đều là lời vàng, chữ nào cũng đều quy tông. Tu theo đó thì đều do hữu niệm chứng nhập vô niệm, chuyển nhiễm niệm thành tịnh niệm, tự chứng tối thượng thừa “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”.

Trong cuốn Gia Ngôn Lục, đại sư Án Quang đã giải bày trọn vẹn lẽ sai biệt giữa Tự Lực và Phật Lực, giới hạn của Thiên Tông và Tịnh Tông, phân tích rõ ràng, khiến kẻ sơ học đoạn nghi sanh tín, biết nên lấy, bỏ những gì, dần dần thâm nhập sâu hơn. Tu theo đó, ngàn người tu, ngàn người được vãng sanh, vạn người tu, vạn người vãng sanh. Nhất là chữ “*Tử*” (chết) do đích thân đại sư Án Quang viết chính là diệu dược vô thượng để tiêu phiền não, trừ khử vọng niệm. Mọi loài chúng sanh dựa vào chữ *Tử* ấy, nghĩ đến địa ngục,

phát tâm Bồ Đề, dùng tín nguyện sâu xa trì danh hiệu Phật, lâm chung gặp Phật, vãng sanh Tây Phương chẳng biết là bao nhiêu. Bởi thế, ngay khi ấy, tôi liền phát nguyện rằng: “Trong tương lai, ngày nào đó, khi có nhân duyên diễn giảng Phật pháp cho đại chúng, tôi nguyện sẽ đề xướng ấn loát và giảng giải cuốn Gia Ngôn Lục, hòng đại chúng hiểu rõ yếu nghĩa ‘*tâm này làm Phật, tâm này là Phật, tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*’ mới thôi!” Đây chính là nhân duyên thứ nhất vậy.

Thứ hai là kinh nghiệm niệm Phật: Kể từ khi đọc được Văn Sao Gia Ngôn Lục rồi, tôi thường đọc đi, đọc lại, gần như thuộc lòng, nhưng vẫn chưa hiểu hết ý nghĩa. Tiếp đó, đọc hai cuốn Văn Sao thượng hạ, những chỗ chưa hiểu lại đem thỉnh giáo thầy. Tư duy, thọ trì đôi ba lượt như thế, đem những chữ Tử do Đại Sư viết dán đầy cả phòng, giờ giờ tự kinh hãi,

khắc khắc tự răn nhắc mình. Lúc ấy tôi mới mười bảy tuổi, suốt ngày chấp trì danh hiệu, có thể nói là “*Phật chẳng lià tâm, tâm chẳng rời Phật*”. Suốt ngày hiếm khi mở miệng nói năng một đôi câu. Nếu ai hỏi đến cũng chỉ dùng tay ra hiệu mà thôi. Có lúc thậm chí suốt hai ba ngày, tôi chẳng mở miệng nói câu nào; bởi thế, thường bị người khác hủy báng: “Đồ bệnh thần kinh, đồ ma dứa”. Tôi nghe riết thành quen, chẳng lưu tâm đến nữa, cho rằng đây là một đại nhân duyên để tiêu diệt tội nghiệp đời trước của mình, khiến cho mình càng thêm dũng mãnh, tinh tấn, chẳng lười nhác.

Dụng công như thế mãi đến khi tôi tốt nghiệp ở Nghiên Cứu Viện vào năm Dân Quốc 59 (1970). Lúc ấy tôi vừa mười chín tuổi, thân thể yếu đuối, lắm bệnh, nhưng luôn nhớ kỹ lời Đại Sư khai thị cho hành giả trong Văn Sao: “*Người niệm Phật chẳng sợ sanh bệnh, chỉ sợ chẳng thể thấy*”

Phật, niệm Phật. Khi thân thể trở bệnh, thường nghĩ đến cái chết, vạn duyên buông xuống, nhất tâm niệm Phật. Như thế thì nếu tuổi thọ chưa hết sẽ chóng lành bệnh. Nếu hết tuổi thọ, sẽ mau được vãng sanh. Là do tâm hợp với Phật, tâm hợp với đạo vậy!” Do đây, tôi lập công khóa nhất định, trong vòng một ngày, Phật sự phải làm là lễ bái bốn mươi tám nguyện, trì tụng một trăm lễ tám biến thần chú Đại Bi, niệm Phật hiệu vô số. Dụng công như thế suốt một năm, không chỉ thân thể chẳng khỏe hơn, lại càng thêm hư nhược. Lúc ấy, tôi đang ở chùa Thập Phổ đường Nam Xương tại Đài Bắc.

Khéo sao, có một vị pháp sư tên là Tánh Quán bị ung thư gan đến thời kỳ thứ ba, phải đưa vào bệnh viện. Ít lâu sau, bác sĩ bảo không còn cách nào chữa được, lập tức xuất viện, đưa sang thiền đường chùa Lâm Tế chờ chết. Mấy ngày sau, Sư

thượng thổ hạ tả⁴, ói ra toàn là máu, được ít lâu thì chết. Khi đó, tôi mới chỉ hai mươi tuổi, thân thể hư nhược cùng cực, thân như cây khô, tinh thần yếu đuối. Người trong chùa thấy tình cảnh ấy, không ít người bảo tôi: “Tôi xem thầy chẳng mấy chốc cũng giống như pháp sư Tánh Quán, nhất định phải chết thôi!” Hoặc bảo: “Tôi xem thầy chẳng sống được bao lâu nữa!” Lúc ấy đúng là “đạo cao một thước, ma cao một trượng”. Càng phát tâm dụng công thì ma chướng càng nhiều. Nghe toàn những lời nói như vậy, vạn phần hoảng sợ, chẳng sao diễn tả nổi! Sau cùng bất đắc dĩ chẳng biết làm sao, suốt ngày chỉ nghe băng xướng niệm thánh hiệu A Di Đà Phật của pháp sư Sám Vân đề niệm theo, nhất tâm đợi Phật tiếp dẫn vãng sanh. Suốt một năm như thế, không chỉ chưa vãng sanh, tình cờ sao, trong một lần đang niệm Phật, niệm đến

⁴ Thượng thổ hạ tả: Trên thì ói, dưới thì đại tiện không kiểm soát được.

mức “*tâm không, cảnh vắng, tâm tịnh, Phật hiện*”, đích thân cảm nghiệm mùi vị “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”.

Từ đó, thân thể của tôi ngày càng khàng kiện, đem máy cassette tặng cho người khác, đem hết thảy tiền bạc do chính mình dành dụm hoặc đồ cúng dường của tín đồ, mỗi mỗi đều dùng làm phương tiện khuyên người khác niệm Phật, phỏng theo cách của Liên Tông Tứ Tổ Pháp Chiếu Đại Sư và Ngũ Tổ Thiếu Khang Đại Sư, xin tiền đem cho trẻ, dụ chúng niệm Phật, hoặc mua tự điển, bút chì tặng cho trường tiểu học, hoặc mua bút máy, sổ nhật ký tặng cho học trò bậc cao trung trở lên. Trước hết, dạy chúng lễ Phật, niệm Phật, rồi mới tặng cho chúng thứ này, thứ nọ. Trong vòng khoảng một cây số, không có trẻ nhỏ nào chưa từng nhận lãnh sự giáo hóa, bố thí của tôi. Ai nấy thấy tôi đều kêu lên: “Tiểu sư phụ! A Di Đà Phật!” Sau hơn một năm như thế,

lớn nhỏ đều biết niệm Phật.

Một hôm, tôi nhận được công văn kêu đi nhập ngũ⁵, ngày trình diện là mùng Một tháng Năm năm Dân Quốc 63 (1974), trong lòng thầm nghĩ: “Lần này đi quân dịch, chuyện sanh tử khó lòng đảm bảo, vạn nhất chết trận thì biết làm sao, chẳng bằng lúc còn sống phải chuẩn bị ôn thỏa thì mới nên!” Nhân đó, bèn đem bộ Tịnh Độ Tùng Thư hai mươi quyển mới mua chưa lâu (lúc ấy, còn đang trong thời kỳ ấn hành, chưa in xong toàn bộ) tặng cho học trưởng⁶ Truyền Đạo, đem các tự điển Từ Hải và Khang Hy tặng cho pháp sư Minh Quảng. Thầy Cố Truyền Thọ có tặng cho tôi một bản Thánh Giáo Tự của Vương Hy Chi, mang từ Đại Lục qua, đúng là của báu vô giá, tôi cũng tặng luôn cho bạn đồng học là Ngô Khiết. Áo hải

⁵ Tại Đài Loan, chư Tăng không được miễn quân dịch. Toàn bộ tăng sĩ trẻ phải nhập ngũ, thi hành quân dịch một thời gian trước khi được trở về chùa tu tiếp.

⁶ Học trưởng: Lớp đàn anh trong nhà trường. Ở đây là sư huynh, hoặc những người đã xuất gia trước trong cùng pháp phái.

thanh và y ca sa tặng luôn cho bạn đồng học là Ngô Quán. Còn thì đồ đạc trong ngoài, dù lớn hay nhỏ đều tặng hết cho đại chúng, chỉ còn mỗi một cái túi da xấu xí là chưa tặng ai cả. Lòng nghĩ nếu như trong quân đội, vạn nhất mình may mắn bỏ xác cũng là nguyện vọng của mình đã thành đạt. Vì sao vậy? Vì tôi đã sớm chuẩn bị, nhớ kinh Địa Tạng có dạy: *“Hết thầy công đức đã làm khi còn sống, đều thọ được hết cả. Nhưng chết đi, làm hết thầy công đức thì bảy phần chỉ được hưởng một phần”*. Cho nên những điều mình có thể làm được trong khả năng của mình thì đều làm hết. Vì thế, một hai ngày trước khi nhập ngũ, tôi đem số tiền tín đồ cúng dường là bảy ngàn đồng, chia thành ba phần: Một phần là năm ngàn đồng tặng cho công trình xây dựng Tịnh Giác Dục Áu Viện (viện nuôi trẻ Tịnh Giác). Một phần là sáu trăm đồng cúng dường cho huynh đệ đồng tu. Còn tự mình chỉ mang

một ngàn bốn trăm đồng đi nhập ngũ mà thôi.

Sau đấy, suốt ba tháng tại trung tâm huấn luyện, chịu cam khổ như mọi người. Có tháng, tiền chi tiêu chỉ có ba trăm năm mươi đồng, lại cần phải mua thức ăn chay. Lúc ấy mới hay tiền chẳng đủ dùng, tiền là trọng yếu. Xong hai năm quân dịch, không chỉ chẳng chết, thân thể còn càng thêm cường tráng, kháng kiện. Thế mới biết công đức Niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn. Hiện tại, tôi đã giải ngũ hơn năm năm rồi, phải làm lại hết thảy từ đầu. Muốn mua kinh sách gì, hoặc là thành lập đạo tràng và những thứ cần dùng hằng ngày, đều hoàn toàn cậy vào sự nỗ lực của chính mình. Do đó, đến nay đã ba mươi tuổi đầu rồi mới bắt đầu xây dựng đạo tràng, ngoài việc giảng kinh, thuyết pháp, chẳng quên đề xướng ấn loát bộ Án Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục. Đây là nhân duyên thứ hai.

Thứ ba chính là đề kết duyên lành. Kinh dạy: “Lúc chưa thành Phật nên rộng kết nhân duyên”. Kinh còn dạy: “Phật đạo kiến lập trên thân chúng sanh. Nếu không có chúng sanh nào đề độ thì chư Phật chẳng thể thành Chánh Giác”. Bởi thế, sau khi giải ngũ, tôi liền đối trước Phật phát nguyện: “Phàm là ai có lòng muốn học Phật pháp thì nghĩa vụ của con là phải dạy dỗ họ cho đến khi họ học hiểu mới thôi!”

Tiếp đó, duyên khởi in cuốn Gia Ngôn Lục là do cư sĩ Kim Bích Hoa và cư sĩ Ngô Cẩm Hoàng giới thiệu nên tôi được quen biết cư sĩ Khuru Bính Lân và vợ là cư sĩ Khuru Ngô Sắc. Họ nói trước đây đã từng học hiểu cuốn Tứ Kinh Hợp Đỉnh Bản, hiện tại muốn học Tam Muội Thủy Sám, xin tôi phát tâm giảng dạy cho họ. Tôi liền đáp: “Được”. Lúc đó Ngô cư sĩ và các tín đồ đang có mặt đều phát tâm muốn học, muốn đến chùa tôi, xin tôi mỗi một

tuần chọn một ngày nhất định đến chỗ họ giảng dạy. Tôi nói: “Trước mắt, Phật Quang Viện chưa lạc thành, dự định ngày Mười Chín tháng Sáu năm nay, đúng ngày thành đạo của Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ làm lễ khai quang thánh tượng (khéo sao, ngày ấy lại đúng vào Chủ Nhật). Hiện tại trong Phật Tổ Hội đang tích cực quyên góp. Hội này do hai vị cư sĩ Kim Bích Hoa và Ngô Bảo Ngọc cùng phát khởi. Một hội chọn ra tên hai người, lần lượt chia phiên nhau xuất ra năm trăm đồng trong một tháng nào đó, định hạn là hai mươi tháng, cho đủ một vạn đồng. Trong ấy có người thanh toán trong một lần, có người chia ra hai lần đóng góp tùy sức mỗi người (mục đích là đại chúng hóa, phổ biến hóa, để người hữu duyên có cơ hội tham dự công đức đúc kim thân Phật)”.

Khuru cư sĩ nghe xong liền phát nguyện đúc tượng Tây Phương Tam

Thánh, ngoài ra thì tham gia một hội hoặc hai hội khác nhau. Kinh nói: “*Lục độ vạn hạnh, bố thí làm đầu, trong các nhiệm vụ cấp bách của việc phát tâm thì hỷ xả là bậc nhất*”. Chúa trời Đạo Lợi xưa làm cư sĩ, trông thấy tượng Phật bị hư nát không đành lòng, bèn phát tâm rủ rê bè bạn ba mươi hai người, tạo kim thân Phật. Do nhân duyên ấy, sau khi mạng chung, sanh làm Đế Thích Thiên Chúa, tục gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế. Ba mươi hai người kia, mỗi người làm chúa một cõi trời, thống trị nhân dân trong nước mình, phước đức, trí huệ vô lượng, được người đời lễ bái. Do vậy, kính mong chư vị đại đức đều sanh lòng hoan hỷ hơn hở, phát lòng tùy hỷ, xuất tiền, xuất lực, tam luân không tịch⁷, vô trụ sanh tâm, công đức vô lượng. Nay muốn ấn loát hơn một ngàn cuốn Gia Ngôn Lục, riêng Khuru cư sĩ đã phát tâm

⁷⁷ Tam luân không tịch: Bố thí mà không thấy mình đang cho, không thấy có người nhận, không thấy có vật được mình bố thí.

xin in một ngàn cuốn. Dem công đức này hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ. Đây là nhân duyên thứ ba.

Ba điều duyên khởi vừa lược thuật trên đây đều nói đúng theo sự thực, chứ chẳng phải là lời thêu dệt, cốt để bày tỏ những điều ấp ủ trong lòng tôi, nhằm nói lên nguyện lực Phật Di Đà rộng sâu, công đức niệm Phật thù thắng, đọc Văn Sao lợi ích vô tận. Chỉ nguyện bậc trưởng bối xem đến, phát lòng từ bi chỉ dạy, người ngang hàng nghe đến, sanh ý niệm tham khảo, tùy hỷ. Kẻ vãn bối biết đến, sẽ sanh lòng hỗ trợ, tăng trưởng pháp. Từ một truyền mười, mười truyền trăm, trăm truyền ngàn, ngàn truyền vạn, cha mẹ dạy bảo con cái, thầy dạy trò, quan trên dạy bảo cấp dưới, từ gần lan ra xa, phổ độ hữu tình, chỉ mong mình lẫn người cùng dự trong Liên Trì Hải Hội, chúng u minh cùng nhập Di Đà Nguyện Hải, đều thành Chánh Giác, cùng hóa độ chúng sanh.

Con chỉ mong mười phương Tam Bảo, hộ pháp long thiên cùng xét soi tấm lòng thành khẩn của con đở, cùng rủ lòng từ mẫn gia bị. Phổ nguyện thập phương thiện tín, chư vị đại đức, đều sanh tâm từ bi hỷ xả, cùng khởi ý niệm ủng hộ Tam Bảo. Chỉ mong những ai thấy nghe đều phát Bồ Đề tâm, hết một báo thân này, cùng sanh về Cực Lạc. Nếu được như thế thì pháp môn may mắn lắm, chúng sanh may mắn lắm!

Trung Hoa Dân Quốc năm thứ 71 (1982), tháng Giêng âm lịch, tiết Nguyên Tiêu, Bản Kiêu Thường Tàm Quý Tăng Thích Ngộ Tông kính soạn.

ÁN QUANG ĐẠI SƯ
GIA NGÔN LỤC

I. TỊNH ĐỘ THÙ THẮNG

* Lớn lao thay! Điều được pháp môn Tịnh Độ chỉ dạy là “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”, chỉ thắng tâm người. Nếu vẫn cho là kém kỳ lạ, đặc biệt thì mỗi niệm niệm Phật chính là thành Phật ngay trong niệm ấy. Độ khắp ba căn, thống nhiếp Thiên, Luật, Giáo. Như mưa đúng thời nhuần thấm vạn vật; giống như biển cả dung nạp trăm sông.

Hết thảy các pháp Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, không pháp nào chẳng phát xuất từ pháp giới này. Hết thảy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thiệt, không hạnh nào chẳng quy về pháp giới này. Chẳng đoạn Hoặc nghiệp, liền được dự vào hàng Bồ Xứ, viên mãn Bồ Đề ngay trong một đời này.

Chúng sanh trong chín pháp giới⁸ lìa môn này thì trên là chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới là chẳng thể lợi khắp quần manh⁹. Bởi đó, trọn Hoa Nghiêm hải chúng cùng tuân theo mười đại nguyện vương; Pháp Hoa vừa xung một tiếng, liền chứng Thật Tướng các pháp.

[Tịnh Độ là] hạnh phương tiện tối thắng, nên trong luận Khởi Tín, ngài Mã Minh bảo là “*dễ hành, mau đến*”; ngài Long Thọ xiển dương pháp này trong luận Tỳ Bà Sa. Hậu thân của đức Thích Ca là ngài Trí Giả nói ra Thập Nghi Luận chuyên đốc chí nơi Tây Phương. Sư Vĩnh Minh là Phật Di Đà thị hiện, soạn Tứ Liệu Giản, suốt đời niệm Phật dẫn tam thừa ngũ tánh¹⁰ cùng chúng Chân Thường, đưa

⁸ Chín pháp giới là nhân, thiên, A Tu La, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, địa ngục, súc sanh và ngạ quỷ.

⁹ Quần manh (群萌): Danh từ khác để gọi chúng sanh. Do chúng sanh đều có chủng tử thành Phật, nên dùng chữ “*quần manh*” để sánh ví họ sẵn có mầm mống thành Phật.

¹⁰ Tam Thừa là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa.

Ngũ Tánh là cách phân chia căn tánh của chúng sanh theo Pháp Tướng Tông:

1. Định Tánh Thanh Văn: Chúng sanh có vô lậu chủng tử sẽ chứng quả A La Hán.

thượng thánh hạ phàm cùng lên bờ kia.

Vì thế, pháp môn này cả cửu giới cùng hướng về, mười phương cùng khen ngợi. Ngàn kinh cùng xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết. Thật có thể nói là pháp cực đàm¹¹ trong một đời giáo hóa [của đức Phật], là đại giáo Nhất Thừa vô thượng. Chẳng trông cội đức thì trải bao kiếp khó thể gặp gỡ. Đã được thấy nghe, phải siêng tu tập.

* Giáo, Lý, Hạnh, Quả là cương tông (cương lãnh, tông yếu) của Phật pháp. Nhớ Phật, niệm Phật quả thật là đường tắt để đắc đạo. Thời xưa, cứ tu một pháp thì cả bốn (Giáo, Lý, Hạnh, Quả) đều đủ; còn đời này, nếu bỏ Tịnh Độ sẽ hoàn toàn chẳng thể chứng đạo quả. Ấy là vì cách

2. Định Tánh Duyên Giác: Chúng sanh có vô lậu chủng tử sẽ thành Bích Chi Phật.

3. Định Tánh Bồ Tát: Chúng sanh có vô lậu chủng tử sẽ thành Phật quả.

4. Bất Định Tánh: Chủng tử không nhất định, có thể thuộc vào hai ba loại chủng tánh, tùy theo cơ duyên mà chứng quả.

5. Vô Tánh: Không có chủng tánh thành tựu quả vị trong Tam Thừa.

¹¹ Cực đàm: Đàm luận đến chỗ tột cùng, xứng tánh.
I. Tịnh Độ Thù Thắng

biệt thánh đã xa, căn tánh con người hèn kém, nếu chẳng cậy vào Phật lực, quyết khó được giải thoát. Như đã nói: “*Pháp môn Tịnh Độ nhiếp khắp căn cơ thượng, trung, hạ; cao trỗi hơn Luật, Giáo, Thiên Tông, thật là lòng từ bi triệt để của chư Phật, chỉ bày thể tánh sẵn có của chúng sanh, dẫn tam thừa ngũ tánh đồng quy cõi Tịnh, đưa thượng thánh hạ phàm cùng chứng Chân Thường. Cứu giới chúng sanh lìa pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần manh*”. Vì lẽ đó, vãng thánh tiên hiền (thánh hiền đời trước) ai nấy đều hướng về, ngàn kinh vạn luận đâu đâu cũng chỉ quy. Từ sau hội Hoa Nghiêm dẫn khởi quy hướng, các đại Bồ Tát tận khắp mười phương thế giới không vị nào chẳng cầu sanh Tịnh Độ. Kể từ khi diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, cuối hết thấy các trước thuật của Tây Thiên, Đông Độ, đều

quy kết Liên Bang.

Cổ nhân nói: “*Thân người khó được, trung quốc¹² khó sanh, Phật pháp khó nghe, sanh tử khó xong*”. Chúng ta may mắn được làm thân người, sanh ở trung quốc, được nghe Phật pháp. Điều bất hạnh là tự thẹn nghiệp chướng sâu nặng, không có sức đoạn Hoặc đề mau thoát khỏi Tam Giới, liễu sanh thoát tử; nhưng lại may mắn được nghe đức Như Lai ta tâm bi triệt để nói ra pháp môn Tịnh Độ là pháp đại quyền xảo, phương tiện lạ lùng, khiến cho hàng phàm phu lè tè sát đất được đời nghiệp vãng sanh, thật không còn gì may mắn hơn nữa! Nếu chẳng phải là từ vô lượng kiếp đến nay đã trồng thiện căn sâu dày, làm sao được nghe pháp chẳng thể nghĩ bàn này? Chẳng nên gấp sanh lòng tin chân thành, phát nguyện cầu sanh ư?

* Trộm nghe Tịnh Độ chính là pháp tử

¹² Trung quốc: Không phải là Trung Hoa, mà có nghĩa là ở chính giữa đất nước, hoặc những vùng văn minh, đô hội, không sanh nơi biên cương, mọi rợ.

bày rôt ráo bốn hoài của Phật, cao vượt hết thảy Thiên, Giáo, Luật, thống nhiếp hết thảy Thiên, Giáo, Luật. Nói gọn thì một lời, một câu, một kệ, một sách đều có thể gồm trọn không còn sót. Nói rộng ra, dù huyền ngôn của Tam Tạng mười hai bộ kinh, diệu nghĩa của chư Tổ năm tông¹³, cũng chẳng thể diễn giảng trọn [pháp môn Tịnh Độ này]. Giả sử khắp cả đại địa chúng sanh đều thành Chánh Giác, hiện tướng lưỡi rộng dài, dùng sức thần thông, sức trí huệ, vi trần nói, cõi nước nói, nói hăm hở, nói không gián đoạn, vẫn còn chưa thể trọn hết! Bởi lẽ Tịnh Độ vốn là chẳng thể nghĩ bàn.

Hãy thử nghĩ xem: Hoa Nghiêm đại kinh là vua trong Tam Tạng, trong phẩm cuối cùng đã quy kết, chú trọng nơi nguyện vương. Áo diễn Pháp Hoa màu nhiệm đứng đầu các kinh, nghe kinh liền vãng sanh, địa vị ngang với Đẳng Giác.

¹³ Năm tông ở đây là Thiên, Giáo, Tịnh, Luật, Mật, không phải là năm tông trong Thiên gia.
I. Tịnh Độ Thù Thắng

Vậy thì ngàn kinh muôn luận đâu đâu đều chỉ quy Tịnh Độ là có nguyên do vậy. Văn Thù phát nguyện, Phổ Hiền khuyến khích. Trong hội Đại Tập, đức Như Lai thọ ký rằng: “*Trong đời Mạt Pháp, không do pháp này chẳng thể đắc độ*”. Trong luận Tỳ Bà Sa, ngài Long Thọ phán định là pháp dễ hành, mau thoát sanh tử. Vì lẽ đó, vãng thánh tiên hiền, người người hướng đến, há phải phí công toi! Thật có thể nói là cả một đời giáo hóa đều chỉ là để đặt cơ sở cho pháp môn Niệm Phật!

Chẳng phải chỉ có thế! Phàm hết thảy cảnh giới đối ứng sáu căn, tức là núi, sông, đại địa, sáng, tối, sắc, không, thấy, nghe, hay, biết, thanh, hương, vị v.v... không gì chẳng phải là văn tự để phô diễn, xiển dương Tịnh Độ đó sao? Lạnh, nóng, đắng, đói, già, bệnh chen nhau, lụt, hạn, chiến tranh, tật dịch, bạo ma, tà kiến, không gì chẳng phải là để răn nhắc cảnh tỉnh con người mau cầu sanh Tịnh Độ đó

ư? Nói rộng ra, há có thể trọn hết được sao?

Còn như bảo “một lời đã gộp hết cả” thì lời đó là “Tịnh”. Tịnh đến cùng cực bèn sáng tỏ, thông suốt. Nếu chưa đạt tới Diệu Giác, há dễ dàng đảm đương nổi một lời này ư? Nghiên cứu bài tụng Lục Tức Thành Phật¹⁴ sẽ biết.

“Một câu” là “Tín, Nguyện, Hạnh”. Với Tín, Nguyện, Hạnh, thì không có Tín sẽ chẳng đủ để khởi Nguyện, không có Nguyện sẽ chẳng đủ để dẫn dắt Hạnh. Không có diệu hạnh Trì Danh thì chẳng đủ để viên mãn điều mình Nguyện, chứng điều mình tin. Hết thấy các kinh luận Tịnh Độ đều nhằm nêu tỏ ý chỉ này.

“Một kệ” là kệ tán Phật¹⁵: Nêu chánh báo để gồm thâu y báo, thuật Hóa Chủ để bao gồm đồ chúng; tuy chỉ gồm tám câu,

¹⁴ Lục Tức Thành Phật: Lục Tức là cách phán định các địa vị Phật của tông Thiên Thai bao gồm xúng lý, danh tự, tương tự, phần chứng, cứu cánh, và quán hạnh. Nói thô thiển, Lục Tức Thành Phật là phán định sự thành Phật từ Lý Tánh đến thật chứng. Chẳng hạn như: Xúng Lý Tức Thành Phật nghĩa là chúng sanh ai cũng sẵn có Phật tánh, nên về mặt Lý, chúng sanh đều là Phật. Khi nhận hiểu rằng ai cũng có Phật tánh, tin chắc không nghi, nhưng chưa đoạn được phiền não, chưa chứng đạo quả, thì chỉ là Danh Tự Tức Thành Phật. Khi khởi công tu tập, đoạn dần phiền não thì gọi là Quán Hạnh Tức Thành Phật...

¹⁵ Tức là kệ tán Phật A Di Đà: A Di Đà Phật thân kim sắc...

nhưng đã nêu trọn đại cương của ba kinh Tịnh Độ.

Một cuốn sách là cuốn Tịnh Độ Thập Yêu. Chữ chữ đều là bèn cầu¹⁶ cho đời Mạt Pháp, lời lời đều là gương báu của Liên Tông. Buốt lòng trào lệ, phanh tim vẩy máu, xúng tánh phát huy, chỉ bày cốt tủy. Dù dùng những thí dụ như cứu người chết đuối, cứu người bị lửa cháy, vẫn chẳng thể diễn tả lòng thống thiết [của chư Tổ] được. Bỏ qua [sách này] thì chánh tín không thể do đâu mà sanh, tà kiến không thể do đâu mà diệt!

* Hãy nên biết: Chúng ta từ vô thủy đến nay đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Giả sử ác nghiệp có thể tướng thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng*”. Lẽ đâu tu trì lơ mơ, hời hợt, lại tiêu nổi nghiệp ư? Bởi vậy, Thích Ca, Di Đà, giáo chủ hai cõi,

¹⁶ Nguyên văn là “*tân lương*” (bền và cầu), nghĩa bóng là những hướng dẫn chỉ nam.

đau đầu nghĩ đến chúng sanh không có sức đoạn Hoặc, riêng mở ra một pháp môn nương vào từ lực của Phật để đở nghiệp vãng sanh. Lòng hoằng từ đại bi ấy, dù trời đất, cha mẹ cũng chẳng thể bằng được một phần Hằng hà sa. Chỉ nên phát lòng thẹn hổ, phát tâm sám hối, thì mới tự có thể được Phật gia bị, nghiệp tiêu, thân an mà thôi!

* Hòa Thượng Thiện Đạo nói: “Nếu muốn học về Giải, thì hết thầy các pháp từ địa vị phàm phu cho đến địa vị Phật, không pháp nào chẳng nên học. Nếu muốn học về Hạnh, hãy nên chọn lấy một pháp khế lý, khế cơ để chuyên tinh tận sức thì mới mau chứng được lợi ích chân thật. Nếu không, từ kiếp này qua kiếp nọ, vẫn khó xuất ly!” Pháp khế lý, khế cơ như Ngài vừa nói đó không gì hơn là Tín, Nguyện, Trì Danh, Cầu Sanh Tây Phương!

* Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, và kinh Quán Vô Lượng Thọ gọi là Tịnh Độ Tam Kinh, chuyên luận về Sự Lý duyên khởi của Tịnh Độ. Các kinh Đại Thừa khác đều nói kèm thêm Tịnh Độ. Nhưng kinh Hoa Nghiêm chính là khi đức Như Lai mới thành Chánh Giác, vì bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ mà xúng tánh giảng thẳng vào diệu pháp Nhất Thừa. Cuối kinh, Thiện Tài đến tham học với khắp các vị thiện tri thức. Sau khi chứng ngộ như chư Phật, Thiện Tài đồng tử được Phổ Hiền Bồ Tát giảng cho nghe mười đại nguyện vương. Bồ Tát dạy Thiện Tài và khắp Hoa Nghiêm hải chúng hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới ngõ hầu được viên mãn Phật Quả.

Trong Quán Kinh, phần nói về hạ phẩm hạ sanh, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác trọn đủ các điều bất thiện, lúc lâm chung,

tướng địa ngục hiện ra, có thiện tri thức dạy kẻ ấy niệm Phật. Kẻ ấy liền vâng lời dạy, xưng niệm danh hiệu Phật, chưa đầy mười tiếng liền thấy Hóa Thân Phật xòe tay tiếp dẫn vãng sanh.

Kinh Đại Tập dạy: *“Đời Mạt Pháp ực ực người tu hành, hiếm có một người đắc đạo. Chỉ có nương vào Niệm Phật thì mới thoát khỏi sanh tử”*. Do vậy, ta biết pháp Niệm Phật là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu, là pháp dù trí hay ngu đều có thể hành. Thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, nhưng đạt được hiệu quả nhanh chóng. Do chuyên cậy vào Phật lực, nên lợi ích thù thắng, vượt trội những giáo pháp thông thường. Người xưa nói: *“Các môn khác học đạo như kiến bò lên núi cao. Niệm Phật vãng sanh như căng buồm thuận gió, nước xuôi”*, thật rất khéo hình dung vậy!

* Đại Giác Thế Tôn thương các chúng sanh mê trái tự tâm, luân hồi lục đạo, trải

bao kiếp dài lâu chưa thể thoát ra. Do vậy, Ngài hưng khởi Vô Duyên Từ, vận lòng Bi đồng thể, thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, tùy thuận cơ nghi, nói rộng các pháp. Nói đại cương, gồm có năm tông. Năm tông gì? Là Luật, là Giáo, là Thiên, là Mật, là Tịnh. Luật là thân Phật, Giáo là lời Phật, Thiên là tâm Phật. Sở dĩ Phật được gọi là Phật, chỉ là do ba pháp này mà thôi. Sở dĩ đức Phật độ sanh, cũng chỉ là do ba pháp này. Nếu chúng sanh thật sự có thể nương theo Luật, Giáo, Thiên để tu trì thì ba nghiệp của chúng sanh sẽ chuyển thành ba nghiệp của chư Phật. Ba nghiệp đã chuyển thì phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn.

Lại sợ túc nghiệp sâu nặng chẳng thể dễ chuyển, nên dùng sức đà-ra-ni tam mật gia trì để un đúc; giống như tò vò dạn dò sâu minh linh: “*Giống ta, giống ta*”, bầy ngày sau [minh linh] sẽ biến thành tò vò.

Hoặc lại sợ rằng căn khí kém cõi, chưa thể giải thoát, phải thọ sanh lần nữa, sẽ khó tránh khỏi mê lầm; vì thế, đặc biệt mở ra một môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, ngõ hầu dù thánh hay phàm đều cùng vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Bậc thánh bèn mau chứng Vô Thượng Bồ Đề, kẻ phàm vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử trói buộc. Do dựa vào từ lực của Phật, nên công đức, lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Hãy nên biết rằng: Luật là nền tảng của Giáo, Thiên, Tịnh, Mật. Nếu chẳng nghiêm trì giới cấm, sẽ chẳng thể đạt được lợi ích chân thật nơi Giáo, Thiên, Tịnh, Mật. Như lầu cao vạm trượng, nếu nền móng chẳng vững thì chưa cất xong đã sụp. Tịnh là chỗ quy túc của Giáo, Thiên, Tịnh, Mật, như trăm sông, vạn dòng đều đổ vào biển cả. Bởi lẽ, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn để mười phương chư Phật trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh,

thành thi, thành chung. Vì thế trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài được ngài Phổ Hiền gia bị, khai thị, chứng Đẳng Giác. Đức Phổ Hiền lại khuyên Thiện Tài hãy nên phát mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngõ hầu mau viên mãn Phật Quả. Ngài lại dùng pháp này phổ khuyến toàn bộ Hoa Tạng đại chúng [hãy nên tu tập như thế].

Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, phần nói về Hạ Phẩm Hạ Sanh, hạng người Ngũ Nghịch, Thập Ác, sắp đọa địa ngục A Tỳ, được thiện tri thức dạy niệm Phật, niệm mười tiếng hoặc chỉ niệm mấy tiếng bèn mạng chung, vẫn được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương.

Xem đó thì trên từ bậc Đẳng Giác Bồ Tát chẳng thể ra khỏi pháp này, dưới đến kẻ tội Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng có thể chứng nhập pháp này. Công đức, lợi ích của pháp môn này vượt trội [các giáo

pháp khác trong] cả một đời giáo hóa của đức Phật. Bởi lẽ, các giáo pháp khác hoàn toàn dạy dùng tự lực để thoát ly sanh tử. Kẻ chưa đoạn Hoặ, nương vào từ lực của Phật, liền có thể đở nghiệp vãng sanh. Kẻ đã đoạn Hoặ, nếu nương theo từ lực của Phật, sẽ mau lên địa vị cao hơn.

Vì thế, đây là một pháp môn đặc biệt nhất trong cả một đời giáo hóa của đức Phật, chẳng thể dùng những giáo pháp thông thường để bàn luận pháp này được! Do đó, các kinh Đại Thừa như kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v..., các đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền...; các đại tổ sư như Long Thọ, Mã Minh... đều hiển thị, xiển dương, khen ngợi, chỉ dạy, khuyên khắp mọi người vãng sanh.

* Đức Di Đà, đức Thích Ca trong những kiếp xưa, phát đại thệ nguyện độ thoát chúng sanh. Vị này thì thị hiện sanh trong uế độ, dùng như, dùng khổ để chiết

phục, hòng đưa chúng sanh đi. Vị kia thì an cư Tịnh Độ, dùng tịnh, dùng vui nhiếp thọ để lôi kéo, uốn nắn.

Ông chỉ thấy ngu phu, ngu phụ cũng có thể niệm Phật, bèn coi thường Tịnh Độ; sao chẳng thấy trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, sau khi Thiện Tài đã chứng ngộ ngang với chư Phật thì Phổ Hiền Bồ Tát bèn chỉ dạy phát khởi mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hòng viên mãn Phật Quả? Huống hồ Bồ Tát còn đem pháp này khuyến khắp cả Hoa Tạng hải chúng nữa? Hoa Tạng Hải Chúng không một ai là phàm phu hay Nhị Thừa, mà toàn là Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi một địa vị, cùng phá vô minh, cùng chứng pháp tánh, đều có thể do bốn nguyện mà hiện làm Phật trong thế giới không có Phật.

Hơn nữa, trong biển Hoa Tạng, tịnh độ vô lượng, nhưng ai nấy đều hồi hướng

vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đủ biết là vãng sanh Cực Lạc chính là huyền môn để thoát khổ, là đường tắt để thành Phật. Vì thế, từ xưa tới nay, trong tất cả tông lâm Thiên, Giáo, Luật, không đâu chẳng sớm chiều trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương vậy.

* Hết thấy chúng sanh vốn sẵn có trí huệ, đức tướng Như Lai. Chỉ do mê chân theo vọng, quay lưng với Giác, xuôi theo trần lao, nên toàn thể chuyển thành phiền não, ác nghiệp. Vì thế, phải trải bao kiếp dài lâu, luân hồi sanh tử. Như Lai thương xót giảng ra các pháp, khiến họ bỏ vọng, quy chân, ngoảnh mặt với trần lao, xuôi theo giác ngộ, khiến cho toàn thể phiền não ác nghiệp lại trở thành trí huệ, đức tướng. Từ đây cho đến cùng tột đời vị lai, an trụ trong cõi Thường Tịch Quang. Khác nào nước đóng thành băng, băng lại tan thành nước. Thế vốn chẳng khác,

nhưng công dụng thật sự khác nhau một trời một vực.

Nhưng căn cơ chúng sanh có Tiểu, có Đại, mê có cạn, có sâu; Phật tùy thuận cơ nghi của mỗi người ngõ hầu ai nấy đều được lợi ích. Pháp môn Ngài nói ra mênh mông như Hằng sa, nhưng ở trong ấy, cầu lấy pháp chí viên, chí đốn, tối diệu, tối huyền, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít, được hiệu quả nhanh, độ khắp ba căn, thống nhiếp các pháp, thượng thánh hạ phạm cùng chung tu, đại cơ cùng tiểu căn cùng có thể lãnh thọ thì không gì thù thắng, siêu tuyệt bằng pháp môn Tịnh Độ. Vì sao nói như thế?

Hết thấy các pháp môn tuy đốn, tiệm khác nhau, quyền, thật đều khác, nhưng đều phải dụng công tu tập sâu xa mới hòng đoạn Hoặc, chứng Chân, xuất ly sanh tử, siêu phạm nhập thánh. Đó gọi là hoàn toàn cậy vào tự lực, không nương dựa vào điều gì khác. Nếu như còn có

chút Hoặ̃c chưa tận, thì vẫn bị luân hồi như cũ. Đáy đều là [trong các pháp môn khác] phải thấu đạt lý rất sâu, chẳng dễ tu tập. Nếu chẳng phải là hạng sẵn có linh căn từ trước, đời này thật khó lòng chứng nhập. Chỉ có pháp môn Tịnh Độ, bất luận phú quý hay bần tiện, già, trẻ, gái, trai, trí, ngu, tăng, tục, sĩ, nông, công, thương, hết thảy hạng người đều có thể tu tập là do đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh khổ não cõi Sa Bà. Vì thế, so với các pháp môn khác, tu Tịnh Độ đặc quả dễ dàng hơn.

* Một niệm tâm tánh của chúng sanh và một niệm tâm tánh của Phật chẳng hai. Tuy còn mê chưa giác, khởi Hoặ̃c tạo nghiệp, gây đủ các tội, Phật tánh sẵn có vẫn không bị tổn thất. Ví như ma-ni bảo châu vớt trong nhà xí, sánh cùng phân nhơ trợn chẳng khác gì. Kẻ ngu chẳng biết là vật báu, coi giống hệt như phân ứ. Người

trí biết là diệ̣u bảo vô giá, chẳng hiem ô uế, ậ́t vào trong nhà xí nhậ̣t lên, dùng đủ mọi cách gột rửa cho sạch. Sau đó, treo lên tràng cao, châu liên phóng đại quang minh, tùy lòng người muốn gì đều tuôn khắp các thứ báu. Bởi đó, kẻ ngu mới biết là quý báu.

Đại Giác Thế Tôn thấy các chúng sanh cũng giống như vậy: Do hôn mê, điên đảo, Hoặc (phiền não), tạo đủ các nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác, vĩnh viễn đọa trong đường ác tam đồ; Phật không hề có tâm niệm vứt bỏ, luôn tìm kiếm cơ duyên, hiển nhiên hoặc ngấm ngấm gia bị, vì họ thuyết pháp, mong họ giữ sạch Hoặc nghiệp huyễn vọng, ngộ Phật tánh chân thường, mãi cho đến khi viên chứng Vô Thượng Bồ Đề mới thôi. Đối với kẻ tội tà đình, ác cùng cực, cũng vẫn như vậy. Với kẻ tội nghiệp ít, dạy họ tu Giới và Thiện. Với người có sức Thiên Định sâu, không một ai là chẳng [được Phật hóa độ] như vậy.

Phàm là trong tam giới, người nhiếp được tâm, chế ngự các phiền hoặc, nhưng còn chấp thân, tình chủng vẫn còn; một khi phước báo hết, sanh xuống cõi dưới, gặp cảnh, đặng duyên, lại khởi Hoặc, tạo nghiệp. Do nghiệp cảm khổ, luân hồi lục đạo không lúc nào xong! Vì thế, kinh Pháp Hoa bảo: *“Ba cõi không an giống như nhà cháy. Các khổ đầy đầy, thật đáng sợ hãi”*. Nếu chẳng phải là kẻ nghiệp tận, tình không, đoạn Hoặc, chứng Chân, thì chẳng có hy vọng thoát khỏi tam giới.

Nay chỉ có mỗi pháp môn Tịnh Độ, cốt sao có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, liền có thể nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Đã được vãng sanh, liền nhập cảnh giới Phật, thụ dụng như Phật, hai thứ phàm tình và thánh kiến đều chẳng sanh. Thật là ngàn phần ôn hòa, vạn phần thích đáng, là pháp môn vạn phần chẳng thể bỏ sót vậy. Nay đang lúc Mạt Pháp mà bỏ pháp

môn này thì không còn có cách nào khác cả!

* Phật quang chính là bản thể trí huệ có sẵn ngay trong tâm của phàm, thánh, chúng sanh và Phật trong mười pháp giới. Bản thể ấy linh thông, sáng suốt, rộng rang, thấu triệt, trong lặng, thường hằng, bất sanh, bất diệt, vô thủ, vô chung, theo chiều dọc tốt cùng ba đời, nhưng ba đời bởi đó mà mất hết, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, nhưng mười phương bởi đó mà tiêu sạch. Nếu bảo là Không thì vạn đức cùng hiển bày trọn vẹn. Nếu bảo là Có thì mây trần chẳng lập. Chính là hết thấy các pháp, nhưng lìa hết thấy tướng. Tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng. Dù có Ngũ Nhân cũng chẳng thấy được, dầu có Tứ Biện Tài cũng chẳng diễn tả được; nhưng pháp nào cũng phải nương vào sức nó, chỗ nào cũng gặp nó cả.

Nhưng do chúng sanh chưa triệt ngộ,

nên không chỉ chẳng thể thụ dụng; trái lại, còn dùng sức chẳng thể nghĩ bàn ấy để khởi Hoặc, tạo nghiệp. Do nghiệp cảm khổ, đến nỗi sanh tử, luân hồi không lúc nào xong, dùng chân tâm thường trụ để nhận lãnh huyễn báo sanh diệt. Ví như đang say thấy nhà cửa quay cuồng, nhà thật sự chẳng quay; do mê bảo là phương vị di chuyển, phương vị thật sự chẳng dời động! Toàn là do vọng nghiệp hóa hiện, trọn không có pháp nào để đạt được cả!

Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn thị hiện thành Phật đạo, lúc Ngài chứng ngộ triệt đề Phật quang, bèn than: “Lạ thay! lạ thay! Hết thấy chúng sanh đều có đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai; chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Nếu là được vọng tưởng thì Nhất Thiết Trí, Tự Nhiên Trí, Vô Ngại Trí sẽ được hiện tiền”.

Kinh Lăng Nghiêm chép: “Diệu tánh viên minh là các danh tướng, vốn chẳng

có thể giới, chúng sanh. Do vọng mà có sanh; do sanh, nên có diệt. ‘Sanh diệt’ gọi là Vọng. ‘Diệt vọng’ gọi là Chân. Đây gọi là Như Lai Vô Thượng Bồ Đề hay Đại Niết Bàn, hai danh hiệu sử dụng lẫn nhau”.

Ngài Bàn Sơn nói: “Một mảnh trăng tâm lười liềm, nuốt mất ánh sáng muôn vật. Tâm chẳng chiếu cảnh, cảnh cũng chẳng còn. Tâm, cảnh cùng mất, còn là vật gì?”

Ngài Quy Sơn nói: “Linh quang riêng chiếu, thoát khỏi căn - trần. Thể lộ chân thường, chẳng trói buộc bởi văn tự. Tâm tánh chẳng nhiễm, vốn tự viên thành. Chỉ lìa vọng niệm, bèn chính là Như Như Phật”.

Do đây, biết rằng mọi ngôn giáo của Phật, Tổ, không lời nào chẳng nhằm chỉ bày tâm tánh sẵn có của chúng sanh, khiến cho họ bỏ mê trở về ngộ, phản bản hoàn nguyên (trở về nguồn gốc) đó thôi!

Nhưng chúng sanh căn cơ có sâu cạn, mê có dày mỏng, nếu chẳng nhọc nhằn dùng mọi thứ ngôn giáo để khai thị, chỉ dẫn, dùng các thứ pháp môn để đối trị thì mỗi người nhờ đâu mới nhìn xuyên mây mê che lấp tánh Không, thấy thấu triệt vàng tâm nguyệt?

Bởi thế, lúc đức Như Lai mới thành đạo, trước hết Ngài diễn giảng Đại Hoa Nghiêm, luận thẳng vào đại pháp vượt ngoài cửu giới, chẳng xen lẫn với pháp Quyền, Tiểu, ngõ hầu những hàng đại cơ túc căn thành thực đều chứng Chân Thường, vượt lên bên Giác. Lại do độn căn chúng sanh chưa được hưởng lợi ích, Phật liền khéo dẫn dụ dần dần, tùy cơ diễn thuyết, hoặc dùng Ngũ Giới, Thập Thiện để nhiếp phục hai thừa nhân, thiên, khiến họ gieo nhân Phật đạo thù thắng; hoặc là dùng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ Vạn Hạnh để nhiếp phục ba thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát,

khiến họ chứng được cận duyên của Phật đạo. Bắt đầu từ thời A Hàm cho đến thời Bát Nhã, không kinh nào là chẳng tuyên thuyết thuận theo căn tánh của chúng sanh, khiến cho họ lần lượt tiến dần trên đường về nhà. Bốn hoài của Phật vẫn giữ kín chưa nói. Mãi đến thời Pháp Hoa, Phật mới khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bản¹⁷, nhân, thiên, quyền, tiêu đều là Nhất Thừa, khách làm thuê hèn hạ thật sự là con ông trưởng giả! Ba căn đều được thọ ký, phô bày trọn vẹn bốn hoài xuất thế, [hội Pháp Hoa cuối cùng] và hội Hoa Nghiêm ban sơ, đầu cuối chiếu rọi lẫn nhau. Có thể nói là một đại sự nhân duyên đã được giao phó trọn vẹn, không còn giấu diếm chút gì.

¹⁷ Khai Tích hiển Bản: Bản là bản thể, Tích là hình tướng thị hiện. Ví như mặt trăng là Bản, bóng trăng hiện trong các chỗ có nước là Tích. “*Khai Tích hiển Bản*” là chỉ dạy về Pháp Thân, chỉ rõ Ứng Thân. Chẳng hạn trong hội Pháp Hoa, phẩm Như Lai Thọ Lượng, đức Phật chỉ rõ: Thân thuyết pháp trong cõi Sa Bà, thọ tám mươi tuổi là ứng thân thị hiện để dẫn dụ chúng sanh về đạo Nhất Thừa, chứ Pháp Thân của Phật thường trụ bất hoại. Không chỉ riêng thị hiện trong cõi Sa Bà, đức Phật còn thị hiện trong nhiều thế giới khác nhau, dùng nhiều danh hiệu khác nhau để hóa độ chúng sanh.

Lại vì chúng sanh đời Mạt căn cơ hèn kém, thật sự chẳng người nào có thể đoạn Hoặc chứng Chân. Vì thế, Phật đặc biệt mở ra một môn Tịnh Độ, hồng thượng, trung, hạ căn, dù phàm hay thánh, cùng lìa khỏi Sa Bà, sanh về Cực Lạc ngay trong đời này, chúng dần dần vô lượng quang thọ. Lòng từ bi sâu xa to lớn quả thật tốt bậc, không còn gì hơn được nữa!

* Phật pháp rộng sâu như biển cả. Kẻ phàm phu sát đất há có thể một hơi hút sạch tận nguồn, cạn đáy ư? Tuy nhiên, nếu có thể sanh tâm chánh tín, sẽ tự có thể tùy theo sức mình mà được hưởng lợi ích. Ví như Tu La, hương tượng và các loài muỗi mòng cùng uống nước biển cả; loài nào, loài này uống no mới thôi. Đức Như Lai xuất thế tùy thuận chúng sanh thuyết pháp, khiến cho mỗi loài đạt được lợi ích cũng giống như thế. Chúng sanh đời Mạt nghiệp chướng sâu dày, thiện căn cạn

mỏng, tâm trí hẹp kém, thọ mạng ngắn ngủi. Đã thế, tri thức ít ỏi, ma tà, ngoại đạo tung hoành. Tu các pháp môn khác mà muốn đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử ngay trong hiện đời, đúng là một việc hy hữu cực khó. Chỉ riêng pháp Tịnh Độ chuyên cậy vào Phật lực. Thế nên chẳng cần biết đến Đoạn, Chứng, chỉ trọng Tín Nguyện. Nếu có đủ tín nguyện, dầu là hạng tội ác cực đại, sắp đọa A Tỳ địa ngục, vẫn có thể nương vào sức thập niệm, mau chóng được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh. Ôi! Như Lai đại từ phổ độ chẳng bỏ sót một ai. Chỉ có mỗi pháp này tóm thâu trọn khắp nhất!

* Pháp môn Niệm Phật nguyên lai ra sao? Do một niệm tâm tánh của chúng ta giống như hư không thường hằng, bất biến. Tuy thường hằng, bất biến, nhưng lại niệm niệm tùy duyên. Nếu chẳng duyên theo Phật giới, sẽ duyên theo cửu giới.

Chẳng duyên theo tam thừa, sẽ duyên theo lục đạo. Chẳng duyên theo nhân thiên, ắt sẽ duyên theo tam đồ. Do duyên theo nhiệm, tịnh sai khác, nên trở thành quả báo sùng, khổ khác xa.

Dù bản thể trọn chẳng biến đổi, nhưng Tướng và Dụng dĩ nhiên khác biệt một trời, một vực! Ví như hư không, mặt trời chiếu thì sáng, mây đùn thì tối. Tuy bản thể của hư không chẳng vì mặt trời hay mây mà tăng, giảm, nhưng tướng trạng hiện rõ hay ngăn che, cố nhiên chẳng thể nói là cá mè một lứa. Do nghĩa này, Như Lai dạy mọi chúng sanh duyên niệm nơi Phật. Vì thế mới nói: *“Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì hiện tại, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa”*. Lại nói: *“Chư Phật Như Lai là pháp giới thân vào trong tâm tưởng của hết thảy chúng sanh. Vì thế, lúc tâm các người tưởng Phật thì tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ*

đẹp phụ. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biến Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tưởng”. Hễ duyên theo Phật giới thì tâm này làm Phật, tâm này là Phật.

Nếu duyên theo các giới chúng sanh thì tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh. Đã hiểu như vậy rồi mà vẫn chẳng niệm Phật, đúng là chuyện chưa từng có! Pháp Niệm Phật lấy vạn đức hồng danh của Như Lai làm duyên, mà vạn đức hồng danh ấy chính là Vô Thượng Giác Đạo do đức Như Lai đã chứng khi Ngài đắc quả. Do lấy Quả Địa Giác (sự giác ngộ khi đã chứng quả) làm Nhân Địa Tâm (cái tâm dùng để tu nhân), cho nên Nhân trùm biến Quả, Quả thấu tột nguồn Nhân. Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm; như tò vò nuôi nhện, lâu ngày hóa tò vò con¹⁸. Thành Phật ngay

¹⁸ Nguyên văn là “*minh linh*” (một loại sâu cắn lúa). Dịch là “nhện” để thuận theo câu ca dao “*tò vò mà nuôi con nhện...*”. Thật ra, tò vò bắt các loài sâu hay nhện, tiêm nọc cho chúng mê đi, nhưng vẫn sống, rồi bỏ vào ổ có chứa trứng tò vò con để làm môi cho con. Ở đây, Tô

I. Tịnh Độ Thù Thắng

trong đời này, chuyên phạm thành thánh; công năng và lực dụng của pháp này vượt xa hết thảy các pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa của đức Phật. Bởi lẽ, các pháp môn khác đều cạy vào Tự Lực, phải đoạn Hoặc chứng Chân thì mới hòng liễu sanh thoát tử.

Pháp môn Niệm Phật: Tự Lực và Phật Lực cả hai cùng đủ. Bởi thế, người đã đoạn Hoặc Nghiệp sẽ mau chứng Pháp Thân. Người đầy dẫy Hoặc Nghiệp bèn đời nghiệp vãng sanh. Pháp này cực kỳ bình thường, dù là kẻ ngu phu, ngu phụ cũng được hưởng lợi ích; nhưng lại cực kỳ huyền diệu, dầu là Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng thoát khỏi phạm vi của pháp này. Vì thế, không một ai là chẳng thể tu. Thực hiện dễ, thành công cao. Dùng sức ít, hiệu quả nhanh chóng. Đúng là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của Như Lai. Bởi đó, chẳng thể dùng những giáo lý

thông thường để bình luận, phán đoán được! Chúng sanh trong thời Mạt Pháp phước mỏng, huệ cạn, chướng đầy, nghiệp sâu, chẳng tu pháp này, toan cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử, đúng là vạn nan, vạn nan!

* Kể từ Đại Giáo truyền sang Đông (ý nói Phật giáo truyền sang Trung Hoa), Lô Sơn hưng khởi Liên Xã, một xưởng trăm hòa, không đâu chẳng thuận theo; nhưng những vị có đại công làm rạng rỡ Tịnh Tông thì đời Bắc Ngụy có ngài Đàm Loan. Ngài Đàm Loan là bậc chẳng thể suy lường nổi. Do có việc, Ngài phải xuống phương Nam gặp Lương Vũ Đế; về sau Ngài về Bắc, Vũ Đế thường hướng về phương Bắc cúi lạy, nói: “*Loan Pháp Sư là bậc nhục thân Bồ Tát!*”.

Đời Trần - Tùy có ngài Trí Giả. Đời Đường có ngài Đạo Xức, noi theo giáo pháp của ngài Đàm Loan, chuyên tu Tịnh

nghiệp, cả đời giảng ba kinh Tịnh Độ hơn hai trăm lượt. Từ môn đình ngài Đạo Xước, có ngài Thiên Đạo. Cho đến các vị Thừa Viên, Pháp Chiêu, Thiều Khang, Đại Hạnh thì liên phong đã thổi khắp cả trung ngoại (trong và ngoài Trung Hoa). Do vậy, tri thức các tông không ai là chẳng dùng đạo này để mật tu (ngâm tu) hoặc hiển hóa (giáo hóa công khai), tự lợi, lợi tha.

Đối với nhà Thiên, nếu chỉ đề cao hướng thượng thì một pháp chẳng lập, Phật còn chẳng thêm bận tâm tới, huống là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Đây là Chân Đế: Một pháp đã mất, hết thấy đều mất. Nói “*Thật Tế Lý Địa chẳng chấp nhận một mảy trần*” là nói về Tánh Thể. Nếu luận đích xác về mật tu trì thì lại chẳng bỏ một pháp nào, chẳng làm việc thì chẳng ăn, huống hồ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Đây là Tục Đế: Một pháp đã lập thì hết thấy đều lập.

Nói “*Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp*” là nói về Tánh sẵn đủ vậy. Nếu toan bỏ Tục Đế để luận Chân Đế, sẽ chẳng phải là Chân Đế, khác nào bỏ Tứ Đại, Ngũ Uẩn để tìm tâm tánh. Thân đã chẳng còn, tâm gởi vào đâu? Nếu dùng Tục Đế để hiển Chân Đế thì đích thực là Chân Đế. Như ở nơi mắt thì bảo là thấy, ở tai gọi là nghe; tức là dùng Tứ Đại, Ngũ Uẩn để hiển tâm tánh.

Những điều vừa nói trên đây chính là ý chỉ lớn lao của việc chư Tổ ngâm tu Tịnh Độ; nhưng các Ngài chẳng giảng rộng, thuật rõ, nên nếu chẳng hiểu sâu xa ý Tổ, sẽ chẳng thể biết. Cứ theo như quy chế kỳ đảo cho những vị Tăng mắc bệnh và quy cách thiêu hóa, tống táng những vị đã mất do ngài Bách Trượng xác lập, ta thấy đều quy về Tịnh Độ.

Có vị nói: “Tu hành dùng niệm Phật là ôn hòa, thích đáng”. Ngài Chân Hiệt Liễu bảo: “Pháp môn Tịnh Độ chính là để

tiếp dẫn căn khí thượng thượng, chỉ kiêm tiếp dẫn căn khí trung hạ”. Ngài còn bảo: “Trong cả tông Tào Động, hết thấy đều ngàm tu, vì tu Tịnh Độ thấy Phật giản dị hơn Tông Môn rất nhiều”. Ngài cũng bảo: “Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiên, đều tu Tịnh Độ, đồng quy một nguồn”. [Những lời ấy] đủ cho ta thấy được đại khái [quan điểm của các thiền sư thuở ấy].

Cho đến ngài Vĩnh Minh đại sư, bản thân là Cổ Phật, do nương theo bốn nguyện mà xuất thế nên mới lưu lại ngôn giáo rõ ràng, soạn sách lưu truyền, hoằng dương. Ngài lại sợ người học chẳng hiểu rõ đường nẻo, lẫn lộn lợi hại, nên cực lực xướng ra bài kệ Tứ Liệu Giản; có thể nói [Tứ Liệu Giản] là cương tông của cả Đại Tạng. Ngài làm bậc hướng đạo nơi đường rẽ, khiến cho người học chỉ trong tám mươi chữ đốn ngộ đạo trọng yếu thoát sanh tử, chứng Niết Bàn. Tâm lòng đau đáu cứu thế của Ngài đúng là ngàn đời

chưa hề có!

Sau đấy, các tông sư đều lưu lại ngôn giáo rõ ràng, chuyên khen ngợi pháp này như các đại tổ sư Trường Lô Trách, Thiên Y Hoài, Viên Chiếu Bản, Đại Thông Bản, Trung Phong Bản, Thiên Như Tắc, Sở Thạch Kỳ, Không Cốc Long v.v... tuy hoằng dương Thiền Tông, vẫn chú trọng khen ngợi Tịnh Độ.

Đến khi Liên Trì đại sư tham học với Tiểu Nham, sau khi đại ngộ, cân nhắc mọi bề, đề xướng: “Nếu Tịnh nghiệp đã thành, Thiền Tông sẽ tự chứng. Giống như tắm nơi biển cả là đã dùng nước của cả trăm sông. Thân đã đến điện Hàm Nguyên¹⁹, cần gì hỏi Trường An đâu nữa!” Sau đấy, các đại tổ sư Ngẫu Ích, Triệt Lưu, Tĩnh Am, Mộng Đông v.v... không vị nào chẳng đề xướng như vậy. Bởi lẽ, lập cách hóa độ theo thời, pháp phải phù hợp căn

¹⁹ Điện Hàm Nguyên là một cung điện nổi tiếng của nhà Đường ở kinh đô Trường An. Điện này được xây vào năm Long Sóc thứ ba (663), đây là nơi các vua nhà Đường thiết đại triều vào các dịp Nguyên Đán, Đông Chí v.v...

ơ. Nếu không như thế, chúng sanh chẳng thể đắc độ!

Từ đây về sau, Phật pháp suy dần, lại thêm quốc gia gặp lắm biến cố²⁰, pháp luân cơ hồ ngừng chuyển. Dù có bậc trí thức ra sức chống chọi, nhưng chẳng đủ sức, đến nỗi chẳng có ai hỏi đến đạo này. Nếu có ai bàn đến pháp này, người nghe cứ như đang bị làm phiền. May mà còn có một hai vị Tăng, Tục có đại tâm, in khắc lưu truyền, khiến cho những lời giáo huấn của chư Tổ chẳng bị diệt, khiến cho người ta được tạm nghe đến, quả thật chẳng còn gì may mắn hơn!

* Cho đến khi đại giáo truyền sang Đông, Viễn Công đại sư (tổ Huệ Viễn) bèn dùng pháp này lập tông. Lúc đầu, Ngài muốn cùng đồng học là Huệ Vĩnh qua La Phù, nhưng bị pháp sư Đạo An

²⁰ Nguyên văn “*Phát phi, Hồi phi*”, tức là các cuộc biến loạn trong lịch sử Trung Hoa. “*Phát phi*” là giặc tóc dài, tức loạn Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Toàn lãnh đạo. Vì quân Thái Bình Thiên Quốc để tóc dài, không gọt đầu, thắt bím theo quy định của nhà Mãn Thanh, nên gọi là Trường Phát Phi (bọn giặc tóc dài), hay gọi tắt là Phát Phi. Hồi Phi là cuộc phiến loạn của dân theo đạo Hồi ở vùng Tân Cương, Cam Túc dưới thời vua Đồng Trị.
I. Tịnh Độ Thù Thắng

lưu lại. Ngài Huệ Vĩnh bèn một mình đi trước qua Tầm Dương. Thứ sử Đào Phạm ngưỡng mộ đạo phong của Sư, bèn lập chùa Tây Lâm cho Ngài ở. Đây là năm Đinh Sửu niên hiệu Thái Nguyên thứ hai (377) đời Hiếu Vũ Đế nhà Đông Tấn. Đến năm Thái Nguyên thứ chín (Giáp Thân - 384), Viễn Công mới đến Lô Sơn.

Thoạt đầu, Ngài trụ tại Tây Lâm, nhưng bần tu tìm đến quá đông, chùa Tây Lâm chật hẹp không chứa nổi. Thứ sử Hoàn Y bèn bắt đầu dựng chùa tại phía Đông núi, đặt tên là Đông Lâm. Đến ngày Hai Mươi Tám tháng Bảy năm Canh Dần (390 - Thái Nguyên thứ 15), Viễn Công bèn cùng tăng, tục một trăm hai mươi ba người, kết Liên Xã niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, sai ông Lưu Di Dân soạn bài văn khắc vào đá để nêu rõ thế nguyện.

Pháp Sư Huệ Vĩnh cũng dự vào Liên Xã. Vĩnh công sống tại Tây Lâm, trong gian nhà tranh biệt lập trên đỉnh núi. Khi

ây có người đi Thiên hành, đến bên thất Ngài, liền ngửi thấy mùi hương lạ, nhân đó đặt tên là Hương Cốc (hang thơm), như vậy thì suy ra sẽ biết Ngài là người như thế nào.

Lúc Viên Công mới kết xã, có một trăm hai mươi ba người đều là bậc long tượng trong pháp môn, Thái Sơn - Bắc Đẩu trong làng Nho. Do đạo phong của Viên Công lan tỏa nên họ đều rủ nhau tìm tới. Nếu tính suốt cả hơn ba mươi năm trong đời Ngài thì số người dự vào Liên Xã tu Tịnh nghiệp, được tiếp dẫn vãng sanh rất nhiều, không thể tính nổi.

Sau này, các vị Đàm Loan, Trí Giả, Đạo Xước, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh... không vị nào chẳng như thế, tự hành, dạy người. Ngài Đàm Loan soạn Vãng Sanh Luận Chú diệu tuyệt cổ kim. Ngài Trí Giả viết Thập Nghi Luận, diễn giải đến tột cùng lẽ được mất. Ngài soạn Quán Kinh Sớ giảng sâu xa cách quán

tương dựa trên Tam Đế. Ngài Đạo Xước giảng ba kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt. Ngài Thiện Đạo sơ giải ba kinh Tịnh Độ, cực lực khuyên chuyên tu. Ngài Thanh Lương sơ giải Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, nêu rõ ràng ngời đạo rốt ráo thành Phật. Ngài Vĩnh Minh nói Tứ Liệu Giản, chỉ thẳng pháp liễu thoát ngay trong đời này.

Từ xưa, các bậc cao nhân trong các tông, không vị nào lại chẳng hướng lòng về Tịnh Độ, chỉ có các tông sư nhà Thiền lại chuyên ngâm tu, nên không xiển dương rõ rệt. Từ sau khi ngài Vĩnh Minh xướng xuất, các vị mới lưu lại ngôn giáo rõ rệt, thiết tha khuyên tu trì. Vì thế, bài Khuyên Tu Tịnh Độ Văn của Tử Tâm Tân thiền sư có câu: “*Di Đà rất dễ niệm, Tịnh Độ thật dễ sanh*”. Còn viết: “*Người tham Thiền rất nên niệm Phật. Nếu căn cơ độn, chỉ e đời này chưa thể đại ngộ, phải nhờ vào Di Đà nguyện lực tiếp dẫn vãng*

sanh”. Ngài còn viết: “*Nếu ông niệm Phật mà chẳng sanh Tịnh Độ thì lão tăng sẽ đọa trong địa ngục kéo lùi*”.

Tác phẩm Tịnh Độ Thuyết của thiền sư Chân Hiệt Liễu có câu: “Cả một tông Tào Động thấy đều chú trọng ngàm tu. Vì sao vậy? Vì pháp môn Niệm Phật là đường tắt tu hành, thật sự căn cứ theo Đại Tạng, tiếp dẫn căn khí thượng thượng, kiêm tiếp dẫn căn cơ trung, hạ”.

Ngài còn viết: “Bậc đại tượng trong Tông Môn đã ngộ pháp bất hữu bất không, bèn quyết chí khẳng khẳng nơi Tịnh nghiệp. Do Tịnh nghiệp thấy được Phật giản dị hơn Tông môn rất nhiều”.

Ngài còn nói: “Dù Phật hay Tổ, dù Giáo hay Thiền, đồng quy một nguồn. Nhập được pháp môn này thì vô lượng pháp môn thấy đều chứng nhập”.

Thiền sư Trường Lô Trách kết Liên Hoa Thắng Hội phổ khuyến tăng, tục niệm Phật cầu vãng sanh, cảm hai vị Bồ

Tát Phổ Hiền và Phổ Huệ trong mộng đến xin dự hội. Sư liền đề tên hai vị Bồ Tát đứng đầu hội. Đủ thấy pháp này khế lý, khế cơ, chư thánh ngầm khen ngợi.

Trong hai triều Tống Thái Tông và Tống Chân Tông, pháp sư Tĩnh Thường trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Chiết Giang, do hâm mộ đạo phong của tổ Lô Sơn Huệ Viễn, bèn lập Tịnh Hạnh Xã. Văn Chánh Công Vương Đán quy y đầu tiên, làm người chủ xướng. Những bậc tể quan, quyền cao chức trọng, học sĩ, đại phu đều xưng là đệ tử, tham dự Tịnh Hạnh Xã đến hơn một trăm hai mươi người. Hàng sa môn tham dự đến hơn ngàn người, còn thường dân chẳng thể tính nổi số.

Về sau, lại có Lộ Công Văn Ngạn Bác làm quan suốt bốn triều Nhân Tông, Anh Tông, Thần Tông, Triết Tông, xuất tướng, nhập tướng²¹ hơn năm mươi năm, quan

²¹ Xuất tướng nhập tướng (出入将相): Chữ Tướng thứ nhất là tướng cầm quân, chữ Tướng thứ hai là thừa tướng. Tức là nói người đã từng cầm quân bên ngoài, sau về triều làm Thừa Tướng (Thái Sư). Hiểu theo nghĩa rộng là người dù làm quan tại các địa phương hay làm

phẩm đến chức Thái Sư, được phong là Lộ Quốc Công. Ông Văn bình sinh dốc lòng tin Phật pháp, tuổi già càng tận lực hỗ trợ đạo pháp, chuyên niệm A Di Đà Phật. Sáng, chiều, đi, đứng, chưa từng thiếu sót, lười nhác. Ông cùng với pháp sư Tịnh Nghiêm kết xã mười vạn người ở kinh đô để cầu sanh Tịnh Độ. Phần lớn các sĩ đại phu thời ấy đều được ông giáo hóa. Ông có bài tụng như sau:

Tri quân khí đảm đại như thiên,
Nguyện kết Tây Phương thập vạn
duyên,

Bất vị tự thân cầu kế hoạt,
Đại gia tề thượng độ đầu thuyền.

(Tạm dịch:

Biết ngài lớn mật bằng trời,
Xin cùng Tịnh Độ kết mười vạn
duyên,

Cứu thân nào tính kế riêng,
Ai ai đều đã bước lên thuyền rồi!)

Ông thọ đến chín mươi hai tuổi, niệ²m Phật qua đời.

Đời Nguyên - Minh thì có các ngài Trung Phong, Thiên Như, Sở Thạch, Diệu Hiệp. Mỗi vị để lại thi ca, hoặc tạo luận giải thích, không vị nào là chẳng cực lực xiển dương pháp khế lý, khế cơ, suốt trên, tốt dưới này; nhưng các vị Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích là những người thành khẩn, thiết tha tốt bậc nhất.

Đời Thanh có ngài Phạm Thiên Tư Tề và Hồng Loa Triệt Ngộ đều tận lực hoằng dương đạo này. Các tác phẩm Khuyên Phát Bồ Đề Tâm Văn của ngài Phạm Thiên, Thị Chúng Pháp Ngữ của ngài Hồng Loa có thể nói là những tác phẩm tiếp nối chí nguyện cổ thánh, khai phát kẻ học trong mai sau, kinh thiên địa, động quỷ thần. Nếu người học thật sự có thể hành theo đó, không ai chẳng già biệt Sa Bà, cao đẳng Cực Lạc, làm đệ tử của Phật Di Đà, làm bạn hiền trong Hải Hội.

* Cho đến khi nào căn cơ của chúng sanh hết sạch, đức Như Lai mới nghỉ ngơi, nhưng lòng đại bi lợi sanh của Phật chẳng bao giờ cùng tận. Do đó, các vị đại đệ tử phân phát xá-lợi, kết tập Kinh Tạng mong được lưu thông khắp mọi cõi, ngõ hầu tất cả đều được Phật pháp thấm nhuần. Mãi đến đời Đông Hán, đại giáo mới bắt đầu truyền đến [Trung Quốc], nhưng do phong khí chưa mở mang nên chỉ lưu thông ở phương Bắc. Đến đời Tôn Ngô, vào năm Xích Ô thứ tư (241), tôn giả Khang Tăng Khải sang giáo hóa tại Kiến Nghiệp, cảm được xá-lợi của Như Lai giáng lâm, khiến cho Tôn Quyền sanh lòng tin tưởng tột bậc. Họ Tôn bèn sửa chùa, dựng tháp để hoằng dương pháp hóa. Phương Nam bắt đầu được thụ hưởng giáo pháp từ đây.

Đến đời Tấn, giáo pháp lan khắp các nước Cao Ly, Nhật Bản, Miến Điện, An Nam, Tây Tạng, Mông Cổ. Từ đây về sau,

ngày càng hưng thịnh. Đến đời Đường, các tông đã thành lập đầy đủ, có thể nói là cực thịnh. Các tông Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân hoằng Giáo. Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn hoằng Tông. Nam Sơn thì nghiêm tịnh Tỳ Ni (Luật). Liên Tông chuyên tu Tịnh Độ. Giống như các bộ chia nhau coi sóc công việc, hết như sáu căn hỗ trợ nhau. Ấy là vì Giáo là lời Phật, Tông là tâm Phật, Luật là hạnh Phật. Tâm, ngữ, hạnh, ba thứ khó thể tách rời, chỉ là ước trên phương diện chú trọng vào mặt nào mà lập danh.

Chỉ riêng pháp Tịnh Độ thoát nhìn thì là phương tiện để phàm phu nhập đạo, nhưng thật ra, nó là chỗ quy túc rất ráo của các tông. Bởi thế, kẻ sắp đọa A Tỳ được dự vào phẩm chót, bậc đã chứng ngộ ngang với chư Phật vẫn cầu vãng sanh. Lúc đức Như Lai còn tại thế, ngàn căn cơ cùng được nuôi dưỡng, vạn phái đều quy hướng. Sau khi Phật diệt độ, bậc đại sĩ

hoàng pháp ai nấy chỉ hoằng dương một pháp để mong thâm nhập một môn, chư pháp đều dung thông. Ví như ngàn hạt châu nơi cái lưới của Đê Thích, mỗi hạt châu chẳng lẫn vào nhau, nhưng ánh sáng của mỗi hạt châu lại chiếu vào hàng ngàn hạt châu khác, ánh sáng của ngàn hạt châu chiếu vào một hạt châu. Soi rọi lẫn nhau nhưng chẳng tạp, riêng biệt nhưng chẳng thể tách lìa. Kẻ câu nệ vào Thích thì bảo: “Hết thấy các pháp, mỗi pháp đều sai khác”. Kẻ khéo hiểu sẽ nói: “Hết thấy các pháp, các pháp viên thông”. Như bốn cửa thành, gàn cửa nào bèn theo cửa đó mà vào. Cửa tuy khác nhau, nhưng vào thành chẳng khác. Nếu biết ý này thì chẳng phải chỉ có những giáo lý rất sâu do chư Phật, chư Tổ đã nói mới là pháp để “*quy chân đạt bốn*” (thấu hiểu một cách chân thật, thông đạt tận nguồn cội), minh tâm kiến tánh, mà hết thấy Âm, Nhập, Xứ, Giới, Đại v.v... trong khắp thế gian

cũng đều là pháp để quy chân đạt bản, minh tâm kiến tánh! Mà mỗi một pháp cũng chính là chân, là bản, là tâm, là tánh!

Bởi vậy, kinh Lăng Nghiêm coi Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, Thất Đại đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh. Vì thế bảo rằng: Hết thấy các pháp không pháp nào chẳng phải là Phật pháp, cũng như không một ai chẳng phải là Phật. Hiềm rằng chúng sanh châu đeo trong vạt áo, trọn chẳng hay biết, ôm của báu đi ăn xin, chịu khốn cùng oan uổng. Dùng tâm Như Lai tạo nghiệp chúng sanh, dùng pháp giải thoát chịu khổ luân hồi, đáng thương lắm thay! Vì thế, bậc đại sĩ hoằng pháp chẳng nề gian nan, cay đắng, dùng đủ mọi phương tiện để khai ngộ, dẫn dắt, khiến cho chúng sanh hiểu đúng Sự Lý, nhân quả của mười pháp giới, triệt ngộ tự tánh nơi tâm này, ngộ hầu viên chứng rốt ráo.

Từ Đường, sang Tống, sang Nguyên,

sang Minh, đến Thanh, cả một ngàn năm, thanh giáo²² chẳng khuất lấp. Dầu chẳng hưng thịnh bằng thời Đường, nhưng cũng có thể nói là suy t soát. Từ đời Hàm Phong, Đồng Trị trở đi, chiến tranh liên miên, đói kém liên tiếp, cao nhân ngày một hiếm hoi, kẻ dung tục ngày càng nhiều, quốc gia chẳng bận tâm đề xướng, tăng lữ không có sức chấn hưng. Do đó, hàng cao nhân tại gia vì chưa từng nghiên cứu Phật pháp, lầm lạc phỏng theo khuôn sáo cũ của Âu - Hàn (Âu Dương Tu, Hàn Dũ), đến nỗi đạo pháp suy sụp sát đất. Mãi đến cuối đời Thanh, học vấn phát triển, những người có thiên tư cao tìm đọc kinh Phật mới hay gốc đạo chính là đây, mới bèn quyết chí nghiên cứu.

²² Thanh giáo: Giáo pháp của Phật. Do trong thế giới Sa Bà, đức Phật dùng âm thanh thuyết pháp, nên giáo pháp của Ngài còn gọi là Thanh Giáo.

II. KHUYÊN TÍN HẠNH NGUYỆN NÊN CHÂN THÀNH, THA THIẾT

2.1. Giảng về lòng tin chân thành, tâm nguyện tha thiết

* Nói đến Tín là nói phải tin Sa Bà thật sự khổ, Cực Lạc thật sự vui. Sa Bà khổ vô lượng, vô biên. Nói chung, chẳng ngoài tám nỗi khổ, tức là sanh, già, bệnh, chết, ân ái biệt ly, oán ghét nhưng vẫn phải gặp mặt, mong cầu chẳng được thỏa ý, năm ám lũng lầy. Tám nỗi khổ này dù người cả đời giàu sang tốt bực hay kẻ nghèo đến nỗi phải ăn mày, ai nấy đều có. Bảy thứ đầu là quả báo do đời quá khứ cảm thành, cứ suy nghĩ kỹ ắt tự biết, chẳng cần phải nói rõ. Nói rõ sẽ phải tốn nhiều giấy mực.

Nỗi khổ thứ tám (năm ám lũng lũng) là do khởi tâm động niệm cũng như những hành động, nói năng trong hiện tại. Đây chính là cái nhân thọ khổ trong đời sau. Nhân quả vẫn vít lòi kéo liên tục từ kiếp

này sang kiếp khác chẳng thể giải thoát. Ngũ Âm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc chính là cái thân do nghiệp báo cảm thành. Thọ, Tưởng, Hành, Thức là những thứ do tâm huyền vọng khởi lên khi tiếp xúc với cảnh. Do các pháp thân tâm huyền vọng này, bèn đối với sáu trần cảnh khởi Hoặc tạo nghiệp như lửa cháy hùng hực chẳng thể dập tắt, nên bảo là “*xí thịnh*” (熾盛: lòng lầy, hùng hực).

Thêm nữa, Âm (蔭) có nghĩa là ngăn che. Do năm pháp này ngăn che, nên chân tánh chẳng thể hiển hiện, như mây dày che khuất mặt trời. Tuy vàng thái dương rực rỡ trọn chẳng bị tổn giảm, nhưng vì mây che lấp, nên chẳng soi thấu được. Cũng giống như thế, phàm phu chưa đoạn Hoặc nghiệp bị năm pháp này che phủ, bầu trời chân tánh và vàng mặt trời trí huệ chẳng thể hiển hiện. Đây là nỗi khổ thứ tám, chính là cội gốc của hết thảy các khổ.

Người tu đạo sức Thiên Định sâu, đối

với cảnh giới sáu trần trọn không chấp trước, chẳng khởi oán ghét. Từ đây lại gia công dụng hạnh, tiến lên chứng đắc Vô Sanh thì Hoặc nghiệp hết sạch, cắt đứt căn bản sanh tử. Nhưng công phu này đúng là chẳng dễ dàng, trong đời Mạt quả thật khó có ai đạt được. Vì thế, phải chuyên tu Tịnh nghiệp, cầu sanh Cực Lạc, nương vào từ lực của Phật, vãng sanh Tây Phương.

Đã được vãng sanh thì liên hoa hóa sanh, chẳng còn bị Sanh Khổ, thuần mang hình dáng bé trai, thọ ngang hư không, thân không có tai biến. Những danh từ lão, khổ, bệnh v.v... còn chẳng nghe đến, huống là thật sự có! Kề cận thánh chúng, châu hầu Di Đà. Chim, nước, rừng cây, đều diễn pháp âm. Tùy theo căn tánh, nghe xong liền chứng, người thân còn chẳng thấy, huống có oán thù? Mong áo được áo, tưởng ăn liền ăn. Lâu các, đèn đài đều do bảy báu tạo thành, chẳng nhọc

sức người [xây cất], chỉ là hóa hiện. Vậy thì bảy nỗi khổ cõi Sa Bà biến thành bảy điều vui.

Nơi thân có đại thần thông, có đại oai lực, chẳng rời chỗ mình đang ở mà ngay trong một niệm ở khắp các thế giới của chư Phật trong mười phương, làm các Phật sự, thượng cầu, hạ hóa. Tâm có đại trí huệ, đại biện tài; từ nơi một pháp biết Thật Tướng của hết thảy các pháp. Tùy cơ thuyết pháp, chẳng hề lầm lạc. Tuy nói những lời thuộc về Thế Đế, nhưng đều khế hợp diệu lý Thật Tướng. Không có nỗi khổ Ngũ Âm Xí Thạnh, hưởng niềm vui thân tâm tịch diệt. Bởi thế kinh dạy: *“Không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên gọi là Cực Lạc”*.

Sa Bà khổ, khổ chẳng thể nói. Cực Lạc vui, vui chẳng gì ví nổi. Tin sâu lời Phật, trọn chẳng nghi hoặc, mới gọi là Chân Tín. Đừng nên dùng tri kiến ngoại đạo, phạm phu đê so lường lầm lạc, cho

rằng mọi thứ trang nghiêm thù thắng nhiệm màu chẳng thể nghĩ bàn của Tịnh Độ đều là chuyện ngụ ngôn, là thí dụ, là tâm pháp, chẳng phải là cảnh thật. Nếu có các thứ tà kiến, hiểu biết sai lạc như vậy, sẽ đánh mất điều lợi ích thật sự là được vãng sanh Tịnh Độ. Cái hại ấy rất lớn, chớ nên chẳng biết.

* Đã biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui, hãy nên phát thệ nguyện thiết thực, nguyện lìa khổ Sa Bà, nguyện hưởng vui Cực Lạc. Nguyện ấy phải tha thiết như bị rớt xuống hầm xí, cầu được thoát ra gấp. Lại như bị giam cầm trong ngục, đau đớn nghĩ đến quê nhà. Sức mình chẳng thể tự thoát, ắt phải cầu người có đại thế lực cứu cho thoát khỏi.

Hết thấy chúng sanh trong thế giới Sa Bà đối với cảnh thuận, nghịch, khởi tham, sân, si, tạo giết, trộm, dâm, ô uế diệu giác minh tâm sẵn có. Đây chính là hầm xí

không đày. Đã tạo nghiệp ác, ắt phải chịu ác báo, luân hồi sáu nẻo trải nhiều kiếp dài lâu! Đấy chính là chốn lao ngục chẳng hề phóng thích tội nhân. Trong nhiều kiếp quá khứ, A Di Đà Phật đã phát bốn mươi tám nguyện độ thoát chúng sanh, có một nguyện là: “*Nếu có chúng sanh nghe danh hiệu ta, cầu sanh về nước ta, dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng sanh, chẳng lấy Chánh Giác*”. A Di Đà Phật thệ nguyện độ sanh; nhưng nếu chúng sanh chẳng cầu tiếp dẫn, Phật cũng chẳng biết làm cách nào! Nếu như chí tâm xưng danh, thề cầu xuất ly Sa Bà, không một ai chẳng được Phật rủ lòng Từ nhiếp thọ. A Di Đà Phật có đại thế lực, cứu được người đang ở trong hầm phân không đày, hoặc trong lao ngục chẳng hề phóng thích, khiến cho họ thoát ngay những chốn ấy, đặt yên họ nơi quê nhà sẵn có là cõi Cực Lạc, khiến họ nhập cảnh giới Phật, được thụ dụng giống như Phật.

* Phật Di Đà vì chúng ta phát nguyện, lập hạnh, để mong chúng ta thành Phật. Chúng ta trái nghịch hạnh nguyện của đức Di Đà, nên trong bao kiếp dài lâu, ngụp lặn mãi trong lục đạo, vĩnh viễn làm chúng sanh. Hiểu rõ Di Đà chính là đức Phật ở ngay trong tâm chúng ta, ta chính là chúng sanh trong tâm Phật Di Đà. Tâm đã là một, nhưng phạm và thánh cách nhau một trời một vực là do ta cứ một bề mê muội, trái nghịch nên mới đến nỗi như thế. Tín tâm như vậy mới đáng là Chân Tín. Dùng tín tâm này để phát nguyện quyết định vãng sanh, hành hạnh quyết định niệm Phật, ngõ hầu thâm nhập Tịnh Tông pháp giới, thành tựu ngay trong một đời, một phen siêu thăng liền vào thẳng ngay địa vị Như Lai như mẹ con gặp gỡ, vui sướng vĩnh viễn thường hằng vậy!

* Trong sự niệm Phật, trọng yếu nhất là liễu sanh thoát tử. Đã vì liễu sanh tử thì

đôi với nỗi khổ sanh tử, tự sanh tâm chán nhàm; đối với sự vui Tây Phương, tự sanh tâm ưa thích. Như thế thì hai pháp Tín Nguyện sẽ được đầy đủ, trọn vẹn ngay trong khoảnh khắc ấy. Rồi lại thêm chí thành, khẩn thiết như con nhớ mẹ mà niệm, thì Phật lực, tự lực, tự tâm tín nguyện công đức lực, cả ba pháp cùng hiển hiện trọn vẹn, khác nào mặt trời rực rỡ trên không. Dầu mây mù, băng đóng tầng tầng, không bao lâu cũng sẽ tan hết cả.

* Hãy thử hỏi: Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm. Chẳng khẩn thiết thì có đạt được như thế hay chẳng? Không Tín Nguyện thì có đạt được như thế hay chẳng?

* Phàm là bọn hữu tình chúng ta hãy nghe nói đến pháp môn Tịnh Độ thì phải tin Sa Bà khổ tột bậc, Tây Phương vui tột

bạc, phải tin từ nhiều đời đến nay, nghiệp chướng sâu nặng, chẳng cậy vào Phật lực, khó thể xuất ly! Phải nên tin rằng: Cầu được vãng sanh thì ngay trong đời này sẽ được vãng sanh. Phải tin niệm Phật, nhất định được Phật từ bi nhiếp thọ. Dùng một lòng kiên định này, nguyện lìa Sa Bà như kẻ tù muốn thoát khỏi lao ngục, trọn chẳng có tâm lưu luyến. Nguyện sanh Tây Phương như lữ khách mong quay về cố hương, chẳng hề có ý niệm do dự. Từ đó, tùy phận, tùy lực, chí tâm trì niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, chẳng luận là nói năng, im lặng, động, tịnh, đi, đứng, nằm, ngồi, đón tiếp khách khứa, mặc áo, ăn cơm, giữ sao cho Phật hiệu chẳng lìa tâm, tâm chẳng lìa Phật.

* Kinh A Di Đà nói: “Từ đây đi qua Tây Phương khởi mười vạn ức cõi có thể giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật hiệu A Di Đà, nay hiện đang thuyết pháp”. Kinh

còn dạy: “Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh cõi ấy không có các điều khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên gọi là Cực Lạc”. Không có các điều khổ, chỉ hưởng những điều vui là do được trang nghiêm bởi phước đức, trí huệ, thần thông và đạo lực của A Di Đà Phật.

Thế giới chúng ta đang sống có đủ cả ba khổ, tám khổ, vô lượng các nỗi khổ, hoàn toàn chẳng vui. Vì thế, gọi là Sa Bà. Tiếng Phạn là Sa Bà, Hán dịch là Kham Nhẫn, ý nói: Chúng sanh trong thế giới này có thể kham chịu các thứ khổ. Trong thế giới này, chẳng phải là không có điều vui, nhưng những điều được coi là vui ấy, phần nhiều là khổ. Chúng sanh mê muội lại ngược ngạo coi đây là vui, như mê rượu, đắm sắc, săn bắn, bầy rập, có gì là vui? Một lũ ngu phu đắm đuối chẳng bỏ được, thích thú đến quên mệt nhọc, thật đáng xót thương!

Những điều dù thật sự là vui cũng

khó lâu bền! Chẳng hạn như cha mẹ cùng còn sống, anh em không xảy ra chuyện gì; chuyện như vậy làm sao thường hằng được mãi? Vì thế, cảnh vui sướng vừa thoáng qua, tâm đau buồn liền tiếp theo ngay, nên bảo là “*trọn chẳng có gì vui*”, chẳng cần phải bàn nữa! Sự khổ trong thế giới này chẳng thể nói trọn hết, nhưng có thể dùng tam khổ, bát khổ để bao quát không sót.

Ba khổ là:

Khổ Khổ.

Vui (lạc) là Hoại Khổ.

Chẳng khổ chẳng vui là Hành Khổ.

1) Khổ Khổ là nói thân tâm Ngũ Âm này thể tánh bức bách, nên gọi là Khổ. Lại còn phải luôn chịu đựng các nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết v.v... nên gọi là Khổ Khổ.

2) Hoại Khổ là bất cứ sự gì trong thế gian cũng chẳng được bền lâu. Mặt trời giữa Ngọ phải chệch về Tây, trăng đầy rồi khuyết, đạo trời còn phải như thế, huống

là việc người? Cảnh vui vừa chớm, cảnh khổ đã đến ngay. Nỗi khổ ấy chẳng thể diễn tả nổi! Vì thế, gọi Lạc là Hoại Khổ.

3) Hành Khổ là tuy chẳng khổ, chẳng vui, tựa hồ phải chẳng, nhưng tánh nó đòi đổi, có gì là thường trụ? Vì thế, gọi là Hành Khổ.

Nêu lên ba thứ khổ ấy (Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ) thì không có nỗi khổ nào chẳng gộp trong ấy. Ý nghĩa tám khổ trong các sách đã thuật rõ. Nếu biết cõi này là khổ thì tâm chán nhàm Sa Bà sẽ bừng bừng phát sanh. Nếu biết cõi kia là vui thì ý niệm ưa thích, mong cầu Cực Lạc sẽ hưng hực phát khởi. Do vậy, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành để bồi đắp nền tảng. Lại dùng tâm chí thành, khẩn thiết trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương thì thoát được cõi Sa Bà này, sanh về cõi Cực Lạc kia, làm bạn đích thực của đấng Di Đà, làm bạn hiền trong Hải Hội vậy!

* Xem cõi Sa Bà này như xấu còn hơn nhà xí. Tin cõi Cực Lạc kia chính là quê nhà chính mình vốn sẵn có. Chẳng cầu phước lạc cõi trời, cõi người trong đời này hay đời sau, chỉ nguyện khi báo hết mạng tận, được Phật tiếp dẫn vãng sanh. Sáng tối như thế, niệm đâu chú trọng đấy, niệm đến tột bậc, công lao thuần thực, cảm ứng đạo giao, lúc lâm chung, ắt được thỏa nguyện. Đã sanh về Tịnh Độ, sẽ đón ngộ Vô Sanh, nhìn lại phú quý thế gian khác nào ánh dương diễm²³, hoa đóm trên hư không, thật đúng là nhà ngục, biển độc mà thôi!

2.2. Khuyên trừ nghi sanh tín

* Pháp môn Tịnh Độ nếu tin cho tới nơi, còn gì tốt lành hơn! Nếu trí ta chưa quyết, hãy nên tin tưởng lời chân thành của chư Phật, chư Tổ, trọn chẳng nên có

²³ Dương diễm (mirage): Ảo ảnh do sức nóng hay ánh nắng soi lên các lớp không khí lạnh hay nóng khác nhau tạo thành, trông xa giống như có nước đọng.

một niệm nghi tâm. Nghi sẽ chẳng tương ứng chur Phật, lâm chung nhất định khó thể cảm thông. Cổ nhân bảo: “*Pháp môn Tịnh Độ chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu trọn vẹn. Hàng Đăng Địa Bồ Tát²⁴ chẳng biết chút phần*”. Hàng Đăng Địa Đại Sĩ còn chẳng thể biết hết, huống hồ là hạng phàm phu lè tè sát đất mà lại lâm lạc sanh tâm ước đoán ư?

Nếu tâm sanh tử thật sự thiết tha, tin tới nơi, tâm chẳng sanh một niệm ngờ vực, dù chưa ra khỏi Sa Bà, đã chẳng còn là khách trọ lâu ngày trong chốn Sa Bà; tuy chưa sanh về Cực Lạc, nhưng đã là khách quý cõi Cực Lạc. Thấy người hiền mong ta được bằng, gặp điều nhân, đừng để lỡ. Há có nên do dự, lười nhác, sao nhãng, để đến nỗi một phen lâm lỡ khiến mình bị lỡ làng mãi mãi ư? Là trang nam nhi có huyết tánh, dứt khoát chẳng chịu sống làm thầy đi, thịt chạy, chết mục nát như cỏ

²⁴ Đăng Địa Bồ Tát còn gọi là Địa Thượng Bồ Tát, chính là bậc Bồ Tát đã chứng từ Sơ Địa trở lên.

cây. Hãy gắng lên, hãy cố lên!

* Trong các pháp môn khác, tiểu pháp thì đại căn chẳng cần tu, đại pháp thì tiểu căn chẳng thể tu. Chỉ có một pháp Tịnh Độ này thích ứng khắp ba căn, gồm thân lợi độn. Trên thì Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, không vị nào vượt ra ngoài pháp này; dưới thì Ngũ Nghịch, Thập Ác, chủng tánh A Tỳ cũng được dự vào. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này, chúng sanh đời Mạt muốn liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, tuyệt chẳng có chút hy vọng gì! Tuy pháp môn này rộng lớn như thế, nhưng cách tu lại cực giản dị. Bởi lẽ đó, chẳng phải là người có thiện căn Tịnh Độ từ kiếp trước, sẽ khó thể tin chắc chẳng nghi. Chẳng riêng phàm phu không tin, phần nhiều hàng Nhị Thừa cũng nghi. Không chỉ Nhị Thừa chẳng tin, quyền vị Bồ Tát vẫn có người còn nghi. Chỉ có các vị Bồ Tát Đại Thừa địa vị cao sâu mới có

thể triệ²t đê² tin tưở²ng, chẳ²ng nghi.

Người sanh lòng tin sâu xa nơi pháp này, dù là phàm phu đầy dẫy triền phược, nhưng chủng tánh đã vượt trội Nhị Thừa, khác nào Thái Tử ngã xuống đất vẫn quý hơn quần thần. Tuy tài đức chưa lập, nhưng cậy vào thế lực của cha, nên cảm được báo như thế. Người tu Tịnh Độ cũng giống như vậy. Do dùng tín nguyện trì danh hiệu Phật, nên có thể đem tâm phàm phu gieo vào biển giác của Phật. Bởi thế, ngầm thông Phật trí, ám hợp đạo mầu.

Muốn bàn về pháp tu trong Tịnh Độ mà chẳ²ng nói đại lược sự khó khă²n của các pháp cậy vào tự lực để liễu thoát và sự dễ dàng của pháp cậy vào Phật lực này, thì [người nghe] nếu chẳ²ng nghi pháp, cũng sẽ nghi chính mình. Nếu tâm có chút mảy may nào nghi ngờ, sẽ do nghi thành chướng; đừng nói là không tu, dù tu, cũng chẳ²ng đạt được lợi ích thật sự. Do vậy phải nói: Tín là một pháp chẳ²ng thể không

gấp gáp giảng giải, để mong gây dựng sâu xa đến cùng cực vậy!

* Pháp môn Tịnh Độ do Phật Thích Ca và Phật Di Đà kiến lập, do Văn Thù, Phổ Hiền chỉ dẫn đưa về, do Mã Minh, Long Thọ hoằng dương, do các vị Khuông Lô (Huệ Viễn), Thiên Thai (Trí Khải), Thanh Lương, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích phát huy, xướng suất để khuyến rộng khắp, dù phàm hay thánh, dù ngu hay trí. Các vị Bồ Tát đại sĩ ấy từ trăm ngàn năm trước, sớm đã vì chúng ta nghiên cứu khắp các giáo pháp trong Đại Tạng, đặc biệt chọn ra pháp “chẳng cần đoạn Hoặc nghiệp mà được dự ngôi Bồ Xứ” này, ngay trong một đời này quyết định sỏ lòng, chí viên, chí đốn, cực kỳ giản dị, thống nhiếp Thiên, Giáo, Luật, lại vượt xa Thiên, Giáo, Luật, cho dù căn cơ cạn hay sâu, dù Quyền hay Thật. Thật là một diệu pháp thật đặc biệt, siêu việt lẽ thường!

Chúng ta chẳng tin tưởng Phật, Tổ, chẳng lấy cô nhân làm thầy, há các Ngài chẳng bằng những vị tri thức cận đại hay sao? Kinh Hoa Nghiêm là vua trong Tam Tạng, cuối kinh quy kết, chú trọng nguyện vương. Hoa Tạng hải chúng đều đã chứng Pháp Thân, đều cầu vãng sanh hồng viên mãn Phật Quả. Bọn ta là hạng người gì, mà lại dám chẳng bắt chước theo? Hãy bỏ tâm ngông cuồng ấy, tận lực thực hành đạo này. Công đức lợi ích sẽ tự chứng biết. Há phải đợi tham học trọn khắp rồi mới thành hạng biết pháp ư?

* Luận bàn xác thực thì pháp môn Đại Thừa, pháp nào cũng viên diệu; nhưng căn cơ có sống, chín, duyên có cạn, sâu. Bởi thế, xét về mặt lợi ích bèn có “khó được” và “dễ được”. Tổ Thiện Đạo là hóa thân của Phật Di Đà, đã dạy chuyên tu. Ngài chỉ e hành nhân tâm chí bất định, bị các thầy trong những pháp môn khác lung lạc,

nên bảo: Cho dù thánh nhân Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, và Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hội Hương, Đẳng Giác Bồ Tát, cho đến thập phương chư Phật tận hư không, trọn pháp giới hiện thân, phóng quang, khuyến ta bỏ pháp Tịnh Độ, giảng cho pháp thù thắng nhiệm mầu nào khác, ta cũng chẳng chịu nhận. Thừa là *“do lúc ban đầu đã phát tâm chuyên tu Tịnh Độ, chẳng dám trái nghịch nguyện ấy”*.

Hòa Thượng Thiện Đạo đã sớm thấy người đời sau đứng núi này trông núi nọ, chẳng có kiến giải nhất định. Vì thế, Ngài nói như vậy để dốc cạn hết sức hồng xoay chuyển cái tâm ngấp nghé cuồng vọng, ưa ham cầu [của người đời sau]. Ai đã biết ngài Thiện Đạo là thầy mà lại chẳng tuân theo? Thế mà người tuân theo lời Ngài thật chẳng được mấy! Có phải là do túc thế ác nghiệp sai khiến đến nổi ngoảnh mặt bỏ lẽ pháp khế lý, khế cơ bậc nhất

này, không Thiên, không Tịnh Độ, nghiệp thức mịt mờ, làm kẻ không có cội rễ để nương cậy trong nẻo luân hồi đó chăng? Áo nào thay!

* Tu hành Tịnh Độ có cái lẽ quyết định chẳng nghi. Chẳng cần phải hỏi người khác có hiệu nghiệm hay không! Dù khắp cả người đời không ai được hiệu nghiệm, cũng chẳng sanh một niệm nghi tâm, cứ lấy lời lẽ chân thành của Phật, Tổ làm căn cứ. Nếu hỏi người khác về sự hiệu nghiệm, chính là tin Phật chưa đến mức cùng cực, nên phải dùng lời lẽ người khác để đoán định. Đó chính tâm vẫn còn so đo, chưa thể trọn vẹn mọi sự. Nam nhi anh liệt quyết chẳng đến nỗi bỏ lời Phật để tin lời người, trong tâm không có chủ ý, chỉ muốn cậy vào lời người khác khoe khoang hiệu nghiệm để hướng dẫn tiền đồ của chính mình. Chẳng đáng buồn ư?

* Do tập khí, mỗi chúng sanh có điểm riêng thiên trọng. Kẻ ngu thiên về cái tầm thường, hèn kém. Người trí thiên về điều cao thượng. Nếu kẻ ngu cam phận ngu, dụng tâm chẳng tạp loạn, chuyên tu Tịnh nghiệp, sẽ ngay trong đời này quyết định được vãng sanh. Như vậy, dù ngu, nhưng chẳng có ai bằng được! Nếu là người trí, chẳng tự đắc có trí, vẫn theo đuổi pháp môn cây vào từ lực của Phật, cầu sanh Tịnh Độ, thì có thể nói là bậc đại trí. Còn như cây vào kiến giải của chính mình, miệt thị Tịnh Độ; sẽ thấy kẻ đó từ kiếp này sang kiếp khác trầm luân trong ác đạo, muốn học đòi theo kiểu ngu phu ngày nay cũng trọn chẳng thể được!

Những người thông hiểu sâu xa Tánh, Tướng, Tông, Giáo, tôi thực sự ái mộ, nhưng chẳng dám học theo. Vì sao? Vì dây ngắn chẳng kéo được nước sâu, giấy nhỏ chẳng thể gói vật lớn. Tôi chẳng bảo là hết thấy mọi người đều nên phỏng theo

việc tôi làm, nhưng nếu cũng hèn kém như tôi, mà lại toan học theo hành vi của bậc đại thông gia, toan tiến thẳng vào diệu ngộ tự tâm, xoay lật biên giáo, tôi chỉ e chẳng thể thành bậc đại thông gia, trái lại còn bị hàng ngu phụ, ngu phụ thật thà niệm Phật, vãng sanh Tây Phương thương xót! Há có phải là biến khéo thành vụng to, toan bay lên không, nhưng lại bị rớt xuống vực sâu thăm thẳm đó chăng? Một lời đủ để bao quát hết: Hãy tự xét kỹ căn cơ của chính mình mà thôi!

* Ông La Đài Sơn chẳng được vãng sanh, lại bị đọa vào nơi phước báo, là do tập khí văn chương quá nặng. Tập khí ấy đã nặng, dù nói là niệm Phật, nhưng thực ra niệm niệm đặt nơi công phu sáng tác văn chương. Công phu niệm Phật chỉ là chống đỡ mặt ngoài đó thôi. Đây là căn bệnh chung của văn nhân, chẳng phải chỉ riêng Đài Sơn thôi đâu! Phật bảo Thế Trí

Biện Thông là một trong tám nạn chính là vì lẽ này.

* Người sống trong cõi đời, nhất nhất phải theo đúng bốn phận của mình, chẳng thể vọng tưởng tính toán ra ngoài bốn phận. Tức là như thường nói: “*Quân tử chẳng vượt ra ngoài phận vị của mình*”. Cũng như nói: “*Quân tử chỉ làm đúng theo phận vị của mình*”. Tuy ông hơi sanh lòng tin đối với pháp môn Tịnh Độ, nhưng vẫn còn ý niệm ham cao, chuộng xa, chưa thể buông xuống. chưa chịu đặt mình vào địa vị ngu phu, ngu phụ. Cần phải biết liễu sanh tử thì ngu phu, ngu phụ dễ dàng do tâm họ chẳng có dị kiến. Nếu là bậc thông Tông, thông Giáo, có thể buông xuống toàn thân, thực hiện công phu của hàng ngu phu, ngu phụ thì cũng dễ dàng. Nếu không, bậc cao nhân thông Tông, thông Giáo lại chẳng bằng ngu phu, ngu phụ đời nghiệp vãng sanh! Pháp môn Tịnh

Độ lấy vãng sanh làm chủ, tùy duyên, tùy phận chuyên tinh chí mình, Phật quyết chẳng dối người. Nếu không, mong bay lên hóa ra lại rớt xuống; đây là tự mình làm lẫn, há có phải là lỗi của Phật ư?

* Một pháp Tịnh Độ chính là pháp môn tối huyền, tối diệu, chí viên, chí đốn trong giáo pháp của cả một đời đức Phật (một pháp có đủ hết thấy các pháp là Viên. Tu ngay trong đời này sẽ chứng đắc ngay trong đời này, nên bảo là Đốn). Hạng phàm phu lè tè sát đất cũng được vào pháp này, bậc Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng ra khỏi pháp này. Thật sự là một con đường tắt để thượng thánh hạ phàm chóng thành Phật đạo, là một chiếc thuyền Từ phổ độ chúng sanh của chư Phật, chư Tổ. Chẳng sanh tín tâm đối với pháp này, hoặc tin chẳng chân thành, thiết tha, chính là do nghiệp chướng sâu nặng, chẳng kham liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập

thánh, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn thường luân hồi trong lục đạo nơi thế giới này, chẳng có thở thoát ra. Dầu được làm thân trời, người, thời gian ấy rất ít, như khách chỉ ở trọ. Một phen đọa trong tam đồ, thời gian ấy rất dài như ở yên nơi quê nhà. Mỗi lần nghĩ đến, tâm kinh sợ, lông tóc dựng đứng, nên chẳng nề hà rát miệng khẩn thiết bảo ban những người cùng một căn tánh.

* Xem kỹ thơ ngài gởi đến, bàn luận nhiều điều, nhưng có thể nói gọn một lời là “*chỉ dùng trí kiến phàm phu để suy lường xằng bậy Phật trí mà thôi*”! Và như chúng ta từ sống đến chết, trong là thân tâm, ngoài là cảnh giới, có một ai biết rõ nguyên do của mọi sự hay chẳng? Từ khi chính mình có hiểu biết đến nay, thấy tiền nhân làm như thế nào, ta cũng bắt chước làm đúng như thế ấy thì thân thể mới được thành lập, mọi sự mới thuận tiện, thích đáng, thân tâm an lạc, từ sống đến chết,

thụ dụng tự tại. Đối với những lời khuyên dụ của đức Như Lai, do chẳng biết ngọn ngành Phật trí và ngọn ngành Tịnh Độ như thế nào, nên dù Phật, Tổ nói lời thành thực, cũng chẳng thể nhân đó sanh lòng tin.

Xin lấy chuyện này để xét: Các hạ suốt ngày ăn cơm, suốt ngày mặc áo, có biết nguồn gốc của việc chống đói và ngăn lạnh hay chẳng? Nếu nói là biết thì ai là người biết, xin hãy chỉ ra đích xác. Nếu chỉ không được, vẫn là theo quy củ của tiền nhân đã lập mà ăn cơm, mặc áo! Sao lại đối với diệu pháp liễu sanh thoát tử bậc nhất, cứ đòi phải biết trước cội nguồn rồi mới sanh lòng tin, trọn chẳng chịu do lời thành thật của chư Phật, chư Tổ mà sanh lòng tin vậy?

Hơn nữa, nếu các hạ có bệnh cần phải uống thuốc, trước hết, xem trọn các sách Bản Thảo, Mạch Quyết để biết dược tánh, nguồn gốc căn bệnh rồi căn cứ trên bệnh

chứng mà kê toa, sau đấy mới uống thuốc; hay là lập tức mời thầy lang chẩn mạch, lập tức uống thuốc? Nếu lập tức uống thuốc thì việc trị bệnh và học Phật mâu thuẫn với nhau quá sức! Dù cho có mở sách Bản Thảo, Mạch Quyết ra xem để biết được tánh, gốc bệnh, cũng vẫn mâu thuẫn với việc học Phật. Vì sao vậy? Bản Thảo, Mạch Quyết đều là lời đề đời của tiền nhân. Ông chưa thể tận mắt thấy, làm sao tin được? Nếu bảo những câu trong Bản Thảo và Mạch Quyết chẳng thể không tin thì lời của Phật, Tổ, thiện tri thức sao lại đều chẳng sanh lòng tin, cứ phải chính mình trông thấy rồi mới tin? Đối với tri kiến của ông, nếu cứ thực tình mà luận thì trước hết phải thấy thuốc ấy chạy vào kinh lạc nào, trị được bệnh nào, rồi mới chịu kê toa, uống thuốc; quyết chẳng chịu dựa theo những điều nói trong Bản Thảo, Mạch Quyết để lập toa, uống thuốc. Vì sao vậy? Vì chưa từng thấy.

Nay nguồn gốc của việc chống đối, ngăn lạnh, trị bệnh đều chưa từng thấy, nhưng vẫn cứ ăn cơm, mặc áo, uống thuốc; thế thì ngọn nguồn của Phật và Tịnh Độ chưa từng thấy, ngay cả lời thành thật của Phật, của Tổ cũng chẳng tin là vì lẽ gì? Với điều này thì coi là chuyện liên quan đến tánh mạng, tuy không biết, vẫn chẳng dám không làm đúng như thế. Còn với chuyện kia, lại tự phụ cao minh, đòi phải thấy tốt cùng rồi mới chịu tu trì pháp ấy. Bao nhiêu bậc hào kiệt phi thường xưa nay, do tri kiến đó, rốt cuộc chẳng được hưởng lợi ích thật sự nơi Phật pháp.

Những kẻ bị coi là ngu phu, ngu phụ kia, thoát đầu cũng chẳng biết gì, nhưng y theo quy củ đã thành lập của tiền nhân, cắm đầu niệm Phật. Bởi đó, ngầm thông Phật trí, thâm hợp đạo mầu, liền được đới nghiệp vãng sanh, cùng với kẻ đoạn Hoặc vãng sanh đều sẽ chứng Phật Quả. [Vậy thì] có trỗi vượt kẻ chỉ hiểu biết suông rồi

thôi chǎng? Loại người tự mệnh danh là bậc lỗi lạc, do nghi ngờ nên báng bổ, sẽ từ kiếp này sang kiếp khác đọa mãi trong ác đạo, dù hàng ngu phu, ngu phụ niệm Phật vãng sanh thương xót muốn cứu vớt cũng chẳng thể được! Vì sao? Vì hạng này bị ác nghiệp bất tín đời trước chướng ngại. Trí của các hạ như [bảo kiếm] Can Tương, Mạc Gia, chặt ngọc như chém bùn. Do chẳng khéo dùng trí ấy, khác nào dùng thanh Can Tương, Mạc Gia để chém bùn, bùn không việc gì, uổng phí kiếm sắc, chẳng đáng buồn hay sao?

* Phật pháp là tâm pháp. Hết thấy các pháp thế gian chẳng thể sánh ví được. Có sánh ví chẳng qua là để khiến cho người ta lãnh hội ý nghĩa. Chớ nên chấp chết cứng rồi ngỡ chúng giống hết như nhau. Dùng cái quạt để ví mặt trăng, rung cây để nói về gió. Nếu cứ tìm quang minh từ nơi cái quạt, tìm sự phát phơ nơi

cây, có còn đáng gọi là trí hay chẳng? Tuy mộng cảnh là giả, nhân quả là chân, cũng chẳng ngại dùng mộng cảnh để tỷ dụ nhân quả, cốt sao chúng phù hợp nhau. Vì sao? Vọng tâm là Nhân, mộng cảnh là Quả. Nếu không có vọng tâm, chắc chắn chẳng có mộng cảnh. Điều này nhất định chẳng dễ luận. Tâm thiện ác và tu trì là Nhân, đạt được quả báo thiện ác và quả báo tu trì là Quả. Các hạ có tin hay không? Vọng tâm là nhân của mộng, [do nhân ấy] mà có mộng cảnh. Tâm niệm Phật là cái nhân thành Phật, gần là được vãng sanh Tây Phương, xa là rốt ráo viên thành Phật đạo. Đây chính là điều ngài đang nghi, ngăn trở ngài phát khởi lòng tin vậy!

* Hãy để chuyện Phật rốt ráo là có hay không lại đó. Các hạ cứ muốn cật vấn Phật là có hay là không, hãy tự hỏi chính các hạ rốt ráo là có hay là không? Nếu bảo

là không, những điều cà kê như trên, ai là người thuật nói? Nếu bảo là có, xin hãy chỉ đích xác! Lời lẽ của người nói chỉ là do yết hầu và thức tâm hợp lại mà có. Văn tự cũng do thức tâm, tay, bút vận động mà hiện. Mỗi mỗi đều chẳng ngoài Ngũ Uẩn Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đều chẳng phải là bản thân các hạ! Rời ngoài năm pháp này, có chỉ được ai là các hạ để hỏi Phật rốt ráo là có hay không, mà [các hạ cứ] ngỡ đó là câu hỏi đại trí huệ?

Nếu chẳng chỉ ra được chính mình là có hay không, nhưng lại muốn biết Phật là có hay không trước đã, thì đây chỉ là câu hỏi cuồng vọng, chẳng đáng luận tới, chẳng phải là câu hỏi thấu đạt lý đến cùng tận! Phật rốt ráo là có. Vì phàm tình của ông chưa gột sạch, nên Phật chẳng thể hiện. Chính các hạ cũng là có. Do Ngũ Uẩn của ông chưa là không, nên cũng chẳng thể lìa Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức để chỉ ra được!

* Kinh Kim Cang dạy hàng Bồ Tát phát tâm Bồ Đề, phát tâm độ hết thảy chúng sanh, khiến cho họ đều chứng Vô Dur Niết Bàn, nhưng chẳng thấy có một chúng sanh được diệt độ. Chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bồ thí. Bồ thí đứng đầu trong lục độ vạn hạnh. Nêu lên bồ thí thì trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, trí huệ, cho đến vạn hạnh cũng đều chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để tu. Kinh văn giản lược, chỉ nêu ra bồ thí để nói chung tất cả các pháp kia. Hãy nên không trụ vào đâu để sanh tâm. Không có các tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả mà tu hết thảy thiện pháp. Nói như vậy thì nên bảo là hữu tướng hay vô tướng?

Tướng quang minh rộng lớn như thể chặt kín thái hư mà bảo là không thì khác gì mù lòa từ lúc mới sanh? Nói “*không có một chúng sanh được độ*” là chẳng trụ vào

tướng, vô tướng. “*Vô sở trụ*” là muốn cho con người chẳng vướng mắc trong phạm tình lẫn thánh kiến để rồi chấp trước tướng.

Nói “*độ tận chúng sanh, hành bố thí, sanh tâm, tu thiện pháp*” là muốn cho con người xứng tánh tu tập pháp tự lợi, lợi tha, ngõ hầu mình lẫn người cùng được viên mãn Bồ Đề mới thôi. Đừng vướng vào đó, vọng chấp vô tướng là rất ráo, chia sẻ cùng một tri kiến với kẻ nhai bã hèm, có đáng gọi là người có trí huệ chẳng? Tín có gì là khó khởi, nghi có gì là khó trừ? Ông quyết định chẳng chịu khởi, quyết định chẳng chịu trừ. Dù Phật có đích thân thuyết pháp cho ông, cũng chẳng làm sao được! Huống hồ tôi đây chỉ là kẻ phàm phu đầy dẫy triền phược?

* Muốn biết Phật là thật hay giả, sao chẳng đối với những lý được bàn trong Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trực Chỉ và

những chuyện được chép trong ấy mà phát khởi lòng tin, dứt lòng nghi? Lại cho rằng những ngôn luận, sự tích ấy chỉ là chuyện bịa đặt, lời đồn, chẳng đáng để vào mắt vậy? Nếu nghĩ như vậy, linh hồn nhất định chẳng đọa trong năm đường khác, chỉ ở ngay trong địa ngục A Tỳ cho đến hết đời vị lai, cứ mãi mãi thụ dụng vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao do tâm hiển hiện, cứ coi chúng như các thứ lạc cảnh tự tại để thụ dụng. Đã coi những điều đó là vui thì chẳng thể khuyên dụ được nữa!

Ông cứ muốn biết Phật là thật hay giả, dù Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ nói gì đi nữa đều coi là chẳng thật; chỉ những gì chính mình đích thân thấy, đích thân chứng, mới công nhận là thật; nay tôi lấy một sự tướng để hỏi, ông nên thẳng thắn đáp lời, chẳng được hàm hồ, thoái thác!

Ông Vương Thiết San ở Bắc Thông Châu vào thời nhà Thanh trước kia từng

giữ chức Phiên Đài ở Quảng Tây. Khi ấy, Quảng Tây thổ phỉ rất nhiều. Lúc ông Vương coi việc binh bị, bèn bày kế diệt hết phỉ đảng, bắt giết rất nhiều. Bốn năm trước đây, ông mắc bệnh rất nặng. Cứ chợp mắt liền thấy chính mình ở trong căn nhà tối tăm. Nhà đó rất lớn, lại rất tối, bọn quỷ vô số đều đến bức bách ông, sợ quá bèn tỉnh dậy. Một lát sau, chợp mắt lại thấy y như cảnh cũ, lại hoảng sợ tỉnh dậy. Suốt ba ngày ba đêm chẳng dám chợp mắt. Ông ta chỉ còn thở thoi thóp, vợ bèn khuyên dụ: “Ông cứ như thế chẳng tốt đâu! Ông niệm Nam-mô A Di Đà Phật đi nhé, niệm Phật sẽ ổn ngay!” Thiết San nghe vậy liền gắng niệm. Được một chốc liền ngủ thiếp đi, ngủ đây một giấc không mộng mị gì, mà bệnh cũng dần dần thuyên giảm. Nhân đó, ông ta trường trai niệm Phật. Năm ngoái, Thiết San và Trần Tích Châu lên núi, có trò chuyện cùng Quang.

Nếu các hạ lâm vào cảnh ấy, thì cứ

phải biết trước là Phật là thật hay giả rồi mới niệm hay chẳng? Hay là nghe xong liền niệm? Nếu lúc ấy chẳng tốn công xét thật, giả, cứ niệm ngay, thì hiện tại sao lại cùng người đời nay bàn bạc ngôn luận, sự tích người đời trước là thật hay hư? Cứ nhất loạt cho là vọng, chỉ cầu điều chẳng trọng yếu, [lo toan] cứu vớt tâm cảnh mơ màng, mờ mịt, mà muốn toan nhỏ lệ khóc cầu nữa ư? Đã có thể coi phú quý như chiếc dép rách, sao không thể coi chấp trước giống như chiếc dép rách để bỏ sạch cả đi? Ông tính dùng tri kiến ấy để làm cửa nhập đạo đây ư? Chẳng biết nó chính là con đường để đạt tới địa ngục A Tỳ đây! Dùng mộng để ví với Phật thì vọng tâm là Nhân, mộng cảnh là Quả. Ví như niệm Phật là Nhân, vãng sanh gặp Phật là Quả. Vì sao có thể lấy sáu tỷ dụ trong kinh Kim Cang²⁵ để làm chứng? Đối với ngôn ngữ, văn tự thế gian, một chữ, một sự, chẳng

²⁵ Sáu tỷ dụ trong kinh Kim Cang là mộng, huyền, bọt nước, hình bóng, sương và tia chớp.
IV. Luận Về Việc Lớn Sanh Tử

ngại gì diễn tả cả sang lẫn hèn, giảng giải cả tốt lẫn xấu. Chẳng hạn như chữ “*Tử*”, dùng để chỉ mình đức Phu Tử cũng được, mà chỉ người bình thường cũng được, dùng để gọi con cái cũng được. Điều phải dựa vào văn mạch để xác định ý nghĩa, quyết chẳng thể đối với chữ *Tử* có nghĩa là Phu Tử, mà lại giảng là “*nhi tử*” (con cái) được! Cõi Phật là mộng cảnh, đâu cần chờ các hạ thành Phật rồi mới nói sau. Nói như vậy chỉ tự tổn hại, vô ích mà thôi!

Sự, Lý, Tánh, Tướng, Không, Hữu, Nhân, Quả lẫn lộn chẳng phân, chi bằng học theo ngu phu, ngu phụ, cắm cúi niệm Phật, cứ chí cung, chí kính, một mực thành khẩn. Lâu ngày chầy tháng, nghiệp tiêu, trí rạn, chướng tận, phước đầy, mỗi nghi tâm ấy triệt để rơi rụng hết, thì những chuyện Phật có hay là không, chính mình là có hay là không, đừng nẻo “vào cửa Phật, lên bờ kia” đã có căn cứ chính xác, há phải đợi hỏi ai nữa!

Nếu chẳng chuyên tâm, dốc chí niệm Phật, cứ cùng người khác bàn suông những hiểu biết chỉ mới được một phần thì cũng giống như xem kinh Kim Cang nhưng chẳng biết Thật Tướng. Xem Tịnh Độ Văn, Tây Quy Trục Chỉ nhưng chẳng sanh tín tâm là do nghiệp ngăn chướng tâm, chẳng thể lãnh hội. Như kẻ mù nhìn mặt trời, mặt trời ở ngay trên không trung, mắt nhìn ngay vào mặt trời nhưng chẳng thấy được tướng sáng, nào khác lúc chẳng thấy. Nếu mắt được sáng lại, vừa nhìn liền thấy ngay tướng sáng.

Một pháp Niệm Phật chính là một pháp tối thiết yếu để mắt được sáng lại. Muốn thấy tướng trạng Thật Tướng, hãy nên dốc trọn lòng thành nơi pháp này, ắt sẽ mau có ngày được thỏa nguyện. Muốn tự thấy Chân Ngã, nếu chẳng phải là bậc đại triệt đại ngộ, sẽ chẳng thể làm được. Muốn chứng mà chẳng đoạn Hoặc, chứng Chân, sẽ không thể được! Muốn viên

chúng, nếu ba Hoặ chưa đoạn sạch, hai tử (phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử) chưa vĩnh viễn mất, sẽ chẳng thể được!

Luận trên thực tại, các hạ luân hồi bao kiếp dài lâu và nay đang cật vấn những điều trái với giáo lý đều do nương vào sức lực của Chân Ngã để làm. Do các hạ quay lưng với giác, xuôi theo trần lao, nên chẳng thể thụ dụng chân thật. Khác nào cái đầu của gã Diễn Nhã²⁶, hạt châu trong áo, từ đầu đến cuối chưa hề mất, lại làm lạc sanh sợ hãi, lầm lẫn chịu khốn cùng vậy!

* Tất cả thế gian dù là căn thân (thân của chúng ta) hay là thế giới (tức khoảng trời đất chúng ta đang sống) đều là do đồng nghiệp (thế giới) và biệt nghiệp (căn thân) trong tâm của chúng sanh cảm thành, đều có thành hoại, đều chẳng

²⁶ Đầu gã Diễn Nhã: Theo kinh Lăng Nghiêm, Diễn Nhã Đạt Đa soi gương thấy mặt mình, bèn sanh vọng tưởng là đầu của ai đây, đầu của mình ở đâu, rồi đâm ra sợ hãi phát cuồng.

trường cửu. Thân có sanh, già, bệnh, chết; thế giới có thành, trụ, hoại, không. Câu nói: “*Vật cực tấc phản, cực lạc sanh bi*” (mọi sự đến chỗ cùng cực sẽ chuyển biến theo chiều ngược lại, vui quá hóa buồn) là nói về ý này. Do Nhân đã là sanh diệt, Quả cũng chẳng thể không sanh diệt.

Thế giới Cực Lạc do A Di Đà Phật đã chứng ngộ triệt để Phật tánh sẵn có trong tự tâm, tùy tâm biến hiện một thế giới xứng tánh trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, sự vui trong cõi ấy chẳng có lúc nào cùng tận. Ví như hư không rộng lớn mênh mông, bao hàm hết thảy sấm la vạn tượng. Dù thế giới nhiều lần thành, nhiều lần hoại, hư không rốt ráo chẳng bị tăng giảm. Ông đem sự vui thế gian để vắn hỏi sự vui trong Cực Lạc, nhưng sự vui Cực Lạc ông chưa thể thấy. Dầu ông chưa thể thấy toàn bộ hư không, nhưng đối với khoảng hư không trong vòng trời đất này, có bao giờ ông thấy nó bị biến đổi

hay chưa?

Phải biết: Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh. Vì thế, đức Phật (chỉ Phật Thích Ca) dạy con người niệm Phật cầu sanh Tây Phương để nhờ vào nguyện lực đại từ bi của Phật Di Đà, cũng sẽ thụ dụng niềm vui bất sanh bất diệt ấy. Do căn thân là liên hoa hóa sanh, nên không có nỗi khổ sanh, già, bệnh, chết. Thế giới do công đức xứng tánh hóa hiện, nên không có biến chuyển Thành, Trụ, Hoại, Không. Dù là thánh nhân vẫn có những điều không biết, há có nên vì những pháp sanh diệt trong thế gian mà khởi nghi ư?

* Pháp môn Tịnh Độ là bi tâm triệt để của đức Như Lai, là pháp môn phổ độ chúng sanh, khiến cho những kẻ phàm phu đầy dẫy triền phược, không có sức đoạn Hoặc, nhờ tín nguyện trì danh sẽ được liễu thoát ngay trong đời này, cùng làm bè bạn với Quán Âm, Thế Chí. Trên

đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, địa vị gần kề Phật Quả, vẫn còn phải vãng sanh mới thành Chánh Giác. [Pháp môn này] chí viên, chí đôn, thông trên, suốt dưới, vượt trội hết thảy các pháp môn đã được giảng trong cả một đời giáo hóa [của đức Phật]. Vì thế, trong khi đức Phật giảng kinh A Di Đà, sáu phương chư Phật hiện tướng lưỡn rộng dài đồng thanh tán thán, khen là kinh Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm.

Phật lại nói: Ta là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn làm được chuyện rất khó, hiếm có. Đức Thế Tôn ta tự phô bày tức nhân, bảo: “Ta trong đời ác ngũ trược, làm được chuyện khó làm sau đây: Chúng đắc Bồ Đề, vì hết thảy thế gian nói pháp khó tin này. Thật là rất khó” khiến cho người nghe tin nhận, phụng hành, nhằm thỏa thích rốt ráo bốn hoài xuất thế mà thôi.

Nhưng pháp môn này rất sâu, khó lường, tuy đã được Bốn Sư và chư Phật

Thế Tôn cùng khuyên nên tin tưởng, nhưng trong cõi đời vẫn còn rất nhiều kẻ nghi. Không chỉ hạng thế trí phạm tình chẳng tin, ngay cả hạng tri thức thông hiểu Tông, Giáo sâu xa cũng còn ngờ vực. Không chỉ hạng tri thức chẳng tin, mà bậc Thanh Văn, Duyên Giác đã chứng Chân Đế, nghiệp tận tình không hãy còn nghi ngờ. Không chỉ bậc tiểu thánh chẳng tin, ngay cả Quyền Vị Bồ Tát cũng hãy còn ngờ. Ngay đến bậc Pháp Thân Đại Sĩ dù đã tin chắc, nhưng vẫn chẳng thể thấu hiểu tận cùng nguồn cội. Ấy là vì pháp môn này lấy Quả Giác làm Nhân Tâm (cái tâm để tu nhân), toàn thể là cảnh giới Phật, chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu trọn, chẳng phải là trí của những hạng người khác hòng thấu hiểu được nổi! Bọn phạm phu ta ngựa tin lời Phật, y giáo phụng hành, sẽ tự được lợi ích thật sự. Nếu được nghe pháp môn chẳng thể nghĩ bàn này thì phải là trong nhiều kiếp đã

gieo sâu căn lành, huống hồ là tin nhận, phụng hành ư? Kinh Hoa Nghiêm vua của Tam Tạng, do đức Như Lai lúc tối sơ thành Chánh Giác, vì các bậc Pháp Thân Đại Sĩ thuộc bốn mươi địa vị đã vượt ngoài cửu giới, giảng pháp “thành Phật trong một đời”. Chỗ quy tông kết đánh của Thật Nghĩa rất ráo “thành Phật trong một đời” là “*dùng mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để mong viên mãn Phật Quả*”.

Cảnh sở chứng của Thiện Tài đã bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, được gọi là bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác chỉ kém Phật một chút, nhưng vẫn còn phải hồi hướng vãng sanh. Toàn bộ các Bồ Tát trong Hoa Tạng thế giới hải đều bảm thọ giáo pháp này, cùng tu pháp này. Huống chi mức độ căn tánh thông lợi và mức độ chứng nhập sâu xa của những kẻ thông Tông, thông Giáo có hơn nổi các vị

Bồ Tát ấy hay chăng? Ngàn kinh, vạn luận, đâu đâu cũng dạy quy hướng, vãng thánh tiên hiền, ai nấy đều hướng về, những kinh luận ấy há chẳng đáng để tuân thủ, hành theo ư? Các vị thánh hiền ấy đều là hạng ngu phu, ngu phụ ư? Nói gọn một lời: Nghiệp sâu, chướng nặng, chưa được giải thoát, nên đến nỗi đối với những việc hằng ngày còn chẳng biết, cứ quen thói chẳng suy xét đó thôi.

* Nếu bảo: “A Di Đà Phật an cư Cực Lạc. Mười phương thế giới vô lượng, vô biên. Trong một thế giới, chúng sanh niệm Phật đã nhiều vô lượng, vô biên, A Di Đà Phật một thân làm sao tiếp dẫn trọn khắp hết thấy những chúng sanh niệm Phật trong mười phương vô lượng vô biên thế giới được?”

Đáp: Sao ông lại dùng tri kiến phàm phu để suy lường Phật cảnh? Tôi mượn thí dụ nói rõ cho ông khỏi lầm. Một vàng

trắng sáng ngời trên không, hiện bóng trong vạn con sông, trăng có tâm chẳng? Trên trời chỉ có một vàng trắng, nhưng biển cả, sông ngòi, sông to, suối nhỏ, đều hiện trọn vẹn khuôn trăng. Dù nhỏ như một chước²⁷, một giọt nước, không nơi nào chẳng hiện toàn thể bóng trăng.

Vả nữa, vàng trắng hiện nơi sông, rạch, một người nhìn thì có một vàng trắng ở ngay trước người ấy. Trăm ngàn vạn ức người trong trăm ngàn vạn ức chỗ cùng nhìn, không một ai là chẳng có một vàng trắng ở ngay trước mặt. Nếu trăm ngàn vạn ức người ai nấy đi qua Đông, Tây, Nam, Bắc; mỗi người đi đến đâu, luôn thấy trăng cũng đi theo qua đấy, chẳng hề gần, xa! Nếu trăm ngàn vạn ức người đứng yên chẳng động, trăng cũng đứng yên chẳng động, thường ở bên người. Chỉ

²⁷ Chước (勺): Một phần trăm của Thăng (ta thường dịch Thăng là Thung), là một đơn vị đo dung lượng rất nhỏ. Mười chước là một Cáp (ta thường dịch là một “lẽ”). Một Thung gần bằng một Lít (người Hoa gọi litre là “công thăng”). Như vậy, có thể tạm hiểu một chước gần bằng một centilitre.

là nước trong lặng, trăng sẽ hiện; nước đục ngầu, chao động, trăng ẩn mất. Trăng vốn chẳng lấy bỏ. Trăng chẳng hiện là do nước đục ngầu, lay động, chẳng phản chiếu bóng trăng. Tâm chúng sanh như nước, A Di Đà Phật như trăng. Chúng sanh đầy đủ Tín, Nguyện, Hạnh, chí thành cảm Phật thì Phật sẽ ứng như nước trong, trăng hiện. Nếu tâm chẳng thanh tịnh, chẳng chí thành, ứng với tham, sân, si, trái nghịch Phật, giống như nước vừa đục vừa xao động, dù trăng vẫn chiếu xuống, nhưng chẳng thể hiện bóng rõ ràng.

* Trăng là sắc pháp thế gian, còn có diệu dụng như thế, huống hồ A Di Đà Phật đã hết sạch phiền hoặc, phước huệ đầy đủ, tâm trùm thái hư, lượng trọn pháp giới ư? Vì thế, kinh Hoa Nghiêm bảo: *“Phật thân đầy khắp pháp giới, hiện trước khắp hết thấy chúng sanh. Tùy duyên cảm ứng không đâu là chẳng trọn*

khắp, nhưng luôn ngồi nơi tòa Bồ Đề này”. Do đó, biết rằng: Khắp pháp giới cảm, Phật bèn ứng khắp pháp giới. Phật quả thật chưa từng khởi tâm động niệm, chưa hề có ý tưởng đến đi, nhưng có thể khiến cho chúng sanh duyên đã thành thực bèn thấy Ngài đến nơi đây tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Vì lẽ đó, Phật chẳng phải là một, chẳng phải là hai. Do vậy, chỉ bày đại ý để sanh chánh tín mà thôi.

* Hãy nên biết pháp môn Tịnh Độ chính là để nhiếp phục người thượng thượng căn. Vì thế, Thiện Tài đã chứng Đẳng Giác, Phổ Hiền Bồ Tát vẫn dạy Ngài dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh, ngõ hầu viên mãn Phật Quả; nhân đó, khuyên khắp Hoa Tạng hải chúng. Do vậy, ta biết một pháp hồi hướng vãng sanh Tịnh Độ chính là pháp tối hậu để viên mãn Phật Quả.

Đời có kẻ cuồng chẳng hiểu kỹ giáo

lý, thấy ngu phu, ngu phụ đều có thể tu tập pháp này, bèn khinh rẻ, cho là pháp Tiểu Thừa, chẳng biết đây chính là pháp môn đệ nhất thành Phật trong một đời, thành thì, thành chung của Hoa Nghiêm. Cũng có kẻ ngu, tri kiến hẹp kém, nghĩ mình công phu cạn mỏng, nghiệp lực sâu dày, làm sao có thể sanh ngay được; chẳng biết tâm tánh chúng sanh và tâm tánh của Phật chẳng hai. Ngũ Nghịch, Thập Ác sắp đọa địa ngục, gặp thiện tri thức dạy cho niệm Phật đủ cả mười tiếng, hoặc chỉ mấy tiếng rồi liền chết đi, còn được vãng sanh. Có sao chẳng tin lời Quán Kinh dạy? Bọn họ còn vãng sanh, huống hồ chúng ta dù có tội nghiệp, dù ít công phu, nhưng so với kẻ Thập Ác, Ngũ Nghịch kia [chỉ niệm] mười tiếng hay là mấy tiếng, còn vượt trội rất nhiều, lẽ nào tự phụ rầy chính mình đến nỗi đánh mất lợi ích vô thượng này?

Như Lai gọi pháp môn Tịnh Độ này là

“pháp khó tin” vì thực hiện dễ, lại thành công cao, dùng công ít, đạt được hiệu quả nhanh chóng. Chí viên, chí đốn, thẳng tắt, rộng lớn, đơn giản, dễ dàng, vượt trội hết thảy giáo lý thông thường. Nếu chẳng phải là xưa kia vốn có thiện căn, quyết sẽ khó tin nhận, phụng hành. Tôi thường nói: *“Cửu giới chúng sanh lìa khỏi pháp môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh”*, đó là sự thật vậy!

* Pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, chính là để tiếp độ căn khí thượng thượng, kiêm tiếp dẫn hạng trung hạ căn. Kẻ ngu thường hay chê là pháp thiên cận, Tiểu Thừa; nói chung là vì chẳng đọc kinh luận Đại Thừa, chưa phải là người thông suốt có đủ con mắt, chỉ dùng cái tâm điên đảo, chấp trước của chính mình để suy lường đạo trọng yếu từ đầu đến cuối của

Như Lai. Như kẻ mù ngó mặt trời, như người điếc nghe sấm, đương nhiên chẳng thấy, chẳng nghe, chỉ đành suy luận vọng tưởng!

Phải biết một pháp tín nguyện niệm Phật là do Như Lai vì bi tâm triệt để phổ độ chúng sanh mà tuyên thuyết. Chỉ có các vị Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền mới có thể rốt ráo đảm đương. Bọn họ thấy ngu phu, ngu phụ đều có thể niệm Phật, bèn coi là pháp Tiểu Thừa thiên cận, khác nào thấy ngôi sao bé tí lơ lửng trên bầu trời bèn chê trời bé, con trùng nhỏ xíu bò trên mặt đất bèn chê đất hẹp ư?

Nếu có thể sanh lòng tin tưởng pháp này, đó là do nhiều kiếp đã trồng sâu thiện căn. Nếu có thể dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối thì cái tâm phàm phu đó liền biến thành Như Lai Tạng, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Hiện tại

đã tiếp xúc khí phận của Phật, lúc lâm chung lại chẳng cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn hay sao?

2.3. Khuyên đầy đủ tín nguyện

* Dù kính cẩn tu trì Ngũ Giới, Thập Thiện, được làm thân trời người, nhưng phước lạc nhân gian lại chính là cội rễ đọa lạc. Dù trên trời phiền hoặc chẳng mãnh liệt như trong nhân gian, nhưng một khi phước trời đã tận, nhất định sẽ đọa xuống. Do túc phước chưa hết, nên được hưởng phước. Do hưởng phước nên tạo nghiệp. Đã tạo nghiệp thì đọa lạc ác đạo chỉ trong khoảng nháy mắt, một hơi thở mà thôi! Huống hồ có kẻ khi mạng trời đã hết, vì sức ác nghiệp đời trước đã chín muồi, liền đọa ngay trong ác đạo! Vì thế, cổ đức bảo người tu hành nhưng không có chánh niệm tu trì Tịnh nghiệp, chỉ đạt được phước báo trời người, thì gọi là “*oán thù*”

đời thứ ba”. Kinh Pháp Hoa nói: “*Tam giới không yên, giống như nhà lửa. Thật đáng sợ hãi*”. Người biết tốt xấu phải gấp cầu xuất ly để được yên ổn thì mới là kẻ sách bậc thượng vậy.

* Một pháp Niệm Phật cậy vào Phật lực để thoát tam giới, sanh về Tịnh Độ. Nay đã chẳng phát nguyện, há có tin được hay chẳng? (Người tin thật sự, ắt sẽ phát nguyện tha thiết). Tín nguyện đều không có, chỉ niệm danh hiệu Phật thì thuộc về Tự Lực. Vì không có tín nguyện, nên chẳng thể cảm ứng đạo giao với hồng thệ của đức Di Đà. Nếu đã trừ hết Kiến Tư Hoặc, có lẽ được vãng sanh. Còn nếu hoàn toàn chưa đoạn hay chưa đoạn hết sạch thì nghiệp căn vẫn còn, làm sao có thể thoát ngay khỏi luân hồi cho được? Ngũ Tổ Giới Diên, Thảo Đường Thanh v.v... chính là những chứng cứ xác thực. Phải biết: Không có tín nguyện mà niệm

Phật, sẽ chẳng khác gì tham cứu bên Tông, bên Giáo. Dù có được vãng sanh, nhưng nhân quả chẳng phù hợp với nhau! Ngài Ngẫu Ích nói: “*Được vãng sanh hay không, toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp, toàn là do trì danh sâu hay cạn*”. Đây chính là phán định sắt đanh vậy.

* Bình sinh tuyệt chẳng có tín nguyện thì khi lâm chung nhất định khó cậy vào Phật lực. Đã bảo là “thiện ác đồng thời cùng hiện”, nên đừng nói là đối với kẻ do bốn chữ A Di Đà Phật chẳng hiện nên chẳng được vãng sanh; ngay cả [bốn chữ ấy] có hiện [đi nữa, kẻ ấy] vẫn chẳng được vãng sanh! Vì sao? Do chẳng nguyện vãng sanh, do chẳng cầu Phật, nên chẳng được Phật tiếp dẫn. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Giả sử ác nghiệp có thể tương thì mười phương hư không chẳng thể chứa đựng*”. Cổ đức nói: “*Như người mắc nợ,*

chủ nợ nào mạnh sẽ kéo đi trước”. Tâm tình đa đoan, đặt nặng nơi nào sẽ rơi về đó. Nay thiện ác đều hiện, do không có tín nguyện, nên đối với ác nghiệp, chẳng thể làm gì được! Phải biết: Cậy vào tự lực thì nếu hãy còn một mảy ác nghiệp, sẽ chẳng thể xuất ly sanh tử, hưởng hồ nhiều ác nghiệp!

Lại nữa, nếu không có tín nguyện, dù niệm đến Nhất Tâm thì trong vô lượng vô biên người như thế, may ra có một hai người được vãng sanh. Quyết chẳng thể lấy đó làm gương để cắt đứt thiện căn vãng sanh Tịnh Độ của hết thảy mọi người trong đời sau. Vì có sao? Người có thể cậy vào tự lực, niệm đến mức nghiệp tận tình không, chúng Vô Sanh Nhân, trong cả cõi đời ít có được một, hai. Nếu ai nầy tu hành theo cách đó, bỏ Tín Nguyện chẳng theo, thì đông đảo chúng sanh sẽ ở mãi trong biển khổ, không có cách nào xuất ly, đều là do bị

một lời này chèn ép. Thế mà kẻ ấy vẫn
nhơn nhơn đắc ý, cho mình là thật cao,
chẳng biết chính mình bị đoạn Phật huê
mạng, là chúng sanh ngu si ăn nói nông
cuồng. Buồn thay! Đối với pháp Tịnh Độ,
phải tránh nhìn bằng một mắt, chớ nên
dùng những giáo nghĩa thông thường để
so bì. Nếu Như Lai chẳng mở ra pháp này
thì sự liễu sanh thoát tử của chúng sanh
đời Mạt sẽ chẳng thể thấy được.

* Hãy thường nên phát tâm quyết
định: Lâm chung quyết định muốn được
sanh về Tây Phương. Đừng nói là chẳng
muốn thọ lại thân người tầm thường, ngay
cả thân vua trong cõi trời người và xuất
gia làm Tăng, nghe một, ngộ cả ngàn, đắc
đại tổng trì, hoằng dương pháp hóa rộng
lớn, làm thân cao tăng lợi lạc trọn khắp
chúng sanh, cũng coi như chỗ chất chứa
tội lỗi, độc hại, tâm quyết định chẳng
sanh một niệm muốn thụ lãnh. Quyết định

như thế thì Tín, Nguyện, Hạnh của chính mình mới cảm được thế nguyện của Phật, mới được Phật nhiếp thọ. Cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn, thăng lên chín phẩm, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi.

* Hãy nên biết Tây Phương Cực Lạc thế giới, đừng nói là phàm phu chẳng đến được, ngay cả thánh nhân Tiểu Thừa cũng chẳng đến được, vì nơi ấy thuộc về cảnh giới Đại Thừa chẳng thể nghĩ bàn. Tiểu thánh hồi tâm hướng đại thì liền đến được. Phàm phu nếu không có tín nguyện để cảm Phật, dù tu hết thấy các hạnh thù thắng khác lẫn hạnh trì danh thù thắng, cũng chẳng thể vãng sanh! Vì thế, Tín Nguyện là tối khẩn yếu. Ngài Ngẫu Ích nói: “Được vãng sanh hay không, toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp, toàn là do trì danh sâu hay cạn”. Dù ngàn đức Phật xuất thế cũng chẳng thể thay đổi lời phán định sắt đá

này! Hễ tin cho tới nơi, dám chắc ông phải có phần nơi Tây Phương.

* Nếu luận về pháp môn Niệm Phật thì chỉ có ba pháp Tín, Nguyện, Hạnh là tông yếu. Đầy đủ ba pháp, quyết định vãng sanh. Nếu không có tín thật, nguyện thiết, dù có chân hạnh, cũng chẳng thể vãng sanh, huống là kẻ tu hành hời hợt, qua loa ư? Ngài Ngẫu Ích từng bảo: *“Được vãng sanh hay chẳng, toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp, toàn là do trì danh sâu hay cạn”*. Bởi lẽ, pháp này cả ba đời chẳng dễ thường bàn, là đạo mâu độ khắp ba căn. Hãy nên dốc trọn toàn thân nương về tu tập, mới hòng chứng được lợi ích thật sự.

Ba thứ Tín, Nguyện, Hạnh, sách Thập Yếu đã giảng rõ từng thứ, nhưng trọng yếu nhất là trong phần giảng về Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của sách Yếu Giải, phần thứ ba là Minh Tông (minh định

tông thú của kinh) đã nêu tỏ ba pháp này tinh tường bậc nhất. Tiếp đó, trong mỗi một đoạn văn, Tổ đều giảng giải về Tín, Nguyện, Hạnh. Hãy nên đọc thật kỹ cuốn sách chẳng thể thiếu này.

* Muốn sanh về Tây Phương, trước hết phải có Tín thật, Nguyện thiết. Nếu không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dù cho tu hành vẫn chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật, chỉ đạt được phước báo nhân thiên và tạo thành cái nhân đắc độ trong đời vị lai mà thôi. Nếu đầy đủ Tín, Nguyện, thì vạn người [được vãng sanh], chẳng sót một ai. Tổ Vĩnh Minh bảo: “*Vạn người tu, vạn người đến*” là nói về Tín, Nguyện, Hạnh đấy!

* Phàm lễ bái, đọc tụng kinh điển Đại Thừa và làm trọn những việc lợi ích cho đời, cho người, thảy đều đem hồi hướng Tây Phương, chẳng cứ gì niệm Phật mới

có thể hồi hướng Tây Phương. Nếu đem các công đức khác hồi hướng về phước báo thế gian thì niệm chẳng quy một mối, càng khó vãng sanh. Hãy nên biết: Nếu thật sự niệm Phật, chẳng cầu phước báo thế gian, nhưng tự được hưởng phước báo thế gian (như trường thọ, không bệnh tật, gia đình yên vui, con cháu phát đạt, các duyên như ý, vạn sự tốt lành v.v...). Nếu cầu phước báo thế gian, chẳng chịu hồi hướng vãng sanh thì đâm ra phước báo thế gian đạt được đó sẽ tẻ kém. Do tâm chẳng chuyên nhất, nên càng khó quyết định vãng sanh!

* Người niệm Phật chỉ nên chân thành, thiết tha niệm Phật, tự có thể nương vào Phật tự lực hồng tránh khỏi nạn đao binh, lửa, nước. Dầu vì túc nghiệp lôi kéo, hoặc do báo nặng trong địa ngục chuyển thành báo nhẹ trong hiện đời, nên mắc phải những nạn ấy, nhưng do thường ngày

có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, nên ngay khi ấy sẽ được Phật tiếp dẫn. Dù hiện tại chưa chứng tam-muội, nhưng đã dự vào dòng thánh. Tự thân như hình bóng, [các tai nạn] đao binh, nước, lửa đều chẳng trở ngại chi. Dù hiện tại gặp phải tai ương, thật sự chẳng bị khổ. Cả thế giới mênh mông, mấy ai được như vậy?

* Nguyện lìa Sa Bà như tù nhân mong thoát lao ngục. Nguyện sanh về Cực Lạc như đứa con nghèo túng mong về lại cố hương. Nếu trước khi chưa sanh về Tịnh Độ mà được trao cho ngôi vua trong cõi trời người thì cũng nên coi đó là nhân duyên đọa lạc, trọn không có một niệm mong cầu, hâm mộ. Dầu đời sau chuyển nữ thành nam, xuất gia từ thơ ấu, nghe một, ngộ cả ngàn, đắc đại tông trì, cũng phải coi đó là đường quanh ngõ rẽ trên đường tu, trọn chẳng có một tâm niệm mong mỏi! Chỉ mong lúc lâm chung, được

Phật tiếp dẫn, vãng sanh Tây Phương.

Đã được vãng sanh, sẽ liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, ở vào địa vị Bồ Xứ, chứng Vô Sanh Nhân, nhìn lại những sự như làm vua trong cõi trời người, xuất gia làm Tăng v.v... há bằng Tịnh Độ. Tu các pháp môn khác, phải trải bao kiếp khó nhọc, chuyên cần, nhưng chẳng thể do đâu mà được giải thoát! Như lửa đóm sánh với vàng mặt trời rạng rỡ, như gò mối sánh cùng Thái Sơn, khó ngăn đau xót, khó tìm buồn bã! Bởi vậy, người tu Tịnh Độ trọn chẳng thể cầu những sự như hưởng phước lạc nhân thiên trong đời sau và đời sau xuất gia làm Tăng! Nếu có chút mảy may mong cầu đời sau, tức là chẳng có lòng tin chân thành và nguyện thiết tha, đối với thế nguyện của đức Di Đà sẽ bị cách trở, chẳng thể cảm ứng đạo giao, chẳng được Phật tiếp dẫn! Như vậy là đã dùng diệu hạnh thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này để tạo tác cái nhân phước báo hữu lậu trong

cõi nhân thiên.

Vả nữa, lúc hưởng phước, ắt sẽ tạo nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, ắt khó tránh ác báo. Như bỏ chất độc vào đê hồ liền có thể giết người. Kẻ chẳng khéo dụng tâm, phạm lỗi như thế. Phải nên triệt để cắt đứt ý niệm ấy thì mới hòng đạt được lợi ích hoàn toàn nơi Tịnh Độ, toàn thân thụ dụng vậy!

* Dù thọ cả trăm năm, chỉ là trong khoảng khảy ngón tay. Hễ còn một hơi thở, hãy nên cầu tìm đường thoát, chớ để đến lúc lâm chung, hối cũng chẳng kịp! Thường nhớ kinh dạy: *“Thân người khó được, trung quốc khó sanh, Phật pháp khó nghe, tín tâm khó khởi”*. Nay may mắn có đủ cả bốn điều, càng phải nên nỗ lực như đã lên được núi báu, phải tìm cho được ngọc Ma Ni. Chúng sanh vì còn trong địa vị phàm phu, chưa đoạn Hoặc Nghiệp, sanh tử giải quyết chưa xong, khó tránh

đọa lạc; cho nên, đức Như Lai cực lực khuyên chúng sanh phát tâm chân tín và nguyện tâm thiết tha, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Đối với hết thảy công đức đã tạo như cúng dường Tam Bảo, giữ giới cả đời... chẳng cầu phước báo đời sau trong cõi nhân thiên, chẳng cầu đời này trường thọ, khỏe mạnh, yên vui, chỉ cầu lâm chung vãng sanh Tịnh Độ thì phù hợp với thệ nguyện của Phật, cảm ứng đạo giao, chắc chắn được mãn nguyện. Như người rớt xuống biển, có thuyền đến cứu, nếu chịu lên thuyền, sẽ lên được bờ kia. Cầu phước nhân thiên, chẳng cầu vãng sanh, giống như chẳng lên thuyền, khó khỏi chết chìm! Phật muốn ông siêu phàm nhập thánh, ông lại chỉ nguyện đạt được phước hữu lậu. Một khi phước báo đã hết, vĩnh viễn đọa trong tam đồ. Khác nào dùng ngọc Ma Ni để ném chim sẻ, được thì ít, mất quá nhiều. Chẳng tiếc lắm ư? Hãy nên tự cảnh tỉnh!

* Nếu muốn trong đời này được hưởng lợi ích chân thật, hãy nên nương vào pháp môn Tịnh Độ, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, quyết định được liễu sanh thoát tử. Nếu chẳng nương vào pháp môn Niệm Phật, đừng nói tới kẻ chưa được chân truyền Phật giáo, ngay cả kẻ đã được chân truyền, vẫn chẳng thể liễu sanh thoát tử! Vì sao thế? Dù đã được chân truyền, đại triệt, đại ngộ, nhưng vẫn chưa thật sự chứng. Có chứng thì mới có thể liễu sanh thoát tử, chứ chỉ ngộ thì chẳng thể liễu!

Tu các pháp môn khác đều phải đoạn Hoặc chứng Chân thì mới có thể liễu sanh thoát tử. Tu pháp môn Tịnh Độ, chỉ cần đầy đủ tín thật, nguyện thiết, trì danh hiệu Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, Chánh, Trợ cùng hành, không chỉ chắc chắn được vãng sanh, mà phẩm vị còn ưu thắng nữa. Chẳng riêng kẻ tin tưởng thuần thành, siêng tu được vãng

sanh, mà hạng Ngũ Nghịch Thập Ác sanh lòng hồ thẹn lớn lao, chí tâm niệm Phật mấy tiếng, ngay trong lúc mạng chung, nhất định được vãng sanh. Do lòng Từ rộng lớn của Phật chuyên chú trọng độ sanh, nên [chúng sanh] nhất niệm hồi quang liền được nhiếp thọ. Đó gọi là “*nương vào Phật từ lực, đời nghiệp vãng sanh*”. Chúng sanh đời Mạt chẳng nương theo Tịnh Độ, tu các pháp môn khác, chỉ đạt được phước báo nhân thiên và tạo nhân duyên đắc độ cho đời vị lai mà thôi. Do không có sức đoạn Hoặc, gốc sanh tử vẫn còn, há mầm mộng sanh tử chẳng nảy sanh nữa hay sao?

* Pháp Niệm Phật chú trọng Tín Nguyện. Tín Nguyện chân thiết, dù trong tâm chưa thanh tịnh, cũng được vãng sanh. Vì sao vậy? Do chí tâm niệm Phật là năng cảm, nên A Di Đà Phật liền năng ứng. Như nước trong sông, biển, chưa thể

dứt sạch tướng động; nhưng nếu không gió cuồng, sóng to, vàng trắng rạng ngời trên không sẽ hiện bóng lồ lộ. Cảm ứng đạo giao như mẹ con nhớ nhau. Các pháp khác chuyên trọng tự lực, chẳng nhờ vào Phật lực là do chẳng hiểu nghĩa này.

* Ước theo những cách giảng dạy thông thường thì trong địa vị phàm phu mà muốn liễu sanh thoát tử, quả thật chẳng phải là chuyện dễ dàng! Nếu ước theo pháp môn đặc biệt tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì ngay trong hiện đời ắt được liễu thoát. Nếu như đầy đủ chân tín, nguyện thiết, trong vạn người, nhất định [được vãng sanh] chẳng sót một ai. Chúng sanh đời Mạt chỉ có mỗi pháp này đáng để nương cậy. Bởi thế, khi vạn mạng đạo pháp ngày càng suy giảm, pháp này càng thích đáng căn cơ, thiện tri thức càng đề xướng thiết tha. Do chân thật tu trì, liền được vãng sanh là điều chứng

nghiệm thường thấy.

* Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín, Nguyện, Hạnh làm Tông. Có tín nguyện, bất luận tu hành nhiều, ít, cạn, sâu, đều được vãng sanh. Không có tín nguyện, dầu đạt đến địa vị cả Năng lẫn Sở cùng mất, vượt thoát căn trần, vẫn khó thể vãng sanh! Nếu thật sự chứng đắc Thật Lý “*Năng lẫn Sở cùng mất, vượt thoát căn trần*”, có thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử, thì chẳng phải bàn đến nữa. Nhưng nếu công phu chưa [đạt đến mức] thấy được lý ấy, vẫn còn chưa thật chứng, nếu không có tín nguyện, thì cũng khó vãng sanh!

Thiền gia giảng Tịnh Độ thường quy về Thiền Tông, bỏ qua tín nguyện. Nếu thật sự y theo đó để tu, cũng có thể khai ngộ, nhưng do chưa đoạn Hoặc nghiệp, muốn liễu sanh tử thì có mơ cũng chẳng mơ được! Bởi lẽ, phàm phu vãng sanh là

do tín nguyện cảm Phật, nên có thể nương vào Phật từ lực đở nghiệp vãng sanh. Nay đã chẳng sanh tín nguyện, lại toan đem Phật và cõi nước quy hết vào tự tâm, làm sao cảm Phật cho được? Cảm ứng chẳng phù hợp thì chúng sanh là chúng sanh, Phật là Phật, biến pháp Hoàn Siêu (siêu việt tam giới theo chiều ngang) thành pháp Thụ Xuất (thoát tam giới theo chiều dọc), được lợi thì ít, nhưng lại bị tổn hại rất sâu! Chớ nên không biết điều này! Được lợi là do tuân theo thuyết ấy, cũng có thể khai ngộ. Còn bị tổn hại là: Do bỏ tín nguyện, sẽ không cách nào cậy nhờ Phật từ lực! Bởi vậy, tôi bảo: *“Người thật sự tu Tịnh Độ, đừng dùng lời khai thị của nhà Thiên, vì tông chỉ của pháp môn bất đồng vậy”*.

III. CHỈ DẠY PHƯƠNG PHÁP TU TRÌ

3.1. Giảng về phương pháp Niệm Phật

* Đã có lòng tin chân thành, nguyện

thiết tha, hãy nên tu chánh hạnh Niệm Phật. Lấy Tín Nguyện để dẫn đường, lấy Niệm Phật làm chánh hạnh. Ba thứ Tín, Nguyện, Hạnh chính là tông yếu của pháp môn Niệm Phật. Có Hạnh, nhưng không có Tín Nguyện, sẽ chẳng thể vãng sanh. Có Tín Nguyện, nhưng thiếu Hạnh, cũng chẳng thể vãng sanh. Ba thứ Tín, Nguyện, Hạnh đầy đủ chẳng thiếu, sẽ quyết định được vãng sanh. Được vãng sanh hay không, toàn là do có Tín Nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp, toàn là do công trì danh sâu hay cạn.

Về chánh hạnh niệm Phật, hãy nên tùy sức mỗi người để lập, chớ nên chấp chặt một bề. Nếu thân mình không bận việc, cố nhiên nên từ sáng đến tối, từ đêm đến sáng, đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, ăn cơm, mặc áo, đại tiện, tiểu tiện, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, giữ sao cho một câu hồng danh thánh hiệu chẳng rời tâm, miệng! Nếu rửa ráy, súc

miệng thanh tịnh, áo mũ chỉnh tề và nơi chốn thanh tịnh thì niệm Phật ra tiếng hoặc niệm thầm đều được cả. Còn lúc ngủ nghỉ, lúc thân hình hờ hang, tắm gội, đại tiểu tiện, cũng như khi đến chỗ đơ bản chẳng sạch, chỉ nên niệm thầm, đừng niệm ra tiếng. Niệm thầm cũng có cùng một công đức [với niệm ra tiếng]. Niệm ra tiếng [ở những nơi ấy và trong khi ấy] chẳng cung kính; chớ bảo ở những chỗ ấy chẳng thể niệm Phật. Phải biết là ở những nơi ấy, chẳng được niệm ra tiếng mà thôi! Hơn nữa, lúc nằm ngủ, nếu niệm ra tiếng không chỉ là chẳng cung kính, lại còn bị tổn khí. Chớ nên không biết điều này!

* Dù là niệm Phật lâu ngày chẳng hề gián đoạn, nhưng mỗi sáng chiều, hãy nên hướng về Phật lễ bái. Lễ xong, trước hết, niệm một biến kinh A Di Đà, ba biến chú Vãng Sanh; đoạn niệm tám câu kệ tán Phật: “*A Di Đà Phật thân kim sắc...*”

Niệm kệ xong, niệm “*Nam-mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật*”. Tiếp đó, niệm sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*” một ngàn lần hoặc năm trăm lần, hãy nên vừa nhiễu Phật vừa niệm. Nếu chẳng tiện nhiễu Phật thì quỳ, hoặc ngồi, hoặc đứng niệm, đều được cả.

Lúc niệm gần xong, bèn trở về chỗ, quỳ niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát, mỗi danh hiệu ba lượt. Sau đấy mới niệm Tịnh Độ Văn phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Khi niệm Tịnh Độ Văn, phải nương theo văn nghĩa để phát tâm. Nếu tâm chẳng nương theo văn, sẽ thành ra uổng công đọc suông, chẳng đạt được lợi ích thật sự! Đọc Tịnh Độ Văn xong niệm Tam Quy Y, lễ bái lui ra. Đây là công khóa sáng, buổi tối cũng như vậy.

Nếu muốn lễ bái nhiều hơn thì khi trở về chỗ, sẽ lễ Phật bao nhiêu lượt, xưng

đanh Bồ Tát chín lượt, lễ chín lạy. Lễ xong, phát nguyện, hồi hướng. Hoặc lễ bái lúc đã niệm xong công khóa, miễn sao thuận tiện cho mình là được. Nhưng phải khẩn thiết, chí thành, đừng làm lếu láo, qua loa. Bồ đoàn chớ nên cao quá, cao là chẳng cung kính!

Nếu như công việc bận bịu, không có lúc rảnh rỗi, thì sáng tối sau khi rửa ráy, súc miệng xong, nếu có tượng Phật, hãy nên lễ Phật ba lạy, đứng ngay ngắn, niệm Nam-mô A Di Đà Phật. Hết một hơi là một niệm. Niệm đến mười hơi, liền niệm Tiểu Tịnh Độ Văn, hoặc chỉ niệm bốn câu kệ “*nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung...*”. Niệm xong, lễ Phật ba lạy, lui ra.

Nếu không có tượng Phật, hãy hướng về Tây xá lạy, chiếu theo cách trên đây để niệm. Đây là phép Thập Niệm do ngài Từ Vân Sám Chủ đời Tống vì hàng vương giả, đại thần quá bận rộn việc triều chánh,

không rảnh rang để tu trì mà lập ra. Vì sao dạy niệm hết một hơi? Do chúng sanh tâm tán loạn, lại không rảnh rỗi để chuyên niệm; lúc niệm như vậy, họ sẽ mượn khí để nhiếp tâm, tự tâm chẳng tán. Phải tùy theo hơi dài hay ngắn, chẳng được cưỡng niệm cho nhiều đến nỗi tổn khí. Lại chỉ nên niệm mười hơi, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi hơi. Niệm nhiều hơi cũng tổn khí. Vì tán tâm niệm Phật khó được vắng sanh, nên pháp này khiến cho tâm quy một chỗ, nhất tâm niệm Phật, quyết định vắng sanh. Số câu niệm tuy ít, công đức rất sâu. Người cực nhàn lẫn kẻ cực bận đều có pháp tắc. Còn kẻ nửa nhàn, nửa bận, hãy tự nên châm chước để lập thành pháp tắc tu trì.

* Một pháp Niệm Phật chính là diệu pháp bậc nhất để bỏ trần lao, quay về giác, phản bản quy nguyên (trở về nguồn cội). Đối với người tại gia, pháp này lại càng

thân thiết. Vì người tại gia, thân trong lưới trần, công việc đa đoan, đối với những việc như nhiếp tâm tham thiền, tụng kinh trong tịnh thất v.v... do hoàn cảnh sẽ chẳng thể làm, hoặc chẳng đủ sức. Chỉ có mỗi pháp Niệm Phật là thuận tiện nhất. Sáng tối hãy đối trước Phật, tùy phận, tùy sức lễ bái, trì niệm, hồi hướng, phát nguyện. Ngoài ra thì đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, hết thấy thời, hết thấy chỗ đều niệm được cả. Nhưng ở nơi sạch sẽ, lúc cung kính thì niệm ra tiếng, hay niệm thầm đều được; còn như ở những nơi chẳng sạch sẽ (như vào nhà tiêu chẳng hạn), hoặc nhằm lúc chẳng cung kính (chẳng hạn như đang nằm ngủ, tắm gội...) chỉ nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng, chẳng phải là ở những chỗ ấy, nhằm lúc ấy, không được niệm!

Nằm ngủ niệm ra tiếng thì không chỉ chẳng cung kính, lại còn bị tổn khí, lâu

ngày thành bệnh. Công đức niệm thầm giống hệt như công đức niệm bình thường. Ấy là: “Niệm ở đâu sẽ ở đó. Ngay thẳng cũng do đây, mà điên đảo cũng bởi đây”.

* Đối với những điều như: Muốn tâm chẳng tham sự vật bên ngoài, tuy chuyên niệm Phật nhưng chẳng thể chuyên, cứ toan chuyên chuyện khác; chẳng thể niệm, cứ muốn niệm những sự khác; chẳng thể nhất tâm, cứ muốn nhất tâm nơi chuyện khác v.v... thì chẳng có pháp tắc kỳ đặc, áo diệu nào khác cả; cứ lấy một chữ Tử dán ngay trên trán, rử xuống tận lông mày, tâm luôn nghĩ:

“Ta là người nào mà từ vô thỉ mãi cho đến đời này đã tạo ác nghiệp vô lượng, vô biên. Giả sử ác nghiệp có thể tướng, tận mười phương hư không chẳng thể chứa đựng! Đời trước do may mắn nào, nay được làm thân người, lại được nghe Phật pháp. Nếu chẳng nhất tâm niệm Phật cầu

sanh Tây Phương, khi một hơi thở ra chẳng trở lại, quyết sẽ phải thọ khổ trong vạc sôi, lò than, rừng gươm, núi đao nơi địa ngục, chẳng biết phải trải qua mấy kiếp. Dù thoát khỏi địa ngục, lại đọa vào ngạ quỷ, bụng to như biển cả, họng bé như chiếc kim, đói khát bao kiếp dài lâu. Trong họng lửa cháy, chẳng được nghe đến tên chất tương hay nước, khó được no lòng chốc lát. Từ ngạ quỷ thoát ra, lại làm súc sanh, bị người khác cưỡi cổ, hoặc gieo thân vào bếp núc nhà người. Dù được làm người, cũng ngu si, vô trí, coi tạo nghiệp là đức năng, coi tu thiện là gông cùm. Chẳng qua mấy mươi năm lại bị đọa lạc; trải qua kiếp số nhiều như cát bụi luân hồi trong lục đạo. Dù có muốn xuất ly, cũng chẳng biết làm sao!”.

Nghĩ được như thế thì những việc mong muốn nói trên sẽ thành tựu được ngay. Bởi thế, các ông Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quỳ, lâm chung tướng địa

ngục hiện, niệm Phật mấy tiếng, liền tận mắt thấy Phật đến tiếp dẫn vãng sanh. Lợi ích như thế, trăm ngàn vạn ức pháp môn khác trong cả một đời giáo hóa của đức Phật đều không có. Tôi thường nói: “*Cửu giới chúng sanh rời pháp này thì trên là chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp này thì dưới là chẳng thể lợi khắp quần sanh*” chính là vì lẽ này.

* Nếu niệm Phật tâm khó quy nhất, hãy nên nhiếp tâm niệm khản thiết, tâm sẽ tự có thể quy nhất. Tâm chẳng chí thành, muốn nhiếp tâm cũng chẳng được. Nếu đã chí thành, nhưng vẫn chưa thuần nhất, hãy nên lắng tai nghe kỹ; bất luận là niệm ra tiếng hay niệm thầm, mỗi niệm đều phải từ tâm khởi, tiếng từ miệng thoát ra, âm thanh lọt vào tai (khi niệm thầm, miệng chẳng động, nhưng trong ấy vẫn có thanh tướng). Tâm và miệng niệm rõ ràng, tách

bạch; tai nghe cho rõ ràng, phân minh. Nhiếp tâm như thế, vọng niệm sẽ tự dứt. Nếu sóng vọng tưởng vẫn còn trào dâng, hãy dùng ngay pháp Thập Niệm Ký Số, dốc toàn bộ sức lực của tự tâm đặt vào mỗi câu Phật hiệu thì vọng muốn khởi cũng chẳng đủ sức.

Các vị hoàng dương Tịnh Độ trước kia chưa nhắc đến diệu pháp nhiếp tâm niệm Phật rốt ráo này, vì căn tánh người thời ấy còn lan lợi, chẳng cần phải làm như vậy, vẫn có thể quy nhất. Án Quang vì tâm khó chế phục, mới biết cách này mau nhiệm, càng thực hành, càng thấy hiệu nghiệm, chứ chẳng phải là tự tiện nói mò. Xin chia sẻ cùng những người độn căn trong khắp thiên hạ đời sau, ngõ hầu vạn người tu, vạn người về. Pháp Thập Niệm Ký Số vừa nói là như sau: Trong khi niệm Phật, từ một câu đến mười câu, phải niệm cho phân minh, nhớ số phân minh. Niệm hết mười câu, lại niệm từ một

câu đến mười câu, chẳng được niệm hai mươi, ba mươi câu. Niệm câu nào, nhớ câu nấy, chẳng được lần chuỗi, chỉ dựa vào tâm để nhớ. Nếu thấy khó nhớ cả mười câu, thì chia ra làm hai hơi: Từ câu thứ nhất đến câu thứ năm, và từ câu thứ sáu đến câu thứ mười. Nếu vẫn chưa được, hãy niệm thành ba hơi: Từ câu thứ nhất đến câu thứ ba, từ câu thứ tư đến câu thứ sáu, và từ câu thứ bảy đến câu thứ mười. Niệm cho rõ ràng, nhớ cho phân minh, nghe cho rành rẽ, vọng niệm không chỗ chen chân, lâu ngày sẽ tự đạt được Nhất Tâm Bất Loạn.

Phải biết là pháp Thập Niệm này nhiếp vọng giống như pháp Thập Niệm sáng chiều, chỉ có cách dụng công là khác nhau. Pháp Thập Niệm sáng chiều coi hết một hơi là một niệm, bất luận số câu niệm Phật nhiều hay ít; còn cách này cứ một câu là một niệm. Cách kia chỉ có thể niệm mười hơi vào mỗi sáng chiều; nếu niệm

đến hai mươi, ba mươi hơi, sẽ bị tổn khí thành bệnh. Cách này niệm một câu Phật hiệu, tâm biết là một câu; niệm mười câu Phật hiệu, tâm biết là mười câu. Từ một đến mười, rồi lại từ một đến mười. Suốt ngày niệm mấy vạn câu, đều giống như thế. Không chỉ trừ được vọng, lại còn dưỡng thần rất hay. Dù niệm chậm hay nhanh, trọn chẳng trệ ngại. Từ sáng đến tối, không lúc nào chẳng thích hợp.

So với cách lần chuỗi để nhớ số, lợi ích cách xa một trời một vực. Cách nhớ số bằng chuỗi khiến thân mệt, tinh thần động. Cách Thập Niệm Ký Số này khiến thân thông thả, tâm an nhàn. Chỉ những lúc làm việc khó nhớ nổi số thì cứ khẩn thiết niệm. Làm việc xong, lại nhiếp tâm nhớ số, những ý tưởng lông bông qua lại sẽ theo nhau gom về chuyên chú nơi một cảnh Phật hiệu. Đức Đại Thế Chí nói: *“Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất”*. Kẻ lợi

căn chẳng cần bàn đến, còn như bọn độn căn ta bỏ cách Thập Niệm Ký Số này, lại mong “*nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”, thật khó khăn lắm thay!

Lại phải nên biết: Cách nhiếp tâm niệm Phật này chính là pháp vừa cạn, vừa sâu, vừa Tiểu, vừa Đại, chẳng thể nghĩ bàn! Chỉ nên ngửa tin lời Phật, chớ vì mình chưa hiểu đến nơi đến chốn bèn sanh ngờ vực, đến nỗi thiện căn nhiều kiếp do đây phải mất, chẳng thể tự rốt ráo đạt được lợi ích, thật là đáng buồn! Chỉ nên lần chuỗi niệm Phật trong hai lúc đi hoặc đứng. Nếu tịnh tọa dưỡng thần, do tay động, tinh thần chẳng thể an, lâu ngày thành bệnh. Pháp Thập Niệm Ký Số này, đi, đứng, nằm, ngồi đều thực hành được cả, nhưng lúc nằm chỉ nên niệm thầm, chẳng được niệm ra tiếng. Nếu niệm ra tiếng, thì một là chẳng cung kính, hai là bị tổn khí. Hãy nhớ kỹ, hãy nhớ chắc!

* Đã có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, phải nên chí tâm chấp trì sáu chữ thánh hiệu “Nam-mô A Di Đà Phật”. Bất luận đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, im lặng, mặc áo, ăn cơm, và đại tiểu tiện v.v... đều chẳng lìa sáu chữ hồng danh (hoặc trì bốn chữ cũng được). Cần phải niệm sao cho toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm Phật chẳng hai, tâm Phật nhất như. Nếu có thể niệm tại đâu chú tâm tại đó, niệm đến cùng cực, tình mát sạch, tâm không, Phật hiện, sẽ chứng đắc tam-muội ngay trong đời này. Đến lúc lâm chung, sanh trong Thượng Thượng Phẩm, có thể nói là đã hoàn tất sự tu trì đến cùng cực vậy.

* Lúc niệm Phật hãy nên tùy nghi. Nay trong Niệm Phật Đường của các tùng lâm đều niệm kinh A Di Đà xong thì niệm chú Vãng Sanh ba biến hoặc một biến, rồi mới xưng kệ niệm Phật. Tán kệ

xong, niệm tiếp “*Nam-mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật*” rồi nhiều niệm. Phải đi nhiều từ Đông sang Nam, từ Tây sang Bắc. Đây là thuận tùng, là tùy hỷ. Thuận tùng mới có công đức. Tây Vực trọng nhất là đi nhiều. Ở phương này, cùng thực hành cả hai cách lễ bái và đi nhiều. Nếu đi từ Đông sang Bắc, từ Tây sang Nam thì là “*phản nhiều*” (đi nhiều ngược chiều) sẽ mắc tội, chớ nên không biết điều này! Nhiều niệm một khắc rưỡi rồi ngồi niệm thầm. Ước chừng [niệm thầm] một khắc, lại niệm Phật ra tiếng.

Niệm xong, quỳ niệm Phật mười lần. Quan Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, mỗi danh hiệu niệm ba lượt. Sau đây mới niệm Phát Nguyện Văn. Người tại gia ngại thất nhỏ khó nhiều niệm thì đứng, quỳ hay ngồi niệm đều được. Chỉ nên án theo tinh thần mình để định, bất tất phải nhờ người khác lập pháp tắc cho

mình.

* Niệm Phật tuy quý ở tâm niệm, nhưng chẳng thể bỏ miệng tụng. Vì ba thứ thân, khẩu, ý hỗ trợ nhau. Nếu tâm ức niệm, nhưng thân chẳng lễ kính, miệng chẳng trì tụng, thì cũng khó được lợi ích. Thế gian nhắc vật nặng còn phải dùng tiếng [hò reo] để trợ lực, huống là muốn nhiếp tâm để chứng tam-muội ư? Vì thế, kinh Đại Tập nói: “*Niệm lớn thấy Phật lớn. Niệm nhỏ thấy Phật nhỏ*”. Cổ đức bảo: “*Niệm lớn tiếng sẽ hiện thân Phật lớn. Niệm nhỏ tiếng sẽ hiện thân Phật nhỏ*”. Hàng phàm phu đầy dẫy triền phược, tâm nhiều hôn trầm, tán loạn, nếu chẳng nhờ vào sức thân khẩu lễ niệm, mà mong đạt được nhất tâm, quả thật chẳng thể được!

* Hòa Thượng Thiện Đạo là hóa thân của đức Di Đà, có đại thần thông, có đại

trí huệ, nhưng khi hoǎng khai, xiển dương Tịnh Độ, Ngài chẳng luận những chỗ huyền diệu, chỉ chú trọng vào những điểm chân thật, thiết thực, bình thường để dạy người tu trì. Thuyết Chuyên Táp Nhị Tu (hai đường lối chuyên tu và tạp tu) của Ngài dạy lợi ích vô cùng.

Chuyên Tu nghĩa là thân nghiệp chuyên lễ (đi nhiều và trong hết thảy chỗ đều chẳng phóng dật thì là thân nghiệp chuyên lễ), khẩu nghiệp chuyên xưng (hề trì tụng kinh chú đều chí tâm hồi hướng, cũng có thể gọi là chuyên xưng), ý nghiệp chuyên niệm. Như thế thì vãng sanh Tây Phương, vạn người chẳng sót một.

Tạp Tu là kiêm tu các thứ pháp môn, hồi hướng vãng sanh. Do tâm chẳng thuần nhất, nên khó đạt được lợi ích; trong trăm người, họa may được một hai, trong ngàn người, may ra được ba bốn người vãng sanh! Đây là lời chân thành phát xuất từ miệng vàng, là lời phán định sắt đanh ngàn

đời chẳng thay đổi.

* Phát nguyện Văn, văn tuy rộng lớn, nhưng cần phải chân thật phát nguyện từ nơi tâm thì mới gọi là nguyện. Nếu không, tâm và miệng trái nhau, gọi là nguyện sao được? Muốn nguyện [được phước báo] trong hiện đời, cũng chẳng ngại gì. Muốn được phước huệ, đông con lắm cháu thì cứ cầu bằng cách chất chứa thật nhiều âm đức, hành rộng rãi các phương tiện.

* Niệm Phật chẳng thể bỏ qua hồi hướng. Hồi hướng chính là dùng miệng để phát khởi tín nguyện, nhưng chỉ nên hồi hướng sau khi đã hoàn tất khóa tụng sáng tối, và sau khi niệm Phật, tụng kinh giữa ngày xong. Niệm Phật thì nên niệm từ sáng đến tối chẳng gián đoạn, chỉ cần trong tâm có ý niệm nguyện được vãng sanh là đã luôn hồi hướng. Nếu cứ theo

nghi thức tụng văn hồi hướng, sẽ chẳng luôn luôn được như vậy. Các kinh Đại Thừa, kinh nào cũng đều dạy chúng sanh tiến thẳng đến thành tựu Phật đạo; chỉ hận người tụng chẳng thành tâm niệm tụng, đến nỗi chẳng được lợi ích hoàn toàn!

* Trong sinh hoạt hằng ngày, đối với tất cả những việc thiện nhỏ nhoi và các thiện căn tụng kinh, lễ bái, đều đem những công đức ấy hồi hướng vãng sanh. Như thế thì hết thấy hạnh môn đều là Trợ Hạnh của Tịnh Độ. Giống như các hạt bụi tụ thành đất, các dòng chảy dồn lại thành biển rộng lớn, sâu thẳm, ai có thể cùng tận nổi! Nhưng phải phát Bồ Đề tâm, thệ nguyện độ sanh, hồi hướng tất cả công đức tu trì cho khắp bốn ân, chúng sanh trong ba cõi và pháp giới, như lửa thêm dầu, như mạ gặp mưa. Đã kết sâu pháp duyên cùng hết thấy chúng sanh, sẽ mau thành tựu hạnh Đại Thừa thù thắng của

chính mình. Nếu chẳng biết nghĩa này thì chỉ là sự hiểu biết của phàm phu, Nhị Thừa, dù tu diệu hạnh chỉ cảm được quả báo thấp kém!

* Hãy nên phát nguyện vào lúc niệm Phật sáng chiều xong (đối với pháp Thập Niệm sáng chiều thì cũng phải niệm Phật trước rồi mới phát nguyện). Hoặc là dùng bài Tiểu Tịnh Độ Văn [để phát nguyện]. Nếu thân tâm rảnh rỗi, hãy nên đọc bài Tịnh Độ Văn do Liên Trì đại sư soạn. Bài này văn từ, nghĩa lý chu đáo, hay nhất xưa nay. Hãy nên biết: Phát nguyện mà đọc văn [phát nguyện hồi hướng] là nương theo văn để phát nguyện, chẳng phải là chỉ đọc qua một lượt thì đã là phát nguyện đâu nhé!

* Đối với công khóa mỗi ngày, công khóa nào cũng đều nên hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Nếu đem công

khóa này hồi hướng cho việc này, công khóa kia hồi hướng cho việc kia, tuy chẳng phải là không được, nhưng phải có lời phổ đồng hồi hướng thì mới tương hợp với ba thứ hồi hướng.

Ba thứ hồi hướng là:

- Một là hồi hướng về Chân Như Thật Tế, tâm tâm khế hợp.
- Hai là hồi hướng Phật Quả Bồ Đề, niệm niệm viên mãn.
- Ba là hết thấy các pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ.

Mỗi người có chí riêng, người người có nghiệp riêng (nghiệp ở đây là thức nghiệp), nhưng tùy duyên tùy phận đều được vãng sanh, bất tất mọi người phải giống hết nhau.

3.2. Đối trị tập khí

* Niệm Phật muốn được nhất tâm, trước hết phải phát tâm chân thật, thật sự

vì liễu sanh tử, chẳng phải vì mong người đời gọi mình là người tu hành chân thật. Lúc niệm, từng câu, từng chữ phải từ tâm phát khởi, từ miệng thốt ra, lọt vào tai. Mỗi câu đều như thế, trăm ngàn vạn câu cũng đều như thế. Làm được như thế thì vọng niệm sẽ không do đâu để khởi được, tâm và Phật tự có thể khế hợp lẫn nhau. Lại phải khéo dụng tâm, đừng đến nỗi quá chấp trước để rồi thân tâm bất an, đến nỗi ma sự có thể phát khởi. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, hành đúng theo cách này, nhất định sẽ chẳng làm lạc.

* Lúc niệm Phật chẳng thể khăn thiết là vì chưa biết Sa Bà là khổ, Cực Lạc là vui! Nếu nghĩ “*thân người khó được, trung quốc khó sanh, Phật pháp khó nghe, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó gặp*”, nếu chẳng nhất tâm niệm Phật, một hơi thở ra chẳng hít trở lại, chắc chắn sẽ tùy theo nghiệp nặng nhất trong đời trước hay đời

này mà đọa trong tam đồ ác đạo, chịu khổ bao kiếp dài lâu, trọn chẳng có thuở ra. Như thế là do “*ngĩ khổ địa ngục, phát Bồ Đề tâm*”. Bồ Đề tâm chính là tâm tự lợi, lợi tha. Tâm này vừa phát sẽ như máy được nạp điện, như thuốc thêm lưu huỳnh, sức nó rất lớn, lại rất nhanh chóng. [Do phát tâm Bồ Đề] tiêu được nghiệp chướng, tăng phước huệ, chẳng thể dùng những thiện căn, phước đức bình thường để sánh ví được!

* Niệm Phật hãy nên thường tưởng như mình sắp chết, sắp đọa địa ngục, [tưởng như vậy] thì chẳng khẩn thiết cũng sẽ tự khẩn thiết, chẳng tương ứng cũng tự tương ứng. Dùng tâm sợ khổ niệm Phật chính là diệu pháp thoát khổ bậc nhất, mà cũng là diệu pháp tùy duyên tiêu nghiệp bậc nhất.

* Trì tập khí trong tâm thì chỉ có siêng

năng và thiết tha, nhưng vẫn chưa đạt, chưa thấy tập khí tiêu trừ là vì có gì? Ấy là do tâm sanh tử chưa thiết tha, chỉ bàn suông pháp “siêu phàm nhập thánh, tiêu trừ Hoặc nghiệp, thành tựu tịnh niệm” này nơi cửa miệng, nên chẳng đạt được hiệu quả thật sự. Nếu biết “*thân người khó được, Phật pháp khó nghe, pháp môn Tịnh Độ lại càng khó gặp*”, nay ta may mắn có được cái thân đại trượng phu, lại được nghe pháp môn Tịnh Độ khó tin nhất, há dám để quang âm hữu hạn bị tiêu hao hết sạch bởi sắc, thanh, của cải, lợi lộc, để rồi vẫn sống thừa, chết uổng như cũ, vẫn lại trầm luân lục đạo, không có ngày thoát ra ư?

Hãy đem ngay một chữ Tử dán vào trán (chữ Tử rất hay). Hễ những cảnh chẳng nên tham luyến hiện ra, liền biết đây chính là vạc sôi, lò than của chính mình, quyết sẽ chẳng đến nỗi như con thiêu thân đâm đầu vào lửa, cam chịu đốt

mình! Đối với những sự mình phải nên làm, sẽ biết đây là thuyền Tù để ta thoát khỏi, quyết sẽ chẳng đến nỗi gặp việc nhân bèn thoái thác, thấy việc nghĩa chẳng làm! Như thế thì trần cảnh sẽ là duyên để nhập đạo, há cần phải dứt sạch trần duyên mới kham tu đạo ư? Bởi đã làm chủ được tâm, chẳng bị cảnh chuyển, thì trần lao chính là giải thoát.

Vì thế, kinh Kim Cang mấy lượt dạy người ta tâm chẳng trụ tướng, phát tâm độ tận hết thấy chúng sanh, nhưng chẳng thấy ta là người độ, chúng sanh là người được độ, và tướng thọ giả của Vô Dư Niết Bàn để đắc, thì mới là thật sự hành Bồ Tát đạo. Nếu thấy có ta là người độ, chúng sanh được độ và Vô Dư Niết Bàn là pháp để độ, thì tuy là độ sanh, nhưng chưa thể khế hợp đạo Nhất Thừa Thật Tướng. Vì chẳng hiểu thấu bản thể của chúng sanh là Phật, Phật tánh bình đẳng, vọng khởi phàm tình, thánh giải, đến nỗi lợi ích vô vi biến thành

công đức hữu vi. Huống hồ là tham luyến, dính chặt vào thanh, sắc, của cải, lợi lộc ư?

* Niệm Phật chẳng thể thuần nhất thì phải chế tâm, chẳng để nó chạy theo bên ngoài. Lâu ngày sẽ tự được thuần nhất. Nói “*thành phiến*” (tâm biến thành một phiến, một khối) nghĩa là thuần nhất, không tạp vậy.

* Sơ tâm niệm Phật, lúc còn chưa đích thân chứng tam-muội, ai lại chẳng có vọng niệm? Cốt sao tâm thường giác chiếu, chẳng chuyển theo vọng. Ví như quân hai bên đối đầu nơi chiến lũy, ắt phải giữ vững thành quách bên mình, chẳng để quân giặc xâm phạm chút nào. Chờ lúc giặc vừa phát tác, ta liền nghênh địch, đánh trả, ắt phải dùng quân Chánh Giác bao vây bốn mặt, khiến cho địch không lối lên trời, không nẻo chui xuống đất. Chúng

nó sợ bị tận diệt bèn kéo nhau quy hàng. Điều quan trọng nhất là chủ soái chẳng hôn trầm, chẳng lười nhác, luôn luôn tỉnh táo mà thôi. Nếu một phen hôn trầm, lười nhác, không chỉ là chẳng diệt được giặc, trái lại còn bị giặc diệt. Vì thế, người niệm Phật chẳng biết nhiếp tâm, thì càng niệm, càng sanh vọng tưởng. Nếu nhiếp được tâm, vọng niệm sẽ dần dần mỏng nhẹ, cho đến hết sạch. Vì thế bảo:

*Học đạo do như thủ cầm thành,
Trú phòng lục tặc, dạ tỉnh tỉnh,
Tướng quân chủ soái năng hành lĩnh,
Bất động can qua định thái bình.*

(Tạm dịch:

Học đạo hệt như giữ cầm thành,
Ngày phòng sáu giặc, đêm luôn tỉnh,
Tướng quân chủ soái luôn đôn đốc,
Chẳng dấy binh đao, vững thái bình)

* Niệm Phật tâm chẳng quy nhất là do tâm sanh tử chẳng thiết tha. Nếu luôn nghĩ

như đang bị nước dâng, lửa đốt, không được cứu giúp, luôn tưởng sắp bị chết, sắp đọa địa ngục, tâm sẽ tự quy nhất, chẳng cần phải tìm diệu pháp nào khác. Vì thế, trong kinh thường nói: “*Nghĩ khổ địa ngục, phát Bồ Đề tâm*”. Đây chính là lời khai thị thiết yếu nhất của đấng Đại Giác Thế Tôn, tiếc là người đời chẳng chịu chân thật suy tưởng. Nỗi khổ địa ngục sâu đậm hơn thâm trạng nước, lửa vô lượng, vô biên lân. Nghĩ đến nước cuốn, lửa cháy liền run rẩy, tưởng đến địa ngục lại hờ hững thì:

- Một là vì tâm lực nhỏ nhoi, nên chẳng thể hiểu rõ sự khổ đó.

- Hai là khi chính mắt thấy sẽ bất giác hoảng sợ, lông tóc dựng cả lên.

* Niệm Phật cũng là cách để dưỡng khí, điều thần, mà cũng là pháp để tham cứu bản lai diện mục. Vì sao nói thế? Tâm chúng ta thường luôn rối loạn, nếu

chí thành niệm Phật, sẽ thấy hết thảy tạp niệm, vọng tưởng dần dần bị tiêu diệt. Do tiêu diệt, nên tâm quy nhất. Quy nhất thì tự nhiên thần khí sung mãn, thông suốt. Ông chẳng biết niệm Phật có thể diệt vọng ư? Hãy thử niệm, sẽ thấy các thứ vọng niệm trong tâm đều hiện. Nếu niệm lâu ngày, sẽ tự thấy không có các thứ vọng niệm đó nữa. Lúc đầu, biết có vọng niệm là nhờ niệm Phật, nên mới thấy được các vọng niệm trong tâm mình. Chẳng niệm Phật, sẽ chẳng thấy. Ví như trong nhà, sạch sẽ không bụi, nhưng một ánh nắng lọt qua khe cửa, sẽ thấy không biết bao nhiêu là bụi. Bụi trong nhà do ánh mặt trời hiện rõ; vọng niệm trong tâm, do niệm Phật nên hiện rõ. Nếu thường niệm Phật, tự tâm sẽ thanh tịnh.

Không Tử hâm mộ đạo của Nghiêu, Thuấn, Châu Công, niệm niệm chẳng quên, nên thấy Nghiêu trong canh, thấy Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong

mộng. Đây là do luôn luôn nghĩ nhớ. Niệm Phật có khác chi? Do vì Hoặc nghiệp, tâm và miệng của chúng sanh biến thành nhiễm ô, nên Phật dạy dùng tâm và miệng xưng niệm hồng danh thánh hiệu A Di Đà Phật, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm. Niệm lâu ngày, nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, Phật tánh sẵn có nơi tự tâm sẽ tự hiển hiện.

* Nếu như vọng niệm đầy dẫy, qua lại loang loáng, quần quanh nơi ý, đó là do chưa thật sự đề khởi chánh niệm. Nếu chánh niệm chân thật, thiết tha, sẽ khăng khăng chuyên chú vào một cảnh chánh niệm. Như thường nói: *“Chế ngự, thuần phục đúng pháp, thì giặc cướp cũng như con đò. Chế ngự, thuần phục thất cách, thì kẻ tay chân cũng thành oan gia”*.

Còn thuộc địa vị phàm phu, ai không có phiền não? Phải luôn luôn đề phòng sẵn thì tự nhiên khi gặp cảnh, đặng duyên,

chẳng đến nỗi phiền não bạo phát. Ví dù phiền não có phát, vẫn có thể nhanh chóng đề khởi giác chiếu, khiến cho phiền não tiêu diệt. Những cảnh làm phiền não khởi há phải chỉ có một, chỉ nêu lên những cảnh dễ khởi phiền não nhất thì chẳng ngoài tài, sắc và những chuyện ngang trái mà thôi.

Nếu biết tiền tài vô nghĩa, hại hơn rắn độc, thì thấy tiền tài sẽ chẳng khởi phiền não, chỉ phương tiện cùng người [sử dụng tiền tài], chứ rốt ráo luôn quay về tiền trình [giải thoát] của chính mình, sẽ không có phiền não “hoạn nạn cùng quần, cấp bách khó cầu cứu, tham tiếc tiền tài chẳng bỏ được”!

Về sắc thì đối trước dung mạo như hoa, như ngọc, tâm luôn nghĩ như chị, như em. Dù gặp gái ăn sương, vẫn nghĩ như thế, sanh lòng thương xót, sanh tâm độ thoát, sẽ không có phiền não “thấy sắc động lòng”. Vợ chồng kính trọng nhau

như khách, coi thê thiếp như ân nhân giúp mình nổi dãi tổ tông, chẳng dám xem nhẹ họ như vật để hành lạc thỏa dục, sẽ không có phiền não “đắm dục diệt thân, vợ chẳng thể sanh nở, con chẳng thành người”.

Giáo huấn con cái từ nhỏ, sẽ không có phiền não “con cái ngỗ nghịch cha mẹ, bại hoại môn phong”. Ngay cả khi gặp cảnh trái ngang, phải sanh lòng thương xót, thương kẻ đó vô tri, chẳng nên so đo. Lại nghĩ do mình đời trước đã từng nào hại kẻ đó; do vậy, phải đền nợ cũ, sanh lòng hoan hỷ, sẽ không có phiền não “kẻ trái nghịch báo thù”.

Những điều vừa nói trên đây chỉ dành cho người sơ cơ. Còn nếu là bậc đại sĩ tu lâu, do đã hiểu thấu Ngã Không, nên vô tận phiền não đều hóa thành đại quang minh tạng, giống như đao đã mài bén, vàng đã luyện thuần, sen nhờ bùn vun bón mới được thanh tịnh, tươi sạch.

* Cái học của người quân tử là vì mình, niệm niệm nhắc nhở chính mình tự phản tỉnh. Giác và mộng giống hệt như nhau, chỉ có công phu đến nơi mới hiểu được. Chỉ là hễ giác liền tu trì ngay, lâu ngày, ngay trong mộng cũng chẳng làm gì làm lỡ!

* Người học đạo, đặt nặng đạo niệm một phần, phàm tình sẽ nhẹ một phần, đó là lẽ tất nhiên! Người chưa đoạn Hoặc phải thường nỗ lực.

Nếu một phen phóng túng, bệnh cũ nhất định sẽ tái phát. Người đã đoạn sạch Kiến Tư Hoặc mới nên tùy ý hành động, chẳng cần phải kiềm chế, gìn giữ!

* Tâm tham, sân, si ai nấy đều có. Nếu biết đó là bệnh, thế lực của chúng sẽ khó thể lừng lẫy. Ví như giặc vào nhà người ta, nếu chủ nhân nhà ấy tưởng nó là người trong nhà thì đồ trân báu của cả nhà sẽ bị

nó lén trộm mất sạch. Nếu biết nó là giặc, sẽ chẳng cho nó ở lại nhà mình dù chỉ một khắc, ắt phải đuổi nó đi thật xa khuất mắt, mới hòng tài bảo chẳng bị mất, chủ nhân yên vui. Cổ đức bảo: “*Bất phạ niệm khởi, chỉ phạ giác trì*” (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ e biết chậm). Tham, sân, si vừa khởi, lập tức biết ngay, nó sẽ lập tức tiêu diệt. Nếu coi tham, sân, si là ông chủ chánh yếu trong nhà mình, sẽ giống như nhận giặc làm con, của báu trong nhà ắt phải tiêu tán hết!

* Bị cảnh chuyển là sức “tháo trì” (操持) còn nông cạn. Vui, giận dấy động bên trong, hiện thành vẻ tốt xấu ngoài mặt. “*Tháo trì*” có nghĩa là hàm dưỡng. Nếu coi trọng chánh niệm thì mọi thứ khác đều xem nhẹ. Vì thế, người thật sự tu hành, phải rèn luyện trong trần lao, khiến cho phiền não, tập khí dần dần bị tiêu diệt thì mới là công phu thực sự.

* Hãy để chuyện đối trị tập khí, phiền não trong tự tâm lại đó khoan bàn tới. Chỉ hành trì ngoài mặt, công phu bên trong trống rỗng; trái lại còn sanh ngã mạn, coi công - lợi là đức thì càng bị tổn hại nhiều! Ví như ăn cơm phải có rau dưa phụ trợ, lại cũng như thân thể phải dùng áo mao để trang hoàng. Nơi con đường đạo tu hành dài lâu để liễu sanh tử, sao lại muốn thâm nhập một môn, phế sạch các môn khác? Phế sạch các môn khác, chỉ lo đả thất thì còn được. Còn trong lúc thường nhật, nếu chẳng phải là bậc Bồ Tát tái lai, chắc chắn chưa có một ai không trở thành hạng biếng nhác, ngạo mạn. Bởi lẽ, tâm phàm phu thường hay sanh chán.

Trời sanh ra muôn vật, ắt phải mưa nắng điều hòa, nóng lạnh đắp đổi thì mới có thể khiến cho mọi vật sanh thành, tăng trưởng. Giả sử mưa hoài, nắng mãi, luôn lạnh, luôn nóng, dưới khắp gầm trời

sẽ trọn chẳng có một vật gì! Huống hồ bọn ta tâm như khí, vượn, chẳng dùng các biện pháp đối trị, lại muốn nó an trụ một nơi, chẳng làm lạc rong ruổi, thì đúng là khó lắm, khó quá! Ai nấy hãy nên tự gắng sức, chớ nên thiên chấp một pháp, cũng đừng lan man không có đầu mối gì hết!

* Cứ hướng ngoại rong ruổi, tìm cầu, chẳng biết phản chiếu hồi quang, học Phật như thế, thật khó đạt được lợi ích thật sự! Mạnh Tử nói: *“Đạo học vấn không có gì khác cả, cầu sao thấu hồi cái tâm buông lung mà thôi!”* Ông học Phật mà chẳng biết lắng lòng niệm Phật, đối với Nho giáo còn chưa thật sự tuân hành, huống hồ là đối với pháp chân thật lắng tâm của Phật giáo ư?

Quán Thế Âm Bồ Tát phản vãn tự tánh (xoay trở lại nghe nơi tự tánh). Đại Thế Chí Bồ Tát nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Kinh Kim Cang không trụ

vào đầu mà sanh tâm, chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp để hành bố thí, cho đến vạn hạnh. Tâm Kinh soi thấy Ngũ Uẩn đều không. Những pháp này đều là diệu pháp dạy người ta đối trước cảnh bèn hiểu biết cái tâm. Nếu cứ nhất quyết muốn học rộng hết cả, tuy chẳng phải là không có lợi ích, nhưng vì nghiệp chướng chưa tiêu, nên chưa đạt được lợi ích, đã bị mắc bệnh trước!

* Khi làm việc chưa thể “*niệm tại đầu, tâm tại đó*”, là do chưa đạt đến cảnh giới Nhất Tâm Bất Loạn, tâm vô nhị dụng, nên khó tránh khỏi gián đoạn. Chỉ cần luôn giữ được tâm giác chiếu thì cũng chẳng trở ngại gì.

* Một sự sắc dục là bệnh chung của toàn bộ người đời. Không chỉ kẻ trung hạ bị sắc mê hoặc; ngay cả người thượng căn, nếu chẳng tự gìn giữ, run sợ, luôn nghĩ

kiêng dè, thì cũng khó tránh khỏi bị nó mê hoặc. Hãy thử nhìn xem: Từ xưa đến nay, không ít bậc hào kiệt phi thường đáng coi là bậc thánh bậc hiền, chỉ do chẳng vượt được cái ải này, lại trở thành kẻ hạ ngu, bất hiếu, lại còn vĩnh viễn đọa lạc trong ác đạo.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *“Nếu lục đạo chúng sanh trong các thế giới tâm chẳng dâm, sẽ chẳng sanh tử tiếp nối. Các ông tu tam-muội vốn là để thoát trần lao, nhưng chưa trừ dâm tâm, sẽ chẳng thể thoát khỏi trần. Người học đạo vốn là để xuất ly sanh tử, nếu chẳng thể đau đầu trừ khử bệnh này, nhất định sẽ khó thoát lìa sanh tử”*.

Như vậy thì pháp môn Niệm Phật tuy đời nghiệp vãng sanh, nhưng nếu thói quen dâm dục cố kết, sẽ xa cách Phật, khó thể cảm ứng đạo giao. Đối với cái họa sắc dục này, không gì bằng là đối với hết thầy nữ nhân luôn khởi lên thân tướng, oán

tương, bất tịnh tương.

“*Thân tương*” (tương như người thân) là thấy người già coi như mẹ, thấy người lớn hơn coi như chị, coi người nhỏ hơn như em, với trẻ nhỏ coi như con gái. Dù dục tâm mạnh mẽ, quyết chẳng dám khởi ý niệm bất chánh đối với mẹ, chị, em, con. Thấy hết thấy nữ nhân đều là mẹ, chị, em gái, con gái mình, đương nhiên sẽ chế ngự được dục, dục không do đâu mà phát khởi được!

“*Oán tương*” là phạm thấy mỹ nữ, bèn khởi tâm yêu mến. Do tâm yêu mến đó, sẽ đọa trong ác đạo, thọ khổ bao kiếp dài lâu, chẳng thể xuất ly. Như thế thì cái gọi là “mỹ lệ, kiêu my” còn nguy hại kịch liệt hơn giặc cướp, cọp, sói, rắn độc, rét dữ, tỳ sương, trầm độc²⁸ gấp trăm ngàn lần. Đối với kẻ oán gia cực lớn ấy, vẫn còn quyến luyến, mơ tưởng, chẳng phải là

²⁸ Tỳ sương là chất thạch tín (arsenic), đôi chỗ còn gọi là Nhân Ngôn, rất độc. Trầm (hay Trầm 鵩) là tên một loại chim theo truyền thuyết rất độc. Lòng của nó rút xuống chỗ có nước, thủy tộc trong đó đều chết sạch.

kẻ mê muội quá sức hay sao?

“*Bất tịnh tướng*” là vẻ xinh đẹp rung động lòng người chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài. Nếu bóc lớp da ấy đi, sẽ chẳng can đảm nhìn nữa. Xương, thịt, máu, mủ, phân, tiểu đằm đìa, lông, tóc loạn xạ, trợn chẳng có vật nào đáng để người khác yêu thích được cả. Chỉ vì một lớp da mỏng che phủ, bèn làm sanh luyến ái. Bình đẹp đưng phân, không ai ưa mến! Nay lớp da mỏng của mỹ nhân khác gì bình đẹp, những thứ được gói trong da còn bản hơn phân, sao lại yêu mến lớp da bên ngoài, quên đi các thứ vật dơ chứa trong lớp da đó, khởi lên vọng tưởng miên man? Nếu chẳng run rẩy, kinh sợ, quyết liệt trừ khử thói quen này, sẽ chỉ thấy người nữ kia tư chất mỹ lệ, đến nỗi mũi tên ái dục đâm thấu xương mà chẳng chịu nhổ ra. Nếu cứ luôn như vậy mà lại muốn sau khi chết đi, chẳng vào trong bụng người nữ, quyết chẳng thể được! Vào bụng người nữ còn

khá, vào bụng súc sanh cái thì chẳng biết làm sao! Thử nghĩ đến đây, tâm thần kinh hãi.

Nhưng muốn đối với những cảnh trông thấy chẳng khởi nhiễm tâm thì lúc chưa thấy cảnh phải thường tập ba thứ tướng nói trên, khi thấy cảnh, sẽ tự có thể chẳng bị cảnh chuyển. Nếu không, dù chẳng thấy cảnh, nhưng tâm ý vẫn cứ triền miên, rốt cuộc vẫn bị tập khí dâm dục trói buộc. Bởi thế, phải nghiêm túc gột trừ ác nghiệp tập khí thì mới có phần tự do.

* Bàn đến những ai bị việc đời trói buộc, không có cách nào thoát được; nếu trong lúc bị buộc ràng mà có thể chẳng bị chúng xoay chuyển, sẽ có thể thoát ngay những buộc ràng ấy. Như gương chiếu vật, vật đến chẳng cự tuyệt, vật đi chẳng giữ lại. Nếu chẳng hiểu nghĩa này, dù có bỏ sạch việc đời không còn một việc gì,

thì tâm vẫn cứ tán loạn, vọng tưởng, ràng buộc kiên cố, chẳng thể gột sạch!

Người học đạo phải làm đúng với bốn phận của mình, tận hết bốn phận. Như vậy, dù suốt ngày bận bịu việc đời, vẫn là suốt ngày tiêu dao ngoại vật. Câu nói “*nhất tâm vô trụ, vạn cảnh câu khai, lục trần bất ó, hoàn đồng Chánh Giác*” (nhất tâm vô trụ, vạn cảnh đều khai, chẳng ghét sáu trần, đều coi chúng là Chánh Giác) là nói về điều này vậy.

* Muốn cho Chân Trí hiển hiện, hãy nên thường khởi giác chiếu đối với mọi ngôn từ, cử chỉ hằng ngày, chẳng để hết thấy những tình cảm, ý tưởng trái lẽ tạm thời nẩy mầm trong tâm. Thường giữ cho tâm này hư minh đồng triệt (trống không, sáng suốt, thấu triệt rỗng rang) như gương đặt trên đài, gặp cảnh nào hiện bóng cảnh nấy. Chỉ chiếu cảnh trước mắt, chẳng bị chuyển theo cảnh. Tốt, xấu mặc nó, liên

can chi đến ta? Đến chẳng mong chờ, đi chẳng lưu luyến. Nếu những tình huống trái lẽ vừa mới manh động, liền phải nghiêm khắc đối trị, trừ khử cho sạch. Như cùng quân giặc đối địch, không chỉ chẳng cho nó xâm phạm lãnh thổ của mình, mà còn phải chém tướng, đoạt cờ, diệt sạch dư đảng. Phải nghiêm khắc dùng cách chế ngự quân địch như vậy để tự trị mình, đừng lười nhác, đừng sao nhãng. Khắc kỷ²⁹, giữ lễ, chú trọng kính, giữ lòng thành. Đối với phương tiện [để tự đối trị chính mình], hãy nên dùng bốn điều không của Nhan Tử³⁰, ba điều cảnh tỉnh của Tăng Tử³¹, cách “hạn chế lỗi lầm, tự biết mình sai” của ông Cừ Bá Ngọc.

²⁹ Khắc kỷ: Tự ước thúc, ràng buộc, kiểm chế chính mình, dẹp trừ những vọng niệm xằng bậy.

³⁰ Nguyên văn “*Nhan Tử chi tứ vật*”, tức là “*phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động*” (chuyện phi lễ đừng nhìn, chuyện phi lễ đừng nghe, đừng nói đến chuyện phi lễ, đừng làm chuyện phi lễ). Nhan Tử chính là Nhan Uyên, môn đệ đặc ý nhất của Khổng Tử. Thật ra, đây là lời Khổng Tử dạy Nhan Uyên khi Nhan Uyên hỏi về cách khắc kỷ, giữ lễ.

³¹ Đây là lời của Tăng Tử (Tăng Sâm) nói, được chép trong thiên Học Nhi của sách Luận Ngữ: “Ngô nhật tam tỉnh ngô thân, vị nhân mưu nhi bất trung hồ? Dĩ bằng hữu giao nhi bất tín hồ? Truyền bất tập hồ?” (Ta mỗi ngày ba lượt phản tỉnh bản thân, vì người khác mưu tính có tận hết lòng trung hay không? Chơi với bè bạn có giữ chữ tín hay không? Những gì thầy đã truyền dạy có tập luyện hay không?)

Lại phải nên dè dặt, kinh sợ [những tình huống trái lẽ] như té xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng. Đối địch cùng chúng thì quân oai vang dậy, khiến cho tặc đảng tâm lòng nguội lạnh, hoảng hốt, sợ vương phải cơn tàn sát diệt chủng nặng nề, chỉ mong hưởng hồng ân chiêu an vồ về. Từ đây, chúng sẽ khuất phục, đầu hàng, quy thuận sự giáo hóa, đổi sạch tâm trước, chăm tu đức sau. Tướng chẳng ra khỏi cửa, quân chẳng đổ máu. Toàn bộ giặc cướp, oán cừu, đều trở thành con đò, bọn phản loạn cùng hóa thành dân lành. Trên cai trị, dưới tuân phục, cả nước phẳng lặng, chẳng dấy can qua, ngồi hưởng thái bình.

Những điều vừa nói trên đây là do cách vật nên trí tri, do trí tri nên tự khắc sẽ làm sáng tỏ Minh Đức³². Chân thành và

³² Cách vật trí tri, minh Minh Đức: Hiểu theo nghĩa thông thường (như Tống Nho thường giảng), “cách vật trí tri” nghĩa là nghiên cứu mọi sự nhằm hiểu rõ lý lẽ (vì thế, trước đây những môn nghiên cứu khoa học tự nhiên hay gọi là Cách Trí), nhưng tổ Án Quang hiểu hơi khác. Trong pháp thoại tại pháp hội Túc Tai Hộ Quốc ở Thượng Hải, Tổ đã giảng như sau: “Họ (chỉ bọn Tống Nho) bảo “trí tri” là suy xéttri thức của mình đến cùng cực, “cách vật”

minh đức nhất trí, phàm sẽ thành thánh. Nếu là kẻ căn khí hèn kém, chưa thể tự thâm liễm mình, hãy nên bắt chước ông Triệu Duyệt Đạo: Ngày làm điều gì, đêm đốt hương bảm bạch cùng Thượng Đế. Điều gì mình chẳng dám bảm bạch thì chẳng dám làm.

Ông Viên Liễu Phàm chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, mạng do chính mình lập, phước do chính mình cầu, chứ tạo vật³³ chẳng thể tự tiện chiếm quyền. Ông ta vâng giữ phép Công Quá Cách, hễ khởi tâm động niệm, nói năng, làm gì dù việc thiện hay ác nhỏ nhất đều ghi lại, ngõ hầu điều thiện ngày càng tăng, điều ác mỗi ngày mỗi giảm. Lúc đầu, thiện ác xen tạp, lâu dần chỉ còn thiện, không còn ác. Vì thế, có thể chuyển vô

là hiểu cùng tận cái lý của mọi sự vật trong thiên hạ; nào hay “vật” chính là tư dục trong tâm mình. Do có tư dục, nên tự tâm bị chướng ngại; bởi thế, tâm vốn sẵn đủ chân tri, nhưng không cách nào hiển hiện. “Cách trừ” (hiểu biết và trừ khử) tư dục thì chân tri sẵn có sẽ tự hiển hiện. Hễ chân tri đã hiển thì tâm sẽ chánh, ý sẽ thành!”

³³ Tạo vật: Đối với người Hoa, chữ Tạo Vật đồng nghĩa với Tạo Hóa. Không như trong thần học Thiên Chúa Giáo, Tạo Hóa (Creator) là Chúa Trời, còn tạo vật là những vật được Chúa tạo ra (creature).

phước thành hữu phước, chuyển yếu thọ thành trường thọ, chuyển không có con cháu thành đông con lắm cháu. Ngay trong đời này, đã dự vào bậc thánh hiền, khi báo hết, sẽ cao đăng quê nhà Cực Lạc. Hành vi trở thành khuôn mẫu cho cõi đời, lời nói trở thành pháp thức cho cõi đời. Họ là trượng phu, ta cũng như vậy, sao lại tự khinh đến nỗi đành chịu thua kém?

* Nếu như căn cơ hèn kém, chưa thể chứng nhập, nếu ước theo Sanh Diệt Môn để luận về nguyên do, hậu quả, thì là do mê tâm đuổi theo cảnh, rong ruổi tìm cầu bên ngoài, khiến cho toàn thể trí huệ và đức tướng biến thành vọng tưởng và chấp trước. Vì thế, phải nên chú trọng chỗ tinh yếu, chú trọng chuyên nhất, chấp trì thánh hiệu Di Đà, tin thật, nguyện thiết, mong cầu vãng sanh Tây Phương. Hành trì lâu ngày, tâm và Phật như một, chẳng lìa ý

niệm hiện tại, triệt chứng Ngũ Uẩn là Không. Vọng tưởng, chấp trước đã diệt; trí huệ và đức tướng cũng không còn. Do tâm tịnh, cõi nước sẽ tịnh; chẳng lìa ngay nơi này, thâm nhập cõi Tịch Quang. Chỉ có mỗi cách này là cách [thích hợp] để chúng ta rốt ráo an thân lập mạng mà thôi!

* Người sống trong thế gian huyễn trụ mấy chục năm. Kể từ khi có hiểu biết đến nay, ngày đêm tính toán bộn bề, ngón ngang, không điều gì chẳng phải là để nuôi thân mình cùng người nhà, giữ thể diện, sao cho con cháu quý hiển mà thôi! Xét cội nguồn của căn bệnh ấy, chỉ là do chấp trước có Ngã, chẳng chịu buông xuống. Nỗi lo nghĩ ấy dính chắc, dù đức Phật có vì ta thuyết pháp, vẫn chẳng hiểu nổi. Trái lại, còn chẳng thềm bặt tâm đến diện mạo vị chủ nhân sẵn có của chính mình, mặc tình lưu chuyển theo nghiệp, trầm luân muôn kiếp, chẳng đáng buồn ư?

* Tu hành trọng yếu là đối trị tập khí phiền não. Tập khí giảm một phần, công phu tiến một phần. Có kẻ càng ra sức tu hành, tập khí càng phát động; ấy là do chỉ biết tu trì theo sự tướng, chẳng biết phản chiếu hồi quang, khắc chế, trừ khử vọng tình trong tâm của chính mình, nên mới đến nỗi như thế. Hãy nên thường sắp sẵn cách đề phòng thì gặp cảnh đưng duyên, tập khí sẽ chẳng phát. Nếu bình thời biết được đã biết thân tâm này của ta toàn là huyền vọng, trọn chẳng thể cầu thật thể, thật tánh của cái Ngã. Đã không có Ngã, sao còn có chuyện vì cảnh, vì người nầy sanh phiền não? Đây chính là phương pháp giải quyết tối thượng thiết yếu vậy.

Nếu như chẳng thể hiểu chắc thật Ngã là Không, hãy dùng pháp Ngũ Đình Tâm Quán do đức Như Lai đã dạy để đối trị (Ngũ Đình Tâm Quán là dùng năm pháp để điều hòa, ngưng lắng cái tâm, khiến

cho tâm an trụ, chẳng bị cảnh chuyể²n).
Tức là:

- 1) Chúng sanh nhiều tham bèn dùng Bất Tịnh Quán,
- 2) chúng sanh nhiều sân dùng Từ Bi Quán,
- 3) chúng sanh hay tán loạn dùng Sổ Tức Quán,
- 4) chúng sanh ngu si dùng Nhân Duyên Quán,
- 5) chúng sanh nhiều chướng dùng Niệm Phật Quán.

* “Tham” nghĩa là thấy cảnh bèn sanh lòng yêu thích. Chúng sanh trong Dục Giới đều do dâm dục mà sanh. Dâm dục do Ái mà sanh. Nếu có thể đối với thân mình, thân người, từ trong ra ngoài, quán sát kỹ mỗi thứ, sẽ chỉ thấy cái ghét (hờm), mồ hôi, đờm, rãi, tóc, lông, răng, móng, xương, thịt, máu, mủ, đại tiện, tiểu tiện, thối như xác chết, bản như nhà cầu! Ai

còn sanh tâm tham ái đối với vật ấy? Tham ái đã dứt, tâm địa liền thanh tịnh. Dùng tâm thanh tịnh để niệm danh hiệu Phật, như chất ngọt hòa lẫn, như lụa trắng ăn màu, dùng Nhân Địa Tâm khế hợp Quả Địa Giác, sự ít, công nhiều, lợi ích khó thể nghĩ ngợi!

* “Sân” là thấy cảnh, tâm khởi giận dữ, chán ghét. Người phú quý thường hay nóng giận là do các chuyện muốn được như ý thì cần phải có người làm, hễ có chút việc gì trái ý, liền sanh sân nộ. Nhẹ thì dùng lời ác chửi mắng, nặng thì roi, gậy đập thẳng cánh, chỉ cốt khoái ý mình, chẳng đoái hoài người khác đau lòng. Lại nữa, khi sân tâm khởi lên, không chỉ vô ích cho người khác, chính mình cũng bị tổn hại. Nhẹ thì tâm ý nóng nảy, bực bội; nặng thì gan lẫn mắt đều bị tổn hại. Vì thế, thường giữ được một khối nguyên khí thuần hòa trong tâm thì tật bệnh tiêu diệt,

phước thọ tăng trưởng.

Xưa kia, vua A Xà Thế cả đời thờ Phật, giữ vững năm giới, lúc lâm chung vì người hầu cầm phát trần đuổi ruồi châu hầu đã lâu, đâm ra mê mết, phát trúng mặt vua. Vua sanh tâm sân hận, ngay khi ấy mạng chung. Do một niệm ấy, liền thọ thân măng xà. Do sức tức phước còn biết được cái nhân ấy, bèn cầu sa-môn giảng cho Tam Quy Ngũ Giới, liền thoát thân măng xà, sanh lên trời. Do đây biết rằng: Thói quen sân hận có tai hại rất lớn. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *“Một niệm sân tâm khởi, trăm vạn cửa chương mở”*. Cổ đức bảo:

Sân thị tâm trung hỏa,
Năng thiêu công đức lâm.
Dục học Bồ Tát đạo,
Nhân nhục hộ sân tâm.
(Sân là lửa trong tâm,
Đốt sạch rừng công đức.
Muốn học đạo Bồ Tát,

Nhẫn nhục, ngừa tâm sân)

Đức Như Lai dạy chúng sanh nhiều sân hãy tu Từ Bi Quán như sau: Cõi hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, đều là chư Phật trong vị lai. Đã là cha mẹ trong quá khứ, hãy nghĩ đến ân đức nuôi nấng trong những đời trước, thì chưa báo đáp được, lẽ đâu đối với chuyện chẳng vừa ý nhỏ nhặt, lại ôm lòng phẫn nộ? Họ đã là chư Phật trong vị lai, ắt sẽ rộng độ chúng sanh. Ta còn chưa giải quyết sanh tử trọn vẹn, phải mong họ đến độ thoát cho.

Không chỉ là đối với chuyện chẳng vừa ý nhỏ nhặt chẳng sanh sân nộ; dù là chuyện táng thân mất mạng, cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh sân hận. Vì thế, lúc Bồ Tát bỏ đầu, mắt, tủy, não, đều tưởng người cầu xin [những thứ ấy] là thiện tri thức, tưởng là ân nhân, tưởng là người thành tựu Vô Thượng Bồ Đề Đạo cho ta. Cứ xem phẩm Thập Hồi Hương của kinh

Hoa Nghiêm sẽ tự biết.

Hơn nữa, một niệm tâm tánh của chúng ta cùng với một niệm tâm tánh của Phật không hai. Chỉ vì mê trái bản tâm, chấp chặt Ngã Kiến, nên hết thấy các duyên đều trở thành đối đãi. Như cái bia để bắn đã lập thì các mũi tên sẽ đều ghim vào đó. Nếu biết được tâm ta chính là tâm Phật, tâm Phật trống không, vô sở hữu, hết như hư không, sâm la vạn tượng không gì chẳng được bao gồm trong ấy. Lại cũng như biển cả, trăm sông, các dòng, không dòng nước nào mà biển chẳng hứng nhận, như trời che khắp, như đất bình đẳng nâng đỡ, chẳng tự coi “che khắp, chở đều” là đức! Nếu ta vì sự trái ý nhỏ nhặt bèn sanh nóng giận, chẳng phải là hẹp lượng, tự chôn vùi phạm đức hay chẳng? Dù có đủ Phật tâm lý thể, nhưng khởi tâm động niệm toàn dùng phàm tình để xử sự, ngỡ vọng là chân, lấy tứ làm chủ. Nghĩ như thế, rất đáng hổ thẹn. Nếu bình thời luôn

ngĩ như thế, tâm lượng sẽ rộng lớn, không gì chẳng dung được, thấy người cũng hết như mình, chẳng thấy đây kia, gặp nghịch cảnh bèn có thể chấp thuận, huống hồ là chuyện bất như ý nhỏ nhặt lại sanh nóng giận hay sao?

* “*Ngu si*” chẳng phải là nói kẻ ấy hoàn toàn thiếu hiểu biết, mà chính là nói những người trong cõi đời chẳng biết cảnh duyên thiện ác đều do túc nghiệp chuốc lấy, nên nay phải cảm nhận, làm lạc bảo “không có nhân quả báo ứng và hết thảy đời trước, đời sau” v.v... Hết thảy chúng sanh chẳng có con mắt trí huệ, nếu chẳng phải là hạng chấp Đoạn, cũng là phường chấp Thường. Họ bảo con người do bầm thọ khí huyết của cha mẹ mà sanh ra. Trước lúc sanh ra, vốn chẳng có vật gì; cũng như chết đi, thân hình đã mục nát thì hồn cũng phiêu tán; làm sao có đời trước và đời sau cho được? Bọn nho sĩ

câu nệ, hẹp hòi ở phương này (tức Trung Hoa) đa phần nói như vậy.

Chấp Thường là nói người luôn là người, vật luôn là vật, chẳng biết nghiệp do tâm tạo, hình chuyển theo tâm. Thời cổ, có kẻ cực độc, đang còn sống mà biến thành thân rắn, người cực tàn bạo đang khi còn sống bèn biến thành thân hổ. Đang khi còn sống, nghiệp lực mãnh liệt, mà thân còn biến đổi được; huống hồ là lúc chết đi, trước khi tái sanh, thức bị chuyển biến theo sự lôi kéo của nghiệp ư? Bởi vậy, đức Phật nói mười hai nhân duyên chính là luận định xuyên suốt ba đời. Nhân trước, ắt cảm quả sau, quả sau ắt phải có nhân trước. Thiện ác báo ứng, họa phước xảy đến đều do mình làm, mình chịu, chẳng phải do trời giáng xuống. Bất quá, trời chỉ là người đứng ra thừa hành mà thôi. Sanh tử tuần hoàn, chẳng có cùng cực. Muốn khôi phục bản tâm để liễu sanh tử, mà bỏ “tín nguyện

niệm Phật, cầu sanh Tây Phương”, sẽ chẳng thể được!

Ba thứ tham, sân, si là cội gốc sanh tử. Ba thứ Tín, Nguyện, Hạnh là diệu pháp để liễu sanh tử. Muốn bỏ ba pháp kia (tham, sân, si), phải tu ba pháp này (Tín, Nguyện, Hạnh). Ba pháp này đặc lực, ba pháp kia tự diệt, chẳng cần phải dùng đến pháp quán Sổ Tức. Hãy nên trong lúc niệm Phật, lắng tai nghe kỹ, cách nhiếp tâm này tương tự phép Sổ Tức, nhưng lực dụng vượt hơn phép Sổ Tức một trời, một vực. Đối với phép quán Niệm Phật, hãy nên đọc trong Án Quang Văn Sao và các trước thuật Tịnh Độ sẽ biết.

* Hỏi: Nếu như nói “dù táng thân mất mạng, cũng chỉ sanh hoan hỷ, chẳng sanh sân hận”, giả sử có kẻ ác muốn đến hại ta, ta chẳng so đo gì, cứ để mặc cho nó sát hại ta ư?

Đáp: Phàm người tu hành, có kẻ là

phàm phu, có người là bậc Bồ Tát đã chứng Pháp Thân. Lại có người lấy việc duy trì thế đạo làm chánh, có người chỉ lấy việc liễu giải tự tâm làm trọng. Nếu là hạng chỉ lo liễu giải tự tâm và hàng Bồ Tát đã chứng Pháp Thân thì sẽ hành động như đã nói. Bởi lẽ, họ thấy chính mình và muôn vật giống hệt như nhau, sanh tử như một. Nếu là hạng phàm phu, lại muốn duy trì thế đạo, cố nhiên tâm hãy nên thuận theo lòng đại từ bi sâu xa của Bồ Tát, không gì chẳng dung thứ! Nhưng xử sự vẫn thuận theo lẽ thường thế gian, hoặc là dùng cách khuất phục, chế ngự để nhiếp phục, hoặc dùng lòng nhân từ để cảm hóa... [Vận dụng] nhiều cách khác nhau; nhưng trong tâm trọn chẳng được hung tợn, nóng giận, cố kết oán hận.

Những điều đã nói trong đoạn trước đều là nêu ra các tình huống giả tưởng để [người tu nhờ vào đó] tiêu diệt tập khí nóng giận. Nếu phép Quán này thành

thục, tập khí sân hận tự diệt, dù gặp phải cảnh thật sự hại đến thân, vẫn có thể giữ tâm thản nhiên, thực hiện đại bố thí. Nhờ công đức ấy, liền sanh Tịnh Độ. So với việc giết chóc lẫn nhau, đền trả bao kiếp dài lâu, chẳng phải là khác biệt một trời, một vực đấy ư?

* Sân tâm chính là thói quen từ đời trước. Nay cứ nghĩ ta đã chết, mặc cho dao chặt hay hương bôi, đều chẳng can dự gì đến mình. Đối với tất cả những cảnh chẳng vừa lòng, do nghĩ mình đã chết, làm sao còn khởi sân được nữa?

* Nói đến sân tâm là nói đến thói quen từ đời trước. Nay đã biết sân là có hại, vô ích, đối với hết thảy mọi sự trong hiện tại, hãy nên dùng lượng biển rộng trời cao để dung nạp. Như vậy thì tập tánh rộng rãi trong đời này sẽ chuyển biến được tập tánh hẹp hòi trong những đời trước. Nếu

chẳng ra sức đối trị, tập khí sân hận càng tăng, tai hại chẳng nhẹ.

Đối với chuyện niệm Phật thì phải căn cứ theo tinh thần và khí lực của chính mình để làm chuẩn mà niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, niệm thầm, hay kim cang niệm (tức là niệm có tiếng khe khẽ, người khác chẳng nghe thấy. Những người trì chú gọi cách này là “kim cang niệm”), sao lại quá mãnh liệt, đến nỗi mắc bệnh? Cái tâm quá mãnh liệt ấy cũng là căn bệnh “dục tốc” (mong cho mau đạt kết quả).

Nếu nay đã chẳng thể niệm ra tiếng, há trong tâm chẳng niệm thầm được hay sao? Sao lại chỉ hạn chế trong mười niệm? Huống hồ lúc bệnh nằm trên giường, há nên để tâm trống rỗng như bị rửa sạch, trọn chẳng niệm gì, hoặc niệm chuyện khác? Sao bằng niệm danh hiệu Phật sẽ tốt hơn! Lúc ấy phải nên gấp rút giao hết mọi việc cho người nhà làm thay, luôn nghĩ mình sắp chết, tưởng sắp đọa địa

ngục, trong tâm không còn dính mắc chuyện gì. Dùng tâm thanh tịnh ấy để nhớ tưởng Phật tượng và thâm niệm danh hiệu Phật, cũng như tượng và danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu thật sự làm được như thế, nghiệp chướng quyết định tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, bệnh tật thuyên giảm, thân tâm khỏe mạnh.

Bệnh của các hạ thuộc về túc nghiệp. Niệm Phật quá mạnh mẽ tạo duyên cho bệnh phát hiện, chẳng phải là hoàn toàn do niệm Phật quá mãnh liệt nên mắc bệnh. Nếu ông chẳng niệm Phật, thì cũng do nhân duyên khác mà bị bệnh. Trên đời, kẻ không niệm Phật rất nhiều, há chẳng có một ai cũng mắc phải căn bệnh đó, cứ khỏe mạnh mãi hay sao? Hiểu được điều này, sẽ chẳng tự làm lẫn rồi nói “niệm Phật đến nỗi ngã bệnh, chỉ có tổn hại, không ích lợi gì!”

* Bệnh và ma đều do túc nghiệp mà

thành. Ông chỉ nên chí thành, khẩn thiết niệm Phật, thì bệnh tự thuyên giảm, mà tự rời xa. Còn như tâm ông chẳng chí thành, hoặc khởi các ý niệm bất chánh như tà dâm v.v... thì toàn thể cái tâm đọa trong hắc ám, khiến cho ma quấy nhiễu. Lúc niệm Phật xong, hồi hướng, hãy nên hồi hướng cho hết thảy oán gia trong đời quá khứ, khiến cho họ đều được thấm đẫm lợi ích do sự niệm Phật của ông, siêu sanh thiện đạo. Ngoài ra, chẳng bận tâm điều gì! Ma có phát ra tiếng thì cũng chẳng quan tâm đến nỗi sợ hãi. Nó im hơi lặng tiếng, cũng chẳng quan tâm để rồi sanh hoan hỷ. Chỉ chí thành, khẩn thiết niệm, tự nhiên nghiệp chướng tiêu, phước huệ thảy đều tăng trưởng. Khi xem kinh điển, chớ nên giống như kẻ đời nay đọc sách, trọn chẳng có chút cung kính nào, phải [trân trọng] dường như Phật, Tổ, thánh hiền giáng lâm thì mới đạt được lợi ích thật sự. Nếu ông làm được như vậy, tâm

địa sẽ chánh đại quang minh, bọn tà quỷ, tà thần kia không còn đất để dung thân nữa!

Nếu tâm ông đã là tà, thì tà chiêu cảm tà, làm sao có thể khiến cho chúng (tà ma, ngoại đạo) xa lìa, không quấy nhiễu cho được? Quỷ thần dù có Tha Tâm Thông, nhưng thần thông của chúng nhỏ nhoi, thiên cận. Nếu nghiệp tận, tình không, sẽ giống hệt như gương báu đặt trên đài, hề có hình [soi đến] liền hiện bóng. Ông chẳng chí tâm niệm Phật, lại toan nghiên cứu chân tướng này, chẳng biết tâm này liền thành “ma chủng” (dòng giống ma). Ví như gương báu chẳng có mây may trần cấu, sẽ tự chiếu trời, soi đất. Cái tâm ông bị trần cấu phủ kín dày chặt, lại muốn được [chiếu sáng] như vậy, khác nào tấm gương bị bụi phủ dày chắc, trọn chẳng thể tỏa ánh sáng. Nếu có tỏa sáng thì cũng chỉ là ánh sáng yêu quái, chẳng phải là ánh sáng [chân thật] của gương! Hãy bỏ việc

đó ra ngoài tâm tưởng, hãy nên như lâm nạn lửa, nước, như cứu đầu cháy mà niệm Phật, thì không nghiệp hay ma nào mà chẳng tiêu cả!

* Người học đạo phạm gặp các chuyện chẳng vừa ý, chỉ nên dùng đạo để hiểu. Cảnh nghịch xảy đến, bèn vui lòng chịu đựng. Dù có gặp phải những sự nguy hiểm gì, lúc ấy, cũng chẳng đến nỗi kinh hoàng, thất chí, làm điều thất thố. Chuyện đã qua, hãy để cho nó qua như giấc mộng đêm trước, sao còn áp ủ mãi trong lòng, đến nỗi thành bệnh hoảng hốt? Ông đã muốn tu hành, phải biết hết thấy cảnh duyên đều do túc nghiệp cảm vờ.

Lại phải nên biết: Chí thành niệm Phật, sẽ chuyển được nghiệp. Chúng ta chẳng làm chuyện thương thiên tổn đức thì sợ cái gì chứ? Người niệm Phật được thiện thần bảo vệ, giáng phước, ác quỷ tránh xa, sợ cái gì cơ chứ? Nếu ông

thường sợ mãi, sẽ bị ma sợ hãi dựa thân, để rồi oán gia trong vô lượng kiếp thừa dịp tâm ông hoảng sợ đến dọa nạt ông, khiến ông mất trí hóa cuồng hồng báo oán xưa. Chớ có nói: “Nếu tôi còn niệm Phật, chỉ sợ thành linh sẽ bị như thế”. Ông chẳng biết toàn thể chánh niệm của chính mình đã quy vào nỗi sợ, nên khí phận xa cách Phật, tương thông với ma, chẳng phải Phật không thiêng! Do tâm ông đã mất chánh niệm, nên đến nỗi niệm Phật chẳng được lợi ích toàn phần vậy!

Chỉ mong ông xem thư Quang, bèn quyết liệt gột bỏ tâm trước. Ông chỉ một chồng, một vợ, còn lo nỗi gì? Dầu cho nghiệp chướng hiện tiền, sợ gì chẳng tiêu diệt được nó? Chỉ vì chẳng sợ, nên giữ được chánh niệm, thành ra làm việc gì cũng đích đáng, do chân thân ổn định, nên tà chẳng thể xâm phạm. Nếu không, do tà chiêu tà, tức oán ủa tới, gặp chuyện bèn chẳng thể làm chủ, hành động hoàn toàn

thất thố, chẳng đáng buồn ư? Tôi nay vì ông tính kế: Hãy nên buông bỏ hoài bão, chẳng nên toan tính hết thảy mọi việc, chẳng nên đảm đương, lo lắng mọi việc, chỉ sợ hành vi có tỳ vết, chẳng sợ họa hoạn, quý thân.

* Nếu bệnh khổ đến hồi kịch liệt chẳng thể chịu đựng nổi, ngoài việc sáng chiều niệm Phật, hồi hướng ra, hãy chuyên tâm dốc chí niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân trong các cõi nước nhiều như vi trần, tâm thanh cứu khổ. Người gặp cơn nguy cấp, nếu có thể trì tụng, lễ bái Ngài, không ai chẳng được cảm ứng, rủ lòng Từ gia trì, che chở, khiến thoát khỏi khổ não, hưởng yên vui vậy.

* Thầy thuốc dù giỏi cũng chỉ trị được bệnh, không trị được nghiệp. Như Từ Trọng ruột bị loét nặng, thầy thuốc bảo

nếu không giải phẫu sẽ không xong. Bà thím Tư của ông do chẳng đành lòng nên chẳng chữa, cùng Đức Chương liêu mạng niệm Phật, niệm kinh Kim Cang. Năm ngày sau khỏi bệnh. Bệnh này đáng kể là cực nặng, cực nguy hiểm, nhưng chẳng chữa, sau năm ngày liền lành. Bệnh điên của Tử Tường thuộc về túc nghiệp, do bà thím Tư của ông chí thành lễ tụng, nửa năm liền khỏi.

Cha ông đã quy y Phật pháp, lẽ ra nên tin lời Phật, chẳng nên tin theo thầy thuốc Tây, phải đến bệnh viện của họ để chữa. Nếu như hết thầy các bệnh đều phải được thầy thuốc trị mới lành, không có thầy thuốc sẽ chẳng lành, thì từ thời cổ, hoàng đế và những kẻ phú quý lẽ ra phải là vĩnh viễn không bị bệnh tật, mà cũng vĩnh viễn chẳng bị tử vong! Thế nhưng kẻ nghèo hèn vừa ít bệnh vừa sống lâu, người phú quý lắm bệnh, lại thường đoản thọ. Đó là vì có gì? Một là do chính mình tự tạo thành

bệnh, hai là thầy thuốc gây ra bệnh. Do hai công năng tạo tác này, muốn thoát bệnh khổ thì có được hay chăng?

Mong ông hãy thưa cho cha hiểu, bắt tất phải lên Thượng Hải tìm thầy thuốc Tây, cứ ở nhà cầu nơi đại y vương A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ tự có thể chẳng cần đến thuốc mà lành bệnh. Cầu thầy thuốc Tây chỉ hy vọng chừng một nửa, cầu đại y vương, may ra thân thể sẽ được mạnh, mà dù thân thể chưa khỏe lại, thần thức chắc chắn thấy thur thái. Nếu sai lầm muốn được lành bệnh ngay, bỏ hết những giới đã trì khi trước, đúng là chẳng khác nào rạch thịt để tự bị thương, chỉ tổn hại, chẳng có ích gì! Khi Tây Y chưa truyền vào Trung Quốc, Trung Quốc có bệnh thì đều chẳng thể trị lành ư? Do vậy, hãy nên buông vọng tưởng xuống, đề khởi chánh niệm thì sẽ cảm ứng đạo giao, tự có thể lành bệnh hoàn toàn.

* Nghiệp chướng nặng, tham sân mạnh mẽ, thân yếu đuối, tâm khiếp nhược, thì chỉ nên nhất tâm niệm Phật, lâu ngày các thứ bệnh sẽ tự lành. Phẩm Phổ Môn nói: *“Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ xa lìa được [những sự ấy]”*. Niệm Phật cũng thế, chỉ nên tận tâm kiệt lực, chẳng hề ngừng vực, thì không gì chẳng cầu được!

* Mỗi ngày, trừ lúc phải làm mọi việc thuộc bốn phận của chính mình ra, hãy chuyên tâm niệm danh hiệu Phật. Sáng tối đối trước Phật, cạn hết lòng thành, trọn hết lòng kính, khẩn thiết sám hối túc nghiệp từ vô thủy. Lâu ngày như thế, sẽ có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn mà chẳng hay, chẳng biết. Kinh Pháp Hoa dạy: *“Nếu có chúng sanh nhiều lòng dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được ly dục”*. Đối với sân hận và ngu

si cũng thể. Như vậy thì chí thành niệm thánh hiệu A Di Đà và Quán Âm, ba thứ Hoặc tham, sân, si sẽ tự tiêu diệt. Hơn nữa, nay đang lúc cõi đời hoạn nạn, ngoài niệm Phật ra, hãy nên niệm thêm thánh hiệu Quán Âm, trong âm thầm sẽ có sự chuyển biến chẳng thể nghĩ bàn, kéo đến lúc tức nghiệp bất chợt hiện đến, không có cách gì tránh thoát.

* Quán Thế Âm Bồ Tát đã thành Phật từ lâu trong kiếp quá khứ, hiệu là Chánh Pháp Minh. Chỉ vì lòng từ bi thiết tha, dù an trụ trong cõi Thường Tịch Quang, vẫn hiện thân trong ba cõi Thật Báo, Phương Tiện, Đồng Cư. Tuy thường hiện thân Phật, Ngài cũng còn hiện đủ các thân Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, và thân trời, người, sáu nẻo. Tuy Ngài thường hầu Phật A Di Đà, nhưng hiện thân khắp trong mười phương vô tận pháp giới. Đó là: Hễ chỉ có lợi ích, không điều gì Ngài chẳng vận

dụng. Nên dùng thân nào để độ được, Ngài liền hiện thân đó để thuyết pháp.

Phổ Đà Sơn là chỗ Bồ Tát ứng tích. Muốn cho chúng sanh có nơi để gieo tâm lòng thành, nên Bồ Tát thị hiện ứng tích nơi núi đó; há có phải Bồ Tát chỉ ngự trong núi Phổ Đà, chẳng ở nơi khác? Một vầng trăng vằng vặc giữa trời, in bóng trong vạt con sông. Dù nhỏ như một chước, một giọt nước, nơi nơi đều hiện toàn bộ khuôn trăng. Nếu nước vừa đục vừa xao động, trăng chẳng thể hiện phân minh. Tâm chúng sanh như nước, nếu nhất tâm chuyên niệm Bồ Tát, Bồ Tát liền ngay trong niệm ấy, sẽ ngấm ngấm hoặc hiển nhiên [gia hộ] khiến cho [người niệm] được lợi ích. Nếu tâm chẳng chí thành, chẳng chuyên nhất thì cũng khó cứu vớt, che chở. Nghĩa này rất sâu, hãy nên đọc bài Thạch Án Phổ Đà Sơn Chí Tự (bài tựa cho bản in thạch (lithography) cuốn Phổ Đà Sơn Chí) trong Án Quang Văn Sao sẽ

biết.

Ngài có tên là Quán Thế Âm, vì khi tu nhân, Ngài do quán và nghe nơi tánh mà chứng viên thông, và lúc đã đắc quả, Ngài xem xét âm thanh xưng danh hiệu Ngài để ban cho sự cứu giúp. Vì thế, Ngài tên là Quán Thế Âm.

Phổ Môn là đạo Bồ Tát rộng lớn không ngăn mé, tùy thuận khắp căn tánh của hết thảy chúng sanh, khiến cho họ biết đường về nhà, chẳng lập riêng một môn nào. Chẳng hạn, như trong đời có ngàn căn bệnh, thì cũng phải có vạn loại thuốc, chẳng thể chấp chặt vào một pháp nào. Tùy theo họ mê nơi đâu và chỗ nào họ dễ ngộ mà Bồ Tát chỉ điểm. Như sáu căn, sáu trần, bảy đại, pháp nào cũng có thể dùng để chứng viên thông. Vì thế, bất cứ pháp nào cũng là cửa để ra khỏi sanh tử, thành Chánh Giác. Vì thế gọi là Phổ Môn. Nếu Bồ Tát chỉ ở Nam Hải thì chẳng đáng gọi là Phổ được!

3.3. Luận về việc gìn giữ tâm lòng để tạo lập phẩm đức

* Nếu cảnh ngộ chẳng tốt lành, hãy nên nghĩ đến việc lùi một bước. Hãy thử nghĩ, trong đời, người hơn ta cố nhiên là nhiều, nhưng người thua ta cũng chẳng phải là ít. Chỉ mong chẳng đói, chẳng lạnh, mong chi đại phú, đại quý? Vui theo thiên mệnh, an vui với hoàn cảnh. Như vậy thì còn có thể chuyển phiền não thành Bồ Đề, huống hồ là chẳng thể chuyển ưu khổ thành an lạc hay sao?

Nếu tật bệnh triền miên, hãy nên đau đáu nghĩ thân là gốc khổ, sanh lòng chán lìa tốt bậc, tận lực tu Tịnh nghiệp, thề cầu vãng sanh. Chư Phật lấy khổ làm thầy, nên đạt thành Phật đạo. Chúng ta nên lấy bệnh làm thuốc, mau cầu xuất ly. Cần phải biết phàm phu đầy dẫy triền phược, nếu không có các nỗi khổ bản cùng, tật bệnh v.v... sẽ suốt ngày rong ruổi trong trường

thanh sắc danh lợi, chẳng hề thỏa mãn. Trong lúc hiển hách, đắc ý, ai chịu quay đầu nghĩ đến lúc chìm đắm mai sau?

Mạnh Tử nói: “Trời muốn giao trách nhiệm lớn cho ai, trước đó sẽ khiến cho kẻ đó tâm chí khổ sở, gân xương mỏi mệt, thân thể đói khát, thân thể trống trải, nhiều loạn hành vi của họ, ngõ hầu tâm họ khởi tánh Nhân, tăng trưởng [khả năng làm được] những điều chính mình chưa thể làm được”. Do đó, ta biết: Những người được trời thành tựu, phần nhiều gặp nghịch cảnh, con người chỉ nên thuận theo mạng trời mà nhận lãnh [nghịch cảnh].

Cái “*trách nhiệm lớn*” như Mạnh Tử đã nói chỉ là tước vị trong thế gian mà còn phải lo buồn, vất vả như thế thì mới khỏi phụ lòng trời.

Huông chi bọn ta là phàm phu sát đất muốn trên thì tiếp nối đạo giác của đấng Pháp Vương, dưới thì giáo hóa pháp giới hữu tình, nếu chẳng bị nghèo đói thử

thách đôi chút, ắt phạm Hoặc ngày thêm lòng lầy, Tịnh nghiệp khó thành, mê muội bồn tâm, vĩnh viễn chìm đắm trong ác đạo đến tận đời vị lai, không có lúc nào mong thoát khỏi được! Cổ đức nói: “*Bất kinh nhất phiến hàn triệt cốt. Tranh đắc mai hoa phác tỵ hương*” (Chẳng trải một phen lạnh thấu xương, dễ đâu hoa mai thơm ngát mũi!) chính là nói về ý này vậy. Chỉ nên chí tâm niệm Phật để tiêu nghiệp cũ, trọn chẳng nên khởi tâm phiền bức, oán trời trách người, bảo là nhân quả hư huyền, Phật pháp chẳng thiêng!

* Ông Cừ Bá Ngọc đến tuổi năm mươi biết bốn mươi chín năm trước là sai trái. Khổng Tử tuổi sắp bảy mươi, còn mong trời cho sống thêm vài năm nữa để học Dịch trọn vẹn, hầu khởi mắc lỗi lớn. Thánh hiền học hỏi không vị nào là chẳng coi khởi tâm động niệm là chỗ rất ráo. Các Nho sĩ cận đại chỉ học từ chương,

chẳng bận tâm đến chánh tâm thành ý. Tuy suốt ngày đọc sách của thánh hiền, trọn chẳng biết tới ý nghĩa lưu lại sách vở để răn đời của thánh hiền. Nếu lời nói, hành vi của mình đem đọ với lời nói, hành vi của thánh hiền thì sáng - tối chẳng hợp nhau, tròn - vuông chẳng khớp nhau, há chẳng nên gấp gáp suy xét tới từng điểm sai biệt ản kín, nhỏ nhặt ư?

Kinh Phật dạy người ta thường hành sám hối, ngõ hầu đoạn sạch vô minh, viên thành Phật đạo. Dù địa vị đạt đến bậc Đẳng Giác như Di Lặc Bồ Tát, vẫn trong mười hai thời lễ thập phương chư Phật để mong hết sạch vô minh, viên chứng Pháp Thân, huống hồ những kẻ kém hơn Ngài [mà chẳng học theo như vậy] ư? Kẻ phạm phu sát đất khắp thân là nghiệp lực, chẳng sanh hồ thẹn, chẳng tu sám hối, dù nhất niệm tâm tánh bình đẳng với Phật, nhưng do phiền não ác nghiệp ngăn lấp nguồn tâm, sẽ chẳng thể hiển hiện được.

* Đối với việc dứt ác, làm lành, dựa trên thực tế để suy xét, thì không gì hay bằng Công Quá Cách; nhưng nếu tâm chẳng thành kính, dù suốt ngày ghi công, chép lỗi, cũng chỉ là viết lách suông! Ở nơi đây, chưa có sách Công Quá Cách, nhưng theo tôi thấy, chỉ nên chú trọng lòng thành, giữ lòng kính, trong suốt mười hai thời, chẳng có một niệm hời hợt, chẳng có một tướng lười nhác, sao nhãng. Đối xử với người đời, chỉ giữ lòng trung hậu, khoan dung, sẽ tự nhiên trong hết thảy lúc, hết thảy chỗ, ác niệm chẳng thể do đâu mà khởi! Nếu như do túc tập sai khiến, ngẫu nhiên ác niệm phát sanh, vì luôn ấp ủ lòng thành kính, trung hậu, khoan dung, sẽ tự có thể hể niệm khởi liền nhận biết ngay. Hể đã giác, ác niệm liền rỗng không, quyết chẳng đến nỗi để nó phát sanh, tăng trưởng, khiến cho cả ba nghiệp đều phải xuôi theo.

Sở dĩ kẻ tiểu nhân vờ vĩnh làm lành, chứ thật sự là làm ác, là do nghĩ rằng người khác chẳng biết. Họ chẳng hiểu rằng kẻ không biết họ [làm ác] chỉ là những phạm phu trong thế gian mà thôi! Nếu là bậc thánh nhân đắc đạo, cố nhiên sẽ biết tường tận. Thiên địa, quý thần dù chưa đắc đạo, nhưng do có quả báo Tha Tâm Thông, nên cũng sẽ biết tường tận. Huống hồ là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật! Tha Tâm Đạo Nhân của các vị ấy thấy trọn ba đời như nhìn một vật đang đặt trong lòng bàn tay. Muốn không ai biết, thì chỉ có chính mình cũng không biết thì mới được mà thôi!

Nếu chính mình đã biết, tất nhiên thiên địa, quý thần, Phật, Bồ Tát v.v... không vị nào là chẳng biết, chẳng thấy rành rẽ! Nếu biết nghĩa này, dù ở trong phòng tối, nhà kín, cũng chẳng dám biếng trễ, sao nhãng; dù ở nơi người khác không biết đến, vẫn chẳng dám manh nha làm ác, vì thiên địa,

quỷ thần, chư Phật, Bồ Tát đều biết. Dầu chẳng biết hổ thẹn, nhưng đã hiểu nghĩa này thì cũng sẽ hổ thẹn khôn cùng vậy; huống hồ là người chân thật tu hành ư?

Vì thế, muốn ít phạm lỗi, thì phải bắt đầu từ chỗ sợ thánh phàm cùng biết, cùng thấy. Thấy bậc tiên triết trong canh, nơi tường, dù ở một mình, hành vi chẳng câu thả, chẳng thẹn với bóng áo³⁴, đây vẫn còn là những cách nói thiên cận dựa theo sự thấy biết của thế gian đó thôi! Thật ra, bản thể tâm ta cùng bản thể mười phương pháp giới tương hợp khít khao. Do ta mê, nên sự thấy biết bị hạn cuộc trong một thân. Mười phương pháp giới thánh nhân triệt chứng pháp giới tạng tâm sẵn có trong tự tâm, nên hết thấy hữu tình trong

³⁴ Nguyên văn: “Kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri khâm ảnh”. “Canh tường” là điển tích nói về Không Tử do hâm mộ đức hạnh của vua Nghiêu, vua Thuấn nên trong suốt ba năm ăn canh thấy bóng vua Nghiêu hiện trong bát canh, ngồi thấy bóng vua Nghiêu hiện trên tường. Đòi sau thường dùng chữ “canh tường” để chỉ lòng cung kính, chí thành đến cùng cực. “Thận độc” là ở một mình, hành vi luôn dè dặt, chẳng câu thả. “Khâm ảnh” là bóng chiếc áo, lấy từ thành ngữ “khâm ảnh vô quý” (chẳng thẹn với bóng áo). “Thận độc khâm ảnh” ngụ ý hành vi luôn cẩn thận, nghiêm cung, không hề phải hổ thẹn với ai, dù ngay cả với cái bóng của chính mình.

pháp giới khởi tâm động niệm, các Ngài đều hay biết cả. Vì sao thế? Do cùng bầm thọ Chân Như, tự, tha chẳng hai vậy. Nếu biết nghĩa này thì sẽ tự sợ hãi, kiêng dè, giữ lòng thành kính, thoát đầu phải gắng sức dứt vọng, lâu ngày vọng sẽ chẳng khởi được nữa (ác nghiệp vốn thuộc vọng tưởng, nếu chẳng giác chiếu, sẽ trở thành điều ác thật sự. Nếu có thể giác chiếu thì vọng tưởng diệt, chân tâm hiện).

* Việc giảm thiểu làm lỗi thật sự là công phu thiết yếu của cả Nho lẫn Phật. Ông Cừ Bá Ngọc đến lúc năm mươi tuổi, thấy cả bốn mươi chín năm trước đều sai trái. Nếu ai nói “*muốn bớt lỗi, nhưng chưa làm được*”, [hãy nên biết là] phải thật sự dụng công nơi ý, chứ chẳng phải hễ thân khẩu vừa phát động bèn liền có lỗi đâu nhé! Tại gia cư sĩ hằng ngày cùng người khác thù tạc, phải luôn đề phòng trong mỗi khắc. Nếu không, không chỉ là ý

ngiệp chẳng tịnh, mà thân và khẩu cũng trở thành ô uế, bất tịnh. Muốn cho cả mình lẫn người đều được lợi thì không gì bằng tìm hiểu về ngôn hạnh của tiền nhân để làm khuôn phép, gương mẫu vậy.

* Muốn học theo Phật, Tổ để liễu sanh tử thì phải bắt đầu từ việc hổ thẹn, sám hối, dứt ác, tu thiện (hổ thẹn, sám hối, dứt ác, tu thiện, chính là tự xét mình hòng bớt lỗi, khắc kỷ, giữ lễ. Nếu có thể tự xét lỗi mình, tự nhiên sẽ ít lỗi. Ít lỗi chính là thực hiện khắc kỷ. Đã có thể khắc kỷ, tự nhiên sẽ tuân theo lễ). Ăn chay, tự răn nhắc, ý rất chân thành, thiết tha. Phải thực sự tu tập, tận lực thực hành. Nếu không, chỉ trở thành vọng ngữ trong các thứ hư dối. Biết chẳng khó, làm được mới khó. Mấy kẻ thông minh trong thế gian đều chỉ là nói, nhưng không làm được. Trọn một đời này, uổng công vào núi báu, trở về tay không. Đáng xót, đáng tiếc thay! Đáng

xót, đáng tiếc thay!

* Phàm phu còn mê, tín tâm bất định; vì thế, có tật lăm phen tin rồi lại ngờ, nhiều lượt đã tu rồi lại tạo nghiệp, cũng là do người dạy ban đầu không hiểu đạo đến nơi đến chốn. Nếu lúc ban đầu, chỉ từ nhân quả thiên cận mà khởi sự, sẽ chẳng đến nỗi bị điên đảo, mê hoặc như thế. Đối với những tội cũ, dù rất sâu nặng, hãy nên chí tâm sám hối, sửa đổi thói xưa, tu tập từ nay, dùng chánh tri kiến để tu tập Tịnh nghiệp, dốc chí tự lợi, lợi tha, tội chướng sẽ như sương tiêu tan, bầu trời chân tánh rạng ngời. Vì thế, kinh nói: *“Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ: Một là người chẳng tạo tội; hai là đã tạo tội rồi lại có thể sám hối”*.

Một chữ Hối phải từ tâm khởi. Tâm chẳng thật sự sám hối, có nói gì cũng vô ích. Ví như chỉ đọc toa thuốc, chẳng uống thuốc, nhất định chẳng có hy vọng gì lành

bệnh được. Còn nếu theo toa uống thuốc, sẽ tự được lành bệnh, thân an. Điều đáng ngại là lập chí chẳng vững, một nóng, mười lạnh, thì chỉ uống mang hư danh, không có mấy may lợi ích thật sự.

* Cảnh không có tự tánh, tổn hại hay lợi ích toàn do con người. Ba nghiệp, bốn oai nghi (đi, đứng, nằm, ngồi), thường giữ như “*tứ vật*” (bốn điều đừng) của Nhan Uyên. Đối với Ngũ Giới, Thập Thiện, ắt phông theo “*tam tỉnh*” (ba điều tự phản tỉnh) của Tăng Tử. Trong nhà tối tuy không ai thấy, nhưng thiên địa, quỷ thần đều biết. Niệm mới manh nha nhỏ nhặt, nhưng tội phước đã rạch ròi như trời với vực. Nếu thường tu tỉnh như thế, tất cả hành động đều là thiện, ác chẳng thể sanh từ đâu được! Đây chính là quy mô sâu rộng của chánh tâm thành ý, chớ nói là nhà Phật phiền toái, chẳng đơn giản, nhanh tắt như Nho gia!

* Người niệm Phật đối với mọi sự phải trung hậu, khoan dung, tâm luôn đề phòng tội khiên. Biết lỗi liền sửa, thấy điều nghĩa bèn mạnh mẽ làm ngay, thì mới hợp với Phật. Người như thế nhất định vãng sanh. Nếu chẳng như thế, tức là trái nghịch với Phật, quyết khó cảm thông!

* Kinh Pháp Hoa nói: *“Tam giới không yên, hết như nhà cháy. Các khổ đầy đầy, thật đáng kinh sợ”*. Vì thế, để thành tựu con người, trời phải có khổ, có vui, có nghịch, có thuận, có phước, có họa, vốn chẳng nhất định. Nhưng người trong hoàn cảnh ấy, nếu có cái nhìn thấu suốt, sẽ thấy không khổ, không vui, không nghịch, không thuận, không họa, không phước. Vì thế, quân tử vui theo mệnh trời, trên chẳng oán trời, dưới chẳng trách người, an vui theo hoàn cảnh, không lúc nào là chẳng tự tại tiêu dao!

Vì thế, gặp lúc phú quý bèn hành theo phú quý (chữ Hành ở đây hàm ý ung dung, tự tại. Phú là cứu giúp khắp mọi người bản cùng. Quý là tận tụy với vua, giúp đỡ dân), gặp cảnh bản tiện bèn thuận theo bản tiện (nếu trong nhà không có tiền của, thân chưa ra làm quan, bèn thanh bản, giữ khí tiết, chẳng dám làm bậy), gặp cảnh mọi rợ bèn sống theo cảnh mọi rợ (ý nói: Nếu vì lòng tận trung mà bị sàm tấu, bị vua biếm truất ra nơi xa xôi, như các tỉnh Vân Nam, Quý Châu, Lương Quảng (Quảng Đông - Quảng Tây), Hắc Long Giang v.v... thì tâm bình, khí hòa, trên chẳng oán vua, dưới chẳng hận người sàm tấu, tự coi mình giống như người dân đang sống tại những vùng ấy), gặp cảnh hoạn nạn bèn thuận theo hoạn nạn (nếu như không chỉ bị đày, mà còn bị trừng phạt. Nhẹ thì bị đánh đập, giam cầm, nặng thì bị chém đầu, phanh thây, hoặc đến nỗi diệt tộc. Nhưng vẫn cứ chẳng oán vua,

chẳng hận gian đảng. Nếu tự mình làm được như thế, khi gặp người gieo vạ còn giữ được như thế, huống hồ khi trời giáng hoạn nạn, há có nên oán hận chẳng? Người như vậy sẽ được người yêu mến, trời bảo vệ, ngay trong đời này hoặc trong đời sau, hoặc con cháu người đó nhất định sẽ hưởng phước báo vô cùng, tương xứng với đức ấy).

* Phàm là người bỏ lỗi theo thiện và tu Tịnh nghiệp, chỉ quý ở chỗ chân thành, tối kỵ giả dối. Chớ nên ngoài mặt phô trương cái danh làm lành, tu hành, trong lòng chẳng trung hậu, chẳng khoan dung. Ông Cừ Bá Ngọc lúc năm mươi tuổi thấy bốn mươi chín năm trước mình toàn làm quấy. Có như vậy thì mới mong thành thánh, thành hiền, học Phật, học Tổ, là bậc công thần trong danh giáo (Nho gia), là con đích thực của đức Như Lai. Vì thế, chẳng luận định kẻ ấy là cùng quẫn hay hiền đạt,

là Tăng hay tục vậy!

* Niệm Phật cầu sanh Tây Phương, cần phải biết nhân, hiểu quả. Hành vi nơi thân, ý niệm nơi tâm phải hợp với Phật. Nếu trái nghịch Phật, dù có niệm Phật cũng khó vãng sanh, vì chẳng cảm ứng đạo giao vậy! Nếu có thể sanh lòng hổ thẹn, sợ hãi lớn lao, sửa lỗi như trừ ghẻ độc, lập chí như giữ bạch ngọc, thì vạn người chẳng sót một ai, đều được vãng sanh cả!

* Nói về những quy luật phải giữ ngoài việc ăn chay trường và niệm Phật, thì phải khăng khăng bền lòng hiếu thuận, thành kính giữ trọn vẹn luân thường, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Tâm nghĩ, niệm khởi chẳng hề tà vạy, khuất khúc và hư ngụy. Làm việc cho người khác, phải tận hết trách nhiệm. Gặp người hữu duyên, hãy khuyên họ nhập

đạo. Các hành tướng như vậy chẳng cần phải thuật đủ. Chỉ siêng xem Án Quang Văn Sao và An Sĩ Toàn Thư thì sẽ tự biết.

Cần biết: Là đệ tử Phật, phạm làm gì cũng đều phải vượt trội hành vi thế tục thì chính mình mới đạt được lợi ích chân thật, khiến cho người khác trông thấy sẽ làm lành theo. Nếu miệng nói tu hành, trong tâm chẳng lành, đối với cha mẹ, anh em và hết thấy người đời chẳng trọn hết bốn phận thì người như thế gọi là “ngụy thiện nhân”! Nhân địa đã giả dối, làm sao đạt lợi ích thật sự? Sự học của thánh hiền đều bắt đầu từ “*cách vật trí tri, thành ý, chánh tâm*”; huống hồ muốn liễu sanh thoát tử, siêu phạm nhập thánh [mà lại chẳng như thế] ư? Về [ý nghĩa của] “*cách vật trí tri*” nên xem lời tựa bản in lại sách chú giải Tứ Thư của ngài Ngẫu Ích và lời tựa cuốn Liễu Phạm Tứ Huấn.

* Các việc ác và các điều thiện đều là

dựa trên tâm địa để luận, chẳng phải là chỉ nói về sự tướng mà thôi. Trong tâm đã chẳng khởi ác thì toàn thể là thiện, niệm ấy là Phật, công đức hơn hẳn người thường trăm ngàn vạn lần. Muốn cho cõi lòng chỉ thiện không ác, trong hết thấy lúc, hết thấy nơi, hãy nên giữ lòng thành kính như đối trước trời, Phật thì mới hòng đạt được. Hễ tâm phóng túng, các ý niệm chẳng đúng pháp sẽ theo đó mà dấy lên!

* Niệm Phật phải khéo phát tâm. Tâm làm chủ việc tu trì. Nếu tâm phù hợp Tứ Hoảng Thệ Nguyên thì niệm Phật một câu, làm một điều lành, công đức sẽ vô lượng vô biên; hướng hồ là ba nghiệp thân, khẩu, ý luôn chú trọng niệm Phật lợi sanh? Nếu tâm chỉ cầu tự lợi, chẳng mong lợi người, dù làm nhiều việc, vẫn đạt được công đức rất ít. Hướng hồ lại còn có ý khuynh đảo, hại người, và tâm tự khoe khoang, hợm hĩnh, thì việc mình niệm

Phật đó và những việc mình đã làm, tuy chẳng phải là hoàn toàn không có công đức, nhưng trong trăm ngàn vạn ức phần, ta chỉ thật sự đạt được một phần hay nửa phần mà thôi! Thế nhưng tội lỗi của ác niệm cũng lại chẳng ít. Bởi vậy, người tu hành ai nấy đều phải khéo phát tâm, chứ chẳng riêng gì người niệm Phật!

* Cần phải biết Phật pháp vốn chẳng lìa thế gian. Tất cả những bạn trong liên xã ai nấy đều phải trọn vẹn bốn phận của mình. Như cha hiền, con hiếu, anh rộng lượng, em cung kính, chồng xướng vợ theo, chủ nhân từ, tớ trung thành v.v... Lại phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, chẳng ăn mặn, uống rượu, ngăn điều tà, giữ lòng thành, khắc kỷ, giữ lễ, tự lợi, lợi tha; [lấy những việc như vậy] làm trách nhiệm của mình. Như thế thì nên tảng vững vàng, ngay ngắn, sẽ được pháp thâm

nhuần. Nếu có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, ắt sẽ vãng sanh Thượng Phẩm.

Kẻ ngu trong đời phần nhiều thường không tu hành thật sự, chỉ mong được cái hư danh là tu hành chân thật. Vì thế, bày ra đủ mọi cách tô son trát phấn, thành ra những trò trông giống như thật nhưng chỉ là giả dối, chỉ mong được người khác khen ngợi. Tâm hạnh họ đã dơ bẩn quá đỗi, dù có tu trì cũng bị tâm ấy làm bẩn, quyết khó đạt được lợi ích chân thật. Đây gọi là “*háo danh, ó thật*” (thích danh, ghét thật), là điều đại kỵ bậc nhất trong tu hành.

Nếu ai thực hiện những điều nên làm đã nói ở phần trước, không có những điều nên tránh như đã nói ở phần sau, người ấy là người hiền trong thế gian, là bậc Khai Sĩ trong Phật pháp. Dùng thân mình làm gương cho mọi người, từ trong nhà ra đến làng xóm, từ làng xóm đến thành ấp, cho đến toàn quốc và tứ thiên hạ thì lễ nghĩa

hung thịnh, can qua vĩnh viễn ngưng dứt, từ thiện nảy nở, tai hại chẳng sanh, mới hòng thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc!

* Đã niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ắt phải phát tâm từ bi, hành phương tiện sự, dứt tham, sân, si, tránh giết, trộm, dâm, tự lợi, lợi người thì mới hợp ý Phật. Nếu không, tâm trái nghịch Phật, cảm ứng đạo giao bị gián cách, chỉ gieo nhân đời sau, khó đạt được quả trong đời này. Nếu chí thành niệm Phật, hạnh hợp tâm Phật, tâm khẩu tương ứng, người như vậy đến lúc lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng tất nhiên hiện thân tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hễ sanh về Tây Phương, liền siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các vui. Đây là hoàn toàn cậy vào Phật lực, chẳng bàn đến công đức là cạn hay sâu, có Hoặc, hay không Hoặc! Chỉ cần trọn đủ lòng tin chân thành,

nguyện thiết tha, quyết định là vạn người chẳng sót một ai!

* Người học đạo an tâm lập hạnh, ắt phải chất trực, trung chánh, chớ nên có mảy may thiên lệch, riêng tư, cong vẹo nào. Nếu có chút thiên lệch, riêng tư, cong vẹo nào, sẽ giống như cái cân có mấu cân chẳng chuẩn, cân các vật nặng, nhẹ đều sai! Như tấm gương thể chất chẳng sạch, soi các vật đẹp, xấu chẳng đúng. Sai chỉ hào ly, lạc cả ngàn dặm. Sai làm lan truyền, không sao dứt được. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: “*Mười phương Như Lai do cùng một đạo, nên xuất ly sanh tử đều dùng trực tâm*”. Do tâm lẫn lời nói đều ngay thẳng như thế, cho đến địa vị đầu tiên, cuối cùng và khoảng giữa đều vĩnh viễn chẳng có các tướng cong vẹo. Kinh Thư nói: “*Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, tinh chuyên duy nhất, doãn quyết kỳ trung*” (tham dục

trong tâm con người đáng sợ, đạo tâm hết sức vi diệu, để lãnh ngộ đạo tâm, phải hết sức chuyên nhất cái tâm, giữ lấy sự trung chánh, chẳng thiên lệch).

* Quán Kinh dùng “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp và thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi, phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng [kinh điển] Đại Thừa để khuyến tấn hành giả” làm chánh nhân cho Tịnh nghiệp. Đối với mười một điều này, có được một điều, dùng tín nguyện sâu xa, hồi hướng vãng sanh, thì đều được như nguyện.

3.4. Luận định các pháp tu trì

* Trộm nghĩ pháp môn tu trì có hai thứ khác nhau. Nếu cậy vào sức mình để tu Giới, Định, Huệ, hòng đoạn Hoặc,

chứng Chân, liễu sanh thoát tử thì gọi là những pháp môn thông thường. Nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật, mong nhờ vào Phật lực vãng sanh Tây Phương, thì gọi là pháp môn đặc biệt.

Pháp môn thông thường hoàn toàn cậy vào tự lực, pháp môn đặc biệt gồm cả tự lực và Phật lực. Dù có công tu Định Huệ, đoạn Hoặc sâu, nhưng không có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu vãng sanh, thì vẫn thuộc về Tự Lực. Nay tôi dùng tỷ dụ để chỉ rõ. Đường lối tu thông thường giống như vẽ tranh sơn thủy, ắt phải vẽ từng nét bút thì mới từ từ thành hình. Còn pháp môn đặc biệt như chụp cảnh sơn thủy, dù núi non, cây cỏ um tùm cách mấy, chụp một cái là đủ hết cả.

Đường lối tu thông thường lại như ra đi bằng đường bộ, người mạnh nhất mỗi ngày đi chẳng hơn một trăm mười dặm.

Pháp môn đặc biệt như ngồi trên luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương, một ngày bay đi khắp bốn đại bộ châu. Chúng ta đã chẳng có khả năng thành Phật ngay lập tức, lại chẳng thực sự chứng “đoạn Kiến Hoặc, tùy ý chẳng tạo nghiệp”; mà nếu chẳng chuyên tu Tịnh Nghiệp để nhờ vào Phật lực đởi nghiệp vãng sanh, chỉ e đến tận đời vị lai, vẫn ở trong tam đồ, lục đạo, sống sống, chết chết, chẳng có cách nào xuất ly, chẳng đáng buồn ư? Nguyên những đồng nhân của tôi hãy gấp sanh chánh tín.

* Một pháp Niệm Phật nói chung có bốn loại, nghĩa là Trì Danh, Quán Tượng, Quán Tướng, và Thật Tướng. Chỉ có mình pháp Trì Danh thâm nhiếp căn cơ rất rộng, thực hiện dễ dàng nhất, chẳng đến nỗi dấy lên ma sự!

Nếu muốn tu Quán, phải đọc kỹ Quán Kinh, hiểu sâu xa “*tâm này làm Phật, tâm*

này là Phật” và “tâm tịnh Phật hiện, cảnh chẳng phải đến từ bên ngoài”, chỉ do tâm hiện, đừng sanh chấp trước. Đã không chấp trước, cảnh càng thêm thâm diệu, tâm càng thêm tinh ròng, chuyên nhất. Làm được như vậy thì quán tưởng sẽ đạt được lợi ích chẳng nhỏ. Nếu cảnh quán chẳng thuần thực, chẳng hiểu rõ Lý, do cái tâm gấp rút vọng động, muốn cảnh hiện gấp thì toàn thể đều là vọng, chẳng tương ứng với Phật và tâm, đọa vào ma thai. Nhân đó, vọng động muốn thấy cảnh thì tâm càng thêm vọng động, ắt đến nổi phát động oán gia trong nhiều đời hiện ra những cảnh giới. Cái nhân ban đầu đã chẳng chân, làm sao biết được cảnh ấy là do ma nghiệp hiện? [Do đó] liền sanh đại hoan hỷ, tình thức chẳng tự yên, nên ma sẽ dựa vào thân, mất trí thành cuồng. Dù cho Phật sống hiện thân cứu độ, cũng chẳng làm gì được! Hãy nên tự lượng căn tánh, chớ toan tính chuyện cao xa, để rồi

đến nỗi mong được lợi mà hóa ra tổn hại!

Hòa Thượng Thiện Đạo dạy: “Chúng sanh đời Mạt Pháp thần thức chao đảo, tâm thô, cảnh tế, khó quán thành tựu. Do đó, đức Đại Thánh thương xót, riêng khuyên nên trì danh, vì xưng danh dễ dàng, trì danh liên tục liền được vắng sanh”. Đúng là Ngài sợ có kẻ chẳng khéo dụng tâm, đến nỗi lạc vào cảnh ma. Hãy nên tự xét kỹ! Hơn nữa, Trì Danh chí thành khẩn thiết cũng là một diệu pháp để tiêu trừ ma cảnh vọng động. Hãy nên dốc cạn tâm lực thực hành thì mới nên!

* Chớ nói: “Duyên tưởng một đức Phật công đức chẳng lớn bằng duyên tưởng nhiều đức Phật”. Phải biết A Di Đà Phật là Pháp Giới Tạng Thân, công đức của tất cả mười phương pháp giới chư Phật, mình đức Phật A Di Đà đã trọn đủ toàn thể. Như các hạt châu nơi lưới của Thiên Đế, ngàn hạt châu in bóng trong

một hạt châu, một hạt châu chiếu khắp ngàn hạt châu. Nếu lên một bèn gồm thân toàn bộ, chẳng thiếu, chẳng dư! Nếu là bậc Đại Sĩ tu lâu thì duyên theo cảnh rộng lớn cũng chẳng trở ngại gì! Cảnh càng rộng, tâm càng chuyên nhất. Nếu là kẻ sơ tâm mạt học mà duyên theo cảnh rộng lớn, tâm thức sẽ phân tán, do chướng sâu, huệ cạn, rất có thể dấy lên các ma sự. Bởi thế, đức Phật Thế Tôn ta và lịch đại chư Tổ đều dạy nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật là vì lẽ ấy. Đợi đến khi niệm Phật chứng được tam-muội thì trăm ngàn pháp môn, vô lượng diệu nghĩa thấy đều đầy đủ. Cổ nhân bảo:

*Dĩ mộc đại hải giả,
Tất dụng bách xuyên thủy,
Thân đảo Hàm Nguyên điện,
Bất tu vấn Trường An?
(Đã tắm trong biển cả,
Ắt dùng nước trăm sông.
Thân đến điện Hàm Nguyên,*

Hỏi Trường An chi nữa?)
Có thể nói là rất khéo hình dung vậy!

* Chớ có nói một pháp Trì Danh là thiền cận, rồi bỏ pháp này, tu các pháp Quán Tượng, Quán Tướng, Thật Tướng! Trong bốn pháp niệm Phật, chỉ có mình Trì Danh là khéo cơ bậc nhất. Trì đến nhất tâm bất loạn thì diệu lý Thật Tướng sẽ hiển lộ toàn thể, diệu cảnh Tây Phương triệt để phô bày trọn vẹn. Tức là do trì danh mà đích thân chứng Thật Tướng, chẳng quán tướng mà thấy cùng tột cảnh Tây Phương. Một pháp Trì Danh chính là huyền môn để nhập đạo, là đường tắt để thành Phật. Nay những người dạy các pháp [Niệm Phật] bằng thật lý hay quán tướng đều chẳng hiểu rõ. Nếu tu Quán Tướng hoặc Thật Tướng, lỡ bị ma dựa, há có phải là biến khéo thành vụng, cầu thẳng hóa đọa? Hãy nên tu hạnh dễ hành, sẽ tự cảm được diệu quả.

* Như Lai thuyết pháp vốn là để thích ứng căn cơ. Vì thế, mới có những chuyện như “*vì Thật bày Quyền, hiển Quyền khai Thật, năm thời giáo hóa*”. Lại vì cạy vào tự lực để liễu thoát thì khó, cạy vào Phật lực để liễu thoát thì dễ. Lại vì chúng sanh đời Mạt căn cơ hèn kém, nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ để ba căn thượng, trung, hạ đều được hưởng lợi ích, cùng chứng Bất Thoái. Đời có kẻ ham cao chuộng trội, chẳng xét thời cơ, cứ đem những pháp mà đa số chẳng thể khế ngộ để dạy người khác tu tập. Ý họ tuy rất tốt lành, nhưng xét ra giáo pháp chẳng thích hợp căn cơ, nên dụng sức rất nhiều mà kẻ được lợi ích lại ít ỏi!

Trước khi chưa đắc Nhất Tâm, trọn chẳng thể móng khởi ý niệm thấy Phật. Đã đạt được Nhất Tâm, tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, muốn thấy liền thấy ngay, chẳng thấy cũng không trở ngại gì. Nếu

muôn gấp thấy Phật, tâm niệm rồi bời, ý niệm muốn được thấy Phật kết chặt trong dạ, trở thành đại bệnh trong sự tu hành. Lâu ngày, kẻ oán gia trong nhiều đời thừa dịp tình tưởng vọng động, dối hiện thân Phật để đòi oán cũ. Tâm chính mình không có chánh kiến, toàn thể thuộc về khí phận ma, vừa thấy liền sanh hoan hỷ. Do đây, ma nhập tim gan, bị ma dựa phát cuồng. Dù có Phật sống, cũng chẳng làm gì được!

Chỉ nên gắng đạt Nhất Tâm, quản chi thấy Phật hay không? Đã nhất tâm thì sẽ tự biết rõ. Nếu chẳng thấy Phật, thì do công phu vượt tiến liền thấy, lại càng thêm một dạ chuyên tu, trọn chẳng mắc lỗi hiểu lầm, chỉ đạt được lợi ích vượt trội. Trong cõi đời, kẻ chẳng hiểu lý mới tu trì chút ít đã mong mỏi quá phận. Ví như mài gương, nếu bụi dơ đã hết, chắc chắn quang minh sẽ hiện ra chiếu trời, soi đất. Nếu chẳng tận lực mài, cứ mong gương

tỏa sáng, do toàn thể đều là như bản, nên nếu gương có tỏa sáng thì ánh sáng ấy cũng là ánh sáng của ma quái, há có phải là ánh sáng [thật sự] của gương!

Quang chỉ sợ ông chẳng khéo dụng tâm, lỡ ra bị mất lợi lành, khiến cho tín tâm của người khác bị lui sụt, nên mới viết thư bày tỏ. Tổ Vĩnh Minh nói: “*Chỉ được thấy Di Đà, lo chi không khai ngộ*”. Nay tôi bắt chước Ngài nói: “*Chỉ mong đạt Nhất Tâm, lo gì thấy, chẳng thấy!*” Đã biết như vậy, hãy nên dốc sức để tâm hợp với đạo của Phật vậy!

* Đóng cửa Phương Tiện, cự tuyệt sự vụ chẳng cấp bách, thật là hữu ích.

* Khi bế quan dụng công, nên lấy “chuyên tinh bất nhị” làm chủ yếu. Nếu tâm được chuyên nhất, sẽ tự đạt được cảm thông chẳng thể nghĩ bàn. Lúc chưa đắc Nhất Tâm, tâm chớ vọng động cầu cảm

thông. Sau khi đã Nhất Tâm, nhất định có cảm thông. Cảm thông thì tâm càng tinh ròn, chuyên nhất. Có thể nói là như gương sáng đặt trên đài, hình đến liền hiện bóng, hình tự lặn vắng, liên can gì đến ta? Tâm chưa chuyên nhất, đừng cầu cảm thông; bởi cái tâm cầu cảm thông đó chính là một chướng ngại lớn bậc nhất trong việc tu đạo. Huống hồ do vọng động, mong cầu thái quá, rất có thể các ma sự dậy lên, phá hoại tịnh tâm!

* Việc cắt máu chép kinh có thể hoãn lại đó, trước hết hãy nên lấy nhất tâm niệm Phật làm trọng. E rằng vì máu hao, tinh thần suy nhược, lại hóa thành chướng ngại. Thân có an, đạo mới vượng. Người còn thuộc địa vị phàm phu, đừng bắt chước khổ hạnh của bậc Pháp Thân Đại Sĩ. Chỉ cần đắc nhất tâm thì pháp nào cũng trọn vẹn!

* Đối với pháp Quán Tưởng, nếu chẳng minh bạch về mặt Lý, quán cảnh chưa thành thực, chớ nên có tâm vọng động mong chóng đạt được. Người có chí trán định chẳng đời tu pháp này thì tổn nhiều, ích ít. Còn Thật Tướng Niệm Phật chính là diệu hạnh thuộc về đường lối chung trong hết thảy các pháp môn trong toàn bộ giáo pháp của đức Phật. Như Chỉ Quán bên Thiên Thai Tông, tham cứu hướng thượng của nhà Thiên v.v... đều thuộc về đường lối này. Những pháp vừa nói đó đều là niệm tự tánh Thiên Chân Phật. Thật Tướng Niệm Phật như vậy nói có vẻ dễ dàng, nhưng khó tu chứng nhất. Chẳng phải là bậc Đại Sĩ tái lai, ai có thể chứng đắc ngay trong đời này? Do những nỗi khó khăn ấy, lẽ đương nhiên là cách Trì Danh Niệm Phật đáng nên khen ngợi, khuyên tu. Đã khen ngợi pháp này mà vẫn còn muốn cậy vào Tự Lực để đoạn Hoặc chứng Chân, khôi phục tâm tánh vốn sẵn

có, chẳng chịu sanh lòng tin, phát nguyện, chấp trì danh hiệu cầu sanh Tây Phương, quyết chẳng có lẽ ấy!

Do Thật Tướng hiện hữu trong hết thảy các pháp, pháp Trì Danh chính là một đại pháp môn vừa là Sự, vừa là Lý, vừa cạn, vừa sâu, vừa là tu, vừa là tánh, vừa là phàm tâm, nhưng lại là Phật tâm. Hiểu Thể của pháp Trì Danh chính là Thật Tướng, sẽ [đạt được] lợi ích sâu rộng. Bỏ Trì Danh để chuyên tu Thật Tướng thì vạn người tu, cũng khó có được một hai kẻ thật chứng! Có thể đạt được quả báo như Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công, Trần Trung Túc, Vương Thập Bằng v.v... thì hãy còn khá. Đối với việc liễu sanh thoát tử, há cứ dùng chí to, lời lẽ to lớn mà hoàn tất được ư?

* Niềm vui niệm Phật chỉ có người chân thật niệm Phật mới biết; nhưng phải chí thành khẩn thiết, nhiếp tâm để niệm,

chớ nên chấp vào tướng ngoại cảnh. Nếu không, do cỗi lòng chẳng thông suốt, quán đạo chẳng thuần thực, ma cảnh hiện tiền cũng chẳng biết rõ thì nguy lắm! Phải nhớ kỹ, hãy nhớ kỹ! Nay những người thật sự hoằng dương Tịnh Độ khó có được mấy ai! Hãy đổi ý niệm “tham học với khắp các bậc tri thức” thành nhất tâm niệm Phật thì lợi ích to lớn. Nếu không, chỉ thành ra uổng công nhọc nhằn bôn ba mà thôi!

* Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm, chính là niệm đến lúc tương ứng, dù thường niệm Phật, nhưng trọn không có tướng khởi tâm động niệm (lúc chưa tương ứng, chẳng khởi tâm động niệm thì chẳng niệm). Tuy chẳng khởi tâm động niệm, nhưng thường luôn xưng niệm, hoặc ức niệm một câu Phật hiệu; nên nói “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”. Đừng hiểu vô niệm là không niệm. “Vô niệm”

nghĩa là không có tướng khởi tâm động niệm để niệm, nhưng niệm niệm chẳng gián đoạn. Cảnh giới này chẳng dễ đạt được, chớ có hiểu lầm!

* Một pháp Quán Tướng tuy hay, nhưng phải hiểu rõ tượng Phật ta thấy thuộc về duy tâm sở hiện. Nếu tướng đó là cảnh ngoài tâm, sẽ rất có thể bị ma dựa phát cuồng. Chớ nên không biết! Duy tâm sở hiện là cảnh tượng ấy tuy rành rẽ phân minh, nhưng thật ra chẳng có vật gì. Nếu tướng là ngoại cảnh, cho là rành rành thật có, sẽ liền trở thành ma cảnh. [Khi tu Quán], nhắm mắt hay mở mắt cốt sao thích hợp là được.

* Người khác dạy người ta chú trọng chỗ huyền diệu. Quang tôi dạy người ta đa phần chỉ dẫn những điều họ có thể tận sức làm được. Nếu chẳng thể tận hết bốn phận, dù có luận tới tột nguồn, tận đáy

của mỗi một pháp trong Thiên hay Giáo, cũng chỉ trở thành “*tam thế chư Phật oan*” mà thôi, huống hồ chưa phải là chuyện tốt nguồn, tận đáy ư?

* Niệm Phật nhưng không có Tín Nguyện, tuy công đức lớn hơn tham Thiên và khán thoại đầu, nhưng do chính mình chưa đoạn Hoặc, sẽ chẳng thể liễu thoát bằng tự lực! Thêm nữa, vì không có Tín Nguyện, nên chẳng thể được Phật tiếp dẫn liễu thoát, vẫn là pháp môn thông thường cạy vào tự lực để chứng đạo, thật chẳng dễ dàng! Chớ bảo “tín nguyện cầu sanh” là hèn kém! Hoa Nghiêm hải hội đều dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh làm chỗ quy kết cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm. Huống hồ những pháp ngữ, những lời dạy của các Bồ Tát, Tổ Sư trong Tịnh Độ đều chỉ dạy tín nguyện cầu sanh.

* Tuy có mười sáu phép Quán, nhưng

hành giả hãy nên bắt đầu từ phép Quán dễ dàng: Hoặc là quán tướng bạch hào của Như Lai, hoặc phép Quán thứ mười ba là Tạp Tướng Quán. Còn như quán về chín phẩm, chẳng qua là để hành nhân biết tiền nhân và hậu quả của việc vãng sanh mà thôi, chỉ cần hiểu rõ là được; bất tất phải đặt riêng làm một phép Quán. Chớ nên không biết Lý của Quán, tu Quán về mặt sự thì phải hành từ từ. Nếu chẳng hiểu rõ Lý, quán cảnh chẳng phân minh, dùng cái tâm bộp chộp, hời hợt để tu, có thể tạo thành ma sự. Tức là khi quán cảnh hiện tiền, nếu tâm chợt lầm lạc sanh ý niệm vui mừng, sẽ do vui trở thành chướng, có thể bị thoái thất cái tâm ban đầu. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm dạy: “*Tâm chẳng cho là cảnh thánh, bèn gọi là cảnh giới lành. Nếu hiểu là cảnh thánh, liền vương quần tà*”. Chỉ có Nhất Tâm Trì Danh là hạnh ngàn phần ôn hòa, vạn bề thích đáng, đợi đến khi tâm quy nhất, tịnh

cảnh sẽ tự hiện tiền.

* Phải biết lý “*Pháp Thân vào trong tâm tướng*” [đã nói trong Quán Kinh] rất sâu. “*Tâm là Phật, tâm làm Phật*” là chuyện vốn bình thường. Bình thường mà phi thường, rất sâu nhưng chẳng sâu. Phải ngộ viên mãn thì mới gọi là “*đạt nhân*” (người thấu hiểu). Còn phép Quán thứ mười ba là riêng vì chúng sanh căn cơ kém cỏi mà mở cửa phương tiện, dạy họ quán thân Phật tượng sáu hoặc tám thước. Trong phép Quán thứ mười sáu, lại dạy những kẻ ác nghiệp nặng nề hãy xưng danh hiệu. Do xưng danh, liền được vãng sanh. Do đây biết rằng: Tướng có lớn nhỏ, nhưng Phật vốn là một. Chẳng thể quán tượng, [chỉ cần] xưng danh, liền được lợi ích. Suy nghĩ kỹ điều này, sẽ biết một pháp Trì Danh, thật là bậc nhất. Hành nhân đời Mạt muốn được quyết định vãng sanh ngay trong đời này, có nên bỏ phí

của báu một hạnh Trì Danh này hay chẳng?

* Người hiện thời quá nửa chuộng thể diện, xây lầu gác trên không. Có được một phần hay nửa phần, bèn nói là có đến trăm ngàn vạn phần. Như trong sách Ngũ Lục của vị cư sĩ nọ, những cảnh giới ông ta thuật đều là chuyện do ngòi bút vẽ vờ, chứ chẳng phải cảnh do tâm tạo. Có nhiên ông chẳng nói dối, nhưng tôi thật sự e rằng không chừng ông vướng phải tập khí này, họa ấy chẳng nhỏ. Đức Phật xếp vọng ngữ vào năm giới căn bản, chính là để phòng tệ này. Nếu “thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy” bèn thuộc về tội vọng ngữ. Nếu xây lầu gác trên không, bịa đặt cảnh giới thù thắng, tức là phạm giới “đại vọng ngữ”. Nếu “chưa đắc bảo là đắc, chưa chứng bảo là chứng”, tội đó nặng hơn giết, trộm, dâm trăm ngàn vạn ức lần. Nếu người ấy chẳng tận lực sám

hồi, khi một hơi thở ra không trở vào nữa, sẽ đọa ngay vào địa ngục A Tỳ vì hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh lâm ngờ vậy.

Ông phải rất thận trọng, thấy cảnh chỉ một phân, chẳng được nói một phân một, cũng chẳng thể nói là chín ly chín. Nói quá thì mắc tội, nói giảm cũng không được. Vì sao vậy? Bởi tri thức chưa đắc Tha Tâm Đạo Nhân, chỉ có thể dựa vào lời kể để phán đoán mà thôi. Thuật cùng tri thức cảnh giới ấy để nhờ họ chứng minh là tà hay chánh, là đúng hay sai thì không sao. Nếu chẳng vì chứng minh, chỉ muốn khoe khoang thì cũng có lỗi! Nếu nói với hết thầy mọi người, cũng có lỗi. Ngoại trừ để cầu tri thức chứng minh, đều chẳng được nói ra. Hễ nói ra, sau này sẽ vĩnh viễn chẳng đạt được cảnh giới thù thắng ấy nữa. Đây chính là cửa ải thứ nhất của người tu hành, trong Thiên Thai Tông đã nhiều lần nói đến.

Sở dĩ những người tu hành gần đây nhiều kẻ bị ma dựa đều là do tâm vọng động, gấp rút mong đạt được cảnh giới thù thắng. Đừng nói cảnh ấy là ma cảnh, dầu cảnh ấy đích thị là cảnh thù thắng, nhưng nếu suốt đời tâm cứ hoan hỷ, tham chấp v.v... sẽ vẫn bị tổn hại, chẳng được ích; huống hồ cảnh ấy chưa đích xác là cảnh thù thắng ư?

Nếu người ấy có hàm dưỡng, tâm chẳng vọng động, gấp rút, không có tâm tham đắm, thấy các cảnh giới cũng như chẳng thấy. Do chẳng sanh tâm hoan hỷ, đắm chấp, cũng lại chẳng sanh tâm hoảng hốt, kinh nghi, đừng nói là cảnh thù thắng hiện ra bèn được lợi, dù cảnh ma hiện ra, vẫn được hưởng lợi ích! Vì sao? Vì chẳng bị ma chuyển, nên có thể thẳng tiến. Tôi chẳng thường nói lời này với người khác, vì ông có những sự ấy, nên chẳng thể không nói.

Tượng Đại Sĩ ông được thấy lúc mới

lễ Phật là không đích xác. Nếu đích thực là tượng của Ngài, sẽ chẳng vì ông nghĩ tượng đó chẳng khớp với Quán Kinh mà ản. Nhưng vì điều đó mà tín tâm của ông càng khẩn thiết, thì cũng là một nhân duyên tốt, nhưng chớ nên mong thường thấy tượng. Chỉ nên chí thành lễ bái mà thôi, ngõ hầu không phải lo ngại điều gì khác. Lúc ngủ, thấy ánh sáng trắng trước mắt, và khi lễ Phật thấy tượng Phật đứng trên hư không tuy là thiện cảnh, nhưng đừng tham đắm. Từ đây về sau, đừng lấy những chuyện đó làm điều mong mỏi, các tướng ấy sẽ chẳng hiện nữa.

Trộm xét căn tánh của ông, có lẽ đời trước từng tu tập Thiên Định, nên mới nhiều lần thấy những tướng ấy. Đời Minh, ông Ngu Thuần Hy bế quan tĩnh tu tại ngọn Cao Phong núi Thiên Mục. Lâu ngày bèn có thể tiên tri, dự đoán được trời sẽ âm u hay quang đấng, cũng như họa phước của người khác. Ông ta quy y với

Liên Trì đại sư. Đại sư nghe chuyện gởi thư cực lực quở trách, bảo ông ta đã lọt vào lưới rập của ma. Về sau, ông ta không biết nữa.

Cần phải biết: Người học đạo phải biết điều gì là quan trọng; nếu không, đạt được lợi ích nhỏ nhặt, bị tổn hại lớn lao. Đừng nói những cảnh giới ấy, dù có thật sự đắc Ngũ Thông, cũng còn phải không đếm xỉa gì tới, mới hòng chứng được Lưu Tận Thông. Nếu tham đắm, sẽ khó thể tiến lên, thậm chí còn bị thoái đọa. Chớ nên không biết!

* Người tu Tịnh nghiệp chẳng chú trọng các thứ cảnh giới, nên chẳng có cảnh giới nào phát sanh. Nếu trong tâm cứ chuyên muốn thấy cảnh giới thì cảnh giới rất nhiều. Nếu chẳng khéo dụng tâm, sẽ có thể bị tổn hại, chớ nên không biết.

* Đàm Bích Vân nóng vội, chẳng

riêng gì ông ta mắc phải căn bệnh ấy, mà hết thấy người học Phật đa số đều phạm phải căn bệnh ấy. Đã có bệnh ấy, không chỉ sẽ chiêu cảm ma sự, mà còn “chưa chứng bèn nói là đã chứng”. Cần nên biết: Tâm vốn là Phật, do phiền não chưa trừ, phải oan uổng làm chúng sanh. Chỉ đến khi tiêu diệt phiền não, Phật tánh sẵn có sẽ tự nhiên hiển hiện. Giống như mài gương, chỉ mong sạch chất dơ, chẳng mong gương tỏa sáng. Như thầy thuốc chữa mắt, hễ màng mọng mắt đi, mắt sẽ tự sáng lại. Nếu chất dơ chưa sạch, màng mọng chưa khử, dù có muốn phóng đại quang minh, há có thể được chẳng? Nếu tỏa sáng, đấy chính là yêu ma biến hiện, chẳng phải là quang minh chân chánh của gương hay mắt. Đối với những người sơ phát tâm, hãy nên bảo cho họ biết ý này.

* Người niệm Phật hãy nên tâm niệm muốn được vãng sanh ngay trong đời này.

Nếu chưa đến lúc báo thân đã mãn, chỉ nên tùy duyên. Nếu muốn định thời hạn, mong được vãng sanh (tức là mong được vãng sanh vào một thời điểm nhất định nào đó), nếu như công phu đã thành thực, lẽ cố nhiên chẳng có trở ngại gì. Nếu không, cái tâm mong cầu ấy sẽ trở thành ma căn. Nếu như vọng niệm ấy kết thành một khối chẳng thể gỡ bỏ thì sẽ nguy hiểm chẳng thể nói nổi. Đốc hết lòng thành đến hết báo thân này, đó chính là điều chúng ta nên tuân hành. Chứ còn chám dứt tuổi thọ để cầu chứng đắc chính là điều bị Giới kinh (Luật tạng) quở trách nặng nề. Cuối kinh Phạm Võng có bài kệ:

Kê ngã trước tướng giả,
Bất năng sanh thị pháp,
Diệt thọ thủ chứng giả,
Diệc phi hạ chủng xứ.

Tạm dịch:

(Chấp ngã, dính mắc tướng,
Chẳng thể sanh pháp ấy.

Diệt thân hồng cầu chúng,
Chẳng phải điều nên làm).

Chỉ nên dốc trọn thành kính, cầu mau được vãng sanh. Chẳng nên định kỳ hạn để mong nhất định được vãng sanh [đúng kỳ hạn ấy]. Người học đạo tâm chớ nên thiên chấp. Thiên chấp thì sẽ rất có thể đến nỗi mất trí thành điên cuồng; không chỉ là vô ích, mà còn có hại nữa. Nếu Tịnh nghiệp thuần thực, vãng sanh ngay ngày hôm nay càng tốt. Nếu chưa thuần thực lại muốn được vãng sanh ngay, khác nào kéo mạ cho nó mau lớn! Thật sợ ma sự dấy lên, không chỉ là tự mình chẳng thể vãng sanh, mà còn khiến cho kẻ vô tri lui giảm tín tâm, cho là: “Niệm Phật chỉ tổn hại, không ích lợi gì, cứ coi tấm gương tây đình của ông X. thì mỗi hại ấy chẳng cạn cợt vậy!” Xin hãy đem cái tâm “quyết định lập kỳ hạn” ấy đổi thành cái tâm “chỉ nguyện mau được vãng sanh”. Dù chẳng mau được vãng sanh thì cũng chẳng phàn

nàn, chỉ càng chí thành, chí kính, chỉ mong báo tận liền được vãng sanh là được rồi. Đừng nóng vội, vọng động, khăng khăng bám chắc, đến nỗi chiêu cảm ma sự!

3.5. Khuyên hành nhân nỗ lực

Người sống trong thế gian, có đủ tám nỗi khổ. Dù sanh trên cõi trời, khó tránh ngũ suy³⁵. Chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới là không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui. Kinh dạy: “*Tam giới vô an, do như hỏa trạch, chúng khổ sung mãn, thậm khả bố úy*” (Ba cõi không yên giống như nhà lửa, các khổ đầy đầy, rất đáng kinh sợ). Mạng người vô thường, lẹ như ánh chớp. Đại hạn xảy đến, ai nấy chẳng thể chiếu cố cho nhau. Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng. Đối với

³⁵ Ngũ suy: Năm tướng suy của chư thiên trong Dục Giới và Sắc Giới: 1. Hoa trên đầu héo 2. Y phục như nhóp 3. Đồ mờ hôi nách 4. Thân hình hôi thối 5. Không ưa ngồi trên tòa. Mỗi khi năm tướng ấy hiện sẽ là điềm báo trước vị trời ấy khi mạng chung sẽ bị đọa lạc.

những điều ấy mà chẳng tỉnh ngộ, tận lực tu Tịnh nghiệp, thì sẽ cùng với gỗ, đá sanh trưởng vô tình trong vòng trời đất vậy. Là trang nam nhi có huyết tánh, há chịu làm thây đi, thịt chạy, chết mục nát với cỏ cây? Đền cao cảnh thánh, nhưng tự giữ phạm phạm phu, gặp lời răn nhắc lớn lao mà chẳng phát phần, nghe đạo của thánh hiền, Phật, Tổ mà vẫn chẳng chịu tin tưởng, vậy là trời phụ người, hay người phụ trời vậy?

* Tâm gặp ác mộng là điềm ác nghiệp đời trước hiển hiện. Dù cảnh hiện ra có thiện hay ác, nhưng chuyển biến cảnh là do chính mình! Ác nghiệp hiện, nhưng chuyên tâm niệm Phật, nhân duyên bèn trở thành nhân duyên lành, ác nghiệp đời trước biến thành đạo sư đời này. Tiếc là người đời phần nhiều bị nghiệp trôi buộc, chẳng thể chuyển biến, đến nỗi lâm vào cảnh đã té giếng lại còn bị ném đá,

khổ càng thêm khổ!

* Thời này là thời nào? Nam Bắc đánh nhau, trong ngoài đối địch. Ba bốn năm gần đây, người chết bốn năm ngàn vạn. Từ thuở có con người đến nay, chưa từng nghe thấy chuyện thê thảm như vậy. Lại còn gió lốc, nước dâng, động đất, ôn dịch nhan nhản các nơi. Lại còn thêm lụt lội, hạn hán, không năm nào chẳng kèm thêm các tai nạn ấy. Giá cả các thứ đắt gấp mấy lần năm trước. Trong lúc này, may mắn còn sống sót, dám đâu chẳng kiệt lực chuyên tu Tịnh nghiệp để cầu vãng sanh Tịnh Độ ư? Dám đâu do may mắn còn được cái thân, lại buông lung ý chí, chẳng chuyên chú nhất định vào một pháp, cứ lơ mơ dốc sức nơi một pháp môn chẳng khế hợp thời cơ ư? Giả sử một hơi thở ra chẳng hít trở vào được, muốn lại được nghe pháp môn thẳng tắt như thế này, chỉ e chẳng có dịp may mắn như thế nữa đâu

nhé!

* Thân là cái gốc để chiêu khổ, chán nhàm là nền tảng để hưởng vui. Do túc nhân sâu dày, hiện tại thiện càng nồng hậu, nên quả báo nặng nề từ nhiều kiếp chuyển thành họa nhẹ trong hiện tại. Càng hoạn nạn, đờn đau, càng mạnh mẽ tu trì, thì những nỗi đau khổ trong cõi Sa Bà sẽ là thầy hướng dẫn mình về Cực Lạc. Hãy nghĩ mình đang đền nợ cũ, thì những ý tưởng ảo não, phiền muộn sẽ tự tiêu. Nếu vẫn còn ôm lòng oán trách, tội chướng tiếp tục khởi. Cam chịu nghịch cảnh xảy đến, mới là kẻ biết vui theo mệnh trời. Chán đây, ưa kia, mới là người tu Tịnh nghiệp.

* Một câu Phật hiệu bao quát hết cả toàn bộ giáo nghĩa của Đại Tạng, không còn sót gì. Người thông Tông, thông Giáo mới có thể làm người chân thật niệm Phật,

nhưng người điều gì cũng không biết, chuyện gì cũng chẳng làm được, miệng chỉ biết thừa thốt, cũng có thể làm người chân thật niệm Phật. Hai hạng người này có chân thật hay không, toàn là do chính mình nỗ lực hay không, có hành theo đúng giáo pháp hay không?

* Nếu đối với pháp môn Tịnh Độ, kính tin lời Phật, quyết định chẳng ngờ, lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, do thật sự tu hành, nhất định sẽ vãng sanh làm người trong thế giới Cực Lạc. Há có nên trong lúc kiếp vận này, toan nhằm thời buổi nguy hiểm, tinh thần hữu hạn, lại thực hiện những pháp vụ chẳng cấp bách hòng được tiếng là bậc đại thông gia hòng thỏa thể diện, khiến cho sự chuyên tu của chính mình rốt cục trở thành hư luống hay sao?

* Mười nguyện Phổ Hiền, một hạnh Văn Thù, nếu có thể tu chuyên ròng, dù

hết thấy kinh luật đều chẳng thông suốt, vẫn có thể nhanh chóng tháo cũi, sổ lồng, cao dự hải hội. Nếu đối với pháp cây vào Phật lực này mà lòng tin chẳng chân thật, không quyết định nương dựa vào pháp này, dù có thông Tông thông Giáo sâu xa, cũng chỉ là tam-muội nơi cửa miệng. Toan dùng tam-muội kiểu môi miếng ấy để liễu sanh thoát tử, đúng là giống như dùng bánh vẽ để đỡ đỏi, ắt đến bước cùng đường hồi hận sâu xa, cũng chẳng có mấy may lợi ích gì! Đối với tình thế hiện thời, chẳng biết tình trạng tương lai ra sao, mà vẫn toan dùng quang âm sắp hết để lo những chuyện chẳng cấp bách ư?

* Cổ nhân nói: “*Thiếu thật thắng đa hư. Đại xảo bất như chuyết. Thuyết đắc nhất trượng, bất như hành thủ nhất thốn*” (Thật ít, hơn dối nhiều. Khéo quá chẳng bằng vụng. Nói cả trượng, không bằng làm được một tấc). Chân tâm ở nơi chính

mình, hãy suy nghĩ thấu đáo!

* Pháp Tịnh Độ lấy ba điều Tín, Nguyện, Hạnh làm Tông. Chỉ có đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì mới dốc chí hành trì được. Gặp cảnh họa hại, mới bèn chân thành, khẩn thiết; gặp lúc nhàn nhã, thong dong, bèn lơ là, hoãn đãi. Đây là bệnh chung của phàm phu. Vào lúc này, thời cuộc lẩn tành hình đạo pháp như nằm yên trên đồng củi, phía dưới lửa đã cháy bùng bùng, nhưng chưa cháy đến thân. Chớp mắt là toàn thể cháy bùng, khắp cõi chẳng có chỗ nào để trốn tránh! Sao còn lơ là, sao nhãng qua ngày, chẳng chuyên chí cầu nơi một câu Phật hiệu? Cái tri kiến ấy thiếu cận quá đỗi!

* Đòi trước vun bồi huệ căn này, cố nhiên chẳng dễ dàng gì. Nếu đối với pháp này chẳng chuyên tinh, dốc cạn sức để mong được tự chứng, có khác gì chén,

bình chưa nung, gặp mưa liền rã. Quang âm ngấn ngủi, mạng người mấy chốc? Một hơi thở ra chẳng trở lại, đã qua đời sau. Người chưa chứng đạo từ ngộ vào mê, vạn người có cả mười ngàn; từ ngộ thêm ngộ, ức kẻ chẳng được một hai! Nỡ để vô thượng pháp khí gặp phải cơn mưa tái sanh liền trở thành bụi đất ư?

* Chúng ta đã là Phật tử, phải hành Phật hạnh. Dù chẳng phá sạch vô minh, nhanh chóng khôi phục bốn tánh, tiến thẳng vào Diệu Giác quả hải, chẳng lẽ không thể viên chứng ba tâm (thâm tâm, trực tâm, hồi hướng phát nguyện tâm), dốc lòng tu Tịnh nghiệp để mong đoạn Phiền Hoặc ngay nơi thân này, gởi tâm thức nơi Liên bang, làm đệ tử của Phật Di Đà, làm bạn lành của các Đại Sĩ, an trụ tịch diệt, đạo các cõi Phật, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh hay sao?

Nếu chẳng tự gắng sức, chỉ đề cao

thánh cảnh, nhưng vẫn cam phận làm phàm ngu, e rằng cả nửa đời tu trì siêng nhọc, đành phải cay đắng vĩnh viễn trầm luân! Mê muội nên hạt châu buộc nơi vạt áo mà chẳng trân quý, lên núi báu trở về tay không. Dùng tánh Chân Như màu nhiệm có đủ vô lượng công đức, trí huệ, thần thông, tướng hảo để hứng chịu oan uổng vô lượng sanh tử luân hồi, phiền não nghiệp quả, huyễn vọng cực khổ. Há chẳng phải là mất trí, sanh cuồng, ghét thẳng, thích đọa, sống làm thịt chạy, thầy đi, chết mục nát cùng cỏ cây ư? Tam thế chư Phật gọi [kẻ ấy] là hạng người đáng thương xót. Những vị đồng luân với tôi, hãy nên nỗ lực.

* Trong lúc đường đời nguy hiểm này, hãy nên mở toang tâm lòng, tầm mắt, nỗ lực tu trì Tịnh nghiệp. Tất cả cát, hung, họa, phước đều chẳng lo tới, tùy duyên ứng biến. Dù cho đại họa trút xuống đầu,

vẫn nên nghĩ: Những người cùng mắc phải họa này chẳng biết là mấy ngàn vạn ức người? Trong tình thế chẳng làm gì khác được, vẫn còn có A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát để nương cậy, há còn lo chi? Dùng niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để làm chỗ cậy nhờ vô úy. Hãy mở rộng tâm lượng, đừng thấp thỏm, thì bệnh tự nhiên lành, thân yên vui. Nếu chẳng biết nghĩa này, dù chưa gặp phải cảnh tai ách mà đã tự hãm mình trước vào trong tai ách; dù là Phật, Bồ Tát cũng chẳng thể cứu nổi! Bởi thế, quân tử gặp cảnh hoạn nạn bèn hành xử đúng mực trong cảnh hoạn nạn, nên không điều gì xảy đến mà chẳng tự chủ được!

IV. LUẬN VỀ VIỆC LỚN SANH TỬ

4.1. Cảnh tỉnh mạng người vô thường

* Quang âm vùn vụt, thời thế đổi dời trong mỗi sát-na, một niệm chẳng trụ. Đây chính là tạo vật vì khắp hết thấy bọn

chúng sanh chúng ta hiện tướng lưới rộng dài, giảng vô thường diệu pháp: “Mạng người vô thường, vinh hoa chẳng bền, hãy gấp tìm nẻo về để khỏi phải chịu nỗi khổ trầm luân”.

* Việc lớn sanh tử phải chuẩn bị trước. Nếu đợi đến lúc sắp ra đi mới tu, chỉ e sẽ bị nghiệp lực đoạt mất.

* Sanh tử là việc lớn, vô thường nhanh chóng. Nghe đến kinh sợ, nhưng còn lâu mới bằng khi thân trải qua nỗi đờn đau kịch liệt.

* Cổ nhân nói: “*Thông minh bất năng địch nghiệp. Phú quý khởi miễn luân hồi*” (Thông minh chẳng cự nổi nghiệp. Phú quý chẳng tránh khỏi luân hồi). Sanh tử xảy đến, không có gì để nương dựa, chỉ có A Di Đà Phật là nương nhờ được thôi! Tiếc rằng người đời quá ít ai biết. Kẻ biết

đến, tin chân thật và thật sự niệm Phật lại càng ít hơn nữa!

* Ngày Ba Mươi tháng Chạp là ngày chấm dứt một năm. Nếu chẳng thu xếp trước cho khéo, thì chủ nợ, oán gia sẽ xúm lại lôi kéo, chẳng dung cho lỗi lầm của mình. Lúc lâm chung chính là ngày Ba Mươi tháng Chạp của cả một đời. Nếu tư lương Tín, Nguyện, Hạnh chưa đủ, vẫn còn tập khí ác tham, sân, si, thì oán gia, chủ nợ từ vô lượng kiếp đến nay sẽ kéo đến bức bách, đòi nợ, chẳng dung cho mình. Đừng nói là những kẻ chẳng biết đến pháp môn Tịnh Độ đành không biết làm sao, phải theo nghiệp thọ sanh; dù là đã biết, nhưng chẳng chăm chú tu hành thật sự, thì cũng giống hệt như vậy: Bị ác nghiệp lôi kéo vào trong tam đồ, lục đạo, vĩnh viễn luân hồi! Muốn cầu con đường thoát khổ, chỉ có cách niệm niệm lo nghĩ đến lúc chết, sợ rằng chết đi sẽ đọa lạc

trong tam đồ ác đạo, thì Phật niệm sẽ tự thuần, Tịnh nghiệp sẽ tự thành, hết thấy trần cảnh sẽ chẳng thể đoạt được chánh niệm nữa!

* Cầu sanh Tây Phương, đừng nên sợ chết. Nếu chết ngay ngày hôm nay thì liền sanh về Tây Phương ngay hôm nay. Đây là như lời [người xưa] đã nói: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hĩ!*” (Sáng nghe đạo, chiều chết cũng được!) Lẽ đâu, ngày hôm nay phải chết lại chẳng chịu chết, cứ tham luyến trần cảnh chẳng thể buông xuống, khiến cho do tham thành chướng, cảnh Tịnh Độ chẳng hiện, khiến cho cảnh tùy nghiệp thọ sanh trong đường thiện nẻo ác liền hiện. Cảnh hiện, liền theo nghiệp thọ sanh trong đường thiện nẻo ác; chuyện vãng sanh Tây Phương hóa thành bánh vẽ! Vì thế, đối với người tu Tây Phương, chết hôm nay cũng tốt; sống thêm một trăm hai mươi năm rồi chết cũng hay. Hết

thảy phó mặc nghiệp trước, chẳng làm sanh ý tưởng tính toán, so đo. Nếu như tín nguyện chân thành, thiết tha, báo hết, mạng tận, thần thức bèn siêu thăng Tịnh vực, nghiệp trả lại trần lao, sen vàng chín phẩm nở hoa, Phật thọ ký một đời thành Phật!

4.2. Khuyên chuyên cậy vào Phật lực

* Án Quang từ Tây qua Đông, từ Bắc xuống Nam, qua lại hơn vạn dặm, gặp gỡ nhiều người. Trong số đó, lắm kẻ thường ngày tự vỗ ngực là bậc thông Tông, thông Giáo, coi Tịnh Độ như vật dơ, chỉ sợ nó làm bản lay đến mình. Lúc lâm chung, đa số chân loạn, tay cuồng, kêu cha, gào mẹ. Trong số ấy, có những người trì giới thật thà niệm Phật, dù Tín Nguyện chưa đến mức cùng cực, tướng lành chẳng hiện, nhưng đều an nhiên mạng chung. Vì sao như vậy? Là vì tâm thủy trong lặng, do

phân biệt nên xao động, đục ngầu, sóng thức trào dâng. Do Phật hiệu, nên tâm thủy ngưng lặng. Bởi thế, kẻ thượng trí chẳng bằng kẻ hạ ngu, quá khéo léo đâm ra trở thành vụng về lớn vậy!

* Hết thấy các pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật do đức Phật đã nói đều phải cậy vào công sức của chính mình để đoạn Hoặc chứng Chân thì mới thoát khỏi sanh tử. Nếu còn chút may may Hoặc nghiệp, sẽ quyết định khó thoát khỏi sanh tử. Vì thế, từ đời này sang đời khác, từ kiếp này sang kiếp khác, lần lượt tu trì, nếu ai có đầy đủ sức lực, sẽ tiến thẳng lên Bất Thoái, liền được liễu thoát. Phần nhiều là từ giác chột mê, tạm tiến, lùi nhiều, trải qua bao kiếp nhiều như bụi trần chẳng thể xuất ly.

Sở dĩ, ngài và tôi hôm nay vẫn còn là phàm phu, toàn là vì chẳng biết đến pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, chí cực viên

đốn của đức Như Lai.

* Người chẳng hiểu Tịnh Độ đọc kinh Lăng Nghiêm, sẽ cho kinh này là công thần đả phá Tịnh Độ. Người hiểu Tịnh Độ đọc đến, liền biết kinh này khéo hướng dẫn hoằng dương Tịnh Độ. Vì sao nói như thế? Vì tự lực ngộ đạo thì khó, vãng sanh Tịnh Độ là dễ. Nhân quả trong mười pháp giới mỗi mỗi đều phân minh. Nếu chẳng cậy vào Phật lực, dù phá được một hai Ám, vẫn có thể bị ma dựa phát cuồng, trở thành chủng tử địa ngục. Và nữa, trong hai mươi bốn công phu Viên Thông, người đời nay có ai là kẻ có thể tu tập được? Chỉ có phép Niệm Phật như con nhớ mẹ, hễ ai hữu tâm đều có thể phụng hành! Cốt sao tịnh niệm tiếp nối, sẽ tự chứng tam-ma-địa. Kẻ biết phân biệt tốt xấu đọc đến, lẽ nào chỉ ung chịu chủ trương tự lực, chẳng cậy vào Phật lực hay sao? Kẻ chẳng biết hay dở mới nghĩ như

vậy, bởi họ chỉ mong làm bậc thông gia, không có tâm liễu sanh thoát tử!

* Tu hành dụng công vốn là để liễu sanh thoát tử. Nếu dụng công, nhưng chẳng thể liễu sanh tử, là do chẳng chịu y vào pháp có thể liễu sanh tử mà hành. Khác nào gánh gai bỏ vàng, tự chuốc lấy lỗi hay sao? Dù tham Thiên đại triệt đại ngộ như Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết, Đoạn Nham Nghĩa còn chưa thể liễu sanh tử, phải thọ thân đời sau, đến nỗi mê lầm, thua xa đời trước, huống chi bọn ta?

* Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn phổ độ chúng sanh, viên đốn, thẳng tắt, rộng lớn, đơn giản, dễ dàng nhất của đức Như Lai. Vì sao nói thế? Do hết thảy các pháp môn đều phải đoạn Kiến Tư nhị Hoặc mới hòng liễu sanh tử. Nhưng đoạn Kiến Hoặc giống như cắt đứt dòng chảy rộng bốn

mười dặm, huông hồ Tư Hoặc? Đoạn hết Kiến Hoặc bèn chứng Sơ Quả. Nếu ước theo Viên Giáo thì là địa vị Sơ Tín. Đoạn sạch Tư Hoặc liền chứng Tứ Quả; trong Viên Giáo là địa vị Thất Tín. Sơ Quả, Sơ Tín còn có sanh tử. Tứ Quả, Thất Tín mới hết sanh tử. Nhưng Thiên Thai Trí Giả đại sư chỉ thị hiện chứng địa vị Ngũ Phẩm, tuy sở ngộ đã bằng với chư Phật, đã hàng phục trọn vẹn ngũ trụ phiền não, nhưng vẫn chưa từng đoạn Kiến Hoặc. Thế nhưng, bản địa³⁶ của Đại Sư thực chẳng thể suy lường được. Lúc mạng chung, Ngài chỉ nói là chứng Ngũ Phẩm, vì lo xa hậu thế chẳng dốc sức đoạn Hoặc chứng Chân, chỉ coi minh tâm kiến tánh là rốt ráo.

Minh tâm kiến tánh là đại triệt đại ngộ. Nếu là bậc tối thượng thượng căn, hề ngộ liền chứng, thì liễu được sanh tử. Nếu

³⁶ Bản địa là ứng với Tích Hóa mà nói. Bản là gốc, là Pháp Thân, Tích là sự hóa hiện để hóa độ chúng sanh. Bản địa là nói đến sự chứng ngộ thật sự của Ngài.

không, dù có biết trước được vị lai như sư Viên Trạch, vẫn chẳng tránh khỏi phải thọ sanh lần nữa. Đến như Ngũ Tổ Giới lại sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại làm thân Lỗ Công. Đây hẳn còn là tạm được. Ngài Hải Ấn Tán thành con gái của quan Phòng Ngự họ Châu, đã đáng buồn lòng; nhưng ông Tăng ở núi Nhạn Đãng trở thành Tần Cối thì thật là đáng thương xót quá. Tự lực đoạn Hoặc chứng Chân để liễu sanh thoát tử thật khó khăn thay!

Các giáo lý tu chứng thông thường do đức Như Lai đã nói trong suốt một đời tuy có nhiều pháp khác nhau, nhưng không có một pháp nào khiến cho kẻ còn đầy dẫy Hoặc nghiệp có thể liễu sanh thoát tử cả! Chỉ riêng pháp Tịnh Độ, chỉ cần lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dùng tâm chí thành trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Bất luận Hoặc nghiệp đầy hay mỏng, công phu cạn hay sâu, khi

lâm chung đều cậy vào Phật từ lực, đời nghiệp vãng sanh. Đã vãng sanh liền siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Từ đây, lần lượt tấn tu, liền đích thân chứng Vô Sanh cho đến viên mãn Phật Quả! Đây chính là pháp môn đặc biệt do đức Như Lai thương xót chúng sanh căn cơ hèn kém, muốn cho họ mau thoát khỏi luân hồi.

Những người nghiên cứu về Giáo dựa trên giáo lý thông thường để luận đoán sự chứng đắc, chẳng tin có chuyện đời nghiệp vãng sanh, khoe mình là hạng thường ở trong sanh tử để độ chúng sanh, chẳng muốn mau thoát khỏi sanh tử. Chẳng biết chén, bình chưa nung, gặp mưa liền rã; phiền hoặc chưa đoạn, chuyển sanh liền mê. Tự lợi còn khó, huống là lợi người! Bọn họ đều là hạng chẳng lượng đức mình, là hạng phàm phu sát đất, có chút huệ tánh, bèn vội bắt chước phong cách của bậc Pháp Thân Đại

Sĩ, đến nỗi làm lỗ một phen, lỗ làm vĩnh viễn!

Kẻ tham Thiền thì chuyên chú tham cứu, mong minh tâm kiến tánh, chẳng biết căn cơ của mình khá hèn kém, chẳng thể minh tâm kiến tánh rất nhiều. Dù cho đã minh tâm kiến tánh, nhưng nếu Hoặc nghiệp chưa đoạn, vẫn luân hồi sanh tử y như cũ, chẳng thể xuất ly cũng lại nhiều lắm. Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Hải Ấn Tín, Chân Như Triết v.v... là những chứng cứ xác thực.

Ôi! Sanh tử to lớn dường ấy, sao lại chuyên cậy vào tự lực, chẳng cậy vào Phật lực? Ý chừng tự lực hơn hẳn Phật lực ư? Phàm người sống trong đời, việc lớn như sáng lập sự nghiệp lưu truyền nhiều đời, việc nhỏ như một manh áo, một bữa ăn, không gì là chẳng phải nhờ vào sức của nhiều người để hoàn thành việc của mình. Còn như việc lớn liễu sanh tử, dù sẵn có Phật lực vẫn chẳng chịu nương nhờ, cứ

muốn tỏ ra bản lĩnh phi thường, chỉ e lại rớt vào thói thường của kẻ phàm ngu. Chí của họ đáng bảo là lớn, nhưng tiếc là chẳng biết khả năng của họ thì có đáng gọi là lớn hay chẳng?

* Muốn liễu sanh tử thì phải thật chứng. Nếu chỉ ngộ chưa chứng, ắt Phiền Hoặc vẫn còn, ắt phải siêng gắng, cẩn trọng, trải qua những duyên giới mài thì trong tâm thường giác chiếu, thâm hợp với Thánh Trí. Phàm tình nhân ngã thì phi không thể do đâu mà khởi! Nếu chẳng càng thêm giác chiếu, phàm tình vẫn lừng lẫy như cũ, thì công hạnh càng cao, tình kiến càng nặng, từ ngộ vào mê là chuyện khó tránh khỏi. Như người ngủ chẳng tỉnh, càng ngủ mê mệt thêm. Cổ nhân bảo: *“Đại sự dĩ minh, như táng khảo tử”* (Đại sự đã hiểu, như chôn cha mẹ). Chính là vì Phiền Hoặc chưa đoạn, chỉ e lại mê. Phải biết rằng người đã đoạn Hoặc bèn chẳng

có phàm tình. Đã không có phàm tình, lấy đâu ra sanh tử? Người đại ngộ dù ngộ bằng với Phật, nhưng còn chưa đoạn trừ Hoặc thì phải niệm niệm giác chiếu, mới hòng tránh khỏi xử sự bằng phàm tình.

* Pháp môn này toàn cậy vào Phật lực. Ví như người thọt một ngày chỉ đi được mấy dặm; nếu ngồi trên luân báu của Chuyển Luân Thánh Vương liền trong khoảnh khắc đến khắp bốn đại châu. Đây là sức của Luân Vương, chẳng phải do sức của chính mình. Người đời tu hành cố nhiên giống như vậy. Dù là kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác tội lỗi cực nặng, lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện, nếu có thể chí tâm niệm Phật, liền được Phật tiếp dẫn. Ấy là vì Phật thấy chúng sanh khác nào con một. Đứa nào thiện thuận, dĩ nhiên từ ái dưỡng dục. Đứa nào ác nghịch, càng thêm xót thương. Nếu con hồi tâm hướng về mẹ, ắt mẹ sẽ rủ lòng từ tiếp nhận.

* Cây vào tự lực để tu hành, đoạn Hoặc, chứng Chân, khá chẳng dễ dàng! Đoạn Kiến Hoặc như cắt ngang dòng nước rộng bốn mươi dặm, hướng hồ là Tư Hoặc! Kiến Hoặc đã đoạn liền chứng Sơ Quả, dự vào dòng thánh, vẫn còn phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần trở xuống nhân gian mới có thể đoạn sạch Tư Hoặc để chứng Tứ Quả. Tuy nói là mười bốn lần sanh tử, nhưng trên trời tuổi thọ dài lâu, cố nhiên chẳng thể dùng năm tháng để luận. Thánh nhân Sơ Quả muốn liễu sanh tử còn khó khăn như thế, hướng hồ phạm phu đầy dẫy Hoặc nghiệp ư? Nếu chứng Tứ Quả, sẽ vĩnh viễn đoạn căn bản sanh tử, siêu xuất lục đạo luân hồi. Nếu phát tâm Đại Bi, nhập thế độ sanh, nương theo nguyện thị hiện hạ sanh, sẽ chẳng giống như kẻ đầy dẫy Hoặc nghiệp bị nghiệp thiện ác lôi kéo thẳm trầm trong lục đạo, tự mình chẳng thể làm chủ mảy may! Tự lực liễu sanh tử nếu chẳng phải là hạng túc

căn sâu dầy sẽ chẳng thể làm được; chúng sanh đời Mạt mong bằng được sao?

Bởi thế, Như Lai đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh Độ để hết thảy dù thánh hay phàm, thượng, trung, hạ căn cùng được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Lòng từ bi cứu vớt, che chở ấy tốt bậc không chi hơn được! Để tu trì pháp này, cũng phải nghiêm trì tịnh giới, tận lực tu Định, Huệ, kiêm thêm sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm lực tinh thuần, ngay trong hiện đời cũng có thể chứng [địa vị] thánh, lâm chung lên ngay Thượng Phẩm, dự vào địa vị Bồ Tát, chứng địa vị Bất Thoái. Nếu như căn cơ hèn kém, chưa làm được như thế, cứ chí thành niệm Phật thì tâm và Phật khế hợp nhau, cảm ứng đạo giao. Lúc lâm chung, ắt được Phật rủ lòng Từ tiếp dẫn, đởi nghiệp vãng sanh. Thậm chí kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm

chung tướng địa ngục hiện, nếu tâm thức chẳng mê, có thiện tri thức dạy niệm Phật, người ấy sanh lòng sợ hãi lớn lao, sanh lòng hổ thẹn to lớn mà sám hối, dù niệm mấy tiếng rồi liền mạng chung, vẫn được từ lực của Phật tiếp dẫn vãng sanh.

Hễ vãng sanh liền vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự hải hội, lần lượt tấn tu, ắt chứng Phật Quả. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử khó như thế ấy, cậy vào Phật lực để liễu sanh tử dễ như thế đó. Phàm ai có tâm đều có thể niệm Phật, đều có thể vãng sanh. Là trang nam nhi có huyết tánh, nhất định chẳng chịu để Chân Như Phật Tánh sẵn có trái nghịch tịnh duyên, theo duyên mê nhiễm, luân hồi trong lục đạo bao kiếp dài lâu, không thể thoát khỏi!

* Chúng ta luân hồi trong sanh tử, trải kiếp số đã lâu, đã tạo ác nghiệp vô lượng vô biên. Nếu cậy vào sức tu trì của chính mình, muốn diệt sạch phiền não Hoặc

nghiệp để liễu sanh thoát tử, còn khó hơn lên trời! Nếu có thể tin pháp môn Tịnh Độ do đức Phật đã giảng, dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm danh hiệu A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương, bất luận nghiệp lực lớn hay nghiệp lực nhỏ, đều có thể nhờ vào Phật lực, vãng sanh Tây Phương. Ví như một hạt cát gieo xuống nước liền chìm. Dù đem hòn đá nặng cả mấy ngàn vạn cân đặt lên chiếc đại hỏa luân thuyền³⁷ sẽ chẳng bị chìm, còn chở được sang chỗ khác để tùy ý sử dụng. Đá ví như nghiệp lực sâu nặng của chúng sanh. Đại hỏa luân thuyền ví như từ lực rộng lớn của Phật Di Đà.

Nếu chẳng niệm Phật, cậy vào sức tu trì của chính mình hòng liễu sanh thoát tử, cần phải đạt đến địa vị “nghiệp tận, tình không” thì mới làm được. Nếu không, dù cho phiền não Hoặc nghiệp chỉ còn chút mảy may chưa đoạn, cũng chẳng thể liễu

³⁷ “Đại hỏa luân thuyền” có nghĩa gốc là thuyền chạy bằng máy hơi nước có một cái bánh lái rất to đằng sau để đẩy thuyền lướt nhanh hơn. Về sau từ ngữ này dùng để chỉ chung các loại tàu chở hàng lớn.

nôi. Ví như một hạt cát bé tí cũng bị chìm trong nước, quyết chẳng thể tự nó thoát ra ngoài nước được! Các hạ chỉ nên sanh tín tâm, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên khởi lên những ý niệm nào khác. Nếu thật sự làm được như vậy, nếu tuổi thọ chưa hết, sẽ mau được lành bệnh. Do công đức chuyên nhất chí thành niệm Phật, liền diệt trừ được ác nghiệp đời trước, khác nào mặt trời rạng rỡ đã mọc, sương tuyết liền tiêu. Tuổi thọ đã hết, liền được vãng sanh; vì tâm không có niệm nào khác, nên cảm ứng đạo giao với Phật. Vì thế, được Phật rủ lòng Từ tiếp dẫn vãng sanh. Nếu các hạ tin tưởng lời này thì sống cũng được đại lợi ích, mà chết cũng được đại lợi ích!

* Tình thế hiện tại chính là tình thế hoạn nạn. Nếu chẳng lấy A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát làm chỗ nương cậy để thường niệm, lỡ ra họa hoạn xảy tới,

hoặc thình lình gặp phải chuyện bất trắc, kêu gào suông cũng chẳng được! Nếu đã niệm sẵn từ trước, ắt sẽ có sự chuyển biến âm thầm. Huống hồ khi sanh tử xảy tới, ai cũng phải có ngày ấy! Vì thế, phải thường nghĩ đến lúc lâm chung, tự chẳng dốc sức rong ruổi theo đuổi hết thảy vọng tưởng trái phận và các pháp môn chẳng giúp ích gì cho việc liễu sanh thoát tử, đến nỗi bỏ phé, chẳng tu pháp môn phải quyết định dựa vào để liễu sanh thoát tử này. Mong vợ chồng, cha con ông đều chẳng cho lời Quang là hủ bại, vớ vẩn, thì thật là may mắn lắm thay!

* Người niệm Phật mắc bệnh, hãy nên nhất tâm chờ chết. Nếu tuổi đời chưa tận, sẽ chóng lành bệnh. Buông toàn thân xuống để niệm Phật, tiêu nghiệp rất hay! Nghiệp tiêu thì bệnh lành. Nếu chẳng thể buông xuống, cứ mong khoẻ lại; nếu chẳng được lành, chắc chắn không có

cách nào vãng sanh vì chẳng nguyện vãng sanh! Chẳng hiểu rõ đạo lý này, còn mong cậy vào từ lực của Phật nữa ư? Đối với căn bệnh của mẹ ông, hãy nên khuyên bà khẩn thiết buông xuống, cầu vãng sanh. Nếu tuổi thọ chưa hết mà cầu vãng sanh, sẽ hóa ra chóng được lành bệnh. Ấy là vì tâm chí thành, nên được Phật từ gia bị. Mong ông hãy nhỏ nhẹ, khéo léo khuyên mẹ, đừng bắt chước kẻ si nói những lời si dại nữa!

4.3. Dạy những điều thiết yếu về lâm chung

* Một cửa ải lâm chung khẩn yếu nhất. Đời có kẻ ngu, lúc cha mẹ, quyền thuộc lâm chung, bèn khóc lóc vật vã, tắm rửa, thay áo, chỉ mong đẹp mắt người đời, chẳng nề hà di hại cho người chết. Người không niệm Phật hãy khoan bàn đến, dầu là người chí thiết vãng sanh mà lúc lâm chung gặp phải quyền thuộc như vậy, đa

phần bị phá hoại chánh niệm, vẫn bị ở lại trong thế giới này. Lâm chung trợ niệm ví như kẻ yếu đuổi trèo núi, sức mình chẳng đủ, may nhờ có sức người đằng trước kéo, đằng sau đẩy, tả hữu xóc nách, nên có thể lên được đỉnh núi cao nhất. Lâm chung chánh niệm rõ ràng, nhưng bị phá hoại vì ma quyến do tình yêu thương mà dời động v.v... giống như dũng sĩ trèo núi, tự lực sung mãn, nhưng người thân, bạn bè, kẻ quen biết, ai nấy đem vật dụng của chính mình bảo người ấy phải gồng gánh. Gồng gánh quá nhiều, sức kiệt, thân nhọc, đôi nhìn vách núi liền lùi bước. Lẽ được mất này tuy do người khác gây ra, nhưng thật ra là do những nghiệp lực thiện hay ác của chính mình trong những kiếp trước đã thành tựu hay phá hoại người khác mà ra. Phàm là người tu Tịnh nghiệp, phải nên có chánh niệm thành toàn cho người, và phải chỉ dạy sẵn quyến thuộc về lẽ lợi hại, ngõ hầu ai nấy hiểu điều quan trọng là

chỗ đạt đến của thần thức người chết, chẳng phải ở nơi phương diện tình cảm thể tục thì mới hòng khỏi lầm lạc vậy!

* Trong tuần thất và trong hết thảy mọi lúc, hết thảy mọi sự, phải lấy niệm Phật làm chánh yếu, chẳng phải chỉ trong lúc đang lo ma chay! Hiện thời, đa số Tăng lữ nhác. Tụng kinh [thì Phật tử] phần nhiều không biết. Đã thế còn tụng nhanh như nước cuốn, [Phật tử] dù biết nhưng chẳng thuộc, nên cũng chẳng thể đọc theo. Dù có đến mấy mươi người, không có mấy người biết tụng kinh! Chỉ có niệm Phật, trừ phi chẳng phát tâm ra, quyết chẳng có cái nạn không ai niệm theo được. Lại dù chẳng chịu niệm, một câu Phật hiệu lọt qua tai, thấu vào tâm, cũng tự được lợi ích chẳng ít. Đây là lý do Quang tuyệt đối chẳng đề xướng lập bất cứ đạo tràng nào khác.

* Đối với người sắp mạng chung, chỉ có đồng thanh niệm Phật là có ích. Nếu tâm thức chưa rời khỏi thân thì tắm rửa, thay y phục v.v... [cho người chết] sẽ gây trở ngại rất lớn. Vì thế, người tu Tịnh nghiệp hằng ngày phải nên nói cho quyến thuộc hiểu rõ duyên do ấy, ngõ hầu chẳng đến nỗi dùng lầm tình thân ái, gây trở ngại việc vãng sanh! Nếu là bậc đại nhân tốt bậc, bậc cao sĩ lỗi lạc, chẳng cần phải e sợ sẽ mắc phải những chướng ngại ấy!

* Phật pháp rộng sâu, chỉ khi nào thành Phật thì mới ngừng tay. Muốn chắc chắn được vãng sanh, đúng là khẩn thiết niệm Phật chẳng trở ngại việc thường hành truy tiến³⁸, tức là như kinh Phật đã dạy: *“Dù biết tội tánh vốn là không, nhưng luôn sám hối tội trước, chẳng nói là ta đã được thanh tịnh”*. Ngài Liên Trì nói: *“Trong một năm, hãy nên thường*

³⁸ Truy tiến: Làm các công đức để hồi hướng cho người đã quá vãng.
VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

truy tiến người đã mất, chẳng được nói họ đã được giải thoát, nên chẳng cử hành”. Cần biết rằng: Tuy nói tụng kinh, niệm Phật nhằm truy tiến người thân, thật ra là khiến cho quyến thuộc hiện tiền, người thân kẻ quen mở mang cõi lòng, gieo thiện căn, và đem hết thầy công đức truy tiến người thân hồi hướng cho hết thầy chúng sanh trong các pháp giới để mở rộng tâm lượng của mình lẫn người, của kẻ sống lẫn người mất, hòng tiêu diệt những chấp trước, chướng ngại của mình lẫn người, của kẻ còn lẫn người mất. Nếu như chẳng đặt nặng lòng thành, chỉ cốt xa hoa, khoa trương, khoe mẽ cùng người khác, có thể nói là: “Dùng đám tang người thân để bày trò náo nhiệt”, đó chẳng phải là điều con cái nên làm!

* Ngay trong lúc thân mắc bệnh nặng, lúc chưa thể chắc chắn sẽ sống hay chết, hãy dạy cho mọi người ai nấy vì mẹ chí

thành khẩn thiết niệm “Nam-mô A Di Đà Phật”, ngõ hầu tuổi thọ chưa tận sẽ chóng lành bệnh, [nếu] tuổi thọ đã hết, sẽ chóng được vãng sanh Tây Phương. Các con ông hiếu tâm tinh thuần, chuyên dốc, ắt sẽ đều thường trì niệm như cứu đầu mình bị cháy. Như thế, há phải chỉ hữu ích cho phu nhân, mà thật sự còn có ích lợi sâu xa cho các cậu con trai ông nữa kia. Hễ có bệnh thì dùng thuốc để trị, nhưng cũng không nhất quyết phải dùng đến thuốc. Bệnh chẳng thể dùng thuốc trị, dù có tiên đơn cũng vô dụng, huống hồ thuốc của thế gian? Chẳng cần biết là bệnh trị được hay không, đều nên dùng thuốc A Già Đà. Thứ thuốc này tuyệt đối chẳng hại người. Uống vào, dù thân hay tâm đều thấy hữu hiệu ngay!

Người sống trong thế gian, chẳng luận lâu hay mau, rốt cuộc cũng một lần chết. Cái chết ấy chẳng đáng tiếc, nhưng chỗ sẽ trở về sau khi chết chẳng đáng để sắp đặt

sẵn hay sao? Người có lực lượng tự mình sắp đặt thỏa đáng, yên ổn, lẽ cố nhiên khi lâm chung, chẳng cần đến người khác giúp đỡ, nhưng nếu được hỗ trợ thì lại càng thêm đắc lực. Người không có sức, hãy nên bảo gia quyến thay mình niệm Phật, ắt sẽ đề khởi chánh niệm, chẳng đến nỗi bị ân ái buộc ràng, vẫn y như cũ bị ái tình trói buộc vào cõi này, chẳng thể ra khỏi !

* Đối với việc đảo bệnh, tiến vong³⁹, người đời nay hay dùng những cách như tụng kinh, lễ sám, làm đàn Thủy Lục⁴⁰

³⁹ Đảo bệnh: Cầu nguyện cho người khác khỏi bệnh. Tiến vong: Cầu siêu cho người đã khuất.

⁴⁰ Thủy Lục, còn gọi là Thủy Lục Hội, hoặc Thủy Lục Đạo Tràng, là một nghi thức tế độ vong linh, cô hồn, nga quỷ và chúng quỷ thân long trọng nhất và phức tạp nhất trong Phật môn Trung Hoa. Nghi thức Thủy Lục hiện thời là kết hợp giữa Lục Đạo Từ Sám (tức Lương Hoàng Sám) kết hợp với nghi quỹ Vô Giá Đại Hội của Mật Tông đời Đường. Tên gọi Thủy Lục được ngài Tuân Thức giảng trong bộ Thí Thực Chánh Danh: “*Có ý nghĩa là thức ăn của chư tiên đặt trong nước, thức ăn của các loài quỷ đặt nơi đất sạch*”. Theo ngài Tông Giám, pháp hội này do Lương Vũ Đế mộng thấy một vị Tăng báo nhà vua: “Chúng sanh trong lục đạo chịu khổ vô lượng, sao chẳng làm đại trai đàn Thủy Lục để phổ tế quần sanh?” Do đó, vua thỉnh hòa thượng Chí Công tra duyệt Đại Tạng, dựa theo ý nghĩa thí thực bình đẳng cho Diện Nhiên quỷ vương. Pháp hội này rất long trọng, chia thành sáu đàn tràng: Đại Đàn gồm hai mươi bốn vị tăng chuyên tụng Lương Hoàng Sám, Chư Kinh Đàn gồm bảy vị danh tăng tụng niệm các kinh văn, Pháp Hoa Đàn gồm bảy vị tăng chuyên tụng kinh Pháp Hoa, Tịnh Độ Đàn gồm bảy vị, chuyên xưng niệm thánh hiệu A Di Đà

VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

v.v... Riêng Quang đối với những người chính mình quen biết đều dạy niệm Phật. Vì niệm Phật lợi ích còn hơn tụng kinh, lễ sám, lập đàn Thủy Lục v.v... rất nhiều. Vì sao vậy? Tụng kinh thì người không biết chữ chẳng tụng được. Dù biết chữ, nhưng tụng nhanh như nước chảy, người miệng lưỡi hơi chậm chạp cũng chẳng thể tụng theo. Người lười biếng tuy có thể tụng, nhưng cũng chẳng chịu tụng. Hóa ra, chỉ là hữu danh vô thực. Lễ sám, lập đàn Thủy Lục cũng có thể dựa theo đó mà suy.

Niệm Phật thì không một ai là chẳng niệm được. Dù có kẻ lười nhác chẳng chịu niệm, nhưng mọi người cùng hòa tiếng niệm, kẻ ấy chẳng bị tai, nên một câu Phật hiệu tất nhiên sẽ phân minh rành rọt rót vào tâm. Dù chẳng niệm, có khác gì niệm! Như người nhiễm hương, thân có mùi thơm; đâu phải họ muốn thơm, nhưng

Phật, Hoa Nghiêm Đàn gồm hai vị, yên lặng xem kinh Hoa Nghiêm, và Du Già Đàn chuyên thí thực.

chẳng mong như vậy mà lại được như vậy! Vì thân quyền cầu an, tiến vong, chớ nên không biết điều này!

* Làm Phật sự bất tất phải niệm kinh, lễ sám, làm đàn Thủy Lục v.v... vì những việc ấy đều thuộc bề ngoài. Hãy nên chuyên nhất niệm Phật, ngõ hầu các cậu con ông từ đầu đến cuối đều niệm theo. Nữ quyền ai nấy tự niệm trong phòng mình, chớ nên ngồi sau lưng chư Tăng. Như thế thì không chỉ phu nhân và lệnh quyền⁴¹ được lợi ích thật sự, mà vị Tăng niệm Phật và hết thầy người thấy nghe, không ai chẳng được lợi ích. Phàm làm Phật sự, nếu chủ nhân chịu tham dự đàn tràng thì vị Tăng sẽ tự phát tâm chân thật. Còn nếu chủ nhân coi đó là chuyện hình thức thì ông Tăng cũng sẽ coi pháp sự ấy là chuyện hình thức, coi như một kỳ Phật sự đã xong, ban đêm làm đàn Diệm Khẩu

⁴¹ Lệnh quyền: Danh xưng tỏ về tôn trọng gia quyền của người khác.
VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

rồi thôi!

* Cho dù [người mất] thật sự được vãng sanh, vẫn phải nên chí thành niệm Phật để cầu phẩm sen của người ấy được cao hơn, chóng chứng Vô Sanh, đây mới là tận hết lòng hiếu. Điều này tuy tạo lợi ích cho người đã chết, thật ra, con cái, dâu rể đều cùng gieo thiện căn. Cháu nào niệm được, cũng nên bảo nó niệm theo.

* Lúc cha mẹ lâm chung, cả nhà không khóc lóc mà niệm Phật, sẽ là có lợi ích nhất. Nhưng [chỉ niệm] trong lúc ấy thì vẫn còn ngấn ngủi lắm, hãy nên niệm Phật suốt ba tiếng đồng hồ không ngừng, chẳng cất tiếng khóc, cũng như chẳng di động, chẳng chuyển dịch là tốt nhất. Xin hãy nhớ kỹ lấy!

* Đối với việc làm Phật sự, Quang đã từng nói rõ rồi. Mong đừng bắt chước

thói tục, làm chuyện sáo rỗng suông. Nếu niệm Phật trong suốt bốn mươi chín ngày, so ra có lợi hơn tụng kinh rất nhiều.

* Người trước khi mất nếu tự có thể tắm gội, thay áo thì rất hay. Nếu người ấy chẳng thể tự làm, quyết chẳng nên tắm gội, thay áo sẵn, khiến cho người ấy bị đau đớn khó thể chịu đựng, nên đánh mất chánh niệm. Sao ông vẫn tiếc nuôi vì [người đã khuất] chưa mặc pháp y, khoan chân ngồi kết già? Chẳng biết rằng trong lúc ấy, tốt nhất là đồng thanh niệm Phật, vàn muôn phần chẳng được phô trương, bày vẽ (như tắm gội, thay áo, bắt người sắp chết ngồi xếp bằng v.v...). Nếu phô trương, bày vẽ, sẽ trở thành như đã bị té xuống giếng còn bị ném đá thêm. Hãy nhớ kỹ, nhớ chắc!

* Lâm chung teo quắt lại và bị bệnh khổ, chính là do nghiệp chướng từ nhiều

kiếp. Vì người ấy dốc lòng tu Tịnh nghiệp, nên chuyển trọng báo, hậu báo thành báo nhẹ trong hiện đời. Ông bảo “do tu trì tinh tấn, nên thân ngày càng yếu”, lời ấy chẳng xác đáng, còn vướng lỗi là khiến cho kẻ tín tâm nông cạn nhân đó bèn lui sụt! Cần biết: Người niệm Phật quyết định tiêu trừ nghiệp chướng; những nghiệp chướng hiện tiền chỉ là những ác báo phải đọa trong tam đồ của đời tương lai chuyển thành bệnh khổ trong đời hiện tại để giải quyết cho xong đó thôi! Kinh Kim Cang dạy: *“Trì kinh Kim Cang có điều nhọc nhỏ như bị người khác khinh miệt chính là diệt được nỗi khổ tam đồ ác đạo trong nhiều kiếp”*. Đây chính là phước dày, sẽ được vãng sanh Tây Phương. Chịu nỗi khổ nhỏ lúc này để giải quyết cho xong ác báo từ vô lượng kiếp đến nay, thật là may mắn to lớn. Chớ học theo kẻ chẳng biết sự việc mà nói: “Vì tu trì nên đến nỗi mắc bệnh, hay bị chết!”

* Vì lẽ nào mẹ ông bệnh chẳng lành? Đây là do túc nghiệp tạo thành như thế, nhằm chuyển trọng báo, hậu báo thành báo nhẹ trong đời này để giải quyết cho xong ngay trong lúc này. Pháp sư Huyền Trang khi lâm chung còn có chút bệnh khổ, lòng ngờ vực những kinh do chính mình dịch có chỗ nào sai lầm hay chằng? Liên có một vị Bồ Tát an ủi rằng: “Tội báo trong những kiếp trước của Sư sẽ do nỗi khổ nhỏ nhoi này mà tiêu. Đừng hoài nghi nữa!” Hãy dùng ý này để an ủi mẹ ông, khuyên bà sanh tâm hoan hỷ, đừng sanh tâm oán hận, sẽ quyết định được Phật gia bị. Tuổi thọ chưa hết, sẽ mau được lành bệnh. Tuổi thọ đã hết, sẽ vãng sanh. Phàm là người đang lúc bệnh khổ, hãy nên nghĩ lùi một bước, sẽ an lạc vô lượng!

Gần đây, binh lửa liên miên, chúng ta may mắn chưa mắc phải nạn ấy. Dù có bệnh khổ, vẫn còn được cảnh tỉnh, nhắc

nhỏ mong thoát khổ, thì chỉ nên cảm kích, chuyên tu, tự được lợi ích. Nếu không, cứ oán trời trách người, không chỉ là tức nghiệp chẳng thể tiêu, mà còn tăng thêm cái nghiệp oán trời trách người. Hãy nói với mẹ ông như thế. Nếu thật sự chẳng oán trời trách người, tịnh tâm niệm Phật, nghiệp sẽ tiêu như nước sôi tan tuyết.

* Về việc tang ma, cúng giỗ, nên dùng toàn đồ chay, chớ thuận theo thói tục. Dù bị kẻ chẳng thạo việc đời trách là không đúng, cũng cứ mặc họ chê cười mà thôi. Việc chôn cất đừng quá phô trương, bày vẽ. Làm Phật sự chỉ nên niệm Phật, đừng làm Phật sự nào khác. Hãy nên bảo cả nhà cùng khẩn thiết niệm Phật thì mẹ ông, người nhà ông, quyến thuộc của ông và thân thích, bằng hữu đều cùng hưởng lợi ích thật sự. Có tài lực thì hãy làm nhiều công đức. Nếu tiền của dùng cho việc tang ma chẳng dư, chỉ lo tang ma không thôi

thì cũng được. Chớ có vung tay quá trán đến nỗi thiếu hụt, sau này phải chịu cảnh quần bách.

* Mọi việc trong đời người đều có thể vờ vĩnh được, chỉ riêng lúc lâm chung là chẳng thể dối trá. Huống hồ những chuyện như chẳng lưu luyến tình thân, vẻ mặt vui sướng, ngời yên qua đời, nếu chẳng phải là Tịnh nghiệp chín muồi, đoán chắc không thể đạt được như thế! Chỉ mong con cháu và quyến thuộc cả nhà ông hãy hiểu đúng sự việc: Vì mẹ niệm Phật thì không chỉ mẹ ông được lợi, mà thật ra so với công đức niệm Phật cho chính mình càng lớn hơn. Bởi thế, đức Phật dạy người ta mỗi khi tụng kinh, trì chú, niệm Phật, làm các công đức, đều hồi hướng cho pháp giới chúng sanh. Bình thời, còn hồi hướng cho pháp giới chúng sanh [là những kẻ] chẳng can hệ gì đến mình, huống hồ mẹ đã mất mà chẳng chí tâm vì mẹ niệm

Phật ư?

Có thể vì hết thấy chúng sanh hồi hướng tức là hợp với thế nguyện Bồ Đề của Phật, như một giọt nước gieo vào biển cả, liền được rộng sâu như biển cả. Nếu như chưa đến được biển, đừng nói là một giọt nước; cho dù là trường giang, sông cái, tất nhiên vẫn khác biển cả một trời, một vực! Như vậy, làm [bất cứ] điều gì cho người thân và cho hết thấy mọi người, đều là để tự bồi đắp phước đức của chính mình đó thôi!

Biết được nghĩa này, người có tâm hiếu thì tâm hiếu lại càng thêm tăng trưởng. Kẻ không có hiếu tâm, cũng sẽ phát khởi tâm hiếu, thỉnh Tăng niệm Phật suốt bốn mươi chín ngày, càng hay! Lúc niệm, anh em ông phải có người tham dự cùng niệm. Phụ nữ bất tất phải tới ngồi sau chúng Tăng; bởi lẽ niệm Phật nhiều ngày sẽ trở nên quen biết nhau, có thể khiến cho người khác nầy sanh hiềm nghi.

Nên xếp riêng một nơi niệm Phật cho phụ nữ, hoặc để họ ngồi sau màn, ra vào theo cửa riêng, hai bên chẳng trông thấy nhau. Làm như vậy để nêu gương cho làng xóm, mở bày khuôn phép tốt lành. Nếu để lung tung, không giới hạn, lỡ người khác bắt chước theo, lâu ngày ắt nảy sanh mối tệ. Người xưa lập pháp, tuy là bậc thượng thượng vẫn tuân theo khuôn phép của kẻ hạ hạ, nên tệ hại mới không nảy sanh!

* Những thuyết “đảnh thánh, nhân sanh thiên”⁴² thật sự có chứng cứ, nhưng Quang sợ kẻ vô tri cứ chăm chú thăm dò hơi nóng lạnh. Ý tôi muốn nói là: Nếu có tín nguyện, lâm chung chánh niệm phân minh, ắt được vãng sanh, chẳng cần cứ phải thăm dò hơi nóng lạnh để làm chứng cứ! Cho nên nói: “Cũng chẳng phải chỉ có một cách!” Chỉ e thăm dò nhiều lượt, đến

⁴² Đảnh thánh, nhân sanh thiên... là thuyết cho rằng khi người chết, căn cứ vào chỗ nào còn giữ được hơi nóng cuối cùng, sẽ biết được người chết sanh về đâu, như đảnh đầu nóng sẽ sanh vào cõi thánh, nóng ở mắt sanh vào cõi trời v.v...

nổi gây lầm lỡ [cho người đã mất]. Chớ nên không biết!

* Hãy nên đem hết thầy việc nhà và ngay cả cái sắc thân của chính mình thầy đều buông xuống toàn bộ. Từ trong cái tâm chẳng nhiễm mảy trần, trì thánh hiệu vạn đức hồng danh, nghĩ mình sắp chết, ngoại trừ niệm Phật cầu tiếp dẫn, chẳng khởi một tạp niệm nào. Làm được như vậy, nếu tuổi thọ đã tận, sẽ quyết định vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh. Nếu tuổi thọ chưa tận, sẽ quyết định tiêu nghiệp, lành bệnh, huệ rạng, phước cao. Nếu chẳng nghĩ như thế, cứ si ngốc chỉ cầu chóng lành bệnh, thì không chỉ bệnh chẳng thể chóng lành, trái lại còn nặng thêm. Giả sử tuổi thọ đã hết, ắt sẽ theo nghiệp chìm nổi vĩnh viễn, không có dịp thoát khỏi nỗi khổ ở Sa Bà này!

* Người lâm chung được trợ niệm, ắt

sẽ được vãng sanh. Đã không được trợ niệm, lại còn khóc lóc, xáo động, khiến cho tình yêu thương, sân hận khởi lên, khiến cho người chết khó khởi bị đọa lạc. Nguy hiểm đến cùng cực! Ông giúp mẹ thành tựu vãng sanh, đó cũng là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật. Ấy là: Ngay trong trần lao mà hành Phật sự, công đức ấy còn thù thắng hơn những công đức tầm thường cả vạn phần.

*** Phụ Lục: Lâm Chung Châu Tiếp** (mái chèo lâm chung)

Đức Phật chế định Tăng sĩ khi mất phải hỏa thiêu, vốn là để họ rời lìa được cái thân phần đoạn giả dối, chứng Pháp Thân chân thường. Vì thế, từ khi Phật chế lập điều ấy đến nay, Tăng chúng kính cẩn dùng cấm chế ấy làm quy củ thường hằng. Hiềm rằng đạo pháp ngày càng suy đồi, lâu ngày tệ nạn phát sanh. Như nay Thích tử vội vàng lo hỏa thiêu cho xong việc,

chẳng tuân theo cảm chế. Mỗi khi người bệnh vừa thở hắt ra, liền vội thay áo, di chuyển, để kịp nhập khám trong một hai ngày rồi liền hỏa thiêu. Có thể nói là rất trái nghịch chế định của Phật!

Đức Phật nói con người có tám thức, tức là tri thức. Năm thức đầu là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, thức thứ sáu là Ý, thức thứ bảy là Mạt Na, còn gọi là Truyền Tổng Thức, thức thứ tám là A Lại Da, còn gọi là Hàm Tàng Thức. Khi con người sanh ra, chỉ có thức thứ tám đến trước nhất, các thức kia đến sau. Đến lúc chết, thức thứ tám cũng ra đi sau cùng; các thức khác lần lượt đi trước. Thức thứ tám chính là linh thức của con người, thế tục thường gọi là “linh hồn”. Thức thứ tám này thông linh, nên khi con người mới nhập thai mẹ, nó liền đến trước. Vì thế, con trong bụng mẹ liền trở thành vật sống động. Đến khi chết, sau khi dứt hơi, nó chẳng đi ngay, phải đợi đến khi toàn thân lạnh giá, không còn

một điểm nào còn âm nữa, thức ấy mới chịu đi. Khi thức đã ra đi, thân này sẽ không còn mảy may tri giác nào.

Nếu chỗ nào còn hơi âm, tức là thức ấy còn chưa rời đi. Động chạm đến vẫn biết đau khổ. Lúc ấy, kỵ nhất là mặc áo, xếp chân, dời động v.v... Nếu hơi động đến, sẽ đau đớn khó thể chịu đựng nổi; bất quá miệng không nói được, thân chẳng động được đó thôi! Xét theo kinh dạy, ba thứ hơi nóng, thọ mạng và thức thường chẳng tách rời. Như người sống có hơi âm thì thức còn hiện hữu; thức còn hiện hữu thì tuổi thọ chưa hết. Xưa nay có kẻ chết đi dăm ba bữa rồi sống lại, [chuyện ấy] được chép rõ ràng trong sách vở, có thể tra cứu được.

Nho Giáo cũng có cái lễ đê ba ngày rồi mới đại liệm⁴³, do quyền thuộc yêu

⁴³ Theo lễ xưa, có phân biệt Đại Liệm (大殮) và Tiểu Liệm (小殮). Dân thường thì sau khi chết hai ngày mới Tiểu Liệm, chư hầu chết năm ngày mới Tiểu Liệm. Khi Tiểu Liệm bèn thay quần áo mới đẹp cho người chết, dùng vải bọc kín, sau đó bọc thêm một lớp vải liệm, buộc dây vải bên ngoài, nhưng vẫn để trên giường, cúng tế cơm nước mỗi bữa. Khi xưa còn có tục lệ buộc dây xong, người thân vỗ vào ngực và chân người chết khóc rống lên nhằm tỏ

VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp 317

mến, vẫn hy vọng người chết vạn nhất sống lại. Còn Tăng sĩ chúng ta, tuy chẳng mong sống lại, nhưng cũng chớ nên chẳng quản gì đến nỗi thống khổ [của vong giả], cứ tự tiện dời động để kịp di quan, thiêu hóa. Lòng từ bi để đâu? Cổ nhân nói: “*Thổ tử hồ bi, vật thương kỳ loại*” (thổ chết, cáo buồn; loài vật thương xót nhau). Loài vật còn như thế, huống hồ cùng là loài người ư? Huống hồ lại còn cùng là Phật tử nữa ư?

Vả nữa, thói đời khi đau đón tốt bậc, sẽ dễ nổi sân tâm. Do sân tâm rất dễ bị đọa lạc. Như kinh nói vua A Kỳ Đạt lập chùa tháp Phật, công đức vôi vọi. Lúc lâm chung, người hầu cầm quạt lỗ để rớt trúng mặt vua. Vua bị đau, nổi sân, chết đọa làm thân rắn. Nhờ có công đức, về sau gặp sa-môn vì rắn thuyết pháp. Do nghe

lòng thương xót. Sau Tiểu Liệm một ngày mới tiến hành Đại Liệm, tức là lót quan tài bằng nhiều lớp vải bọc, nâng di thể đặt vào áo quan, rồi đập nắp áo quan, con cháu bèn cử ai (cất tiếng khóc), phát tang. Lúc này mới được cử nhạc tang. Khi Đại Liệm đã xong, bèn gọi là Thân (殯). Nay thì tiến hành luôn trong một ngày, Tiểu Liệm trước, Đại Liệm sau trong vòng mấy chục phút.

pháp, nên thoát thân rảnh, được sanh lên trời. Xem đó thì biết: Khi thần thức của người chết chưa đi hẳn, mà mặc áo, dờn động và lập tức thiêu hóa ngay, sẽ khiến người ấy đau đớn, nổi sân, càng thêm đọa lạc, há chẳng phải là nhẫn tâm, hại lý, cố bày trò thảm độc ư? Hãy nên nghĩ người chết có oán cừu gì với mình? Chỉ vì hảo tâm mà thành ác duyên! Nếu bảo: “Sự còn mờ mịt, biết cậy vào đâu để suy xét”, thì những điều chép trong kinh điển chẳng đáng để tin tưởng hay chẳng? Đến nay, nói chung, các thói tệ được lưu hành là do người sống chẳng biết thương cho nỗi khổ của người chết, chỉ tính xong việc cho nhanh, nên chẳng nhọc công xem kỹ âm lạnh. Do đấy, trở thành thói quen, dù có ai nhắc đến lại cười là vu vơ, đến nỗi người chết phải chịu khổ nạn! Than ôi! Điều khổ nhất trên đời, không gì bằng sanh tử. Sanh như rùa còn sống bị bóc mai, tử như cua bị nhúng nước sôi. Tám khổ cùng nung

nầu, đau đớn chẳng thể nói nổi!

Xin những ai chăm sóc bệnh nhân hãy lưu tâm cẩn thận, chớ cùng bệnh nhân tán nhảm chuyện gẫu, khiến tâm họ tán loạn, cũng đừng buồn bã, khóc kể om sòm. Hãy nên khuyên bệnh nhân buông hết thân tâm xuống, một dạ niệm Phật để cầu vãng sanh. Lại nên trợ niệm khiến cho bệnh nhân nương theo tiếng niệm Phật của mình để nhớ kỹ trong tâm. Nếu có tiền tài, hãy thỉnh Tăng chúng chia ban niệm Phật, khiến cho tiếng niệm Phật ngày đêm không ngắt, hòng tai người bệnh luôn nghe Phật hiệu, [làm như vậy sẽ] có thể quyết định nhờ vào từ lực của Phật vãng sanh Tây Phương. Còn như không có tiền của thì cả nhà cũng nên phát tâm trợ niệm để kết duyên cuối cùng.

Đôi với chuyện sắp đặt hậu sự, chớ bàn bạc ngay trước mặt bệnh nhân. Chỉ nên gõ dẫn khánh, lớn tiếng niệm Phật, khiến cho từng câu lọt vào tai bệnh nhân,

ngõ hầu trong tâm người bệnh thường chẳng lìa Phật. Tiếng mõ vốn đục, trợ niệm lúc lâm chung trọn chẳng nên dùng. Bệnh nhân nằm hay ngồi nên để tùy ý, chớ nên di động, cả nhà cứ chuyên tâm niệm Phật. Đợi đến lúc toàn thân đã lạnh hết, tức là thần thức đã đi hết rồi, đợi thêm hai tiếng nữa mới được tắm rửa, thay áo. Nếu như thân đã lạnh cứng thì nên dùng nước nóng thấm lên, dùng vải thấm nước nóng áp vào khuỷu tay, đầu gối, cổ chân, đợi giây lát, những chỗ đó sẽ mềm mại trở lại. Lúc ấy mới xếp chân cho người chết nhập quan. Cho đến lúc mọi việc xong xuôi hết cả, vẫn phải thường niệm Phật.

Tất cả những việc như lễ sám, tụng kinh đều chẳng có lợi ích rộng lớn bằng niệm Phật. Phàm hết thảy các quyền thuộc dù là tại gia hay xuất gia đều phải tuân hành cách này thì kẻ còn, người mất đều được lợi ích lớn lao. Hơn nữa, đức

Phật ta khi Niết Bàn, vốn nằm trên hông phải, cứ để như vậy mà nhập quan trà-tỳ. Người đời nay cứ thuận theo tự nhiên. Nếu ngòi mắt thì đặt vào khám. Nếu nằm mắt thì đặt vào quan tài, cốt sao thỏa đáng. Nhưng người đời nay do phong tục đã thành nề nếp, sợ họ chẳng cho như vậy là đúng, cũng nên lắng nghe, suy nghĩ để quyết định sao cho tiện.

Còn như người chết rồi có các cảnh tượng thiện ác, vốn là có chứng cứ thật sự. Người sanh vào thiện đạo hơi nóng từ dưới bốc lên trên; người sanh vào ác đạo, hơi nóng từ trên tỏa xuống dưới. Nếu như cả thân lạnh hết, khí nóng tụ lại trên đầu bèn là sanh trong thánh đạo.

Hơi nóng ở mắt sanh trong thiên đạo, ở ngực sanh trong nhân đạo, ở bụng sanh ngạ quỷ đạo, ở gối sanh trong súc sanh đạo, ở bàn chân sanh trong địa ngục đạo. Vì thế có bài kệ:

Đánh thánh, nhãn sanh thiên,

Nhân tâm, ngạ quỷ phúc,
Súc sanh tất cái ly,
Địa ngục cước bản xuất.
(Đánh: thánh; mắt: sanh thiên,
Ngực: người, bụng: ngạ quỷ;
Từ gôi ra: súc sanh,
Địa ngục: bàn chân nóng)

Ôi! Đại sự sanh tử chẳng ai tránh
được, chỉ có một điều phải thật thận trọng:
Người sẵn sóc bệnh nhân phải dùng đồng
thể bi tâm để giúp [người sắp mất] hoàn
thành đại sự vãng sanh. Cổ nhân nói:

*Ngã kiến tha nhân tử,
Ngã tâm nhiệt như hỏa,
Bất thị thực tha nhân,
Khán khán luân ngã đáo.*
(Ta thấy người khác chết,
Lòng ta nóng như lửa,
Nào phải mình ai kia,
Rồi ta cũng đến lượt!)

Nhân duyên, quả báo cảm ứng chẳng
sai! Muốn cầu tự lợi, trước hết phải lợi

người! Soạn thiên này để bảo khắp những người cùng một sắc áo, khẩn khoản mong ai nấy đều chú ý!

V. KHUYÊN NÊN GIỮ LÒNG THÀNH KÍNH

* Nhập đạo nhiều môn, chỉ do chí hướng mỗi người mà thâm nhập một môn, trọn chẳng có một pháp nhất định, nhưng nhất định phải: Một là Thành, hai là Cung Kính. Hai điều này dù cho tất cả chư Phật tận đời vị lai đều xuất thế, vẫn chẳng thể đổi khác. Chúng ta đã là phàm phu sát đất muốn mau tiêu nghiệp lụy, mau chứng Vô Sanh, mà chẳng dốc sức vào hai việc này, thì ví như cây không rễ lại mong tươi tốt, chim không cánh lại mong bay lên, có được hay chẳng?

* Thế tục đọc sách tuyệt không kính nể. Sáng dậy, chẳng buồn rửa ráy, súc miệng. Đi tiêu xong, chẳng thêm gột rửa.

Hoặc còn bỏ sách nơi giường, ghế, hoặc dùng làm gối lót đầu để đêm ngủ đọc luôn, bỏ chung với quần áo lót. Sách nào đặt trên bàn để đọc thì bỏ lẫn lộn với các vật khác, xem lời hiền thánh như mớ giấy cũ nát. Hoàn toàn không có ý chăm chút, chẳng kính trọng mảy may. Thậm chí những sách để coi chơi của phụ nữ trong các nhà thư hương đều là kinh truyện. Tôi tớ những nhà giàu có, danh giá, lau chùi đồ đạc đều dùng [những tờ giấy có in chép] văn chương. Bao thứ khinh nhờn, khó lòng thuật tỉ mỉ. Thói tệ tích tập đã lâu, quen mắt chẳng quan tâm đến. Nếu chẳng chỉ rõ họa, phước, chắc chắn khó tránh lỗi khinh nhờn. Chưa được ích gì, đã mắc lỗi lớn trước! Thương những kẻ vô tri ấy, nên phải chỉ dạy sẵn.

* Một pháp Niệm Phật thật rất đơn giản, rất dễ dàng, rất rộng, rất lớn, nhưng phải khẩn thiết chí thành đến cùng cực,

mới hòng cảm ứng đạo giao, đạt được lợi ích thật sự ngay trong đời này! Nếu lười nhác, biếng trễ, không có mảy may kính nể, dù gieo được viển nhân, vẫn mắc tội khinh nhờn chẳng thể tưởng tượng! May ra được sanh vào cõi trời, cõi người, quyết khó lòng cao dự hải hội. Đối với tượng Phật, hãy nên tưởng như đức Phật thật, chẳng được coi giống như gỗ, đất, đồng, sắt v.v... Kinh điển chính là thầy của tam thế chư Phật, là Pháp Thân xá-lợi của Như Lai, cũng nên xem như đức Phật thật sự, chẳng được coi như giấy mực. Lúc đối trước kinh tượng, hãy nên như trung thần thờ thánh chúa, như con hiếu đọc di chúc. Làm được như thế, không nghiệp chướng nào chẳng tiêu, không phước huệ nào chẳng đủ! Hiện tại, hàng sĩ đại phu học Phật rất nhiều, nhưng đa số chỉ đọc kinh văn, hiểu ý nghĩa, dùng đó để phô phang ngoài miệng, hòng được tiếng là bậc thông gia mà thôi. Còn như

cung kính, chí thành, y giáo tu trì, thật khó có được một ai! Tôi thường nói: “*Muốn hưởng lợi ích thật sự từ Phật pháp, phải cầu nơi cung kính. Có một phần cung kính, sẽ tiêu được một phần tội nghiệp, tăng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, sẽ tiêu được mười phần tội nghiệp, tăng mười phần phước huệ*”. Nếu chẳng cung kính đến nỗi khinh mạn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm. Buồn thay!

* Lễ, tụng, trì, niệm, các thứ tu trì, đều phải lấy thành kính làm chủ. Nếu thành kính đến cùng cực, thì đối với công đức như trong kinh đã nói, do còn ở địa vị phàm phu nên chưa thể đắc trọn vẹn, nhưng sở đắc cũng đã khó nghĩ khó bàn! Nếu chẳng có lòng thành kính, có khác chi hát tuồng? Những trò khổ, sướng, buồn, vui đều là giả vờ, chẳng phát xuất từ nội tâm. Dù có công đức, cũng chẳng thể

vượt qua phước báo si ám trong cõi nhân thiên đó thôi! Nhưng do si phước ấy, ắt sẽ tạo ác nghiệp, nổi khổ tương lai có lúc nào xong?

* Nói đến Thành, nói đến Cung Kính, lời lẽ ấy cả thế gian đều biết, nhưng cả thế gian đều mê muội đạo lý này! Ông X. nọ do tội nghiệp sâu nặng, mong tội nghiệp tiêu trừ để báo ân Phật, thường tìm cầu những khuôn mẫu tu trì tốt đẹp của cổ đức. Nhờ đó, ông ta biết Thành và Cung Kính đúng là bí quyết màu nhiệm nhất để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Vì thế, ông ta thường cùng kẻ hữu duyên nhắc đi, nhắc lại điều này.

* Đối với việc xem kinh, nếu muốn làm pháp sư để tuyên dương cho đại chúng thì hãy đọc kinh văn trước, tiếp đó xem các chú sớ. Nếu tinh thần chẳng sung túc, kiến giải chẳng hơn người, chớ mất

công nhọc nhằn tâm lực, uổng phí năm tháng. Nếu muốn tùy phận đạt được lợi ích thật sự, hãy nên chí thành khẩn thiết, thanh tịnh tam nghiệp. Hoặc trước hết phải đoan tọa chốc lát, lắng định thân tâm, rồi mới lễ Phật, đọc ra tiếng; hoặc chỉ im lặng xem. Hoặc lễ Phật xong, đoan tọa chốc lát, sau đó mới mở kinh [ra xem]. Ất phải thân đoan nghiêm, ngồi ngay ngắn như đối trước thánh dung, đích thân lắng nghe viên âm, chẳng dám manh nha một niệm biếng nhác, chẳng dám khởi một niệm phân biệt. Đọc một loạt từ đầu đến cuối, dù là văn hay nghĩa đều nhất loạt chẳng dùng lý lẽ để hiểu.

Đọc kinh như thế, người lợi căn đối với mỗi lý Không, sẽ có thể lãnh ngộ, chứng pháp Thật Tướng; còn kẻ căn cơ độn kém cũng có thể tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ. Lục Tổ nói: “Đản khán Kim Cang kinh, tức năng minh tâm kiến tánh” (chỉ xem kinh Kim

Cang, liền có thể minh tâm kiến tánh) là nói về cách xem kinh như trên đây, cho nên bảo là “đản” (chỉ). Kinh Đại Thừa đều có công năng minh tâm kiến tánh, há có phải riêng kinh Kim Cang?

Nếu cứ một mực phân biệt câu này nghĩa như thế nào, đoạn này nghĩa là gì, thì toàn là thuộc về phàm tình, vọng tưởng, xét đoán, suy lường, làm sao ngầm phù hợp với ý Phật, lãnh ngộ trọn vẹn ý kinh; nhân đó, nghiệp chướng tiêu diệt, phước huệ tăng cao cho được? Nếu biết cung kính thì còn gieo được đôi chút thiện căn. Nếu cứ làm giống hệt như cách đọc sách Nho của kẻ học rộng, sẽ thành hạng người vương phải tội khinh nhờn sùng sững như non, thăm thẳm như vực, dùng nhân lành chiêu lấy quả ác vậy.

Cổ nhân chuyên coi trọng nghe kinh vì tâm chẳng thể khởi phân biệt. Như có người đọc kinh ra tiếng, một người khác ở bên cạnh, nhiếp tâm lắng nghe mỗi chữ,

mỗi câu cho thật phân minh. Tâm kẻ ấy chuyên chú, chẳng dám duyên theo hết thảy thanh sắc bên ngoài. Nếu chỉ hơi phóng túng, liền bị đoạn tuyệt ngay, chẳng thể quán thông văn nghĩa! Người tụng có kinh văn để nương theo, chẳng phải dốc trọn tâm, nhưng cũng phải tụng cho rõ ràng vì người nghe chỉ nhờ vào tiếng tụng [để nhất tâm]. Nếu người tụng phóng túng một chút, liền trở thành đứt đoạn. Nếu nghe được như thế, công đức [của người nghe] bằng với công đức của người chí thành, cung kính tụng. Nếu người tụng chỉ thiếu cung kính đôi chút, công đức cũng khó thể bằng nổi người nghe.

Người đời nay xem kinh Phật như giấy cũ. Trên án kinh để lẫn lộn các tạp vật. Tay chẳng rửa ráy, miệng chẳng súc sạch, thân mình lác lư, gác chân, rung đùi, thậm chí phóng thí⁴⁴, gãi chân, buông lung hết thảy chẳng kiêng sợ gì, còn mong chi xem

⁴⁴ Phóng thí: Trung tiện (break wind, passing gas).

kinh để được phước, tiêu tội! Chỉ có hạng ma vương muốn diệt Phật pháp là tán thán, cho là sống động viên dung, là phù hợp sâu xa với diệu đạo “không chấp trước” của Đại Thừa! Hàng Phật tử chân thật tu hành trông thấy cảnh ấy, chỉ còn biết âm thầm đau xót, nước mắt đầm đìa, than thở ma quấy hoành hành, chẳng biết làm sao!

Ngài Trí Giả tụng kinh hoát nhiên đại ngộ, lạng lẽ nhập Định, há có phải do tâm phân biệt mà đạt được! Một vị cổ đức chép kinh Pháp Hoa, nhất tâm chuyên chú liền đạt đến “niệm cực, tình vong”, cho đến lúc trời tối mịt vẫn chép kinh như thường. Thị giả vào hỏi trời đã tối mịt sao vẫn còn chép, Ngài liền xòe tay ra, chẳng trông thấy lòng bàn tay. Xem kinh như thế thì cũng là chuyên tâm dốc chí giống như tham Thiền, khán thoại đầu, trì chú, niệm Phật. Do dụng lực lâu ngày, sẽ có một ngày hoát nhiên quán thông.

Thiền sư Tuyết Kiều Tín đời Minh là người ở phủ thành Ninh Ba, không biết chữ, trung niên xuất gia, tận lực khổ công tham cứu, nhân được những việc người khác chẳng thể nhân, làm được việc người khác chẳng thể làm. Khổ hạnh của Ngài người khác khó hành được. Lâu ngày, đại triệt, đại ngộ, miệng nói ra điều gì đều khéo léo khế hợp cùng Thiên cơ. Tuy chẳng biết chữ, chẳng viết được, nhưng lâu ngày Ngài liền biết chữ! Lâu sau, Ngài còn tung hoành ngọn bút, nghiêm nhiên trở thành một bậc đại thư pháp.

Những sự lợi ích này đều từ chẳng phân biệt, chuyên tinh tham cứu mà có. Người xem kinh cũng nên lấy đó làm gương!

* Lúc xem kinh, tuyệt đối chẳng được khởi tâm phân biệt thì tự nhiên vọng tưởng phải tiềm phục, Thiên Chân phát

hiện. Nếu muốn nghiên cứu nghĩa lý hoặc
giở xem các chú sớ, hãy dành ra một thời
gian khác để chuyên nghiên cứu. Trong
lúc nghiên cứu, tuy chẳng nghiêm túc như
lúc xem kinh, cũng chớ nên hoàn toàn
không cung kính. Bất quá, so với lúc xem
kinh, thư thái hơn một chút. Nghiệp chưa
thể tiêu, trí chưa thể rạng, thì phải lấy việc
xem kinh làm chính, việc nghiên cứu chỉ
là đại lược kèm theo. Nếu không, quanh
năm suốt tháng chỉ lo nghiên cứu, dù
nghiên cứu đến mức như vệt mây thấy
mặt trăng, mở cửa thấy núi, cũng chỉ là
nói trơn tru ngoài miệng, chẳng hề can hệ
mảy may đến thân tâm, tánh mạng, sanh
tử chi cả! Ngày Ba Mươi tháng Chạp xảy
đến, chẳng dùng được mảy may!

Nếu có thể xem kinh [theo cách] như
vừa nói trên đây, ắt sẽ nghiệp tiêu, trí
rạng, ba thứ tình kiến sẽ trở về “chốn quê
hương chẳng hề tồn tại” (ý nói: sẽ biến
mất không tăm tích). Nếu chẳng thể xem

kinh như thế, không chỉ ba thứ tình kiến chưa chắc chẳng sanh, còn e do sức tức nghiệp, tà kiến sẽ phát khởi, bài bác “chẳng có nhân quả”, các thứ phiền não giết, trộm, dâm, dối sẽ nối tiếp nhau nổi dậy như lửa cháy hùng hực, nhưng vẫn cứ ngỡ chính mình là người hành Đại Thừa, hết thấy vô ngại! Lại còn vin vào câu nói “*Tâm bình, hà lao trì giới?*” (tâm bình, há phải nhọc công giữ giới?) của Lục Tổ để cho rằng “phá hết các giới mà chẳng phá, mới thật sự là trì giới”. Đúng là tu hành khó thể đạt được chân pháp vậy! Sở dĩ chư Phật, chư Tổ chủ trương Tịnh Độ là để nhờ vào từ lực của Phật hồng chế ngự, khuất phục nghiệp lực, chẳng cho chúng phát hiện. Vì thế, hãy nên lấy niệm Phật làm chánh yếu, xem kinh làm trợ hạnh!

* Đức Như Lai đã diệt độ, những cái còn lại chỉ là kinh và tượng. Nếu coi tượng bằng đất, gỗ, vàng, tượng vẽ v.v...

là đức Phật thật, sẽ có thể diệt nghiệp chướng, phá phiền hoặc, chứng tam-muội, thoát sanh tử. Nếu coi đó chỉ là đất, gỗ, vàng, tranh vẽ, thì tượng Phật cũng chỉ là đất, gỗ, vàng, tranh vẽ mà thôi! Nếu khinh nhờn đất, gỗ, vàng, tranh vẽ thì chẳng có lỗi gì, nhưng nếu khinh nhờn tượng Phật bằng đất, gỗ, vàng, tranh vẽ thì tội tày trời. Đọc tụng kinh Phật, lời Tổ, phải coi như Phật, Tổ đích thân nói cho ta nghe, chẳng dám móng khởi chút biếng nhác nào! Làm được như vậy, tôi nói người ấy ắt sẽ cao đẳng chín phẩm ngay trong đời này, triệt chứng Nhất Chân. Nếu không, chỉ là dạo chơi trong pháp môn, bất quá được lợi ích là biết nhiều, thấy nhiều, nói được rành rẽ, chứ lợi ích chân thật chẳng thể thụ dụng mảy may, vẫn chỉ là chuyện nghe lóm nhắc lại mà thôi! Cổ nhân đối với Tam Bảo đều giữ lòng tôn kính thật sự, chứ chẳng chỉ bàn bạc ơ hờ rồi thôi. Người đời nay

miệng còn chẳng buồn bàn đến một chữ, huống là thực hành ư?

* Án Quang thấy những người trích máu chép kinh gần đây chỉ là tạo nghiệp, vì trọn chẳng cung kính. Mỗi lần trích máu, liền trích rất nhiều. Vào tiết Xuân, Thu, qua hai ba ngày, máu liền hư thối. Mùa Hạ, để nửa ngày máu liền tanh hôi, mà vẫn dùng để chép. Có người còn đem máu phơi khô, mỗi lần chép liền dùng nước hòa máu khô nghiền ra để chép. Lại còn chép nguệch ngoạc, chẳng có mấy may cung kính! Đúng là trò trẻ con đùa giỡn, chẳng phải là dùng máu để biểu lộ lòng chí thành, mà chỉ là trích máu chép kinh hòng đoạt cái danh ta là người chân thật tu hành đó thôi!

* Chép kinh chẳng giống như viết tự bình⁴⁵, chủ yếu là dốc hết tinh thần vào

⁴⁵ Tự bình: Những bức thư họa, hoặc chữ viết trên quạt, trên giấy, trên lụa để phô diễn tài thư pháp.
VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

đó, chẳng cần phải xinh khéo. Chép kinh nên như tiến sĩ viết đối sách⁴⁶. Mỗi một nét bút chẳng được câu thả, viết tắt. Dạng chữ dùng phải là dạng chánh thức⁴⁷. Nếu tọa hạ⁴⁸ viết theo thể loại viết trát là không được. Xưa nay, người ta hay dùng các thể loại Hành Thư hay Thảo Thư để chép kinh, Quang tôi tuyệt đối chẳng tán thành!

* Người đời nay chép kinh mặc sức ngoáy bút, thật chẳng phải là chép kinh, chỉ là mượn dịp để luyện chữ, đồng thời lưu lại bút tích cho hậu thế đó thôi! Chép kinh như thế không phải là hoàn toàn vô ích, nhưng chẳng qua chỉ tạo thành cái nhân đắc độ trong đời tương lai, mà cái tội khinh nhờn cũng chẳng nhỏ nhặt gì!

* Đối với bản kinh Pháp Hoa đã

⁴⁶ Đối sách: Bài thi trong các khoa thi ngày xưa. Đối với mỗi đề thi, sĩ tử phải viết một bài trả lời, nhằm bình luận, giảng giải, nêu ra ý kiến. Bài viết ấy được gọi là đối sách.

⁴⁷ Tọa hạ: Tiếng tôn xưng người khác, thường dùng để gọi người có chức vụ.

⁴⁸ Dạng chữ chánh thức là lối viết theo chữ Khải, chữ vuông vắn, rõ ràng, cân đối, đầy đủ nét, tức là lối chữ dùng trong công văn.

chép, thấy bút pháp của ông ta cứng cỏi, tinh xảo, đẹp đẽ, khôn ngoan khâm phục, nhưng cách viết của ông ta vẫn còn tập khí của kẻ văn nhân, đối với chuyện lưu thông pháp đạo tợ hồ chưa thích hợp. Như Tục Thê, Thiếp Thê, Biên Thê⁴⁹ v.v... đều là thuận theo thói tộ của thê tục, lại còn chấp nệ vào Cổ Thê, như chữ Ma (魔) viết thành Ma (磨), chữ Huyền (懸) viết thành Huyền (縣), Mã Não Xa Cừ (瑪瑙碾磑) viết thành Mã Não Xa Cừ (馬腦車渠), Trận (陣) viết thành Trần (陳) v.v... mắc lỗi trái thời⁵⁰. Nếu nói phải y theo Cổ Văn thì hiện thời đang lưu hành [lối viết theo]

⁴⁹ Tục Thê là lối viết thường dùng trong dân gian cho nhanh, không đúng với cách viết chánh thức của chữ Hán, như chữ Đãng 燈 viết thành 灯, Thiên 遷 viết thành 迂 v.v... Đặc điểm lớn nhất của Tục Thê là giản lược nét bút, đôi khi biến cải âm thanh. Đa số chữ Tục Thê biến thành chữ Hán giản thể hiện thời.

Thiếp Thê là lối viết trên các tờ thiếp, bình phong, quạt cho đẹp, mềm mại hơn lối viết cứng cỏi dùng để khắc bia.

Biên Thê là cách viết biến đổi tự dạng sao cho thật đẹp, thật bay bướm trong thư pháp, gần với lối chữ Thảo.

Nói chung, ba thê loại này khiến người không chú ý dễ đọc sai chữ, hoặc hiểu lầm ý nghĩa, thậm chí không nhận được mặt chữ, nên bị Tô quở.

⁵⁰ Sở dĩ nói là trái thời vì thời cổ, các chữ ấy được dùng lẫn nhau không phân biệt. Nay nếu viết theo lối cổ, sẽ gây hiểu lầm; ví dụ chữ Ma 魔 (ma quỷ) hiện thời có ý nghĩa khác với Ma 磨 (mài).

Chánh Thể, những chữ viết như vậy đều chẳng thích hợp, mỗi chữ đều phải sửa đổi, không dùng được một chữ [viết theo lối hiện thời] nào! Ông Dương Nhân Sơn đả phá những người nệ cổ như sau: “*Chữ viết phải theo thời, việc gì cứ phải nệ cổ! Nếu như cứ muốn theo lối cổ thì xin trước hết hãy từ hai chữ Nhân 人 (người) và Nhập 入 (vào) mà sửa đổi! Chữ Nhân viết theo lối cổ là 亼, chữ Nhập 入 viết là 𠂔. Nếu Nhân và Nhập không sửa được, cần gì phải riêng thay đổi những chữ khác! Vả lại Cổ Thể cũng chẳng phải là những chữ được chế ra thời Thương Hiệt⁵¹, không biết biến đổi đến thế nào mới thành ra dạng như vậy!*” Ông đã chuộng cổ, hãy nên lấy “trùng văn điều thư”⁵² làm Chánh Thể thì tôi không còn cách nào chỗ miệng vào được nữa! Nếu

⁵¹ Thương Hiệt: Theo truyền thuyết, Thương Hiệt là sử quan của Hoàng Đế, là người đầu tiên sáng tạo chữ Hán.

⁵² Trùng văn điều thư: Chỉ cách viết chữ Hán theo lối cổ, có lối viết ngoằn ngoèo giống như con nòng nọc nên còn gọi là chữ Khoa Đầu. “Trùng văn điều thư” là chữ viết trông giống như con trùng, hoặc vết chân chim.

không, rốt cuộc là vô sự bèn sanh sự, nhọc nhằn vô ích, sống thời bây giờ lại quay về thời cổ, bậc thánh đã có lời minh huấn. Nếu Trang cư sĩ có chí lưu thông, hãy nên quét sạch tập khí văn nhân, chữ nào cũng tuân theo thời bây giờ. Phàm những chữ Phá Thể và Tục Thể v.v... đều nhất loạt chẳng dùng, ngõ hầu mỗi nét bút, mỗi vạch, đều đúng pháp!

* Nếu đối với pháp môn Tịnh Độ chẳng thể chết sạch cái tâm so đo, ngấp nghé [các pháp môn khác], quyết chí tu trì; đối với chuyện “tuân giữ lòng thành kính, khắc kỷ, giữ lễ” cứ muốn cho là chẳng muốn chấp trước, hòng khéo che đậy những thứ sơ sài, tán loạn, buông lung, thì những lợi ích Ngài đạt được chẳng giống với sự hiểu biết từ chỗ thấy hiểu kém cỏi của Quang tôi. Những điều khác trong bộ Văn Sao tập nhạp của Quang đã nói đủ rồi, nên chẳng dông dài

nữa. Đối với việc xem kinh, chỉ có cung kính thì mới đạt được lợi ích thật sự. Nếu chẳng cung kính, dù có được lợi ích, thì lợi ích ấy chẳng qua là nương theo kinh văn để hiểu ý nghĩa, chứ [những lợi ích thù thắng như] “nghiệp tiêu, trí rạng, thâm ngộ tự tâm” trọn chẳng thể cầu may như thể được! Huống hồ còn đeo thêm cái lỗi khinh nhờn chẳng thể nói hết! Đây chính là bệnh chung của cả thế gian, thật đáng buồn đau, khóc hận, thở dài sườn sượt vậy!

* Chẳng tiện lập riêng nghi thức lễ Phật cho người hết sức bận. Chỉ chí thành, khẩn thiết, miệng xưng Phật hiệu, thân lễ dưới chân Phật, cứ thành kính như Phật đang hiện diện là được rồi!

* Chẳng thể lễ bái xá-lợi, chẳng thể thân cận từng lâm, thì cũng chẳng thiếu sót gì! Cốt sao trông thấy tượng Phật liền

tưởng như đức Phật thật; thấy kinh Phật, lời Tổ, tưởng Phật, tưởng Tổ đang đích thân giảng dạy cho chính mình. Chí cung, chí kính, chẳng lười nhác, chẳng sao nhãng, đầy chính là suốt ngày thấy Phật, suốt ngày thân cận chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư, thiện tri thức, xá-lợi, tùng lâm.

* Tri thức gởi vải trắng, cho biết đến năm Nhâm Ngọ sẽ in. Điều này tội lỗi đến mức cùng cực, bởi lẽ đã sử dụng danh hiệu Bồ Tát một cách khinh nhờn đến mức tột cùng. Huống hồ có nơi còn dùng làm đệm ngồi⁵³. Năm Quang Tự 20 (1894), tôi từng thấy một lần ở Phổ Đà, năm 21 (1895), ở chùa A Dục Vương lại thấy. Tôi lấy làm lạ, than cùng điện chủ điện Xá Lợi. Ông ta bảo: “Đây là phong tục của vùng Ninh Ba”. Tôi tự thẹn mình không có sức để ngăn ngừa thói tục xấu ác

⁵³ Đây là một thiện tín gởi thư cho Tổ biết sẽ in loại vải dùng bọc đệm quỳ, bồ đoàn, trên đó có in hình hoa sen và thánh hiệu của chư Phật.

này. Nếu như Quang tôi là chủ nhân một phương, ắt sẽ đến khắp nơi nêu rõ lỗi hại của việc này, ngõ hầu những người có tín tâm chỉ được lợi ích, chẳng mắc điều tổn hại ấy!

* Hết thấy tôn kinh Đại Thừa Hiền Mật do đức Đại Giác Thế Tôn đã nói đều dạy “lý vốn duy tâm, đạo hợp Thật Tướng”, khắp ba đời chẳng đổi, cả mười cõi cùng tuân, trở về nguồn, quay lại cội, là đạo sư của chư Phật, đẹp khổ, ban vui, là cha lành của chúng sanh. Nếu có thể dốc cạn lòng thành kính lễ tụng, thọ trì, thì ta lẫn người đều được lợi ích thù thắng, u, hiền cùng gọi ân quang, như Như Ý châu, như vô tận tạng, lấy chẳng hết, dùng chẳng tận, tùy tâm hiện lượng, sở nguyện đều mãn.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu tam-muội được tam-muội, cầu trường thọ được trường*

thọ. Như thế cho đến câu Niết Bàn đấng đại Niết Bàn”. Đại Niết Bàn là cứu cánh quả đức. Nếu luận về Như Lai bốn tâm thì thật sự toàn bộ Khế Kinh chỉ nhằm giảng điều này; nhưng chúng sanh chí nguyện hẹp kém, chưa chí thành đến mức cùng cực, nên chẳng thể khế nhập ngay được. Vì thế, phải thuận theo tâm hạnh của họ hòng thỏa mãn sở nguyện của mỗi người. Nếu là bậc túc căn sâu dày, sẽ liền đốn minh tự tánh, triệt chứng duy tâm, phá Phiền Hoặc, tiến ngay vào Bồ Đề, viên mãn phước huệ, mau thành Giác Đạo để đạt được toàn bộ lợi ích của Khế Kinh, thỏa thích trọn vẹn bản hoài của Như Lai.

Ví như một trận mưa nhuần thấm trọn khắp, cỏ cây đều tươi tốt. Cây lớn sẽ chọc mây, che lấp ánh mặt trời; cây nhỏ sẽ dài tấc, tăng phân. Đạo vốn duy nhất Chân Như, nhưng tùy tâm mà lợi ích có thù thắng hay kém hèn; nhưng nếu đã trồng thiện căn, rốt cuộc cũng thành Phật quả.

Dù chẳng thể đạt được ngay lợi ích lớn lao, cũng tạo thành cái nhân độ thoát. Nghe tiếng cái trống bô thuốc độc, xa gần đều chết. Ăn chút kim cang, quyết định chẳng tiêu. “*Trước hết phải dùng dục để lôi kéo, sau đấy làm cho chúng nhập Phật trí*” là nói về lẽ này đây!

Kinh dạy: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Nếu chẳng phải xưa đã có nhân duyên, tựa đề các bộ kinh Phật còn chẳng được nghe, huống là được thọ trì, đọc tụng, hòng tu nhân chứng quả? Nhưng những điều Như Lai đã dạy chỉ dựa trên lý vốn sẵn có trong tâm của chúng sanh. Ngoài tâm tánh ra, trọn không có một pháp nào để có thể đạt được! Nhưng chúng sanh còn mê, chẳng thể liễu tri, huyễn sanh vọng tưởng chấp trước đối với Chân Như Thật Tướng. Do vậy, khởi tham, sân, si, tạo giết, trộm, dâm, mê trí huệ, trở thành phiền não, khiến thường trụ trở thành sanh diệt, trải

bao kiếp số nhiều như bụi trần, chẳng thể trở lại. May gặp các kinh điển Đại Thừa Hiền, Mật do đức Như Lai nói, mới biết hạt châu vẫn còn nguyên nơi vạt áo, Phật tánh vẫn thường còn, kẻ hèn hạ làm khách vốn là con ông trưởng giả. Trời người sáu nẻo chẳng phải là chỗ ta ở, Thật Báo, Tịch Quang, chính là quê nhà sẵn có.

Nghĩ lại từ vô thủy đến nay, chưa được nghe Phật nói, tuy sẵn đủ tâm tánh này, vô có phải chịu luân hồi oan uổng! Thật đúng là đau đớn ứa lệ, tiếng [gào khóc] vang động cõi đại thiên! Lòng tan từng mảnh, ruột đứt từng tấc. Ân ấy, đức ấy hơn hẳn thiên địa, cha mẹ cả trăm ngàn vạn lần. Thân nghiền, xương nát, chẳng thể báo đáp!

* Tăng, tục ngày nay giờ xem kinh Phật chẳng có mấy may cung kính, bao thứ khinh nhờn, khó thể thuật tỉ mỉ từng điều. Thói quen lưu hành đã lâu, coi đó là

thuận mắt, những nỗi khinh nhờn khó bề kể hết. Cõi pháp ngôn của Như Lai như giấy cũ rách nát. Đừng nói kẻ chẳng biết chỉ thú của kinh, trọn chẳng có lợi ích; ngay cả những người hiểu sâu xa nghĩa kinh, cũng chỉ là tam-muội nơi cửa miệng, tỏa sáng ngoài mặt. Như kẻ dối kẻ chuyện ăn, như người nghèo đếm của báu, tuy có công nghiên cứu, tuyệt không đạt được lợi ích thực chứng! Huống hồ cái tội khinh nhờn đã ngập cả trời, nên thời hạn thọ khổ chẳng phải chỉ là hết kiếp! Tuy là nhân lành, nhưng ngược ngạo chiêu cảm quả ác. Dù có tạo thành cái nhân đặc độ cho tương lai, khó tránh nhiều kiếp chịu đủ mọi nỗi khổ. Đem tấm lòng ôm ấp nỗi thảm thương này dám bày tỏ những điều rơm rác để mong ai nấy hãy vâng theo lời Phật để hành, ngõ hầu chỉ được lợi ích, chẳng bị tổn hại.

* Kinh Kim Cang nói: “Như chỗ nào

có kinh điển thì chỗ đó có Phật, là đệ tử phải tôn trọng”. Lại nói: “Nơi nơi chốn chốn nếu có kinh này, thì hết thấy thế gian, trời, người, A-tu-la đều phải nên cúng dường. Phải biết chỗ ấy chính là tháp [thờ Phật], đều phải nên cung kính, làm lễ, nhiễu quanh, dùng các thứ hoa hương để rải lên trên ấy. Vì sao phải như vậy? Là vì hết thấy chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chư Phật đều xuất phát từ kinh này”. Trong các kinh Đại Thừa, kinh nào cũng dạy người ta phải cung kính kinh điển, chứ chẳng phải một kinh. Ấy là vì các kinh Đại Thừa là mẹ của chư Phật, là thầy của Bồ Tát, là Pháp Thân xá-lợi của tam thế Như Lai, là thuyền Từ thoát khổ của cửu giới chúng sanh. Dù đã chứng Phật Quả cao tột, vẫn còn phải kính pháp, hồng báo đền nguồn gốc, chẳng quên đại ân. Vì thế, kinh Niết Bàn nói: “Pháp là mẹ của Phật, Phật từ Pháp sanh”.

Tam thế Như Lai đều cúng dường Pháp; hưởng hồ phạm phu sát đất, khắp thân toàn là nghiệp lực, như kẻ tội nặng bị tù, giam cầm trong ngục lâu ngày, không do đâu mà được thoát ra! May sao nhờ thiện căn túc thế nên được thấy kinh Phật, như tù được lệnh phóng thích, mừng rỡ vô ngần, bèn dùng ngay pháp ấy để mãi mãi từ biệt tam giới, vĩnh viễn xuất ly lao ngục sanh tử, hòng đích thân chứng tam thân, về thẳng quê nhà Niết Bàn. Nhờ nghe kinh mà được vô biên lợi ích, há có nên do tri kiến cuồng vọng bèn chẳng kiêng nể, khác nào kẻ tục nho đọc sách, tự tiện khinh nhờn ư?

* Đạo của Thánh Hiền chỉ là Thành và Minh. Thánh và Cuồng phân biệt chỉ trong một niệm. Chẳng nghĩ thành Thánh, ắt biến thành Cuồng; hễ khắc chế cuồng niệm bèn trở thành Thánh. Lẽ “nắm, buông, được, mất” ví như thuyền chèo

ngược nước, chẳng tiến ắt lùi, chẳng thể không gắng sức chống chọi, lơ lửng chút nào. Phải biết rằng đối với một chữ Thành, thánh lẫn phàm cùng có một Chân Tâm giống hệt như nhau chẳng khác. Một chữ Minh phải luôn giữ gìn, xem xét, đó là cách để đạt đạo từ phàm thành thánh. Nhưng trong địa vị phàm phu, trong những sinh hoạt hằng ngày, muôn cảnh giao xen, nếu chẳng nhận biết, soi xét một cảnh, sẽ khó tránh trong chớp mắt liền nảy sanh những tình tưởng trái lẽ nảy sanh trong chớp mắt. Tình tưởng ấy đã sanh, chân tâm liền bị vương che lấp, nên hành vi nào cũng đều chẳng trung chánh. Nếu chẳng vận dụng một phen công phu thiết thực trừ khử cho sạch, sẽ ngày càng tệ hơn, chẳng biết đã tuột xuống tận đáy. Uổng cho cái tâm làm thánh sẵn có vĩnh viễn bị chìm đắm trong loài phàm ngu, chẳng đáng buồn sao? Nhưng làm thánh chẳng khó, chỉ là tự làm sáng tỏ Minh

Đức của chính mình. Muốn làm sáng tỏ Minh Đức thì phải thực hiện từ “*trí tri, cách vật*”. Nếu chẳng thể cực lực hiểu rõ, trừ khử những môi nhân dục (tham muốn của con người) thì Chân Tri sẵn có quyết khó thể hiển hiện triệt để được!

* Nếu vị trai chủ thỉnh pháp hay các Sư tác pháp⁵⁴, ai nấy đều dốc cạn lòng thành kính thì lợi ích sẽ chẳng thể nói trọn. Như Xuân về, khắp cõi đất thảo mộc đều nảy nở xanh tươi; trăng sáng vằng vặc giữa trời, sông ngòi thấy đều hiện bóng. Do đó, người [thỉnh Tăng làm chay, tụng niệm] sẽ được nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước tăng, người đã khuất đều sanh về Tịnh Độ, sở cầu không gì chẳng được toại ý, lại khiến cho oán thân bao kiếp, pháp giới hàm thức cùng được gọi ân quang của Tam Bảo, cùng kết

⁵⁴ Tác pháp: Hiểu theo nghĩa hẹp là hành nhân Mật Tông tụng niệm nghi quỹ, kết ấn, rải hoa, chạy đàn, thực hiện nghi lễ hỏa cúng v.v... Ở đây chỉ có nghĩa là các vị Sư được mời đến thực hiện các nghi lễ cầu siêu, thí thực v.v...

duyên chúng Bồ Đề. Nếu trai chủ chẳng thành kính thì công đức xuất tiền hữu hạn, nhưng tội lỗi khinh mạn thì vô cùng. Tăng chúng chẳng thành kính, chính là thối ông bề thành kinh, gõ chày cối thành lễ⁵⁵. Lúc Tam Bảo, long thiên giáng lâm, cứ xử sự lỗ mãng, luộm thuộm, tắc trách, mà không đến nổi núi tội ngất ngưỡng, biển phước cạn khô, sông mắc tai vạ, chết bị đày phạt, há có nên chăng?

VI. KHUYÊN CHÚ TRỌNG NHÂN QUẢ

6.1. Luận về lý nhân quả

* Một pháp nhân quả là bước đầu nhập môn của Phật giáo, mà cũng là kế sách trọng yếu để thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

* Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình

⁵⁵ Ý nói đọc kinh không thành kính, chỉ có âm điệu nhịp nhàng như thợ rèn thối bề, đánh các pháp khí làm lễ nhưng chẳng thành kính, khác gì người giã gạo, cứ nhịp chày đều đều cho xong việc.

trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Nếu nay chẳng lấy nhân quả làm nhiệm vụ cấp bách để cứu quốc, cứu dân, dù ông có trí xảo, đạo đức cao siêu đến mấy, cũng chỉ uổng công, vì chẳng giảng đạo lý, cũng như không có vương pháp vậy!

* Thánh hiền thời cổ, không ai là chẳng dè dặt, kính sợ để tự rèn luyện, gìn giữ mình, nên tâm họ chẳng bị cảnh phú quý, cùng quẫn, hanh thông xoay chuyển. Cùng quẫn thì riêng thân mình thiện, hiền đạt thì khiến cho cả thiên hạ cùng thiện. Người đời nay, trong những hành vi, lời lẽ thường ngày, trong vòng cha con, anh em, chồng vợ, mỗi mỗi đều chẳng thể như pháp. Người có chút tri kiến bèn làm lạc mong làm bậc cao nhân lỗi lạc, kẻ chưa có quyền bèn mặc tình cuồng vọng, luận nghị mù quáng để mê hoặc người đời. Kẻ đã có quyền vị, bèn tỏ rõ ác niệm bạo ngược tàn nước hại dân. Gốc bệnh là do lúc ban đầu,

cha mẹ, thầy bạn chưa từng dùng đạo nhân quả báo ứng để chỉ bảo kẻ ấy. Nếu biết nhân quả báo ứng đôi chút, ắt khởi tâm động niệm đều kiêng dè, chẳng dám phóng túng. Dù chẳng mong thành thánh, thành hiền, muốn chẳng kinh sợ, dè dặt như vào vực sâu, như đi trên băng mỏng, thì cũng không thể được! Vì thế, những người có thiên tư cao phải bắt đầu từ những điều thiện cận, chớ cho là điều lành nhỏ nhặt nên không làm, chớ nghĩ điều ác vặt vãnh rồi cứ làm. Cứ vun bồi từng ít một thì sẽ trở thành tánh. Ví như cây nhỏ đã mọc thẳng, đến lớn muốn uốn cong cũng chẳng thể được!

* Thầy thuốc trị bệnh, bệnh cấp bách thì trị đặng ngọn, bệnh diễn biến thông thả bèn trị đặng gốc. Ví như có người yết hầu ung thũng, ăn uống khó nuốt xuống, thở ra khó khăn; trước hết, phải tiêu trừ chứng thũng, sau đấy mới căn cứ trên gốc bệnh

để điều hòa tạng phủ. Nếu chẳng trừ trước chứng thũng ấy, người đó lăn đùng ra chết, dù có lương phương, diệu dược để trị gốc bệnh thì cũng chẳng làm gì được! Nhân quả chính là diệu pháp để tiêu trừ chứng bệnh thũng ngày nay; nhưng pháp Nhân Quả trị bệnh cả gốc lẫn ngọn. Kẻ sơ cơ nương vào đó sẽ cải ác tu thiện. Người thông hiểu nương theo đó, có thể đoạn Hoặc, chứng Chân, thông trên, suốt dưới. Dù là hàng phàm phu sát đất, cho đến bậc viên mãn Phật Quả, đều chẳng thể lìa pháp này, há có phải nhân quả chỉ trị được bệnh đặng ngọn mà thôi!

* Một pháp nhân quả chính là lò luyện lớn để “nung phàm, luyện thánh” của thánh nhân thế gian và xuất thế gian. Nếu lúc ban đầu chẳng hiểu rõ nhân quả, thì sau khi đã thông Tông, thông Giáo, rất có thể sẽ bị làm lẫn nhân quả. Đã làm nhân quả, đọa lạc ắt sẽ có phần, không có cách

nào siêu thăng! Đừng bảo lý này thiên cận rồi coi thường! Đức Như Lai đã thành Chánh Giác, chúng sanh đọa lạc tam đồ, đều chẳng ra ngoài nhân quả. Nhưng tâm lượng của phàm phu hẹp nhỏ, có lẽ không thể lãnh hội những lẽ nhân quả lớn lao đã nói trong kinh, hãy dùng những điều thiên cận trong thế gian để làm phương tiện [giúp họ] lãnh hội những điều thù thắng ấy. Chẳng hạn như đối với bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân, sách Thái Thượng Cảm Ứng Biên v.v... xin hãy đọc kỹ, suy xét tường tận, làm theo, thì ai nấy đều là lương dân, người người đều có thể liễu sanh thoát tử. Năm trước, Quang từng khắc An Sĩ Toàn Thư, bản khắc để tại Dương Châu, các nơi phát hành kinh sách đều có. Cuốn sách này đúng là một tác phẩm trọng yếu để làm cõi đời hiền diệu, dân chúng hiền lành vậy!

* Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô

Khoa thiền sư: “Thế nào là đại ý Phật pháp?” Ngài Ô Khoa đáp: “Đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành”. Họ Bạch bảo: “Hai câu nói ấy, đưa bé lên ba cũng nói được”. Ngài Ô Khoa bảo: “Tuy đưa bé lên ba nói được, ông già tám mươi làm chẳng xong”. Cần phải biết lời ấy chính là lời thiết yếu quan trọng nhất đối với hết thảy người học Phật.

* Hai câu “*đừng làm các điều ác...*” chính là đại ý của hết thảy giới kinh của tam thế chư Phật, chớ nên coi thường! Ngay trong mỗi ý niệm vừa phát khởi của chính mình, hãy nên suy xét kỹ. Nếu có thể suy xét đến cùng cực thì còn có thể thành tựu Phật đạo, huống hồ là các quả vị phước huệ khác!

* Dạy giới thiện (Ngũ Giới, Thập Thiện) để mở ra con đường trời, người phẳng phiu. Hiền nhân quả để bày

phương cách xu ty (趨避: xu là hướng tới, ty là tránh né) tốt lành. Nói đến giới thiện thì:

a. Ngũ Giới:

Chẳng giết là Nhân; chẳng trộm là Nghĩa; chẳng tà dâm là Lễ; chẳng nói dối là Tín; chẳng uống rượu thì tâm thường trong trẻo, chí ngưng lặng, thần chẳng hôn mê, nên Lý hiện, tức là Trí. Trì trọn vẹn Ngũ Giới chẳng đọa tam đồ, luôn sanh trong nhân đạo. Năm điều này nói chung tương đồng với Ngũ Thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) của đạo Nho, nhưng Nho giáo chỉ dạy tận nghĩa, nhà Phật còn giảng thêm về quả báo.

b. Thập Thiện:

Chẳng giết, chẳng trộm, chẳng tà dâm, là ba nghiệp nơi thân. Chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói lưỡi đôi chiều, chẳng ác khẩu, là bốn nghiệp nơi miệng. Chẳng tham, chẳng sân, chẳng si,

là ba nghiệp nơi ý. Những điều này xét về đại thể, giống như Ngũ Giới, nhưng Ngũ Giới đa phần nói về thân, Thập Thiện phần nhiều nói về tâm. Đây đủ Thập Thiện, quyết định sanh vào thiên giới.

Còn như các điều dạy về luân lý như hiếu với cha, từ với con, kính anh, nhường em... đều là muốn cho ai nấy đều trọn hết bốn phận chẳng khiếm khuyết, thuận theo tướng thế gian để tu pháp xuất thế. Nếu nói rộng về nhân quả báo ứng thì hào lý chẳng sai. Đọa địa ngục hay sanh lên trời chỉ do tự mình chiêu cảm lấy. Đức Như Lai tâm bi tốt bậc, muốn cho chúng sanh vĩnh viễn lìa khổ, chỉ hưởng các điều vui; vì thế, Ngài chẳng tiếc sức hiện tướng lười rộng dài, vì các chúng sanh tận tình tuyên diễn.

Kinh dạy: “*Bồ Tát úy nhân, chúng sanh úy quả*” (Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả). Nếu chẳng muốn nhận lãnh quả khổ, phải đoạn trừ nhân ác trước đã! Nếu

luôn tu thiện nhân, ắt quyết định thường hưởng quả vui! Đây chính là điều kinh Thư bảo: “*Tác thiện giáng tường, tác bất thiện giáng ương*” (Làm thiện thì điều tốt lành giáng xuống. Làm điều bất thiện, tai ương giáng xuống), kinh Dịch nói: “*Tích thiện tất hữu dư khánh, tích bất thiện tất hữu dư ương*” (Tích thiện thì sự vui có thừa. Chết chửa điều chẳng lành, tai ương ắt có thừa). Nhưng nhà Nho chỉ xét trên đời hiện tại và con cháu mà nói, còn Phật xét theo cả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai để luận. Phạm tình chẳng hiểu thấu, bèn cho là chuyện mộng lung, chẳng chịu tin nhận. Như kẻ mù cãi lời người dẫn đường, tự đi vào đường hiểm, muốn chẳng rớt hầm, sụp hố, có được hay chẳng?

* Đề xướng nhân quả báo ứng là kính vâng theo tâm của thiên địa và thánh nhân để thành tựu Tánh Đức nhân nghĩa và đạo đức của người đời. Nếu coi nhân quả báo

ứng là chuyện mờ mịt, không có cách nào khảo sát thì không chỉ trái nghịch với tâm của thiên địa, thánh nhân, mà thần thức của chính mình còn vĩnh viễn đọa trong ác thú. Nếu bậc trí giả chẳng phán phát ý chí ưu thời mãn thế để tu đức của chính mình, kẻ hạ ngu không kiêng sợ gì, dám làm điều ác, thì quyền dưỡng dục của thiên địa, thánh nhân bị chèn ép chẳng được phô bày, cái Lý sẵn có trong tâm tánh của chúng ta bị ẩn mất, chẳng hiện. Họa hại ấy chẳng thể nói được!

Nhưng lời lẽ của thánh nhân thế gian giản lược, lại chỉ bàn về đời này và con cháu, còn những việc trước khi sanh ra, sau khi chết đi, từ vô thủy đến nay thuận theo nhân duyên tội phước luân hồi trong lục đạo... đều chưa luận rõ. Vì thế, những kẻ thấy biết nông cạn tuy hằng ngày đọc những lời dạy về nhân quả báo ứng của thánh hiền, vẫn chẳng tin tưởng nhân quả báo ứng.

Đại giáo của đức Như Lai hiển dương sự huyền diệu nơi tâm tánh của chúng ta, sự tinh vi của nhân quả ba đời. Tất cả những thuyết “*cách trí*” (trí tri cách vật), “*thành, chánh*” (thành ý, chánh tâm), “*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*”, và pháp “*đoạn Hoặc, chứng Chân, liễu sanh thoát tử*”, không pháp nào chẳng giảng đủ. Vì thế, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng vợ theo, chủ nhân từ, tớ trung thành, ai nấy đều tận hết bốn phận, há có khác gì những điều thánh nhân thế gian đã dạy? Thế nhưng, đối với mỗi một điều, Phật lại khai thị nhân trước quả sau; đây chính là điều thánh nhân thế gian chẳng thể làm được! Lời dạy “*tận nghĩa, dốc trọn bốn phận*” [của Nho gia] chỉ để dạy hàng thượng trí, chẳng thể chế ngự kẻ hạ ngu. Nếu biết nhân quả báo ứng thì thiện, ác, họa, phước rành rành như nhìn vào lửa; ai lại không tìm tốt, tránh xấu, tránh họa

hòng được phước cơ chứ?

* Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc*”. Do vậy, biết rằng trí huệ, đức tướng chúng sanh và Phật đều đồng, tức là Tánh Đức. Do có vọng tưởng chấp trước và lìa vọng tưởng chấp trước, nên chúng sanh và Phật khác nhau. Đây chính là Tu Đức.

Tu Đức có thuận, có nghịch. Tu thuận tánh thì càng tu càng gần. Tu đến cùng cực bèn triệt chứng, chứng nhưng trọn chẳng có gì để đắc. Còn tu nghịch tánh thì càng tu càng xa. Tu đến cùng cực sẽ vĩnh viễn đọa trong ác đạo, tuy đọa nhưng không có gì để mất. Hiểu điều này thì ngu cũng là hiền, hiền cũng là ngu, thọ cũng là yếu, yếu cũng là thọ, [những mong ước] phú quý, cháu con đầy đàn đều diệt sạch. Mỗi mỗi đều có thể làm chủ thì có cái để

nương dựa cũng coi như không, không có cái để nhờ cậy cũng coi như có. Như núi cao chẳng thể trèo lên được, người ta không có cách nào, thì chẳng ngại gì đục núi, xếp bậc, sẽ cũng có thể lên đến chót núi.

Con người xưa nay chẳng biết nghĩa lý “*do tâm tạo nghiệp, do tâm chuyển nghiệp*”, không ít kẻ đại thông minh, học vấn rộng, nhưng cư xử đến nỗi công lao trước kia bị mất sạch, đến nỗi di hại bao kiếp. Nếu chẳng tu đức, dù thân đạt tới mức giàu trùm thiên hạ, quý như thiên tử, địa vị đứng đầu các quan, thanh thế hiển hách như hàng tể phụ, há chẳng có kẻ bị tru lục, diệt môn ngay trong một đời đó ư? Những điều ta đã được đều chẳng thể nương dựa được! Ông Viên Liễu Phàm hiểu rõ điều này, nên đối với những thứ được hưởng thụ đều bảo chẳng phải do “*tiền nhân*” (nhân đời trước) định sẵn. “*Tiền nhân*”, tục gọi là “*thiên*” (trời).

“*Thiên định thắng nhân*” tức là tiền nhân khó chuyên. Nhân định cũng thắng thiên, tức là siêng gắng tu trì thì tiền nhân chẳng thể không bị chuyên dời. Vì thế, lấy nhân hiện tại làm nhân để tiêu diệt tiền nhân. Nếu buông lung làm xằng, sẽ đạt kết quả trái ngược. Hiểu rõ điều này thì muốn ngu trở thành hiền, muốn tầm thường trở thành vượt trội, đều là do giữ lòng tu đức, tùy thời khéo dạy mà thôi!

* Mạng là gì? Chính là quả báo của những điều đã làm trong đời trước. Lại nữa, những điều đạt được do làm đúng theo đạo nghĩa thì mới gọi là Mạng. Những điều đạt được do chẳng làm đúng theo đạo nghĩa bèn chẳng được gọi là Mạng. Vì sau khi đạt được như vậy, nổi khổ trong đời sau chẳng nữa thấy, nghe! Như trộm cướp tiền tài của người ta, dường như tạm thời giàu có, vui sướng, một khi quan phủ biết đến, ắt sẽ đầu một

nơi, thân một nẻo! Lẽ nào với cái tạm thời được vui, lại cho là Mạng?

Lực là gì? Chính là nói đến những cái ta đã làm ngay trong đời này. Có hai thứ “làm”: Một là tài trí, chuyên dùng mưu mẹo biến trá. Hai là chuyên dùng sự khắc kỷ, giữ lễ để tu trì.

Cái Mạng do Liệt Tử đã nói hỗn độn, chẳng phân; cái Lực của ông ta nói phần nhiều chú trọng về mưu mẹo, biến trá. Bởi thế, đến nỗi Lực bị Mạng đè ép, không cách gì đáp được [câu chất vấn sau đây]: “Khổng Tử bị khốn đốn nơi biên giới nước Trần, nước Sái; Điền Hằng lấy nước Tề làm tánh mạng, còn có thể nói là biết Mạng ư?” Khổng Tử chẳng gặp vua hiền, chẳng thể khiến thiên hạ trị an, chính là do nghiệp lực của muôn dân tạo ra như vậy, há liên quan đến Khổng Tử! Nhan Uyên yếu thọ, nghĩa lý cũng giống như thế. Điền Hằng có được nước Tề là do soán đoạt mà có, làm sao gọi là Mạng cho

được? Tuy hiện thời còn là vua Tề, nhưng khi hơi thở không hít vào được nữa, liền trở thành tù nhân trong A Tỳ địa ngục. Đây mới là Mạng, vì ông ta dạy người chẳng tu đạo nghĩa, mặc tình cướp đoạt! Bởi thế, tôi mới nói: “Liệt Tử chẳng biết Mạng”. Chẳng thấy Mạnh Tử luận về Mạng đó ư? Ất phải cùng lý tận tánh đến mức như thế mới gọi là Chân Mạng. Còn những điều chẳng do đạo nghĩa mà được, chẳng do đạo nghĩa mà mất, đều chẳng được gọi là Mạng. Liệt Tử luận về Lục, phần nhiều thuộc về tài trí mưu mẹo, biến trá, [là những điều] hiền thánh chẳng thềm nói tới. Những điều hiền thánh nói đều là “khắc kỷ, giữ lễ để tu trì”.

“Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế niệm bèn thành thánh. Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa, nhà tích điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa. Làm lành trăm điều tốt lành giáng. Làm điều chẳng lành trăm tai ương trút xuống. Gõ phải căn

theo dây mực mới ngay, vua phải nghe lời can gián mới thành thánh. Thuận theo đạo sẽ dẫn tới điều tốt lành, trái nghịch đạo sẽ dẫn đến điều xấu, giống như bóng theo hình, như tiếng vang theo âm thanh. Lúc năm mươi tuổi, biết bốn mươi chín năm trước là sai trái; muốn giảm bớt lỗi, nhưng vẫn chưa thể. Muốn chính mình được sống thêm dăm mười năm nữa để học Dịch hầu chẳng mắc lỗi lớn. Ai cũng có thể là Nghiêu, Thuấn, kiêng giữ những điều chẳng nên nhìn, kinh sợ những điều chẳng nên nghe, đều là Lục”. Đây là những lời của Nho gia.

Còn nhà Phật bảo “hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật” để họ sám hối nghiệp cũ, cải ác tu thiện, mong họ đừng làm các điều ác, vâng làm các việc lành. Dùng Giới giữ thân, chẳng làm điều phi lễ. Dùng Định nhiếp tâm, chẳng khởi vọng niệm. Dùng Huệ đoạn Hoặc, thấy rõ bốn tánh. Đây đều là những

Lục đề khắc kỷ, giữ lễ tu trì. Nương theo các Lục đó để hành, còn có thể thành Phật đạo, hưởng hồ những quả vị thấp hơn ư! Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: “Cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu trường thọ được trường thọ, cầu tam-muội được tam-muội. Như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn đắc Đại Niết Bàn”. Đại Niết Bàn là Phật Quả rất ráo. [Những điều ấy] đều là do tu trì theo đúng giáo pháp mà được, Lục ấy rất lớn, há có hạn lượng.

Ông Viên Liễu Phàm gặp Khổng tiên sinh bói các việc trước sau, việc nào cũng đều ứng nghiệm, bèn cho là nhất định phải có Mạng (số mạng). Về sau, ông ta được thiền sư Vân Cốc khai thị, tận lực tu trì. Những điều ông Khổng đã đoán, chẳng trúng một mảy. Ông Viên Liễu Phàm là bậc hiền giả, dù có nhầm lẫn làm điều gì chẳng đúng, lời đoán của họ Khổng cũng chẳng linh. Do đây, ta biết: Hiền thánh dạy đời chỉ trọng tu trì. Đức Như Lai dạy

người, cũng giống như thế. Vì thế, tất cả những pháp môn Đại, Tiểu, Quyền, Thật do Phật đã nói, không pháp nào chẳng khiến cho chúng sanh trừ khử Hoặc nghiệp huyễn vọng, triệt chứng Phật Tánh sẵn có. Vì thế, đời có kẻ ngu độn cùng cực, do tu trì lâu ngày liền đạt được đại trí huệ, đại biện tài.

Liệt Tử quy hết thảy mọi sự về Mạng (số mạng), gây trở ngại chí mong thành thánh, thành hiền của con người, cố vũ cái tâm gian ác, soán đoạt của người khác. Đối với kẻ bậc hạ, ắt phải chịu họa hại vô cùng; đối với người bậc thượng, cũng làm nhụt khí lực quyết chí, ưu thời mẫn thế, đến nỗi suốt đời chẳng dự vào bậc Thánh Hiền, cứ làm một người tầm thường, thấp kém. Thiên sách ấy (tức sách Liệt Tử của Liệt Ngự Khâu) hoàn toàn vô ích cho đời, há có giá trị gì đáng để nghiên cứu!

* Tôi thường nói: “Nhân dân trong thế

gian, trong mười phần, bị chết trực tiếp bởi sắc dục có đến bốn phần, chết gián tiếp vì sắc dục cũng đến bốn phần”. Do sắc dục mà hao tổn, phải chịu đựng các thứ cảm xúc khác mà chết. Đối với những cái chết ấy, không ai là chẳng đở thừa số mạng, chẳng biết: Do tham sắc mà chết, đều chẳng phải là số mạng!

Mạng vốn nằm trong tay những ai giữ lòng thanh tịnh, trinh khiết, chẳng tham dục sự. Kẻ tham sắc là tự giết hại mình, bảo là số mạng sao được? Còn những người do mạng mà sanh, mạng tận bèn chết, bất quá chỉ một hai phần thôi. Do vậy biết: Quá nửa thiên hạ là hạng uổng tử. Cái họa này rất dữ dội, có một không hai trong đời. Chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư?

Cũng có cách chẳng tốn một đồng, chẳng tốn tí ti sức lực gì, lại có thể trở thành bậc đức hạnh cao tốt, hưởng an lạc cực lớn, con cháu quý hiển, phước âm vô

cùng, đời sau được quyền thuộc trình lương, chỉ có giới dâm mà thôi! Đối với việc hành dâm chánh đáng giữa vợ chồng, trong phần trước tôi đã thuật qua về lẽ lợi hại, nay chẳng nhắc lại nữa. Còn đối với việc tà dâm, vô liêm, vô sỉ, cực uế, cực ác, chính là dùng cái thân người để làm chuyện súc sanh.

Vì thế, nếu gái đẹp đến cột nhà, đàn bà yêu kiều đến xin chung chạ, quân tử coi đó là mối họa ương không gì lớn bằng, bèn cự tuyệt, thì phước chiếu rạng ngời, hoàng thiên ban ân. Kẻ tiểu nhân coi đó là hạnh phúc không chi lớn bằng bèn thâm nạp, ắt đến nỗi bị tai tinh xung chiếu, quý thân tru lục. Quân tử do họa được phước, tiểu nhân do họa càng thêm họa. Vì thế, mới nói: “*Họa phước vô môn, duy nhân tự chiêu*” (họa phước không cửa, chỉ do người tự chuốc lấy). Nếu đối với cái ả nữ sắc, người đời chẳng thể triệt để thấy thấu suốt, thì [những sự như] đức hạnh tốt

cao, an lạc cực lớn, con cháu quý hiển, phước âm vô cùng, đời sau quyền thuộc trình lương sẽ bị mất hết trong giây phút hoan lạc mà thôi! Xót thay!

* Hai chữ Nhân Quả bao gồm trọn vẹn hết thảy các pháp thế gian, xuất thế gian chẳng sót chút gì. Thánh nhân thế gian không ai chẳng dạy nhân quả, nhưng do chuyên chú nơi đạo xử thế, muốn cho nó được kế tục, được lưu truyền, nên chỉ [giảng giải] hạn cuộc trong đời này và thế hệ trước, thế hệ sau, chẳng nói những chuyện trước lúc sanh ra, sau khi chết đi và những điều kể từ vô thủy trước đến tận đời vị lai sau.

Kẻ hậu học chẳng thể hiểu rõ ý của thánh hiền, bèn cho rằng người và vật có sự sống là do khí thiên địa ngẫu nhiên thấm vào hình hài mà thôi. Còn đến lúc chết, hình hài đã mục nát, hồn cũng phiêu tán, không nhân, không quả, trở thành

Đoạn Diệt Kiến. Đã cô phụ thánh giáo, lại còn mê muội tánh linh của mình đến cùng cực vậy! Khổng Tử khen ngợi sách Châu Dịch, ngay câu đầu tiên, Ngài đã nói: “*Nhà tích thiện, ắt sự vui có thừa; nhà tích bất thiện, ắt tai ương có thừa*”. Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, đã nói: “*Thuận theo đạo bèn là ngũ phúc, trái nghịch đạo bèn là lục cực*”.

Điều thứ hai là nếu chẳng dùng ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai để luận, thì những điều trời giáng xuống phần nhiều mâu thuẫn với những ngôn luận của thánh nhân hoặc chánh lệnh của bậc minh quân (chẳng hạn như gian đảng vinh hoa, trung thân bị tru lục; Nhan Uyên chết yếu, Đạo Chích trường thọ...) Nếu biết tiền nhân, hậu quả, [sẽ hiểu] những sự cùng quẫn, hanh thông, được, mất đều do tự mình chuốc lấy. Dù có gặp nghịch cảnh cũng chẳng oán, chẳng hận, chỉ thẹn đức mình kém cõi, chẳng thấy lỗi làm của trời,

người, vui biết mạng trời, không lúc nào là chẳng tự tại tiêu dao!

* Hết thấy những kẻ chẳng hiểu thấu tột cùng lý sâu và những kẻ vô tri, vô thức, nếu nghe nói đến lý tánh, phần nhiều đề cao thánh cảnh, nhưng vẫn tự làm phàm phu, chẳng chịu mạnh mẽ gắng sức tuân thủ, noi theo. Nếu bảo cho họ biết nhân quả ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, dù thiện hay ác đều có quả báo, ắt họ sẽ sợ ác quả mà đoạn ác nhân, tu thiện nhân hòng được thiện quả. Thiện, ác chẳng ngoài ba nghiệp thân, khẩu, ý. Đã biết nhân quả, sẽ tự phòng giữ thân, miệng, rửa lòng gột ý. Dù ở trong nhà tối, phòng kín, vẫn luôn như đang ở trước Thiên Đế, chẳng dám móng khởi chút tâm hèn kém nào, kéo vương phải tội vạ! Đây chính là đại pháp “*trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân*” để dạy khắp hết thấy chúng sanh thượng, trung, hạ căn của đức Đại Giác

Thế Tôn vậy. Tuy vậy, kẻ cuồng sợ bị câu thúc, bảo đó là chấp tướng; kẻ ngu nhằm tránh khỏi bị xấu mặt, bèn bảo đó là chuyện vu vơ. Trừ hai hạng người ấy ra, có ai lại chẳng tin nhận? Vì thế, ngài Mộng Đông nói: *“Người khéo luận về tâm tánh sẽ chẳng thể lìa bỏ nhân quả. Người tin sâu nhân quả, cuối cùng ắt sẽ thấy tâm tánh hết sức rõ rệt”*. Lý này tất nhiên là phải như thế. Cần nên biết: Từ địa vị phàm phu cho đến khi viên chứng Phật Quả, đều chẳng ra ngoài nhân quả. Kẻ nào chẳng tin nhân quả đều là hạng tự đánh mất thiện nhân, thiện quả, luôn tạo ác nhân, luôn chịu ác quả, trải kiếp số như bụi trần, luân chuyển trong ác đạo, chẳng thể do đâu mà xuất ly vậy. Buồn thay!

* Phật pháp lưu thông lợi ích vô lượng. Người căn tánh sâu sẽ lãnh hội sâu xa, liền có thể minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc, chứng Chân. Người căn cơ nông

cạn lãnh hội nông cạn, cũng có thể cải ác tu thiện, cầu thành Thánh, thành Hiền. Ấy là do đức Như Lai lập giáo, dù chánh yếu là vì xuất thế, nhưng Phật tùy thuận cơ nghi, khuyến dụ dần dần, nên đối với đạo xử thế, Ngài cũng giảng rõ trọn khắp, không bỏ sót mảy may điều thiện nào! Gặp cha nói về từ, gặp con nói về hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng vợ theo, phạm hết thấy những đạo luân thường hằng ngày đều được đức Phật dạy trọn chẳng khác gì với những điều Nho Giáo đã nói.

Chỗ khác biệt là: Đối với mỗi điều ấy, Phật đều chỉ rõ nhân quả ba đời, thiện ác báo ứng, khiến cho người nghe đem lòng kính sợ, chẳng dám vượt phạm. Dù ở trong nhà tối, phòng kín, thường như đang đối trước Phật, trời. Ngay cả hạng tham tàn bạo ác, trọn chẳng có tín tâm, nghe mãi chuyện nhân quả báo ứng, tâm cũng thầm bị chế phục, cũng chẳng đến nỗi

mười phần khốc liệt. Cứ xem thời Liệt Quốc, có tục giết người tuấn táng⁵⁶, giết càng nhiều càng vinh hiển; đến khi Phật giáo truyền sang phương Đông mới chấm dứt được thói tục ấy. Điều ấy đủ để chứng minh vậy.

* Đời này đã cách thời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương cả ba bốn ngàn năm, tình đời, lòng người so với thời cổ khác xa lắm. Nhưng do biết lục đạo luân hồi theo nghiệp thăng trầm, sanh lên trời, đọa xuống địa ngục, người biến ra thú, thú sanh làm người, nên dù là hạng cùng hung cực ác ương ngạnh khó giáo hóa, trọn không có tín tâm cũng bị pháp này (nhân quả) chiết phục. Dù coi rẻ mạng người, trong tâm vẫn tiềm ẩn một chút bóng dáng sợ hãi nhân quả, nên

⁵⁶ Liệt Quốc là thời gian kể từ khi Châu U Vương (Cơ Cung Niết) lên ngôi năm 781 trước Công Nguyên cho đến khi Tần Thủy Hoàng Đế (Doanh Chính) gồm sáu lục quốc, thống nhất Trung Nguyên vào năm 221 trước CN. Thời này, các chư hầu đánh lẫn nhau, tranh nhau xưng bá nên còn gọi là thời Xuân Thu Chiến Quốc (từ năm 781 trước CN đến năm 476 trước CN là thời Xuân Thu, từ năm 475 đời Châu Nguyên Vương trở đi, chỉ còn sáu nước lớn (Tần, Triệu, Hàn, Yên, Tề, Sở, Ngụy) tranh giành lẫn nhau nên gọi là thời Chiến Quốc). “Tuấn táng” là hình thức chôn sống hay giết rồi chôn những người tùy tùng, ái thiếp, bày tội thân cận trong lăng mộ của các bậc đế vương, công hầu.

chưa đến nỗi mười phần bạo ác. Như các chư hầu thời Liệt Quốc đem bày tội, ái thiếp và bá tánh bắt giết tuần táng theo cả mấy chục, mấy trăm người, chẳng coi đó là sai; trái lại, còn cho là vẻ vang nữa. Chẳng phải là do pháp nhân quả mà thời này hiền hơn đời trước ư? Châu Văn Vương ân trạch thậm đến cả xương khô, thế mà chỉ mấy trăm năm, phong tục giết người tuần táng đã lan khắp thiên hạ. Dù Lão, Trang, Khổng, Mạnh cùng ra đời, đều chẳng thể vãn hồi phong tục suy đồi ấy.

Từ sau khi Phật pháp truyền sang phương Đông, lý sanh tử, luân hồi, nhân quả báo ứng sáng rực trong cõi đời. Chẳng kể chư hầu, ngay cả kẻ hướng mặt về Nam xưng “trẫm”⁵⁷ cũng chẳng dám làm. Dù có kẻ dám làm, cũng chẳng dám coi giết nhiều người là vinh. Nếu không có pháp này, chỉ có cái thuyết “chánh tâm,

⁵⁷ Chỉ hoàng đế. Vua ngồi trên ngai, quay mặt về hướng Nam, tự xưng là Trẫm. Thời cổ, Trẫm (朕) là tiếng thông dụng để tự xưng. Sau này, Tần Thủy Hoàng cấm ngặt người khác tự xưng là Trẫm. Các đời vua sau này, cũng bắt chước xưng là Trẫm.

thành ý” đề đề cao lòng trung hậu, khoan dung, hòng đóc lòng đùm bọc nhau để dứt trừ tục tuần táng trong toàn dân, tôi e rằng càng nhọc nhằn khuyên lơn, thói tệ ấy càng thêm thịnh hành!

Huống nữa, Nho gia chỉ biết trị đạo (đạo bình trị), chẳng hiểu rõ tự tâm, muốn bài xích Phật pháp, cưỡng lập môn đình, đều nói là “chết rồi là vĩnh viễn diệt, không còn có đời sau nữa”. Nếu không có lẽ sanh tử, luân hồi, nhân quả báo ứng của đức Như Lai thấm nhuần khắp tâm con người thì những người đời sau được chánh mạng, chết tốt lành càng hiếm hoi hơn nữa! Đây chỉ là pháp thiên cận nhất trong Phật pháp, mà còn có thể trừ khử thói tàn sát, huống hồ là đại pháp viên đốn chí cực sâu xa. Thế trí phàm tình há có thể suy lường một phần trong vạn phần lợi ích của Phật pháp ư?

* Phật pháp rộng lớn, không gì chẳng

bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào lại chẳng nêu lên. Không chỉ như vậy, nương theo đó sẽ còn có thể đoạn Hoặc chứng Chân, liễu sanh thoát tử. Đây chính là đạo “*cách vật trí tri, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, minh Minh Đức, chỉ u chí thiện*”. Nếu thấu hiểu Phật pháp thì sự chỉ một nửa, nhưng công gấp bội. Bởi lẽ, những điều thánh nhân thế gian đã nói chỉ nhằm dạy con người tận hết bốn phạm; chỉ bậc thượng trí mới có thể tuân hành triệt để. Nếu là hạng căn tánh trung, hạ, sẽ chênh mảng, coi thường. Phật pháp dạy rõ các sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi, và hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật... ngõ hầu bậc thượng trí ắt sẽ chứng Phật tánh sẵn có; kẻ hạ ngu cũng chẳng dám phóng túng, càn rỡ vì sợ nhận lãnh nỗi khổ trong đời vị lai; tất nhiên sẽ cải ác hướng thiện, mong thành thánh, thành hiền. Dù ở trong nhà tối, phòng kín, vẫn thường như đang đối

trước Phật, trời.

Đức Như Lai dùng Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện để nhiếp khắp các chúng nam nữ tại gia. Có thể tu Ngũ Giới, Thập Thiện, sẽ thắng được thói tàn sát, bỏ thói kiêu bạc, khôi phục thuần hòa, vĩnh viễn thoát khỏi ác báo tam đồ, thường hưởng sự khoái lạc trong cõi nhân thiên. Pháp nông cạn nhất mà còn như thế, huống hồ là pháp sâu nhất. Vì thế biết rằng: Như Lai là đại sư ba cõi, là cha lành của bốn loài, là thánh nhân của các thánh, là trời của các trời. Bởi thế, vua thánh, tôi hiền, những bậc thông đạt, không ai chẳng tuân lời Phật dạy mà tu tập, hộ trì, lưu thông. Trong hết thảy các pháp lấy tâm làm gốc, chỉ có Phật pháp là giảng rõ rệt đến chỗ rốt ráo!

6.2. Giảng về chuyện nhân quả

* Kinh dạy: “*Bồ Tát sợ nhân, chúng*

sanh sợ quả”. Bồ Tát sợ gặp phải ác quả, nên đã đoạn sẵn ác nhân từ trước. Do vậy, tội chướng tiêu diệt, công đức viên mãn mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Chúng sanh thường tạo ác nhân, muốn tránh khỏi ác quả, giống như ở trước mặt trời lại muốn không có bóng, cứ nhọc nhằn rảo chạy. Thường thấy kẻ ngu vô tri vừa làm một tí điều lành, liền mong đại phước. Vừa gặp phải nghịch cảnh, bèn bảo “làm lành mắc họa, chẳng có nhân quả!” Từ đó, cái tâm ban đầu lùi sụt, ngược ngạo báng bỏ Phật pháp. Họ chẳng biết đến ý chỉ huyền áo “*quả báo thông ba đời, chuyển biến do tâm*”.

Trong đời hiện tại làm thiện hay làm ác; ngay trong đời này được phước, mắc họa thì gọi là “hiện báo”. Đời này làm thiện, làm ác, đời sau được phước, mắc họa, gọi là “sanh báo”. Đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc đời thứ tư, hoặc mười, trăm, vạn đời sau, hoặc đến vô

lượng vô biên kiếp sau mới hưởng phước, mắc họa, thì gọi là “hậu báo”. Hậu báo sớm, chậm bất định. Phạm những nghiệp đã tạo, tuyệt đối không có nghiệp nào lại chẳng có báo.

“*Chuyển biến do tâm*” là ví như có người đã tạo ác nghiệp, sẽ phải đọa mãi trong địa ngục, chịu khổ cả bao kiếp dài lâu. Về sau, kẻ ấy sanh lòng hổ thẹn lớn lao, phát đại Bồ Đề tâm, cải ác tu thiện, tụng kinh, niệm Phật, tự hành, dạy người khác hành, cầu sanh Tây Phương. Do đó, trong đời này, người ấy bị người khinh miệt hoặc mắc chút bệnh khổ, hoặc phải tạm chịu bần cùng, và gặp hết thảy chuyện chẳng như ý. Nghiệp vĩnh viễn đọa địa ngục chịu khổ bao kiếp dài lâu do chính mình đã tạo trước đây liền bị tiêu diệt, lại còn có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Đây là như Kim Cang đã nói: “*Nếu có người thọ trì kinh này, bị người khác khinh rẻ, [là vì] người ấy do tội*

nghiệp đời trước đáng đọa ác đạo, nhưng vì đời này bị người đời khinh rẻ, nên tội nghiệp đời trước liền bị tiêu diệt, sẽ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Đây chính là ý nghĩa “chuyển biến do tâm”.

* Người đời gặp một chút tai ương nếu chẳng oán trời, cũng sẽ trách người, tuyệt chẳng có ý tưởng trả nợ, sanh tâm sám hối tội lỗi. Cần biết: Trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, trồng cỏ dại chẳng thể được thóc tốt, gieo gai góc chớ mong lúa nếp!

Kẻ làm ác được phước [thì phước đó] là do đời trước đã vun trồng sâu dày. Nếu chẳng làm ác thì phước càng thêm lớn. Ví như con em nhà giàu, ăn xài phung phí, xem vàng như đất, chẳng bị đói lạnh ngay lập tức là do vàng nhiều. Nhưng nếu ngày ngày cứ như thế, dù giàu đến trăm vạn, chẳng được mấy năm cũng nhà tan, người chết, mất sạch sành sanh!

Làm lành mắc họa là do tội nghiệp đời trước sâu nặng. Nếu chẳng làm lành thì tai ương càng lớn. Ví như người phạm trọng tội, chưa bị hành hình, lập được công nhỏ; do công nhỏ, nên chẳng thể xá tội hoàn toàn, nhưng đã đổi nặng thành nhẹ. Nếu có thể ngày ngày lập công, do công càng nhiều, càng lớn, nên hết tội, được xá miễn; lại được phong hầu, bái tướng, tước vị thế tập dài lâu cùng vận nước.

* Cần biết: Điều trái nghịch xảy đến, cứ thuận theo, mới gọi là “*lạc thiên*” (vui theo mệnh trời). Tu thân, gieo đức mới gọi là “*tận tánh*”. Đời có kẻ ngu chẳng biết thiện ác đời trước, chỉ thấy việc tốt xấu trước mắt, thấy làm thiện mắc họa bèn bảo “thiện chẳng đáng làm”; thấy làm ác được phước bèn bảo “ác chẳng đáng kiêng”. Chẳng biết thiện báo và ác báo chẳng phải là chuyện một sớm, một chiều, phải xảy ra dần dần. Ví như ba thước băng, há có phải

là trời lạnh một buổi đã kết thành! Trăm sông đầy ắp nước, há có phải do trời nóng một ngày mà băng tan! Chớ nên oán trời, trách người, cũng đừng do dự, hối hận, lui sụt; hãy nên học theo cách tu thân của ông Du Tịnh Ý và cách lập mạng của ông Viên Liễu Phàm!

* Như Lai giảng kinh, báo thông tam thế. Phàm người sanh con, đại lược có bốn nhân:

Thứ nhất là hiện báo, nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, đời này hưởng phước, mắc họa. Như sĩ tử rèn luyện văn chương khoa cử, thân đời này đạt được công danh. Mắt phàm thấy được điều này.

Thứ hai là sanh báo, nghĩa là đời này làm thiện, làm ác, đời sau hưởng phước, mắc tội. Như tổ phụ có trọng học vấn thì con cháu mới hiển đạt. Điều này mắt phàm chẳng thấy được, nhưng thiên nhãn còn thấy được (đời này, đời sau đều là ước

theo người đó mà nói. Đối với việc cách đời, dùng thí dụ để giảng cho dễ hiểu, nên tạm dùng tổ phụ và con cháu. Đừng chấp vào lời văn mà đánh mất ý nghĩa. Mong lắm thay!)

Thứ ba là hậu báo, tức là đời này làm thiện, làm ác, đến đời thứ ba, hoặc bốn, năm, sáu, bảy đời, hoặc mười, trăm, ngàn, vạn đời, hoặc một, mười, trăm, ngàn, vạn kiếp, hoặc là đến vô lượng vô biên Hằng hà sa kiếp mới nhận lãnh quả báo thiện hay ác. Như vương nghiệp nhà Thương, nhà Châu xưa kia, thật sự bắt nguồn từ việc ông Tắc giúp vua Thuần, ông Khiết phò vua Vũ⁵⁸.

⁵⁸Tắc và Khiết là hai vị quan quản trị nông nghiệp thời Đường Nghiêu, riêng ông Khiết còn giúp vua Vũ trị thủy. Tắc, còn gọi là Hậu Tắc, có tên là Khí, vốn là con của vua Đế Khốc và bà Khương Nguyên. Do bà Khương Nguyên thấy vết chân to ngoài đồng, dẫm lên bèn có thai, sanh ra Tắc, cho là điềm bất tường nên vứt đi (vì thế gọi là Khí), nhưng trâu bò, chim chóc, muông thú đều che chở, nên cha mẹ coi là thần dị, đem về nuôi nấng. Ông Tắc có tài trồng trọt, cày cấy, nên về sau được tôn là một vị thần của nghề nông (tức thần Hậu Tắc). Khi vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuần, ông Hậu Tắc được vua ban cho họ Cơ, trở thành tổ tiên của nhà Châu sau này. Châu Thái Vương (Cơ Đan Phủ, ông nội của Châu Văn Vương) chính là cháu đời thứ mười ba của Cơ Hậu Tắc. Khiết (còn gọi là Tiết) là em trai cùng cha khác mẹ của ông Tắc (Khiết là con của Đế Khốc và Giản Địch thuộc thị tộc Hữu Nhung). Mẹ ông ta thấy chim Huyền Vũ làm rớt trứng, bèn nhặt ăn, hoài thai sanh ra ông. Ông Khiết có tài xem thiên văn, thông minh, hiếu họ, nhân từ, hữu lễ. Theo Sử Ký, Đế Khốc có bốn người con là Xiết, Khí (Hậu Tắc), Khiết và Nghiêu. Sau khi Đế Khốc mất, Xiết nối ngôi, nhưng không chăm lo triều chánh, nên quần thần phế Xiết, tôn Nghiêu lên làm vua. Vua Nghiêu phong ông Tắc làm quan Đại Tư Nông chăm lo phát triển nông nghiệp. Do công phò tá Nghiêu Thuần, nên ông được ban họ là Từ và thưởng cho đất Thương (nay là huyện Thương Khâu, tỉnh Hà Nam). Khi vua Thuần sai Hạ Vũ trị thủy, Từ Khiết xin theo giúp. Trị thủy thành công, ông được phong làm chư hầu. Thương Thang (tên là Thang, còn gọi là Thiên Ất, hoặc Đại Ất, vua sáng lập vương triều Thương) chính là hậu duệ của Từ Tiết.

Nếu là chuyện trong ba bốn đời, thiên nhãn còn thấy được. Nếu như trong trăm ngàn vạn kiếp, thiên nhãn chẳng thể thấy, nhưng đạo nhãn của Thanh Văn còn thấy được. Nếu là vô lượng vô biên Hằng hà sa kiếp, chỉ có ngũ nhãn viên minh của đức Như Lai mới có thể thấy. Đây còn chưa phải là cảnh giới thuộc đạo nhãn của Thanh Văn, huống hồ là thiên nhãn, nhục nhãn ư!

Hiểu ý nghĩa của ba thứ báo này thì chuyện làm thiện được phước, làm ác tai họa giáng xuống, thánh ngôn vốn chẳng sai lầm. Phú quý, bản tiện, thọ, yếu, cùng quẫn, hanh thông, mạng trời chưa từng thiên vị. Cảnh duyên xảy đến như hình ảnh hiện trong gương. Kẻ trí chỉ quan tâm đến vẻ mặt ở ngoài gương, người ngu ủng công ghét hình ảnh hiện trong gương. Chuyện trái nghịch xảy đến, vui chịu thì mới gọi là “*lạc thiên*”. Chẳng oán, chẳng trách mới gọi là “*lập mạng*”.

Con có bốn nhân là: Một là báo ân, hai là báo oán, ba là trả nợ, bốn là đòi nợ.

- Báo ân nghĩa là trong đời trước cha mẹ có ân với con. Vì để báo ân, nên nó sanh vào làm con để hầu hạ, phụng dưỡng, sống phụng sự, chết chôn cất. Cho nên [cha mẹ còn] sống, con ắt chăm sóc, chết thì cúng giỗ. Thậm chí tận tụy với vua, lợi dân, tên lưu sử xanh, khiến cho thiên hạ hậu thế kính người ấy bèn kính luôn cả cha mẹ, như các ông Tăng Lỗ Công, Trần Trung Túc, Vương Quy Linh, Sử Đại Thành (Ba ông Tăng, Trần, Vương đều là bậc danh thần đời Tống. Ông Sử là trạng nguyên đầu đời Thanh. Bốn ông cùng tin Phật, nhưng chỉ riêng Trung Túc ngộ nhập rất sâu. Do ông Trung Túc đời trước là cao tăng, nên tuy hưởng phú quý vẫn không quên mất bốn nhân). Con hiếu, cháu hiền trong đời này đều thuộc về loại này.

- Báo oán là đời trước cha mẹ từng

phụ ân con, nên sanh vào làm con để báo oán. Lúc nhỏ ngộ nghịch khiến cho cha mẹ buồn lòng, lớn lên gây họa khiến cha mẹ mắc vạ lây. Lúc sống, ngọt bùi chẳng đoái, chết đi phải mang nhục dưới chín suối. Lại còn những trường hợp quá đáng, con có quyền vị trọng yếu, mưu mô chuyện phi pháp, diệt môn, sát tộc, quật mồ, cuộc mả, khiến cho thiên hạ hậu thế thóa mạ kẻ ấy, chửi lây cả cha mẹ. Như Vương Mãng, Tào Tháo, Đông Trác, Tần Cối v.v... chính là loại này.

- Đền nợ là đời trước mắc nợ cha mẹ tiền tài. Nay để đền trả bèn sanh làm con. Nếu nợ nhiều, sẽ làm con suốt đời. Nếu nợ ít, chẳng thể tránh khỏi giữa chừng chết trước cha mẹ, như học sắp thành tài bèn mất mạng, buôn bán vừa có lời bèn chôn thân.

- Đòi nợ là đời trước cha mẹ nợ tiền tài của con, nó bèn sanh vào làm con để đòi nợ. Nợ nhỏ sẽ uổng công biểu xén mời

thầy [dạy học], dạm vàng hỏi vợ, dạy răn các thứ, những mong con được thành người, nhưng đại hạn chợt xảy đến, bỗng chết mất. Nợ lớn thì chẳng chỉ có vậy, ắt còn phải mất nghiệp phá sản, nhà bại, người mất mới thôi!

* Chuyện trong thiên hạ đều có nhân duyên. Sự được thành hay chẳng đều do nhân duyên xui khiến. Dù có người làm cho việc thành hay hoại, nhưng quyền lực thật sự là do nhân trước của ta, chứ chẳng do duyên hiện tại. Hiểu điều này, sẽ vui biết mạng trời, chẳng oán, chẳng trách, làm đúng theo địa vị, chẳng chứng nhập mà tự đạt được vậy.

* Đối với chuyện vun bồi đức, hãy nên thường xem các sách [Thái Thượng] Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn. Đối với điều thiện sẽ tùy phận, tùy lực mà hành. Đối với điều ác bèn bỏ đi như oán, như thù.

Ông Viên Liễu Phàm hành pháp Công Quá Cách, nghiêm túc suy xét, lãnh hội, chẳng có mảy may buông lung. Vì thế, mạng vốn chẳng thọ bèn được thọ, không có đại công danh mà được đại công danh, không con bèn có con.

* Phàm những người hiển đạt nhờ khoa cử, tổ phụ của họ đều có đại âm đức. Nếu không có âm đức, cậy vào sức người để hiển đạt, sau này ắt gặp đại họa; chẳng thà không hiển đạt còn hơn. Xem khắp cuộc đời của các bậc đại thánh, đại hiền xưa nay, đều là do tổ phụ họ tích đức mà nên. Đại phú, đại quý cũng thế. Con cháu họ sanh ra trong phú quý, chỉ biết hưởng phước, tạo nghiệp, quên mất công sức tổ phụ một phen vun bồi. Do đấy, chôn vùi tổ đức, phá sạch tổ nghiệp, cam chịu bần tiện. Đấy chính là bệnh chung của kẻ phú quý trong cả cõi đời.

Đời đời giữ cho đức tổ tiên vĩnh cửu

chẳng bị chìm lấp chỉ có mỗi nhà họ Phạm ở Tô Châu là bậc nhất từ xưa đến nay. Từ Văn Chánh Công (Phạm Trọng Yên) đời Tống trở đi, đến mãi cuối đời Thanh, hơn tám trăm năm, gia phong chẳng suy sụp, con cháu nối tiếp nhau đỗ đạt, đáng gọi là nhà thư hương đời đời. Nhà họ Bành ở Trường Châu từ đầu đời Thanh đến nay, khoa bảng đứng đầu thiên hạ. Nhà ấy có bốn năm người đỗ trạng nguyên, có lúc cả mấy anh em cùng làm quan cực phẩm. Nhưng họ đời đời sùng phụng Phật pháp, dù là trạng nguyên, tể tướng vẫn hằng ngày đọc Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn để noi gương thành ý, chánh tâm, tận tụy thờ vua, giúp dân. Gã học trò nông cuồng kia bảo những sách ấy dành cho hạng ông già, bà cả quê mùa tin theo, không chỉ chẳng biết vì sao thánh hiền là thánh hiền, mà còn chẳng biết vì sao con người là người nữa kia! Sống làm thầy đi, thọt chạy, chết mục nát cùng cỏ cây. Lại

còn ác nghiệp khó tiêu, vĩnh viễn trầm luân trong ác đạo. Gã ấy cứ vênh vào tự coi mình là hạng học rộng thông suốt, đến nỗi đời sau, những danh từ “thiên, địa, phụ mẫu” còn chẳng được nghe đến, kể sao cho xiết?

* Đừng có nói nhà mình nghèo hèn, chẳng thể rộng chứa âm đức, chẳng thể hành phương tiện lớn. Phải biết rằng ba nghiệp thân, khẩu, ý đều ác thì không có gì ác bằng, còn nếu ba nghiệp thân, khẩu, ý đều thiện thì không có chi thiện bằng! Còn nếu có kẻ ngu chẳng tin nhân quả, chẳng tin tội phước báo ứng, cứ ngông nghênh, ngạo ngược, hãy dựa theo những điều đã nói trong An Sĩ Toàn Thư để giảng cho kẻ ấy, khiến cho hắn bắt đầu dần dần tin tưởng nhân quả, kẻ đó là tin sâu Phật pháp, cuối cùng là vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. [Độ] một người như thế, công đức vô lượng vô biên,

huống hồ là nhiều người. Nhưng chính mình phải nghiêm túc, không có tỳ vết thì mới có thể cảm ứng những người cùng một căn tánh. Vợ con ta tin nhận, vâng làm, người khác trông thấy mới ham thích, há có phải là nhiều tiền lắm của [thì mới tích chứa âm đức được]!

* Người sanh trong thế gian có được cái vốn để thành đức, thành tài, dựng công lập nghiệp, và có được một tài, một nghề để nuôi thân cùng gia đình, đều là do sức chủ trì của văn tự mà được thành tựu. Chữ nghĩa là của cải quý báu nhất trong thế gian, có thể khiến cho kẻ phàm thành thánh, biến kẻ ngu thành trí, kẻ nghèo hèn thành phú quý, kẻ tật bệnh trở thành khỏe mạnh. Đạo mạch thánh hiền được lưu truyền thiên cổ; kinh doanh nuôi sống mình và gia đình, để của cải lại cho con cháu, không chuyện gì chẳng nhờ vào sức lực của chữ nghĩa. Nếu trên đời không có chữ nghĩa, hết thảy Sự Lý sẽ đều chẳng

thể thành lập, con người cũng chẳng khác gì cầm thú!

Chữ nghĩa đã có công sức như thế, tất nhiên phải nên trân trọng, yêu tiếc. Trộm thấy người đời nay mặc tình khinh thường, làm như chữ nghĩa, đúng là xem của cải chí bảo chẳng khác phân, đất! Đời này chẳng bị giảm phước, tổn thọ; đời sau cũng bị vô tri, vô thức đẩy thoi! Không chỉ đừng nên xem thường, làm ô uế, vứt bỏ những văn tự hữu hình; mà đối với những văn tự vô hình cũng chẳng được khinh thường, làm ô uế, vứt bỏ! Nếu chẳng ra sức thực hành “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ” tức là đã mất cả tám chữ. Tám chữ ấy đã mất thì sống là loài cầm thú mặc áo, đội mũ; chết sẽ đọa trong tam đồ, ác đạo!

6.3. Giải thích về nguyên do của kiếp vận

* Sự khổ trong Sa Bà chẳng thể nói

hết nổi. Dù trong thời thanh bình, hằng ngày vẫn gặp cảnh khổ não. Vì chúng sanh quá quen với những cảnh khổ ấy đã lâu, nên chẳng biết đó thôi! Gần đây, Trung Quốc trải mấy phen binh lửa, đã là khổ chẳng thể nói nổi! Ngoài thế giới, các nước đại chiến đã ba năm, người chết gần cả ngàn vạn, khai mào nạn binh kiếp bậc nhất. Tình hình chiến tranh vẫn còn mạnh mẽ, chẳng biết mức độ khốc liệt sẽ đến đâu, lặng im suy nghĩ, thật đáng kinh sợ vậy. Nguyên nhân là do nước nọ tận lực muốn chiếm đoạt, tàn diệt nước kia, nhưng cũng là do ác nghiệp xưa kia của chúng sanh chiêu cảm ác báo, nên mới đến nỗi cực kỳ tàn khốc như thế. Nay nghe lời này, phải nên mạnh mẽ phát khởi đại tâm cầu mau được vãng sanh. Sau đây, sẽ trở vào Sa Bà phổ độ hết thảy.

Kinh dạy: “*Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả*”. Bồ Tát sợ chiêu lấy ác quả, nên đoạn ác nhân. Ác nhân đoạn rồi, ác

quả chẳng sanh từ đâu được nữa! Chúng sanh đua nhau tạo nhân ác, ắt phải lãnh quả ác. Đến lúc lãnh quả ác, chẳng biết tự sám hối nghiệp trước, lại còn tạo thêm ác pháp để chống chọi lại. Do đó, oan oan tương báo trải bao kiếp không ngừng. Chẳng đáng buồn sao? Chẳng đáng sợ sao? Đã biết như vậy rồi, lẽ đâu chẳng cầu sanh Tây Phương!

* Cõi đời đang lúc Kiếp Trước, cướp bóc, giết hại lẫn nhau. Chẳng có lá bùa hộ thân, sẽ khó thể tránh khỏi họa hại được mãi! Lá bùa hộ thân vừa nói đó cũng chỉ là chí thành lễ niệm A Di Đà Phật mà thôi! Quán Âm Đại Sĩ thế nguyện rộng sâu, nghe tiếng cứu khổ, có cảm ứng. Ngoài việc sáng chiều lễ Phật ra, hãy nên lễ niệm thêm Đại Sĩ hòng ngầm được gia hộ, tự có thể chuyển họa thành phúc, biến tai nạn thành điều tốt lành mà chính mình chẳng biết.

* Thiên hạ loạn lạc, kẻ thất phu phải có trách nhiệm. Người người ai nấy dốc tâm lòng thành, ai nấy tận lực hiếu đễ, ai nấy làm điều từ thiện, giúp đỡ kẻ cô quả, cứu kẻ hoạn nạn, thương xót kẻ nghèo, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật. Người có thiện cảm, trời ắt ứng phước, tự nhiên mưa thuận, gió hòa, dân yên, vật mạnh, quyết chẳng đến nỗi trời thường giáng các tai nạn lụt, hạn, ôn dịch, châu chấu, gió lốc, động đất... Thời tiết điều hòa, được mùa, nhân dân an cư lạc nghiệp.

Lại thêm từ hòa, nhân nhượng tập quen thành thói. Dù có một hai kẻ ngu độn, cũng sẽ biến thành hiền lành. Nếu thương xót kẻ quân tử trên xà nhà⁵⁹, hẳn sẽ dứt tuyệt vĩnh viễn thói trộm cắp; chu cấp cho đứa trộm rình rập nhà kín, từ đây về sau nó sẽ trở thành người lành. Cỗ

⁵⁹ Nguyên văn là “lương thượng chi quân tử” (kẻ quân tử ở trên xà nhà) là thành ngữ chỉ kẻ trộm.
VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

nhân dùng nhân từ để cai trị, chân thành yêu dân, nên còn có thể cảm hóa cả dị loại. Các điếm lành như hổ chẳng vào nơi trần nhậm, cá sấu bỏ đi nơi khác... được chép trong sử sách, há phải chỉ có một chuyện! Nếu ai nấy thật sự có thể dùng lòng từ thiện để cảm động lẫn nhau, quyết chẳng đến nỗi thường có các tai họa thô phỉ, đao binh, giầy xéo, cướp bóc!

* Hãy nên biết rằng: Phật pháp lấy nhân quả báo ứng làm đạo trọng yếu kể từ khởi đầu cho đến lúc kết thúc, ngõ hầu hạ học thượng đạt. Nay kẻ trên không giữ đạo, kẻ dưới chẳng tuân phép tắc, tàn hại lẫn nhau, lấy giết chóc làm vui, chỉ mong thỏa thích ý mình, chẳng đoái hoài quốc gia diệt vong, dân tình thống khổ. Đấy đều là do chẳng biết nhân quả báo ứng mà nên nỗi. Tôi thường nói: “Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng

sanh”. Trong lúc này, chẳng đề xướng sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử, luân hồi, mà muốn thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, dù Phật, Tổ, thánh hiền cùng ra đời cũng chẳng biết làm sao được!

* Thế đạo suy sụp, lòng người bạc bẽo là do Nho Gia chẳng biết đạo ở chỗ cung kính thực hành, một mực đuổi theo cái ngọn. Phàm đối với những nghĩa lý như khắc kỷ, giữ lễ, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, họ chẳng cần biết đến, cứ lo thuộc lòng từ chương hòng làm cái vốn để tán thủ trong cõi đời, khiến cho cái đạo “*tham tán hóa dục*” (tham dự và góp phần điều tiết sự vận hành trong tự nhiên) của thánh nhân trở thành một ngón nghề để thâm đoạt danh lợi. Đây thật là báng nhục thánh hiền, trái nghịch thiên địa đến cùng cực! Do vậy, người đọc sách tâm chẳng hiểu nghĩa sách, thân chẳng hành theo đạo lý dạy trong sách. Người làm văn

cứ phô diễn đạo lý hiểu đẽ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ chẳng sót mảy may, nhưng xét đến ý nghĩ, việc làm [của họ], tuyệt chẳng có chút mảy may nào liên quan đến những điều ấy cả. Khác nào con hát diễn tuồng, khỏ, sừng, vui, buồn, diễn giống hệt như thật, chứ thật sự ra những tâm trạng ấy chẳng có mảy may liên quan gì đến chính mình! Thói tậ ấy đã nẩy sanh, dần dà đến mức biến đổi tận gốc. Do vậy, người có thiên tư quen thói cuồng vọng, then phải theo vết Nghiêu, Thuấn, Châu, Khổng, bèn muốn vượt trội hơn, rớt cuộc phê bỏ kinh điển thánh hiền, tôn sùng Âu hóa, một người đề xướng, trăm kẻ hòa theo, đến nỗi những kẻ tiểu nhân hèn kém tầm thường do muốn thỏa ý niệm mặc sức phóng túng không kiêng kỵ của mình bèn vội vã đề xướng lật đổ cương thường đạo lý gây trở ngại cho họ, muốn gấp rút thực hành chủ trương tậ hại gây hại lớn lao cho quần chúng, khiến cho dân không có cách

gì an ổn, đến nỗi thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống. Vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Ví như đi đêm bỏ đuốc, vượt biển bỏ thuyền, lại mong chẳng bị té ngã, chìm đắm, há có được chẳng?

* Gần đây thế đạo nhân tâm suy sụp, chìm đắm đến cùng cực. Thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống. Người biết lo cho đời, biết các nghiệp quả ấy đều do sát hại khởi lên. Nếu đã biết vật còn chẳng nên giết, quyết chẳng có lẽ nào giết người! Do vậy, ai nấy ôm lòng từ thiện, nâng đỡ lẫn nhau, sẽ tự có thể thay đổi phong tục, chiêu cảm thiên hòa vậy.

* Cần nên biết: Phóng sanh chính là để ngăn ngừa giết chóc. Muốn tránh giết chóc thì phải bắt đầu bằng ăn chay. Nếu như ai nấy đều kiêng giết, ai nấy đều ăn chay thì nhà nhà tu tập từ thiện, người

người tuân hành đề cao lễ nghĩa, phong tục thuần mỹ, thời tiết điều hòa, mùa màng sung túc, có đâu đến nỗi kiếp đao binh khởi, kẻ này người kia tàn hại lẫn nhau! Đây chính là nhiệm vụ căn bản trọng yếu, gốc chánh, nguồn trong để vãn hồi thiên tai, nhân họa. Phàm những ai muốn cửa nhà yên vui, thân tâm khỏe mạnh, an ổn, thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, xin hãy đều mong cầu những điều ấy bằng cách phóng sanh, kiêng giết, ăn chay, niệm Phật thì cầu gì lại chẳng được!

* Gần đây, thiên tai nhân họa liên tiếp xảy ra quá đỗi, số người tử vong càng nhiều thê thảm. Há có phải là đạo trời bất nhân? Thật ra là do ác nghiệp trong bao kiếp và trong đời này chiêu cảm đó thôi. Tuyệt đối chẳng có chuyện không có nhân lại được quả, cũng tuyệt đối chẳng có chuyện tạo thiện nghiệp lại bị quả ác! Chỉ vì tri kiến phàm phu chẳng thể biết rõ nhân

duyên đời trước, nên tựa hồ có trường hợp
lẽ ra chẳng đáng được nhưng lại được.
Nếu có thể xem trọn nhiều kiếp, nhiều
đời, sẽ thấy mỗi một quả báo thiện hay ác
ta phải nhận lãnh đều như tiếng vọng đi
theo âm thanh, như bóng theo hình, trọn
chẳng sai khác!

* Nay thế đạo nhân tâm suy sụp,
khuyết hãm đã đến cực điểm. Nếu chẳng
dùng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi
và “hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh,
đều có thể thành Phật” để dạy dỗ, quyết
khó lòng đạt được hiệu quả! Do một niệm
tâm tánh của chúng ta bất biến tùy duyên,
tùy duyên bất biến, hễ gặp tịnh duyên bèn
chứng Tam Thừa và Phật pháp giới; gặp
duyên mê nhiễm sẽ thành nhân thiên và tứ
ác thú pháp giới⁶⁰. Dù mười pháp giới
thăng trầm, khổ vui khác xa như trời với
đất, nhưng tâm tánh vốn sẵn có tại phàm

⁶⁰ Tứ ác thú pháp giới là địa ngục, súc sanh, nga quý và A Tu La.
VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

chẳng giảm, tại tánh chẳng tăng.

Nếu hiểu kỹ nghĩa này, dù có táng thân mất mạng, quyết chẳng chịu bỏ đi tịnh duyên đã ngộ để theo đuổi nhiệm duyên, đến nỗi luân hồi mãi mãi, chẳng thể thoát nổi! Vì thế, biết rằng các pháp như nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi v.v... chính là đại đạo để trị cả gốc lẫn ngọn, phạm lỗi thánh đều cùng tuân theo, là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gia và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Trong lúc này, nếu bỏ đi pháp này, dù Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Vũ Vương, Châu, Khổng cùng ra đời, cũng chẳng làm gì được!

* Ba cõi chẳng yên hết như nhà lửa, các khổ đầy đầy, thật đáng kinh sợ! Chúng sanh ngu si thường trụ trong ấy, dầu chịu khổ đến cùng cực, vẫn chẳng cầu xuất ly. Dù sẵn có Phật tánh, nhưng vì mê muội, trái nghịch, nên lại trở thành cái gốc để

khởi Hoặ̣c tạo nghiệp đến nỗi trải kiếp số như trần sa, không có cách nào giải thoát. Chẳng đáng buồn ư? Huống hồ hiện thời thế đạo, lòng người nguy hãm, chìm đắm đến cùng cực, sát kiếp thê thảm từ xưa chưa từng nghe.

Lại thêm trào lưu tân học bài bác “không nhân quả”, chê những lời nghị luận đạo đức của thánh hiền là hủ bại, vu vơ, mặc tình đề xướng những ý kiến do chính mình ước đoán. Kẻ quáng dân lũ mù, lôi nhau vào lửa, đến nỗi thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống. Lũ dân ngây ngô thật đáng thương xót. Bởi thế, những người có tâm lo cho đời bền mạnh mẽ phát đại chí, muốn cứu giúp dân. Những nghiệp quả ấy đều do chỉ biết tự tư, tự lợi, chẳng biết nhân quả ba đời, thiện ác báo ứng, tưởng là người chết đi, thần thức liền diệt, chẳng có linh hồn thuận theo nhân duyên tội phước thọ sanh trong trời người hay đọa vào tam đồ, ác đạo! Nếu thiện hay

ác cũng đều bị diệt mất như nhau, lẽ nào chẳng tùy ý làm bất cứ chuyện gì cốt sao thân tâm khoái lạc ư? Do vậy, đối với những việc nghịch thiên, trái lý, tổn người, lợi mình, cùng với giết hại sanh mạng cốt sao thỏa thích miệng bụng, bèn đua nhau ào ạt làm, chẳng e dè chi!

Nếu biết nhân quả ba đời, sẽ liền sợ phải thọ báo, chẳng dám móng khởi chút ý niệm, huống hồ là thực hành những việc ấy ư? Vì vậy, biết rằng: Sự Lý nhân quả ba đời, sanh tử, và luân hồi do đức Phật ta đã giảng chính là vàng huệ nhật trong đêm dài vô minh. Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là thuyền Từ trong biển khổ sanh tử. Muốn vãn hồi kiếp vận, bỏ qua pháp này, sẽ không còn có cách nào!

6.4. Giảng những điểm trọng yếu trong việc kiêng giết

*** Đại đức của trời đất là Sanh, đại đạo**

của Như Lai là Từ. Người và vật tuy khác, tâm tánh là đồng. Như Lai xem khắp cả tam thừa lục phàm đều như con một. Vì sao vậy? Do họ đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Tam thừa hãy để đó. Lục phàm là trời, người, A-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Tuy có cao thấp khác nhau vời vợi, khổ vui khác nhau thăm thẳm, nhưng đều chưa đoạn được Hoặc nghiệp, chưa thoát khỏi sanh tử. Phước trời nếu hết liền phải đọa xuống, tội trong địa ngục nếu tiêu bèn lại sanh lên, giống hết như bánh xe, hết lên cao lại xuống thấp.

Ta nay may được làm thân người, lẽ ra phải khéo léo bày cách để cứu giúp, thương tiếc sanh mạng loài vật, thể hiện đức hiếu sanh của trời đất, thể hiện lòng nhân trắc ẩn trong tâm ta. Ấy là vì các loài vật và ta cùng sống trong vòng trời đất, cùng hưởng sự sanh trưởng, dưỡng dục của trời đất. Lại cùng biết tham sống, cùng biết sợ chết. Người có lòng nhân đối

với xương khô còn nhặt lấy đem chôn, đối với cỏ cây còn để mọc dài chẳng chặt, há chịu vì sung sướng bụng miệng mà khiến cho các loài vật trên cạn, dưới nước phải chịu nỗi khổ cắt, xẻ, nung, nấu ư? Cần biết rằng các loài vật từ vô thí đến nay cũng từng ở địa vị cao sang, tôn quý, oai quyền hiển hách, chẳng biết mượn oai quyền để vun bồi âm đức; trái lại, cậy quyền tạo nghiệp, rớt cuộc khiến cho ác nghiệp chất chứa như rừng, đọa trong dị loại, miệng chẳng nói được, tâm không suy nghĩ, thân không tài khéo, nên mắc phải nạn này. Tuy kẻ mạnh ăn thịt kẻ yếu là chuyện đã đành, nhưng oán hận đã kết, há chẳng đời đời kiếp kiếp lo báo thù cái oán niệm này chẳng?

Ví dù con người chẳng nghĩ đến nỗi khổ của những con vật bị giết, lẽ nào chẳng sợ oán nghiệp kết sâu, thường bị chúng giết lại hay sao? Lại chẳng sợ tàn hại loài vật của trời, trời sẽ đoạt mất

phước thọ của mình hay sao? Con người chỉ mong quyền thuộc đoàn tụ, thọ mạng dài lâu, thân tâm yên vui, các duyên như ý, rất nên phát tâm đại bi, thực hành phóng sanh, khiến cho thiên, địa, quỷ thần thấy đều thương xót tấm lòng thành thương loài vật của ta, sẽ khiến cho những điều ta mong mỏi được thành tựu.

Nếu cậy mình có tiền tài, mình có trí lực, bày ra đủ cách bắt lấy các con vật hòng thỏa mãn bụng miệng mình, chẳng kể đến nỗi thống khổ của chúng, há còn đáng gọi là con người đứng cùng với trời đất thành Tam Tài hay chẳng? Nhưng ta với bọn chúng cùng trong sanh tử từ vô thỉ đến nay, cố nhiên chúng đều là cha, mẹ, anh, em, thê thiếp, con cái của mình, mình cũng là cha mẹ, anh em, thê thiếp, con cái của chúng. Mỗi con vật ấy trong khi làm người hoặc lúc trong dị loại, từng bị ta giết; ta cũng trong lúc làm người, hoặc trong lúc làm dị loại, từng bị

chúng giết. Làm kẻ oán, người thân, sanh ra nhau, giết hại lẫn nhau. Lặng im suy nghĩ, thẹn chẳng muốn sống nữa! Gấp rút sửa đổi, hối hận, vẫn còn là chậm, hưởng hồ cứ quen thói cũ, vẫn chấp mê tình, cho rằng trời sanh ra dị loại vốn để làm thức ăn cho con người ư? Ta vẫn còn đầy đủ Hoặc nghiệp, nên không có cách nào thoát khỏi luân hồi. Vạn nhất, chúng nó tội đã diệt, lại sanh làm người, thiện căn phát sanh, nghe pháp tu hành, đoạn Hoặc, chứng Chân, đạt thành Phật đạo. Nếu ta đọa lạc, còn mong chúng sẽ rủ lòng Từ cứu viện, ngõ hầu lìa khổ được vui, đích thân chứng Phật tánh. Há có nên cậy vào sức mạnh một thời để đạt [nổi khổ] bao kiếp dài lâu không được cứu vớt hay chăng?

* Cần biết: Người cùng loài vật cùng mang cái thân huyết nhục này, cùng có tánh linh tri, cùng sống trong vòng trời

đất. Chỉ do đây kia tội phước bất đồng, đến nỗi đời này hình chất thông linh hay ngu xuẩn sai khác. Cây ta mạnh hiếp loài yếu, dùng thịt chúng nó để no đầy bụng mình, khoái lòng thích chí, cho đó là phước báo. Chẳng biết rằng một khi phước lực đã tận, nghiệp báo hiện tiền, lúc bị người giết chóc, thân chẳng kháng cự lại được, miệng chẳng thể nói, trong lòng buồn sợ, đau đớn, khổ sở, mới biết chuyện ăn thịt là một tội vạ lớn vậy. Người ăn thịt đúng là La Sát, dù chẳng giết người để ăn thịt cũng không được. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: *“Do người ăn dê, dê chết thành người, người chết thành dê. Như thế cho đến mười đời. Chết chết, sống sống, ăn nuốt lẫn nhau, ác nghiệp cùng sanh đến cùng tội đời vị lai”*.

Lại còn nhiều kiếp đến nay sanh ra lẫn nhau. Đã không có đạo lực để cứu tế, nữ nào để chúng nó bị dao xả cực khổ, hòng miệng lưỡi của ta hưởng vị ngon chẳng?

Trong kinh Nhập Lăng Già, đức Thế Tôn bao lần quở trách chuyện ăn thịt. Có đoạn chép: *“Hết thấy chúng sanh từ vô thỉ đến nay ở trong sanh tử luân hồi chẳng ngơi. Không ai chẳng từng làm cha mẹ, anh em, quyến thuộc, con cái, cho đến bằng hữu thân ái, kẻ hầu. Qua đời khác, phải thọ các thân chim, thú... sao lại dùng chúng nó để ăn?”* Phàm những ai sát sanh ăn thịt, nếu nghĩ đến điều này, ắt sẽ giật mình kinh sợ, tỉnh ngộ, thà tự giết mình, chẳng thể giết hết thấy loài vật nữa!

* Ta cùng hết thấy chúng sanh đều ở trong luân hồi; từ vô thỉ đến nay thay phiên sanh ra nhau, lần lượt giết nhau. Cố nhiên ai nấy đều từng là cha mẹ, anh em, chị em, con cái của chúng ta, ta cũng từng là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái của mỗi kẻ đó. Cố nhiên, bọn họ do sức ác nghiệp trùng trùng mà ở trong loài người hoặc trong dị loại bị ta giết hại, ta cũng do

sức ác nghiệp trùng trùng mà ở trong loài người hoặc trong dị loại bị chúng giết hại. Trái kiếp dài lâu, sanh ra nhau, giết lẫn nhau, trọn chẳng ngừng nghỉ. Phạm phu chẳng biết, Như Lai thấy thấu triệt. Chẳng nghĩ thì thôi, hễ nghĩ đến, hồ thẹn, đau xót khôn ngăn! Ta nay may nhờ phước thiện đời trước, sanh trong loài người, tất nhiên nên giải trừ oán hận, tháo mối trói buộc, kiêng giết, phóng sanh, khiến cho hết thấy những loài có sanh mạng đều được yên ổn. Lại còn vì chúng nó niệm Phật hồi hướng Tịnh Độ khiến chúng được độ thoát. Dầu chúng nó nghiệp nặng chẳng thể vãng sanh ngay, nhưng nương vào công đức từ thiện này, quyết mong khi lâm chung vãng sanh Tây Phương. Đã vãng sanh rồi, liền được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, dần dần chứng Phật Quả.

Vả nữa, thương yêu loài vật, phóng sanh, cở thánh tiên hiền đều làm chuyện

ây. Vì thế, kinh Thư có đoạn văn nói “chim, thú, cá, ba ba đều được yên vui”. Văn Vương thương xót cả xương khô, huông hồ gì loài vật có tri giác! Còn như Giản Tử thả chim bồ câu, Tử Sản nuôi cá, Tùy Hầu cứu rắn, Dương Bảo cứu chim sẻ. Đây là do tấm lòng nhân bình đẳng của Thánh Hiền, chứ họ đâu biết nghĩa lý: “Mỗi loài hàm linh xuân động đều có Phật tánh, lần lượt thăng trầm, làm kẻ oán, người thân của nhau, tương lai quyết định thành Phật”.

Mãi đến khi đại giáo truyền sang Đông, lý nhân quả ba đời, chúng sanh - Phật - tâm bình đẳng vô nhị mới được sáng rực trong đời. Phạm là bậc đại thánh, đại hiền, không ai là chẳng kiêng giết, phóng sanh, hòng vãn hồi sát kiếp, hòng bồi đắp phước quả, dứt đao binh hầu làm nền tảng vui hưởng tuổi thọ. Cổ nhân nói: “Dục tri thế thượng đao binh kiếp; tu thính đồ môn bán dạ thanh” (Muốn biết

binh đao trên cõi thế, lò mổ nên nghe tiếng giữa đêm). Lại nói: “*Dục đắc thế gian vô binh kiếp, trừ phi chúng sanh bất thực nhục*” (muôn cho thế giới thái bình, trừ phi nhân loại đồng tình ăn chay). Do vậy, biết rằng: “Kiêng giết, phóng sanh” chính là kế sách tốt lành hòng dứt tận rễ, lấp tận nguồn để cứu đời vậy.

* Nếu nói: “Kẻ quan, quả, cô, độc⁶¹, bản cùng, hoạn nạn, đâu đâu cũng có, sao chẳng chu cấp cho họ, cứ khăng khăng lo cho bọn dị loại chẳng có quan hệ gì với mình? Chẳng phải là đảo lộn chuyện hoãn, gấp, nặng, nhẹ ư?” Đáp rằng: Ông chưa biết nguyên do đức Như Lai dạy con người kiêng giết, phóng sanh. Người và vật tuy khác, Phật tánh vốn đồng. Chúng nó do ác nghiệp, nên đắm chìm trong dị loại; ta do thiện nghiệp, may được làm thân người; [thế mà] chẳng tăng thêm lòng

⁶¹ Quan, quả, cô, độc: Quan là góa vợ, Quả là góa chồng, Cô là không cha mẹ, Độc là không con cái.

lân tuất (xót thương, giúp đỡ), lại còn mặc sức ăn nuốt; một mai phước ta đã hết, tội chúng nó đã tận, khó tránh ta phải đền nợ từng mạng, hòng no thỏa bụng miệng của chúng nó.

Phải biết rằng: Đao binh đại kiếp đều do sát nghiệp đời trước cảm thành. Nếu không có sát nghiệp, dù thân gặp phải giặc cướp, chúng nó sẽ khởi tâm lành, chẳng chém giết ta. Huống hồ là đối với những tai nạn ngang trái như ôn dịch, nước lửa... người kiêng giết, phóng sanh, hoàn toàn ít gặp phải. Vì thế, biết rằng: Bảo vệ loài vật vốn là để bảo vệ chính mình, kiêng giết mới hòng khỏi bị trời giết, quỷ thần giết, đạo tặc giết, oan oan tương báo giết trong đời vị lai. Đối với kẻ quan, quả, cô, độc, bần cùng, hoạn nạn, cũng nên tùy phần tùy sức chu cấp, chứ đâu phải là người kiêng giết phóng sanh trọn chẳng thực hiện công đức ấy! Nhưng những kẻ quan, quả... dù thật đáng thương xót, vẫn chưa

đến nổi lâm vào tử địa. Loài vật nếu chẳng được cứu chuộc ngay, sẽ lập tức phải lên chảo, lên thớt, để thỏa miệng bụng con người.

Lại còn có kẻ nói: Loài vật vô tận, phóng sanh được mấy? Đáp: Phải biết việc phóng sanh chính là để khiến cho những đồng nhân (những người cùng hàng, cùng căn tánh với ta) phát khởi thiện tâm tối thắng cứu giúp trọn khắp sanh mạng loài vật, mong họ thấu hiểu ý nghĩa gấp thả, trong tâm động lòng xót thương, chẳng nỡ ăn nuốt. Đã chẳng ăn nuốt, sẽ thôi săn bắt. Vậy thì hết thấy loài vật bay trên không, bơi dưới nước sẽ tự tại bay, chạy, bơi lội trong nơi sanh sống của chúng, tức là chẳng phóng sanh mà phóng sanh khắp cả, đây chẳng phải là cả thiên hạ trở thành một cái ao [phóng sanh] hay sao? Dù không phải ai cũng làm được như vậy, nhưng một người chẳng nỡ ăn thịt thì đã có vô lượng sanh mạng loài vật trên

cạn, dưới nước khỏi bị tàn sát; huống hồ nào phải chỉ có một người [không nỡ ăn thịt] thôi ư? Lại vì hết thấy đồng nhân trong hiện tại, vị lai, dứt trừ cái nhân quan, quả, cô, độc, bản cùng, hoạn nạn, tạo cái duyên trường thọ, không bệnh, phú quý, yên vui, cha con xum họp, vợ chồng giai lão.

Đây chính là thực hiện sự chu cấp, giúp đỡ sẵn, để đời đời, kiếp kiếp trong vị lai, vĩnh viễn chẳng có những nỗi khổ quan, quả... hưởng thụ dài lâu những sự vui trường thọ v.v... há chẳng đáng gọi là khiến cho khắp hết thấy đều được hưởng phước ư? Há nên thờ ơ bỏ qua? Ông nghĩ kỹ đi: Kiêng giết phóng sanh, rôt ráo chính là khăng khăng vì con người, há có phải là cắm đầu lo cho loài vật, đảo lộn chuyện hoãn, gấp, nặng, nhẹ!

* Một niệm tâm tánh của hết thấy chúng sanh và một niệm tâm tánh của tam

thế chư Phật trọn chẳng phải hai; nhưng do mê chưa ngộ, nên bao kiếp dài lâu luân hồi trong lục đạo, vĩnh viễn không ngừng nghỉ. Tuy đường lành trời người so với tam đồ ác đạo khổ vui khác xa nhau, nhưng đều là thuận theo nghiệp lực thiện ác mà thường luân chuyển! Thiện đạo chẳng đáng tin cậy, ác đạo thật đáng sợ. Há chẳng nên vun bồi nhân lành, cứ làm lạc tạo ác nghiệp, cứ cậy mình mạnh, hiệp đáp kẻ yếu, bắt lấy hết thầy chúng sanh trên cạn, dưới nước để giết ăn hay chăng? Trước kia, khi Phật giáo chưa truyền sang [Trung Hoa], thánh nhân Nho giáo đều dùng luân thường thế gian để giảng dạy. Đối với Phật tánh sẵn có của chúng ta và sự chuyển biến, thăng trầm, luân hồi lục đạo, cũng như chuyện đoạn Hoặc, chứng Chân, siêu phàm, nhập thánh, dù là Lý hay Sự, đều chưa giảng ra. Vì thế, chẳng cấm giết, nhưng cái tâm bất nhẫn đã nêu rõ rành rành trong các lời dạy để lại cho

đời. Chẳng hạn như, kinh Thư nói “chim, thú, cá, ba ba đều sống yên vui”, sách Luận Ngữ nói “thả câu, nhưng chẳng vãi chài, bắt chim, chỉ bắt con đang bay, chẳng bắt những con đang đậu”. Mạnh Tử nói “thấy sống, không nỡ thấy chết; hề nghe tiếng [kêu gào của con vật bèn] chẳng nỡ ăn thịt”. Kinh Lễ chép: “Chư hầu chẳng vô cớ mổ trâu; đại phu chẳng vô cớ giết dê, kẻ sĩ chẳng vô cớ giết chó, lợn; thứ dân chẳng vô cớ ăn món ngon”. “Món ngon” chính là thịt vậy.

Đủ thấy rằng: Đối với việc sát sanh, Nho Giáo cũng chẳng phải không có răn dè, chỉ là quyền biến để dạy dỗ, chứ chưa thể vĩnh viễn cấm hẳn được. Có duyên có mới giết, cố nhiên kẻ giết cũng ít. Vô cớ chẳng ăn thịt thì trong một năm được ăn thịt mấy ngày? Hậu thế, sự giáo hóa suy đồi, quen thói tàn nhẫn, bèn coi chuyện ăn thịt như chuyện cơm bữa trong nhà, chỉ cốt sao khoái khẩu, chẳng biết

đến nỗi khổ của loài vật.

Đến khi Phật giáo truyền sang phương Đông thì chân lý, sự thật thường trụ vĩnh viễn “*hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh*” và “*mê thì luân hồi sanh tử, trợn không lúc nào xong*”, “*ngộ thì triệt chứng Niết Bàn*” mới được xiển minh rõ ràng. Mới biết rằng bao nhiêu dị loại đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai. Không chỉ chẳng dám giết ăn, mà còn mong cho chúng nó đều được sống yên ổn. Do vậy, vua thánh, tôi hiền, bậc triết sĩ, bậc hồng nho, đa số đều kính tuân lời Phật giáo huấn, vun đắp lòng nhân của chính mình. Hoặc là ăn chay, bỏ hẳn ăn mặn, hoặc là kiêng giết, phóng sanh. Những lời lẽ tốt lành, hành vi hay đẹp ấy được chép trong các sử sách cũng chỉ nhằm mong người đời sau đều cùng tu tâm từ, thương xót loài vật, cùng thấy Phật tánh. Do nhân duyên ác nghiệp, đọa trong đường súc sanh. Ta nay may được

sanh trong loài người, nếu chẳng tăng thêm lòng thương xót, cứ mặc tình sát hại, khó tránh đời sau oan oan tương báo. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Giết thân mạng chúng, hoặc ăn thịt chúng, trái vi trần kiếp ăn lẫn nhau, giết lẫn nhau, giống như bánh xe lăn, hết lên cao lại xuống thấp, chẳng có lúc ngừng. Trừ [lúc chính mình đắ]c xa-ma-tha và lúc Phật xuất thế, chẳng thể ngưng nghỉ được*”. Nhưng đạo Xa-ma-tha thật chẳng dễ đắ, Như Lai xuất thế cũng khó gặp gỡ, há dám chẳng học theo gương tiên hiền, chẳng tuân lời Phật dạy. Suy cái tâm sợ chết của mình mà cứu vớt loài đơi bị nấu nướng kia để mong tiêu trừ tức nghiệp, vun bồi căn lành, dứt vĩnh viễn cái nhân sát hại, cùng chúng quả trường thọ vậy!

* Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai. Lập cách cứu giúp còn e chưa kịp, há

nên để thỏa thích miệng bụng mình, bèn giết hại thân xác chúng nó ư? Phải biết rằng các loài vật bay trên không, lặn dưới nước đều cùng có cái tâm linh minh giác tri, nhưng vì túc nghiệp sâu nặng đến nỗi hình thể khác xa, miệng chẳng nói được. Xem tình cảnh chúng đi tìm cái ăn, tránh né cái chết, sẽ nhận ra chúng chẳng khác gì con người! Chúng ta nhờ sức túc phước, may được làm người, tâm có trí lự, phải nên luôn nghĩ đến dân chúng và loài vật cùng [sinh từ] một bọc cha trời, mẹ đất, mới hòng chẳng phụ bạc cái lẽ “con người đứng cùng trời đất thành Tam Tài” để tán trợ, tham dự quyền sanh thành của trời đất, phải mong cho mọi người cùng loài vật đều được sống yên ổn, cùng được trời che, đất chở, cùng vui hưởng tuổi thọ thì mới nên! Nếu chẳng hiểu thấu đức hiếu sanh của trời đất, buông lung ý niệm tham ăn tục uống của chính mình, cậy mình khỏe, hiếp kẻ yếu, ăn thịt nó để no

đây bụng mình, ắt đến một ngày nào đó, túc phước đã hết, sát nghiệp hiện tiền, muốn chẳng thay đầu, đổi mặt, bị chúng nó ăn, giết trở lại, há có được chẳng?

Vả nữa, ăn thịt có chất độc, do lúc các con vật bị giết, tâm oán hận kết lại. Bởi thế, khi ôn dịch lưu hành, người ăn chay rất ít người bị nhiễm phải. Hơn nữa, thịt là vật uế trược. Ăn vào máu sẽ bản, tinh thần tối tăm, thấy mạnh mẽ ngay đó, nhưng hiệu quả tan đi rất nhanh, rất dễ tạo thành đầu mối cho bệnh tật. Rau cỏ là vật thanh khiết, ăn vào khí thanh, trí rạng, khỏe mạnh lâu, già chậm, giàu chất bổ. Tuy đây là lời bàn luận thông thường về phép vệ sinh, nhưng thật sự là lời luận định cùng tột về tánh. Do thói quen kéo dài đến nỗi [con người] mê man [ăn thịt, tàn sát], chẳng tỉnh.

Hãy nên biết: Người nhân từ với dân, ắt thương yêu loài vật. Người giết loài vật, quyết khó thể là người có lòng nhân với

dân, do tập tánh sai khiến như thế. Vì vậy, thánh vương trị thế, chim thú cá, rùa đều yên vui. Đạo sáng dạy dân thì gậy nhựa dính, ná bắn đạn đều bỏ sạch. Hãy thử nghĩ: Từ xưa đến nay, phàm là kẻ tàn nhẫn tham ăn tục uống, phần nhiều dòng dõi bị tuyệt diệt. Người nhân ái tử tế, con cháu ắt hưng thịnh. Kẻ khởi đầu thói ác, Khổng Tử nói quyết đoán kẻ ấy vô hậu; kẻ mặc sức ăn thịt, Như Lai dự ký ắt phải đền trả. Xin chớ nói suông “*xa lánh bép núc*”⁶², đây chỉ là cách nói quyền biến thuận theo thế tục, hãy nên vĩnh viễn dứt hẳn đồ hôi tanh thì mới là xứng lý thật nghĩa.

* Tâm tánh của chúng sanh giống hệt như Phật. Do nghiệp thiện, ác, quả báo phân thành người, thú. Người có trí huệ, thú không tài khéo. Cây mạnh hiếp yếu, giết để ăn thịt. Làm con trong nhà người

⁶² Nhà Nho hay nói: “Quân tử viễn trù” (quân tử nên tránh xa bép núc). Ở đây, Tổ quở người học Nho chỉ nói suông “xa lánh bép núc”, nhưng vẫn tham ăn tục uống.

ta chẳng ngoài [lý do đã] thiếu nợ nặng. Huống hồ giết thân mạng chúng chỉ cốt sừng miệng, oán hận cố kết, trải bao nhiêu kiếp đòi nợ lẫn nhau. Thử nghĩ đến điều ấy, trong tâm đau thương.

* Nguyên hết thấy chúng sanh trên cạn, dưới nước, không một loài nào chẳng biết đau đớn, khổ, vui, không một loài nào chẳng biết tham sống sợ chết, nhưng không có con vật nào chẳng phải là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, vợ con, bạn bè, thân quyến trong vô lượng kiếp của ta. Lại không có một loài nào chẳng thể trong đời vị lai, gieo sâu thiện căn, tu trì Tịnh nghiệp, đoạn Hoặc, chứng Chân, viên thành Phật đạo, chỉ vì túc thế ác nghiệp, phải đọa trong dị loại. Vì thế, phải nên sanh lòng thương xót sâu xa, hộ trì chúng, khiến cho mỗi con vật đều được sống yên vui, há có nên cậy mạnh hiếp yếu, hoặc dùng trí đoạt lấy, hoặc dùng tiền của đoạt

lấy, khiến cho hết thầy bọn chúng đều bị dồn vào miệng bụng [của chính mình]? Tuy chúng nó sức chẳng chống chọi được, tâm đã kết mỗi hận dằng dặc; cho nên đời đời, kiếp kiếp xoay vần giết lẫn nhau. Sướng miệng bụng một lúc, giết thân mạng nhiều kiếp. So với chuyện tự giết mình còn khốc liệt hơn vạn lần! Sao lại khỗ sở làm chuyện chuốc lấy ương họa này, há có phải là ngu mê đến cùng cực hay chẳng?

Xưa nước Lỗ có hai gã dưng sĩ, chỉ nghe tên nhau chứ chưa gặp mặt. Một bữa gặp nhau, mua rượu cùng uống. Một gã bảo: “Không có thịt chẳng vui, hãy đi mua thịt!” Gã kia bảo: “Thịt của tôi với anh đây, còn tìm đâu nữa!” Gã thứ nhất bảo ý kiến ấy rất hay, bèn trẽ áo xẻo thịt mình, hai bên cùng ăn. Kẻ kia lại cắt thịt mình, đưa cho bạn ăn. Dương dương tự đắc, bảo là tình bạn chúng ta tình ý chân thật tốt bậc. Vừa cắt vừa ăn mãi cho đến chết.

Những người trông thấy đều than: “Hai gã ngu!”

Do vì ăn thịt, người đời tạo các sát nghiệp đến nỗi bao kiếp xoay vần giết hại lẫn nhau. So với hai gã dưng sĩ kia, càng khốc liệt hơn! Do không có huệ nhãn, chẳng biết hậu báo, lại coi là chuyện đặc ý để khoe khoang, kiêu hãnh, chê kẻ ăn chay là mê tín và bạc phước. Thế tục tán thành, nào biết là sai! Vì thế, trong các kinh Đại Thừa như Phạm Võng, Lăng Nghiêm, Lăng Già v.v... đức Như Lai đã cực lực phơi bày cái họa do sát sanh ăn thịt, có thể nói là lòng chân từ đại bi nhỏ rễ lấp nguồn vậy. Gần đây, sát kiếp thảm khốc, thiên cổ chưa từng nghe, lại còn các tai vạ như nước, lửa, tật dịch, gió lốc, động đất, hạn hán, lụt lội... thành linh xảy ra. Nói chung, đều do sát nghiệp duyên khởi, đến nỗi thế đạo, nhân tâm càng ngày càng thấp. Do vậy, thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra, như đứng trước tấm

gương, chẳng thể tránh khỏi bị soi bóng.

* Thế tục mê hoặc, coi ác là thiện, coi tạo nghiệp là tu phước, [kẻ như vậy] rất nhiều. Điều mắt nhìn thấy thắm nhất, lòng thấy xót xa nhất, không gì bằng chuyện cúng tế quỷ thần. Phú quý đại gia luôn giết con vật lớn để tế: một mặt để cầu được nhiều phước, một mặt để phô trương sự giàu có. Còn những nhà nghèo khó cũng phải giết gà, giết vịt để cầu thần thường bảo hộ, ngõ hầu phước thọ tăng thêm, lâu dài hơn, mọi việc đều như ý. Chẳng biết thiên địa lấy hiếu sanh làm đức, quỷ thần lấy thiên địa làm chủ tế các sự, há chẳng phải là tâm ấy trái thiên nghịch địa ư? Vì hưởng một kỳ tế lễ của ta, mà khiến cho vô số sanh mạng cùng chịu nỗi khổ cắt xẻ, ông thần ấy còn đáng gọi là một vị chánh thần thông minh, chánh trực, thưởng thiện, phạt ác nữa chẳng? Nguyên do là bọn ngu phu tham

ăn, chỉ mượn danh quý thần, giết thú lớn, vật nhỏ, cốt sao thỏa thích bụng miệng của chính mình, quen dần thành thói, chẳng biết là đã tạo đại ác nghiệp! Bảo là “cúng quý thần”, thần có ăn đâu? Huống hồ đã gọi là “thần”, ắt phải vâng giữ đức thông minh, chánh trực, ắt phải chuẩn theo việc thiện hay ác để giáng phước hay gieo vạ. Há có phải là ai sát sanh cúng bái mình, dù nó làm ác, vẫn cứ giáng phước; kẻ nào chẳng sát sanh cúng tế mình, dù có làm thiện, cũng cứ gieo vạ ư? Nếu vậy, tâm hạnh của ông thần ấy có khác gì tâm hạnh của bọn tiểu nhân vô lại nơi chợ búa đâu? Làm sao có thể xưng là ông thần thông minh, chánh trực được nữa? Đã là một vị thần thông minh, chánh trực, chắc chắn chẳng vì thói yêu tà, quý quái này mà chẳng tuân thủ đạo đức, nhân nghĩa!

* Người đời chỉ biết ăn thịt là ngon, bèn vì ý niệm tham cầu thứ hôi thối, tanh

tươi ấy, cho rằng thần thánh cũng giống như vậy. Từ đây kẻ nọ người kia bắt chước nhau, chẳng biết là sai trái. Ví như giò tửu ăn phân, nghĩ thiên tiên cũng phải tham ưa vị ngon này, bèn thường muốn dâng lên để cầu được ban thưởng phước khánh! Những con vật bị giết kia phần nhiều đều là những kẻ trong đời trước sát sanh cúng tế quý thần ngũ hầu chính mình có dịp ăn thịt, nay phải đền trả quả báo sát sanh khi ấy. Thế nhưng hết thấy kẻ ngu nghe nói đến chuyện sát sanh tế thần bèn vui mừng, hớn hờ, coi đây là chuyện làm phước, chẳng biết tương lai sẽ phải biến thành những giống vật ấy. Lúc bị người ta giết, có miệng mà chẳng nói được, không có cách nào thoát khỏi.

Huống hồ, những ai đã thâm nhập Phật pháp, đã thọ đại giới nhà Phật, là bậc cao nhân lỗi lạc suốt đời ăn chay, do ham muốn ăn thịt bèn vô cớ bịa chuyện, giết vô số sanh mạng để cúng tế. Cái tội nghịch

trời, trái lý, dối thánh, khinh hiền ấy, khiến cho đời đời kiếp kiếp sẽ mãi mãi làm các loài vật bị giết chóc ấy, há chẳng đáng buồn bã lắm hay sao?

* Người đời mắc bệnh và bị những tai nạn nguy hiểm, chẳng biết niệm Phật, tu thiện, lại lầm lạc cầu đảo quỷ thần, đến nỗi sát hại sanh mạng. Nghiệp tăng thêm nghiệp, thật đáng thương xót! Người sống trong đời có những cảnh duyên gì, đa phần là do túc nghiệp. Đã mắc bệnh khổ, hãy nên niệm Phật tu thiện, sám hối túc nghiệp, nghiệp tiêu bệnh sẽ lành. Bản thân các loài quỷ thần kia còn đang ở trong biển nghiệp, làm sao có thể tiêu nghiệp cho người khác được? Dù là vị chánh thần có đại oai lực đi nữa thì oai lực của vị ấy so với oai lực của Phật, Bồ Tát khác gì lửa đom đóm sánh với ánh sáng mặt trời! Đệ tử Phật chẳng hướng về Phật, Bồ Tát cầu đảo, lại hướng về quỷ thần cầu đảo, chính

là tà kiến, chính là trái nghịch lời Phật dạy. Chớ nên không biết điều này!

Thêm nữa, hết thấy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, lẽ ra nên kiêng giết, phóng sanh, yêu tiếc mạng sống loài vật, chớ nên theo tri kiến thế tục, cho rằng dâng món ngon lành lên cha mẹ mới là hiếu. Kẻ chưa nghe Phật pháp chẳng biết Sự Lý luân hồi lục đạo, làm tướng đày là hiếu, còn tha thứ được. Chứ nếu là người đã nghe Phật pháp, giết cha mẹ, thân thuộc quá khứ để phụng dưỡng cha mẹ hiện tại và dùng trong tang tế v.v... thì không chỉ chẳng phải là hiếu đạo, mà còn trở thành ngỗ nghịch nữa! Bởi vậy, do nghe Nghĩa Đế chân thật của Phật pháp, những người thông đạt đều chẳng chịu làm theo những pháp quyền tạm của thế tục. Bởi những pháp tạm bợ ấy chỉ thuận theo mê tình thế tục mà lập, chẳng phải là đạo thấy thấu suốt nhân quả ba đời của đức Như Lai vậy!

* Trong các ác nghiệp, chỉ có sát nghiệp là nặng nhất. Khắp dưới gầm trời, không một ai chẳng tạo sát nghiệp. Dù cả đời chẳng sát sanh, nhưng hằng ngày ăn thịt tức là hằng ngày sát sanh! Bởi chẳng giết, chắc chắn chẳng có thịt! Kẻ mổ thịt, kẻ săn bắt, kẻ đánh cá đều là để cung cấp cho nhu cầu của người ăn thịt, họ giết hại thay cho ta. Nhưng một cửa ải “ăn thịt, ăn chay” thật sự là nguyên nhân chẳng nhỏ khiến cho chúng ta thăng hay trầm, thiên hạ bình trị hay loạn lạc vậy, chẳng phải là chuyện nhỏ nhất! Những ai yêu thân mình và yêu thương trọn khắp mọi người trên cõi đời, muốn được trường thọ, an lạc, chẳng mắc phải tai họa ngoài ý muốn, phải lấy việc “kiêng giết, ăn chay” làm diệu pháp bậc nhất để vãn hồi thiên tai, nhân họa. Do một niệm tâm tánh của hết thảy chúng sanh chẳng khác với chư Phật, mà cũng chẳng khác với một niệm tâm tánh

của chúng ta. Chỉ vì túc thể ác nghiệp nên đọa vào dị loại; vì thế, phải sanh lòng thương xót lớn lao, lẽ đâu mặc sức giết chóc? Người đời vô tri bị tập tục trói chặt, thường coi sát sanh ăn thịt là vui, chẳng nghĩ đến các con vật bị giết ôm nổi thống khổ, oán hận như thế nào! Cậy mạnh hiếp yếu, coi là chuyện đương nhiên; một khi đao binh khởi lên, tình cảnh có khác gì những con vật bị giết? Đốt cháy nhà cửa người, hãm hiếp vợ con người, cướp tiền tài của người, giết thân mạng người, người vẫn chẳng dám dùng lời ác chửi bới chúng nó vì sức chẳng chống cự lại được. Loài vật bị giết cũng vì chẳng có sức chống cự lại được; nếu nó kháng cự được, tất nhiên nó sẽ cắn xé kẻ toan giết nó đến cùng. Sao con người không đối với cảnh khổ ấy, hãy thử nghĩ lại xem!

Loài vật cùng ta đều tham sống sợ chết. Ta đã có trọn vẹn cái thể chất đội trời đạp đất này, lẽ ra phải nên hỗ trợ đất

trời sanh thành, dưỡng dục, khiến cho các loài chim, thú, cá, rùa kia đều sống yên vui. Nỡ nào giết thân mạng chúng để vui sướng bụng miệng mình ư? Do sát nghiệp cố kết đến nỗi phát sanh cái họa đao binh do con người gây ra và các thiên tai nước, lửa, hạn, lụt, đói kém, tật dịch, gió lốc, địa chấn, biển trào, sông ngập v.v... nối tiếp nhau giáng xuống. Giống như biếu quà cuối năm, ta biếu quà đi, người biếu quà lại, quyết chẳng bao giờ biếu đi chẳng được biếu lại, hoặc chỉ nhận quà, chứ không biếu trả. Nếu có trường hợp như vậy, tất nhiên phải có nhân duyên nào khác ngăn trở, chứ thật ra đều chẳng ngoài chuyện qua lại, đáp tạ cả. Trời thưởng phạt cũng giống như thế, huông hồ là chuyện báo đền giữa con người? Vì thế, kinh Thư viết: *“Làm lành giáng xuống trăm điều tốt lành; làm việc chẳng lành, giáng xuống trăm điều họa ương”*. Kinh Dịch chép: *“Nhà tích thiện ắt sự vui có*

thừa, nhà chứa điều bất thiện, ắt tai ương có thừa”. Đạo trời ưa xoay vần, không có gì qua mà chẳng có lại! Muốn tránh khỏi ác quả, phải đoạn ác nhân trước đã. Muốn được thiện quả, phải trồng thiện nhân trước đã! Đây là lẽ rất ráo của lý trời, tình người vậy!

VII. PHÂN ĐỊNH GIỚI HẠN GIỮA THIỀN VÀ TỊNH

* Thiền và Tịnh Độ lý vốn không hai. Nếu luận về Sự Tu thì tướng trạng [của hai pháp này] khác xa nhau. Thiền nếu chẳng triệt ngộ, triệt chứng sẽ chẳng thể siêu xuất sanh tử. Vì thế, tổ Quy Sơn nói: *“Do chánh nhân đốn ngộ, sẽ dần dần thoát trần. Nếu đời đời bất thoái, sẽ quyết định có lúc thành Phật*”. Ngài còn nói: *“Sơ tâm do duyên đốn ngộ tự tánh, nhưng vẫn chưa thể diệt sạch ngay tức khắc tập khí trong bao kiếp từ vô thủy. Vì thế, phải dạy họ trừ sạch nghiệp thức hiện đang lưu*

chuyên”. Ngài Hoảng Biện nói: “Đốn ngộ tự tánh thì [sở ngộ] giống hết chư Phật, nhưng chưa thể trừ sạch ngay vô thi tập khí, nên phải tốn công đối trị, mới hòng thuận tánh khởi dụng. Như người ăn cơm, chẳng thể ăn một miếng liền no ngay được!” Ngài Trường Sa Sầm nói: “Thiền tri thức trong thiên hạ chưa chứng được quả Niết Bàn là vì công đức chẳng bằng chư thánh!” Vì thế, Ngũ Tổ Giới sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh thân sau làm Lỗ Công. Cổ kim tông sư triệt ngộ nhưng chưa triệt chứng phần nhiều đều như vậy. Ấy là do chỉ cậy vào tự lực, chẳng cầu Phật gia bị, hễ Hoặc nghiệp còn mảy may chưa tận, sẽ nhất định chẳng thể thoát khỏi sanh tử được!

Về phần Tịnh Độ, hễ đầy đủ ba thứ Tín, Nguyện, Hạnh, liền có thể đởi nghiệp vãng sanh. Một khi đã vãng sanh, sẽ vĩnh viễn thoát khỏi sanh tử. Bạc ngộ chứng sẽ mau đạt tới bậc Bồ Xứ, người chưa ngộ

cũng sẽ chứng địa vị A Bệ Bạt Trí. Bởi thế, Hoa Tạng hải chúng đều nguyện vãng sanh; những bậc tri thức trong Tông, trong Giáo cùng sanh Tịnh Độ. Rõ ràng là do cậy vào Phật lực kiêm thêm cái tâm khẩn thiết, nên được cảm ứng đạo giao; do vậy, chóng thành Chánh Giác.

Xét tình thế hiện tại, đừng quan tâm tới các Thiên lục nữa, cứ chuyên tu Tịnh nghiệp, dùng cái tâm chẳng nhiễm mảy trần để chuyên trì thánh hiệu vạn đức hồng danh. Niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, chẳng tạp, chẳng gián đoạn, sao cho niệm khởi từ tâm, tiếng thấu vào tai, từng chữ phân minh, từng câu chẳng loạn. Lâu ngày chầy tháng, tự thành một phiến, tự chứng Niệm Phật tam-muội, tự biết Tây Phương tông phong. Đây là dùng công phu “*phản vãn tự tánh*” (xoay trở lại nghe nơi tự tánh) của Quán Âm để tu tịnh nghiệp “*nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” của Thế Chí, tuy là Tịnh, nhưng chính là

Thiền, còn gì hay khéo hơn!

* Người tu Thiền Định (chỉ Tứ Thiền, Bát Định) và người tham Thiền chỉ cậy vào tự lực, chẳng cầu Phật gia bị. Vì thế, lúc công phu đắc lực, chân và vọng chống cự nhau, thường có các thứ cảnh giới huyền hoặc xuất hiện, [rồi] huyền hoặc biến mất! Ví như lúc trời mưa dầm sắp tạnh, mây dày bị xé toạc, chợt thấy ánh mặt trời chỉ trong khoảnh khắc, biến hóa chẳng lường được! Nếu chẳng phải là người thật sự có đạo nhãn, sẽ chẳng thể phân biệt biết rõ tất cả những cảnh giới ấy. Nếu tưởng làm đó chính là dấu hiệu [chứng tỏ chính mình chứng đắc], sẽ bị ma dựa phát cuồng, không sao chữa được!

Người niệm Phật dùng lòng tín nguyện chân thành, thiết tha, trì vạn đức hồng danh, ví như mặt trời rực rỡ giữa hư không, đi trên đường lớn của vua, không chỉ quý mị lệ vọng lượng biến mất tăm

tích, ngay cả những ý niệm ngoắt ngoéo, sai trái cũng chẳng sanh từ đâu được. Suy đến cùng cực, chẳng qua là: Niệm đến mức công thuần, lực tận, toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm - Phật bất nhị, tâm - Phật như một mà thôi! Chỉ sợ con người chẳng biết đến hạnh ấy, lý ấy, nên chẳng thể xứng hợp ý nguyện phổ độ chúng sanh của Phật; chứ có phải là bí mật chẳng truyền, chỉ truyền riêng cho mình ông ư? Nếu có những “diệu quyết” khẩu truyền kín đáo thì đây chính là tà ma ngoại đạo, há có phải là Phật pháp!

* Hòa Thượng Pháp Tràng sẵn đủ linh căn từ trước, thoát đầu là bậc chân Nho, sau thành bậc chân Tăng; có thể nói là chẳng uổng công đọc sách học đạo vậy! Đời có bậc chân Nho thì mới có bậc chân Tăng. Những hạng vô lại xuất gia thấy đều là ma vương ngoại đạo phá hoại Phật pháp! Ngữ lục của Ngài (Pháp Tràng) thật

là thông khoái, thẳng chóng, mở toang tâm mục của con người, rất nên khắc in lưu thông để làm pháp bảo nhà Thiên. Thế nhưng, Ngài chỉ phát huy đạo lý “*chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật*”; chúng ta chuyên tu Tịnh nghiệp, đừng nên so đo, đoán mò lời Ngài, đến nỗi đánh mất lợi ích cả hai bên vậy. Chớ nên chẳng biết điều này. Tông gia (Thiền Tông) chỉ đề xướng bốn phạm, những thứ khác đều chẳng thêm xiển dương. Việc tu nhân đạt quả, đoạn Hoặc chứng Chân của nhà Thiên đều là ngậm tự tu trì. Những kẻ đứng ngoài thấy nhà Thiên chẳng đề xướng những đạo lý tu chứng ấy, bèn cho rằng Tông gia hoàn toàn chẳng dùng đến những pháp đó. Đây là báng Tông, mà cũng là báng Phật, báng Pháp vậy!

* Hãy nên biết: Trong hết thảy các pháp môn đức Phật đã nói, đều phải đoạn Hoặc chứng Chân thì mới có thể liễu sanh

thoát tử, tuyệt đối chẳng có chuyện chưa đoạn sạch Hoặc mà hồng liễu thoát! Đối với pháp môn Niệm Phật, nếu người vãng sanh đã đoạn Hoặc nghiệp, sẽ mau chứng Pháp Thân, người tuy còn đủ Hoặc nghiệp mà vãng sanh thì cũng đã vượt lên địa vị thánh nhân. Một đấng hoàn toàn cậy vào tự lực, một đấng hoàn toàn nhờ vào Phật lực kiêm thêm tự lực.

Điều thứ hai, [so sánh sự tu trì giữa các pháp môn khác và pháp môn Niệm Phật] sự khó dễ đúng là một trời một vực. Thường có kẻ thông minh, đọc sách Thiền qua quít, hiểu chút vị Thiền, bèn toan lấy Thiền làm mạng, học đòi làm bậc cao nhân thông suốt, nhưng toàn là hạng chẳng biết Thiền lẫn Tịnh đến nơi đến chốn, cứ lầm tưởng chính mình là hạng tôn quý, đại căn. Tuyệt đối chớ nên bắt chước theo thứ tri kiến như thế. Bắt chước theo đó, chỉ e trải qua kiếp số như vi trần, vẫn chẳng mong đạt được liễu sanh thoát

tử!

* “Quyền” nghĩa là Như Lai tùy thuận theo căn cơ của chúng sanh mà đặt bày phương tiện. “Thật” nghĩa là nói đến những nghĩa lý do chính tự tâm đức Phật chứng được. “Đốn” là chẳng cần đến thứ tự tiến dần dần, mà nhanh thẳng, mau lẹ, nhất siêu trực nhập. “Tiệm” nghĩa là tấn tu dần dần theo thứ tự, chứng nhập dần dần, phải trải qua nhiều kiếp, nhiều đời mới đích thân chứng Thật Tướng.

Người tham Thiền cho rằng pháp Tham Thiền là pháp “*chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật*”. Cố nhiên, pháp này thật sự là pháp Đốn, nhưng họ chẳng biết rằng: Tham Thiền dù đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, thì cũng mới chỉ thấy được đức Phật lý tánh sẵn có ở ngay trong tâm này! Nếu là căn tánh đại Bồ Tát thì vừa ngộ liền chứng, tự có thể mãi mãi thoát khỏi luân hồi, vượt xa tam

giới. Từ đây, dùng thượng cầu hạ hóa làm nền tảng đề trang nghiêm phước và trí. Xét ra, trong trăm ngàn người đại triệt đại ngộ chỉ được một hai vị thuộc vào căn tánh này. Còn như những kẻ căn khí hơi kém hơn, dù có thể diệu ngộ, nhưng chưa thể đoạn trừ Kiến Tư Hoặc, thì vẫn phải thuộc trong tam giới, thọ sanh, thọ tử. Đã phải thọ sanh tử thì từ ngộ thành mê là nhiều, từ ngộ trở thành ngộ ít ỏi! Như vậy, tuy pháp này thật sự là viên đốn, nhưng nếu chẳng phải đúng người thì cũng chẳng thật sự đạt được lợi ích thật nhanh chóng, nên nó cũng trở thành pháp Quyền Tiệm mà thôi. Vì sao vậy? Do cậy vào Tự Lực; nếu Tự Lực mười phần đầy đủ thì họa may sẽ được như thế; còn như chỉ hơi thiếu chút phần, sẽ chỉ ngộ được lý tánh nơi cửa miệng, chẳng thể đích thân chứng được lý tánh. Hiện thời, bậc đại triệt đại ngộ còn khó có được mấy người, huống là người chứng được điều mình đã ngộ!

Một pháp Niệm Phật thông trên suốt dưới, vừa là Quyền vừa là Thật, vừa Tiệm vừa Đốn, chẳng thể dùng giáo lý tầm thường để phán định được. Trên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chủng tánh A Tỳ, đều cùng nên tu tập (do đây nói là “thông trên, suốt dưới”). Như Lai vì chúng sanh thuyết pháp chỉ nhằm làm cho chúng sanh liễu sanh thoát tử.

Trong các pháp môn khác, bậc thượng căn có thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, còn hạ căn bao kiếp khó lòng liễu được! Chỉ mỗi mình pháp này, chẳng cần biết là chủng tánh, căn cơ nào, cũng đều có thể vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này, bèn liễu sanh thoát tử. Pháp thẳng chóng như thế, há có thể gọi là Tiệm ư? Chỉ do căn cơ [được hóa độ bởi pháp này] chẳng giống với căn cơ của các pháp viên đốn thông thường, nên pháp này tựa hồ là Tiệm, nhưng oai lực của pháp môn này phát xuất từ thế nguyện muốn cho những

căn cơ kém hèn ấy đều mau chóng được hưởng lợi ích lớn của đức Như Lai. Lợi ích ấy hoàn toàn nằm ở chỗ cậy vào Phật từ lực. Phạm những người giảng Thiên nếu chưa nghiên cứu kỹ Tịnh Tông, chưa có ai không coi pháp này là thiên cận rồi khinh thường. Nếu nghiên cứu kỹ Tịnh Tông, ắt sẽ dốc cạn lòng thành, tận hết sức lực để hoằng dương, há còn chấp mãi vào những lý luận Quyền, Thật, Tiệm, Đốn để tự mình làm, làm người khác làm lạc nữa ư?

Nói đến Thủ - Xả (lấy - bỏ) là ước trên Thật Nghĩa rốt ráo mà nạn (“nạn” tức là cật vấn, bắt bẻ), chẳng biết rằng: Không Thủ không Xả rốt ráo chỉ là chuyện sau khi đã thành Phật! Nếu chưa thành Phật, còn đang trong giai đoạn “đoạn Hoặc, chứng Chân” thì đều thuộc về Thủ - Xả cả! Đã chấp nhận chuyện Thủ - Xả “đoạn Hoặc chứng Chân”, sao lại chẳng chấp

nhận chuyện Thủ - Xả “bỏ Đông lấy Tây, lìa cầu giữ tịnh”?

Đôi với pháp Tham Thiên thì thủ - xả đều là sai, nhưng đôi với một pháp Niệm Phật, thủ - xả lại là đúng. Một đảng chuyên suy xét tự tâm, một đảng kiêm nhờ vào Phật lực. Kẻ kia chẳng xét đến duyên do của từng của pháp môn, lầm lạc dùng pháp Tham Thiên để phá pháp Niệm Phật; tức là hiểu lầm ý ấy mất rồi! Vô Thủ - Xả vốn là đề hồ, nhưng niệm Phật mà cũng muốn không Thủ - Xả thì không Thủ - Xả bèn thành thuốc độc! Mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông khoác áo cừ, khát uống, đói ăn, chẳng mâu thuẫn gì, cũng chớ nên cố chấp! Chỉ cốt sao chọn lấy điều thích nghi thì được lợi ích, chẳng bị trở ngại gì!

* Coi “bỏ Đông, lấy Tây” là sanh diệt tức là chẳng biết “chấp Đông, phé Tây” chính là đoạn diệt! Chưa chứng Diệu

Giác, có ai là không lấy, bỏ? Tam kỳ⁶³, trăm kiếp tu nhân, thượng cầu, hạ hóa, đoạn Hoặc, chứng Chân, không sự nào chẳng phải là lấy, bỏ đó sao? Phải biết: Đức Như Lai muốn cho hết thấy chúng sanh mau chứng Pháp Thân và Tịch Quang, nên Ngài mới đặc biệt khuyên trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương.

* Một chuyện Tham Thiên há phải là dễ dàng! Cổ nhân như ngài Triệu Châu Thâm thiền sư, xuất gia từ nhỏ, đến hơn tám mươi tuổi vẫn hành cước, nên mới có bài tụng rằng:

*Triệu Châu bát thập do hành cước,
Chỉ vị tâm đầu vị tiêu nhiên.*

(Triệu Châu tám chục còn hành cước,
Do bởi cõi lòng chưa lạng không!)

Ngài Trường Khánh ngồi rách bảy cái bồ đoàn rồi mới khai ngộ. Ngài Dũng Tuyền phải nhọc nhằn hết bốn mươi năm.

⁶³ Tam kỳ: Ba đại A-tăng-kỳ kiếp.

Ngài Tuyết Phong ba lượt lên gặp ngài Đầu Tử, chín lần lên Động Sơn. Họ là những bậc đại Tổ Sư đại triết, đại ngộ, mà còn phải gian nan đến thế. Lũ ma con kia mới nghe qua ma thuyết đều được khai ngộ ngay, vậy thì những vị Tổ Sư vừa nói trên đây có xách giày cho chúng cũng không đáng hay sao?

* Những lời “chẳng chấp trước”... về Lý thì đúng, nhưng về Sự thì chẳng phải là điều hạng phàm phu sát đất có thể làm nổi! Suốt ngày mặc áo, ăn cơm, rồi vênh váo ta bất chấp đói lạnh, bảo kẻ suốt ngày bụng rỗng tuếch, chẳng được chén nước, hạt cơm, đói lả gần chết rằng: “Tôi coi gan rỗng tủy phượng giống hệt như uế vật, nghĩ đến là muốn ói, hưởng hồ là nuốt xuống!” Toàn là nói suông như nhau thôi! Nay kẻ tham Thiền nếu chẳng hiểu giáo lý thì lý Không giải thoát phần nhiều trở thành bệnh cho họ. Còn như Không cảnh

hiện tiền khi tịnh tọa, lắng ý, bất quá là do [ý niệm] lạng trong, chế ngự được vọng, nên ngẫu nhiên huyễn cảnh phát hiện đó thôi! Nếu tưởng làm đây chính là dấu hiệu chứng tỏ chính mình chứng đắc, bèn sanh lòng mừng rỡ lớn lao, thì sẽ mất trí thành cuồng, Phật cũng khó cứu được!

Nếu may mắn suy xét kỹ, chẳng chấp trước, buông bỏ huyễn vọng, chột quán thông các pháp môn thì đây mới là: Đi trong chôn gai góc đã lâu, chột đến chỗ khoảng khoát. Người đời Mạt căn cơ hèn kém, tri thức hiếm hoi, nếu chẳng cậy vào Phật từ lực để chuyên tu Tịnh nghiệp, chỉ cậy vào tự lực tham cứu Thiên Tông thì minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc chứng Chân, hiếm có mấy ai thành công! Còn hạng tưởng huyễn là chân, ngộ mê là ngộ, ma dựa phát cuồng, đúng là nhiều lắm! Vì thế, các vị Vĩnh Minh, Liên Trì v.v... quán sát căn cơ đương thời, cực lực chủ trương pháp môn Tịnh Độ.

* Thiên tức là Chân Như Phật Tánh trong bốn tâm chúng ta, Tông môn gọi là “*bốn lai diện mục trước lúc cha mẹ sanh ra*”. Tông môn chẳng nói toạc ra, cốt sao người tham cứu tự hiểu lấy, nên mới nói như vậy. Thật ra, nó là cái tâm thể thuần chân, không Năng, không Sở, vừa Tịch, vừa Chiếu, ly niệm linh tri (“*ly niệm linh tri*” là không có ý niệm suy nghĩ gì, nhưng mọi cảnh hiện hữu đều hiểu rõ).

Tịnh Độ là Tín Nguyện Trì Danh cầu sanh Tây Phương, chẳng phải chỉ là “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà!*”

“*Có Thiên*” là cực lực tham cứu đến mức niệm lặng, tình mát, thấy thấu tột “*bốn lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*”, minh tâm kiến tánh.

“*Có Tịnh Độ*” là chân thật phát Bồ Đề tâm, sanh tín, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương. [Nói] Thiên và Tịnh Độ chỉ là ước theo Giáo, ước theo

Lý [để nói].

“*Có Thiên, có Tịnh Độ*” là ước theo căn cơ, ước theo mặt tu hành. Giáo Lý luôn luôn như thế, Phật chẳng thể tăng, phàm chẳng thể giảm. Ước theo căn cơ để tu hành thì phải y giáo khởi tu, tu hành đến cùng cực để chứng Lý, chứ thật sự chẳng có gì khác cả!

Thứ hai là văn tuy tương tự, nhưng thật ra khác biệt rất lớn. Hãy nên hiểu kỹ càng, chớ nên mơ hồ. Nếu tham Thiên chưa ngộ, hoặc ngộ chưa triệt để, đều chẳng thể gọi là “*Có Thiên*”. Nếu niệm Phật, nhưng thiên chấp duy tâm, lại không có tín nguyện, hoặc có tín nguyện, nhưng chẳng chân thật, thiết tha, mà chỉ hời hợt, hờ hững, thực hành qua quýt, hoặc hạnh tuy tinh tấn, nhưng tâm luyến cảnh ma, hoặc cầu đời sau sanh vào nhà phú quý hưởng thú vui ngũ dục, hoặc cầu sanh lên trời hưởng phước lạc trời, hoặc cầu đời sau xuất gia làm tăng nghe một hiểu được

cả ngàn, đắ đại tông trì, hoằ dương đạo pháp phổ lợi chúng sanh, đều chẳng được gọi là “*Có Tịnh Độ*”!

* “*Có Thiên, có Tịnh Độ; khác nào cạp mọc sừng, hiện đời làm thầy người, đời sau làm Phật, Tổ*” là người triệt ngộ Thiên Tông, minh tâm kiến tánh, lại còn thâm nhập Kinh Tạng, biết hết các pháp môn Quyền, Thật của Như Lai, nhưng trong các pháp môn, lại chỉ chọn lấy một pháp Tín Nguyện Niệm Phật để tự lợi, lợi người làm chánh hạnh tu tập. Bậc thượng phẩm thượng sanh đọc tụng kinh Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa đã nói trong Quán kinh chính là hạng người này. Người ấy có đại trí huệ, có đại biện tài, tà ma, ngoại đạo nghe tên vỡ mật, như hổ đói sừng, oai mãnh khôn sánh! Có ai đến cầu học bèn tùy cơ thuyết pháp: Nên dùng Thiên Tịnh song tu để tiếp độ bèn dùng Thiên Tịnh song tu để tiếp độ; nên dùng

chuyên tu Tịnh Độ để tiếp độ bèn dùng chuyên tu Tịnh Độ để tiếp độ. Bất luận thượng, trung, hạ căn, không ai chẳng được lợi ích; há chẳng phải là đạo sư của trời người ư? Đến lúc lâm chung, được Phật tiếp dẫn, vãng sanh thượng phẩm, trong khoảng khảy ngón tay, chứng Vô Sanh Nhân, tột nhất cũng chứng được Sơ Trụ trong Viên Giáo. Cũng có người đốn siêu các địa vị, đạt đến Đẳng Giác. Bạc Sơ Trụ trong Viên Giáo còn có thể hiện thân làm Phật trong trăm cõi, huống là những địa vị sau đó, càng cao càng thù thắng, cho đến địa vị thứ bốn mươi một là Đẳng Giác! Vì thế nói là: “*Đời sau làm Phật, Tổ!*”

* “*Không Thiên, có Tịnh Độ; vạn người tu vạn về; nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ*” là có người tuy chưa minh tâm kiến tánh, nhưng quyết chí cầu sanh Tây Phương. Do trong kiếp xưa, Phật

từng phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu chúng sanh thật sự có thể như con nhớ mẹ, chí thành niệm Phật, sẽ cảm ứng đạo giao, liền được nhiếp thọ. Người tận lực tu Định Huệ, cố nhiên được vãng sanh, nhưng kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác, lâm chung bị sự khổ bức bách, phát lòng hổ thẹn lớn lao, xưng niệm danh hiệu Phật hoặc tới mười tiếng, hoặc chỉ một tiếng rồi liền lâm chung, cũng đều được Phật hóa thân tiếp dẫn vãng sanh. Chẳng phải là “*vạn người tu, vạn người về*” hay sao?

Kẻ ấy tuy niệm Phật chẳng bao nhiêu, nhưng do cực kỳ mãnh liệt, nên đạt được lợi ích lớn lao như thế, chớ nên so sánh nhiều ít với những kẻ niệm Phật hời hợt, qua loa! Đã sanh về Tây Phương, thấy Phật nghe pháp, dù có nhanh chậm bất đồng, nhưng đều đã cao dự dòng thánh, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, tùy theo căn tánh cạn hay sâu, là Tiệm hay Đốn

mà chúng các quả vị. Đã được chúng quả, cần chi phải nói đến khai ngộ nữa! Vì thế nói: “*Nếu được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ!*”

* “*Có Thiên, không Tịnh Độ, mười người chín chân chừ, ám cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó*”: Người tuy triệt ngộ Thiên Tông, minh tâm kiến tánh, nhưng Kiến Tư phiền hoặc chẳng dễ đoạn trừ, phải qua nhiều duyên rèn luyện để trừ sạch không còn sót gì thì mới có thể thoát khỏi Phần Đoạn sanh tử. Đối với kẻ chẳng đoạn được chút gì thì chẳng cần bàn đến nữa! Dù cho đoạn đến mức còn một mảy phiền não chưa trừ sạch thì vẫn giống hệt như cũ: Khó tránh khỏi luân hồi trong lục đạo! Biền sanh tử sâu thăm thẳm, nẻo Bồ Đề xa vời vợi, còn chưa về được nhà mà đã mạng chung! Trong mười người đại triệt đại ngộ, chín người đã như thế; cho nên nói “*mười người chín chân*”

chừ” (thập nhân cứu ta lộ).

“*Ta*” là “*ta đà*” (蹉跎), nói thông thường là “*đảm các*” (担閣: chân chừ). “*Ám cảnh*” là “*trung ám thân cảnh*”, tức là các cảnh hiện ra bởi các nghiệp lực thiện ác trong đời này và bao kiếp. Khi cảnh này hiện, trong khoảng chớp mắt, sẽ theo nghiệp lực thiện hay ác nào mạnh mẽ nhất đi thọ sanh trong đường thiện hay ác, chẳng mấy may tự chủ được; như người mắc nợ, chủ nợ nào mạnh sẽ lôi đi. Tâm tình lăm mồi, đặt nặng nơi nào sẽ nghiêng về đó. Ngũ Tổ Giới tái sanh làm Tô Đông Pha, Thảo Đường Thanh lại sanh làm Lỗ Công, họ còn là căn cơ bậc thượng đấy nhé! Vì thế nói: “*Ám cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó!*”

Chữ Âm (陰), âm và nghĩa cùng với chữ Âm (蔭), có nghĩa là ngăn che, ý nói: Do nghiệp lực ngăn che khiến chân tánh chẳng thể hiện hiện. “*Miét*” (警), âm đọc như chữ Phiết (撇), có nghĩa là chớp mắt.

Có kẻ cho rằng “*ta đà*” nghĩa là làm lạc, “*ám cảnh*” là cảnh [hiển hiện bởi] Ngũ Âm ma, toàn là do chẳng hiểu chữ Thiên và chữ Có, nên mới nói hồ đồ, nhăng nhít như thế. Lẽ nào bậc đại triết đại ngộ mười người hết chín kẻ lạc lối, chạy theo cảnh Ngũ Âm Ma, bị ma dựa phát cuồng ư? Phàm những kẻ bị ma dựa phát cuồng toàn là hạng tăng thượng mạn chẳng biết giáo lý, chẳng rõ tự tâm, tu mù luyện quáng đó thôi, sao lại gán cho bậc đại triết đại ngộ là chẳng biết tốt xấu vậy? Điều này quan hệ rất lớn, chẳng thể không biện định rõ!

* “Không Thiên, không Tịnh Độ; giường sắt và cột đồng, vạn kiếp cùng ngàn đời, không một ai nương dựa”. Có kẻ cho rằng câu “không Thiên, không Tịnh Độ” chỉ kẻ vùi đầu tạo nghiệp, chẳng tu thiện pháp, thật làm lẫn quá! Pháp môn vô lượng, nhưng chỉ có Thiên và Tịnh Độ

phù hợp với các căn cơ nhất. Kẻ nào chưa triệt ngộ, lại chẳng cầu vãng sanh, lại hời hợt, qua quýt tu các pháp môn khác. Đã chẳng thể cân bằng Định Huệ, đoạn Hoặc, chứng Chân, lại chẳng cậy vào Phật lực để đở nghiệp vãng sanh; do đã tạo ác nghiệp, khó trốn khỏi ác báo. Một khi hơi thở ra chẳng hít vào được nữa, liền đọa địa ngục, rõ ràng là trải kiếp dài lâu nằm ngò, ôm ấp giường sắt, trụ đồng, để đền trả các thứ ác nghiệp tham lam thanh sắc, sát sanh hại mạng v.v... Chư Phật, Bồ Tát tuy rủ lòng thương xót, nhưng họ bị ác nghiệp chướng ngăn che, nên chẳng thể đạt được lợi ích.

Người xưa nói: “*Người tu hành nếu không chánh tín, cầu vãng sanh Tây Phương, tu lung tung các điều thiện khác thì gọi là oan gia đời thứ ba*” chính là nói đến tình cảnh này. Bởi lẽ, do đời này tu hành, đời sau hưởng phước. Cậy phước làm ác, ắt bị đọa lạc. Tạm vui trong đời

này, khổ mãi trong cả kiếp dài lâu. Ví như nghiệp địa ngục tiêu hết, lại chuyển sanh làm súc sanh, muốn lại được làm thân người, khó vô cùng khó!

Vì thế, đức Phật dùng tay nhón lấy chút đất, hỏi A Nan: “Đất trong tay ta nhiều hay đất trong đại địa nhiều?” A Nan bạch Phật: “Đất trong đại địa nhiều!” Phật dạy: “Được làm thân người như đất trong tay ta, mất thân người như đất trong đại địa”. Nói “*muôn kiếp và ngàn đời, không một ai nương dựa*” là do bị ràng buộc bởi vắn điệu của bài kệ, nên chỉ nói thiển cận như thế.

Hết thầy các pháp môn chuyên cậy vào tự lực, pháp môn Tịnh Độ chuyên cậy vào Phật lực. Hết thầy các pháp môn phải đoạn hết sạch Hoặc nghiệp thì mới có thể liễu sanh tử. Pháp môn Tịnh Độ đời nghiệp vãng sanh liền dựa vào dòng Thánh. Đại sư Vĩnh Minh sợ thế gian chẳng biết, nên soạn riêng bài Liệu Giản này để chỉ

dạy cho đời sau, có thể nói là “*chiếc bè bấu nơi bến mê, là người dẫn lối nơi đường hiểm*”. Tiếc là mọi người trong thế gian đọc lướt qua, chẳng chịu nghiên cứu đến cùng tột, chắc là đồng phạm ác nghiệp xui khiến đến nỗi thành ra như thế đó chẳng?

* Đạt Ma từ phương Tây qua, truyền tâm ấn của Phật, chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật; nhưng cái để thấy, để thành ấy chính là Thiên Chân Phật Tánh có sẵn ngay trong tâm chúng ta, [Ngài dạy như thế] để con người trước hết biết được cái gốc rồi tự dựa vào đó để tấn tu hết thảy các pháp, tu chứng cho đến khi nào tu được cái không thể tu, chứng được cái không thể chứng mới thôi! Chẳng phải là vừa ngộ liền đầy đủ cả phước lẫn huệ, viên mãn rốt ráo Phật đạo Bồ Đề! Giống như vẽ rồng điểm nhãn để [người nghe] đích thân được thụ dụng. Do vậy, Thiên

Tông phát triển rực rỡ, chói ngời nơi Chân Đán (Trung Hoa), đạo “*tâm này chính là Phật*”, pháp “*phi tâm, phi Phật*” lan khắp hoàn vũ.

Người thiên cơ sâu đối với mỗi cơ, mỗi cảnh, liền biết đầu mối, liền phun châu nhả ngọc, chẳng vướng lối sáo mòn, vào sông ra chết, trọn chẳng ngăn ngại, sợ hãi, được đại giải thoát, đắc đại tự tại. Nếu căn cơ hơi kém hơn, dù đại triệt, đại ngộ, nhưng phiền não tập khí chưa thể trừ sạch, thì vẫn là người trong sanh tử y như cũ. Xuất thai cách âm đa phần bị mê. Bậc đại ngộ còn như thế, huống kẻ chưa ngộ ư? Vì thế, hãy nên chuyên tâm dốc chí nơi pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật từ lực thì mới là kẻ sách ngàn phần ổn thỏa, vạn phần thích đáng vậy!

* Trong Luật, Giáo, Thiên Tông, trước hết phải hiểu sâu giáo lý rồi mới y giáo tu hành. Tu hành công sâu, đoạn Hoặc

chúng Chân thì mới thoát khỏi sanh tử. Nếu chẳng hiểu giáo lý, bèn là tu mù luyện quáng. Nếu không, được chút ít đã cho là đủ, bèn bị ma dựa phát cuồng. Dù cho hiểu giáo lý, công tu hành sâu xa, vẫn phải đoạn Hoặc, nếu còn chút mảy may nào chưa đoạn sạch, sẽ vẫn y như cũ, chẳng thể thoát khỏi cảnh khổ! Mãi cho đến khi Hoặc nghiệp hết sạch thì mới có thể thoát ly sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật rất xa, phải trải qua bao kiếp tán tu mới viên mãn Phật quả.

Ví như dân hèn sanh ra đã thông minh, đọc sách, học văn nhiều năm khó nhọc, học vấn đã thành, thi đậu làm quan. Do có tài năng lớn, từ chức quan nhỏ được thăng cấp dần đến khi làm Tể Tướng, quan vị cực phẩm, nhưng không thể nào lên cao hơn được nữa! Địa vị bậc nhất trong đám quần thần, nhưng so với Thái Tử, sang hèn khác nhau một trời, một vực, hưởng hồ so với hoàng đế? Suốt đời làm

bầy tôi, tuân hành lệnh vua, cúc cung tận tụy giúp vua cai trị quốc gia; nhưng cái địa vị Tể Tướng ấy thật chẳng dễ dàng gì! Cả nửa đời siêng năng, vất vả, ra sức nhẫn nại, cho đến cuối cùng, cũng chẳng hơn được thế. Còn kẻ học vấn và tài năng sút kém đôi chút, chẳng đạt được như thế thì có đến trăm, ngàn, vạn, ức người! Đây là tự lực.

Học vấn tài năng ví như hiểu sâu giáo lý, y giáo tu hành. Địa vị đến bậc tể tướng ví như công tu hành sâu, đoạn Hoặc chứng Chân. “Chỉ có thể xưng là Thần (bầy tôi), chẳng dám xưng là vua” (bầy tôi quyết định chẳng dám làm vua. Bầy tôi mà muốn làm vua, trừ phi thác sanh trong hoàng cung, làm Hoàng Thái Tử. Tu các pháp môn khác, cũng có thể thành Phật, nhưng so với Tịnh Độ, đúng là gấp vạn lần sự khác biệt giữa một ngày và một kiếp. Độc giả hãy nên khéo hiểu ý nghĩa, đừng câu nệ từ ngữ. Nếu dựa theo phần

cuối kinh Hoa Nghiêm, Đẳng Giác Bồ Tát còn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh, đúng là giống như thác sanh trong hoàng cung, làm Hoàng Thái Tử, ý nghĩa tương đương. Pháp môn Tịnh Độ được kinh Hoa Nghiêm [xiển dương] giống biển cả dung nạp vạn con sông, như thái hư nhiếp trọn muôn hình tượng, lớn lao thay!), ví như tuy ra khỏi sanh tử, vẫn chưa thành Phật. “Những kẻ học vẫn chẳng đủ, chẳng thể đạt được như thế rất nhiều” ví như kẻ chưa đoạn hết Hoạch, chẳng thể thoát khỏi biển khổ sanh tử rất đông!

* Trong pháp môn Niệm Phật, dù chẳng hiểu giáo lý, chưa đoạn Hoạch nghiệp, chỉ cần tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, lúc lâm chung, quyết định được Phật đích thân tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đã sanh về Tây Phương, gặp Phật nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhân, liền

ngay trong một đời ấy, quyết định bỏ vào địa vị Phật. Đây là Phật lực lại kiêm tự lực, nghĩa là: Tín nguyện trì danh là tự lực, tự lực ấy có thể cảm đức Phật. Do thế nguyện nhiếp thọ, Phật rủ lòng Từ tiếp dẫn, đây là Phật lực có thể ứng đến ta. Do cảm ứng đạo giao, bèn được như thế.

Nếu như hiểu sâu giáo lý, đoạn Hoặc, chứng Chân, thì phẩm vị vãng sanh càng cao, viên thành Phật đạo càng nhanh. Bởi thế, Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Nghiêm hải chúng, Mã Minh, Long Thọ, tổ sư các tông, đều nguyện vãng sanh. Ví như thác sanh vào hoàng cung, vừa ra khỏi thai mẹ, đã quý hiển át cả quần thần. Đây là do thế lực của vua. Chờ đến khi khôn lớn, học vấn tài năng mỗi mỗi đều đầy đủ, sẽ có thể tiếp nối ngôi báu, bình trị thiên hạ. Hết thấy quần thần phải nghe theo chiếu dụ. Đây chính là vương lực và tự lực cùng có.

Pháp môn Niệm Phật cũng giống như

thế: Chưa đoạn Hoặc nghiệp, bèn nương vào từ lực của Phật vãng sanh Tây Phương, liền thoát sanh tử, giống như Thái Tử mới sanh đã quý hiển át cả quần thần. Khi đã vãng sanh, Hoặc nghiệp tự đoạn, quyết định bỏ vào địa vị Phật, giống như Thái Tử khôn lớn kế thừa ngôi báu, bình trị thiên hạ. Thêm nữa, bậc đã đoạn Hoặc nghiệp như Mã Minh, Long Thọ, tổ sư các tông, bậc đã chứng địa vị Bồ Xứ như Văn Thù, Phổ Hiền, Hoa Nghiêm hải chúng đều nguyện vãng sanh, giống như trước kia trấn giữ chốn biên thùy hẻo lánh, chẳng thể nối ngôi, nay sống trong Đông Cung, chẳng bao lâu sẽ lên ngôi báu.

* Tâm tánh chúng ta giống hệt như chư Phật, chỉ vì mê trái, nên luân hồi chẳng ngơi. Như Lai xót thương tùy cơ thuyết pháp, khiến cho hết thảy hàm thức đều biết đường về nhà. Pháp môn tuy

nhiều, trọng yếu chỉ có hai môn Thiên và Tịnh là dễ liễu thoát nhất. Thiên chỉ có tự lực, Tịnh kiêm Phật lực. So sánh hai môn, Tịnh khế cơ nhất, như người vượt biển phải nhờ sức thuyền mới mau đến được bến, thân tâm坦然 nhiên. Chúng sanh đời Mạt chỉ có thể hành nội pháp này. Nếu không, tức là trái nghịch căn cơ, nhọc nhằn, nhưng khó thành. Phát đại Bồ Đề, sanh tín nguyện chân thành, thiết tha, suốt đời kiên trì, chỉ niệm Phật. Niệm đến cùng cực, tình kiến mất sạch, chính là “niệm nhưng vô niệm”, diệu nghĩa Thiên - Giáo triệt để hiển hiện; đến khi lâm chung được Phật tiếp dẫn lên ngay thượng phẩm, chứng Vô Sanh Nhân. Có một bí quyết, tha thiết bảo ban: “*Dốc lòng thành, tận lòng kính*”, mau nhiệm, huyền diệu làm sao!

VIII. GIẢI QUYẾT NHỮNG ĐIỀU NGHI HOẶC THƯỜNG GẶP

8.1. Luận về Sự, Lý

* Lý thể gian hay xuất thể gian chẳng ra khỏi hai chữ “tâm tánh”. Sự thể gian và xuất thể gian chẳng ra khỏi hai chữ “nhân quả”. Chúng sanh trầm luân trong cửu giới, Như Lai chứng Nhất Thừa, nhưng tâm tánh chẳng tăng hay giảm mảy may nào! Sở dĩ thăng, trầm khác xa nhau, khổ, vui cách biệt vời vợi là do tu đức nơi nhân địa chẳng giống nhau, nên thụ dụng nơi quả địa khác biệt.

Xiển dương Phật pháp thật chẳng phải là chuyện dễ! Chỉ luận về lý tánh thì trung căn, hạ căn chẳng hưởng lợi ích; chuyên nói nhân quả thì người căn cơ bậc thượng thường hay chán nghe. Nhưng nếu tách rời nhân quả và tâm tánh, cả hai đều tổn; hợp lại, cả hai cùng tốt đẹp. Vì thế, ngài Mộng Đông nói: “*Người khéo luận tâm tánh, ắt chẳng bỏ lìa nhân quả. Người tin sâu nhân quả, ắt rốt cuộc hiểu rõ ràng tâm tánh*”. Lý này lẽ tất nhiên là như thế. Nhưng chúng sanh thời Mạt Pháp căn cơ

hèn kém, các pháp Thiên, Giáo chỉ cậy vào tự lực, khế ngộ còn khó, hướng hồ liễu thoát! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật lực, chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, dù là Ngũ Nghịch, Thập Ác, cũng có thể vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, cao dự hải hội. Đối với pháp tối thượng thừa chẳng thể nghĩ bàn này, hãy nên giảng cả Lý lẫn Sự, thành thật khuyên [ai nấy] hãy nên thí [pháp này] đều khắp.

* Hãy nên biết pháp môn Tịnh Độ có đủ cả tất cả sự tướng của bốn pháp giới, đều là pháp giới sự sự vô ngại. Đọc đến rồi tu, chớ nên chấp Lý bỏ Sự. Nếu chấp vào một bên, cả Lý lẫn Sự cùng mất. Như người biết ý căn nhạy bén nhất bèn bỏ cả ngũ căn thì ý căn cũng chẳng thể do đâu tồn tại được. Chỉ nên dùng Sự để hiển Lý, dùng Lý dung hội Sự thì mới chẳng sai lầm. Vì vậy, mới nói yếu chỉ của Tịnh Độ

là “*toàn Sự tức Lý*”. Lý - Sự viên dung bèn khế hợp bốn thể. Tôi biết sư đã ăn no cơm vua từ lâu⁶⁴, nhưng vẫn cứ miệt mài hiển lời hèn mọn, chẳng qua để giải bày tác lòng thành của đứa con túng quẫn mong được trở về nhà, cũng như mong rửa sạch cái tội báng pháp trước đây đó thôi!⁶⁵

* Người thông minh đời nay tuy học Phật pháp, nhưng chưa thân cận khắp các thiện tri thức, đa phần chuyên trọng lý tánh, bài bác, vứt bỏ nhân quả và những chuyện tu hành về mặt Sự. Đã bác Sự Tu, nhân quả, thì lý tánh cũng mất. Bởi thế, thường có hạng tài cao, ngôn từ kinh động cả quỷ thần, nhưng xét đến hành vi lại chẳng khác gì bọn vô tri vô thức đầu đường xó chợ. Gốc bệnh đều là do bác Sự

⁶⁴ Cơm vua (vương thiện, 王膳): “Vương thiện” là cỗ bàn của nhà vua. Đây là một điển tích lấy từ kinh Pháp Hoa, phẩm Thọ Ký: Các vị La Hán như Ca Chiên Diên, Tu Bồ Đề, Mục Kiền Liên... nghe Phật chỉ dạy đạo Nhất Thừa, bèn biết mình cũng có khả năng thành Phật, nhưng vẫn chưa đủ tự tin, bèn cầu xin Phật thọ ký, giống như kẻ đói thấy cỗ bàn của vua chẳng dám ăn, phải chờ vua cho phép. “Ăn no cơm vua” ý nói vị Tăng trong đoạn thư này đã hiểu lý Nhất Thừa, đã tự tin mình có khả năng thành Phật.

⁶⁵ Trước khi hiểu đạo Phật, tổ Án Quang mê Nho, nên kịch liệt bài bác đạo Phật.

Tu và nhân quả gây ra cả, khiến cho bậc thượng trí uổng công sanh lòng thương xót, kẻ hạ ngu bắt chước làm càn theo. Ấy là dùng thân mình để báng pháp, tội lỗi vô lượng.

* Biết chẳng khó, làm được mới khó. Đòi có hạng người rộng tuếch, nghe được lý “*tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt*”, hoặc do duyệt kinh sách bên Giáo, tham Thiên, ngộ được lý này, liền cho rằng mình giống như Phật, cần gì phải tu, phải chứng, bèn phóng túng tâm ý, đối với hết thảy cảnh duyên lầm lạc bảo: “Sáu trần chính là Giác, tham, sân, si chính là Giới, Định, Huệ, cần gì phải chế tâm nhiếp thân, không dây mà tự trói mình?” Thứ kiến giải này hèn kém nhất; nghĩa là chấp Lý phé Sự, bài bác không nhân quả, có khác gì dùng bánh vẽ để khởi đói, cất nhà trên không, tự mình làm, khiến người khác lầm, há chẳng phải là tội lỗi cực

điêm hay sao? Dùng thiện nhân chuốc lấy quả ác, tam thế chư Phật gọi kẻ ấy là “kẻ đáng thương xót” vậy!

* Người đời nay phần nhiều ưa bàn suông, chẳng chuộng thật sự tu tập. Khuyên tu Tịnh nghiệp, hiển nhiên là nên tu cả Sự lẫn Lý, nhưng phải đặt nặng việc tu về mặt Sự để làm phương cách tu trì. Vì sao vậy? Do đối với người hiểu rõ Lý thì toàn Sự tức Lý, suốt ngày Sự Trì chính là suốt ngày Lý Trì. Nếu chưa thể hiểu thật rõ về Sự và Lý, vừa nghe nói đến Lý Trì liền biết nghĩa ấy thâm diệu, rất hợp với cái tính lười nhác, biếng trễ, sợ phải trì niệm nhọc nhằn của mình, bèn chấp Lý phé Sự. Sự đã phé thì Lý cũng chỉ thành bàn suông mà thôi!

* Sự Trì là tin có đức A Di Đà Phật ở Tây Phương, chưa thấu hiểu “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*”, nhưng cứ quyết

chí nguyện cầu vãng sanh như con nhớ mẹ, chẳng lúc nào tạm quên. Đây là chưa đạt lý tánh, nhưng cứ y theo Sự mà tu trì.

Lý Trì là tin tâm ta sẵn có đức A Di Đà Phật ở Tây Phương, do tâm ta tạo. “Tâm sẵn có” nghĩa là tâm vốn có đủ lý này. “Tâm tạo” là nương theo cái lý sẵn có ấy để khởi tu thì lý ấy mới có thể hiển hiện được; vì thế, gọi là “tạo”. “Tâm sẵn có” chính là lý thể, “tâm tạo” là sự tu. “Tâm sẵn có” chính là “tâm này là Phật”. “Tâm tạo” chính là “tâm này làm Phật”.

“Tâm này làm Phật” chính là xứng tánh khởi tu. “Tâm này là Phật” chính là toàn tu tại tánh. Tu Đức hữu công, Tánh Đức mới hiển, dù ngộ Lý, nhưng vẫn chẳng phé Sự thì mới là “chân tu”. Nếu không, sẽ đọa vào tri kiến cuồng vọng chấp Lý phé Sự. Bởi thế, phần dưới mới viết: *“Liên dùng hồng danh tự tâm sẵn có, hồng danh do tâm tạo thành, để làm cảnh buộc tâm, hồng chẳng cho tạm quên”*.

Thứ giải pháp này ngàn đời chưa từng có, thật là khế lý, khế cơ, Lý Sự viên dung, chẳng phải bậc Pháp Thân Đại Sĩ dễ gì đạt tới được! Sự Trì dù chưa ngộ Lý, há nào phải ra ngoài Lý, bất quá là hành nhân chưa thể viên ngộ tự tâm! Đã ngộ thì Sự chính là Lý, nào có phải cái Lý được ngộ nằm ngoài Sự đâu! Lý chẳng lìa Sự, Sự chẳng lìa Lý; Lý, Sự không hai; như thân và tâm con người đồng thời vận dụng cả hai, trọn chẳng hề có chuyện thân và tâm tranh nhau hơn kém! Người thấu đạt dù có muốn chẳng dung hợp cũng chẳng thể được. Trì kiến cuồng vọng, chấp Lý phé Sự, sẽ chẳng thể dung hợp.

* Tâm này trọn khắp, thường hằng như hư không. Chúng ta do mê nhiễm nên khởi các chấp trước, ví như hư không do bị các vật ngăn chướng, nên chẳng thể trọn khắp, chẳng thường hằng. Nhưng chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng chỉ là

vọng kiến chấp trước, há có phải là hư không thật sự bị các vật ngăn chướng nên chẳng trọn khắp, chẳng thường hằng ư? Vì thế, cái tâm phàm phu cùng với cái tâm bất sanh bất diệt mà đức Như Lai đã chứng trọn chẳng khác gì.

Điều khác biệt là do phàm phu mê nhiễm nên mới đến nỗi như thế, chứ chẳng phải là tâm thể vốn có cải biến! Di Đà Tịnh Độ hoàn toàn nằm trong một niệm tâm tánh của chúng ta, tâm ta vốn sẵn có A Di Đà Phật. Tâm ta sẵn có, nên đương nhiên phải thường niệm. Đã thường niệm, ắt sẽ cảm ứng đạo giao, Tu Đức có công, Tánh Đức mới hiển, Sự, Lý viên dung, chúng sanh và Phật chẳng khác! Vì thế nói: *“Dùng cái tâm sẵn có Phật của chính mình để niệm đức Phật sẵn có trong tâm ta, lẽ nào đức Phật sẵn có trong tâm ta chẳng ứng với cái tâm sẵn có Phật ư?”*

* Những điều Tông Môn dạy chuyên chỉ về lý tánh, chẳng luận về Sự Tu. Vì sao vậy? Muốn cho con người trước hết biết đến cái lý “nhân quả, tu chứng, phạm thánh, chúng sanh - Phật chẳng phân biệt”, để rồi y theo cái lý ấy mà bắt đầu tu nhân chứng quả, siêu phạm nhập thánh, đây chính là chuyện “chúng sanh thành tựu Phật đạo” vậy!

* Luận rạch ròi thì Phật pháp về đại thể chẳng ngoài Chân Đế và Tục Đế. Trong Chân Đế, một pháp chẳng lập, như thường nói: “*Thật Tế lý địa, chẳng dính mảy trần*”. Trong Tục Đế, không pháp nào chẳng đủ, như thường nói: “*Trong cửa Phật sự, chẳng bỏ một pháp*”. Trong Giáo, xiển dương cả Tục lẫn Chân, nhưng phần nhiều nói về Tục Đế. Bên Tông thì chính ngay nơi Tục nói về Chân, nhưng quét sạch tướng Tục. Hãy nên biết: Chân và Tục đồng thể, hoàn toàn chẳng

phải là hai vật. Ví như tấm gương báu tròn lớn, rỗng sáng chiếu soi cùng tột, trọn chẳng có một vật. Tuy trọn chẳng có một vật, nhưng nếu người Hồ đến, gương hiện bóng người Hồ, người Hán đến, hiện bóng người Hán, sâm la vạn tượng cùng đến đều cùng hiện. Dù bao tướng cùng hiện, vẫn trọn chẳng có một vật. Tuy trọn chẳng có một vật, chẳng trở ngại các tướng cùng hiện. Nơi “các tướng cùng hiện” đó, nhà Thiên chuyên nói “trọn chẳng có một vật”. Nơi “trọn chẳng có một vật” ấy, Giáo dạy rõ “các tướng cùng hiện”. Như vậy, nơi Sự Tu nhà Thiên hiển rõ lý tánh, chẳng bỏ Sự Tu. Nơi lý tánh, Giáo giảng Sự Tu quy về lý tánh. Đây gọi là “*xưng tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, Sự Lý cùng đạt, Tông, Giáo bất nhị*” vậy!

* Cái gọi là Niệm Phật tam-muội nói tướng dễ dàng, nhưng chứng đạt thật khó.

Hãy nên nhiếp tâm niệm thiết tha, lâu ngày sẽ tự đạt. Dù chẳng thể tự đạt, nhưng do công đức của tín tâm chân thành, nguyện thiết tha, nhiếp tâm tịnh niệm, ắt sẽ ngằm được Phật tiếp dẫn, đỏi nghiệp vãng sanh. Theo cách phán định của đại sư Ngẫu Ích, đỏi với Sự Nhất Tâm, người tu hành còn chưa thể làm được, huông hồ Lý Nhất Tâm? Phải đoạn Kiến Tư Hoặc thì mới gọi là Sự Nhất Tâm. Phá vô minh, chứng pháp tánh gọi là Lý Nhất Tâm.

Nếu là bậc “*trong ngằm hạnh Bồ Tát, ngoài hiện làm phàm phu*” thì đỏi với hai loại Nhất Tâm này chẳng khó khăn gì. Nếu thật sự là phàm phu đầy dẫy triền phược thì Sự Nhất Tâm còn chưa dễ được, huông hồ là Lý Nhất Tâm ư? Hãy xem kỹ lá thư trao đỏi rất dài giữa Quang tôi và vị cư sĩ nọ ở Vĩnh Gia ắt sẽ biết rõ. Đến chừng nào ngộ Vô Sanh rồi, gìn giữ chắc chắn, tiêu sạch các tập khí dư thừa, sẽ tự hiểu rõ điều ấy, cần gì phải hỏi

trước? Như người uống nước, nóng, lạnh tự biết. Nếu không dù người uống có nói đích xác mười phần, người chưa uống rốt cuộc vẫn chẳng biết được mùi vị ra sao!

Có lẽ cư sĩ thấy ngộ được Vô Sanh Nhân là chuyện dễ dàng, e tự mình ngộ rồi nhưng chưa biết cách gìn giữ chắc chắn [cái ngộ ấy] ắt sẽ bị các tập khí thừa sót che lấp, khiến cho sở ngộ lại bị mất đi, nên mới hỏi như vậy đó chẳng? Chân Vô Sanh Nhân quả thật chẳng phải là chuyện nhỏ đâu, đây chính là “phá vô minh, chứng pháp tánh”; tối thiểu phải là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo, hoặc bậc Sơ Địa trong Biệt Giáo [mới chứng được], nói sao dễ dàng thế? Mong ông hãy hành theo những điều Quang đã nói trong Văn Sao, ắt sẽ hiểu duyên do của pháp môn Tịnh Độ, ắt Tín, Nguyện, Hạnh sẽ chẳng bị những dị thuyết của hết thầy thiện tri thức đoạt mất. Sau đây, nếu còn sức thì chẳng ngại nghiên cứu thêm các kinh luận Đại

Thừa đề mở mang trí thức, hòng làm căn cứ hoằng truyền Tịnh Độ. Như vậy, dù là phàm phu, vẫn có thể tùy cơ lợi sanh, hành Bồ Tát đạo, đừng làm mong cao xa, chỉ e Sự Lý chẳng rành, khó tránh khỏi bị ma dựa. Lá thư dài gởi vị cư sĩ nọ ở Vĩnh Gia chuyên trị chứng bệnh này. Bệnh cư sĩ ấy với bệnh của ông tên gọi khác nhau, nhưng tánh chất giống hệt, nên Quang chẳng muốn nói nhiều.

Chỉ mong ông nhờ lá thư ấy mà lãnh hội. Phải biết người sau khi đã ngộ, dù tu trì giống hệt như người chưa ngộ, nhưng tâm niệm khác biệt. Người chưa ngộ Vô Sanh, cảnh chưa xảy đến đã mong sẵn, cảnh hiện tiền bèn nắm níu, cảnh đã qua rồi vẫn nghĩ nhớ. Người ngộ Vô Sanh thì cảnh tuy sanh diệt, tâm chẳng sanh diệt, giống hệt như gương sáng, đến không dính, đi không tăm tích. Tâm ứng theo cảnh như gương hiện bóng, trọn chẳng có mảy may ý niệm chấp trước, quyền luyện

nào! Dù đối cảnh vô tâm, vẫn sóng trào biển Hạnh, mây bủa cửa Từ. Đối với luân lý, cương thường thế gian và việc thượng hoằng hạ hóa đều mỗi mỗi nghiêm túc thật sự thực hành, dù táng thân mất mạng chẳng chịu vượt phạm. Đừng tưởng là đối cảnh vô tâm rồi phế hết các sự tu trì tự lợi, lợi tha, thượng hoằng, hạ hóa. Nếu hiểu như vậy, sẽ vướng sâu vào Không Ma, đọa vào Ngoan Không. Do đây, bài bác “chẳng có nhân quả”, buông lung làm càn, trở thành đem phạm lạm thánh, hoại loạn Phật pháp, làm lạc chúng sanh, tạo thành chủng tử A Tỳ địa ngục. Điều này có quan hệ hết sức sâu xa, bất đắc dĩ Quang phải vì ông mà trình bày sơ lược sự lợi hại.

* Nếu ước trên Thật Tế Lý Thể để luận, thì phạm, thánh, chúng sanh, Phật, nhân, quả, tu, chúng đều chẳng thể được. Nếu luận trên phương diện pháp môn tu trì, thì trên từ Như Lai đã thành Phật đạo,

dưới đến chúng sanh trong A Tỳ, đều chẳng ra ngoài nhân quả. Hiểu rõ lý tánh nhưng chẳng phế Sự Tu bèn là Chánh Tri. Chấp Lý tánh phế Sự Tu, bèn thành tà kiến. Sai chỉ hào ly, lập thành địa ngục và Phật quả khác biệt.

8.2. Luận về tâm tánh

* Tâm vừa Tịch, vừa Chiếu, bất sanh, bất diệt, rộng lớn, thấu triệt, linh thông, viên dung, hoạt bát, là gốc của hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Từ hạng phàm phu đầy dẫy triền phược, hôn mê, điên đảo lầm lạc cho đến tam thế chư Phật, tâm ấy vẫn hết như nhau, trọn không có gì khác. Vì thế nói: “*Tâm, Phật, chúng sanh cả ba không sai biệt*”.

Chỉ vì chư Phật chứng đắc rốt ráo, nên công đức, lực dụng phô bày triệt để; phàm phu toàn thể mê trái, lại còn áp dụng sức công đức lực dụng ấy vào sáu trần

cảnh, khởi tham, sân, si, tạo giết, trộm, dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp cảm khổ. Ba thứ Hoặc, nghiệp, khổ phát khởi lẫn nhau, nhân nhân quả quả liên tiếp chẳng dứt, trải trần sa kiếp chịu mãi luân hồi, dù muốn xuất ly cũng chẳng có cách nào! Ví như trong nhà tối mò phải của báu, không chỉ chẳng thể thụ dụng, lại còn bị của báu ấy gây tổn thương. Tâm mê chạy theo cảnh, quay lưng với Giác, xuôi theo trần lao cũng giống như thế.

Như Lai thương xót, dạy họ bỏ vọng về với chân, khôi phục tâm tánh mình. Thoạt đầu, dạy “hết vọng là chân”, kế đó dạy “toàn thể vọng chính là chân”, như gió lặng, sóng yên, nắng ấm, băng tan; sóng, băng trở thành nước. Sóng, băng cùng với nước há có phải là hai vật; nhưng lúc sóng chưa yên, băng chưa tan, so với lúc sóng đã lặng, băng đã tan, dù thể tánh trọn chẳng phải hai, Tướng và Dụng khác xa vời vợi. Bởi thế mới nói: “*Tu Đức hữu*

công, Tánh Đức mới hiển”. Nếu chỉ cậy vào Tánh Đức, chẳng chú trọng Tu Đức thì đến tận đời vị lai cứ mãi mãi là chúng sanh, luông uông Phật tánh sẵn có, không có chỗ dựa nương! Vì thế, Bát Nhã Tâm Kinh nói: “*Lúc Quán Tự Tại Bồ Tát thực hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật, soi thấy Ngũ Uẩn đều không, vượt hết thấy khổ ách*”.

Toàn thể Ngũ Uẩn là Chân Như diệu tâm, nhưng do một bề mê muội, trái nghịch, bèn thành tướng huyễn vọng. Vọng tướng đã thành, bèn làm mất Nhất Tâm. Đã mê muội nơi Nhất Tâm, các khổ đều nhóm lại. Như gió thổi, toàn thể nước trở thành sóng; trời lạnh, nước mềm trở thành cứng. Dùng Bát Nhã thậm thâm để chiếu soi liền hiểu rõ: Mê chân thành vọng, toàn vọng chính là chân; như gió lặng, trời âm, nước lại trở về bản thể. Vì thế biết rằng: Hết thấy các pháp đều do vọng tình biến hiện, nếu là vọng tình thì

bản thể của các pháp ấy hoàn toàn là Không. Bởi vậy, Tứ Đại đều mất bản tánh, lục căn dùng lẫn cho nhau. Do đó, Bồ Tát chẳng khởi Diệt Định, hiện các oai nghi, dùng nhãn căn làm Phật sự của nhĩ căn, dùng nhĩ căn làm Phật sự của nhãn căn, vào trong đất như vào nước, đi trong nước như đi trên đất, nước lửa chẳng thể đốt cháy hay nhận chìm được, tùy ý đi, ngồi trên hư không, cảnh không tự tánh, đều chuyển theo tâm.

Bởi vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nếu có kẻ nào nhận chân, quy nguyên thì mười phương hư không thấy đều tan mất*”. Đây chính là hiệu quả thật sự của việc “*soi thấy Ngũ Uẩn đều không*” vậy. “*Quy*” nghĩa là quay về, trở về, tức là ý nghĩa phản chiếu hồi quang, khôi phục tâm tánh vốn có. Nhưng muốn phản chiếu hồi quang khôi phục tâm tánh, nếu trước hết tâm chẳng quy hướng Tam Bảo, sẽ chẳng thể y giáo phụng hành. Tâm đã

quy hướng Tam Bảo, sẽ tự có thể khôi phục nguồn tâm, triệt chứng Phật tánh. Đã khôi phục được nguồn tâm vốn sẵn có, triệt chứng Phật tánh, mới biết tự tâm quý báu nhất, trong mê chẳng giảm, lúc ngộ chẳng tăng. Chỉ vì thuận theo pháp tánh, nên có thể thụ dụng; trái lại, sẽ bị tổn thương. Thế nhưng, tổn hại hay lợi ích cách biệt nhau một trời, một vực!

* Chúng sanh là Phật chưa ngộ, Phật là chúng sanh đã ngộ. Bản thể tâm tánh của chúng sanh và Phật bình đẳng, giống hệt như nhau, không hai, không khác; nhưng khổ, vui, thụ dụng khác biệt như trời với đất là do xứng tánh thuận tu hay trái tánh nghịch tu mà thành ra như thế. Lý này rất sâu, chẳng dễ tuyên nói. Để khỏi phí lời [giải bày], xin mượn ví dụ để minh thị:

Chư Phật tu đức đến cùng cực, chứng ngộ triệt để Tánh Đức, giống như

tâm gương báu tròn lớn. Thể chất của gương là đồng⁶⁶. Biết gương có tánh chất tỏa sáng, nên hằng ngày lau, mài, ra sức chẳng ngơi. Bụi hết, gương tỏa sáng, dựng trên đài cao, vật nào soi đến liền hiện bóng. Lớn như trời đất, nhỏ như hạt bụi, mỏng lông, sâu la vạn tượng đều hiện rành rành. Ngay trong lúc muôn vàn hình tượng cùng hiện ấy, gương vẫn rỗng rang, trống trải, trọn chẳng có một vật nào.

Tâm chư Phật cũng giống như vậy. Đoạn sạch phiền não, Hoặc nghiệp, hiển hiện trọn vẹn trí huệ, đức tướng, an trụ trong Tịch Quang, đến cùng tận đời vị lai thường hưởng pháp lạc, độ chín giới xuất ly sanh tử, cùng chứng Niết Bàn. Chúng sanh hoàn toàn mê nơi Tánh Đức, trọn chẳng tu đức mấy may, ví như gương báu bụi phủ, chẳng có mấy may quang minh nào, ngay cả chất đồng cũng bị teng đống, nên quang minh chẳng thể hiện. Tâm

⁶⁶ Thời xưa dùng những tấm đồng tròn, đánh bóng làm gương soi mặt.
VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

chúng sanh cũng giống như thế. Nếu biết tấm gương bị bỏ phế chẳng hiện chất đồng này vốn có quang minh soi trời chiếu đất; do đây, chẳng chịu bỏ phế, ngày ngày lau chùi, mài bóng. Lúc đầu, gương hơi lộ chất đồng, dần dà tỏa ánh quang minh, vẫn cứ lực mài cho sạch; một ngày kia, teng lẩn bụi hết sạch, tự nhiên hình tượng nào soi vào đều liền hiện bóng, soi trời, chiếu đất. Gương vốn tự có quang minh ấy, chẳng phải từ bên ngoài vào, chẳng phải do mài mà có; nhưng nếu chẳng mài, cũng không do cách nào mà có được!

Chúng sanh bỏ trần xuôi theo tánh giác, bỏ vọng theo chân, cũng giống như thế. Phiền Hoặc đoạn dần dần, trí huệ sẽ tăng dần dần. Đến khi công hạnh viên mãn, đoạn được cái không thể đoạn, chứng được cái không thể chứng, viên mãn Bồ Đề, trở về cái chẳng thể đạt được, thần thông, trí huệ, công đức, tướng hảo, trọn chẳng khác gì với mười phương ba

đời chư Phật. Dù là như vậy, cũng chỉ là khôi phục cái chính mình sẵn có, chẳng phải là mới có. Nếu chỉ chấp nhận Tánh Đức, chẳng khởi Tu Đức, ắt đến tận đời vị lai thường phải chịu nỗi khổ luân hồi sanh tử, vĩnh viễn chẳng có ngày khôi phục cái gốc, trở về cội nguồn được!

66

* Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng tâm hạnh, thụ dụng của Phật và chúng sanh tuyệt đối chẳng tương đồng! Vì sao vậy? Vì Phật bỏ trần theo giác, chúng sanh lại bỏ giác theo trần; Phật tánh dẫu đồng; mê, ngộ rất khác! Vì thế, sướng, vui, thảnh, trầm khác nhau một trời, một vực! Nếu quan sát kỹ nghĩa lý “ba nhân Phật tánh”, ắt không mỗi nghi nào là chẳng phá được, không ai là chẳng muốn tu tập! Ba nhân là chánh nhân, liễu nhân và duyên nhân.

Chánh nhân Phật tánh chính là diệu

tánh vốn sẵn có trong tâm ta, là Pháp Thân chân thường do chư Phật đã chứng. Diệu tánh này tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng, trong sanh tử chẳng nhiễm, ở Niết Bàn chẳng tịnh. Chúng sanh triệt để mê trái tánh này, chư Phật viên chứng rõ ráo. Mê, chứng tuy khác, tánh thường bình đẳng.

Thứ hai là liễu nhân Phật tánh, tức là chánh trí để phát sanh chánh nhân Phật tánh. Do tri thức hoặc là do kinh giáo, nghe biết diệu nghĩa Chánh Nhân Phật Tánh bèn liễu ngộ, biết do một niệm vô minh chướng lập nguồn tâm, chẳng biết bản thể của cảnh giới sáu trần vốn là Không, lầm tưởng là có thật, đến nỗi khởi tham, sân, si, tạo giết, trộm, dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp chịu khổ, khiến cho Chánh Nhân Phật Tánh ngược ngạo trở thành cái gốc để khởi Hoặc, tạo nghiệp, chịu khổ. Từ đây liễu ngộ, bèn muốn bỏ vọng về với chân, hòng mong

khôi phục bốn tánh.

Ba là duyên nhân Phật tánh, tức là trợ duyên. Đã liễu ngộ, phải tu tập các thứ thiện pháp, ngõ hầu tiêu trừ Hoặc nghiệp, tăng trưởng phước huệ, cốt sao tự chứng rốt ráo cái lý sẵn có mà ta đã ngộ đó mới thôi!

Xin dùng thí dụ để chỉ rõ: Chánh Nhân Phật Tánh như vàng trong quặng, như lửa trong gỗ, như ánh sáng nơi gương, như mầm trong hạt, dù là sẵn có, nhưng nếu chẳng biết đến, chẳng được các duyên như nung, luyện, khoét, dùi, mài, giũa, gieo trồng, mưa dầm... thì vàng, lửa, ánh sáng, mầm mộng vĩnh viễn chẳng khi nào phát sanh được! Do vậy biết: Tuy có chánh nhân, nhưng nếu không duyên, trọn chẳng thể thụ dụng được. Bởi thế, Phật thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật, muốn độ thoát họ; nhưng chúng sanh trọn chẳng liễu ngộ, chẳng chịu tu tập thiện pháp, đến nỗi bao kiếp dài lâu luân hồi

sanh tử, không thể thoát được. Do đó, Như Lai rộng bày các phương tiện, tùy cơ chỉ bày, dẫn dắt, mong chúng sanh bỏ vọng theo chân, bỏ trần theo giác.

* Cổ nhân nói: “*Sanh tử cũng lớn, há chẳng đau đớn ư?*” Trộm bàn: Đã chẳng biết nguyên do, dù có đau lòng cũng chẳng ích gì! Nên biết rằng: Hết thấy chúng sanh theo nghiệp lưu chuyển, thọ sanh trong sáu đường, sanh chẳng biết từ đâu đến, chết chẳng biết đi về đâu! Do nhân duyên tội hay phước mà sẽ thăng hay giáng, xoay vần luân hồi, chẳng lúc nào xong. Như Lai thương xót, dạy nhân duyên “*do Hoặc khởi nghiệp, do nghiệp cảm khổ*” và bản thể “*thường, lạc, ngã, tịnh, tịch chiếu viên dung*” khiến cho chúng sanh hiểu rõ: Do vô minh, nên mới có thân này. Vì thế, thân này hoàn toàn thuộc về huyễn vọng, không chỉ chẳng có Tứ Đại, ngay cả Ngũ Uẩn cũng đều

Không. Đã biết Ngũ Uẩn là Không thì Chân Như pháp tánh và Thật Tướng diệu lý sẽ triệt để phô bày trọn vẹn.

* Do tùy duyên, nên có tứ thánh, lục phàm, khổ, sướng, thăng, trầm khác xa nhau; nhưng duyên có tịnh, nhiễm, nên phải tùy thuộc vào một [trong hai duyên ấy]. Tùy thuộc nhiễm duyên, sẽ khởi Hoặc, tạo nghiệp, luân hồi sáu đường. Tùy thuộc tịnh duyên, sẽ đoạn Hoặc chứng Chân, thường trụ Niết Bàn. Do Hoặc nghiệp có nặng và nhẹ, nên có đường lành người, trời, đường thiện ác chen lẫn là A-tu-la, và ba ác đạo súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ. Do Hoặc khởi Hoặc, do nghiệp tạo nghiệp, hoặc thiện, hoặc ác, trọn chẳng có tướng nhất định, cho nên chỗ phải sanh về sẽ lần lượt thay đổi như bánh xe xoay tít chẳng có đầu mối, chọt lên, chọt xuống. Đã có đủ phiền hoặc, sẽ đều bị nghiệp buộc ràng, theo nghiệp thọ sanh, chẳng

thể tự làm chủ được!

Do đoạn chứng (đoạn Hoặc, chứng Chân) có sâu hay cạn, nên người đoạn Kiến Tư Hoặc sẽ chứng quả Thanh Văn, người trừ tập khí sẽ chứng quả Duyên Giác, bậc phá vô minh sẽ chứng quả Bồ Tát. Nếu trừ sạch vô minh, phước huệ viên mãn, công tu đức đến cùng cực, Tánh Đức phô bày trọn vẹn sẽ chứng Phật Quả. Chứng Phật Quả bất quá chỉ là chứng rốt ráo, triệt để những công đức, lực dụng sẵn có trong tâm tánh ngay khi còn thuộc địa vị phàm phu, nay thụ dụng toàn thể những công đức, lực dụng ấy mà thôi, chứ chẳng thêm mảy may gì vào cái tâm tánh ban đầu ấy cả! Như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, tuy sở chứng cao, thấp bất đồng, nhưng đều chưa thể thụ dụng trọn vẹn những công đức sẵn có nơi tánh. Thế nhưng hết thấy phàm phu lại hướng sức lực chẳng thể nghĩ bàn của tâm tánh ấy vào sáu trần cảnh, khởi tham, sân, si, tạo

giết, trộm, dâm, đến nỗi đọa vào ba ác đạo, trăm luân bao kiếp, ai nấy đều là như thế, chẳng đáng buồn ư?

* Trước không khởi đầu, sau không kết thúc, dù chứa đựng cả thái hư, vẫn chẳng thể lọt ra ngoài, dù nằm lọt trong vi trần, cũng chẳng thể lọt vào trong, thanh tịnh, sáng, sạch, trạm tịch, thường hằng, chẳng sanh, chẳng diệt, lìa tướng, lìa danh, là có, nhưng chẳng phải có, là không, nhưng chẳng phải không. Đây là Chân Tánh.

Xét ra, cái thân địa, thủy, hỏa, phong chỉ là gân, xương, máu, thịt chứa nhóm, vừa mới sanh liền diệt, vừa tươi tốt đã tàn úa. Các xương, đốt chông đỡ như kết gỗ làm nhà, một tấm da phủ ra ngoài như tô bùn trát vách. Bên trong toàn là phân tiêu, máu mủ, mặt ngoài là cấu ghét (hờm), mồ hôi, lông, tóc, giò tửa lúc nhúc, chấy rận như sao trời, giả gọi là Người, há tồn tại

cái Ngã! Lại dùng những thứ mình sẵn có là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý để bươn bả trong rừng gai góc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Do đó, khởi vô minh tham, sân, si, diệt mất chánh trí Giới, Định, Huệ. Ngũ Uẩn vốn không, há có ai chịu một phen quán chiếu. Sáu trần vô tánh, người người cho là thật, đến nỗi vạn khổ cùng tụ tập, cứ làm mãi tánh linh với vọng tâm và huyễn thân. Đúng như kinh Viên Giác nói: *“Hết thấy chúng sanh bao thứ điên đảo, nhận làm Tứ Đại là thân tướng của chính mình, nhận làm duyên ảnh của Lục Trần là tâm tướng của mình”*.

8.3. Luận về ngộ chứng

* Từ xưa, cao tăng hoặc cô Phật tái sanh, hoặc Bồ Tát thị hiện, đều thường hiện thân làm phàm phu, trọn chẳng hề nói “ta là Phật, ta là Bồ Tát”. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: *“Sau khi ta diệt độ, ta*

truyền các Bồ Tát và các A La Hán, ứng thân sanh trong thời Mạt pháp, hiện các thứ thân để độ những kẻ đang luân chuyển, nhưng trọn chẳng tự bảo mình thật sự là Bồ Tát hay A La Hán, tiết lộ nhân duyên bí mật của Phật, chỉ thường nhún nhường nói mình là kẻ mạt học”. Chỉ trừ lúc lâm chung, bèn ngầm để lại lời phó chúc.

Trí Giả Đại Sư thật sự là hóa thân của Phật Thích Ca, đến lúc lâm chung, có người hỏi Ngài đã chứng đến địa vị nào. Ngài đáp: “Nếu tôi chẳng lãnh chúng, ắt sẽ tịnh sáu căn, vì tôn mình lợi người, nên chỉ đạt được Ngũ Phẩm. Do vậy, vẫn còn thuộc địa vị phàm phu!” Ngũ Phẩm tức là địa vị Quán Hạnh trong Viên Giáo, sở ngộ bằng với chư Phật, đã chế phục hoàn toàn ngũ trụ phiền não, nhưng vẫn chưa thể đoạn Kiến Hoặc. Ngài Trí Giả lúc lâm chung còn chẳng hé lộ sở chứng thật sự, vì để khích lệ kẻ hậu học hãy gắng chí

ting tu, chẳng đến nỗi được chút ít đã cho là đủ, hoặc còn là phạm phu mà đã lạm xưng là thánh!

Nay bè lũ ma khoe xằng chính mình đắc đạo, hoại loạn Phật pháp, làm lạc chúng sanh, là kẻ đại vọng ngữ. Cái tội đại vọng ngữ đó nặng hơn tội Ngũ Nghịch, Thập Ác trăm ngàn vạn ức lần. Thầy trò chúng nó sẽ đọa mãi trong địa ngục A Tỳ trải qua Phật sát vi trần số kiếp⁶⁷, luôn chịu khổ cùng cực, không cách nào thoát khỏi. Sao đành vì hư danh, lợi lạc phù phiếm một thời, để phải chịu hình phạt thảm khốc dài cả kiếp? Danh lợi làm con người làm lạc đến nỗi như thế đây!

* Niệm Phật, xem kinh, ngộ lý Nhị Không, chứng pháp Thật Tướng là ước trên phương diện tự tính ngộ tu trì để dạy về nhân hiện tại, quả mai sau. Chớ nên

⁶⁷ Phật sát vi trần số kiếp: Số kiếp nhiều như số vi trần trong một cõi Phật.
VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

cần rỗi, tự đắc, bảo là ngay trong đời này, sẽ đạt được như thế. Chứng Thật Tướng ngay trong đời này chẳng phải là không có người làm được, chỉ e hiện khiết⁶⁸ không có căn lành ấy! Nếu chẳng trình bày rõ nguyên do, e rằng ông sẽ lầm mong chứng thánh, chí cao, nhưng hạnh chẳng xứng, lâu ngày ắt sẽ mất trí đâm cuồng, chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng bảo đã chứng, cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng. Xét đến kết quả, khó tránh chìm đắm mãi mãi trong nẻo ác; không chỉ mai một tánh linh của chính mình, mà thật sự còn cô phụ Phật ân nữa!

Đối với hai thứ Không Lý, nếu chỉ luận về ngộ thì hàng phàm phu lợi căn cũng ngộ được. Như những người thuộc vào địa vị Danh Tự của Viên Giáo, tuy chẳng thể chế phục mảy may ngũ trụ phiền não, nhưng sở ngộ của họ và sở ngộ của chư Phật không hai, không khác (Ngũ

⁶⁸ Bạn bè xa cách nhau gọi là “khiết khoát”, nên khi viết thư, ta hay gọi người bạn ở xa là “hiên khiết” (bạn hiên).

trụ: Kiến Hoặc là một trụ, Tư Hoặc gồm ba trụ. Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc gộp thành một trụ). Nếu nói theo nhà Thiên, những kẻ ấy gọi là bậc đại triệt đại ngộ; nếu nói theo bên Giáo sẽ là “đại khai viên giải”. [“Đại triệt đại ngộ”] chẳng phải là chỉ hiệu loáng thoáng mơ hồ đâu nhé! Như Bàng cư sĩ (Bàng Long Uẩn) nghe Mã Tổ bảo: “Đợi khi nào ông một hơi uống cạn nước Tây Giang, ta sẽ nói cho ông hay” liền đốn vong huyền giải. Ngài Đại Huệ Cảo nghe ngài Viên Ngộ bảo: “Gió nồm từ Nam thổi, điện gác mát mẻ sao!” cũng ngộ như thế. Tổ Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa đến câu “gọi là chân tinh tấn, là chân pháp đẽ cụng dường Như Lai” của phẩm Dược Vương Bốn Sự liền hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, tận mắt thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Ngộ như thế mới gọi là “đại triệt đại ngộ, đại khai viên giải!”

Nếu nói về pháp để chứng Thật Tướng thì hàng phàm phu sát đất chẳng thể làm được. Nam Nhạc Tư đại thiên sư là Đắc Pháp Sư⁶⁹ của ngài Trí Giả, có đại trí huệ, có đại thần thông, lúc lâm chung, có người hỏi đến sở chứng, Ngài bảo: “*Tôi lúc đầu mong đạt được Đồng Luân, nhưng do lãnh chúng quá sớm, nên chỉ đạt được Thiết Luân mà thôi!*” (Đồng Luân tức là Thập Trụ, phá một phần vô minh, vừa mới dục vào Thật Báo Tịnh Độ, chứng được một phần Tịch Quang Tịnh Độ. Bạc Sơ Trụ có thể hiện thân làm Phật giáo hóa chúng sanh trong một trăm tam thiên đại thiên thế giới. Nhị Trụ giáo hóa được một ngàn, Tam Trụ giáo hóa bốn ngàn. Mỗi địa vị cứ gấp mấy chục lần hơn. Thiết Luân tức là địa vị thứ mười trong Thập Tín. Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, Thất Tín đoạn Tư Hoặc, Bát, Cửu, Thập Tín phá được Trần Sa, chế phục vô minh. Ngài

⁶⁹ Đắc pháp sư: Lãnh hội pháp, chứng ngộ pháp nơi vị nào thì vị ấy gọi là “đắc pháp sư”.
VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

Nam Nhạc Huệ Tư thị hiện chỉ chứng được ngôi thứ mười trong Thập Tín, tức là vẫn chưa chứng được pháp Thật Tướng. Phá một phẩm vô minh liền chứng Sơ Trụ, mới được gọi là chứng pháp Thật Tướng).

Trí Giả đại sư là hóa thân của Phật Thích Ca. Lâm chung có người hỏi: “Chưa rõ đại sư đã chứng nhập địa vị nào?” Ngài đáp: “*Nếu ta chẳng lãnh chứng, ắt sẽ tịnh được sáu căn* (tức là nếu ngài không thâm nạp, giáo hóa đồ chúng, Ngài sẽ chứng được Thập Tín, sáu căn thanh tịnh như trong phẩm Pháp Sư Công Đức kinh Pháp Hoa đã nói). *Do tôn mình lợi người, nên chỉ chứng được Ngũ Phẩm*” (Ngũ Phẩm tức là địa vị Quán Hạnh, chế phục trọn vẹn Ngũ Trụ Hoặc, nhưng vẫn chưa đoạn được Kiến Hoặc).

Ngẫu Ích đại sư lâm chung có bài kệ như sau:

Danh tự vị trung chân Phật nhãn,
Vị tri tất cánh phó hà nhân.

(Phật nhãn hã̃y còn nơi danh tự,
Giao ai rớt cuộc biết đầu là!)

(Người thuộc về địa vị danh tự đã viên ngộ Tạng Tánh giống như chư Phật, nhưng chưa thể chế phục Kiến Hoặc, huông hồ là đoạn nôi! Thân phận những bậc đại triệt đại ngộ trong đời Mạt phần đông giống như vậy. Tạng Tánh chính là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, là tên gọi khác của pháp Thật Tướng).

Ngẫu Ích đại sư thị hiện chỉ chứng địa vị Danh Tự, ngài Trí Giả thị hiện chỉ chứng Ngũ Phẩm, ngài Nam Nhạc thị hiện chỉ chứng Thập Tín. Tuy bốn địa của ba vị đại sư đều chẳng thể suy lường được, nhưng các Ngài thị hiện chỉ chứng ba địa vị Danh Tự, Quán Hạnh, Tương Tự, đủ thấy Thật Tướng chẳng dễ chứng. Vì kẻ hậu tấn khó thể vượt hơn các Ngài được, chỉ e chúng nó chưa chứng đã bảo là chứng, nên các Ngài lấy thân mình thuyết pháp, ngõ hầu người đời sau tự biết hồ

thẹn, chẳng dám làm xằng đó thôi! Ân thị hiện địa vị sở chúng vào lúc sau cùng của ba vị đại sư đúng là nghiền xương, nát thân khó thể báo đáp! Ông hãy tự suy gẫm xem chính mình thật sự có vượt trời ba vị đại sư ấy hay chẳng?

Còn như cho rằng: “Niệm Phật, xem kinh, vun bồi căn lành, sau khi vãng sanh Tây Phương, thường hầu Phật Di Đà, cao dự hải hội, tùy theo công hạnh cạn hay sâu, ắt chúng Thật Tướng sớm hay trễ” thì đây là lời quyết định vô ngại, là điều hết thấy những người vãng sanh cùng chúng, cùng đắc vậy!

* Ngộ là phân minh rành rành như mở cửa thấy núi, vệt mây thấy trăng. Lại như người mắt sáng đích thân thấy đường về nhà, cũng như kẻ nghèo đã lâu chợt mở toang kho báu. Chúng là như theo đường về nhà, dừng chân ngồi yên, cũng như giữ lấy kho báu ấy, tùy ý hưởng dùng. Phạm

phu đại tâm cũng có thể liễu ngộ giống như chư Phật, nhưng về mặt Chứng thì Sơ Địa còn chẳng thể biết chỗ giở chân, đặt chân của bậc Nhị Địa. Hiểu được ý nghĩa Chứng và Ngộ rồi, tự nhiên sẽ chẳng khởi lòng tăng thượng mạn, chẳng nẩy ý lui sụt, mà cái tâm cầu sanh Tịnh Độ dù một vạn con trâu cũng chẳng kéo lui lại được!

* Trí Giả đại sư được người đời xưng tụng là hóa thân của Phật Thích Ca. Chẳng ai biết được sở chứng của Ngài, nhưng Phật hiện thân tạo pháp tắc cho chúng sanh. Vì thế, đại sư thị hiện vẫn thuộc địa vị phàm phu, bảo: “*Nếu ta chẳng lãnh chứng, ắt sẽ tịnh được sáu căn*”. Ngài dùng chính thân mình để răn người, hiện thân thuyết pháp. Thoạt đầu, đại sư mong đoạn Hoặc chứng Chân, đạt thẳng lên Thập Địa hay Đẳng Giác. Do phải hoằng pháp lợi sanh, bỏ lỡ công phu Thiên Định của chính mình, nên chỉ chứng

địa vị Ngũ Phẩm Quán Hạnh trong Viên Giáo mà thôi! Vì thế, Ngài nói: “*Do tôn mình lợi người, nên chỉ đạt được Ngũ Phẩm*”.

Ngũ Phẩm là năm môn tùy hỷ, đọc tụng, giảng nói, kiêm hành Lục Độ và chánh hành Lục Độ. Địa vị Ngũ Phẩm trong Viên Giáo viên ngộ Tạng Tánh (Tạng tánh là Thật Tướng diệu lý, khi còn triền phược (“tạ triền”) gọi là Như Lai Tạng Tánh. Lúc thoát được triền phược, bèn gọi là Tịnh Pháp Thân. Nói chung, vì chưa đoạn vô minh, nên gọi là Triền) giống hết sở ngộ của Phật, trọn chẳng khác gì. Đã chế phục trọn vẹn Kiến, Tư, Trần Sa, Vô Minh, Phiền Não, nhưng chưa thể đoạn Kiến Hoặc. Nếu đoạn Kiến Hoặc, liền chứng Sơ Tín. Đạt đến địa vị Thất Tín thì mới đoạn sạch Tư Hoặc, thật sự chứng “*lục căn tùy ý, chẳng nhiễm sáu trần*”. Vì thế, gọi là địa vị “*lục căn thanh tịnh*”.

Đã thế, trong mỗi một căn, lại có đủ công đức của sáu căn, làm Phật sự của sáu căn. Do vậy, còn gọi là “*lục căn hỗ dụng*” (sáu căn dùng lẫn nhau) như trong phẩm Pháp Sư Công Đức của kinh Pháp Hoa đã nói. Ngài Nam Nhạc thị hiện chứng địa vị này. Người thuộc vào địa vị này không chỉ có đại trí huệ, lại còn có đại thần thông, thần thông của Tiểu Thừa A La Hán chẳng thể sánh bằng. Vì thế, ngài Nam Nhạc lúc sanh tiền cũng như sau khi tịch luôn có những sự chẳng thể nghĩ bàn khiến cho kẻ thấy hoặc nghe phát khởi tín tâm.

Nam Nhạc, Trí Giả đều là bậc Pháp Thân Đại Sĩ, địa vị thực chứng của các Ngài có ai dò được mức cao sâu! Chẳng qua, các Ngài muốn cổ vũ hậu thế chuyên tinh học đạo, nên mới chịu khuất lấp như thế, há có phải các Ngài thật sự chỉ chứng địa vị Thập Tín Tương Tự hay Ngũ Phẩm Quán Hạnh! Lũ phàm phu sát

đất chúng ta há kham học đòi các Ngài được ư? Hãy nên ưa thô trì trọng giới⁷⁰, nhất tâm niệm Phật, kiêm tu các điều lành thế gian để làm trợ hạnh, noi theo pháp của các vị Vĩnh Minh, Liên Trì để hành thì không ai là chẳng được lợi!

* Các tông tu trì Phật pháp phải đến mức “*hạnh khởi, giải tuyệt*” thì mới được lợi ích thật sự; chỉ riêng Tịnh Tông chẳng tu quán như thế. Nhà Thiên đem một câu thoại đầu hoàn toàn vô nghĩa đặt vào trong tâm, coi như bốn mạng nguyên thân, chẳng kể năm tháng, suốt ngày tham cứu cho đến khi nào cả thân tâm lẫn thế giới đều chẳng biết đến nữa, mới hòng đại triệt đại ngộ; chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt hay sao? Lục Tổ nói: “*Chỉ xem kinh Kim Cang, liền có thể minh tâm kiến tánh*”, đấy chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt ư? Theo ngu ý, chữ Khởi nên hiểu là

⁷⁰ Đắc pháp sư: Lãnh hội pháp, chứng ngộ pháp nơi vị nào thì ấy gọi là “đắc pháp sư”.
VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

Cực, tức là tận lực đến cùng cực, mới hòng đạt đến cả Năng lẫn Sở cùng mất, nhất tâm được phô bày triệt để. Nếu hạnh chưa đến mức cùng cực, dù có quán niệm, vẫn còn có Năng, có Sở, vẫn hoàn toàn là xử sự bằng phàm tình, hoàn toàn là tri kiến phân biệt, hoàn toàn là tri giải, làm sao đạt lợi ích chân thật cho được? Phải tận sức đến cùng cực thì Năng, Sở, tình kiến mới tiêu diệt, chân tâm vốn có mới phát hiện. Bởi thế, thuở xưa có kẻ ngậy ngô, về sau chứng đạo phong, rạn rỡ cổ kim. [Muốn tu hành đạt được] lợi ích, [phải] hoàn toàn [chú trọng] nơi một chữ Cực vậy!

* Người khéo đạt lợi ích thì không gì là chẳng hữu ích, người cam chịu tổn mình sẽ chẳng bị tổn hại gì cả. Người đời nay hay dùng Thế Trí Biện Thông để làm cái vốn nghiên cứu Phật học; vừa biết được chút nghĩa lý đã bảo mình chứng đắc. Từ

đây, tự nghĩ mình cao quý, miệt thị cồ kim. Đừng nói là người hiện đại chẳng đáng để vào mắt, ngay cả những bậc cao tăng từ một ngàn mấy trăm năm trước (đa phần là cồ Phật tái lai, hoặc Pháp Thân Bồ Tát thị hiện) đều bị họ coi tuốt là hạng tầm thường, chẳng đáng để noi theo! Chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng khoe đã chứng. Nghe lời họ nói cao chót vót chín tầng trời, xét tâm họ thấp chùn dưới chín tầng đất! Tập nhiệm như thế hãy nên quyết liệt trừ khử. Nếu không, khác nào Đề Hồ đưng trong chén độc, giết người chết tươi!

Nếu có thể niệm niệm quay lại xem xét tự tâm, không chỉ sẽ được lợi ích nơi các pháp do đức Như Lai đã giảng, mà ngay cả phiến đá, hòn sỏi tầm thường, chiếc đèn lồng, cây cột, tất cả những hình sắc, thanh âm trong đại địa, không thứ gì chẳng phải là diệu lý Thật Tướng Đệ Nhất Nghĩa Đế! Bởi thế mới nói: “*Xưa nay chưa có ai, sao từng mộng thấy được?*”

Xin hãy tin chắc, gắng sức thực hành.

* Những điều lệnh thân⁷¹ được thấy thật là hy hữu, lạ lùng, có thể nói là có thiện căn từ xưa, nhưng phải ra sức gắng công tu trì thì giác mộng ấy mới chẳng bị uổng phí. Nếu như vì tri kiến phàm phu, làm tướng chính mình đã được Tam Bảo gia bị, đã dự vào dòng thánh, rồi sanh đại ngã mạn, chưa đắc bảo đã đắc, chưa chứng bảo đã chứng, sẽ thành ra do nhân lành chuốc lấy quả ác. Người đời mặt tâm trí hèn kém thường mắc phải căn bệnh ấy. Câu kinh Lăng Nghiêm: “Chẳng nghĩ là thánh tâm thì gọi là cảnh giới lành, nếu cho là thánh giải sẽ vương quần tà” chính là nói về tình trạng này. Xin hãy lấy việc tận lực tu trì pháp môn Tịnh Độ để tự khích lệ mình, ngõ hầu tương lai quyết định được hưởng đại lợi ích!

⁷¹ Lệnh thân: Tiếng gọi tỏ ý tôn trọng đối với mẹ của người khác.
VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

* Niệm Phật chú trọng vãng sanh, niệm đến cùng cực thì cũng có thể minh tâm kiến tánh, chẳng phải là niệm Phật hoàn toàn chẳng ích lợi gì cho đời hiện tại! Xưa kia, ngài Minh Giáo Tung Thiên Sư⁷², nhật khóa niệm mười vạn lần thánh hiệu Quán Thế Âm, sau này mọi kinh sách thế gian Ngài không đọc nhưng đều biết. Cứ xem Tịnh Độ Thập Yếu và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ắt sẽ biết niệm Phật mẫu nhiệm, Quang tôi đã nhắc đến nhiều lần trong cuốn Văn Sao hủ lậu của mình. Cư sĩ bảo “niệm Phật vô ích đối với đời này” thì không chỉ chưa thâm hiểu các kinh luận Tịnh Độ, mà ngay cả với cuốn Văn Sao của Quang cũng chỉ cưỡi ngựa xem hoa, chưa đọc hiểu thật kỹ vậy!

* Tuy Tịch Quang Tịnh Độ là “*đương*

⁷² Vị này có pháp hiệu là Khiết Tung, tự là Trọng Linh, tự hiệu là Tiềm Tử, mỹ hiệu là Minh Giáo, quê ở Đàm Tân, Đằng Châu, là một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn, trụ tại chùa Linh Ân. Sư thường đội tượng Quán Âm trên đỉnh đầu, mỗi ngày niệm thánh hiệu Quán Âm mười vạn câu, ngộ pháp nơi ngài Hiếu Thông của tông Vân Môn, kinh sách văn chương thế gian không học mà tự biết.

xứ tức thị”⁷³, nhưng nếu chẳng là bậc trí
đoạn rớt ráo, viên chứng Pháp Thân Tỳ Lô
Giá Na, sẽ chẳng thể triệt để chứng ngộ,
đích thân thụ dụng được! Bốn mươi một
địa vị gồm Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập
Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác trong
Viên Giáo vẫn còn là “phần chứng”
(chứng nhập được ít phần). Nếu ông đã
viên chứng được Pháp Thân Tỳ Lô Giá
Na, nói “*đương xứ tức thị Tịch Quang*”
cũng chẳng ngại gì. Nếu không, chỉ là kê
tên món ăn, đếm cửa báu, chẳng khỏi bị
đói rét đến chết mà thôi!

⁷³ Có thể tạm hiểu là “ngay nơi đây chính là cõi Thường Tịch Quang”, hoặc “hiện hữu ngay tại nơi đây”, hoặc “có thể ngộ nhập ngay nơi đây, chẳng cần tìm nơi khác”.

8.4. Luận về Tông, Giáo

* Những giảng sư đời Mạt thường thích giảng Thiền, đến nỗi thính chúng đa số chấp vào những câu công án. Trộm nghĩ: Những câu cơ phong chuyển ngữ (thoại đầu, công án) trong nhà Thiền tuyệt đối chẳng có ý nghĩa gì, chỉ nhằm đáp ứng căn cơ của người đến hỏi hòng chỉ nẻo hướng thượng. [Những câu chuyển ngữ] ấy chỉ nên để tham cứu, sao lại giảng nói? Giảng kinh như vậy chỉ những bậc đại sĩ siêu phàm mới hưởng lợi ích, còn những hạng trung hạ khác đều mắc bệnh hết. Đối với Tông, chẳng biết tận lực tham cứu những câu cơ phong chuyển ngữ, chỉ lo phỏng đoán ý nghĩa. Với Giáo, do thật lý, thật sự há có phải là cảnh giới của mình, bèn làm tướng [Phật, Tổ] nói thí dụ để giảng pháp. Dem Tông phá Giáo, dùng Giáo phá Tông, cái tệ nạn lưu hành

này không còn gì tệ hơn được nữa!

* Từ ngài Tào Khê (Lục Tổ Huệ Năng) về sau, đạo Thiên lưu truyền rộng rãi; mỗi văn tự “*chẳng lập văn tự*” phổ biến khắp hoàn vũ. Đường giải thuyết ngày càng mở rộng, cửa chứng ngộ ngày càng bế tắc! Vì thế, các tổ Nam Nhạc, Thanh Nguyên đều dùng cơ phong chuyển ngữ để độ người, khiến cho Phật, Tổ trở thành ngôn ngữ suông, không có cách nào đáp được lời các Ngài hỏi. Nếu chẳng phải thật sự là căn cơ tương xứng, sẽ chẳng thể hiểu lời ấy. Dùng cách ấy để xét nghiệm, khiến vàng, thau rạch ròi, ngọc, đá rành rành, không còn cách nào giả trá, ngăn trở đạo pháp. Đây chính là duyên do của cơ phong chuyển ngữ.

Từ đây về sau, pháp này ngày càng thịnh hành, được các tri thức đề cao, chỉ e lạc vào lối mòn của người khác, trở thành khuôn sáo cũ kỹ, khiến người học nghi

ngờ, lâm lạc, hoại loạn Tông phong, nên cơ phong chuyển ngữ ngày càng cao tột, vô phương chuyển biến, để người khác (người căn cơ không phù hợp) chẳng biết đâu mà mò. Bởi thế, mới có những câu nói trách Phật, quở Tổ, bài xích kinh giáo, bác bỏ Tịnh Độ! (Tác dụng như thế, hai câu của Nam Nhạc Huệ Tư đại sư đã nói sạch: “*Siêu quần xuất chúng thái huyền hư, chỉ vật truyền tâm nhân bất hội*” (Siêu quần, xuất chúng quá hư huyền, chỉ vật truyền tâm người chẳng hiểu). Ngõ những lời ấy là thật pháp, sẽ có tội giống như Ngũ Nghịch). Những lời lẽ ấy nhằm cưỡng đoạt tình kiến, bít chặt sự biện giải của người nghe. Người căn thuần sẽ nhờ ngay đó biết đường trở về, triệt ngộ hương thượng; người căn cơ chưa thuần sẽ chân thành, tận lực tham cứu, quyết đạt đến đại triệt, đại ngộ mới thôi. Ấy là vì tri thức còn nhiều, căn tánh con người vẫn còn thông lợi, hiểu rành rõ giáo lý, tâm sanh tử

khẩn thiết, dù chưa thể liễu ngộ ngay, cũng chẳng nản lòng hèn kém, cho đó là thật pháp vậy!

* Hiện tại, lắm kẻ mới đọc vài cuốn sách Nho, chẳng hiểu đạo lý thế gian, chưa hiểu cùng tột giáo thừa, chẳng hiểu Phật pháp, vừa mới phát tâm, bèn gia nhập Tông môn. Hàng tri thức chỉ vì duy trì môn đình, cũng học đòi cổ nhân xiển dương, chẳng quản đạo pháp lợi hại thế nào. Người theo học chẳng phát khởi mỗi nghi tình chân thật, đối với bất cứ điều nào cũng tưởng là thật pháp! Đối với những câu khai thị của người hiện tại hoặc những câu chép trong sách của cổ nhân, có kẻ bèn tự ý suy diễn nêu ra nghĩa lý, dù trọn chẳng ra khỏi việc giải thích ý nghĩa theo mặt văn tự, nhưng cứ tự hào là triệt ngộ hướng thượng, việc tham học đã hoàn tất rồi, liền dự ngay vào địa vị tri thức để dạy dỗ đàn hậu học, lập riêng một môn

đình. Cứ sợ người khác chê mình chẳng phải là bậc thông gia, bèn cùng hoằng dương Thiên và Giảng (Giáo Hạ), muốn được xưng tụng là “*Tông Thuyết kiêm thông*”. Giảng về Tông thì khi giảng những lời chỉ quy hướng thượng của cổ đức, rớt cuộc chỉ giảng nghĩa câu văn theo mặt văn tự. Khi giảng Giáo, cái đạo tu nhân chứng quả của Như Lai bị họ ngược ngạo biến thành những thuyết “mượn thí dụ để biểu thị pháp”. Dùng Giáo phá Tông, đem Tông phá Giáo, kẻ đui dẫn lũ mù, kéo nhau vào lửa, đến nỗi bọn hậu bối chẳng được nghe gương sáng của tiền bối, láo nháo bắt chước thầy khinh Phật, lòn Tổ, bài nhân, bác quả mà thôi!

* Giáo độ khắp ba căn, thâm trọn lợi độn, ví như chiếu chỉ sáng suốt của vua thánh, vạn quốc tôn sùng, trí, ngu, hiền, tệ đều cùng hiểu rõ, đều phải tuân hành. Nếu kẻ nào chẳng tuân, sẽ bị xử cực hình. Nếu

kẻ nào chẳng tuân lời Phật dạy, ắt sẽ đọa trong ác đạo. Tông chỉ độ thượng căn, chẳng nhiếp trung căn, hạ căn; giống như tướng quân nhận mật lệnh, người [thân cận] trong doanh mới biết, kẻ ngoài doanh dù có trí huệ cũng chẳng hiểu được. Vì thế, mới có thể dùng toàn quân diệt giặc, thiên hạ thái bình. Hễ quân lệnh bị tiết lộ, ba quân sẽ tan vỡ; Tổ ấn bị tiết lộ, năm tông⁷⁴ chết tiêu. Kẻ chưa ngộ chỉ được phép tham cứu thoại đầu, chẳng được xem đọc sách Thiên, thật ra chỉ là vì sợ kẻ ấy hiểu lầm ý Tổ, chấp mê là ngộ, lấy giả rôi chân. Đây gọi là [Tổ ấn] bị tiết lộ, tai hại cực lớn.

* Về nguồn không hai, phương tiện nhiều cửa. Phương tiện của nhà Thiên vượt ngoài khuôn khổ, tựa hồ quét sạch hết thảy ngôn ngữ. Kẻ không lãnh hội được ý ấy, chẳng hiểu ý chỉ rời lìa ngôn

⁷⁴ Năm tông: Năm tông của nhà Thiên là Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn và Pháp Nhãn.
VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

ngũ, chuyên nhai bã hèm, nên đối với Tông chỉ lo suy diễn [ý Tổ], chẳng chịu tận lực tham cứu, đối với Giáo bèn lằm lạc học đòi viên dung, phá hoại sự tướng! Chỉ có bậc đại đạt là được lợi ích cả nơi Tông lẫn nơi Giáo. Nếu không, đề-hồ, cam lộ bị chứa trong bình độc, bèn thành tỳ sương, trầm độc!

* Dù trung căn, hạ căn, vẫn có thể được lợi ích nơi Giáo, nhưng nếu chẳng phải là bậc thượng thượng căn, sẽ chẳng thể thông suốt Giáo để vận dụng. Dầu kẻ trung, hạ căn khó thể chuyên chí nơi Tông, nhưng bậc thượng căn lại có thể đại triệt đại ngộ để hồng chứng nhập. Trong Giáo, phải thông đạt hết các pháp thế gian, Phật pháp, Sự, Lý, Tánh, Tướng, lại còn phải đại khai viên giải (nhà Thiền gọi là đại triệt đại ngộ) thì mới có thể làm đạo sư của cả trời lẫn người.

Trong Tông, tham thấu suốt một câu

thoại đầu, thấy được bốn lai, bèn có thể xiển dương tông phong “trực chỉ”. Nếu nhằm lúc Phật giáo hưng khởi lớn lao và là bậc thông đạt rộng rãi Phật pháp, hãy nên tham cứu theo nhà Thiên, giống như Tăng Diêu vẽ rồng, hễ điểm nhãn, rồng liền bay lên ngay lập tức. Còn nhằm khi Phật pháp suy vi, kẻ tức căn kém cõi hãy nên tu trì theo Giáo. Ví như thợ vụng chế đồ vật mà bỏ hết dây mực, rốt cuộc chẳng làm gì được cả!

* Nay muốn báo ơn Phật, lợi lạc hữu tình thì nhà Thiên dù chuyên xiển dương tông phong, vẫn phải dùng Giáo để ấn chứng; bên Giáo thì tận lực tu trì quán hạnh, chẳng lạm bàn thiên ngữ. Ấy là vì tâm thông diệu đế, hễ gặp duyên liền thành Tông. “*Cây bách, que phân khô, qua kê, sẻ hót, nước chảy, hoa nở, ho khạc, phẩy tay, cười chê, giận chửi*”, pháp nào pháp nấy đều là Tông cả. Lẽ nào diệu

pháp viên đốn do chính kim khẩu đức
Nhu Lai nói ra chẳng đáng kể là Tông sư?
Cần gì phải mượn cái thanh chống cửa
nhà người để chống đỡ cửa nẻo nhà mình!
Trong nhà vốn sẵn gỗ Tiên, gỗ Nam, gỗ
long não, có sao vứt bỏ chẳng dùng? Hãy
nên biết rằng: Pháp không có cao, hèn,
chỉ là nhất đạo thường nhiên, do căn cơ có
sống hay chín nên tuy là một pháp mà lợi
ích khác biệt!

8.5. Luận về Trì Chú

* Một pháp Trì Chú chỉ nên dùng làm
Trợ Hạnh, chẳng nên lấy Trì Chú làm
Chánh Hạnh, coi Niệm Phật là pháp tu
phụ! Dù pháp môn Trì Chú cũng chẳng
thể nghĩ bàn, nhưng phàm phu được vãng
sinh hoàn toàn nhờ vào lòng tin chân
thành, nguyện thiết tha, cũng như do đại
thệ nguyện của A Di Đà Phật cảm ứng
đạo giao mà được Ngài tiếp dẫn. Nếu

chẳng hiểu lẽ này, dù pháp nào cũng đều chẳng thể nghĩ bàn, tu bất cứ pháp nào mà chẳng được, nhưng vẫn trở thành “*không Thiên, không Tịnh Độ, giường sắt và cột đồng, vạn kiếp với muôn đời, không có ai nương dựa!*”

Nếu tự biết chính mình là phàm phu đầy dẫy triền phược, toàn thân là nghiệp lực, nếu chẳng cậy vào nguyện lực hoằng thệ của Như Lai, quyết khó thể chắc chắn thoát khỏi luân hồi ngay trong đời này, ắt sẽ biết lực dụng của những giáo pháp đức Phật đã dạy ra trong cả một đời đều chẳng thể bằng một pháp Tịnh Độ này.

Nếu trì chú, tụng kinh để gieo trồng phước huệ, tiêu tội nghiệp thì được; nhưng nếu vọng động mong cầu thần thông thì đúng là bỏ gốc theo ngọn, chẳng khéo dụng tâm. Nếu tâm này cố kết, lại chẳng hiểu rõ lý, giới lực chẳng vững, Bồ Đề tâm chẳng sanh, tâm nhân ngã càng thịnh, ắt chẳng mấy chốc sẽ bị ma dựa

phát cuồng! Phàm muốn được thần thông, phải đắc đạo trước đã! Hễ đắc đạo, liền tự có thần thông. Nếu chẳng dốc sức vào đạo, chỉ mong cầu thần thông, đừng nói là chưa đắc thần thông, dù có đắc cũng trở thành chướng đạo! Vì thế, chư Phật, chư Tổ thấy đều nghiêm cấm, chẳng muốn người đời tu tập thần thông! Do trong đời thường có những người có kiến giải như thế, nên tôi mới nhiều lần giải bày như vậy!

* Chỉ nên trì chú để trợ tu Tịnh nghiệp, đừng bộp chộp tác pháp, khinh nhờn Phật, thánh. Nếu đường đột tác pháp, nhưng thân tâm chẳng cung kính, chẳng chí thành, rất có thể ma sự sẽ khởi. Chỉ có một việc là nên tác pháp, nhưng đây lại chẳng phải là phận sự của các ông. Đó là: Nếu có ai phát tâm xuất gia, nhưng [thầy thế độ] chưa chứng đạo, chẳng thể quán xét căn cơ, bèn cầu xin Phật rủ lòng

Từ, ngâm dạy cho biết người ấy xuất gia được hay không, hòng tránh khỏi tệ nạn hạng đầu trộm đuôi cướp lộn sòng Tăng chúng. Nhưng ngày nay Tăng chúng thâm nạp đồ đệ, cứ sợ chẳng thâm được nhiều, dù biết rõ kẻ đó là phường hạ lưu, vẫn cứ vội vã thâm nạp, chỉ sợ nó bỏ đi mất, mấy ai chịu quyết trách như thế nữa! Tham danh lợi, ưa quyền thuộc đến nỗi Phật pháp ngập chìm sát đất, không có cách nào hưng khởi được nữa!

* Người niệm Phật cũng chẳng phải là không được trì chú, nhưng phải phân định rõ đâu là Chánh, đâu là Trợ, thì Trợ cũng quy về Chánh. Nếu cứ lằng nhằng chẳng thể phân biệt, coi giống hệt như nhau, Chánh cũng chẳng phải là Chánh nữa! Chú Chuẩn Đề, chú Đại Bi, chẳng có chú nào hơn kém! Nếu tâm chí thành, pháp nào cũng linh. Tâm chẳng chí thành, pháp nào cũng chẳng linh!

* Học chú Vãng Sanh bằng [chánh âm] tiếng Phạn cũng là rất tốt, nhưng chẳng được sanh tâm phân biệt, nghĩ chú văn lược dịch là sai. Hễ khởi tâm niệm ấy, sẽ sanh tâm ngờ vực đối với hết thảy các chú chép trong Đại Tạng, cho là những chú ấy chẳng hợp Phật ý. Phải biết rằng những vị dịch kinh đều chẳng phải tầm thường, sao lại vì những bản dịch của họ không giống nhau mà sanh lòng miệt thị? Hơn một ngàn năm, những người trì chú này được lợi ích chẳng thể kể xiết; chẳng lẽ mọi người trì chú trong hơn một ngàn năm ấy đều chẳng biết tiếng Phạn hay sao? Học thì đương nhiên phải học, tuyệt đối đừng khởi ý niệm ưu liệt, hơn kém thì lợi ích sẽ chẳng thể nghĩ bàn.

Hơn nữa, một pháp trì chú rất giống như pháp khán thoại đầu. Pháp khán thoại đầu dùng một câu vô nghĩa để dứt trừ phân biệt phàm tình hồng chứng Chân Trí

sẵn có. Pháp trì chú chẳng cần hiểu nghĩa lý câu chú, cứ chí thành khẩn thiết mà trì, dốc lòng thành đến cùng cực, tự được nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước cao, lợi ích chẳng thể nghĩ bàn được!

8.6. Luận về xuất gia

* Phật pháp chính là pháp chung cho cả chín pháp giới, không một ai là chẳng nên tu theo, cũng như không một ai chẳng thể tu! Người trì trai, niệm Phật thì nhiều, nhưng tính đến những người có thể làm cho đạo pháp hưng long, phong tục thuần thiện, chỉ sợ chẳng có mấy, [những người làm được như vậy] càng nhiều càng tốt. Xuất gia làm Tăng chính là để gìn giữ cũng như lập bày phương cách lưu truyền đạo pháp của Như Lai.

Có những người lập chí hướng thượng, phát đại Bồ Đề, thấu triệt Phật pháp, triệt ngộ tự tánh, hoằng dương tam

học (Văn, Tư, Tu), nhưng lại đặc biệt tán dương Tịnh Độ, ngõ hầu mau chóng thoát khỏi vòng khổ ải ngay trong một đời, chỉ e số người này cũng chẳng được mấy ai, càng được nhiều người như vậy càng tốt. Còn như những kẻ có chút tín tâm, chẳng có đại chí hướng, muốn mượn danh nghĩa tăng sĩ, ăn không ngồi rồi, ăn bám nhà Phật, mang danh con Phật, nhưng thật ra chỉ là gã trọc đầu, dẫu chẳng tạo ác nghiệp, cũng đã là hạt giống hư, là phế nhân đối với đất nước. Nếu lại còn phá giới, tạo nghiệp, điếm nhục Phật pháp, dù lúc sống trốn được quốc pháp, chết đi, chắc chắn đọa vào địa ngục. Đối với pháp, đối với chính mình đều chẳng lợi ích. Một gã như thế còn chẳng nên có, huống chi là nhiều!

Cổ nhân bảo: *“Xuất gia là việc của bậc đại trượng phu, chẳng phải là bậc quyền cao chức trọng⁷⁵ có thể làm được”,*

⁷⁵ Nguyên văn “xuất gia nãi đại trượng phu chi sự, phi tướng tướng sở năng vi” (xuất gia là chuyện của bậc đại trượng phu, chẳng phải là tướng quân hay thừa tướng có thể làm được). Chúng tôi chỉ dịch là bậc quyền cao VIII. *Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp* 534

đây chính là lời chân thật, chẳng phải là lời hạ thấp hạng quyền cao chức trọng đề đề cao Tăng-già đâu nhé! Ấy là vì đối với việc gánh vác gia nghiệp của Phật, tiếp nối huệ mạng của Phật, nếu chẳng phải là người phá vô minh hòng khôi phục bản tánh, hoằng dương pháp đạo lợi lạc chúng sanh, sẽ chẳng thể làm được! Nay những kẻ làm Tăng phần nhiều là hạng thô bỉ, bại hoại, vô lại, mong được sống an nhàn, thanh thoi; kẻ chịu trì trai niệm Phật còn chẳng có mấy, huống hồ là người có thể gánh vác gia nghiệp, tiếp nối huệ mạng ư? Hiện thời, Phật pháp sa sút đến tận đất đen là vì Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) chẳng xét thời cơ, chẳng tuân Phật chế, thay đổi cách khảo thí tăng sĩ của triều đại trước (nhà Minh), bỏ luôn độ điệp⁷⁶, cho phép ai nấy tùy ý xuất gia, gây thành mối tệ vậy!

chức trọng.

⁷⁶ Thời Minh, tăng sĩ phải trúng tuyển kỳ khảo thí về nội điển mới được cấp giấy chứng nhận (độ điệp) là Tăng sĩ thực thụ. Tăng sĩ không có độ điệp sẽ bị phạt tù, đánh đòn, sung quân làm lính ở nơi xa xôi.

* Cho tùy ý xuất gia, đối với bậc thượng sĩ thật là có lợi ích to lớn, nhưng đối với kẻ hạ căn, lại là sự tổn hại rất lớn. Nếu như toàn thể thế gian đều là bậc thượng sĩ, cố nhiên cách thức ấy rất hữu ích đối với đạo pháp; thế nhưng bậc thượng sĩ hiếm tợ vảy lân, kẻ hạ căn nhiều như long bò. Chỉ tạm hữu ích ngay trong lúc ấy (từ đầu nhà Thanh cho đến thời Càn Long, thiện tri thức nhiều như rừng, nên bảo là “hữu ích”), họa lan sâu hậu thế; cho đến hiện tại, thói tệ ô tạp, lạm dụng đã đến mức cùng cực. Dù có thiện tri thức muốn chinh đốn một phen, cũng chẳng thể làm gì được, chẳng đáng buồn ư?

Từ rày về sau, người xuất gia điều thứ nhất là phải thật sự phát khởi đại Bồ Đề tâm tự lợi lợi tha, thứ hai là phải có thiên tư hơn người mới cho xuống tóc, không vậy không được. Còn đối với người nữ có tín tâm, hãy bảo họ tu hành tại gia, vạn vạn phần chẳng nên cho họ xuất gia, chỉ

sợ gặp phải kẻ phóng túng khiến cho Phật môn bị ô uế, bại hoại chẳng hạn. Nếu người nam tu hành thật sự, xuất gia càng dễ, bởi họ tham phỏng tri thức, y chỉ từng lâm [nào cũng được]. Người nữ dù là bậc chân tu xuất gia cũng khó, bởi lẽ làm gì cũng dễ bị miệng đời gièm xiêm, việc gì cũng khó thể tùy ý được. Chọn lựa người để thế độ, chẳng độ ni chúng như thế chính là nghĩa lý trọng yếu bậc nhất để hộ trì Phật pháp, chỉnh lý pháp môn trong đời mạt vậy!

* Người đời nay hay coi xuất gia như một phương cách sống trốn tránh, lười nhác, an nhàn. Tệ nhất là kẻ không còn sanh lộ nào khác, bèn lấy xuất gia làm kế sống trộm qua ngày. Bởi thế, người xuất gia hiện thời đa phần là hạng vô lại, đạo pháp bị quét sạch sành sanh đều là vì hạng xuất gia bại hoại như thế gây ra!

* Tăng nhân đời nay khó thể khiến cho người khác tin tưởng! Nay đã truy điệu tăng nhân, lẽ nào lại phỉ báng tăng nhân. Nếu nêu lên những điều tốt lành của họ để răn nhắc những kẻ bất thiện thì chẳng mắc lỗi gì; nhưng nếu chính mình đã thuộc vào hàng học trò [của vị tăng ấy] thì việc răn nhắc cũng nên châm chước. Việc răn nhắc ấy chỉ hàng đức cao trọng vọng mới có thể thực hiện, chẳng phải là chuyện nên làm của loài chim non miệng vàng vạ!

* Hàng xuất gia nếu chẳng phải là chân tu, tập khí đầu đường xó chợ còn tệ hơn kẻ tục. Nếu muốn xa lìa tập khí ấy, trước hết phải hiểu rõ hết thấy các pháp thế gian đều là khổ, là không, là vô thường, là vô ngã, là bất tịnh, thì ba độc tham, sân, si không có cách nào khởi lên được. Nếu vẫn 77 chưa thể chế ngự chúng, hãy dùng trung hậu, khoan dung, nhẫn

nhục để đối trị, ắt chúng sẽ tự dứt. Nếu vẫn chưa dứt thì phải tưởng mình như đã chết, tự nhiên vô biên phiền não sẽ hóa thành thanh lương.

* Chỉ hạng Thích Tử chúng ta mới lấy việc thành đạo lợi sanh làm cách báo ân tối thượng. Không chỉ là đền đáp cha mẹ nhiều đời, mà còn báo đáp hết thầy cha mẹ trong tứ sanh lục đạo từ vô lượng kiếp. Không chỉ hiếu kính khi cha mẹ còn sống, mà còn phải độ thoát linh thức của cha mẹ, khiến họ được vĩnh viễn thoát khỏi khổ luân, thường trụ Chánh Giác. Bởi thế mới nói: Đạo hiếu của nhà Phật âm mật khó thể nêu tỏ! Tuy nhiên, đạo hiếu của Nho gia lấy việc phụng dưỡng cha mẹ làm đầu. Như đạo Thích từ biệt cha mẹ đi xuất gia, có phải là chẳng đoái hoài đến việc phụng dưỡng cha mẹ hay chẳng? Phật chế định: Xuất gia phải thừa cùng cha mẹ. Nếu có anh em, con cháu để gởi

gắm cha mẹ thì mới được bảm thỉnh với cha mẹ. Cha mẹ có đồng ý mới được phép xuất gia. Nếu không, chẳng chấp thuận cho kẻ ấy được xuống tóc.

Sau khi đã xuất gia, nếu như anh em gặp biến cố, cha mẹ không chỗ nương nhờ, người xuất gia cũng được phép chia sót y bát để phụng dưỡng song thân. Vì thế, mới có gương thơm hiếu dưỡng với mẹ của ngài Trường Lô (Thiền sư Trường Lô Trách đời Tống, người xứ Tương Dương. Lúc nhỏ mồ côi cha, mẹ họ Trần, được bảo bọc nơi nhà cậu. Đến lúc lớn, Sư thông suốt sách vở thế gian. Năm hai mươi chín tuổi xuất gia, hiểu sâu xa yếu chỉ nhà Thiền, sau trụ trì chùa Trường Lô, đón mẹ về ở phòng phía Đông phương trượng, khuyên mẹ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ suốt bảy năm trời. Bà mẹ niệm Phật qua đời. Xem sự tích này trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục), chuyện lạ chôn cha của ngài Đạo Phi (Đạo Phi thuộc hoàng

tộc nhà Đường, người Trường An, mới vừa đầy năm, cha bỏ mình vì việc nước. Bảy tuổi xuất gia, đời loạn lạc, gạo thóc đất đỏ, Sư bèn cõng mẹ vào Hoa Sơn, tự nhịn ăn, khát thực nuôi mẹ. Năm sau, Sư đến chiến trường Hoắc Sơn, thu nhặt xương trắng, chí thành tụng niệm kinh chú, cầu tìm được xương cha. Một ngày sau, xương cha trôi lên giữa đồng xương, hiện ngay trước mặt ngài Đạo Phi. Ngài bèn bọc lấy xương tàn, ôm về chôn cất. Xem trong *Tổng Cao Tăng Truyện*).

Bởi thế, kinh dạy: “*Công đức cúng dường cha mẹ bằng với công đức cúng dường Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát*”. Cha mẹ còn sống, phải khéo léo khuyên dụ [cha mẹ] ăn chay, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Cha mẹ mất rồi, dùng công đức đọc tụng, tu trì của chính mình, luôn chí thành hồi hướng cho cha mẹ, ngõ hầu cha mẹ vĩnh viễn thoát khỏi ngũ trược, mãi mãi già biệt sáu đường, chứng Vô Sanh

Nhẫn, đạt đến địa vị Bất Thoái, độ thoát chúng sanh đến tận cùng đời vị lai, khiến cho mình lẫn người đều thành đạo Chánh Giác. Có như vậy thì mới chẳng giống với đại hiếu thông thường của thế gian.

* Xuất gia làm Tăng phải vì chuyên dốc chí nơi Phật thừa, lập bày cách duy trì đạo pháp, chứ chẳng phải là chỉ có thành Tăng thì mới có thể tu trì Phật pháp.

8.7. Luận về báng Phật

* Hễ ai đời trước quả thật có gieo căn lành, chẳng cần biết là vì học hỏi hay vì cầu đạo, thì đều có thể tạo thành mầm mống đại sự xuất thế. Tham, sân, si, Hoặc nghiệp phiền não, các thứ ác báo như tật bệnh liên miên đều là nhân duyên xuất ly sanh tử, nhập Phật pháp, miễn sao người ấy có thể tự phản tỉnh hay không. Nếu chẳng thể tự phản tỉnh, đừng kể chi hạng

người tầm thường, thấp thỏi, bị thế giáo buộc ràng, ngay cả những người như Hối Am, Dương Minh, Tĩnh Tiết, Phóng Ông v.v... dù học vấn, trình độ, mức tu dưỡng đều lạ lùng, đặc biệt, trác tuyệt, rốt cục vẫn chẳng thể triệt ngộ tự tâm, liễu thoát sanh tử. Học vấn, tu dưỡng, sự hiểu biết của họ có thể làm cơ sở cho vô thượng diệu đạo, nhưng vì chẳng thể tự phản tỉnh, nên rốt cuộc lại trở thành chướng đạo. Đủ thấy nhập đạo thật khó, còn khó hơn lên trời nữa!

* Phật thấy chúng sanh đều là Phật. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh. Do Phật thấy chúng sanh đều là Phật, nên tùy thuận cơ nghi mà thuyết pháp, mong họ tiêu trừ được vọng nghiệp, tự chứng được cái mình vốn sẵn có. Dù hết thấy chúng sanh đều chứng được Niết Bàn rất ráo, Phật trọn chẳng thấy mình là người cứu độ, chúng sanh là người được độ, bởi

họ vốn dĩ là Phật. Do chúng sanh thấy Phật là chúng sanh, nên chín mươi lăm phái ngoại đạo ở Tây Thiên (Án Độ) cùng bọn nho sĩ câu nệ, hẹp hòi xứ này, không ai là chẳng dốc sạch tâm lực hủy báng đủ cách, mong sao Phật pháp diệt sạch hoàn toàn chẳng còn tung tích gì thì lòng mới khoái. Nhưng mặt trời chói lọi giữa hư không, toan dùng hai tay che kín, càng khiến cho quang minh của Phật pháp càng thêm tỏ rõ, càng bộc lộ cái nông cạn, hèn kém của chính mình mà thôi!

Người có túc căn do nhân duyên báng Phật, bài Phật, bèn lại được quy y Phật pháp, làm đệ tử Phật, thay Phật hoằng dương, giáo hóa. Người không có túc căn, sẽ vì nghiệp lực ấy mà vĩnh viễn đọa trong A Tỳ địa ngục. Đợi đến lúc nghiệp báo hết rồi, thiện căn được nghe danh hiệu Phật trong kiếp xưa sẽ phát hiện, nhờ đó mới được nhập Phật pháp, sẽ tạm gieo thiện căn. Đến khi nghiệp tận tình

không, khôi phục cái mình vốn sẵn có mới thôi.

Phật ân thật là rộng lớn sâu xa cùng cực, chẳng thể hình dung! Một câu gieo vào tâm, mãi mãi là hạt giống đạo. Ví như nghe tiếng cái trống có bôi thuốc độc, xa gần đều chết tươi; ăn chút kim cang, quyết định chẳng tiêu được. Tin được như vậy thì mới gọi là chánh tín.

* Phật pháp không điều nào lớn lao chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng nêu. Ví như một cơn mưa thấm ướt khắp cả, cây cỏ cùng được tươi tốt, cái đạo “*tu thân, tề gia, trị quốc*” không gì là chẳng đủ. Xưa nay, văn chương chỉ thịnh một thời, nhưng công nghiệp lan truyền vũ trụ. Phàm những ai chí hiếu, nhân từ, ngàn đời cùng ngưỡng mộ, con người mới chỉ biết dõi theo vết tích, chưa biết tìm đến gốc. Nếu khảo sát kỹ đến cội nguồn, sẽ thấy tinh thần, chí khí, tiết tháo của

những vị ấy đều được vun bồi nhờ học Phật. Chẳng cần phải nhắc tới những chuyện khác, ngay như tâm pháp do hàng thánh nhân Tống Nho đề xướng, cũng vẫn phải vay mượn Phật pháp làm khuôn mẫu, huống hồ là những chuyện khác! Bọn Tống Nho bụng dạ hẹp hòi, muốn hậu thế nghĩ chính họ đã phát minh ra tâm pháp ấy, bèn thốt lên những lời báng Phật, hồng khóa lấp cái tội mượn trộm Phật pháp. Từ Tống sang Nguyên, tới Minh, không đời nào chẳng như vậy!

Cứ thử dốc lòng khảo sát, [sẽ thấy] không ai là chẳng được lợi ích nơi Phật pháp. Họ giảng về tịnh tọa, giảng về tham cứu, cho thấy họ có dụng công; lâm chung biết trước lúc đi, cười nói rồi qua đời chính là những điểm biểu lộ cuối cùng của họ. Những mẫu chuyện, những sự tích như vậy chép đầy trong các truyện ký Lý học, đâu phải chỉ có một chuyện. Học Phật có phải là mối lo cho xã hội hay chẳng?

* Bản thể của Nho và Phật đương nhiên chẳng hai. Xét về mặt công phu của Nho và Phật, nếu chỉ bàn hời hợt, sẽ thấy rất tương đồng; nếu bàn sâu, sẽ thấy khác nhau như trời với đất. Vì sao như vậy? Nho lấy Thành (chân thành) làm gốc, Phật lấy Giác làm tông. Thành chính là Minh Đức (cái đức sáng tỏ), do Thành khởi Minh, do Minh nên có Thành. Hễ Thành và Minh hợp nhất sẽ “*minh Minh Đức*” (làm sáng tỏ cái đức sáng ngời). Giác có Bồn Giác và Thỉ Giác. Do Bồn Giác mà Thỉ Giác phát khởi, dùng Thỉ Giác để chứng Bồn Giác. Thỉ và Bồn hợp nhất tức là thành Phật. Bồn Giác tức là Thành, Thỉ Giác là Minh. Nếu thuyết pháp như thế thì Nho và Phật trọn chẳng khác gì nhau.

Các hạ bảo [chính mình] “học Phật, học Không, thấy Lý chẳng ngoài một chương sách Đại Học⁷⁷ là điều quyết định

⁷⁷ Đại Học vốn là một chương của sách Lễ Ký, chưa rõ ai là tác giả, thường được cho là Tăng Tử (Tăng Sâm) viết. Thoạt đầu Đại Học chẳng phân thành đoạn, nhưng Châu Hy trong sách Đại Học Chương Cú đã chủ trương VIII. Giải Quyết Những Điều Nghi Hoặc Thường Gặp

chẳng còn ngờ vực gì nữa”; đây chỉ là bàn luận một cách nông cạn. Nếu giảng rõ về mặt thứ lớp sâu cạn của công phu tu chứng thì đại để tương đồng, nhưng sở chứng, sở đạt bất đồng rất lớn. Nho chỉ có thể “*minh Minh Đức*”, há có thể đoạn trọn Tam Hoặ, đầy đủ cả phước lẫn huệ như Phật hay chăng? Há có thể như Bồ Tát chứng Pháp Thân, phá một phần vô minh, thấy một phần Phật tánh hay chăng? Há có thể như Thanh Văn, Duyên Giác đoạn sạch Kiến Hoặ lẫn Tư Hoặ hay chăng?

Điều thứ ba, dù Thanh Văn chỉ đoạn được Kiến Tư Hoặ là hạng thấp kém nhất, nhưng các Ngài đã đắc lục thông tự tại. Bởi thế, ngài Tử Bách nói: “*Nếu ngay lập tức buông vọng tình xuống được, dầu vách núi vẫn có thể đi xuyên qua*”. Sơ Quả còn phải bảy lượt sanh lên trời, bảy

chia Đại Học thành mười chương nhỏ. Nội dung chủ yếu của sách Đại Học bao gồm ba cương lĩnh (minh Minh Đức, thân dân, chí u chí thiện) và tám điều mục (cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ).

lần sanh xuống nhân gian, nhưng đạo lực của các Ngài đã đạt tới mức tùy ý chẳng phạm sát giới. Vì thế, các Ngài đi đến đâu, loài trùng đều giạt ra. Do đó, mới nói: “*Sơ Quả cày đất, trùng tránh xa bốn tấc*”, huông hồ là Nhị, Tam, Tứ Quả ư!

Hãy khoan nói tới những người học theo Nho Giáo cái đã, hãy bàn về thánh nhân thôi. Cố nhiên, đa phần thánh nhân là bậc đại quyền thị hiện. Không nói tới bốn địa của các Ngài, nếu chỉ căn cứ trên mặt Tích, e rằng các Ngài còn chưa thể đoạn sạch Kiến Hoặc, Tư Hoặc như thế được, huông hồ là so sánh với các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi địa vị phá vô minh, chúng pháp tánh ư? Cho dù bảo “minh Minh Đức” tạm ngang ngửa với “phá vô minh” đi nữa, phải nhớ rằng phá vô minh có bốn mươi một địa vị, “minh Minh Đức” có ngang bằng địa vị đầu tiên là Sơ Trụ hay chẳng? Có ngang bằng địa vị cuối cùng là Đẳng Giác hay chẳng? Dù

“minh Minh Đức” có ngang ngửa với địa vị Đẳng Giác đi nữa, đối với Minh Đức [các vị thánh nhân Nho giáo] vẫn chưa thể minh đến cùng cực được! Phải đến khi phá được một phần vô minh thì mới đáng gọi là “Thành - Minh hợp nhất, Thi - Bản vô nhị” vậy!

Do lẽ đó, tôi nói: “Xét về Thể thì đồng, nhưng phát huy công phu chứng đạt chẳng đồng!” Người đời vừa nghe nói “đồng” bèn tưởng Nho Giáo bao gồm trọn Phật giáo, nghe nói “khác” bèn tưởng Phật giáo hoàn toàn khác với Nho giáo. Họ chẳng biết đến nguyên ủy “đồng nhưng bất đồng, bất đồng nhưng đồng”; bởi thế, cứ tranh luận tung bưng, ai nấy lo bảo vệ môn đình của mình, ai nấy đều đánh mất tâm lòng “trị thế, độ nhân” của Phật, Bồ Tát!

* Kể từ khi đại pháp truyền vào Trung Quốc, đế vương các đời không ai chẳng sùng phụng Phật giáo; chỉ có Tam Võ hủy diệt Phật giáo, nhưng người kế vị lại hưng thịnh Phật giáo. Ví như tiết Đông, [mọi thứ] đông cứng lại chắc nịch để thành tựu vẻ tươi tốt, sum suê cho tiết Xuân, tiết Hạ. Mặt trời chói lọi giữa hư không, toan dùng hai tay che lấp; ngựa mặt khắc nhỏ trời, chính mình bị giây bản.

Tam Võ là Ngụy Thái Võ, Châu Võ Đế, Đường Võ Tông. Thoạt đầu họ đều thâm tín Phật pháp, dốc ý tu tập. Ngụy Thái Võ tin lời sàm hoặc của Thôi Hạo, Châu Võ Đế tin lời sàm tấu của Vệ Nguyên Tung, Đường Võ Tông tin lời vu báng của Lý Đức Dụ và đạo sĩ Triệu Quy Chân. Hủy diệt Phật pháp chưa bao lâu, cả người chủ xướng lẫn kẻ tán trợ đều mắc phải ương họa cùng cực. Ngụy Võ Đế phế Phật xong, chưa đầy năm sáu năm, Thôi Hạo bị diệt tộc, bản thân Ngụy Võ Đế

cũng bị ám sát. Con lên nối ngôi lại ra sức phục hưng Phật giáo. Sau khi Châu Võ Đế phế Phật, Nguyên Tung bị biếm truất và xử tội chết, chưa đến năm năm sau, thân vua mắc bệnh nhiệt, khắp mình lở loét. Vua chết chưa đầy ba năm, Tùy Văn Đế lên ngôi lại phục hưng Phật giáo. Đường Võ Tông phế Phật rồi, chưa đầy một năm sau, Quy Chân bị tru lục, Đức Dụ chết trên đường bỏ trốn, Võ Tông uống kim đan của đạo sĩ dâng, lưng nổi nhọt loét mà chết. Tuyên Tông lại phục hưng Phật giáo.

Tông Huy Tông lúc đầu cũng thâm tín Phật pháp, sau nghe lời yêu vọng của đạo sĩ Lâm Linh Tố, bắt đổi tượng Phật thành hình tượng Đạo giáo, xưng Phật là Đại Giác Kim Tiên, gọi Tăng là “đức sĩ”, bắt Tăng mặc áo đạo sĩ. Mỗi khi làm lễ, Tăng phải ngồi phía sau đạo sĩ. Hạ chiếu chưa lâu, kinh thành bị lụt lớn khác gì hồ, biển. Vua tôi hoảng sợ, sai Linh Tố trị thủy,

càng phù phép, nước càng dâng tràn. Chợt có bậc đại thánh Tăng Già xuất hiện trong cung cấm, vua đốt hương van nài, ngài Tăng Già chống tích trượng lên mặt thành, nước liền rút sạch. Vua liền hạ chiếu phục hồi quy chế Phật giáo như cũ. Chưa đầy sáu bảy năm sau, cha con cùng bị giặc Kim bắt đi. Người Kim phong Huy Tông làm Hôn Đức Hầu, Khâm Tông làm Trọng Hôn Hầu, cha con cùng chết tại thành Ngũ Quốc.

Phật là đại sư ba cõi, cha lành cả bốn loài, bậc thánh của các thánh, là trời trong trời, dạy con người bỏ vọng về chân, nghịch trần hợp giác, dứt trừ Hoặc nghiệp huyễn vọng, khôi phục tâm tánh vốn sẵn có. Cảm ân, báo đức, hộ trì lưu thông Phật pháp còn chưa đủ, há nên cậy vào thế lực nhất thời, đoạn diệt huệ nhãn của chúng sanh, cắt đứt con đường bằng phẳng của trời người, đào hố sâu địa ngục, ắt chuốc lấy quả báo nhãn tiền, luân hồi muôn

kiếp, để tiếng xấu cho đời, thật đúng là tấm gương rành rành vậy!

* Rộng, dày, cao, sáng nhất trong thế gian, không gì bằng trời, đất, mặt trời, mặt trăng, nhưng mặt trời chính Ngọ rồi phải xế bóng, trăng tròn rồi phải khuyết, bờ cao sụp thành hang, hang sâu đùn thành gò, biển xanh biến thành ruộng dâu, ruộng dâu biến thành biển xanh. Xưa nay, bậc đạo cao đức trọng không ai bằng Khổng Tử, vẫn bị tuyệt lương nơi đất Trần, bị hãm nơi đất Khuông, chu du các nước, chẳng gặp được vua hiền; chỉ có một đứa con, tuổi vừa năm mươi đã chết mất, may còn một cháu nội để duy trì dòng dõi. Xét đến những người thấp hơn, Nhan Uyên đoán mạng, Nhiễm Bá Ngưu cũng đoán mạng, Tử Hạ bị mù, Tả Khâu Minh cũng bị mù, Khuất Nguyên trầm mình dưới sông (Khuất Nguyên tận trung bị gian thần sàm tấu. Về sau, vì Sở Hoài Vương bị vua Tần

bắt giữ, ông khôn ngăn phần uất, nhưng chẳng làm gì được, bèn tự trầm nơi sông Mịch La vào ngày mùng Năm tháng Năm), Tử Lộ bị bằm nát như tương (Tử Lộ làm quan ở nước Vệ. Vệ Khoái Hội tranh ngôi với con là Triếp⁷⁸, Tử Lộ tử nạn, bị địch quân bằm nát như).

Trời, đất, nhật, nguyệt còn chẳng thể thường hằng bất biến; đại thánh, đại hiền cũng chẳng thể chỉ gặp toàn thuận lợi chẳng có nghịch cảnh; chỉ những ai biết vui theo mạng trời, dù gặp cảnh ngộ nào cũng đều an vui cả; thế nhưng mấy trăm ngàn năm sau, từ thiên tử cho đến thứ dân, không ai là chẳng kính ngưỡng những vị ấy. Nếu cứ dựa trên tình cảnh khi ấy mà luận, tựa hồ họ chẳng có phước báo gì; nhưng nếu dựa trên đạo hạnh lưu truyền hậu thế để luận, ai có phước trội hơn

⁷⁸ Cơ Khoái Hội là con trai của Vệ Linh Công, thoát đầu là Thái Tử nước Vệ. Do mưu hại bà Nam Tử (chánh hậu của Vệ Linh Công), nên bị truất phế, phải chạy sang đất Tấn, nương nhờ Triệu Giản Tử. Con trai của Cơ Khoái Hội là Cơ Triếp được nối ngôi khi Vệ Linh Công mất, trở thành Vệ Xuất Công. Năm 481 trước Công Nguyên, Cơ Khoái Hội đem quân về giành ngôi của con trai, trở thành Vệ Trang Công. Vệ Xuất Công phải lưu vong. Tử Lộ bị giết trong trận tranh giành quyền lực ấy.

những vị ấy hay chăng?

Người sanh trong cõi đời ngàn tính vạn toán làm đủ mọi chuyện, xét đến cùng cực chẳng qua chỉ để thân mình no ấm, con cháu quý hiển mà thôi! Thế nhưng, vãi thô cũng che được thân, cần gì phải lượt, là, the, vóc; miệng dùng rau dưa cho qua bữa, cần gì phải cá, thịt, hải sản? Con cháu thì hoặc đọc sách, hoặc cấy cày, hoặc buôn bán để tự nuôi thân, cần gì phải giàu đến trăm vạn? Vả nữa, những kẻ mưu tính sao cho con cháu được giàu sang đến vạn đời, chắc không ai hơn được Tần Thủy Hoàng! Vua Tần thôn tính sáu nước, đốt sách, chôn Nho sĩ, thu binh khí trong thiên hạ đúc thành chuông lớn, không điều nào chẳng nhằm mục đích khiến dân ngu yếu chẳng thể làm loạn. Nào ngờ Trần Thiệp vừa đứng lên, quần hùng đua nhau nổi dậy. Họ Tần nhất thống sơn hà chưa quá mười hai, mười ba năm, thân đã diệt, nước đã mất,

con cháu bị tru lục hết sạch; khác nào cắt cỏ nhổ tận rễ, không còn chút gì nữa! Muốn cho con cháu được an lạc, hóa ra lại khiến cho chúng mau bị chết sạch hết cả.

Tào Tháo làm Thừa Tướng thời Hán Hiến Đế, chuyên quyền, bất cứ điều gì hấn làm không ngoài mục đích giảm thế lực của vua, tăng oai quyền cho mình, mong sau khi mình chết đi, con mình sẽ xưng đế. Vừa chết đi, Tào Phi liền soán ngôi, thấy cha còn chưa liệm, Phi đã chuyển hết các phi tần của cha sang cung mình. Tào Tháo chết đi, đọa mãi trong ác đạo hơn một ngàn bốn trăm năm. Đến đời vua Càn Long nhà Thanh, ở Tô Châu có kẻ mổ heo, thấy trên gan phổi heo có hai chữ Tào Tháo. Có kẻ láng giềng trông thấy, sanh lòng hoảng sợ lớn, liền xuất gia, pháp danh là Phật An, nhất tâm niệm Phật, liền được vãng sanh Tây Phương. Chuyện này được chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Tào Tháo phí sạch tâm cơ mưu tính

cho con cháu. Tuy con hấn được làm hoàng đế, nhưng chỉ ở ngôi được bốn mươi lăm năm liền bị diệt quốc. Hằng ngày lại còn phải đánh nhau với Đông Ngô và Tây Thục, có bao giờ được hưởng một ngày an vui?

Tiếp đó, hai nhà Tấn (Tây Tấn và Đông Tấn), Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy và các nhà Lương, Đường, Tấn, Hán, Châu thời Ngũ Đại đều chẳng trường cửu, tợ trung nhà Đông Tấn tồn tại lâu dài nhất, nhưng chỉ được một trăm lẻ ba năm. Các triều khác thì hoặc là hai, ba năm, hoặc tám chín năm, mười năm, hai mươi năm, bốn mươi năm, năm mươi năm rồi liền diệt vong. Đây mới chỉ kể những triều đại chánh thống, còn như những kẻ chiếm càn lãnh thổ, ngụy xưng vương triều, số ấy nhiều lắm, tồn tại còn ngắn ngủi hơn nữa.

Xét cái tâm thưở đầu của họ, không ai là chẳng muốn cho con cháu được an

lạc, phú quý, tôn vinh; xét đến kết quả thực sự, lại khiến cho con cháu càng mau gặp phải kiếp nạn, bị tru lục, diệt môn tuyệt tộc. Dù quý như thiên tử giàu có như bốn biển, vẫn chẳng thể giữ cho con cháu đời đời hưởng phước, hưởng chi kẻ phàm phu trợ trụ? Từ vô lượng kiếp đến nay, những ác nghiệp đã tạo còn dày hơn đại địa, sâu hơn biển cả, có đảm bảo gia đạo thường hưng thịnh, chỉ có phước, không có tai ương hay chẳng?

Phải biết rằng: Muôn pháp trong thế gian thấy đều hư giả, trọn chẳng chân thật, như mộng, như huyễn, như bọt nước, như bóng dáng, như sương móc, như ánh chớp, như bóng trăng in trong nước, như hoa đóm trên hư không, như ánh nước đọng lúc trời nóng, như thành Càn Thát Bà (Càn Thát Bà là tiếng Phạn, Hán dịch là Tầm Hương, là nhạc thần của Thiên Đế. Thành trì của họ huyễn hiện chẳng thật, như ta

thường nói “*thần lâu, hải thị*”⁷⁹ vậy!).

Chỉ có mỗi một niệm tâm tánh của chính mình hằng cở hằng kim (xưa nay luôn thường hằng), chẳng biến, chẳng hoại, tuy chẳng biến hoại, nhưng thường tùy duyên. Do ngộ tịnh duyên, liền thành Thanh Văn, thành Duyên Giác, thành Bồ Tát, thành Phật. Do công đức sâu hay cạn mà quả vị cao hay thấp. Do mê nhiễm duyên thì sanh lên trời, sanh trong nhân gian, đọa vào Tu La, đọa súc sanh, đọa ngạ quỷ, đọa địa ngục. Do tội phước nặng hay nhẹ mà có khổ hay vui, [thời gian thọ quả] có dài hay ngắn. Nếu là kẻ chẳng biết Phật pháp, chẳng biết làm cách nào được! Ông đã sùng tín Phật pháp, sao chẳng do nghịch cảnh mà nhìn thấu suốt tướng trạng thế gian, bỏ mê nhiễm duyên, theo ngộ tịnh duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nhờ đó, vĩnh viễn

⁷⁹ Thần lâu hải thị (蜃楼海市: lâu sò, chợ biển). Người cô Trung Hoa tin ngoài biển có một giồng sò rất lớn gọi là Thần, hơi thở của chúng tạo thành những ảo ảnh nhìn xa như lầu gác, chợ búa trên mặt biển

thoát khỏi luân hồi lục đạo, cao đẳng quả vị Tứ Thánh, há chẳng phải là nhờ cái họa nhỏ này mà thường hưởng phước lớn ư?

* Phật ân thật là rộng lớn, trọn khắp, chẳng có cùng tận. Vì sao nói như thế? Do hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, nhưng vì mê chẳng ngộ, đến nỗi lại đem sức công đức Phật tánh ấy dùng làm vào sáu trần cảnh, khởi tham, sân, si, tạo giết, trộm, dâm, do Hoặc tạo nghiệp, do nghiệp thọ báo, trải kiếp dài lâu luân hồi lục đạo, trọn chẳng có ngày ra. Trong những kiếp xưa, Phật đã biết rõ điều này, bèn phát đại nguyện, muốn cho hết thấy chúng sanh trong khắp các pháp giới tận cõi hư không cùng ngộ được Phật tánh sẵn có, cùng thoát luân hồi sanh tử, cùng thành đạo Vô Thượng Chánh Giác, cùng nhập Vô Dư Niết Bàn.

Từ đây, vì chúng sanh trong khắp pháp giới, Ngài trải kiếp dài lâu hành đạo

Bồ Tát, không việc gì có lợi ích mà Phật chẳng đề cao, tu trọn lục độ, chẳng chấp trước một pháp nào, hành hạnh khó làm, nhân được chuyện khó nhân. Phật bồ thí quốc thành, vợ, con, đầu, mắt, tủy, não... không tiếc nuôi gì. Vì thế, kinh Pháp Hoa nói: *“Ta thấy đức Thích Ca Như Lai trong vô lượng kiếp, hành hạnh khó, hạnh khổ, tích công chứa đức cầu Bồ Tát đạo chưa từng dừng nghỉ. Xem khắp tam thiên đại thiên thế giới, thậm chí chẳng có chỗ nào nhỏ bằng hạt cải mà chẳng phải là chỗ Bồ Tát xả thân mạng vì chúng sanh! Sau đây mới được thành Bồ Đề đạo”*.

Chỉ một hạnh Bồ Thí dù thọ cả kiếp còn chẳng thể nói hết, huống hồ là các hạnh khác như Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Huệ và Tứ Nhiếp, vạn hạnh ư? Mãi cho đến khi Hoặc nghiệp hết sạch, phước huệ viên mãn, triệt chứng tự tâm, thành đạo Vô Thượng, Phật bèn vì khắp các chúng sanh giảng pháp do chính

mình đã chứng, chỉ vì đề ai nấy đều chứng được pháp do Ngài đã chứng. Thế nhưng thượng căn ít ỏi, trung căn, hạ căn lại nhiều; cho nên Phật lại tùy cơ lập giáo, khiến cho ai nấy tùy phận được lợi. Đến khi việc một đời đã xong, Phật bèn nhập Niết Bàn, nhưng vẫn chẳng bỏ tâm lòng đại bi, lại thị hiện thành Chánh Giác trong thế giới khác để tiếp tục tế độ. Phật thị hiện sanh trong cõi này hay cõi khác như thế, chẳng thể dùng toán số, thí dụ để tính được nổi! Ví như vàng mặt trời chói lợi vì chiếu thế gian nên mọc lặn chẳng ngừng, cũng như người đưa thuyền vì đưa người qua sông nên qua lại chẳng ngừng!

Phật nghĩ thương xót chúng sanh từ vô thỉ trước đến tận vị lai sau, trên đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến lục đạo phàm phu, không một ai chẳng thuộc trong vòng đại bi thế nguyện của Ngài. Ví như hư không bao trùm hết thảy, từ sâm la

vạn tượng cho đến trời đất đều bị hư không bao trùm. Cũng lại như ánh sáng mặt trời chiếu khắp muôn phương, dù kẻ sanh manh (mù từ lúc lọt lòng) trọn đời chẳng thấy được ánh sáng, vẫn được ánh mặt trời soi tới, được sống đúng nghĩa con người. Nếu như không có ánh mặt trời chiếu thấu, sẽ chẳng có duyên sanh sống được; [như vậy thì] há có phải là cứ phải đích thân thấy được ánh sáng thì mới được thọ ân ư?

Kẻ Thế Trí Biện Thông dựa vào sự hiểu biết câu nệ, hẹp hòi của chính mình mình để chê bai, phản bác Phật pháp, bảo là: “Phật pháp làm hại thánh đạo, dối đời, lừa người”, trọn chẳng khác gì kẻ sanh manh chửi mặt trời, bảo mặt trời chẳng có quang minh! Hết thấy ngoại đạo đều lấy trộm nghĩa lý trong kinh Phật rồi làm như chính đạo mình có giáo nghĩa ấy; có kẻ còn trộm danh Phật pháp để hành tà pháp. Do đó ta biết: Phật pháp chính là đạo gốc

của mọi pháp thế gian và xuất thế gian. Ví như biển cả chảy ngầm dưới mặt đất, những chỗ đầy áp nước, chảy thành dòng lộ ra thì là vạn con sông, nhưng không có con sông nào lại chẳng đổ vào biển cả.

Những kẻ báng Phật kia chẳng phải là báng Phật, mà là báng chính mình! Bởi vì một niệm tâm tánh của họ toàn thể là Phật. Từ đầu, Phật đã dùng mọi cách thuyết pháp, giáo hóa như thế nhằm mong họ bỏ mê về chân, tự chứng Phật tánh do chính mình sẵn có mới thôi. Do Phật tánh đáng tôn trọng nhất, đáng yêu tiếc nhất, nên Phật nhọc nhằn, chẳng hề tiếc công như vậy, dù họ chẳng tin nhận, Phật cũng chẳng nở buông bỏ. Nếu như chúng sanh chẳng sẵn có Phật tánh, chẳng kham làm Phật, nhưng Phật cứ uổng công bày cách như thế thì Phật chính là kẻ si dại bậc nhất trong thế gian, mà cũng là kẻ đại vọng ngữ bậc nhất trong thế gian, lẽ nào tám bộ trời rông, tam thừa thánh hiền lại cùng

chịu hộ vệ, y chỉ Phật ư?

* Phật thấy hết thấy chúng sanh giống như con một, yêu thương không thiên vị ai, luôn muốn cho chúng sanh được độ thoát, vì hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Bởi thế, dù là hạng Nhất Xiển Đề tuyệt chẳng có tín tâm, Phật không hề có một niệm buông bỏ. Nếu đúng cơ duyên, họ sẽ tự sanh lòng tin, quy y, y giáo tu trì, ngõ hầu đoạn Hoặc, chứng Chân, liễu sanh thoát tử.

Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Mười phương Như Lai thương xót chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ trốn, mẹ dù nhớ, cũng chẳng làm gì được! Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, từ đời này sang đời khác, mẹ con chẳng hề xa nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì trong hiện tại hoặc trong tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm*”.

Kinh Pháp Hoa dạy: “Nếu có vô lượng trăm ngàn vạn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe đến Quán Thế Âm Bồ Tát này, nhất tâm xưng danh thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền lập tức xem xét âm thanh ấy, khiến họ đều được giải thoát”. Kinh còn chép: “Vị Quán Thế Âm Bồ Tát này hay ban sự không sợ hãi trong khi hoảng sợ, hoặc nạn gấp, nên thế giới Sa Bà này đặt tên cho Ngài là Thích Vô Úy”.

Áy là vì xét về Thế thì tâm của chúng sanh và tâm của Phật, Bồ Tát chẳng khác gì nhau, chỉ vì chúng sanh mê muội, trái giác theo trần, đến nỗi đây kia ngăn cách, chẳng được chở che. Nếu như trái trần xuôi giác, một dạ xưng danh, sẽ tự nhiên cảm ứng đạo giao, Phật, Bồ Tát rủ lòng từ gia bị, dù gặp hiểm nạn cũng thành yên vui!

* Điều trọng yếu trong việc học đạo là đối trị tập khí. Thường có kẻ học vấn càng sâu, tập khí càng thịnh. Áy là vì coi học

đạo giống như học nghề, cho nên càng học nhiều, càng nghịch đạo. Đó chính là cội nguồn khiến cho cả Nho lẫn Thích trong nước ta cùng suy cả!

8.8. Luận về đạo thầy trò

* Những mối quan hệ lớn (Ngũ Luân) trong đời người tính ra chỉ có năm, tức là vua - tôi, cha - con, anh - em, vợ - chồng, bạn bè. Cha sanh, thầy dạy, vua nuôi, ba mối quan hệ này tương đương nhau, sao trong Ngũ Luân chẳng kể đến thầy? Chẳng biết thầy có đức tánh giáo huấn ta thành người, nên thầy cũng như cha. Kế đến, có công khuyên dụ, khen thưởng, khuyến khích để ta được thành tài, nên thầy cũng như anh. Vì thế, Mạnh Tử nói: “*Thầy là cha anh*”. Tiếp đó, thầy khiến ta mở mang, đôi bên cùng được lợi ích như hai vàng trắng chiếu lẫn nhau, hai tay vịn vào nhau nên thầy cũng

như bạn (Trong chữ Bằng Hữu, Bằng (朋) gồm hai chữ Nguyệt (月) ghép lại; chữ Hữu (友) giống như hai tay vịn vào nhau). Bởi thế nhà Phật hay nói: “*Tâm sư, phỏng hữu*” (tìm thầy kiếm bạn).

8.9. Luận về Giới Luật

* Pháp môn dù nhiều, nhưng tất cả được bao gồm trọn vẹn chẳng sót trong ba môn Giới, Định, Huệ. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nhiếp tâm là Giới, do Giới sanh Định, do Định phát Huệ. Do vậy, gọi là Tam Vô Lậu Học*”. Nhưng trong ba môn này, chỉ có Giới là trọng yếu nhất. Bởi lẽ, trì giới chính là chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Hạnh ấy gần với Phật, tâm ấy chẳng đến nỗi trái nghịch với Phật. Vì thế, trong kinh Phạm Võng, đức Như Lai vì chúng sanh nói lời bảo đảm rằng: “*Ta là Phật đã thành, các ông là Phật chưa thành. Nếu tin được như vậy thì giới phạm đã đầy đủ*”. Ngài còn nói: “*Chúng sanh nhận lãnh giới của Phật là*

nhập vào địa vị Phật; địa vị đã giống như Đại Giác rồi, thật sự là các con của Phật". Vì vậy, một pháp Trì Giới chính là đạo trọng yếu đệ nhất để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

* Chữ Luật chẳng chỉ riêng những hành vi thô phù mà thôi. Nếu chẳng chú trọng lòng kính, giữ gìn lòng thành, thì vẫn là phạm luật. Nhân quả là cốt tủy của Luật. Ai chẳng biết nhân quả và khinh mạn nhân quả đều là phạm luật. Người niệm Phật khởi tâm động niệm thường phù hợp với Phật thì Luật, Giáo, Thiên, Tịnh đều cùng thực hành cả.

8.10. Luận về kinh điển

* Nếu ai thiên tư thông minh, mẫn tiệp thì nghiên cứu tánh tướng các tông chẳng trở ngại gì, nhưng phải lấy pháp môn Tịnh Độ làm chỗ nương tựa, quay về, mới khởi

đến nỗi có nhân, không quả, khởi lâm vào cảnh biến diệu pháp liễu sanh thoát tử thành lời lẽ bàn suông nơi cửa miệng, không có cách gì đạt được lợi ích thật sự! Phải nên chú trọng lòng kính, gìn giữ lòng thành, xem kinh tượng như đức Phật sống, chẳng dám khinh nhờn chút nào, mới hòng do lòng Thành của chính mình lớn nhỏ thế nào mà sẽ đạt được các lợi ích sâu hay cạn. Những người căn cơ chậm lụt, chỉ nên chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh Độ, nếu thật sự tin đến nơi, giữ thật vững, sẽ quyết định liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, siêu phàm nhập thánh, so với những kẻ thông hiểu kinh luận sâu xa, nhưng chẳng thực hành pháp môn Tịnh Độ kia, sự lợi hại khác xa như trời với đất vậy!

Đối với những kẻ vừa nói trên, chẳng cần biết tư cách như thế nào, trước hết cứ cho dùng liều thuốc một vị này, thì bất luận là tà chấp, kiến giải lầm lạc, ngã

mạn, phóng túng đến đâu, đề cao thánh cảnh nhưng tự mình đành ở địa vị kém cõi... đều do thuốc A Già Đà một vị trị chung vạn bệnh này, không một ai là chẳng dứt khoát lành bệnh!

* Phật pháp uyên thâm, kẻ đại thông minh dù tận hết tâm lực cả đời vẫn còn có chỗ chưa thể nghiên cứu tường tận, nhưng Phật pháp tùy cơ lập giáo; nếu muốn hưởng lợi ích thật sự, hãy nghiên cứu, tu trì pháp môn đặc biệt, siêu việt, lạ lùng là Tịnh Độ; đây thật sự là con đường trọng yếu ít tốn tâm lực vậy.

* Việc giáo đính kinh điển chẳng phải là chuyện dễ dàng, chỉ sợ thầy chẳng rảnh rỗi đến thế. Nếu ủy nhiệm người khác làm, kẻ đó phải là người kiến thức lỗi lạc, mười phần tỉ mỉ, suy xét kỹ càng đôi ba lượt, tra cứu kỹ lưỡng thì mới có thể đính chánh những chỗ chép lầm, trừ sạch

những điếm dờ tộ, khiến cho thiên chân⁸⁰ được tỏ bày triệt để. Nếu không, chẳng thà cứ theo đúng dạng vẽ hồ lô⁸¹, may ra chẳng đánh mất sự chân xác sẵn có!

* Một bộ kinh Hoa Nghiêm là vua của Tam Tạng, phẩm cuối cùng quy kết, đặt nặng nguyện vương. Hãy nên tôn trọng kinh Hoa Nghiêm, nhưng chớ xem thường các kinh khác vì các kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm bản thể. Hoa Nghiêm vĩ đại vì là đại pháp xứng tánh cực đằm, vượt ngoài các pháp giới, chẳng thấu nhiếp các pháp Nhị Thừa. Điếm huyền diệu của kinh Pháp Hoa là “*hội tam quy nhất*” (gộp ba thừa về một thừa), “*khai Quyền hiển Thật, khai Tích hiển Bản*”. Tông Thiên Thai cho rằng: “*Pháp Hoa thuần viên độc diệu*”⁸², vì Hoa Nghiêm vẫn

⁸⁰ Chữ “thiên chân” ở đây chỉ diện mạo nguyên gốc của kinh điển.

⁸¹ Ý nói kinh điển lưu truyền như thế nào thì cứ chép đúng y như thế, đừng tự tiện sửa đổi theo ý riêng.

⁸² Gọi là “thuần viên” vì chỉ giảng về pháp viên đốn. Gọi là “độc diệu” vì chỉ mình kinh Pháp Hoa phô bày diệu nghĩa “hội tam quy nhất, khai Tích hiển Bản, hội Tích nhiếp Bản”.

(Chú thích thêm: Trong lời chú thích trước, đã nói [Quyền pháp] chỉ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác v.v... bởi lẽ, Sơ Trụ trong Viên Giáo đã phá vô minh, chứng Pháp Tánh. Kinh Hoa

còn nói kèm Quyên pháp” (chữ Quyên pháp chỉ các địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác). Nhưng trong hội Pháp Hoa, đức Phật khen ngợi Pháp Hoa là “vua của các kinh”, trong hội Hoa Nghiêm, đức Phật cũng khen [kinh Hoa Nghiêm] như thế. Lẽ nào kẻ hoằng kinh đời sau cứ nhất định phải căn cứ vào năm bộ lớn⁸³ để phân định kinh này cao, kinh kia thấp, chẳng chấp nhận kinh nào cũng có những điểm riêng đáng khen ngợi hay sao? Kẻ tu Thiền ca tụng Thiền, người tu Tịnh Độ tán dương Tịnh Độ; nếu không, sẽ chẳng thể khiến cho người khác sanh chánh tín, khiến cho người khác kính ngưỡng.

Chỉ nên khéo hiểu ý nghĩa mỗi kinh, đừng vướng vào từ ngữ mà lạc mất ý nghĩa. Mạnh Tử xưng tụng Khổng Tử là bậc thánh chưa từng có trong loài người.

Nghiêm còn các nghĩa như Sơ Địa phá vô minh, chứng Pháp Tánh, nên Hoa Nghiêm vẫn còn kèm theo Quyên. Mấy chữ trong lời chú thích nhằm giải thích ý nghĩa chữ Quyên. Sợ có kẻ chẳng hiểu, nên lại giải thích).

⁸³ Năm bộ lớn là cách phân giáo chia các kinh điển do đức Phật đã nói thành năm thời kỳ: Hoa Nghiêm, A Hàm, Bát Nhã, Phương Đẳng và Pháp Hoa - Niết Bàn

Khổng Tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Châu Công trong mộng. Lòng mong mỏi, hăm mộ ba vị thánh của Ngài sao mà chí thành đến mức cùng cực như thế ấy!

* Tỏ Thiện Đạo dạy người ta nhất tâm trì danh, đừng tu tạp nghiệp, là vì sợ kẻ trung căn, hạ căn sẽ do tạp nghiệp mà tâm khó quy nhất, nên Ngài dạy chuyên tu. Tỏ Vĩnh Minh dạy người “*muôn điều thiện cùng tu*” và “*hồi hướng Tịnh Độ*” là vì sợ hành nhân thượng căn thiên chấp, đến nỗi phước huệ chẳng thể xứng tánh viên mãn, nên Ngài dạy “*viên tu*” (tu trọn khắp).

* Kinh rách nát chẳng thể tu bỏ được nữa, nếu đốt đi cũng không có lỗi gì. Nhưng nếu thấy còn có thể tu bỏ được, đừng nên đốt đi! Nếu chẳng biết lẽ biến thông, cứ một mực chẳng dám thiêu, thì

kinh ấy rớt cuộc chẳng thể xem được, mà cũng chẳng thể cất giữ như kinh còn tốt, lại trở thành khinh nhờn. Do sợ mắc lỗi khinh nhờn, để lại [kinh sách hư nát] cho người đời sau, há có nên chẳng biết đến lẽ quyền biến hay sao?

* Trong các thứ thuốc đối chứng trị bệnh cho người hiện tại, nhân quả là vị thuốc bậc nhất, pháp Tịnh Độ là pháp nên tu bậc nhất. Bất luận căn tánh nào, chẳng thể không trước tiên phải tìm tòi, học hỏi pháp nhân quả và pháp Tịnh Độ. Còn về giáo tướng, cũng cần phải chọn lựa người để giảng giải, bởi học sinh ai nấy đều có những điều phải học riêng, Phật học chỉ là học kèm theo mà thôi. Nếu là kẻ căn cơ nông cạn, ắt sẽ chuyên chú vào Giáo tướng, quăng Tịnh Độ ra sau ót, đến nỗi rớt cuộc trở thành hữu nhân vô quả, chớ nên giảng dạy chẳng xứng với căn cơ.

Nay trong số những người tôn sùng

Tướng Tông cũng có tậ nạn ấy. Người đê xướng [học Tướng Tông] chẳng thật sự vì liễu sanh thoát tử, mà chỉ nhằm thông hiểu pháp tướng đê có thể giảng nói mà thôi. Nếu như những kẻ đó hiểu “dùng tự lực đê liễu sanh tử” là chuyện khó, ắt sẽ chẳng chuyên chú vào việc đó (tức là chỉ lo học cho hiểu Tướng Tông) rồi bỏ qua pháp Tịnh Độ không thèm hỏi tới, hoặc còn chê bai là pháp nông cạn nữa. Những kẻ ấy đều thuộc loại ham cao, chuộng trội, nhưng chẳng biết thế nào là cao trội! Nếu thật sự biết, dù có bị giết, cũng chẳng chịu bỏ qua pháp môn Tịnh Độ, cứ cực lực tu hành. Học đạo khó lắm thay!

* Chúng sanh căn khí bất nhất, Như Lai từ bi vô lượng. Nếu ai thật sự chân thật, chí thành, cung kính niệm Phật thì đến lúc lâm chung, sẽ có những chuyện chẳng mong mỗi mà tự nhiên đạt được. Những lời lẽ của ngài Tử Bách và ngài

Hám Sơn rất thân thiết, nhưng hai vị đều là bậc tri thức trong Tông môn, nếu [đem những lời đó] nói với những người thật sự có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì sẽ có ích. Nhưng nếu nói với người chỉ có chút thiện căn, chưa thể chuyên tu, họ sẽ nghĩ chuyện sanh Tây vượt quá khả năng của chính mình. Từ đó, họ sẽ đánh trống lùi. Thuyết pháp chẳng phù hợp căn cơ sẽ trở thành lời nói suông, đúng là như vậy đó.

* Pháp môn Niệm Phật lấy ba pháp Tín, Nguyện, Hạnh làm tông, lấy Bồ Đề tâm làm căn bản, lấy “*tâm này làm Phật, tâm này là Phật*” làm thật nghĩa “*nhân thâu biến quả, quả tốt nguồn nhân*”, lấy “*nhiep trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” làm công phu tối thiết yếu để thực hiện. Lấy đó mà hành, và nếu Tứ Hoảng Thệ Nguyện lại chẳng lia tâm, thì tâm sẽ hợp với Phật, tâm hợp với đạo, ngay trong đời

này dựa vào dòng thánh, lâm chung lên ngay thượng phẩm, chẳng uổng đời này!

8.11. Luận về Trung Âm:

* Trung Âm tức là thần thức, chẳng phải là thần thức biến thành Trung Âm, thế tục gọi [thần thức] là “linh hồn”. Chớ nên chấp trước, câu nệ những thuyết “*Trung Âm cứ bảy ngày lại một lần sống chết, bốn mươi chín ngày ắt sẽ đầu thai*”... Trung Âm có sống chết là do vô minh trong tâm biến hiện tướng sanh diệt, đừng ngây ngô tưởng Trung Âm [thật sự] có sống chết như người trong thế gian. Trung Âm thọ sanh, nhanh thì trong khoảng khảy ngón tay liền vào tam đồ, lục đạo; chậm thì đến bốn mươi chín ngày, hoặc lâu hơn bốn mươi chín ngày v.v...

Người mới chết mà có thể khiến người quen biết trông thấy vào ban ngày hay ban đêm, tiếp xúc với hoặc trò chuyện với người đó, thì chẳng riêng gì Trung Âm

mới làm được như vậy, ngay cả những người đã thọ sanh trong đường thiện hay ác vẫn có thể vì người quen thuộc, thân thích khi trước mà hiện hình một phen. Đây tuy là do ý niệm của người đó biến hiện, nhưng chủ yếu là do những thần thánh trong thế gian hỗ trợ nhằm bóng gió chỉ bày: Con người chết đi, thần minh (thần thức) chẳng diệt, và quả báo thiện ác chẳng phải là hư huyền vậy! Nếu không, người dương gian chẳng biết đến việc cõi âm, mù quáng cho rằng người chết rồi, thân xác đã mục nát thì thần thức cũng phải phiêu tán, rồi bao người phụ họa theo [thuyết đó], khiến cho người trong khắp thế gian cùng bị hãm trong hầm sâu tà kiến “chẳng có nhân quả, chẳng có đời sau, hậu thế”, sẽ thấy người lành cũng chẳng càng thêm kiêng sợ mà tu đức, kẻ ác càng muốn cùng hung cực ác tạo nghiệp. Dù có lời Phật dạy mà vẫn không có cách nào để chứng minh, ai chịu tin

nhận?

Những chuyện hiện hình hiện bóng ấy đủ chứng tỏ lời Phật chẳng dối, quả báo phân minh. Không chỉ người lành càng hướng tới điều lành, ngay cả kẻ ác cũng bị những tình lý ấy khuấy phục, chẳng đến nỗi mười phần quyết liệt. Thiên địa, quỷ thần muốn cho con người hiểu rõ việc ấy, nên mới có những chuyện người đã chết hiện thân trong cõi đời, người dương gian xử án cõi âm v.v... Đây đều là vì muốn phụ trợ Phật pháp, giúp sức cho đạo bình trị. Lý này rất vi tế, nhưng có quan hệ rất lớn. Những chuyện như vậy xưa nay chép trong sách vở rất nhiều, nhưng chưa hề nói rõ nguồn gốc của sự biến hiện, cũng như những lợi ích liên quan.

* Trung Âm tuy lìa thân xác, nhưng vẫn có tình kiến về thân xác giống như khi chưa chết. Đã có tình kiến về thân xác, đương nhiên [nảy sanh ý niệm] phải có

com áo để sử dụng. Do phàm phu nghiệp chướng quá nặng, chẳng biết Ngũ Uẩn vốn là không, nên [người trong trạng thái Trung Âm] chẳng khác gì người sống. Nếu là bậc đủ đại trí huệ, sẽ nhằm ngay lúc trút bỏ xác thân không còn phải nương tựa nữa, liền biết Ngũ Uẩn là Không, nên các khổ tiêu diệt, Nhất Chân hiển hiện, vạn đức phô bày trọn vẹn.

Tuy cảnh giới [người sống và kẻ chết] bất tất phải nhất định giống hệt nhau, nhưng nào trở ngại gì đến việc tùy tình kiến của mỗi người mà có các thứ cần dùng. Ví như khi đốt quần áo giấy, người còn sống chỉ giữ ý tưởng gởi áo cho người chết, còn quần áo lớn, nhỏ, ngắn, dài làm sao vừa vặn thích hợp cho được! Nhưng do tình kiến của người sống lẫn tình kiến của người chết, quần áo sẽ đều vừa vặn cả. Điều này giúp ta thấy nghĩa lý lớn lao “*hết thấy các pháp chuyển biến theo tâm*”.

* Sau khi đã chết, còn chưa thọ sanh trong lục đạo thì gọi là Trung Âm. Nếu đã thọ sanh trong lục đạo, chẳng gọi là Trung Âm. Những kẻ dựa vào thân người khác để nói chuyện sùng, khổ, đều là do tác dụng của thần thức. Đầu thai ắt phải do thần thức và tinh huyết của cha mẹ hòa hợp. Khi thọ thai, tức là thần thức đã trụ trong thai. Lúc sắp sanh, thường có chuyện mẹ thấy người đó (người đến đầu thai làm con) bước vào nhà mẹ. Đó là vì trong lúc cha mẹ giao cấu, đã có thần thức khác nhập thai giùm. Đến khi thai thành tựu, bản thức (thần thức thật sự của người sẽ đầu thai làm con) mới đến, thần thức thay thế bèn ra đi. Trang mười hai trong quyển ba sách Dục Hải Hồi Cuồng, nơi các dòng tám, chín, mười, mười một, mười hai, từng có nói đến chuyện này, nhưng lời đáp trong ấy chẳng đúng lý cho lắm. Quang vì muốn sửa cho đúng, nên đã

tra duyệt. Lời đáp nguyên bản như sau: “*Ví như trứng gà, có trứng có cồ, có trứng chẳng có cồ. Chưa có thức đầu thai thì giống như trứng không có cồ*”. [Ông Châu An Sĩ] chẳng biết trứng không có cồ, dẫu đem cho gà ấp, cũng chẳng nở thành con; làm sao dùng để làm tỷ dụ cho được? Quang chỉ mong giảng rõ nghĩa này, chẳng nề hà tiếm việt, nên trình bày nguyên do cùng cư sĩ. Mẹ của sư Viên Trạch, mang thai ba năm, chính là thuộc về tình hình này. Đây là luận định chung theo lẽ thông thường. Cần phải biết: Nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Nếu là kẻ Tịnh nghiệp đã thành, thân chưa chết, mà thần thức đã hiện nơi Tịnh Độ. Kẻ ác nghiệp sâu nặng, người đang nằm trên giường bệnh, mà thần thức đã chịu phạt trong chốn u minh. Mạng tuy chưa hết, thức đã đầu thai, cho đến khi sắp sanh, toàn phần tâm thần mới nhập vào thai ấy. Lý này cũng chẳng phải là hoàn

toàn không có, nhưng phần lớn thường là có thần thức khác đến đầu thai giùm. Các pháp trong tam giới duy tâm sở hiện. Chúng sanh tuy mê, nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn, đúng là tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, mà cũng là sức thần thông của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn.

8.12. Luận về bốn cõi Tịnh Độ

* Hai cõi Phàm Thánh Đồng Cư và Phương Tiện Hữu Dư là ước theo phàm phu đời nghiệp vãng sanh và tiểu thánh Nhị Thừa đã đoạn Kiến Tư Hoặc mà lập, chứ chẳng thể ước theo Phật để luận. Nếu ước theo Phật để luận, không chỉ toàn thể bốn cõi Tịnh Độ đều là Tịch Quang, mà ngay cả đời ác ngũ trược, tam đồ ác đạo, không sự gì Phật chẳng thấy là Tịch Quang. Vì thế nói: *“Tỳ Lô Giá Na ở khắp mọi nơi. Chỗ đức Phật ở, gọi là Thường Tịch Quang”*.

“*Khắp mọi nơi là Thường Tịch Quang*” thì chỉ bậc đã chứng ngộ viên mãn Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na quang minh chiếu khắp mới có thể thụ dụng, còn mọi người khác đều mới chỉ chứng vài phần. Từ Thập Tín trở xuống cho đến phàm phu, về Lý thì có [Thường Tịch Quang Tịnh Độ], nhưng về Sự thì chẳng có. Nếu muốn hiểu rõ, hãy nghiên cứu phân luận về bốn cõi Tịnh Độ trong sách Di Đà Yếu Giải; sách Phạm Võng Huyền Nghĩa cũng giảng đầy nghĩa này (Tỳ Lô Giá Na, Hán dịch là Quang Minh Biến Chiếu, hoặc Biến Nhất Thiết Xứ, chính là cực quả rốt ráo của chư Phật, là hiệu chung của những vị đã chứng viên mãn Pháp Thân thanh tịnh. Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na cũng thế. Như Thích Ca, Di Đà, Dược Sư, A Súc Bê v.v... chỉ là những danh hiệu riêng của các Hóa Thân Phật mà thôi. Chữ Lô Xá Na, Hán dịch là Tịnh Mãn, do hết sạch Hoặc nghiệp, viên mãn trọn vẹn phước huệ, nên

ước theo quả báo do Trí Đức và Đoạn Đức cảm thành mà gọi như vậy).

Lại cần phải nên biết: Thật Báo và Tịch Quang vốn là một cõi. Ước theo quả cảm bởi xứng tánh thì gọi là Thật Báo, ước theo Lý được chứng rốt ráo thì gọi là Tịch Quang. Sơ Trụ mới dự vào Thật Báo, chứng được một phần Tịch Quang. Diệu Giác mới là thượng thượng Thật Báo, rốt ráo Tịch Quang. Như vậy thì từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác đều chỉ chứng được vài phần hai cõi này, đối với cực quả Diệu Giác thì hai cõi ấy đều là rốt ráo.

Nói đến Thật Báo là chỉ ước về phần chúng, nói đến Tịch Quang là chỉ ước về cứu cánh. Tịch Quang vô tướng, Thật Báo có đủ cả Hoa Tạng thế giới hải vi trần số vi diệu trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Ví như hư không vốn chẳng phải là các tướng, nhưng hết thấy các tướng đều do hư không mà phát hiện. Lại như gương báu rỗng sáng, trong suốt, trọn chẳng có một vật gì, nhưng người Hồ đến liền hiện bóng người Hồ, người Hán đến liền hiện bóng người Hán. Thật Báo và Tịch Quang tuy một mà hai, tuy hai mà một. Vì muốn cho người ta dễ hiểu, nên nói là hai cõi.

* Trong bốn cõi Tịnh Độ của Cực Lạc, người đời nghiệp vãng sanh sống trong Đồng Cư, người đoạn Kiến Hoặc sống trong Phương Tiện, người phá vô minh sống trong Thật Báo, người hết sạch Vô Minh trụ trong cõi Tịch Quang. Thêm nữa, Thật Báo là nói theo quả báo cảm

thành, Tịch Quang là nói theo lý tánh đã chứng, chúng vốn thuộc cùng một cõi, nhưng giảng như vậy cho người ta dễ hiểu. Vì thế, người phân chứng thuộc vào Thật Báo, người mãn chứng thuộc về Tịch Quang. Thật ra, trong cả hai cõi đều có đủ cả phân chứng lẫn mãn chứng. Trong Văn Sao, tôi đã từng trình bày tường tận. Cõi Đồng Cư tuy có đủ ba cõi kia, nhưng người chưa đoạn Hoặc chỉ có thể thụ dụng cảnh Đồng Cư. Dù là cảnh của người đời nghiệp vãng sanh, nhưng chẳng thể gọi cõi đó là cõi phàm phu, vì họ đều đạt được ba thứ Bất Thoái.

8.13. Luận về xá-lợi

* Xá-lợi là tiếng Phạn, Hán dịch là “*thân cốt*” (xương nơi thân), hoặc dịch là “*linh cốt*” (xương thiêng), do sức Giới, Định, Huệ của người tu hành tạo thành, chẳng phải do luyện Tinh, Khí, Thần mà

đạt được. Đây chính là biểu tượng tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, chẳng phải là sau khi đã chết, đem thiêu mới có, mà [ngay trong khi còn sống], xương, thịt, tóc nơi thân đều có thể biến thành xá-lợi cả.

Xưa có vị cao tăng nhân tầm gội mà được xá-lợi. Ngài Tuyết Nham Khâm thiền sư cạo đầu, tóc biến thành xá-lợi. Lại có người chí tâm niệm Phật, trong miệng có xá-lợi. Lại có người khắc in sách Long Thư Tịnh Độ, tìm được xá-lợi trong bản khắc. Lại có người thêu hình Phật, thêu kinh, nơi mũi kim đâm xuống liền được xá-lợi. Lại có người chết đi, đem thiêu, xá-lợi vô số, môn nhân ai nấy đều được; có một người [học trò] đi xa chưa về kịp, đến lúc trở về cúng quải trước tượng [thầy], cảm khái đau buồn, liền nhật được xá-lợi trước tượng. Ngày thiêu hóa thiền sư Trường Khánh Nhân, trời nổi trận gió lớn, khói tỏa xa ba, bốn mươi dặm. Khói bay đến đâu, chỗ đó đều

có xá-lợi, cùng nhau nhặt gom lại được hơn bốn thạch. Nên biết rằng xá-lợi do đạo lực cảm thành, kẻ luyện đan chẳng biết nguyên do, cứ ức đoán lầm lạc là do Tinh, Khí, Thần cảm thành.

8.14. Luận về tý hương

* “*Tý hương*” là đốt hương trên cánh tay. Linh Phong lão nhân (tổ Trí Húc Ngẫu Ích) hằng ngày trì hai kinh Lăng Nghiêm, Phạm Võng, nên Ngài thường đốt hương. Chỉ vì hết thấy chúng sanh không ai chẳng tiếc thân mạng, bảo trọng thân mình; đối với những loài khác thì giết thân chúng, ăn thịt chúng, tâm càng vui vẻ, còn chính mình bị muỗi đốt, gai đâm, sẽ khó thể chịu đựng. Trong các kinh Đại Thừa như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Phạm Võng v.v..., đức Như Lai khen ngợi khổ hạnh, dạy đốt thân, cánh tay, ngón tay để cúng dường chư Phật hồng đời trị tâm tham và

tâm yêu tiếc, bảo trọng tự thân. Trong Lục Độ, pháp này thuộc về Bồ Thí Độ.

Bồ Thí có nội, ngoại bất đồng. Ngoại Bồ Thí là quốc thành, vợ con, nội bồ thí là đầu, mắt, tủy, não. Đốt hương hay đốt thân đều gọi là Xả, phải chí tâm khẩn thiết, ngưỡng mong Tam Bảo gia hộ, chỉ mong ta lẫn người nghiệp tiêu, huệ sáng, tội diệt, phước tăng (nói là ta, người, nhưng thật ra là vì mình. Lại đem công đức ấy hồi hướng cho pháp giới chúng sanh, nên gọi là ta người); trọn chẳng được mảy may khởi tâm cầu tiếng tăm, cầu phước lạc nhân thiên thế gian, chỉ vì trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh mà làm thì công đức sẽ vô lượng, vô biên, chẳng thể nghĩ bàn. Đây gọi là tam luân thể không⁸⁴, bao gồm trọn vẹn Tứ Hoằng Thệ, do tâm nguyện nên công đức rộng lớn, do tâm nguyện nên chóng

⁸⁴ Tam luân thể không: Bản thể của ba luân đều không, tức là không thấy có người thí, không thấy có người nhận, không thấy có vật được dùng để bố thí.

đạt được quả báo.

Nếu như tâm chuộng hư danh, chỉ dùng cái tâm chấp trước mà bắt chước thực hiện cái hạnh trừ khử chấp trước thì đừng nói là đốt hương trên cánh tay, dù đốt cả toàn thân, vẫn chỉ là khổ hạnh vô ích! Ấy là vì do tâm chấp trước, vì mong được danh dự, chẳng hiểu nghĩa lý “tam luân thể không”, mà cũng chẳng gồm trọn Tứ Hoàng Thệ Nguyên; khiến cho pháp phá trừ Thân Kiến của Như Lai trở thành pháp khiến cho Thân Kiến càng thêm kiên cố. Tội phước do tâm mà phân biệt, quả báo do tâm mà sai khác. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: “Bò uống nước thành sữa. Rắn uống nước thành nọc độc. Kẻ trí học thì chứng Niết Bàn, người ngu học càng tăng thêm sanh tử!”

* Tâm Bồ Tát giống hệt như thái hư, không gì là chẳng bao quát, vì muốn lợi lạc chúng sanh, nên bày mọi phương tiện,

trước là dùng dục để lôi kéo [chúng sanh], sau đó mới khiến cho họ nhập Phật trí. Chớ dùng tri kiến phàm phu để suy lường lầm lạc. Vì các Ngài đã chứng Pháp Nhân, trọn không còn có nhân ngã, chỉ muốn nhiếp thọ hết thảy chúng sanh vào biển pháp đại giác của Như Lai. Nếu so đo, tính toán, sẽ thuộc về tình kiến, chẳng thể ngầm khế hợp với đạo vô nhân ngã.

Nói “*bồ thí đầu, mắt, tủy, não*” là sự thật, còn nói [bồ thí cả] kỹ nữ (kỹ nữ là những cô gái làm nghề ca múa. Nói đến Kỹ thì Kỹ (妓) có nghĩa là ca múa), thể nữ... chẳng qua là để diễn tả tâm bồ thí rộng lớn của Bồ Tát, chớ vì từ hại ý, chấp chết cứng vào lời nói. [Nếu chấp câu nguyện] “*nguyện kỹ nữ đầy đầy trong A-tăng-kỳ thế giới*” [là sự thật] thì biết an bài họ vào đâu đây? Câu nói ấy nhằm nêu rõ Bồ Tát đã bỏ cả trong lẫn ngoài, trọn

chẳng tham tiếc, trong thì bỏ cả đầu, mắt, tủy, não, ngoài thì bỏ quốc thành, vợ con, chẳng sanh tham chấp đối với bất cứ một pháp nào. Vì thế, ở trong sanh tử chỉ riêng Bồ Tát được giải thoát.

Những kẻ nhận bồ thí kia do được nguyện lực của Bồ Tát nhiếp trì, nên sẽ ngay trong lúc này hoặc trong đời sau, không kẻ nào chẳng đích thân được hưởng lợi ích, liễu sanh thoát tử; như vua Ca Lợi cắt chặt thân thể [Nhẫn Nhục tiên nhân], sau này trở thành người được [Phật] độ đầu tiên là ngài Kiều Trần Như. Phàm phu tiểu tri tiểu kiến há có thể suy lường tâm đại Bồ Đề lượng như thái hư ư?

Phải biết rằng: Phàm phu chưa đắc Pháp Nhẫn, trong tâm ngưỡng mộ đạo Bồ Tát, nhưng hành sự phải thuận theo lẽ thường của phàm phu. Nếu không, sẽ có thể gây trở ngại cho việc gìn giữ, duy trì đạo pháp. Nếu chưa chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, dù chẳng duy trì pháp đạo, cũng

chẳng nên học theo Bồ Tát bỏ đầu, mắt, tủy, não v.v... bởi tự lực chẳng đủ, chẳng kham nhẫn thọ, mình lẫn người đều chẳng được lợi ích gì cả! Phạm phu cứ căn cứ theo những điều phạm phu có thể làm được mà làm thì mới nên.

8.15. Luận về cảnh giới

* Người niệm Phật lâm chung được Phật tiếp dẫn; đây là chúng sanh và Phật cảm ứng đạo giao, dù chẳng lìa khỏi tâm nghĩ tưởng, nhưng chẳng thể nói là [cảnh giới ấy] chỉ do một mình tâm tưởng hiện, tuyệt đối chẳng có chuyện Phật, Thánh đến nghênh tiếp! Tâm tạo địa ngục, thì lúc lâm chung, tướng địa ngục hiện. Tâm tạo Phật quốc, thì lúc lâm chung, tướng Phật quốc hiện.

Nói “*tướng tùy tâm hiện*” thì được, nhưng nói “*chỉ có tâm, không có cảnh*” thì chẳng được. Nếu bậc Đại Giác Thế Tôn nói “*chỉ có tâm, không có cảnh*” thì chẳng có lỗi gì, chứ nếu các hạ nói như vậy, ắt sẽ rớt vào tri kiến đoạn diệt, ắt thành tà thuyết phá hoại pháp môn tu chứng của đức Như Lai; chẳng thể không dè dặt! Nếu nói tĩ mĩ mỗi điều, ắt rất tổn

bút mực. Biết một, ắt sẽ suy được cả ba, không còn sót một nghĩa nào.

* Phải biết rằng: Hiện tại không có pháp nhất định. Do cái thấy của mỗi người khác nhau, nên hãy tạm gác những cảnh giới của Phật, Bồ Tát lại đó, chỉ dùng những cảnh phạm tiểu để giảng rõ. Ông Tử Tấn là con vua Châu Linh Vương, học đạo tiên bảy ngày, khi xuất hiện ở Hậu Sơn thì đã qua đời Tấn. Vì thế mới có thơ rằng:

*Vương tử khứ cầu tiên,
Đan thành⁸⁵ nhập cửu thiên,
Động trung phương thất nhật,
Thế thượng kỳ thiên niên.*

(Vương tử học đạo tiên,
Thành đạo đạo cửu thiên,
Trong động chỉ bảy bữa,
Trần gian gần nghìn niên)

(Chữ “kỳ” (幾) phải đọc giọng bằng,

⁸⁵ “Đan thành” là thuật ngữ của Đạo Giáo, ý nói nội linh đan đã luyện thành, tức là đã thành đạo tiên.

có nghĩa là “gần”. Từ đời Châu Linh Vương đến nhà Tấn, thời gian dài gần một ngàn năm).

Lại như ông Lã Thuần Dương gặp Chung Ly Quyền trong quán trọ ở Hàm Đan, ông Chung khuyên họ Lã học đạo Tiên, họ Lã mong được phú quý rồi mới học. Ông Chung trao cho ông Lã một cái gói bảo hãy ngủ một giấc. Họ Lã mộng thấy mình làm quan từ chức nhỏ đến chức lớn, rồi làm đến Tể Tướng. Năm mươi năm phú quý vinh hoa, thật ít có trong đời. Con cháu đầy nhà, thường sung sướng, chẳng có tai ương gì. Sau vì một chuyện chẳng hợp ý bề trên, bèn tự thoái quan. Lúc tỉnh giấc ra, chủ quán trọ còn đang nấu nồi cháo kê vàng [chưa chín]! Trong mộng thấy ra ngoài cầm quân, vào triều làm tể tướng, bao nhiêu là chuyện lớn, thời gian lâu cả năm mươi năm, đến khi tỉnh giấc, nồi cháo kê vàng vẫn chưa nhừ. Đây chẳng qua là cảnh do tiên nhân

biển hiện, mà còn có thể trong một niệm biển hiện những sự nghiệp, cảnh giới của cả năm mươi năm; huông hồ là cảnh giới của Phật là vị trời trong trời, là thánh của các thánh, [hoặc cảnh giới] của các vị đại Bồ Tát đã chứng Pháp Thân? Vì thế, ngài Thiện Tài vào trong lầu gác của đức Di Lặc, vào trong một lỗ chân lông của đức Phổ Hiền, đều ở trong mười phương thế giới hành lục độ vạn hạnh trải qua Phật sát vi trần số kiếp. Xem đoạn văn ấy, ông còn có thể suy lường hay chăng?

Phải biết rằng: Ba đời không có thật thể, còn là phận phàm phu thì chỉ thấy được cảnh giới của phàm phu, chớ nên vin vào cảnh giới phàm phu trông thấy để bảo cảnh giới của Phật, Bồ Tát cũng giống như thế, chẳng có gì khác! Nay tôi dùng ví dụ để giảng rõ: Như gương soi tỏ mấy mươi tầng núi sông, lầu gác, quả thật chẳng có gần xa, nhưng gần xarành rành! Sắc pháp thế gian còn như thế, huông là

bậc đã chứng tâm pháp duy tâm tự tánh ư? Bởi thế mới nói: “*Ư nhất hào đoan, hiện bảo vương sát, tọa vi trần lý, chuyển đại pháp luân*” (trên đầu sợi lông, hiện cõi bảo vương, ngồi trong vi trần, chuyển đại pháp luân).

Mười đời xưa nay, trước sau chẳng lìa đương niệm (một niệm hiện tại), vô biên cõi nước chẳng xa cách [một khoảng nhỏ bằng] đầu sợi lông! Phạm những gì thuộc về cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn thì hãy nên ngửa tin lời Phật, đừng suy lường xằng bậy. Nếu như khẩn thiết đến cùng cực, sẽ tự hiểu rõ hết, cũng chẳng cần phải hỏi ai khác cả. Nếu chẳng khẩn thiết, chí thành, dù ra sức lễ bái, trì tụng, nhưng cứ suốt ngày cuồng vọng suy lường những cảnh giới mà phạm phu chẳng thể suy lường thì có khác gì đi theo vết xe đổ của pháp sư Huyền Nhân, dù có muốn chẳng vương lấy tội báo báng Phật, báng Pháp, báng Tăng thì cũng chẳng thể được!

* Biết lệnh nghiêm⁸⁶ có rất nhiều điều linh cảm, tôi khôn ngăn bội phục. Như ước về lúc thọ pháp, nếu Đại Sĩ cùng thiên long bát bộ cùng hiện thì Mật Tông vẫn có cảm giới “chẳng cho tuyên truyền diệu cảnh”. Đây phải chẳng là vì lòng sùng phụng trong sạch, bền chắc mà Ngài thuận lòng thị hiện chẳng? Nếu hiểu như vậy, nhất định [người được thấy diệu cảnh đó] phải có sở chứng. Nếu [người ấy] không có sở chứng, nhất định thánh chẳng tùy tiện ứng hiện suông!

Còn “thấy ứng thân” như luận Khởi Tín đã nói thì đó là tình cảnh của người niệm Phật lúc lâm chung, vì chưa phá được vô minh nên Ứng Thân, Báo Thân, và Pháp Thân [mà người ấy] được thấy đều chẳng phải là do thiện căn của người

⁸⁶ Lệnh nghiêm: Tiếng gọi cha người khác một cách tôn kính.
IX. Khuyên Nhủ Các Thiện Tín Tại Gia

ây mà được thấy. Bồ Tát ứng hiện tại Phạm Âm động ở Phổ Đà cũng là phương tiện quyền biến nhằm tăng trưởng tín tâm cho chúng sanh, tuy người người được thấy, nhưng chẳng thể lấy đó làm chứng cứ. Nếu cứ vin vào đó, ắt sẽ khiến cho hết thảy mọi người đều dựa dẫm vào đó mà đồn thổi. Người xưa được thấy Bồ Tát Văn Thù ở Ngũ Đài rất nhiều, nhưng đều là những vị có đại nhân duyên hoặc là có công phu tu tập sâu dày, hễ ai gặp Ngài đều có chứng ngộ giải nhập.

Năm Quang Tự thứ mười hai (1886), Quang triều bái Ngũ Đài, trước hết, ở phố Lưu Ly Xưởng⁸⁷ của Bắc Kinh, tìm tác phẩm Thanh Lương Sơn Chí khắp nơi nhưng chỉ tìm được một bộ, thường xem hằng ngày. Do trời lạnh, đến tháng Ba mới đến núi. Ở trên núi hơn bốn mươi ngày, thấy những người lên núi triều bái, đa số nói họ được thấy Bồ Tát Văn Thù, nhưng

⁸⁷ Lưu Ly Xưởng là một khu phố nổi tiếng về bán đồ cổ ở Bắc Kinh trong thời ấy.
IX. Khuyến Nhủ Các Thiện Tín Tại Gia

người thật sự hành trì rất ít. Vì thế mới biết là những người lên núi triều bái nói được thấy Bồ Tát đều chỉ nói dựa theo những tích chuyện của cổ nhân để khoe khoang đó thôi. Nếu ai thật sự được thấy, người ấy ắt sẽ vàng thau khác hẳn với những kẻ thuận miệng nói hùa theo. Nếu không, ngài Văn Thù chẳng tự trọng, dễ dãi hiện thân, còn ra thế nào nữa?

“*Lý tức Phật*” hết thấy chúng sanh đều có, chẳng phải là chỉ riêng người nghịch trần hiệp giác. Nếu là hạng nghịch trần hiệp giác thì đã thuộc về “*danh tự tức Phật*”. Ông X. nọ [khoe] khi nhập định giống hệt như Tỳ Lô Giá Na, khi xuất định vẫn là phàm phu, nhưng chẳng biết hổ thẹn, còn lớn tiếng khinh người. Nếu thật sự giống hệt như Tỳ Lô Giá Na, quyết chẳng đến nỗi vẫn là phàm phu! Ông ta toan dùng Mật tông để lòa người, chẳng biết rằng: Dù Quang chẳng biết Mật tông đi nữa, lẽ nào chẳng biết đúng sai, dễ

hồ lung lạc được ư?

8.16. Luận về thần thông

* Thiên sư Đạo Tế là bậc thánh nhân đại thần thông. Ngài muốn khiến cho hết thảy mọi người sanh tín tâm, nên thường hiển hiện những sự chẳng thể nghĩ bàn. Ngài ăn thịt, uống rượu để giấu kín đức của bậc thánh nhân, vì muốn cho những kẻ ngu tưởng Ngài là kẻ điên rồ, không có pháp tắc; nhân đó, chẳng tin tưởng Ngài cho lắm. Nếu không làm như thế, Ngài sẽ chẳng trụ trong thế gian. Phật, Bồ Tát hiện thân, nếu thị hiện giống như phạm phu thì các Ngài chỉ dùng đạo đức để giáo hóa người khác, tuyệt đối chẳng hiển hiện thần thông. Nếu hiển hiện thần thông, sẽ chẳng trụ trong thế gian được; còn nếu hiện làm kẻ điên rồ, dù có hiển thị thần thông, cũng chẳng trở ngại gì. Chớ bảo “người tu hành ai nấy đều nên uống rượu, ăn thịt!” Người lành thế gian còn chẳng

uống rượu, ăn thịt, hưởng hồ là đệ tử Phật! Muốn giáo hóa chúng sanh mà chính mình chẳng y giáo phụng hành thì không chỉ làm cho người khác chẳng tin, mà còn khiến cho họ thoái thất tín tâm nữa. Vì thế, chẳng được học đòi uống rượu, ăn thịt.

Ngài (Đạo Tế) ăn những con vật chết, ói ra những con vật sống. Ông ăn con vật chết vào, còn chưa thể ói ra thịt còn nguyên hình dạng, làm sao học đòi Ngài ăn thịt cho được? Ngài uống rượu vào bèn nhả ra vàng để thếp tượng Phật, khiến cho vô số cây gỗ lớn từ trong giếng trôi lên. Ông uống rượu vào, muốn cho nước từ dưới giếng trào lên còn không được, làm sao học đòi Ngài [uống rượu] cho được?

Truyện về Tế Công có đến mấy loại, nhưng chuyện Túy Bồ Đề hay nhất. Gần đây có đến tám bản khác nhau lưu thông, đa phần là những bản do người đời sau thêm thắt vào. Chuyện Túy Bồ Đề cả

văn lẫn nghĩa đều hay, những chuyện được kể trong ấy đều là những sự thực thuở ấy. Người đời chẳng biết nguyên do, không bắt chước bừa bãi, thì cũng hủy báng xằng bậy. Học bừa theo đó sẽ quyết định phải đọa địa ngục. Hủy báng xằng bậy tức là dùng tri kiến phạm phu để suy lường thần thông của thánh nhân, cũng mắc tội lỗi, nhưng so với kẻ học bừa theo, tội còn nhẹ nhiều hơn lắm. Thấy những điều chẳng thể nghĩ bàn của Ngài, phải nên sanh lòng kính tin. Thấy Ngài uống rượu, ăn thịt, chẳng chịu bắt chước làm theo, sẽ đạt được lợi ích, chẳng bị tổn hại.

* Người có thể hoằng đạo, chứ đạo chẳng thể hoằng người. Thế gian loạn lạc là do ác nghiệp đồng phận của chúng sanh cảm thành, các thuyết tà vạy cũng thế (cũng do cùng nguyên do ấy). Phong tục thế gian biến đổi, lúc thoát đầu đều là do một hai kẻ phát khởi. Yên bình, loạn lạc,

tà, chánh không gì đều chẳng như thế cả; sao chẳng xét đến sức người để chuyên biến, lại chuyên quy vào sức thần thông của Phật, Bồ Tát để hòng chuyên biến vậy? Chẳng phải là Phật, Bồ Tát không thể hiển thị thần thông biến hiện, hiềm rằng chúng sanh nghiệp nặng, nên [dù có biến hiện], cũng vẫn như không. Ví như mây dày, sương đậm, mờ mịt, chẳng thấy được mặt trời giữa ban ngày, bèn bảo là chẳng có mặt trời ư? Con người cùng trời, đất gọi là Tam Tài; Tăng và Phật, Pháp gọi là Tam Bảo. Gọi như vậy là do căn cứ vào ý nghĩa hỗ trợ, tán dương công sanh trưởng [của trời đất], hoằng dương đạo pháp mà đặt tên. Ông cứ muốn bỏ nhân lực, bám vào sức của Phật, Bồ Tát, trời đất, có còn đáng gọi là biết đạo hay chẳng?

Đời đại loạn, đại bi Bồ Tát thị hiện cứu vớt, bảo vệ, cũng chỉ cứu được kẻ hữu duyên; vì loạn lạc chính là đồng nghiệp,

còn túc nhân và hiện duyên (duyên trong hiện tại) là biệt nghiệp. Có biệt nghiệp có thể cảm Bồ Tát thì sẽ được Bồ Tát gia bị, cứu vớt, che chở, há nên bàn bạc lương tuồng ư? Những chuyện phương tiện thuận nghịch cứu vớt, che chở chúng sanh của Bồ Tát chẳng phải là chuyện mà kẻ hiểu biết lầm lạc, hẹp hòi có thể thấu hiểu được đâu nhé! Nay tôi vì ông nói một thí dụ để từ đó mà suy ra, để rồi đừng nói “Bồ Tát đúng là oan gia”, cũng như để tạo thành nền tảng tốt đẹp hồng nhập đạo thành Phật. Chư Phật lấy tám khổ làm thầy để thành đạo Vô Thượng. Như vậy, Khổ là cái gốc để thành Phật. Thêm nữa, Phật dạy đệ tử lúc ban đầu phải tu Bất Tịnh Quán. Quán lâu ngày, ắt có thể đoạn Hoặc, chứng Chân, thành A La Hán. Như vậy thì Bất Tịnh lại là cội gốc của Thanh Tịnh.

Người ở Bắc Câu Lô Châu hoàn toàn chẳng khổ, nên chẳng thể nhập đạo. Châu

Nam Diêm Phù Đề sự khổ rất nhiều, nên người nhập Phật đạo để liễu sanh tử không thể tính nổi số. Giả sử thế gian trọn chẳng có các nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử, đao binh, thủy, hỏa v.v... thì ai nấy đều sống say chết ngủ trong lạc thú buông lung, có ai chịu phát tâm xuất thế để liễu sanh tử đâu nhỉ? Ngay cả kẻ thống lãnh quân mạnh, giữ địa vị cao, gây bao việc khổ não chúng sanh, không chừng là bậc đại bi thị hiện đó chẳng? Nghĩa này chỉ có thể nói cùng người thông suốt, đừng nói với kẻ vô tri, vô thức. Nếu là người thông suốt, dù thật sự [gặp gỡ] ác ma, vẫn có thể đạt được lợi ích; còn người vô tri vô thức nếu biết đến nghĩa này, ắt sẽ chẳng biết phát tâm tu hành, trái lại còn hủy báng Phật pháp. Ví như dùng thuốc, trẻ nhỏ chẳng thể uống thuốc, bèn bôi thuốc lên vú, dù nó không uống cũng thành uống. Ông toan làm bậc thông suốt, nhưng triển khai rộng lớn nghĩa này thì hại người rất

nhiều, lợi người rất ít. Xin hãy im lặng, đừng bàn nói ầu tả. Cảnh giới của Phật, Bồ Tát, phạm phu chẳng thể suy lường được!

⁸⁷ Lưu Ly Xưởng là một khu phố nổi tiếng về bán đồ cổ ở Bắc Kinh trong thời ấy.

8.17. Luận về bí truyền

* Nay các ngoại đạo, không đạo nào chẳng dùng cách bí truyền để dẫn dụ, kêu gọi kẻ vô tri theo đạo của họ. Lúc nguyện gia nhập, ắt phải phát thệ: Từ rày về sau, nếu phản lại đạo, ắt sẽ mắc ác báo như thế này, như thế nọ. Thật sự ra, phần nhiều [các “đạo” ấy] là những pháp dối người. Do trót phát thệ, dù có biết những sai trái trong đạo, cũng chẳng dám trái nghịch hoặc phơi bày ra. Cách phát thệ bí truyền của ngoại đạo ràng buộc, làm con người lầm lạc quá đáng vậy.

Đức Phật ta chẳng có pháp bí truyền; đối với một người, Ngài cũng nói như

thế, đối với vạn người, Phật cũng dạy như thế. Cửa đóng, then cài, bên ngoài đặt người tuần hành canh gác, chỉ cho một người vào, thì thềm chẳng cho người ngoài nghe được, những đạo như thế chẳng có chuyện quang minh, chánh đại gì đâu! Vì mong các vị hiểu được tệ nạn ấy, nên tôi mới lược thuật vậy!

* Nếu có bí quyết mâu nhiệm chỉ khẩu truyền ở chỗ kín đáo thì chính là tà ma ngoại đạo, chẳng phải là Phật pháp.

8.18. Luận về cầu cơ

* Những lời giảng cơ trong đàn cầu cơ đa phần là do loài linh quý dựa dẫm vào tri thức của người xoay cơ mà nói ra. Nếu nói về đạo lý thế gian còn đúng nhiều, chứ nói đến Phật pháp thì do chính mình chẳng biết, bèn bịa đặt những lời nhằm nhí.

* Cầu cơ đa phần là các linh quý giả mạo Phật, tiên, thần, thánh. Những quý kém cõi chẳng có sức thần thông, những quý khá hơn sẽ biết được tâm người, nên dựa dẫm vào sự thông minh và tri thức của người [phò cơ] để nói này nói nọ.

Ông Kỷ Văn Đạt nói: “*Cầu cơ đa phần là linh quý giả danh giáng cơ. Tôi cùng người anh tên là Thản Nhiên cùng phò cơ. Tôi biết làm thơ, nhưng chữ viết không ra gì. Tôi phò cơ thì thi từ mãi tiếp, nhưng chữ viết nguệch ngoạc, xiên xẹo. Thản Nhiên phò cơ thì thi từ tâm thường, nhưng chữ viết sắc sảo. Đối với những quý giả mạo cổ nhân, nếu chú tâm hỏi những điểm bí nhiệm, quan yếu, bèn nại có năm tháng lâu xa, chẳng còn nhớ gì nữa, nên biết chẳng phải là thật*”.

Như vậy thì sự linh ứng của quý là chúng có thể dựa vào những điều đã biết trong tâm của người hiện tại để mượn

dùng. Đối với những điều tuy có trong thức điền, nhưng trong cái thấy biết hiện tại của đương nhân không có, hoặc người ấy chẳng biết đến nghĩa đó thì quý chẳng thể dẫn ra để dạy người ta [về điều ấy được]. So với Tha Tâm Thông của bậc nghiệp tận tình không bèn khác nhau một trời, một vực, nhưng xét về khí phận thì có vẻ tương tự mà thôi. Tôi lại chỉ sợ quý vị bị mê hoặc bởi những lời giảng cơ, nên chẳng thể không dẫn chứng để phân trần vậy.

* Gần đây, các đàn cầu cơ ở Thượng Hải rất thịnh hành. Những lời khai thị sửa lỗi, hướng thiện, tiểu luân hồi, tiểu nhân quả [của các đàn cơ ấy] đều rất có ích đối với thể đạo nhân tâm, nhưng những lời giảng về cõi trời, về Phật pháp, toàn là những lời lẽ quàng xiên. Chúng ta là đệ tử Phật chẳng thể bài xích pháp ấy, vì sẽ mắc lỗi ngăn trở người khác hướng thiện,

nhưng cũng chẳng thể phụ họa, tán dương pháp ấy, bởi những lời giảng cơ về Phật pháp toàn là ức đoán, chỉ e gây thành cái họa hoại loạn Phật pháp, làm lạc chúng sanh.

8.19. Luận về luyện đan

* Phật pháp chỉ dạy người ta dứt ác tu thiện, minh tâm kiến tánh, đoạn Hoặc, chứng Chân, liễu sanh thoát tử. Toàn bộ Đại Tạng Kinh trọn chẳng có lấy một chữ dạy người ta vận khí luyện đan, cầu thành tiên bay lên trời, trường sanh bất lão chi cả.

Thời kỳ đầu Dân Quốc, gã dân ma Liễu Hoa Dương soạn Huệ Mạng Kinh, tận dụng kinh Phật, lời Tổ để chứng thực pháp luyện đan, xoay chánh thành tà, dùng pháp báng pháp. Người chưa mở mắt thấy tà thuyết đó, ngỡ là chân thật, đánh mất chánh kiến mãi mãi. Lời lẽ, sự

tu hành của họ đều là phá hoại Phật pháp, nhưng vẫn hiu hiu tự đắc, cho mình may mắn gặp được chân thừa, được nghe chánh pháp, đúng là nhận giặc làm con, nấu cát thành cơm, một gã lừa dẫn lũ mù kéo nhau sa vào hầm lửa, chẳng đáng buồn ư!

Phàm một pháp luyện đan chẳng phải là không lợi ích, nhưng chỉ có thể kéo dài tuổi thọ, cao nhất là thành tiên bay lên trời, pháp ấy còn chưa phải là chân truyền của Lão Tử, huống hồ là chánh đạo của Phật pháp ư? Khổng Tử nói: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hĩ!*” (sáng nghe đạo, tối chết cũng đành)”. Lão Tử nói: “*Ngô hữu đại hoạn vi ngô hữu thân*” (ta có mối lo lớn là ta có thân). Nếu lãnh hội được những lời ấy, sẽ chẳng bị bọn luyện đan kia mê hoặc. Hãy đọc kỹ các sách An Sĩ Toàn Thư, Cư Sĩ Truyện, Bình Tâm Luận, Kê Cổ Lục⁸⁸... thì gương sáng đặt trên

⁸⁸ Sách này có tên gọi đầy đủ là Thích Thị Kê Cổ Lục, do ngài Thích Giác Ngạn soạn, là một bộ lược sử Phật giáo theo thể loại biên niên. Nội dung trích dẫn rất nhiều truyện ký, văn tập, tự chí, bia, kệ v.v... nên sử liệu rất IX. *Khuyên Nhủ Các Thiện Tín Tại Gia*

đài, tốt xấu tự phân, lò nung thử vàng, thật giả rạch ròi.

* Trộm nghĩ nguồn gốc của Thích và Đạo chẳng hai, nhưng nhánh nhóc, chi phái khác xa nhau một trời một vực. Phật giáo dạy người ta trước hết tu Tứ Niệm Xứ Quán: Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Đã biết thân, thọ, tâm, pháp đều thuộc huyễn vọng, khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh thì Chân Như diệu tánh sẽ tự hiển hiện.

Nếu ước theo nguyên sơ chánh truyền thì Đạo giáo cũng chẳng coi trọng chuyện “vận khí luyện đan, chỉ cầu trường sanh”; nhưng các đời sau tu hành theo Đạo Giáo, không một ai chẳng coi pháp ấy là chánh tông! Phật giáo không có điều lớn lao nào chẳng bao gồm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng đề cập đến, không chỉ nêu tỏ đạo lý

thân tâm tánh mạng đến hết sạch không còn sót, mà ngay cả những điều nhỏ nhặt như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sĩ... của Thế Đế, mảy may điều thiện nào cũng chẳng bỏ sót. Chỉ riêng chuyện luyện đan vận khí, chẳng nhắc đến một chữ nào, nhưng [đệ tử Phật] phải kiêng dè sâu xa [đừng luyện đan], bởi một đấng dạy người ta biết thân tâm là huyễn vọng, một đấng lại dạy người ta chấp chặt thân tâm là chân thật. Cái tâm vừa mới nói đó chỉ là tâm tùy duyên sanh diệt, chẳng phải là chân tâm sẵn có. Một pháp luyện đan chẳng phải là không có lợi ích, nhưng chỉ kéo dài tuổi thọ, cao nhất là thành tiên bay lên trời. Nếu bảo là pháp để liễu sanh thoát tử thì chỉ là lời nói mớ mà thôi!

8.20. Luận về tu hành, xử sự phải phù hợp, thích nghi

* Đối với pháp niệm Phật, phải tùy theo sức lực của mỗi người để tùy tiện

niệm ra tiếng, niệm thâm, niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, không cách nào là chẳng được, lẽ nào cứ một mực niệm lớn tiếng đến nỗi tổn hơi thành bệnh vậy? Căn bệnh nặng của ông do khí bị thương tổn mà ra, nhưng thật sự là do nghiệp lực từ vô lượng kiếp biến hiện. Do ông tinh tấn niệm Phật, nên chuyển hậu báo thành hiện báo, chuyển báo nặng thành báo nhẹ. Chẳng biết là do căn bệnh này sẽ tiêu được tội tam đồ ác đạo trong bao nhiêu kiếp số. Phật lực khó nghĩ lường, Phật ân khó báo, hãy nên sanh lòng vui mừng, nghĩ mình may mắn lớn lao, sanh lòng hổ thẹn to lớn, sanh lòng tin trong sạch lớn lao, dùng một pháp Tịnh Độ để tự hành, dạy người, mong sao quyến thuộc trong nhà, và hết thảy những ai hữu duyên cùng sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ căn bệnh này, mới khỏi phụ ân Phật đã vì mình hiện thân!

* Học Phật phải chuyên lấy việc tự liễu ngộ làm chánh, nhưng cũng phải tùy phần, tùy sức làm các công đức. Phải là người có sức lớn lao thì mới hòng triệt để buông xuống, triệt để đề khởi được. Người căn cơ trung hạ nếu không làm gì hết sẽ trở thành biếng nhác, chây lười, đã chẳng sốt sắng tự lợi, mà đối với việc lợi người cũng gác bỏ hết, trở thành cái tệ như Dương Tử “*dù nhỏ một cái lông để làm lợi cho người khác cũng chẳng chịu làm*”⁸⁹. Vì thế, phải hành cả hai pháp hỗ trợ cho nhau, nhưng chú trọng vào mặt tự lợi. Cũng đừng hiểu lầm lời cư sĩ Nhị Lâm (Bành Tế Thanh). Hiểu lầm sẽ đắc tội với ông Nhị Lâm chẳng nhỏ. Ý của Bành Nhị Lâm là chuyên chú tự lợi, chứ chẳng phải là phế sạch chuyện tùy phần, tùy sức dạy người khác tu theo pháp môn Tịnh Độ đâu nhé! Việc lợi người chỉ có hàng Bồ Tát mới có thể gánh vác; ngoài ra, ai dám nói

⁸⁹ Dương Tử tức là Dương Châu (Chu), tên tự là Tử Cư, người thời Chiến Quốc, chủ trương thuyết “vị ngã”: Làm điều lợi nhỏ nhất dù bằng cái lông cho người khác cũng chẳng chịu làm.

những lời lẽ lớn lao ấy! Người căn cơ trung hạ tùy phần, tùy sức làm việc lợi người thì mới phù hợp với đạo lý tu hành tự lợi, bởi lẽ, pháp môn tu hành có lục độ, vạn hạnh. Tự mình chưa độ thoát thì chuyện lợi người vẫn thuộc về tự lợi, nhưng chẳng thể chuyên chú vào hình thức bề ngoài để làm!

* Người tu hành thật sự thì dính vào chuyện khác để làm chi? Chỉ vì do chưa thể buông cả toàn thân xuống, chưa thể cắt đứt vạn duyên, thì chẳng ngại gì vun bồi kèm thêm trong lòng để vớt vát lấy một nửa mà thôi.

* Niệm Phật tuy trọng chí thành, thanh khiết, nhưng nếu bệnh nhân không đủ sức thì cứ giữ lòng chí thành niệm thầm, hoặc niệm ra tiếng, công đức vẫn giống hệt như vậy. Bởi lẽ, Phật từ rộng lớn, như cha mẹ lúc thấy con cái bệnh khổ, ắt chẳng nệ vào

những nghi thức lúc bình thường để trách móc, lại còn đến vỗ về, xoa nắn thân thể con, rửa sạch những dơ bẩn. Nếu con bệnh đã lành mà vẫn đối xử với cha mẹ giống hệt như lúc còn đang bệnh thì sẽ bị sét đánh vậy!

* Lập thân, xử thế, gìn lòng, dù là ngu hay hiền đều phải cung kính, chẳng sanh lòng ngạo mạn. Hành sự thì thân hiền, xa ngu, giữ ưu, bỏ kém. Như thế thì sẽ tránh khỏi nổi tệ lây phải tính xấu, cũng như giữ cho mình khỏi bị lầm lạc. Chuyện trong thiên hạ có cái lý nhất định, nhưng không có pháp nhất định. Nếu chẳng dựa vào tình và sự để định đoạt, cứ giống như chấp chết cứng vào toa thuốc để trị biến chứng thì người sống sẽ ít, kẻ chết lại nhiều. Phải tình hợp với lý, pháp phù hợp sự thì mới nên!

* Vạn sự trong thiên hạ có cái lý nhất

định, nhưng khi gặp chuyện phải vận dụng cái lý nhất định để hành xử sao cho thích nghi, lý phù hợp cùng quyền, pháp tương ứng với đạo thì mới nên!

* Phật pháp phải tùy theo căn tánh của mỗi người mà thực hiện, chẳng thể chấp chặt vào quy cách rộng lớn thông thường. Nếu trái nghịch căn cơ, sẽ khiến cho người ấy bị mất lợi ích liễu sanh thoát tử thù thắng; cốt sao người ấy phải tự lượng căn tánh để tu trì [sao cho thích hợp].

* Vào thời Phật pháp hưng thịnh dưới các triều Đường, Tống, người tại gia phần nhiều dùng cách hỏa táng; nhưng [nay] nên thuận theo thói tục chôn cất, vì sợ kẻ câu nệ luận bàn quàng xiên, chứ thật ra thiêu thì gọn gàng hơn. Qua bốn mươi chín ngày hãy thiêu sẽ ổn thỏa. Còn chôn thì trải qua nhiều năm, rất có thể hài cốt bị phơi bày. Cái lệ ba năm tang chế chẳng

dùng đến lễ nhạc cố nhiên phải tuân thủ. Vào đời Thanh trước kia, quan văn có thể xin nghỉ cư tang, nhưng quan võ chẳng được phép nghỉ cư tang bởi việc quân chẳng thể sao nhãng, nên chẳng tuân theo quy chế. Hiện thời thịnh hành quan niệm “bỏ thói thường [chẳng tuân theo] là bất hiếu”, dù giữ đúng thời gian tang chế, vẫn còn bị chê trách nữa là. Chúng ta hãy nên theo đúng cổ lễ, nhưng phải châm chước để làm theo, tuy chẳng thể thay đổi ngay, nhưng đừng có quá câu nệ là được!

* Liên xã mới mở phải có quy chế nhất định, nữ nhân tuyệt đối chẳng được tham dự liên xã, đừng bắt chước nơi khác buông tuồng chẳng thúc liễm, đến nỗi một pháp vừa lập, trăm mối tệ chen chúc nảy sanh. Rất quan trọng, rất quan yếu đấy!

* Trộm nghĩ thể đạo nhân tâm hiện

thời suy sụp đến cùng cực. Lại còn phung phí quốc khố, so với trước kia thuế má nặng hơn gấp mấy lần, mọi thứ đắt đỏ, dân không lẽ sống. Tai trời họa người giáng xuống liên tiếp. Gặp phải thời buổi này, muốn hoằng dương đạo pháp, chỉ còn cách khuyên những người tìm đến học hãy học lấy yếu nghĩa (nghĩa trọng yếu) nhà Phật. Với cha nói Từ, với con nói Hiếu, anh nhường, em kính, chồng xướng, vợ theo, ai nấy trọn hết bốn phận để làm nền tảng [cho việc học đạo]. Ngoài ra, còn phải giữ lòng Thành, chuyên chú lòng kính, khắc kỷ, giữ lễ, hiểu nhân rõ quả, mong thoát khỏi luân hồi, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dù thiên tư cao đến cách mấy, cũng phải y theo đây mà hành. Ngoài ra, những khi có thời gian, có sức thì nghiên cứu hết thảy các kinh luận cũng chẳng trở ngại gì. Cốt sao tùy phận tu trì trong chính gia đình

của mình, chẳng cần phải cất dựng phòng ốc cho nhiều, lại phải sắp đặt nhân viên cho đông, đây kia qua lại, bận bịu chức vụ, tốn phí thời gian⁹⁰. Đây chính là cách tương kế tựu kế để hoằng pháp bậc nhất trong hiện tại vậy.

* Muốn cầu vãng sanh hãy nên buông bỏ thế gian này, cũng như buông bỏ cái tâm cuồng vọng quá phận mong giống như Bồ Tát ở trong sanh tử độ thoát chúng sanh. Chuyện ấy đòi hỏi chính mình đã là Bồ Tát thì mới được. Nếu chính mình còn là phàm phu, lại toan đảm nhiệm việc ấy, thì không chỉ chẳng thể độ người, mà còn chẳng thể tự độ! Không ít thiện tri thức thế gian mắc phải bệnh này, nhưng cứ ngỡ chính mình có tâm Bồ Tát. Phải biết rằng: [Nếu có] tâm ấy, phải cầu vãng sanh trước đã thì mới có lợi ích. Nếu mình đã là Bồ Tát thì chẳng cầu vãng sanh còn được, nếu

⁹⁰ Đây là lời khuyên của Tô dành cho ông Vương Dữ Tiếp, vì ông này tỏ ý muốn xây dựng đạo tràng để làm chỗ tu trì.

không, tai hại chẳng nhẹ! Tâm cuồng vọng quá phạm chính là chướng ngại lớn nhất đối với chuyện tu hành. Chớ nên không biết điều này.

* Trong lúc kiếp trước thời loạn này, lẽ tất nhiên phải đề xướng nhân quả báo ứng và pháp môn Tịnh Độ thì mới hòng có lợi ích thật sự. Những kẻ ham cao chuộng trội kia chỉ sợ những pháp ấy mà được đề xướng thì tiếng tăm, giá trị của họ sẽ bị hủy hoại, nên “thà để người khác chẳng hiểu, quyết chẳng chịu để môn phong của chúng ta thua kém”. Hãy thử hỏi họ: Đối với những vật bên ngoài dùng để điều dưỡng sanh mạng, có thể nào cứ cố chấp vào một pháp chẳng chịu biến đổi cho thông suốt hay chẳng? Mùa Hạ mặc áo mỏng, mùa Đông khoác áo cừ, đói thì ăn, khát thì uống. Mỗi ngày còn phải chọn lấy những điều thích nghi; thế mà đối với việc hoằng dương đạo pháp thì

lại bất trí, chẳng theo đúng lẽ như việc dưỡng sanh, vẫn còn bảo là thật sự muốn làm cho người khác được lợi lạc nữa ư?

* Tịch Viên liên xã ắt phải thanh tịnh, thơm sạch, chủ nhân ắt phải cung kính chí thành, chớ nên ngạo mạn đối với người khác, mà cũng chớ nên có thái độ, biểu hiện ban ân cho người khác. Đối với mọi người đến tham dự, đều phải đối đãi ôn hòa, cung kính, khiêm tốn. Lúc chưa niệm Phật cũng như lúc niệm Phật xong, đều chớ nên bàn chuyện nhà; có những nghĩa trọng yếu nào đáng bàn luận, trình bày thì hãy bàn. Nếu không, ai nấy trở về chỗ mình. Những ai quá nhỏ tuổi hãy nên tự niệm ở nhà. Nếu thường đến liên xã, ở gần thì còn tạm được, chứ nếu đường xa, chỉ sợ có xảy ra chuyện ngoài ý muốn, chớ nên không cẩn thận. Lập liên xã bất quá chỉ nhằm đề xướng [phong thái niệm Phật] trong địa phương mà thôi, phải lấy

việc niệm Phật tại gia làm chính.

* Người học Phật trước hết phải biết nhân quả, xử sự dè dặt, cẩn trọng. Nếu đã có thể dè dặt, cẩn trọng thì tà niệm sẽ tự tiêu, chẳng đến nỗi làm điều chẳng đúng pháp. Nếu trót làm, phải cực lực đoạn diệt thì mới là tu hành chân thật. Nếu không, học một đường, làm một nẻo, tri kiến càng cao, hành vi càng tệ. Đấy chính là căn bệnh đã lậm tận xương tủy của những kẻ học Phật tự xưng là bậc thông gia ngày nay. Nếu có thể luôn lấy việc tránh lỗi làm điều mong mỏi thì cứ học một phần sẽ được một phần lợi ích thật sự.

8.21. Luận về phú cường

* Trung Quốc nghèo hèn là vì chẳng tuân theo lễ nghĩa. Tuân theo lễ nghĩa, lễ đâu nghèo hèn đến nỗi ấy? Thử hỏi nguyên nhân gây nên sự nghèo hèn, có

nguyên nhân nào ngoài chuyện tham ăn của đút lót, nhận của hối lộ để ngoại nhân hưởng lợi hay không? Ông chưa thấy rõ gốc bệnh, nên mới bảo là “thuốc chẳng hiệu nghiệm”, có đáng gọi là trí chẳng? Nước ngoài cường thịnh, nhưng nước họ nhỏ, nếu họ chẳng đồng tâm hiệp lực, há có thể tự lập ư? Trung Quốc mỗi người mỗi ý. Dù có đồng tâm đi nữa, nhưng ngoại nhân đem lợi ra nhử, liền bị của đút lót xoay chuyển, không chỉ chẳng đoái hoài đất nước và nhân dân, mà ngay cả thân mình cũng chẳng thềm đếm xỉa đến nữa! Chẳng phải là việc phụng hành lễ nghĩa đã bị đánh mất đó sao?

Xưa Lâm Văn Trung Công⁹¹ đánh đuổi quân Di đủ chứng thực điều ấy. Từ đây, bất cứ việc lớn việc nhỏ gì, không

⁹¹ Lâm Văn Trung Công chính là Lâm Tác Từ (1785-1850), là người chủ trương chống Anh trong cuộc chiến tranh Nha Phiến. Ông kiên quyết lệnh cấm thuốc phiện, đã thẳng tay đốt bỏ hơn hai chục ngàn hòm thuốc phiện của ngoại quốc tại Quảng Đông khi được vua Đạo Quang bổ làm Khâm Sai Đại Thần, kiêm Tiết Độ Thủy Sư tỉnh Quảng Đông, cũng như bắt giam tay trùm thuốc phiện lớn nhất thời đó là Lancelot Dent người Anh. Nước Anh đã tuyên chiến với Trung Hoa, tấn công Thiên Tân, Bắc Kinh, Trục Lệ, Quảng Châu, Thượng Hải, Bảo Sơn. Nhà Thanh buộc phải ký hòa ước Nam Kinh, và bồi thường chiến phí cho Anh và Pháp mỗi nước tám triệu lạng bạc. Lâm Tác Từ bị đày đi Tân Cương, mãi cho đến năm 1845 mới được phục chức làm Tổng Đốc Vân Quý. Văn Trung là thụy hiệu của Lâm Tác Từ.

việc nào lại chẳng vì Trung Quốc chu toàn cho thành tựu chẳng? Người Trung Quốc đa phần quên mất tám chữ (hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ), nên nước ngoài mới hùng mạnh như thế, Trung Quốc mới yếu hèn đến thế. Nếu như ai nấy đều giữ gìn lễ nghĩa thì các hàng hóa vô ích của ngoại quốc sẽ không có cách nào tiêu thụ được, mỗi năm Trung Quốc sẽ tiết kiệm được cả mấy ngàn vạn vạn lượng vàng! Người Trung Quốc mà bệ rạc thì phải nói thành thật là bệ rạc đến tột cùng! Mạnh Tử nói: “*Độc cô thân nghiệt tử, kỳ thao tâm dã nguy, kỳ lự hoạn dã thâm, cố đạt*” (Bày tôi cô đơn và con vợ lẽ do luôn phải bận tâm về những nỗi nguy hiểm, nên biết lo nghĩ sâu xa, vì thế, họ thông đạt).

Ông tuy đọc sách hiểu đời, nhưng chưa lãnh hội cái đạo đọc sách hiểu đời, nên mới hỏi như vậy. Đối với tình thế hiện tại, đề xứng nhân quả báo ứng, sanh tử

luân hồi, cải ác tu thiện, và tín nguyện
vãng sanh là cách vãn hồi kiếp vậ, cứu
quốc, cứu dân bậc nhất; đàm huyền thuyết
diệu [so ra] vẫn kém hơn. Muốn cứu đời
nhưng chính mình chẳng tận lực thực
hành, sẽ chẳng có hiệu quả thật sự. Từ
chính mình lan ra cả nhà, từ một nhà lan
đến cả ấp, từ mỗi ấp lan ra cả nước, một
khi đã tạo thành nề nếp, sẽ có hiệu quả
chẳng thể lường được. Nếu không, dù có
mơ vẫn khó thấy được!

* Gần đây, những người làm chuyện
lớn phần nhiều là trẻ tuổi, đa phần là lập
dị, coi học theo ngoại quốc là đúng, coi
Nghieu, Thuấn, Châu, Khổng chẳng ra gì.
Kẻ chưa đắc chí bèn là người dân cuồng
vọng, ương ngạnh khó giáo hóa. Kẻ đã đắc
chí liền thành phường hại nước mọt dân.
Vì thế, thiên tai nhân họa xảy ra liên tiếp,
vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống.

Học Phật cốt là để đối trị tập khí, cải ác hướng thiện. Nếu vô sự, bèn miệt mài học Phật, nhưng hữu sự, bèn gặt phăng việc học Phật sang một bên, thì chỉ mang cái tiếng suông, trọn chẳng có mảy may lợi ích thật sự gì!

8.22. Luận về cách dự phòng tai họa

* Đối với tình thế hiện tại, chỉ nên tận tâm, còn chuyện họa, phước, cát, hung trong tương lai, chẳng thể dự đoán được. Nếu có thể chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, ắt sẽ có sự chuyển biến âm thầm, chẳng đến nỗi vướng phải mỗi nguy hiểm to lớn. Nếu chẳng dốc sức vào đây, dù vận dụng hết tâm cơ, mưu mẹo, vẫn khó đạt hiệu quả tốt đẹp, bởi tình thế trong cõi đời biến huyền, khó thể dự liệu nổi! Những kẻ vinh hoa, phú quý hiển hách kia trong chốc lát còn bị tiêu tan hết sạch, huông gì bọn ta? Không Tử nói:

“*Bất tri mạng, vô dĩ vi quân tử dã*” (Kẻ chẳng biết mạng thì chẳng thể coi là quân tử); nhưng phải cực lực tu trì thì mới đáng gọi là Mạng. Nếu biếng nhác, chây lười, tánh tình buông xuôi, dù đạt được hay mất đi điều gì thì cũng chẳng thể gọi là Mạng được!

* Tình thế hiện nay là tình thế hoạn nạn. Dù bảo là niệm Phật có thể diệt túc nghiệp, nhưng phải sanh lòng hổ thẹn lớn lao, chuyển đổi cái tâm tôn người lợi mình, hành hạnh Bồ Tát lợi khắp chúng sanh, dẫu cho túc nghiệp hiện ra, cũng sẽ đều nhờ Phật hiệu quang minh trong đại Bồ Đề tâm để tiêu diệt hết sạch. Nếu trong đời trước hoặc trong xưa kia, đã từng tạo nghiệp lớn, nay tuy thôi làm ác, nhưng chỉ niệm Phật qua quýt, ơ hờ, thì công chẳng thắng nổi tội, rất có thể mắc phải ác báo. Chẳng phải là niệm Phật vô ích, nhưng vì chưa phát Bồ Đề tâm, mà ác nghiệp lại

rộng lớn, nên công niệm Phật chẳng thể áp đảo ác nghiệp. Nếu có thể phát đại Bồ Đề tâm, bèn như vàng mặt trời rạng rỡ giữa hư không, sương móc tiêu ngay lập tức. Người đời phần nhiều là nửa đời tạo ác, sau đấy mới sám hối đôi chút, do bởi chưa thể hoàn toàn không gặp phải ác báo, bèn nói “Phật pháp chẳng thiêng, tu trì vô ích!” Cư sĩ chẳng coi Quang tôi là người ngoài, cố nhiên Quang chẳng thể không cùng cư sĩ trình bày sơ lược nguyên do, ngõ hầu cư sĩ thoát khỏi đường mê, vượt lên bến giác!

IX. KHUYÊN NHỮ CÁC THIỆN TÍN TẠI GIA

9.1. Dạy về luân thường đại giáo

* Phải tận tánh học Phật thì mới có thể tận hết luân thường học Khổng. Phải tận hết luân thường học Khổng thì mới có thể tận tánh học Phật. Thử nhìn vào những bậc đại trung, đại hiếu, và những vị nêu tỏ tâm pháp của thánh hiền trong Nho giáo

xưa nay, không vị nào là chẳng nghiên cứu kinh Phật sâu xa, ngẫm tu, thâm chứng. Hợp hai đạo Phật và Nho lại thì cả hai cùng tốt đẹp, tách ra thì cả hai cùng bị tổn thương; bởi lẽ, người trong cõi đời không ai chẳng thuộc trong vòng luân thường, mà cũng không ai ra khỏi tâm tánh được. Để trọn vẹn luân thường và tâm tánh ấy, hãy dùng “*chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện*” của nhà Phật để khắc kỷ, giữ lễ, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, dùng “*cha hiền, con hiếu, anh nhường, em kính*” để bổ trợ. Do vậy, cha con, anh em v.v... dắt dìu nhau cùng trọn vẹn luân thường, tâm tánh, trừ khử phiền hoặc huyễn vọng, khôi phục Phật tánh sẵn có. Không chỉ về Thể là một, mà về Dụng cũng chẳng có hai!

* Phải biết rằng: Phật pháp là pháp chung của cả chín pháp giới, không một ai là chẳng nên tu, mà cũng không ai là

chẳng thể tu! Những kẻ nói “Phật giáo vứt bỏ nhân luân, làm hại thánh đạo” đều là những kẻ mù chẳng thấy hình sắc mà cứ luận càn. Vì sao nói như thế? Đức Phật đối với cha dạy lòng Từ, với con dạy lòng Hiếu, với vua dạy lòng Nhân, với bầy tôi dạy lòng Trung, chồng xướng, vợ theo, anh nhường, em kính. Với những lời lẽ hay đẹp, những hành vi tốt đẹp, không điều nào kinh Phật lại chẳng thuật rõ túc nhân hậu quả, hiện nhân hậu quả. Những điều Phật dạy về lòng Từ, lòng Hiếu v.v... giống như Nho giáo, nhưng những điều đạo Phật dạy về nhân quả ba đời thì Nho giáo còn chưa bao giờ được nghe đến, huống hồ là “đoạn Hoặc, chứng Chân” và “viên mãn Bồ Đề, quy về pháp vô sở đắc”! Tiếc là những kẻ ấy chưa được biết đến, chứ nếu đọc kỹ, nghĩ chín, ắt sẽ khóc lóc, đau đớn, tiếng rên cả đại thiên thế giới, buồn thương vì tội lỗi báng Phật vậy!

* Muốn học Phật, Tổ, trước hết phải giữ pháp Thánh Hiền. Nếu như thiếu sót bốn phạm, trái nghịch luân thường thì đã là kẻ tội nhân trong danh giáo⁹², còn làm đệ tử Phật sao được? Phật giáo tuy vượt ngoài thế pháp, nhưng gặp vua nói Nhân, gặp bầy tôi nói Trung, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, từ cạn mà dần đến sâu, hạ học, thượng đạt (học từ những điều căn bản, thấp kém, nhưng đạt được những điều cao quý). Hãy đọc kỹ An Sĩ Toàn Thư, ắt sẽ biết đại khái!

* Muốn làm Phật tử chân thật, phải bắt đầu làm chân Nho trước đã. Nếu đối với những sự như chí tâm, thành ý, khắc kỷ, giữ lễ, giữ lòng kính, trọng lòng thành, hiếu đễ, vui vẻ, cung kính... mà chẳng thể tu tập, đôn đốc, thì nên tảng chẳng kiên cố, học Phật sao được? Chọn lấy tôi trung trong đám con hiếu; kẻ tánh hạnh trái

⁹² Danh giáo: Tên gọi khác của lễ giáo theo quan điểm văn hóa truyền thống của Trung Hoa. Do lễ giáo Trung Hoa coi trọng danh phận, nên còn gọi là Danh giáo.

ngịch Nho phong, lẽ nào có thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai, trên nối tiếp huệ mạng, dưới hóa độ chúng sanh cơ chứ? Phật pháp không chuyện gì to lớn chẳng bao hàm, không điều gì nhỏ nhặt chẳng nêu lên. Dù là pháp thế gian hay xuất thế gian, không một pháp nào lại chẳng thuộc vào phạm vi của Phật pháp. Những kẻ câu nệ, hủ bại trong thế gian thường cứ bảo “xuất gia là trái nghịch luân lý”, họ đều là hạng chưa suy xét thấu đáo đã vội hủy báng, do sợ mắc ghen nên bỏ ăn, tự chôn vùi tánh mạng, thật là đáng thương!

Nếu có thể mở rộng tầm mắt, mới biết Phật pháp lưu truyền rộng rãi khắp trong ngoài Trung Hoa, đạo pháp thanh hành cả hai ngàn năm qua, được rất nhiều vua thánh, tôi hiền, hào kiệt, vĩ nhân hộ trì, truyền bá. Lẽ đương nhiên, đạo ấy phải là chân đạo mà phạm tình chẳng thể suy lường! Dù có bị một hai gã Nho sĩ câu nệ, hẹp hòi bài xích, hay những tên vua

bạo ác hủy phá, rớt cuộc hai tay vẫn không che nổi mặt trời, ngựa mặt nhỏ lên trời, chỉ càng tự phô bày cái thấy biết kém cỏi, ít ỏi của mình mà thôi, tự làm lạc gây tạo tội lỗi, rớt cuộc Phật pháp có bị tổn hại gì! Lại có kẻ bề ngoài làm ra vẻ chê bai Phật pháp, bên trong lại thật sự tu chứng. Từ đời Tống đến nay, những bậc danh nho không có ai là chẳng như vậy! Vì lẽ đó, Quang nói “*thành ý chánh tâm do vậy hãy còn khiêm khuyết*” thật đúng là lời bàn quyết định vậy!

* Đối với việc học Phật, vốn phải trọn vẹn nhân đạo thì mới hòng hướng đến. Nếu chẳng thật sự thực hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, dù có suốt ngày thờ Phật, Phật cũng chẳng gia hộ! Ấy là vì Phật giáo bao gồm hết cả các pháp thế gian và xuất thế gian. Do đó, với cha nói Từ, với con nói Hiếu, khiến cho ai nấy đều tận hết bốn phận làm người, sau

đây mới tu pháp xuất thế. Ví như muốn dựng lâu cao vạn trượng, ắt trước hết phải đắp nền móng kiên cố, khai thông đường nước, thì lâu cao vạn trượng mới có thể xây lên được, mới vĩnh cửu chẳng hư hoại. Nếu như nền móng chẳng vững, ắt chưa xây xong đã sụp.

Sách Luận Ngữ nói: “*Tuyển trung thân ư hiếu tử chi môn*” (chọn tôi trung từ nơi con hiếu); học Phật cũng giống như vậy. Xưa kia, ông Bạch Cư Dị hỏi Ô Khoa Thiên Sư⁹³: “*Thế nào là đại ý Phật pháp?*” Sư dạy: “*Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”. Muốn học Phật pháp, phải khắc kỷ, dè dặt, việc gì cũng đều phải phát xuất từ cái tâm chân thật mà làm. Người như vậy mới đáng gọi là chân Phật tử. Nếu tấm lòng gian ác, lại toan mượn Phật pháp để tránh tội nghiệp, có khác gì trước đã uống thuốc độc, sau lại

⁹³ Ô Khoa (烏窠), nghĩa đen là cái ổ quạ. Do đó, đôi khi có sách còn chép là Ô Sào (烏巢), có lẽ do đồng nghĩa và tự dạng khá giống nhau.

uống thuốc bổ, muốn cho thân thể khỏe mạnh, nhẹ nhàng, kéo dài tuổi thọ, phỏng có được chăng?

* Đại trượng phu muốn văn chương trù thiên hạ, công nghiệp vang dội vũ trụ, nhưng chẳng thể đoạn Hoạch, chứng Chân, liễu sanh thoát tử, thì chỉ là chấp vào cái bên ngoài, bỏ sót cái bên trong, chấp cái Có tuy nó chỉ là đặng ngọn, bỏ đi cái Không dù nó chính là đặng gốc. Người đời ai có thể vẹn toàn được mọi việc? Chúng ta chỉ nên gắng sức giữ vẹn luân thường, tận lực tu Tịnh nghiệp là được, cần gì phải bận tâm đến điều gì khác nữa!

* Trộm nghĩ Nho lễ coi trọng cúng tế Xuân Thu, Thích giáo đặt nặng chuyện quanh năm truy tiến. Nghĩ đến cái ân nguồn nước, cội cây, mà thực hành cẩn thận, chu đáo việc truy tiến thì thế gian và xuất thế gian há có ngăn cách ư?

9.2. Luận về giáo dục gia đình

* Gia đình muốn hưng thịnh, phải bắt đầu từ gia quy nghiêm chỉnh. Gia đình gần như tan nát bắt nguồn từ coi nhẹ hoặc phớt bỏ gia quy. Muốn con em thành người, phải bắt đầu từ hành vi, việc làm của mình sao cho đúng phép tắc, hòng làm gương cho con em. Lý nhất định phải là như thế! Như nay muốn bắt đầu [giáo dục con em] ít tốn công sức nhất, trước hết, hãy nói về nhân quả báo ứng khiến cho chúng tập thành tánh, mới hòng mai sau chẳng đến nỗi làm càn quá đáng. Đây thật đúng là diệu pháp bậc nhất để tề gia, dạy con, khiến cho đời yên, dân hiền vậy.

* Con em có nên người hay chẳng, chỉ là do giáo dục trong gia đình. Phạm đối với con cái, ngay từ nhỏ, phải dạy chúng hiếu, đễ, trung, tín, siêng năng, tiết kiệm,

ôn hòa, cung kính, để khi chúng lớn lên đi học đọc sách mới có nền tảng để hưởng được lợi ích. Nếu như từ nhỏ đã dung túng thành thói, hãy khoan kể đến những đứa không có thiên tư, không được học hành đàng hoàng; ngay cả những đứa có thiên tư, có học hành đàng hoàng, cũng chỉ thành thợ gọt giữa chữ nghĩa, thành kẻ bại hoại trong cửa Nho mà thôi! Đòi có kẻ tài ngang Bắc Đẩu, học rộng năm xe⁹⁴, nhưng hành vi, việc làm toàn là ý mình thông minh, độc hại sanh linh, hủy diệt đạo nghĩa. Những hạng ấy vốn là do từ thuở đầu đã thiếu sự giáo dục trong gia đình mà nên nổi. Văn Vương nêu gương khiến từ vợ ông ta cho đến anh em đều noi theo, cho đến khắp cả nước, nên giữ vững gia đình, đất nước; cũng như sách Đại Học nói muốn trị thiên hạ và quốc gia thì phải bắt đầu từ “*cách vật trí tri, thành*

⁹⁴ “Học phú ngũ xa” là một thành ngữ xuất phát từ sách Mạnh Tử: “Huệ Thi đa phương, kỳ thư ngũ xa, kỳ đạo suyển bác, kỳ ngôn dã bất trúng” (Huệ Thi thông hiểu nhiều điều, sách chứa đầy cả năm xe, nhưng các đạo lý do ông ta nói ra sai lầm, tạp loạn, ngôn từ cũng chẳng thích đáng). Cổ nhân dùng từ ngữ “học phú ngũ xa” để chỉ người học rộng, thông hiểu mọi sách vở.

ý chánh tâm”, đều vì cùng một mục đích. Đây chính là bí quyết vô thượng để dạy con người trở thành thánh, thành Hiền của đạo Nho. Bỏ điều này, cầu lấy điều khác, đều toàn là tìm tòi nơi cái ngọn vậ!

* Đối với tình hình hiện tại, ngay khi con cái biết nói, nhận biết sự vật, trong nhà hãy dạy cho con nhận biết mặt chữ trước. Mỗi tờ giấy chỉ viết một chữ, đừng viết cả hai mặt. Hạn định mỗi ngày mấy chữ, mỗi ngày học thuộc mặt những chữ đó xong, lại bắt con nhận mặt toàn bộ các chữ đã học một hai lượt nữa. Chưa hơn một năm, con sẽ biết được nhiều chữ. Sau này, lúc con đọc sách, phàm đọc qua chữ nào đều nhận biết, chẳng đến nỗi có cái tệ miệng chỉ đọc làu làu [nhưng vẫn không biết chữ].

Tùy theo năng lực của con, sai con làm những việc lặt vặt để tập tánh siêng năng. Đừng cho con ăn uống, mặc quần áo

quá sang trọng. Phàm những khi con phí phạm ngũ cốc và làm hư hỏng vật gì, chẳng cần biết vật ấy quý giá hay tầm thường thế nào, phải bảo cho con biết những vật ấy chế tạo chẳng dễ, cũng như nói đến những nghĩa lý bị tổn phước, giảm thọ v.v... Nếu con vẫn vậy, nhất định phải trách phạt, quyết chẳng bỏ qua. Có như thế, con sẽ tự kiềm ước, trọn chẳng đến nỗi xa xỉ, phung phí.

Khi con đọc được sách, bảo con hãy đọc kỹ các sách Âm Chất Văn, Cảm Ứng v.v... thuận theo từng mặt chữ mà giảng giải. Hễ hành vi hằng ngày của con là tốt lành, bèn chỉ cho con thấy điều thiện trong hai sách ấy để khen ngợi. Nếu hành vi nào không tốt, bèn lấy những điều bất thiện trong hai sách ấy để quở trách (nhà cư sĩ Bành Nhị Lâm đỗ đạt đứng đầu tỉnh Chiết Giang, từ nhiều đời qua đều tuân thủ hai sách ấy. Nhà ấy, trạng nguyên rất nhiều, nhưng đều suốt đời tuân thủ hai sách ấy,

chẳng bỏ phé). Như vàng đồ khuôn, như nước có đê ngăn, lẽ nào chẳng thành vật dụng, vẫn cứ chảy lung tung như cũ ư? Con người có đúng là người hay không là do từ nền tảng ấy. Chẳng giảng đến điều ấy, lại muốn trở thành con người vẹn toàn, họa chẳng thiên tư phải hơn cả Mạnh Tử!

Đến tuổi đi học, đừng cho con vào học ngay những trường hiện thời đang mở, hãy nên hợp vài nhà [có con em trong tuổi vỡ lòng lại] mời một vị thầy học vấn và đức hạnh đều tốt đẹp, tin sâu nhân quả, để dạy con học Tứ Thư, Ngũ Kinh. Đợi đến khi con học được mấy phần, đôi với văn tự lẫn đạo lý đều chẳng bị làm lạc bởi những tà thuyết, tục luận, mới cho con vào học những trường hiện thời để mở rộng tầm mắt, biết suy xét việc, chẳng đến nổi hành động trái thời, không có cách gì tiến lên được! Làm được như thế, đứa con nào có thiên tư sẽ tự thành đạt, đứa không có thiên tư cũng thành người lương thiện.

Thật sự ra, những điều lão tăng hay nói chẳng ngoài những chuyện “riêng mình thiện, khiến người khác cũng thiện, tự lợi, lợi người”!

* Dạy con cái phải bắt đầu từ căn bản. Cái căn bản vừa nói đó chính là hiếu thảo với cha mẹ, giúp đỡ mọi người, nhẫn nhục, chuyên gắng, dùng chính thân mình dạy dỗ người khác, nêu gương đạo đức. Như vàng hay đồng đã nung chảy, nghiêng rót vào khuôn, khuôn ngay sẽ ra hình ngay, khuôn méo thành hình méo. Chưa đổ vào khuôn đã biết trước là sẽ lớn, nhỏ, dày, mỏng, hướng gì khi đã đúc xong. Gần đây, lòng người phần nhiều chẳng biết đến điều ấy, cho nên những con em có thiên tư đa phần nông cuồng, bông bột, kẻ không có thiên tư lại ương bướng, hèn kém. Đó là vì lúc nhỏ chẳng uốn vào khuôn phép, như nước đồng sôi đổ vào khuôn hỏng, ắt phải thành đồ hư.

Kim loại vốn chỉ một, nhưng đồ đúc ra sai khác nhau một trời một vực, tiếc thay! Phật lấy Vô Ngã làm giáo. Hiện tại, những kẻ có chút tri kiến thường nhìn lên tận trời, cứ tưởng chỉ có nghĩa lý văn tự mới là Phật pháp, chẳng biết “*tu thân, tịnh tâm, diệt trừ ngã tướng, tận lực tu Định, Huệ, ngũ hầu đoạn Hoặc, chứng Chân*” là Phật pháp!

* Trộm nghĩ: Cha mẹ yêu con không gì chẳng quan tâm, chỉ có bệnh tật, hoạn nạn là thêm bận tâm. Con trẻ vừa biết nói liền dạy nó niệm danh hiệu Nam-mô A Di Đà Phật và Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát, khiến cho những điều kém xấu đã vun bồi trong đời trước của nó, nay nhờ thiện lực này, ắt tai họa sẽ tiêu ngay khi chưa nảy mầm, được phước nhưng chẳng biết, không còn phải lo ngại các hiểm nạn tai ương, bệnh tật, khổ sở v.v... Khi con vừa hiểu biết đôi chút, liền dạy con trung

hậu, khoan dung, nhân từ, kiêng giết, phóng sanh và những sự tích nhân quả ba đời rành rành, ngũ hầu tập thành tánh, ngay từ lúc còn thơ đã chẳng dám giết hại tàn nhẫn các loài trùng kiến nhỏ nhoi, lớn lên quyết chẳng đến nỗi làm điều gian ác, khiến cho cha mẹ, tổ tiên mang nhục lây!

* Con em có tài hoa, nếu được khéo giáo hóa, sẽ dễ trở thành người chánh trực; không khéo giáo hóa, đa số sẽ thành hạng bại hoại. Ngày nay, dân không lễ sống, nước nhà lắm nỗi gian nan, mấy phen chao đảo, đều là do những kẻ có tài năng nhưng không được khéo dạy khiến cho mầm họa được ươm từ từ. Người không có tài, đương nhiên phải dạy họ thành thực; đối với người có tài, càng phải nên dạy họ thành thực. Thế nhưng thành thực vẫn có thể là giả vờ. Thoạt đầu, hãy thường nên dạy dỗ về nhân quả báo ứng và đạo lý “con người khởi tâm động niệm gì, mỗi điều thiên địa quỷ thần đều biết, đều hay”, khuyên con phải đọc kỹ các sách Âm Chất Văn, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, đừng nghĩ chúng không phải là sách Phật rồi xem thường. Ấy là vì phạm phu tâm lượng thiện cận, nếu dùng những lý xa xôi lớn lao để giảng nói, sẽ khó thể lãnh hội. Những sách ấy dù già hay trẻ

nghe đến đều được lợi ích, huống hồ là những người lấy việc chú trọng điều thiện làm thầy ư? Đối với tử thi, phân nhơ, rắn độc mà đức Phật còn dạy con người quán để chứng A La Hán, số [người chứng ngộ] ấy còn nhiều hơn cát sông Hằng; huống hồ những lời lẽ thiết thực, tồn tâm dưỡng tánh, cảnh tỉnh này, [há nên xem thường ư?]

* Còn thuộc địa vị phàm phu, chẳng thể không bệnh, nhưng cũng chẳng nên bỏ mặc, chẳng trị. Cách trị bệnh tốn ít sức nhất, lại được lợi ích nhiều nhất, là lấy bệnh làm thuốc. “Lấy bệnh làm thuốc” nghĩa là chẳng để bệnh lụy mình. Chẳng hạn như cái bệnh yêu mến con cái quyết chẳng thể đoạn được, thì chẳng ngại gì dùng ngay sự yêu mến đó làm cái gốc khiến cho con cái khi sống làm người chân chánh, chết đi sanh về Tịnh Độ. Yêu con như vậy là biến phàm tình thế gian

thành thánh quả xuất thế gian. Nếu chẳng khéo sử dụng lòng Ái, mặc lòng nuông chiều con, thì còn hơn giết chết con cả trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên lần! Nước nhà diệt vong, nhân dân đồ thán, đều là do những kẻ làm cha mẹ chẳng hiểu rõ sự tình un đúc nên, chẳng đáng buồn ư?

* Muốn cho con cháu chẳng hướng theo nẻo bại hoại, cùng nhau noi theo chánh đạo, hãy nên lấy các sách Cảm Ứng Thiên Vụng Biên và Âm Chất Văn Quảng Nghĩa làm kim chỉ nam. Dù những làn sóng thế tục xấu ác vây bủa ngập trời, mây đen phủ kín mặt nhật, cũng chẳng đến nỗi chẳng biết hướng về đâu, chìm đắm mất cả. Nếu không, dù gió lặng, sóng yên, mặt trời chiếu sáng tỏ, cũng khó bảo đảm không có nước xoáy, vào đó liền bị đắm chìm, huống hồ trọn chẳng có chuyện gió yên, sóng lặng, mặt trời chiếu rạng ngời

thế đạo nhân tâm! Phải biết nội dung hai chữ Âm Đức rất rộng. Thành tựu con em người ta, khiến cho chúng thành thánh, thành hiền, cố nhiên thuộc về Âm Đức. Thành tựu con em của chính mình, khiến cho chúng thành thánh, thành hiền, cũng là Âm Đức. Ngược lại, khiến cho con em người ta bị lầm lạc, đương nhiên là tổn Âm Đức; khiến cho con em của chính mình bị lầm lạc, cũng là tổn Âm Đức. Nếu vừa đủ khả năng lẫn đủ sức thì may mắn nào hơn! Nếu không, đối với những hành vi, ngôn ngữ hằng ngày trong gia đình, phải lấy việc thành thánh, thành hiền làm đầu, đấy chính là dùng Tục để tu Chân. Nay cư sĩ dùng thân mình để thuyết pháp, xin hãy đem ý này thiết tha bảo cùng bè bạn và hết thầy người quen biết thì cũng là một cách để tự lập, lập người, tự lợi, lợi tha vậy!

* Nhà Châu mở nước là do ba bà

Thái⁹⁵ tạo lập nền tảng, Văn Vương thành thánh là nhờ thai giáo. Do vậy biết rằng: Thế gian không có bậc thánh, bậc hiền, là do đời thiếu những người mẹ thánh hiền mà nên nổi! Nếu như bà mẹ nào cũng giống như ba bà Thái, dù con họ chẳng thành Vương Quý, Văn Vương, Châu Công, cũng hiếm có đứa làm bậy, gian ngoa. Thế nhưng người đời chỉ biết yêu thương con cái, mặc tình nuông chiều thành thói, chẳng biết làm gương cho con. Đây chính là một điều đại bất hạnh của nước ta.

Con người lúc còn nhỏ thường gần bên mẹ, nên chịu ảnh hưởng của mẹ rất sâu. Con gái ngày hôm nay sẽ là mẹ người khác trong mai sau. Muốn vun đắp quốc gia, phải lấy việc dạy dỗ con gái làm nhiệm vụ cấp bách. Đừng bảo: “Con gái sẽ là con người khác, ta cần gì phải uống

⁹⁵ Ba bà Thái (Châu triều tam thái) là Thái Khương (vợ của Châu Thái Vương, bà nội của Châu Văn Vương), Thái Nhậm (vợ của Châu Vương Quý, tức là mẹ của Châu Văn Vương) và Thái Tự (vợ của Châu Văn Vương, mẹ của Cơ Phát, tức là mẹ của Châu Vũ Vương và Cơ Đán, tức Châu Công).

công nhọc sức lo lắng?” Phải biết rằng: Vì trời đất mà vun bồi một kẻ lương dân biết giữ phận, không có công đức nào lớn hơn! Huống hồ nếu một cô gái đức hạnh vẹn toàn, con cái cô ta ắt sẽ noi theo nề nếp tốt đẹp đó, còn gì vẻ vang hơn?

Vả nữa, con dâu và cháu dâu của mình chẳng phải là con gái nhà người khác đó sao? Muốn cho đất nước quật cường, không có hiền mẫu thì không có cách nào phụ trợ! Đời không mẹ hiền thì không chỉ là nước không có dân lành, nhà không có con ngoan, mà ngay cả những gã thầy chùa bại hoại sống bám vào Phật trong Phật pháp, thầy đều do những bà mẹ bất hảo sanh ra. Nếu mẹ thật sự hiền, con sẽ trọn chẳng đến nỗi đốn hèn như thế. Tiếc thay!

* Gia quyến của ông rất đông, khi các cô em dâu, em gái, con gái v.v... của ông đi học về, hãy đem những sự những nhân

quả báo ứng và lợi ích của việc niệm Phật bàn luận cùng họ, ngõ hầu ai nấy đều biết “trong tâm mình đã tự biết, thì tâm sẽ tương thông thiên địa quỷ thần, cũng như sẽ tương thông với từ phụ Di Đà”. Do vậy, họ sẽ đoạn trừ ác niệm, tăng trưởng chánh tín, ngõ hầu hiện tại đáng làm vợ hiền, tương lai xứng làm hiền mẫu, khiến cho [nết tốt] đó truyền lan trong làng xóm, đây cũng là pháp luân căn bản để bình trị thiên hạ quốc gia.

Bồ Tát thuận theo thế tục lợi sanh, chẳng bày vẽ phong cách riêng, đối bệnh cấp thuốc, khiến cho ai nấy đều theo đúng đường về nhà mới thôi. Hiện tại, các phụ nữ trong chốn học đường đa phần làm lạc sanh dị tâm, toan nắm lấy chánh quyền, chẳng biết tự giữ bổn phận giúp chồng dạy con chính là căn bản khiến cho thiên hạ thái bình. Bởi lẽ, vương nghiệp nhà Châu bắt nguồn từ ba bà Thái. Ba bà Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tự là những

bậc thánh trong hàng nữ nhân, họ chỉ chú trọng dạy con ngay từ lúc còn trong thai để ngầm giúp chồng. Người đời nay chẳng học theo gương ấy, những điều họ toan tính đều là những mưu mô tai ác khiến cho thiên hạ loạn lạc biết là chừng nào!

* Người sanh trong thế gian phải có thiện ác phụ trợ mới hòng thành tựu được. Dù là bậc thánh trời sanh, vẫn cần phải có hiền mẫu, hiền thê phụ trợ đạo đức, huớng hồ là những kẻ kém cõi hơn ư? Do bà Thái Nhậm dạy con từ thuở trong thai, nên Văn Vương sanh ra đã có thánh đức. Vì thế, kinh Thi khen ngợi chuyện Ngài nêu gương khiến cho từ vợ cho đến anh em đều noi theo, khiến cho gia đình và cả nước yên vui. Đây chỉ là nói riêng về Văn Vương, chứ nếu luận về bà Thái Tụ, cố nhiên đức hạnh của bà cũng bổ trợ cho đường lối đạo đức của Văn Vương, như hai ngọn đèn cùng chiếu càng thấy sáng

ngời, hai tay cùng rửa mới được sạch sẽ. Xem những câu “*tư tề Thái Nhậm, Thái Tự tự huy âm*”⁹⁶ (đoan trang thay Thái Nhậm, Thái Tự nổi tiếng thơm), ắt sẽ thấy rõ. Vì thế mới nói: Đời ít người hiền là do đời thiếu mẹ hiền và vợ hiền vậy! Đó là vì vợ hiền sẽ ngầm giúp chồng, mẹ hiền dạy con cái ngay từ lúc còn trong thai. Huống hồ mấy năm đầu tiên, con luôn ở bên mẹ, được uốn nắn theo khuôn mẫu tốt đẹp, thường được răn dạy, tánh tình sẽ ngầm chuyển biến, chẳng mong đợi mà được như vậy.

Tôi thường bảo: “*Dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc*”, lại cũng thường nói: “*Quyền trị quốc bình thiên hạ, nữ nhân đã nắm giữ quá nửa!*” chính là ý này. Bởi lẽ, kẻ có thiên tư cao được mẹ

⁹⁶ Tư Tề là một bài thơ trong kinh Thi, thuộc phần Đại Nhã: “Tư tề Thái Nhậm, Văn Vương chi mẫu, tư mỹ Châu Khương, kinh thất chi phụ, Thái Tự tự huy âm, tắc bách tư nam. Huệ vu tông công, thân võng thời oán, thân võng thời đồng, hình ư quả thê, chí ư huynh đệ, dĩ ngự ư gia bang, ung ung tại cung, túc túc tại miếu, bất hiền diệc lâm, vô tạ diệc bảo” (bà Thái Nhậm dung mạo đoan trang, là mẹ vua Văn Vương. Bà Thái Khương hiền thực, xinh đẹp, là bậc chủ phụ trong cung vua. Bà Thái Tự tiếp nối danh tiếng tốt đẹp, đông con, lắm cháu. Văn Vương kính thuận tổ tông, thân tiên lần tổ tông chẳng oán hờn, chẳng đau lòng. Vua nêu gương mẫu tốt đẹp cho vợ, gương tốt đẹp ấy lan đến anh em, khiến cho gia đình lần đất nước đều yên vui. Trong gia đình thì thật sự hòa mục, tại tông miếu thật sự cung kính. Nơi tối tăm cũng có thần minh soi tỏ, luôn tu thân chẳng mệt mỏi).

hiền un đúc, được vợ hiền giúp đỡ, ắt sẽ trở nên ý thành, tâm chánh, rạng ngời Minh Đức, chuyên dốc chí nơi sự lành tốt bậc, lúc cùng quần thì riêng mình thiện, lúc hiển đạt bèn khiến thiên hạ cùng được tốt lành. Dầu là kẻ thiên tư bình thường, cũng có thể tuân thủ quy củ, một bề giữ phận lương dân, trọn chẳng đến nổi vượt lý, trái phận, làm điều sai quấy, gian dối, khiến cho cha mẹ nhục nhã, gây hại cho đời.

Tiếc cho người đời mơ màng, chẳng dạy con gái tận hết luân thường, giữ bốn phận, hằng ngày chỉ lo trau chuốt, chẳng màng đến chuyện gì khác. Mai kia làm vợ người ta, làm mẹ người ta, không chỉ chẳng thể giúp chồng dạy con trở thành thiện sĩ, trái lại, còn dạy con hóa thành kẻ ác. Bởi vậy mới nói: Đối với con gái, phải dạy họ chú tâm dạy dỗ con cái [mai sau]. Những câu tôi đã nói như “*dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc*” và “*quyền trị*”

quốc bình thiên hạ, nữ nhân chiếm quá nửa” chính là lời chân thật.

Gần đây, học vấn phát triển mạnh mẽ, phụ nữ đi học đa phần bị làm lạc bởi những giáo viên chẳng biết dạy từ cội gốc. Do đó, họ chẳng coi trọng chuyện tận hết luân thường, giữ bốn phận, yên cửa, yên nhà, giúp chồng dạy con. Ai nấy đều muốn nắm lấy chánh quyền, làm trưởng quan, toan tính quá phận, tập thói cuồng vọng, thật đáng than thở vậy! Nếu như có kẻ đứng lên cực lực đề xướng việc vun bồi trong gia đình, khiến cho việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ tự nhiên được hữu hiệu thì may mắn lắm thay!

* Phận làm con cố nhiên phải tỏ bày đức hạnh của cha mẹ. Để tỏ bày đức ấy, phải chú trọng đến chuyện bản thân tự hành, chính mình phải khắc kỷ giữ lễ,

ngăn tà, giữ lòng thành, biết sai liền sửa, thấy điều nghĩa bèn làm, hiểu nhân rõ quả, kiêng giết, phóng sanh, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, sanh Tín, phát nguyện trì danh hiệu Phật, tự hành, dạy người cùng sanh Tịnh Độ. Có thể làm như vậy, dù người ta chẳng biết đến đức hạnh của cha mẹ, nhưng do ngưỡng mộ đức hạnh của người ấy, cũng sẽ ngưỡng mộ lây đức hạnh của cha mẹ và tổ tiên kẻ đó; cho rằng ông bà cha mẹ phải ngâm tu đức hạnh đã lâu, nên mới có được con cháu nối tiếp như thế. Nếu không, dù cha mẹ, tổ tông có đức tốt ai nấy đều biết, nhưng con cái không ra gì, người ta ắt sẽ đăm ngờ cha mẹ, tổ tông tuy có đức tốt, biết đâu lại có những điều ác ẩn giấu. Nếu không, sao từ cửa đức hạnh tốt đẹp, lại nảy nòi hạng con cháu tệ hại đến thế? Vì thế, phải biết rằng: Lập thân hành đạo chính là biểu dương đức hạnh của cha mẹ, tổ tông. Làm con phải chú trọng lòng

kính, cẩn thận, dè dặt, tận lực thực hành như thế, mới mong khỏi làm nhục lây bậc sanh ra mình!

* Đời có hiền mẫu thì mới có hiền nhân. Các thánh mẫu đời xưa chú trọng thai giáo để un đúc bần chất con cái ngay từ thuở đầu, mong mỗi con tập quen thành tánh. Thế gian gọi nữ nhân là Thái Thái là vì ba vị thánh nữ Thái Khương, Thái Nhậm, Thái Tụ, bà nào cũng giúp chồng dạy con, mở mang vương nghiệp tám trăm năm [của nhà Châu]. Cho nên mới dùng chữ Thái Thái để gọi nữ nhân. Quang thường nói: “*Quyền bình trị thiên hạ, nữ nhân nắm hơn quá nửa*”. Tôi còn thường nói: “*Dạy con gái là cái gốc để tề gia trị quốc*”, hàm ý: Tận hết đạo làm vợ, giúp chồng dạy con.

Chẳng như nữ lưu ngày nay, đa số chẳng giữ bốn phận, vọng động muốn nắm lấy chánh quyền, làm đại sự, chẳng biết

vun bồi ngay từ trong gia đình. Đây đúng là: Gom sắt cả chín châu vạn quốc, cũng chẳng thể đúc nổi lõi làm to lớn ấy. Do đó, thể đạo nhân tâm ngày càng suy đồi, tai trời vạ người xảy ra liên miên. Tuy những tai vạ ấy do ác nghiệp đồng phận của chúng sanh cảm thành, nhưng thật ra cũng là do đánh mất sự giáo dục trong gia đình mà nên nổi!

Vì thế, kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, người không có thiên tư trở thành bướng bỉnh, sàm sỡ. Nếu như ai nấy đều được mẹ hiền uốn nắn, người người đều thành thiện sĩ, cùng quần thì riêng mình thiện, hiển đạt sẽ khiến người khác cùng thiện; sao đến nổi trên không có đạo để noi theo, dưới không pháp để tuân giữ, thói tệ nảy sanh trăm mối, dân không lẽ sống vậy!

Chỉ cầu sao chẳng đói, chẳng rét, mơ chi phát tài cự vạn. Để vàng ròng đầy

rương cho con, chẳng bằng dạy con một quyền kinh. Tổ đức bị sứt mẻ mới đáng chết thẹn, chứ tổ nghiệp bị sứt mẻ, há có thương tổn chi!

* Con em nhà phú quý phần đông chẳng nên người, nguyên do là [cha mẹ] thương con, nhưng chẳng hiểu đạo, hoặc chỉ chú trọng tiền tài, hoặc chỉ lo cho con ăn mặc sang trọng. Tiền xài mặc sức, ắt sẽ đến nỗi ăn bậy thành bệnh. Nếu cho đứa này giữ tiền để sanh lợi thì những đứa kia chẳng được giữ sẽ oán hờn cha mẹ, sanh lòng đố kỵ với anh, em, chị em nào được giữ tiền. Đấy đều chẳng phải là cách để dạy con hiếu đễ. Nếu con gái có tiền, khi xuất giá, ắt sẽ cậy tiền tự kiêu, hoặc khinh thường chồng, hoặc chẳng hiểu rõ sự việc, đem tiền giúp chồng làm việc quấy.

Muốn cho con cái thành hiền nhân, hãy nên vun bồi phước, chớ nên tích góp

tiền tài. Của cải là gốc họa. Các vị từng thấy không ít người tay trắng làm nên, đều là do không có tiền, tự mình siêng gắng mà đạt được, nhưng nhà đại phú phần nhiều chẳng mấy chốc gia sản trống rỗng. Vì thế, cổ nhân nói: “*Để cho con một rương đầy vàng, chẳng bằng để cho con một quyển sách*”. Học hành được thì học, không thể thì làm nghề nông, hoặc buôn bán, ai có nghề này để làm cái vốn lập thân nuôi gia đình. Con gái nếu có tiền lại hiểu đạo lý, lẽ cố nhiên, tiền sẽ trở thành cái vốn để trợ đạo. Nếu chẳng hiểu đạo lý, tiền sẽ hại cô đó, hại luôn chàng rể, hại lây cả đến cháu trai, cháu gái!

* Sự thành bại trong đời một người đều do tự tài bồi, tập tành dần dần từ lúc nhỏ mà ra. Người đã trở thành thiếu niên, phải biết tốt xấu, vạn phần chẳng được học theo thói đời, hãy nên học hiếu, học lễ, học trung hậu, thành thực. Đang lúc

tuổi trẻ mạnh mẽ, cường tráng, hãy nỗ lực học hành. Phàm đọc qua sách nào, phải nghĩ xem những điều nào sách dạy là trọng yếu đối với con người thì thực hành theo đó; chứ nếu không, chỉ là cố ngôn sách cho nhiều.

Nếu những điều dạy trong các sách nói trên chẳng dễ lãnh hội, thì những điều nói trong các sách như Âm Chất Văn, Cảm Ứng Thiên v.v... đều là nói trực tiếp, dễ lãnh hội; hãy nên thường đọc, thường nghiền ngẫm, hòng sửa lỗi hướng thiện. Lúc nhàn hạ, rất nên niệm A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát, để mong tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ, đừng nghĩ là khổ sở. Cổ nhân nói: *“Thiếu tráng bất nỗ lực, lão nhân đồ thương bi”* (Trẻ mạnh chẳng nỗ lực, già cả luống sầu thương). Lúc này bỏ phí quang âm, về sau, dù có nỗ lực, cũng khó thành tựu! Bởi lẽ, tuổi trẻ đã qua, trí nhớ cùn nhạt quá nửa, học cái gì cũng phải dùng sức nhiều,

nhưng hiệu quả lại ít.

Thứ nhất là phải làm người tốt, thấy người hiền mong được bằng.

Thấy kẻ chẳng hiền, trong lòng tự cảnh tỉnh.

Thứ hai là phải biết nhân quả báo ứng, nhất cử nhất động đừng mặc tình khoái ý, ắt phải nghĩ việc này có lợi ích đối với ta, đối với người thân, đối với người ngoài hay chẳng. Không chỉ làm việc gì cũng như thế, mà khi khởi tâm động niệm cũng phải thường như thế. Khởi tâm lành, ắt có công đức; khởi tâm xấu, ắt mắc tội lỗi. Muốn được báo tốt thì phải giữ tâm tốt. Nói lời lành, làm việc lành, lợi người lẫn vật, chẳng làm hại mình lẫn người thì mới nên. Nếu chẳng như vậy, làm sao hưởng được báo tốt? Ví như đem hình xấu đặt trước gương sáng, quyết định chẳng thể hiện bóng đẹp đẽ được. Ảnh được hiện so với hình xấu, trọn chẳng khác gì.

Nếu người quả thật hiểu sâu xa nghĩa

này, tương lai nhất định trở thành một bậc chánh nhân quân tử, khiến cho hết thảy mọi người đều tôn trọng, yêu kính. Mong hãy suy nghĩ cẩn thận, nghĩ ngợi chín chắn thì thật là may mắn lắm!

9.3. Khuyên nên tại gia hoằng pháp

* Như Lai thuyết pháp hằng thuận chúng sanh. Gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu, ngoài tận hết luân thường, trong tiêu trừ tình lự. Nếu như khôi phục được chân tâm vốn có thì gọi là đệ tử Phật, há có phải vì đầu tóc mà luận! Huông hồ, quý hương⁹⁷ ở tuốt trong núi sâu, người biết pháp ít ỏi. Kẻ cao minh vì chẳng thông ngôn ngữ, nên đều chẳng đến đây. Hãy cấy vào lòng thành ấy, kiệt lực học đạo, tu hiếu đễ, ngõ hầu cảm hóa xóm giềng. Trai giới thành lập, giết, trộm, dâm liền tiêu.

Nghiên cứu kinh luận Tịnh Độ ắt

⁹⁷ Quý hương: Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng làng của người khác.

hiếu yếu đạo xuất thế. Thọ trì An Sĩ Toàn Thư, sẽ hiếu khuôn mẫu tốt lành khiến cho cuộc đời thuần dịu. Dùng pháp môn Tịnh Độ để khuyên dụ cha mẹ, dùng pháp môn Tịnh Độ dạy con và người thân bè bạn, chính là vì sanh tử đại sự mà đau đáu lo cho thân sau. Chẳng cần phải chọn riêng một nơi mà gia đình liền thành đạo tràng, cha mẹ, anh em, vợ con, bằng hữu, thân thích, người quen biết đều thành pháp quyến. Tự hành, dạy người, miệng khuyên, thân siêng gắng, khiến cho mọi người cùng quy hướng Tịnh Độ, đều thoát khổ luân, đáng gọi là bậc cao tăng còn để tóc, là đệ tử Phật tại gia vậy!

* Lệnh thân của hai vị hiện còn sống, hãy nên dùng những cảm ứng, sự tích của pháp môn Tịnh Độ để thường giảng nói, khiến cho họ phát tâm hoan hỷ, tin nhận phụng hành. Nếu chẳng coi đây là hiếu, dù có tận sức làm hết những điều thế gian coi

là hiếu, rốt cuộc có ích lợi gì cho cha mẹ? Vua Đại Vũ là đại thánh nhân, vẫn chẳng cứu được hồn [cha là] Côn hóa thành Hoàng Nai (黃能, chữ Năng (能) đọc thành Nai, có nghĩa là con ba ba có ba chân) sống trong Vũ Uyên. Thấy như vậy, há chẳng nên kính sợ, tỉnh ngộ, mong dẫn dắt thần thức cha mẹ cao dự hải hội, thân cận Di Đà, hồng chứng được vô lượng quang thọ vốn có sẵn trong tâm ư?

Cư sĩ Chí Liên dù giỏi khổ hạnh, nhưng chỉ e với tông chỉ Tịnh Độ vẫn còn có điều chẳng biết, hoặc có tâm cầu chuyển nữ thân [thành nam thân], hoặc mong sanh vào chốn an vui trong đường trời người, nên chẳng thể buông xuống triệt để, đến nỗi vô biên lợi ích bị mất sạch trong những niềm vui thế gian nhỏ nhặt. Cũng nên thường giảng nói, khiến cho bà ta có chí hướng quyết định. Khuyên một chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ chính là

thành tựu một chúng sanh thành Phật. Thành Phật rồi, ắt độ vô lượng chúng sanh, công ấy bắt đầu từ ta, công đức lợi ích ấy há có thể nghĩ bàn được chăng? Tự mình đã tu Tịnh Độ, lại còn phải đem pháp môn này bảo khắp với mọi người như anh em, thê thiếp, con cái, bảo họ: [Các người] lẽ nào chẳng chịu phát tâm, đành bỏ mất lợi ích lớn lao này ư? Nếu thiên tánh của họ gần với pháp môn này thì còn gì tốt hơn! Nếu tánh họ hơi xa, giới mài mãi cũng sẽ nhiễm từ từ, dù xa cũng thành gần. Đấy đáng gọi là lòng yêu mến sâu xa, đáng gọi là lòng Từ rộng lớn. Từ ái mà bỏ chuyện này thì chỉ đáng gọi là hữu danh vô thật!

* Thái phu nhân niên kỷ đã tám mươi ba, hãy nên thường khuyến dụ bà ta tín nguyện niệm Phật. Nếu bảo bà suốt ngày niệm Phật, chỉ e bà làm không nổi. Trước đây đã toan lập cách trợ niệm ngay khi

còn sống, nhưng nghĩ chưa ra. [Đến khi] Trần Thủ Sứ Vương Duyệt Sơn đưa mẹ lên thăm núi, [tôi thấy] quyền thuộc của ông ta rất đông, bèn tìm ra một cách trợ niệm rất tuyệt diệu, đã trình bày sơ lược với ông ta, nay sẽ thừa cùng các hạ. Nếu các hạ có thể thực hành, ông ta cũng chẳng đến nỗi coi thường bỏ qua, đó cũng là đạo tự lợi lợi tha vậy.

Trong quyền thuộc của các hạ, các ông con trai ai nấy đều có chức nghiệp, cố nhiên khó thể luôn luôn làm được, nhưng các bà con dâu thì vô sự thanh nhàn, những kẻ hầu gái như các bà vú v.v... ắt chẳng có việc gì quan trọng, ông nên bảo họ căn theo đồng hồ suốt ngày ở quanh thái phu nhân lớn tiếng niệm Phật chừng nửa giờ. Hết lượt bèn đổi phiên, cả ngày chẳng dứt tiếng niệm Phật. Thái phu nhân nếu có thể niệm theo thì càng tốt. Nếu không, chỉ nhiếp tâm lắng nghe suốt ngày, sẽ thường chẳng lìa Phật. Các người

khác cũng chẳng mất sức, bởi lẽ, cả ngày bất quá chỉ phải niệm một lượt hay hai lượt, nhưng thời gian cách khoảng giữa hai lượt cũng khá dài. Bọn họ không có chuyện gì quan trọng, bèn nhờ đây mà dốc tận lòng hiếu, gieo thiện căn; ngay đến bọn hầu gái cũng nhờ vào nhân này, gieo duyên xuất ly sanh tử. Từ nay trở đi, lấy cách này làm lệ thường; dù thái phu nhân thọ hơn trăm tuổi, cũng chẳng được nửa chừng bỏ dở. Pháp này lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Phàm những ai có tín tâm, muốn thành tựu đạo nghiệp vãng sanh cho cha mẹ, hãy nên khuyên họ làm theo cách này.

* Mẹ ông tuổi cao nhưng đối với pháp môn Tịnh Độ chưa thể nghiêm túc tu trì, hãy thường nói với mẹ về nỗi khổ luân hồi trong sáu đường, sự vui trong thế giới Cực Lạc. Người sanh trong thế gian siêu thăng cực khó, đọa lạc cực dễ. Nếu chẳng vãng sanh Tây Phương, đừng nói là nhân đạo

chẳng đáng nương cậy, dù sanh lên trời phước thọ thật lâu, một khi phước lực đã tận, vẫn phải đọa lạc trong nhân gian như cũ, và phải thọ khổ trong tam đồ ác đạo. Nếu chẳng biết Phật pháp thì đành chẳng biết làm sao, còn nay đã hiểu đại lược Phật pháp, há đành nhường mỗi đại lợi ích này cho người khác, tự mình cam tâm luân hồi trong lục đạo, thoát ra thoát vào, vĩnh viễn không có ngày giải thoát ư? Cứ nói như vậy, may ra mẹ ông sẽ có thể phát khởi tức thể thiện căn, tin nhận phụng hành. Bồ Tát độ sanh tùy thuận cơ nghi, trước hết, dùng dục để nhử, sau đây mới khiến cho nhập Phật trí. Ông cực lực tu hạnh hiếu đễ, lại đem pháp môn Tịnh Độ khuyên lơn, hướng dẫn quyến thuộc của chính mình và hết thảy những ai hữu duyên đều cùng làm người trong hội Liên Trì thì công đức rất lớn.

* Con hiếu thờ cha mẹ thì phải đặt cái

gốc lên trước, đặt cái ngọn ra sau, nuôi thân cha mẹ, hướng dẫn, khơi mở tinh thần. Nếu chỉ biết báo đền công lao, phụng dưỡng cho cha mẹ an nhàn, lập thân hành đạo để cha mẹ được vẻ vang, chẳng biết đem đạo thường trụ vô sanh và pháp niệm Phật vãng sanh để khuyên dụ cha mẹ tu trì, khiến cho cha mẹ lúc sống niệm Phật hiệu, chết đi sanh về cõi Phật, già biệt nỗi khổ sanh tử hư huyễn, hưởng thường trụ chân lạc, phụng sự Di Đà, chen vai cùng hải chúng nghe viên âm, Tam Hoặc trừ sạch, thấy diệu cảnh, viên minh tứ trí, chẳng lìa An Dưỡng, vào khắp mười phương thượng cầu hạ hóa, rộng làm Phật sự, triệt chứng Phật tánh vốn sẵn có trong tâm, làm thuyền Từ độ khắp mọi người trong biển khổ.

Nếu như vậy, đúng là thấy nhỏ quên lớn, được gần bỏ xa, chính là kiến giải hạn hẹp của kẻ hèn, chẳng phải là tầm nhìn rộng lớn của bậc thông đạt. Nếu ông có

thể làm cho mẹ cũng hiền giống như mình, cũng như khiến cho quyến thuộc cùng thoát Sa Bà, đồng sanh An Dưỡng, đồng chứng vô lượng quang thọ, đồng hưởng pháp lạc tịch quang, đồng làm pháp vương tử của A Di Đà Phật, đồng làm đại đạo sư của trời người, thì mới là trọn hết tâm lòng hiếu tử, mới xứng với công cha mẹ nuôi dạy. Đây mới đúng là “con hiếu phụng dưỡng, dìu dắt cha mẹ” [chân thật], chẳng phải kiểu “hiếu thảo, dìu dắt cha mẹ” như thế gian đã nói.

* Hành đạo hiếu thì không còn gì lớn hơn được nữa, hết thảy các điều lành không gì chẳng thấu tóm, nhưng đạo hiếu có thể gian, xuất thế gian, lớn, nhỏ, bền, tích sai khác.

Đạo hiếu thế gian là chăm nom, phụng dưỡng cho cha mẹ được yên ổn, đoán trước ý khiến cho cha mẹ vui vẻ, cho đến lập thân hành đạo để vang danh cùng hậu

thế. Dù lớn nhỏ khác nhau, nhưng đều là những chuyện thuộc về mặt sắc thân! Dầu cho đại hiếu ngút trời, rốt cuộc chẳng có ích lợi gì đối với tâm tánh và sự sanh tử của cha mẹ! Đúng là chỉ uổng công đuổi theo cái ngọn, chẳng xét đến cái gốc. Huống hồ, sát sanh để dâng lên cha mẹ, hay để cúng tế, khiến cho cha mẹ càng bị oán thù kết chặt, mãi mãi phải đền trả chẳng ngơi ư?

Đạo hiếu xuất thế gian, xét về mặt Tích cũng giống như thế gian, chăm nom, phụng dưỡng... cho đến lập thân vang danh, nhưng cái gốc là khiến cho cha mẹ huân tu đại pháp của Như Lai. Cha mẹ còn sống bèn khéo léo khuyên dụ sao cho cha mẹ ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ăn chay ắt chẳng tạo sát nghiệp, vừa diệt được túc ương. Niệm Phật sẽ ngầm thông Phật trí, thâm hợp diệu đạo. Nếu quả thật tin sâu, nguyện thiết, cầu sanh Tây Phương, ắt đến lúc lâm chung

được Phật tiếp dẫn, gởi thân nơi chín phẩm sen. Từ đây, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, mãi mãi xa lìa các khổ trong chôn Sa Bà, thường hưởng các sự vui trong chôn Cực Lạc.

Cha mẹ đã khuất, bèn thay cha mẹ dốc sức tu Tịnh nghiệp, chí thành hồi hướng cho cha mẹ. Nếu tâm thật sự chân thật, thiết tha, cha mẹ sẽ được lợi ích; nếu chưa vãng sanh, liền được vãng sanh. Nếu đã vãng sanh, phẩm sen sẽ cao thêm. Đã có thể phát tâm như thế, ắt sẽ tương ứng với Tứ Hoàng Thệ Nguyên, khế hợp Bồ Đề giác đạo; há có phải chỉ riêng cha mẹ được lợi ích, mà công đức thiện căn cũng như phẩm vị đài sen của chính mình cũng sẽ cao siêu thù thắng!

Huống hồ, lại dùng chính thân mình để thuyết pháp, khiến cho khắp mọi đồng luân (những người có cùng hàng với ta) cùng phát lòng hiếu thuận. Đạo hiếu ấy mới là thật nghĩa rất ráo, chẳng giống như

thế gian chỉ mong lợi lạc cho sắc thân và đời này, bỏ qua tâm tánh và đời sau, chẳng buồn bàn tới! Vì thế biết rằng: Đạo Phật lấy hiếu làm gốc. Do đó, kinh Phạm Võng dạy: *“Hiếu thuận với cha mẹ, sư tăng, Tam Bảo. Hiếu thuận là pháp chí đạo. Hiếu gọi là Giới”*.

Lại như trong các giới Giết, Trộm, Dâm, Dối, kinh đều nói phải sanh tâm từ bi và tâm hiếu thuận. Trong giới “chẳng thực hành phóng sanh, cứu mạng”, kinh Phạm Võng dạy: *“Hết thầy người nam là cha ta, hết thầy người nữ là mẹ ta, đời đời chẳng lúc nào ta chẳng sanh ra từ họ. Vì thế, lục đạo chúng sanh đều là cha mẹ ta, giết chúng sanh để ăn thịt chính là giết cha mẹ mình”*. Bởi thế mới nói đạo Hiếu của Phật giáo bao gồm trọn khắp tứ sanh lục đạo từ vô thỉ trước đến tận vị lai sau, chẳng thể đem chuyện chỉ biết một đời một thân ra so sánh được! Đã biết như vậy mà chẳng kiêng giết, phóng sanh, ăn

chay niệm Phật, thì làm sao trọn hết được đạo hiếu chí cực không chi hơn được nữa đây?

* Tự mình đã tu trì Tịnh nghiệp, thì cũng phải nên dạy hết mọi người quen biết cùng tu Tịnh nghiệp. Hãy nên dựa theo phần Phổ Khuyến Môn trong sách Long Thư Tịnh Độ để làm cho ai nấy tùy phần tùy sức gieo thiện căn chẳng thể nghĩ bàn này. Đã muốn đem pháp này dạy người khác, hãy nên dạy từ thân đến sơ, nữ nào để thê thiếp, con cái chẳng được hưởng lợi ích này ư? Văn Vương nêu gương từ vợ của chính mình, cho đến anh em, khiến cho gia đình lẫn đất nước đều yên vui. Đạo tự hành, dạy người trong thế gian và xuất thế gian, không pháp nào chẳng phải là như vậy!

* Tự mình cải ác tu thiện, nhất tâm niệm Phật; phạm hết thầy người thân đều

là kẻ hữu duyên, cũng nên dạy họ pháp này. Đối với những người phản đối, hãy khởi tâm thương xót, đừng bắt buộc họ phải làm. Cứ đề đầu bò bắt gặm cỏ thì vạn vạn phần chẳng thể làm được! Nếu bảo: “Tôi nhất tâm niệm Phật, mọi chuyện chẳng bận tâm đến nữa” thì không chỉ là bị trở ngại nơi pháp thế gian, mà cũng chẳng phù hợp Phật pháp. Làm đúng với địa vị thì mới nên. Khuyên người niệm Phật tu hành, dĩ nhiên là công đức bậc nhất, nhưng dưới đến vợ con, trên là cha mẹ, ông bà, đều phải nên khuyên nhủ. Nếu chẳng thể khéo léo dùng phương tiện khuyên nhủ gia đình, khiến cho quyền thuộc của ta cùng được hưởng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, liễu thoát sanh tử ngay trong đời này thì chính là bỏ gốc theo ngọn, chỉ biết lợi người ngoài mà chẳng biết làm lợi cho người thân, có nên hay chẳng?

* Đối với những người trong nhà, vào những lúc nhàn hạ vô sự, hãy dùng lời lẽ khúc chiết, uyển chuyển trình bày lý tốt cùng, khiến cho tâm người nghe biết lẽ phải trái, nên, không nên; vô hình trung, ắt sẽ khiến cho tâm thức người nghe được mài giũa dần dần, nhiễm dần dần mà chuyển biến. Còn như khi tánh ngu bướng, ngạo nghễ của người ấy trời dậy, nếu thấy có thể đối trị thì hãy dùng những câu danh ngôn hoặc lý lẽ tốt cùng để ôn hòa, bình tĩnh đối trị. Nếu không được thì cứ mặc kệ, đừng động đến kẻ ấy nữa, đợi khi kẻ ấy hết nóng, lại ôn hòa, bình tĩnh cùng kẻ ấy bàn luận khúc nôi, lâu dần, kẻ ấy cũng bị cảm hóa. Trọn chẳng nên dùng đến những phương cách bắt buộc, mạnh mẽ, dữ dội, bởi kẻ ấy có chỗ dựa dẫm (chỗ dựa dẫm là con cái), cũng như đánh mất phép tắc giáo huấn con cái.

* Nay là lúc pháp yếu, ma mạnh,

muôn hộ trì Phật pháp thì ở ngoài đời dễ hơn, làm Tăng sẽ khó khăn. Nếu các hạ nghiêm trì Ngũ Giới, chuyên niệm Di Đà, khắc kỷ, giữ lễ, lời nói tương xứng hành vi, sau đấy, lại rộng khuyến hóa, chỉ dạy, nhằm lợi khắp quần sanh, đừng cậy mình làm thầy mà tự cao, chẳng được nhận tiền tài để tự được lợi ích. Ở nhà thì diễn nói cho cả nhà, đối với đại chúng bèn trình bày rõ rệt khiến cho ai nấy đều ngưỡng mộ đức mà tin theo lời mình. Đây gọi là thân đã chánh thì chẳng ra lệnh mà người khác hành theo, lấy thân làm gương, [người khác sẽ nghe theo, giống như] hễ gió thổi qua là cỏ phải rạp xuống.

* Tôi hay viết câu liên như sau:

Xả Tây Phương tiếp kính, cứu giới chúng sanh thượng hà dĩ viên thành Phật đạo?

Ly Tịnh Độ pháp môn, thập phương chư Phật bất năng phổ lợi quần sanh.

(Bỏ đường tắt Tây Phương, cứu giới chúng sanh dùng chi viên thành Phật đạo?

Rời pháp môn Tịnh Độ, mười phương chẳng thể lợi khắp quần manh)

Các hạ hãy khởi phát đại dũng mãnh, phát đại tinh tấn, gánh vác pháp này. Dùng những ngôn luận hoằng dương Tịnh Độ xứng với căn cơ của cổ nhân để bảo ban làng xóm, sống trong trần lao chẳng nhiễm, tu Chân ngay trong cõi Tục, thì mới hợp với ý nghĩa của cái tên Dung Thoát [đã được cha mẹ] đặt cho vậy!

9.4. Khuyên nên sống trong cõi trần học đạo

* Niệm Phật dĩ nhiên quý tại chuyên nhất; nhưng cư sĩ trên có cha mẹ, dưới có vợ con, ngoài lo toan tính, lầm lạc mong cầu giàu sang, sung sướng, thật chẳng thích hợp [để xuất gia]. Đối với những việc phải làm thuộc về bốn phận thì hãy nên làm, và cũng phải gắng sức làm, bất

tất phải bỏ sạch hết thảy mới là tu hành. Nếu bỏ sạch hết thảy, nhưng vẫn nuôi dưỡng cha mẹ, vợ con chẳng thiếu sót thì cũng được. Nếu không, tức là trái với đạo hiếu, tuy bảo là tu hành, nhưng lại trái nghịch Phật pháp. Chớ nên không biết điều này!

Lại phải nên dùng những lợi ích của pháp môn Tịnh Độ để khuyên lơn cha mẹ, khiến cho họ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu họ tin nhận phụng hành, lúc lâm chung, nhất định được vãng sanh. Một phen được vãng sanh, bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cao dự hải hội, thân cận Di Đà mãi cho đến khi thành Phật mới thôi. Đạo hiếu thế gian làm sao sánh bằng được! Nếu lại còn có thể đem điều ấy bảo ban cho khắp các đồng nhân, biết khiến cho cha mẹ của mọi người cũng đều được vãng sanh thì công đức giáo hóa quy về mình, khiến cho phạm vi liên đài của cha mẹ và của chính mình đều được

tăng cao. Kinh Thi chép: “*Hiếu tử bất quĩ, vĩnh tử nhĩ loại*” (con hiếu chẳng thiếu thốn, [trời] luôn ban thưởng cho các người). Muốn hiếu thảo với cha mẹ, hãy nên suy nghĩ sâu xa rồi tận lực thực hành.

* Hoàn cảnh của mỗi người vạn phần chẳng giống nhau. Xét đến hoàn cảnh của ông, thật sự là ở tại gia có lợi ích lớn hơn, nếu xuất gia chỉ được lợi ích nhỏ nhoi. Ông nhờ tổ nghiệp, tạm sống được, trên còn có mẹ già để thờ, giữa có anh em để nhờ cậy, trong nhà có vợ hiền, dưới gối chưa có con cái gì. Bác cả nhà ông hơi tin Phật pháp, chú ba, chú tư cũng đều chẳng chống đối đạo pháp chi lắm. Ông ở nhà dốc sức tu Tịnh nghiệp cũng có thể hướng dẫn bà cụ sanh lòng tin niệm Phật, cầu được liễu thoát, lại cũng có thể giúp anh em ở ngoài lo liệu việc nhà, cũng như xướng suất vợ con, em dâu v.v... cùng tu Tịnh nghiệp để làm kế sách cùng thoát

luân hồi.

Ngoài ra còn tùy duyên khai thị, hướng dẫn xóm giềng, thân thích. Vậy thì nhà mình biến thành đạo tràng, mọi người như thân mẫu, anh, em, vợ, con, cháu, xóm giềng, bè bạn đều trở thành pháp quyến; tùy sức, tùy phần, thân suất lãnh, miệng khuyên răn, khiến cho cả miền Vĩnh Gia, những kẻ lạc đường, những người thuộc tà kiến chúng tánh đều được nạp vào lò luyện pháp môn Tịnh Độ viên đốn chí cực lớn lao, luyện thành pháp khí, cùng tu Tịnh nghiệp, tương lai cùng ngự Liên Bang, cùng chứng Bồ Đề. [Lợi ích như thế] há vẫn chẳng bằng việc ông xuất gia làm tăng, bỏ mẹ đi xa, khiến cho người nhà hờn oán thiếu người nương dựa, mẹ ôm lòng phiền con hay sao?

Vả nữa, tất cả những kẻ chẳng hiểu đạo lý đến nơi đến chốn, ắt sẽ trở mặt chê Phật pháp trái nghịch thế đạo, làm lạc hủy báng, khiến cho bọn họ tạo khẩu nghiệp

phải đọa ác đạo, chưa thấy ích gì, mà trước hết đã tạo nên sự tổn hại lớn lao hơn! Huống chi mẹ ông đã chẳng bằng lòng, há chẳng nên tuân theo ý mẹ, vẫn cứ ôm ấp tấm lòng đó ư? Nếu mẹ ông chẳng chấp thuận cho ông tu hành thì xuất gia còn chấp nhận được, nay mẹ ông hoan hỷ cho ông tu hành, sao lại muốn bỏ mẹ để tu hành? Trong Phật pháp, lục độ vạn hạnh, các thứ công nghiệp đều vì lợi ích chúng sanh. Ông không xuất gia, ắt sẽ có lợi ích rất lớn cho mẹ. Chỉ riêng một lẽ đó, đã rất nên thuận theo lòng mẹ, cứ ở nhà học đạo khiến mẹ hằng ngày quen thấy, chẳng mong mẹ tin tưởng mà tự nhiên mẹ tin tưởng, không có công đức nào lớn hơn! Huống hồ, há có phải là chỉ lợi ích riêng cho một mình mẹ ông thôi đâu!

Hơn nữa, mẹ không bằng lòng cho xuất gia thì đừng nghĩ tới chuyện ấy nữa. Bởi lẽ, trong giới luật nhà Phật, cha mẹ chẳng cho phép xuất gia, cứ tự ý mình đi

xuất gia, nhà chùa sẽ chẳng cho phép xuống tóc và thọ giới v.v... Nếu không, cả thầy lẫn trò đều mắc tội!

* Hiện tại mọi ngăn cấm đều rã bỏ cả, người tại gia nghiên cứu, tu tập nhiều như rừng, người đạt được lợi ích sanh về Tây Phương cũng thường thấy, cần gì phải xuất gia, bỏ cha mẹ? Chuyện ấy Quang tuyệt đối chẳng tán thành. Căn cứ trên thực tế để nói, trong hiện tại, tu tại gia tốt hơn. Vì sao vậy? Vì đối với hết thầy đều vô ngại. So với người tại gia, người xuất gia bị chướng ngại nhiều hơn; bởi thế, nếu không phải là người phát tâm chân thật, ắt sẽ trở thành phùng hạ lưu, vô ích đối với Phật pháp, nhục lây đến Phật.

* Nếu muốn xuất thế thì chẳng cần gì phải tách ra ở riêng, chỉ y theo ngôn giáo của Phật, đối trị phiền não tập khí sao cho hết sạch mới thôi. Tuy thân trong cảnh

tục, chẳng ngại gì đoạn Hoặ²c, chứng Chân, liễu sanh thoát tử, tiến đến Phật Quả. Như cư sĩ Duy Ma bên Tây Thiên và các vị Phó Đại Sĩ, Lý Trưởng Giả, Bàng Cư Sĩ v.v... trong cõi này. Nếu tự lực chẳng đủ, đã có pháp cậy nhờ Phật từ lực vãng sanh Tây Phương để nương tựa. Há có phải đều phải bỏ tục xuất gia thì mới đúng là đệ tử Phật ư?

* Sống trong cõi trần học đạo, tu Chân ngay trong cõi tục thì bậc đạt nhân danh sĩ hay kẻ ngu phu, ngu phụ đều có thể làm được. Gắng sức tu trì, đối với những thứ hệ lụy của đời tại gia hãy tưởng như bóng gậy, tiếng hét⁹⁸ phải đương đầu, hằng sanh tâm nhằm lìa [Sa Bà], ngộ hậu luôn sanh chí vui thích [Cực Lạc], lấy bệnh làm thuốc, biến tắc thành thông, trên chẳng khiến cao đường⁹⁹ buồn bã,

⁹⁸ Tông Lâm Tế dùng gậy (bông) và tiếng hét (hát) để khai ngộ thiền cơ, nên chữ “đương đầu bông hát” thường dùng để chỉ những điều sách tấn, cảnh tỉnh.

⁹⁹ Cao đường: Danh xưng dùng để tỏ vẻ tôn kính mẹ người khác.

dưới là vợ con chẳng mất nơi nhờ cậy, lại còn khiến cho hết thấy những ai thấy biết nhờ đó sẽ tăng trưởng lòng tin trong sạch, còn gì vui hơn!

* Người sống trong thế gian chẳng thể không làm gì cả, chỉ nên trọn hết bốn phận, quyết chẳng dòm dõi chuyện ngoài bốn phận. Sĩ, nông, công, thương, ai nấy chăm lo nghề mình để làm cái gốc hòng nuôi thân, nuôi gia đình, tùy phận, tùy lực, quyết chí cầu sanh Tây Phương. Nếu có sức thì với việc lành sẽ bỏ ra tiền của, hoặc giúp lời nói để tán trợ. Nếu không, phát tâm tùy hỷ cũng trở thành công đức, dùng điều ấy để vun bồi ruộng phước làm trợ hạnh vãng sanh. Như thuận nước căng buồm, lại thêm chèo lái bèn đến được bến bờ, chẳng sướng lắm ư?

* Nếu là bậc đại thông gia thì Thiên Tịnh song tu, nhưng phải lấy Tịnh Độ làm

chủ. Nếu là người căn cơ trung bình, cũng chẳng cần phải xem khắp kinh sâu luận rộng, chỉ cốt sao chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương là được rồi. Người ấy chẳng buông bỏ gia nghiệp mà vẫn kiêm tu pháp xuất thế. Tuy dường như là cách tu tầm thường không có gì lạ lùng cả, nhưng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Bởi lẽ, ngu phu, ngu phụ cảm cúi niệm Phật là đã ngầm thông Phật trí, thâm hợp diệu đạo. So ra, lợi ích nhiều hơn hẳn bậc đại thông gia suy lường, phỏng đoán, cứ suốt ngày vắt óc phân biệt. Bởi thế, ngu phu, ngu phụ niệm Phật dễ được lợi ích, bậc đại thông gia nếu toàn thân buông xuống hết, sẽ dễ được lợi ích, chứ nếu cứ suy dò nghĩa lý thì sẽ chẳng được lợi ích; trái lại, còn trở thành bệnh, chưa đắc bảo là đắc, có kẻ trở thành cuồng dại nữa.

Người hiện thời chớ nên học pháp tham Thiền, dấu học, cũng chỉ trở thành

văn tự tri kiến¹⁰⁰, quyết chẳng thể đốn minh tự tâm, tự thấy tự tánh. Vì sao vậy? Một là thiếu thiện tri thức chỉ dạy và quyết trạch; hai là người học chẳng hiểu căn cội của Thiên. Mang tiếng tham Thiên, nhưng thật ra là hiểu lầm.

* Đối với việc thọ giới, nếu thiện nam tử xuất gia làm Tăng thì phải vào chùa tập tành oai nghi mới biết quy củ chốn tùng lâm. Giữ đúng oai nghi của Tăng thì du phương hành cước¹⁰¹, trọn chẳng trở ngại gì. Nếu không, mười phương tùng lâm không thể trụ nơi nào!

Nếu người nữ tại gia, nhà cửa khá giả, thân có thể tự làm chủ, đến chùa thọ giới cũng chẳng phải là không được. Còn nếu như gia cảnh cùng quẫn, cần gì phải làm như vậy. Chỉ cần đối trước Phật, khẩn thiết chí thành sám hối tội nghiệp trong

¹⁰⁰ Văn tự tri kiến: Sự thấy hiểu dựa theo phân biệt, nhận định ý nghĩa của kinh văn bằng suy lường, chứ không phải là lãnh hội, trực nhập huyền nghĩa, yếu chỉ.

¹⁰¹ Tăng sĩ đi tham học các nơi gọi là du phương hành cước.

vòng bảy ngày, tự thệ thọ giới. Đến ngày thứ bảy, đối trước Phật xưng rằng: “*Đệ tử con tên là... thệ thọ năm giới, làm mãn phần ưu-bà-di* (Ưu-bà-di Hán dịch là Cận Sự Nữ, hàm nghĩa đã thọ năm giới, kham phụng sự Phật. Mãn Phần nghĩa là thọ trì trọn vẹn năm giới). *Đến hết đời chẳng sát sanh, đến hết đời chẳng trộm cắp, đến hết đời chẳng dâm dục* (nếu là gái có chồng thì nói “chẳng tà dâm”), *đến hết đời chẳng nói dối, đến hết đời chẳng uống rượu*”. Nói như vậy ba lần, liền đắc giới. Nếu chí tâm thọ trì thì công đức trọn chẳng hơn kém, đừng bảo tự thệ thọ trì là chẳng đúng pháp. Đây là thánh huấn của đức Như Lai đã dạy trong kinh Phạm Võng.

* Tam Quy, Ngũ Giới là cửa ngõ ban đầu để vào Phật pháp; tu các pháp môn khác đều nương theo đây để vào, hướng hồ là pháp môn Tịnh Độ liễu sanh thoát tử

đơn giản, dễ dàng nhất, chí viên, chí đốn chẳng thể nghĩ bàn ư? Chẳng phản tỉnh tam nghiệp, chẳng trì ngũ giới, sẽ chẳng có phần lại được làm thân người, huống chi là muốn được liên hoa hóa sanh, thân trọn đủ quang minh tướng hảo ư?

* Vì hàng tại gia đệ tử, lược giảng ý nghĩa của Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện

Thương thay! Từ vô thủy đến nay, chúng sanh luân hồi sáu nẻo, không được cứu, không chỗ về nương, không nơi gởi gắm, như con cô mất cha, dường như kẻ cùng quần nhà tan cửa nát, toàn là do phiền não ác nghiệp cảm thành quả khổ sanh tử ấy, mù lòa chẳng có mặt trời trí huệ, chẳng thể tự thoát khỏi. Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện sanh trong thế gian, vì chúng sanh thuyết pháp, dạy họ thọ Tam Quy để làm cái gốc bỏ tà về chánh, dạy họ trì Ngũ Giới hòng làm cái gốc đoạn ác tu thiện, dạy họ hành Thập

Thiện để làm gốc rễ thanh tịnh ba nghiệp thân, khẩu, ý.

Từ đây, chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Tam nghiệp đã được tịnh thì mới hòng tuân tu đạo phẩm, ngộ hầu trái giác, hợp trần, chuyển phàm thành thánh, đoạn gốc tham, sân, si, thành đại đạo Bồ Đề Giới, Định, Huệ. Bởi thế, đức Phật giảng Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ, ba mươi bảy phẩm trợ đạo v.v... vô lượng pháp môn. Lại muốn cho chúng sanh mau thoát sanh tử, chóng thành Phật đạo, đức Phật bèn dạy pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, khiến họ chẳng tốn nhiều sức, mà hoàn tất ngay trong đời này. Ôi! Ân đức của Thế Tôn có thể nói là tốt bậc, dầu cha mẹ hay trời đất cũng chẳng thể sánh ví được.

Bất Huệ (Tổ Án Quang tự xưng) thọ ân thật sâu, nhưng không cách nào báo được ân sâu. Nay các vị lầm nghe lời người khác, chẳng ngại xa xôi ngàn dặm

đến đây, toan bái tôi làm thầy, nhưng tôi tự xét mình vô đức, ba bốn lượt khước từ, quý vị vẫn chẳng chịu nghe. Nay bất đắc dĩ, đem ý xuất thế thuyết pháp độ sanh của đức Như Lai bàn đại khái cùng quý vị, cũng như giải thích sơ lược về ý nghĩa của Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện và pháp môn Tịnh Độ, ngõ hầu quý vị có cái để noi theo, có cái để tuân thủ; còn như từ Tứ Đế cho đến Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo v.v... chẳng phải là những điều quý vị có thể thấu hiểu, nên tôi lược đi không nhắc đến. Nếu quý vị y giáo phụng hành, chính là thờ Phật làm thầy, sá gì Bất Huệ! Nếu chẳng y giáo phụng hành, tức là đã phụ ân Bất Huệ, hưởng hồ Phật ân!

Tam Quy là:

- Một là quy y Phật.
- Hai là quy y Pháp.
- Ba là quy y Tăng.

Quy là quay về, Y là nương tựa. Như người rớt xuống biển, chợt có thuyền đi

đến, liền hướng về đó. Đây là ý nghĩa “quay về”; ngồi yên ổn trên thuyền là ý nghĩa “nuơng tựa”. Sanh tử là biển, Tam Bảo là thuyền; chúng sanh quy y liền lên bờ kia.

Đã quy y Phật, bèn thờ Phật làm thầy. Từ nay trở đi cho đến khi mạng chung, chẳng được quy y thiên ma, ngoại đạo, tà quỷ, tà thần. Đã quy Pháp, bèn thờ Pháp làm thầy, từ nay trở đi cho đến khi mạng chung, chẳng được quy y kinh sách ngoại đạo. Đã quy y Tăng, bèn thờ Tăng làm thầy, từ nay trở đi cho đến khi mạng chung, chẳng được quy y đồ chúng ngoại đạo.

Ngũ Giới:

- Một là chẳng sát sanh.
- Hai là chẳng trộm cắp.
- Ba là chẳng tà dâm.
- Bốn là chẳng nói dối.
- Năm là chẳng uống rượu.

1) Chẳng sát sanh:

Loài vật cũng giống như ta, ham sống sợ chết. Ta đã ưa sống, há vật lại muốn chết? Do đó hãy nghĩ: Có nên giết hại loài vật hay chẳng? Hết thấy chúng sanh luân hồi sáu nẻo, tùy theo nghiệp thiện, ác, mà thăng, giáng, siêu, trầm, ta cùng bọn chúng trong nhiều kiếp lần lượt làm cha mẹ nhau, lần lượt làm con cái nhau, phải nghĩ cách cứu vớt, nữ nào giết hại? Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, trong đời tương lai sẽ đều thành Phật. Nếu ta đọa lạc, còn mong được họ cứu vớt.

Hơn nữa, ta đã tạo sát nghiệp, ắt phải đọa trong ác đạo đền bồi nợ cũ, xoay vần giết hại lẫn nhau chẳng khi nào xong. Suy nghĩ như thế, há còn dám giết? Nhưng nguyên nhân sát sanh bắt nguồn từ ăn thịt. Nếu biết những nhân duyên như vừa nói trên đây, sẽ tự chẳng dám ăn thịt nữa. Kẻ ngu lại cho thịt là ngon, chẳng biết thịt

vốn do tinh huyết tạo thành; trong chứa phân tiêu, ngoài xen tạp bản thủ, tanh tươi, hôi thối, ngon lành ở chỗ nào? Thường quán bất tịnh, ắt ăn vào sẽ ói ra.

Lại nữa, sanh vật là người, cầm thú, giòi, bọ, cá, tép, muỗi, mòng, rận, rệp, tất cả những loài có sanh mạng; đừng bảo con vật lớn chẳng được giết, con vật nhỏ thì giết được! Trong kinh Phật có rộng nói công đức kiêng giết, phóng sanh. Tục nhân chẳng thể đọc đến thì hãy xem sách Vạn Thiện Tiên Tư của An Sĩ tiên sinh, ắt sẽ biết đại khái!

2) Chẳng trộm cắp:

Chẳng trộm cắp là hề có được thứ gì, bèn xét xem có hợp đạo nghĩa hay không, hề [người khác] không cho bèn chẳng lấy. Người biết liêm sỉ chẳng phạm lỗi này, nhưng nếu luận tỉ mỉ thì chẳng phải là bậc đại thánh đại hiền, sẽ rất khó chẳng phạm.

Vì sao? Lấy công giúp tư, tổn người lợi mình, cậy thế đoạt của, dùng mưu kế đoạt vật, ghen ghét vì người khác phú quý, mong họ bần tiện; làm lành nhằm mục đích cầu danh, đối với các việc lành tâm chẳng nghiêm túc, chẳng hạn như lập trường miễn phí, bèn chẳng chọn thầy nghiêm, khiến cho con em người khác bị lỗ làng; thí thuốc chữa bệnh mà chẳng phân biệt thật giả khiến người dùng bị nguy hiểm tánh mạng; thấy người bị tai nạn cấp bách, vẫn xem thường chẳng cứu, lè mề, hờ hững đến nỗi lỗ việc; hoặc làm tặc trách cho xong việc, mặc kệ tiền tài người khác bị lãng phí, trong lòng không coi đó là chuyện khẩn yếu. Những điều như thế đều gọi là trộm cắp. Vì các vị đều sống trong các thiện đường¹⁰², nên tôi chỉ chọn ra những điều tệ hại nhất để nói đại lược mà thôi!

¹⁰² Thiện đường: Các hội quán từ thiện. Về sau, danh xưng này cũng chỉ chung các nhóm, các hội lập đền thờ, thờ Phật, thần, tiên, thánh chung một chỗ, pha trộn lung tung Phật giáo và Đạo giáo, cũng như các tín ngưỡng dân gian. Họ thường cầu cơ, khuyến thiện, phát thuốc, làm các việc từ thiện, in kinh sách (phần nhiều là các kinh văn từ các buổi cầu cơ, lên đồng) v.v...

3) Chẳng tà dâm:

Tục nhân nam nữ lập gia đình, sanh con đẻ cái, trên là liên quan đến phong hóa, dưới là liên quan đến việc cúng giỗ. Dù vợ chồng ăn nằm với nhau chẳng bị cấm đoán, nhưng phải kính trọng nhau như khách, cốt để [có con cháu] giỗ quải tổ tiên, chớ nên coi đó là chuyện khoái lạc, ham dục đến nổi mất mạng. Dù là vợ mình, tham vui quá cũng là phạm tội, nhưng tội ấy còn nhỏ nhất. Nếu chẳng phải là vợ mình mà cứ ăn nằm bừa bãi thì gọi là “tà dâm”, tội ấy cực nặng!

Hành tà dâm tức là đem thân người làm chuyện súc sanh, khi báo hết, mạng tận, trước là đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, sau là đọa trong đường súc sanh ngàn vạn ức kiếp chẳng thể thoát khỏi. Hết thấy chúng sanh từ dâm dục sanh, nên giới này khó giữ, dễ phạm. Dầu là bậc hiền đạt,

cũng có lúc còn vi phạm, huống chi kẻ ngu? Nếu lập chí tu trì, trước hết phải biết rõ lợi, hại (lợi là chẳng phạm giới này sẽ được lợi lạc gì; hại là những họa hại do phạm giới này), cũng như phương pháp đối trị, ắt sẽ như thấy rắn độc, như gặp oán tặc, kinh sợ, hoảng hốt, dục tâm sẽ tự dứt. Cách đối trị được chép rộng rãi trong kinh Phật. Tục nhân không có duyên xem đến, hãy đọc sách Dục Hải Hồi Cuồng của An Sĩ tiên sinh thì sẽ biết đại khái.

4) Chẳng vọng ngữ:

Lời nói đáng tin, chẳng thốt lời hư dối. Nếu thấy nói chẳng thấy, chẳng thấy nói thấy, lấy hư làm thật, biến có thành không, phạm điều gì tâm chẳng xứng với miệng, toan khinh dối người khác, đều là vọng ngữ cả. Lại nếu như chưa đoạn Hoặc, bảo là đã đoạn Hoặc, chưa đắc đạo, bảo là đắc đạo, thì gọi là đại vọng ngữ. Tội

ấy rất nặng, sau khi mạng chung, nhất định đọa thẳng vào A Tỳ địa ngục, vĩnh viễn không có lúc thoát ra. Nay người tu hành chẳng biết giáo lý Phật pháp, phần đông là như thế, nên phải đau đầu răn đe. Điều này thật thiết yếu.

Bốn điều trên đây bất luận xuất gia hay tại gia, thọ giới hay không thọ giới, hễ phạm liền vướng tội lỗi, bởi thể tánh của chúng là ác. Nhưng người chưa thọ giới thì mắc tội một tầng; người đã thọ giới mắc tội gấp đôi, bởi ngoài chuyện làm ác ra, còn thêm cái tội phạm giới. Nếu giữ được chẳng phạm thì công đức vô biên; hãy nên gắng sức!

5) Chẳng uống rượu:

Rượu làm cho tâm con người mê loạn, hư hoại hạt giống trí huệ. Uống vào sẽ bị điên đảo, hôn mê, điên cuồng, làm chuyện càn quấy, nên Phật chế định người tu hành

trợn chẳng được uống rượu. Lại như hành, họ, kiêu, tở, nén, năm thứ thực vật nồng gắt (Ngũ Huân ở Tây Vực có đủ năm thứ, ở đây chỉ có bốn thứ), mùi vị hôi hám, bản chất chẳng thanh khiết, ăn chín sanh dâm, ăn sống tăng lòng nóng giận, người tu hành đều chẳng được ăn. Đối với giới này, người chưa thọ giới ăn uống chúng chẳng bị tội gì; người thọ giới mà dùng hay ăn chúng, liền phạm một tầng giới của Phật. Phật đã cấm chế, các vị vẫn phạm, nên mắc tội vậy.

Thập Thiện là:

- Một là chẳng sát sanh,
- Hai là chẳng trộm cắp.
- Ba là chẳng tà dâm.
- Bốn là chẳng nói dối.
- Năm là chẳng nói thêu dệt.
- Sáu là chẳng nói đôi chiều.
- Bảy là chẳng ác khẩu.
- Tám là chẳng tham.

- Chín là chẳng sân.

- Mười là chẳng si.

Ba điều đầu gọi là Thân Nghiệp, bốn điều giữa là Khẩu Nghiệp, ba điều cuối là Ý Nghiệp. Nghiệp nghĩa là “sự”. Nếu trì chẳng phạm thì gọi là Thập Thiện, nếu phạm chẳng trì thì gọi là Thập Ác. Thập Ác chia làm thượng, trung, hạ, cảm ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Thập Thiện chia thành thượng, trung, hạ cảm ba thiện đạo trời, người, A-tu-la. Nhân lành cảm quả lành, nhân ác cảm quả ác, quyết định chẳng nghi, chẳng sai mảy may. Trong phần nói về Ngũ Giới đã giảng về giết, trộm, dâm, dối rồi.

Ý ngữ (nói thêu dệt) là những lời lẽ phù phiếm, vô ích, chải chuốt, bóng bảy, bàn nói chuyện dâm dục khiến cho người khác nghĩ bậy.

Lưỡng thiệt (nói đôi chiều) là đến chỗ người này nói chuyện người kia, đến chỗ người kia nói chuyện người này, dâm

thọc thị phi, đòn xóc hai đầu v.v...

Ác khẩu là ngôn ngữ thô ác như dao, như kiếm, vạch trần lỗi kín của người ta chẳng kiêng dè. Nếu lại còn khiến cho cha mẹ người ta bị xấu lây, thì gọi là “đại ác khẩu”, tương lai mắc phải quả báo súc sanh. Đã thọ giới nhà Phật, chớ nên phạm giới này.

Tham keo là đối với tiền tài của chính mình, chẳng chịu thí cho người khác thì gọi là “keo”, chỉ mong vợ vét của cải người khác về mình thì gọi là “tham”.

Sân khuê là giận dữ, thấy người ta được gì bèn sầu lo, phần nộ, thấy người ta bị mất gì bèn mừng rỡ, sung sướng, lại còn cậy thế, cậy oai, khinh người rẻ vật.

Tà kiến là chẳng tin làm lành được phước, làm ác mắc tội, nói là không có nhân quả, chẳng có đời sau, khinh chê thánh ngôn, hủy báng kinh giáo của Phật...

Mười điều thiện này bao hàm hết thảy. Nếu có thể tuân hành, thì không điều ác

nào chẳng đoạn, không điều thiện nào chẳng tu. Chỉ sợ quý vị chẳng thể lãnh hội, nên tôi nay chỉ nêu đại lược một hai việc: Hiếu thuận cha mẹ, chẳng trái, chẳng nghịch, khúc nôi uyển chuyển khuyên cha mẹ nhập đạo, dứt mặn, ăn chay, trì giới niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Nếu cha mẹ tin theo thì chẳng còn gì tốt hơn. Nếu cha mẹ quyết chẳng nghe theo, cũng đừng cưỡng ép, vì mất đạo hiếu. Chỉ nên đối trước Phật, sám hối tội lỗi thay cho cha mẹ thì mới nên.

Đối với anh em liền tận lực nhường nhịn, đối với vợ chồng bèn hết sức kính trọng, đối với con cái bèn tận lực giáo huấn, khiến cho chúng trở thành người tốt, người hiền, chớ để chúng mặc tình quen thói kiêu căng, đến nỗi trở thành hạng người chẳng ra gì. Đối với xóm giềng, làng nước, phải hòa thuận, nhường nhịn, giảng cho họ nghe nhân quả thiện ác, khiến họ sửa lỗi hướng thiện. Đối với

bằng hữu bèn tận lực giữ chữ tín. Đối với tôi tớ phải từ ái. Đối với việc công, bèn tận tâm kiệt lực như khi làm chuyện tư.

Hễ gặp người quen biết, họ hàng, gặp cha nói Từ, gặp con nói Hiếu. Còn như kinh doanh, cố nhiên vốn là để kiếm lời, nhưng chẳng được bán hàng giả, lừa dối người khác. Nếu như đem phong tục này giáo hóa cho cả một ấp, một làng, sẽ khiến cho họa loạn chưa nẩy mầm đã tiêu mất, các hình phạt trở thành vô dụng; có thể nói là “ra ngoài tận trung, trong nhà tận chánh” vậy!

X. CÁC SÁCH VỞ NÊN ĐỌC

* Thuật rộng nguyện luân, giảng sâu xa duyên khởi, chỉ có mình kinh Vô Lượng Thọ. Chuyên giảng về pháp Quán, cũng như dạy rõ các nhân vãng sanh thì chỉ có mình Thập Lục Quán Kinh (kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật). Hai kinh trên

đây pháp môn rộng lớn, để lý tinh vi, kẻ độn căn đời Mạt thật khó thể đạt được lợi ích. Tìm lấy một bản kinh câu văn đơn giản, nhưng nghĩa lại giàu, dùng ít chữ, nhưng nghĩa lý phong phú, thích hợp khắp ba căn, thực hiện dễ, nhưng thành công cao, dùng sức ít, mà đạt hiệu quả nhanh chóng, chuyên ròng tu một hạnh, lại viên thành vạn đức, khiến cho nhân tâm mau chóng khế hợp quả giác thì chỉ có mình kinh Phật Thuyết A Di Đà mà thôi!

Ấy là vì một phen nghe đến y báo và chánh báo trang nghiêm, thượng thiện nhân cùng nhóm họp, ắt sẽ sanh lòng tin chân thành, phát nguyện khẩn thiết, quyết có cái thế [mạnh mẽ] như sông ngòi tuôn chảy không sao chế ngự được. Từ đây giữ chặt khư khư, chấp trì vạn đức hồng danh, niệm đâu chú tâm vào đó, mãi cho đến khi nhất tâm bất loạn. Làm được như vậy thì ngay trong đời này đã dự vào dòng thánh, lâm chung theo Phật vãng sanh,

khai Phật tri kiến, cùng thụ dụng giống như Phật. Vì thế, biết một pháp Trì Danh bao gồm vạn hạnh, toàn sự tức lý, toàn vọng tức chân, nhân tốt biến quả, quả thâu nguồn nhân. Thật đúng là đường tắt để quay về gốc, là cửa ngõ trọng yếu để nhập đạo.

* Kinh A Di Đà có bản Yêu Giải do đại sư Ngẫu Ích trước tác, Lý, Sự đều đạt tới mức cùng cực, là bản chú giải bậc nhất kể từ khi đức Phật nói ra kinh này, xác thực tuyệt diệu đến tột bậc. Dù cổ Phật tái hiện trong thế gian để chú giải lại kinh này, cũng chẳng thể hay hơn được! Chớ nên xem thường, hãy tin nhận chắc chắn.

Kinh Vô Lượng Thọ có bản sơ giải của pháp sư Huệ Viễn đời Tùy, giải văn thích nghĩa trong sáng, gãy gọn nhất.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ có bản [chú giải] Tứ Thiếp Sớ của hòa thượng Thiện Đạo. Ngài chỉ muốn khiến cho ba căn

cùng được lợi ích, nên phần nhiều giảng giải về mặt sự tướng. Sau phần nói về Thượng Phẩm Thượng Sanh, Ngài giảng rõ sự hơn kém giữa hai cách Chuyên Tu và Tạp Tu, khiến người đọc sanh lòng tin chân thành, kiên cố. Dù đức Thích Ca Mâu Ni Phật và chư Phật hiện thân bảo hộ pháp môn Tịnh Độ này để tu các pháp môn khác, vẫn chẳng thay đổi ý nguyện chút nào. Có thể nói sách ấy là kim chỉ nam cho hành giả Tịnh nghiệp.

Còn như cuốn Quán Kinh Diệu Tông Sao của tông Thiên Thai thì do để lý cực viên dung, nên trung hạ căn chẳng được lợi ích, chẳng bằng sách Tứ Thiếp Sớ lợi khắp ba căn, lợi căn hay độn căn đều được lợi ích!

* Cổ nhân muốn cả thế gian cùng tu, nên lấy kinh A Di Đà làm nhật khóa, bởi lẽ, kinh này ngôn từ ngắn gọn, nghĩa lý phong phú, hạnh đơn giản, dễ dàng, hiệu

quả nhanh chóng. Bậc đại sĩ hoằng pháp chú sớ, ngợi khen kinh này từ cổ đến nay chẳng thể đếm trọn! Trong số đó, tìm lấy một bản rộng lớn, tinh vi, thì không bản nào bằng tác phẩm Sớ Sao của ngài Liên Trì; còn thẳng chóng, trọng yếu, huyền diệu, không gì bằng tác phẩm Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích. U Khê đại sư dùng pháp ấn Đệ Quán bất nhị của tông Thiên Thai để soạn Lược Giải Viên Dung Trung Đạo Sao, lý cao sâu nhưng sơ cơ vẫn lãnh hội được, văn giảng minh bạch nhưng người tu lâu [đọc đến] vẫn khâm phục.

* Sách Di Đà Sớ Sao Hiệt (trích lục sách Di Đà Sớ Sao) của ngài Tịnh Như, ngôn từ đơn giản, nhưng tinh vi, lý sâu xa nhưng dễ nhận, thật là cuốn sách trọng yếu trong Tịnh Độ, là người hướng dẫn tốt cho kẻ sơ cơ.

* Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của

kinh Hoa Nghiêm dùng mười đại nguyện vương để dẫn dắt quy hướng Tịnh Độ. Đọc phẩm này, sẽ biết pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là chỗ quy kết sau cùng để thành Phật trong một đời của kinh Hoa Nghiêm, thật sự là phương tiện tối thắng để tự lợi khi tu nhân, và là phương tiện tối thắng để lợi tha khi đắc quả của mười phương chư Phật.

* Phẩm Hạnh Nguyện nghĩa lý bao la, văn tự vi diệu. Tụng đến khiến cho chấp trước “ta, người, chúng sanh” của con người biến mất, chẳng còn có nữa, thiện căn vãng sanh Tịnh Độ ngày càng thấy tăng trưởng, ắt sẽ tự hành, dạy người; nhưng chớ nên nghĩ “chưa trì kinh này, dù có tu Tịnh Độ cũng là bạc phước, thiên lệch!”

Các vị Liên Trì, Ngẫu Ích v.v... cũng đều cực lực tán dương [kinh Di Đà]. Trong Di Đà Yếu Giải có câu: “*Trong*

giáo pháp cả một đời của đức Như Lai, chỉ mình kinh Hoa Nghiêm nói đến chuyện viên mãn trong một đời, nhưng cái nhân để viên mãn chỉ trong một đời là ở phần cuối kinh: Ngài Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương dẫn dắt hướng về Cực Lạc để khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Nghiêm hải chúng. Ôi! Điều kinh Hoa Nghiêm đã dạy lại nằm trọn trong kinh này, nhưng thiên hạ xưa nay tin thì ít, nghi lại nhiều, nói càng nhiều, nghĩa càng hao, tôi chỉ còn có cách mổ tim vậy máu mà thôi!” Vì thế, ngài Vô Ấn nói: “*Hoa Nghiêm là quảng bản Di Đà (bản kinh Di Đà nói rộng), kinh Di Đà là lược bản Hoa Nghiêm (bản kinh Hoa Nghiêm nói giản lược)*”. Xem lời của hai vị đại sư, ắt biết: Xem kinh mà thiếu con mắt viên đốn thì chính là cô phụ ân Phật nhiều lắm!

* Cuối quyển năm kinh Lăng Nghiêm là chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên

Thông, đây chính là lời khai thị tối thượng của Tịnh Tông. Chỉ riêng mình chương này, đã có thể sánh cùng bốn kinh, tạo thành Tịnh Độ ngũ kinh!

* Sách Tịnh Độ Thập Yếu do đại sư Ngẫu Ích dùng mắt kim cang xem khắp các sách xiển dương Tịnh Độ mà soạn thành một tác phẩm khế lý, khế cơ, tột bậc, không thể thêm gì được nữa. [Trong sách ấy, cuốn] thứ nhất là Di Đà Yếu Giải do đại sư tự soạn, văn uyên thâm nhưng dễ lãnh hội, lý viên đốn nhưng duy tâm, không gì tuyệt hơn. Hãy nên thường xem, đọc, nghiền ngẫm. Chín cuốn còn lại, không cuốn nào lý viên mãn, từ ngữ hay khéo, khế hợp thời cơ sâu xa. Tuy chưa chắc đã có thể hiểu trọn vẹn mỗi cuốn, nhưng một phen giở xem khác nào uống thuốc tiên, dần dà lâu ngày, phàm chất ắt trở thành xác tiên vậy (đây là lời thí dụ sự hay khéo của pháp môn, chớ nên hiểu lầm

là [đọc sách này] sẽ thành tiên).

* Sách Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chép tỉ mỉ các hạnh nguyện khi tu nhân và công đức khi đã đắc quả của Phật Di Đà, và các việc tự hành, dạy người của các vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ... Kế đến là các sự tích vãng sanh từ Viên Công (tổ Huệ Viễn), Trí Giả cho đến các đại tổ sư, thiện tri thức đầu đời Thanh; rồi đến sự tích niệm Phật vãng sanh của tỳ-kheo-ni, vua, quan, sĩ thứ, phụ nữ, ác nhân, súc sanh. Lại còn chọn lựa chép lại những ngôn luận thiết yếu ngõ hầu người đọc có căn cứ để phỏng theo, không có cách nào nghi ngờ được nữa, bèn noi gương cổ nhân, tận lực tu Tịnh nghiệp. So với việc tham phỏng thiện tri thức, đọc sách này lại càng thật sự quan yếu hơn.

* Sách Long Thư Tịnh Độ Văn đoạn

nghi, khởi tín, bao lượt phân tích, trình bày rành rẽ, chia môn định loại pháp môn tu trì, là cuốn sách hướng dẫn quý bậc nhất của người sơ cơ. Nếu muốn lợi lạc khắp hết thảy, chẳng thể không bắt đầu từ cuốn sách này.

* Sách Pháp Uyển Châu Lâm (gồm một trăm quyển, chùa Thiên Ninh ở Thường Châu in thành bản gồm ba mươi quyển, xưởng in kinh Mã Nã ở Tô Châu in thành bản hai mươi bốn quyển, nhưng bản của xưởng in kinh Mã Nã tàn khuyết, lò mờ, bản của chùa Thiên Ninh là bản khắc mới) luận rõ nhân quả, Lý, Sự cùng nêu, sự tích báo ứng rành rẽ phân minh, khiến cho người đọc không lạnh mà run, dù ở trong nhà kín phòng tối vẫn thường như đang đối diện Phật, trời, chẳng dám nảy sanh chút ác niệm nào. Thượng, trung, hạ căn đều được lợi ích, chẳng đến nỗi vướng mối tệ nhận làm

đường nẻo, chấp Lý phế Sự, ngã theo thiên tà, cuồng vọng. Như ngài Mộng Đông đã nói: “*Người khéo bàn tâm tánh, ắt chẳng bỏ lìa nhân quả, người tin sâu nhân quả, rốt cuộc sẽ hiểu thật rõ tâm tánh*”. Lẽ ấy đương nhiên như thế. Câu nói ấy của ngài Mộng Đông quả là lời bàn luận cùng tột thiên cổ chẳng thể sửa đổi, mà cũng là mũi kim đâm thẳng xuống đỉnh đầu những kẻ cuồng huệ buông tuồng vậy.

* Bộ An Sĩ Toàn Thư giác thế, dạy người tận thiện tận mỹ, bàn đạo luận đức, vượt cổ siêu kim, lời lẽ đơn giản, nhưng súc tích, lý sâu, nhưng dễ hiểu, dẫn những sự tích có chứng cứ đích xác, nghị luận nêu tỏ tột cùng uyên nguyên, đúng là của báu để lưu truyền cho con cháu, mà cũng là một bộ kỳ thư để tuyên giảng. Mỗi lời đều là tâm pháp của Phật, của Tổ, là đạo mạch thánh hiền, là đạo trọng yếu khiến

đời yên, dân hiền, là bí phương rạng rỡ, tốt lành. Nếu có thể hành đúng theo sách ấy, sẽ nối chí thánh hiền, liễu sanh thoát tử, giống như đưa ra bằng khoán để lấy lại vật cũ, so với những thiện thư khác được lưu thông trong đời thì có khác nào đem quả núi sánh với đụn đất, đem biển cả sánh với vũng nước vậy!

An Sĩ tiên sinh họ Châu, tên Mộng Nhan, còn có tên là Tư Nhân, người Côn Sơn, tỉnh Giang Tô, thông hiểu rộng khắp kinh sách của tam giáo (Phật, Nho, Lão), tin tưởng sâu xa pháp môn Niệm Phật, đến tuổi nhược quan (chừng hai mươi tuổi) đi học bèn chán con đường khoa cử, phát Bồ Đề tâm, soạn sách giác ngộ người đời, ngõ hầu trước là để ai nấy chẳng làm lỗi, sau là thoát khỏi biển khổ sanh tử.

Vì thế, ông viết cuốn sách khuyên kiêng giết hại, đặt tên là Vạn Thiện Tiên Tư, sách giới dâm tên là Dục Hải Hồi Cuồng. Ấy là vì chúng sanh tạo nghiệp chỉ

có hai chuyện này là nhiều nhất, mà sửa lỗi thì cũng chỉ có hai chuyện này là khẩn yếu nhất. Ông còn soạn Âm Chất Văn Quảng Nghĩa (giảng rộng nghĩa lý bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân) ngõ hầu với mỗi một pháp, ai cũng biết phân biệt đầu mối, đều biết hành trì. Sách phê bình, biện luận thông suốt, tinh vi, đáng gọi là bậc công thần của Đế Quân, triệt để bóc trần, phơi bày toàn bộ cái tâm rử lòng giáo huấn khiến cho ngàn đời trước, ngàn đời sau cả người giáo huấn lẫn người được giáo huấn hai đảng đều chẳng tiếc nuôi gì. Ấy là vì tiên sinh kỳ tài diệu ngộ, đã dùng những sự tích thế gian để giảng rõ những nghĩa lý áo diệu, u vi của Phật, Tổ, khiến cho người nhã, kẻ tục cùng xem, người trí, kẻ ngu cùng hiểu.

Lại vì trong các pháp môn tu hành, chỉ có pháp Tịnh Độ là thiết yếu nhất, nên tiên sinh lại soạn cuốn Tây Quy Trục Chỉ để giảng rõ đại sự niệm Phật cầu sanh Tây

Phương, liễu sanh thoát tử. Bởi lẽ, tích đức tu thiện chỉ được phước nhân, thiên, phước hết lại phải đọa lạc. Niệm Phật vãng sanh là dựa vào địa vị Bồ Tát, quyết định đạt thành Phật đạo.

Ba cuốn sách đầu tuy dạy người ta tu thiện nghiệp thế gian, nhưng vẫn gồm đủ pháp liễu sanh thoát tử. Cuốn sách thứ tư tuy dạy người pháp liễu sanh tử, nhưng phải tận lực hành điều thiện thế gian. Thật có thể nói là tiên sinh hiện thân cư sĩ để thuyết pháp độ sanh. Ai bảo tiên sinh chẳng phải là Bồ Tát tái lai, tôi chẳng dám tin!

* Văn bút lẫn nghĩa luận của sách Cảm Ứng Thiên Vọng Biên thấy đều siêu tuyệt, nhưng chẳng được quán thông Phật pháp như An Sĩ Toàn Thư. Ngoại trừ sách An Sĩ Toàn Thư ra, tôi cho rằng cuốn này là hay nhất.

* Sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng là sách do bậc đại thông gia soạn, lời chú giải thuần dùng văn bạch thoại, chỉ đọc qua một lượt, sẽ tự hiểu rõ ý nghĩa. Lúc con cái còn nhỏ, rất nên bảo chúng đọc sách này, để nhờ sách này răn dạy con cái mình, tương lai ắt chúng sẽ được thụ dụng chân thật, hòng gỡ bỏ mối lo cho mình.

* Sách Cư Sĩ Truyện do tiến sĩ Bành Thiệu Thăng ở Trường Châu, Tô Châu soạn vào thời Càn Long. Ông xem khắp các sách vở, chọn lấy những gương đại trung, đại hiếu, thanh cao, chánh trực, liêm khiết, có công lao đối với danh giáo, hiểu sâu Phật pháp từ đời Hán đến nay, ghi chép những sự nhập đạo, tu chứng của họ, và chép cả những câu văn nêu tỏ Phật pháp. Số người được chép lên đến mấy trăm người, chép thành sáu quyển.

* Tam Giáo Bình Tâm Luận do học sĩ

Lưu Mật đời Nguyên soạn. Trước hết, sách chỉ rõ tam giáo đều khuyên con người dứt ác tu lành, chẳng nên phế một giáo nào. Tiếp đó, sách luận rõ công dụng cùng cực của từng giáo, sâu cạn bất đồng. Cuối cùng sách đả phá sạch những thuyết của Hàn Dũ, Âu Dương, Trình, Chu.

* Thích Thị Kê Cổ Lược chép theo năm tháng các đời, ghi sự tích của Thích Nho thành từng mục. Từ Phục Hy cho đến cuối đời Minh, quốc gia thái bình hay loạn lạc, Phật pháp hưng thịnh hay suy vong, tội do hủy báng, phước do tin tưởng, lợi ích do tu trì, pháp ngữ của tổ sư, hạnh chân thật của cao tăng, và những kẻ trung hậu, khoan dung lỗi lạc, và chuyện những kẻ gian ác cùng cực đều chép tỉ mỉ, khiến cho ai nấy giờ xem liền biết pháp giới, ngồi ngay ngắn xem khắp cổ kim, há có phải chỉ ích lợi cho riêng người tu đạo, mà

còn là của báu kỳ lạ trong tay áo của những ai đọc sách để luận cổ suy kim nữa!

* Nếu đã có tín tâm, hãy nên đọc các sách Tịnh Độ. Nếu chẳng thể đọc nhiều thì chọn lấy cuốn sách dễ hiểu, nghĩa lý rộng rãi nhất như cuốn Kính Trung Kính Hựu Kính (trong các con đường tắt nhất, lại là con đường tắt hơn nữa). Cuốn sách này thâm thập ý nghĩa trọng yếu của các tác giả, phân môn chia loại, khiến cho người xem đến chẳng tốn sức nghiên cứu, tìm đọc, bèn trực ngộ thẳng chỗ yếu diệu và cốt tủy của Tịnh Độ. Đối với kẻ sơ cơ, sách này có lợi ích rất lớn.

* Cao Tăng Truyện quyển một, hai, ba, bốn; Cư Sĩ Truyện, Tỳ Kheo Ni Truyện, Thiện Nữ Nhân Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục đều ghi chép lời lẽ tốt lành, hành vi cao đẹp của chư cổ đức. Xem đến, ắt sẽ nảy lòng vui mừng,

ngưỡng mộ, trọn chẳng đến nỗi mắc lỗi được chút ít đã cho là đủ, cam phận kém hèn.

Hoằng Minh Tập, Quảng Hoằng Minh Tập, Đàm Tân Văn Tập, Chiết Nghi Luận, Hộ Pháp Luận, Tam Giáo Bình Tâm Luận, Tục Nguyên Giáo Luận, Nhất Thừa Quyết Nghi Luận đều là những sách hộ trì giáo pháp. Đọc đến không chỉ chẳng bị tà ma, ngoại đạo mê hoặc, lại còn phá tan thành lũy tà kiến của chúng nữa. Các sách này đọc đến sẽ khiến cho chánh kiến kiên cố, chúng có thể dùng để chứng tỏ, soi sáng kinh giáo. Chớ bảo là “cứ nhất tâm đọc kinh, chẳng thèm hỏi đến những sách ấy”. Cái tri kiến sai biệt ấy nếu không đả thông được, khi gặp địch rất có thể bị chuốc lấy nhục vậy!

* Sách *Mộng Đông Ngữ Lục* do cư sĩ Tiên Y Am trích tuyển những câu nói chuyên dạy về Tịnh Độ trong *Mộng Đông*

Di Tập soạn thành, lưu truyền ở phương Nam ngõ hầu đáp ứng nỗi hận đã lâu của những người vô duyên hội ngộ. Toàn tập thì có ở Bắc kinh, nhưng ở phương Nam chỉ có lược bản này. Sách này văn từ, nghĩa lý tinh diệu, là trước tác đáng xếp hạng nhất sau sách của các vị Ngẫu Ích và Tỉnh Am.

* Ngài Mộng Đông nói: *“Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật”*. Mười sáu chữ này là đại cương tông của pháp môn Niệm Phật. Một đoạn khai thị này tinh vi, thiết thực đến cùng cực, hãy nên đọc kỹ. Toàn bộ sách Mộng Đông Ngữ Lục văn từ, nghĩa lý chu đáo, đích thực là kim chỉ nam trong Tịnh Tông. Nếu còn muốn đọc thêm nữa thì có cuốn Di Đà Yếu Giải của Ngẫu Ích lão nhân, đúng là một tác phẩm hướng dẫn tốt đẹp, ngàn đời chỉ có một.

Nếu có thể một lòng hành theo hai cuốn sách này, sẽ chẳng cần phải nghiên cứu hết thảy kinh luận nào nữa. Nếu thường xem ba kinh Tịnh Độ và các sách như Tịnh Độ Thập Yếu v.v... ngửa tin lời chân thành của Phật, của Tổ, phát lòng tin chân thành, phát nguyện thiết tha, dùng lòng chí thành cung kính trì danh hiệu Phật, dù ở trong nhà tối, phòng kín, vẫn như đang đối trước Phật, trời, khắc kỷ, giữ lễ, thành thật, cẩn thận, e dè, chẳng giống như những kẻ trong đời hiện tại trọn chẳng câu thúc, phóng túng, không biết e sợ gì. Quang dù còn là phàm phu sanh tử, vẫn dám bảo đảm: Ngay trong đời này, các hạ sẽ già biệt Sa Bà, cao dự hải hội, tự làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn hiền của các vị đại sĩ.

* Có các sách Tịnh Độ, các giáo nghĩa Tịnh Độ như thế, phải nên hiểu biết trọn vẹn; dù chẳng đọc khắp các kinh, cũng

chẳng bị khiếm khuyết chi! Còn như chẳng biết đến pháp môn Tịnh Độ, dẫu thâm nhập nghĩa lý mọi kinh, triệt ngộ tự tâm, lại toan liễu sanh thoát tử thì chẳng biết phải mất mấy đại kiếp mới mãn được nguyện ấy! Chẳng biết đến món thuốc A Già Đà (tiếng Phạn là A Già Đà, Hán dịch là Phổ Trì, trị được hết thầy các bệnh) trị chung vạn bệnh này, thật đáng đau buồn thay! Biết nhưng không tu, hoặc tu nhưng chẳng chuyên chí, lại càng đáng đau tiếc hơn nữa!

Phân Tăng Bồ

1. Thư gửi Sài Dã Ngụ

(Lá thư này vốn không có trong Văn Sao, nhân vì người đời thường đối với những nghĩa như mê, ngộ, chúng sanh, Phật, công, thánh v.v... khởi nghi, nên kèm thêm thư này để giải trừ những mối nghi ấy)

Ai cũng có thể trở thành Nghiêu, Thuấn, ai cũng có thể thành Phật. Chỉ là “thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm sẽ thành thánh. Hễ mê

thì Phật là chúng sanh, hễ ngộ thì chúng sanh là Phật”. Xét lẽ ấy, máu chót ở nơi ta. Vì thế, cố nhiên hãy nên trên là ngưỡng mộ chư thánh, dưới phải trọng tánh linh của chính mình, dè dặt, kiêng sợ, phần chí tu trì, sốt sắng vâng giữ luân thường, nghiêm túc trọn hết bốn phạm, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, sáng dậy tối ngủ chẳng khiến người sanh ra ta phải hổ thẹn. Người làm được như thế chính là làm thánh, làm hiền, chẳng đến nổi như nhóp trời đất. Lại còn sanh lòng tin, phát nguyện, trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương để mong tự chúng được Phật tánh sẵn có, viên thành Vô Thượng Bồ Đề mới thôi.

Đại trượng phu sanh trong thế gian nếu chẳng biết đại thể, chỉ biết đắm đuối ăn uống, nam nữ, tham cầu sắc thanh, của cải, lợi lộc thì có khác gì dị loại, nữ đề tu cách “có thể trở thành Nghiêu, Thuấn, có thể thành Phật” biến thành căn cứ để luân

hồi trong lục đạo bao kiếp dài lâu, chịu đủ mọi nỗi khổ cùng cực, chẳng đáng buồn ư? Ông đã phát tâm quy y Tam Bảo, hãy nên lấy “niệm niệm đối trị phiền não làm gốc, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình, giữ lễ, sửa ác tu thiện, trọn hết bốn phạm, giữ vẹn luân thường, chuyên tu Tịnh nghiệp” để tự hành, dạy người, ngõ hầu trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là thân thích, bạn bè, láng giềng, làng nước cùng được gọi ân giáo hóa của Phật, cùng trở thành thiện nhân, thì mới chẳng uổng phí cái đời này, chẳng uổng duyên gặp gỡ này.

Sách Trung Dung nói: “*Nhân giai viết dư trí, khu nhi nạp chư cố, hoạch hãm tịnh chi trung, nhi mạc chi tri tỵ dã*” (Con người ai cũng tự cho là mình thông minh, nhưng nếu thân bị hãm vào lưới rập, sụp hãm bẫy, chẳng biết tránh né ra sao)¹⁰³. Vì

¹⁰³ Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích. Theo sách ấy, chữ Chư (諸) ở đây chính là cách viết giả tá của chữ 於 (於).

chỉ biết hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, chẳng biết hồi quang phản chiếu, nên mới mắc hại như thế. Nếu có thể phản chiếu tự tâm, ngàm vận dụng trí ngộ hầu tự chiếu, ắt sẽ có thể học thánh, học hiền, học Phật, học Tổ, ắt lúc sống đã dự vào cảnh giới thánh nhân, khi mất sẽ về cõi nước Cực Lạc. Đây là đại ý của cái tên Quang đặt cho ông vậy.

Thêm nữa, “chỉ vì thánh mất niệm thành cuồng, cuồng chế ngự được niệm sẽ thành thánh, mê thì Phật thành chúng sanh, ngộ thì chúng sanh chính là Phật”. Nếu chẳng khéo hiểu bốn câu này, rất có thể sẽ đến nổi sanh nghi, luận bàn lâm lạc. Nay tôi sẽ giải thích sơ lược. Thứ nhất, nói Thánh hay Phật đều là ước theo bản thể của tự tâm để nói, chứ chẳng phải đã thành Phật hay thành thánh. Tiếp đó, “mất niệm”, “chế ngự được niệm”, “mê, ngộ” chính là luận theo sự tu trì và rèn luyện là thuận hay nghịch. Cuối cùng, nói “thành

cuồng”, “thành thánh”, “thành chúng sanh”, “chính là Phật” là nói đến hiệu quả ước theo sự tu trì thuận hay nghịch. Nếu chẳng hiểu “*thành Phật, thành thánh*” trong phần đầu là nói về bản thể, ắt sẽ lầm tưởng đã thành Phật, thành thánh lại còn trở thành cuồng, thành chúng sanh thì tai hại rất lớn. Bởi thế, tôi chẳng thể không giảng sơ lược cho ông hiểu. Những điều khác, xin đọc kỹ Văn Sao ắt sẽ tự biết.

2. Thư phúc đáp Du Huệ Úc và Trần Huệ Sưởng (đính kèm thư gửi tới)

Đệ tử nghiệp chướng sâu nặng, bảm tánh ngu độn, tối tăm, may được nghe pháp môn Tịnh Độ, được quy y dưới tòa, chỉ khăng khăng tuân lời thầy răn thật thà niệm Phật để mong sớm liễu sanh tử, chẳng phụ lòng thầy đau đầu. Phàm đã là Phật tử, phải nên phát tâm tự độ, độ người. Nay lũ đệ tử chúng con chưa thể tự

độ, sao lại nói chuyện độ người cho được? Nhưng gặp thân hữu liền dùng phương tiện khuyên họ tin tưởng cũng là chuyện thuộc bốn phận, tuy vậy, thường có hai loại người kiến giải lẫn lộn lẽ đều là tự làm, làm người, thật chẳng ít ỏi! Một là loại nói: “Phật không có dục. Những thứ vàng, báu như kinh A Di Đà đã nói vẫn giống như dục, chẳng giống như kinh Kim Cang [dạy] ‘hết thấy đều không’ cao siêu, huyền diệu hơn!” Do vậy, họ miệt thị pháp môn Tịnh Độ, chẳng sanh lòng tin. Đây là vì họ chẳng biết ý nghĩa của hai kinh Di Đà và Kim Cang, chỉ thuận theo ý mình nói bừa. Một loại nói: “Phật đã dạy người thấy thấu suốt hết thấy, sao chính mình lại ngược ngạo nảy sanh thứ tham dục này?” (Chỉ những thứ vàng, báu được nói trong kinh A Di Đà). Chúng ta sao lại khổ sở bỏ đi những gì có thật trước mắt để mong cầu những thứ mờ mịt nơi thân sau?” Đây chính là kẻ tà kiến, chấp

trước, mặc tình báng Phật, báng Pháp. Hai hạng này tuy phẩm vị có cao, thấp nhưng tà kiến đều giống hệt nhau, đều là tự làm, làm người giống hệt nhau. Bọn đệ tử chúng con tận lực bảo hộ những cảnh giới Tây Phương đều do công đức của A Di Đà Phật hóa hiện Thật Tướng trang nghiêm, là quả báo phước đức tự tại hưởng dụng, khác hẳn những thứ do nghiệp lực tạo thành trong đời ác Ngũ Trược. Huống chi, tất cả mọi thứ trong Sa Bà đều khổ, không, vô thường; vì thế phải nên vứt bỏ để cầu lấy Thật Tế. Nhưng lời lẽ của kẻ ngu muội [như chúng con] dẫu chẳng trái chánh lý, trọn chẳng thể khơi gợi chánh tín [cho họ được]. Kính nghĩ tất cả ngôn luận của thầy như mặt trời rạng rỡ giữa hư không, không tới tâm nào chẳng chiếu tỏ, dám xin thầy giảng giải mấy lời để phá thứ tà kiến ấy.

Hai thứ tà kiến được nói trong thư gửi

đến chính là “đem tri kiến phàm phu để dò lường cảnh giới của Như Lai”. Khổng Tử gọi đó là “*hiếu hành tiểu huệ*”¹⁰⁴, Mạnh Tử thì gọi là “*tự bạo, tự khí*”¹⁰⁵. Hạng người này vốn chẳng có giá trị, tư cách để cùng bàn luận. Nhưng đức Phật lòng Từ rộng lớn, chẳng bỏ một ai, chẳng ngại lập ra một phương tiện để họ tỉnh mê, tan mộng. Do đức Phật trọn chẳng có tham dục, nên mới cảm được cảnh giới thù thắng các thứ trang nghiêm quý báu, mọi thứ đều hóa hiện chẳng cần đến sức người lo toan, tạo dựng; cảnh giới phàm phu trong thế giới Sa Bà há có thể so sánh được ư? Ví như người từ thiện, có đức, tâm địa, hành vi đều chánh đại quang minh, thì tướng mạo cũng hiện vẻ từ thiện rạng rỡ. Cố nhiên người ấy chẳng cầu

¹⁰⁴ Đây là một câu nói trong thiên Vệ Linh Công của sách Luận Ngữ: “Quần cư chung nhật, ngôn bất cập nghĩa, hiếu hành tiểu huệ, nan hỹ tai”. Trong Luận Ngữ Giảng Yếu, cụ Lý Bình Nam giảng: ‘Tiểu Huệ là tài trí vụn vặt’. “Nan hỹ tai”(khó vậy thay) là rốt cuộc chẳng có thành tựu gì. Câu này có nghĩa là suốt ngày cùng ở một chỗ với nhau, chẳng nói được lời nào hợp nghĩa lý hay hữu ích. Chỉ thích phô phang sự thông minh vụn vặt, hạng người ấy khó thể có thành tựu được!”

¹⁰⁵ Từ ngữ này xuất phát từ thiên Ly Lâu thượng sách Mạnh Tử: “Tự bạo giả, bất khả dữ hữu ngôn dã; tự khí giả, bất khả dữ hữu vi dã” (Kẻ tự phụ rầy mình thì chẳng thể nói năng gì với hẳn được. Kẻ tự vút bỏ, thì chẳng thể làm gì với hẳn được). “Tự bạo, tự khí” thường được dùng như một thành ngữ hàm nghĩa kẻ thiếu ý chí tiến thủ, tự thụt lùi, tự đầu hàng, tự buông mình vào tuyệt vọng.

tướng mạo dung nhan đẹp đẽ mà tự nhiên được tươi đẹp. Kẻ tạo nghiệp tâm địa rối ren, ô uế, hung ác, vẻ mặt cũng tối tăm, hung ác theo. Cố nhiên kẻ ấy muốn sắc mặt tươi đẹp để người khác tưởng mình là bậc thiện nhân chánh đại quang minh, nhưng do tâm địa chẳng lành, dầu cầu [được như thế] cũng trọn chẳng thể được. Đây là ước theo cái nhìn của con mắt phàm phu mà nói; chứ quý thần sẽ thấy người lành thân có quang minh, quang minh lớn hay nhỏ tùy thuộc vào người ấy đức lớn hay nhỏ; thấy kẻ ác thân có những tướng tối tăm, hung ác v.v... Tướng ấy lớn hay nhỏ cũng tùy theo sự ác lớn hay nhỏ mà hiện.

Những kẻ [tà kiến] kia cho rằng “kinh Kim Cang là không”, chẳng biết kinh Kim Cang giảng rõ về Lý Tánh, nhưng chưa nói đến quả báo đạt được do chứng Lý Tánh. Sự trang nghiêm nơi Thật Báo Vô Chướng Ngại Độ chính là quả báo rốt ráo

đạt được bởi kinh Kim Cang. Phàm phu nghe như vậy, cố nhiên sẽ ngờ vực cho là “chẳng hề có chuyện ấy!”

Kinh Kim Cang dạy thiện nam nữ phát tâm Bồ Đề, tâm chẳng trụ vào tướng, nhưng muốn độ trọn hết chúng sanh. Dầu độ, cũng chẳng thấy “ta là người độ, chúng sanh là kẻ được độ”, cũng như pháp Niết Bàn rốt ráo để đạt. Đây gọi là “*vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), do đã đạt đến “*vô sở đắc*” (không có gì để đạt được), nên bèn thành Phật. Họ lại bảo đức Phật đã thành, quốc độ Ngài trụ trong kinh Kim Cang cũng giống hệt như cảnh giới trong đời ác Ngũ Trược này ư? Họ tưởng là rộng tuếch tuênh toang, trọn chẳng có gì cả ư? Cõi Phật thanh tịnh, con người vừa nghe đến tên [cõi Phật ấy], thân tâm liền thanh tịnh, họ lại cho là tham dục! Đúng là loài giòi tửa hằng ngày nằm trong hầm xí, tự xưng là thơm tho, thanh khiết, coi

hương Chiên Đán là hôi thối, chẳng muốn
lìa khỏi hầm xí ấy để ngửi mùi thơm kia!
Đạo Chích¹⁰⁶ tụ tập đồ đảng mấy ngàn tên
hoành hành trộm cắp trong thiên hạ,
ngược ngạo tự xưng là “hữu đạo”, cực lực
chê trách “vua Nghiêu bất nhân, vua
Thuấn bất hiếu, vua Vũ dâm dật, Thành
Thang, Vũ Vương bạo loạn, Khổng Tử hư
ngụy”, chê họ là vô đạo! Thật giống với
tri kiến của hai hạng người ấy! Lại như
trong thời gần đây, những kẻ phé kinh,
phé hiếu, phé luân thường, lỏa thể rong
chơi, cho đó là bảm thụ phẩm đức tự
nhiên của trời đất, chẳng cần phải tạo tác.
Thế nhưng mùa Hạ tranh nhau lỏa lồ, sao
mùa Đông chẳng trần trụi? Bảo là bảm thụ
tự nhiên, chẳng cần phải tạo tác, [vậy thì]
đào giếng, cày ruộng, dệt cử mới có cơm

¹⁰⁶ Đạo Chích tên thật là Liễu Hạ Chích, là một tên trộm lừng danh thời cổ, được coi như tổ sư “nghề” ăn trộm nên thành tên Đạo Chích (Đạo là kẻ trộm). Thành ngữ “Đạo diệc hữu đạo” (ăn trộm cũng có đạo nghĩa) xuất phát từ truyện Đạo Chích (số 29) trong phần Tạp Biên sách Trang Tử. Theo đó, em trai của Liễu Hạ Quý là Đạo Chích, tụ tập chín ngàn người, hoành hành trong thiên hạ, cướp bóc, gian dâm, không biết kiêng sợ ai. Khi Khổng Tử buông lời chê trách Liễu Hạ Quý không biết dạy dỗ em, Liễu Hạ Quý biện bác, thoái thác trách nhiệm. Khổng Tử bèn tìm đến tận sào huyệt của Đạo Chích để khuyên giải, liền bị hấn mạt sát, dương dương tự đắc khoe mình có đạo đức, nhất loạt chê trách tất cả thánh hiền từ xưa đến nay đều là phường tội lỗi, chỉ riêng hấn có đạo nghĩa. Cũng như những câu chuyện khác của Trang Tử, đây cũng chỉ là chuyện hư cấu, với ngụ ý châm biếm những kẻ làm càn vãn tự khoe mình tài đức.

ăn, áo mặc, chẳng phải là tạo tác đó sao? Kẻ ác ngăn trở phá hoại người khác làm lành thường là như thế. Chúng bảo rằng: “Thiện phải do vô tâm mà làm, hễ có tâm làm thì chẳng phải là thiện thật sự!” Nhưng bậc thánh hiền thuở xưa, không vị nào chẳng sáng chiều miệt mài gắng sức, răn dè, cẩn thận, kiêng sợ như vào vực sâu, như bước trên băng mỏng, là có tâm hay chẳng? Hay là vô tâm vậy?

Nói chung, những hạng người ấy ý họ muốn “chẳng phải tu trì gì mới là cao thượng”, nên mới lập ra thứ lý luận mù quáng hèn kém nhất ấy để tự khoe mẽ mình hiểu rõ lý, mong được người khác tưởng mình là cao minh, là đại thông gia, là chân danh sĩ! Họ chẳng biết toàn thân nằm trong hầm xí, trừ những kẻ có cùng tri kiến với chúng, ai chịu chấp nhận [những luận điệu càn quấy ấy]?

3. Thư phúc đáp cư sĩ Ngu Tăng

Chuyện phóng sanh vốn là để cảm phát cái tâm kiêng giết, bảo vệ sanh mạng của đồng nhân, thực hành ý niệm bất nhẫn trác ần của chính mình mà thôi. Người đời đông đúc, tâm hạnh mỗi người mỗi khác. Tuy chẳng thể cảm động toàn bộ mọi người, dầu chỉ cảm động được một người thì suốt một đời kẻ ấy đã bớt giết bao nhiêu sanh mạng, hướng chi chẳng phải chỉ có một người [bị cảm động mà thôi]!

Nếu nói “cá nhỏ bị cá lớn ăn, dầu có thả trong sông to cũng khó khỏi sa lưới rập” thì kiểu suy tính này tợ hồ có lý, nhưng thật ra đã ngăn trở thiện niệm của người khác, giúp người ta tạo sát nghiệp. Kẻ ấy may mắn được làm người, bản thân có lẽ chẳng đến nỗi bị giết chóc, nên mới nêu ra lý lẽ vô lý đó để tỏ ra mình có trí hòng khuất phục kẻ phóng sanh. Nếu kẻ ấy là cá và là các sanh mạng lúc sắp bị giết, chắc chắn sẽ chẳng chịu khởi lên thứ

ý tưởng ấy, chỉ mong có người cứu mạng cho mình, chẳng hề có ý tưởng “dù có được loài khác cứu, vẫn sợ sau này lại bị loài vật khác ăn thịt, hay bị người khác bắt được”, chỉ nguyện cam tâm bị giết đê sau này khỏi gặp tai ương nữa! Nếu trong lúc ấy mà khởi lên được ý niệm ấy thì vẫn chưa đủ để tranh cãi! Huống chi muôn vàn phần là trong lúc ấy chẳng thể nào khởi lên được ý niệm ấy! Trong lúc không bị dính dáng đau đớn, lại thốt ra lời ấy ngăn trở thiện niệm của người ta, dấy động cơ duyên giết chóc của người ta! Nếu kẻ ấy trong đời sau chẳng tự thọ lấy quả báo ấy thì mặt trời, mặt trăng sẽ [từ phương Tây] xoay sang phương Đông, trời đất sẽ đổi ngôi vậy! Há có nên thốt lời xằng bậy ư?

Cá lớn nuốt cá nhỏ cố nhiên có chuyện ấy, đã thả ra rồi bị bắt lại cũng chẳng thể không có chuyện ấy. Nếu nói cá nhỏ bị cá lớn ăn sạch không còn sót gì thì chẳng hề có sự lý ấy! Những con vật được thả đều

bị người ta bắt lại hết cũng chẳng hề có sự lý ấy! Sao lại lo lắng quá đáng như thế? Ví như cứu giúp dân chúng bị nạn thì cho [người ta] một manh áo hoặc một bữa ăn, họ cũng chẳng đến nỗi phải bị chết ngay. Trong lúc ấy bèn nói: “Một manh áo, một bữa cơm này sao có thể no ấm suốt đời được? Cho họ có ích lợi chi đâu, chẳng thà để họ chết rét, chết đói thì sẽ chẳng bị chết đói, chết rét lâu dài ư?” Lại như cường đạo cướp bóc người ta, [nếu được] kẻ có sức mạnh chống cự, kẻ ấy (tức nạn nhân) sẽ nói: “Nếu ông có thể chống cự suốt cả đời thì tốt lắm, chứ chỉ chống cự được một chốc, có ích gì đâu? Đâm ra chẳng bằng cứ mặc kệ cho nó cướp sạch hết đi, sau này sẽ chẳng lại bị cướp đoạt nữa thì tốt hơn!” hay sao? Cha mẹ thường nuôi nấng vỗ về con cái, nhưng mẹ hiền chẳng thể nuôi nấng, vỗ về thân đời sau của đứa con, nó sẽ nói: “Chẳng thể nuôi nấng, vỗ về, chẳng thà

giết đi thì hơn!” hay sao?

Quân tử tu đức, chẳng vì điều thiện nhỏ mà không làm, chẳng vì điều ác nhỏ mà làm. Những kẻ cứ mong muôn điều chẳng sót một điều nào rồi mới chịu thực hành phóng sanh, sẽ làm cho người trong cả cõi đời dầu sống hết tuổi thọ đều chẳng thực hiện chuyện kiêng giết, phóng sanh, trong tương lai ắt họ sẽ lâm vào cảnh “muôn người không một ai có thể cứu cho mình khỏi chết được!” Buồn thay, đau đớn thay, khôn ngăn dài dòng bày tỏ!

4. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên

Ngày hôm qua nhận được thư cho biết trong số những vị hương thân nơi chỗ ông có Phan Trọng Thanh ở Trương Gia Khẩu gửi thư đến muốn được quy y. Người này tánh chất chân thành, chất phác, về mặt học vấn cũng có nghiên cứu. Ông ta đã phát tâm, Quang chỉ nên tùy duyên. Nay đặt pháp danh cho ông ta là Huệ Thuận, do hết thấy chúng sanh đều sẵn đủ Phật

Tánh, tức là đều sẵn đủ Phật Huệ; nhưng do tham, sân, si v.v... xen tạp vào trong, nên Phật Huệ bèn trở thành tri kiến của chúng sanh. Nay đã biết Phật Huệ vốn sẵn có, bèn chú tâm kiểm điểm nơi khởi tâm động niệm, xử sự, chẳng để cho tri kiến tham, sân, si v.v... phát sanh. Lại hãy nên dùng lòng tín nguyện sâu để trì danh hiệu Phật, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tự hành, dạy người cùng tu Tịnh nghiệp thì Huệ ấy sẽ dần dần thuần. Nếu giữ được điều này chẳng để mất, thì vãng sanh Tây Phương sẽ vừa thuần, vừa dễ. Đến khi Phiền Hoặc hết sạch, phước trí viên mãn, thì Huệ sẽ thuần đến tột bậc, viên thành Phật đạo. Người đời thường lầm lạc bảo mình có trí huệ, chẳng biết trí huệ là vàng còn trong quặng, hoàn toàn chưa sử dụng được, cần phải luyện ròng khiến cho những chất xỉ quặng (những tạp chất) hoàn toàn tiêu

hết thì mới được lợi ích. Đại ý là như vậy, mong hãy chuyển [những ý nghĩa này] đến cho [ông ta]. Người học Phật chú trọng vào việc tận tụy thực hành. Con người hiện thời phần nhiều mong sao miệng lưỡi nhạy bén, [tức là] kể tên những món ăn thật hay, thật đẹp, nhưng vô ích cho cái bụng rỗng tuếch, đáng buồn thay!

5. Thư trả lời cư sĩ Vương Tâm Thiền

Mẹ ông đã có thể niệm Phật thì hãy nên bảo các cô con dâu cùng bầu bạn niệm Phật với mẹ. Lại nên khuyên cụ ăn chay trường để trợ thành đạo nghiệp cho mẹ, đó là hiếu. Nếu chỉ nghĩ “đừng niệm Phật, sợ nhọc nhằn tâm lực; đừng ăn chay, sợ rằng chẳng hợp phép dinh dưỡng” là hiếu thì lòng hiếu ấy giống như La Sát nữ yêu thương con người vậy. Lòng hiếu ấy phá hoại đạo nghiệp của mẹ, khiến cho cụ

vốn có thể liễu sanh thoát tử lại đâm ra ở mãi trong sanh tử. Lòng hiếu ấy chính là lòng hiếu “đã xô xuống giếng, lại còn quăng đá”, khiến cho mẹ ông chẳng được siêu sanh, đọa lạc suốt kiếp. Hiếu thì có hiếu đấy, nhưng chẳng biết [hiếu như vậy] hóa ra là ngỗ nghịch! Ông đã làm công chức, về mặt hình tích chẳng cần phải thể hiện vẻ tu trì, nhưng trong tâm địa há chẳng thể thường ức niệm ư? Giống như ông nhớ mẹ, ai cấm ông trong tâm thường nhớ nghĩ mẹ? Ông nêu ra những sự trở ngại ấy, hoàn toàn là luận trên hình tích, chứ không phải luận trên tâm địa!

Hiện nay thời cuộc nguy ngập như thế, nếu vẫn chẳng chịu thâm niệm Phật trong tâm, chuyện tương lai rốt cuộc chẳng biết giải quyết ra sao? Ông đọc Văn Sao, Gia Ngôn Lục, những gì nói trong ấy chẳng đủ để giải quyết mọi nghi [của ông], cứ cần phải có một lá thư vài trăm chữ mới thỏa lòng mong ngóng, đều là do thường

ngày chẳng chịu thể hội, quán sát mà ra. Hãy nên dùng lòng chân hiếu để khuyên lơn các nàng dâu, và thường xuyên tự hành mật niệm (niệm thầm) thì lợi ích lớn lắm!

**Án Quang Đại Sư
Gia Ngôn Lục hết**

(dịch xong ngày 27 tháng 03 năm 2004)

(Tu chỉnh lần thứ nhất ngày 10 tháng 07 năm 2013)

THAY LỜI BẠT

Chúng tôi không nhớ đã được đọc những trước tác của tổ Án Quang từ thuở nào, nhưng chắc chắn là vào khoảng năm học lớp Mười hay lớp Mười Một, ngẫu nhiên tìm thấy tác phẩm Lá Thư Tịnh Độ của hòa thượng Thiên Tâm đã ố vàng được ắn giấu trong trang thờ tại nhà một người bạn, mặt nhân đã đọc say sưa và hết sức khâm phục tài diễn dịch trác tuyệt của Hòa Thượng. Thuở đó, kinh sách hiếm hoi, không thể mượn lâu, xem kỹ vì chủ nhân sợ bị mất. Chỉ có thể đọc kiểu ngón ngấu như tằm ăn dâu, nhưng vẫn cảm nhận những lời dạy của Tổ không thể nào chẳng trân quý. Do vậy, vẫn hằng ước ao sẽ có dịp được đọc toàn bộ tác phẩm ấy. Sau này khi quen biết Vạn Từ, trong các cuộc điện đàm, anh vẫn thường ước ao sẽ có người chuyên ngữ đầy đủ toàn bộ tác

phẩm của tổ Án Quang sang tiếng Việt, vì ngoài Hòa Thượng Trí Tịnh và Thiền Tâm trích dịch một vài phần, chẳng có ai quan tâm dịch Văn Sao. Rồi như một duyên phận, ngẫu nhiên quen biết đạo hữu Minh Lập qua trung gian của Tuệ Cường, anh gửi tặng một số sách tiếng Hán trong đó có cuốn Án Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục này. Cuốn sách mỏng, in bằng giấy xấu của Phật Quang Viện tại Bản Kiều, Đài Loan, chữ nhỏ tí, lại in mờ, giấy đã vàng úa, đọc rất nhức mắt, nhưng vẫn ráng đọc, yêu thích vô cùng, nhưng vẫn ngần ngại không dám chuyên ngữ vì tự biết kiến thức của mình quá tẻ. Dưới sự ân cần, khuyên nhủ, khích lệ nhiều lượt của Vạn Từ, Minh Lập và Tuệ Cường, mặt nhân đánh bạo dịch ra, cũng chỉ nhằm chia sẻ với bạn bè cũng như thỏa mãn ý muốn tham lam, ngạo nghễ của chính mình. Sau này, dưới sự khuyến khích và giúp đỡ của Minh Lập, chúng tôi đánh bạo đăng tải

trên trang nhà Di Đà Nguyễn Hải với mong ước chia sẻ pháp nhũ cùng những người căn tánh kém hèn như chính mình. Thuở đó, do mới tập tành, đua đòi chuyên ngữ, thiếu tài liệu tra cứu, trình độ kém cỏi, lại không có font chữ Hán thuận tiện như hiện thời, khó thể tra cứu qua thư viện trên mạng để hiểu đích xác những câu kinh điển Nho gia được Tổ trích dẫn, cũng như một số thành ngữ trong cổ văn, nay nhìn lại bản chuyên ngữ đầu tiên của chính mình, hổ thẹn khôn ngằn! Lúc đó, si dại không hay không biết, thấy có đạo hữu đọc thành sách nói, và chùa Đức Viên in thành sách, mặt nhân cứ tưởng bài dịch này đã khá ổn thỏa; nhưng nay đọc lại, vô cùng hổ thẹn khi thấy câu chữ vụng về, quê kệch, lủng củng, tối nghĩa, sử dụng quá nhiều tiếng Hán trong khi có thể “diễn Nôm” cho dễ hiểu hơn, cách chấm câu luộm thuộm, thật đúng là gai mắt người đọc, phạm lỗi to lớn đối với Tổ, tội

lỗi khôn cùng! Tuy thế, mặt nhân vẫn không có ý định tu chỉnh bản dịch này vì nghĩ đã có Văn Sao Tăng Quảng, Tục Biên, Tam Biên, Gia Ngôn Lục Tục Biên, Gia Ngôn Lục Tinh Hoa ấn hành, chẳng cần phải tái bản Gia Ngôn Lục nữa.

Mùa Thu năm nay, trong khi chuyện văn, đạo huynh Hồng Sơn thắc mắc tại sao không dịch Gia Ngôn Lục cho trọn bộ. Khi biết đã dịch, anh nằng nặc đòi xem và ngỏ ý muốn tái bản. Anh khuyên nhủ: Không phải ai cũng có duyên đọc toàn bộ Văn Sao, và do tác phẩm khá to, người đọc sẽ nản chí không xem đến. Gia Ngôn Lục phân lượng vừa phải, lại bao gồm toàn bộ những nét chánh yếu trong lời dạy của Tổ, dễ khơi gợi hứng thú, và thuận tiện cho hành nhân có thể đọc đi đọc lại. Do vậy, mặt nhân gắng gượng gọt giũa, sửa đổi bản thảo sau khi đối chiếu với bộ sách Án Quang Văn Sao do đạo huynh Minh Tiến ban tặng để đính

chính những chỗ in sai trong bản in của Bản Kiêu Phật Quang Viện, đồng thời tăng bổ chú thích, diễn Nôm những chữ Hán, tra cứu những câu kinh điển trong Nho gia qua nhiều nguồn để dịch sao cho tương đối dễ hiểu hơn. Dầu cố gắng hết sức, nhưng tài vựng vẫn hoàn tài vựng. Chỉ sợ bài tu chính này càng khiến các liên hữu đọc tới phải thở dài sườn sượt!

Mới đó mà đã chín năm trôi qua kể từ ngày hoàn thành bản thảo đầu tiên, dầu đã đọc toàn bộ tác phẩm của Tổ, nhìn lại, mặt nhân chưa hề làm được một điều nhỏ nhặt nào trong lời châu ý ngọc của Tổ, vẫn chỉ là “kể chuyện ăn, đếm của báu”, miệng ra rả khuyên người khác tu hành, trong khi chính mình buông lung, phí uổng quang âm hữu hạn, vẫn để tập khí tham, sân, si, mạn chi phối, thị phi nhân ngã tơi bời, chẳng hề dành ra mảy may công sức tu tập! Với tâm ý thô phù, như nhóp ấy, dễ gì thấu hiểu lời Tổ để chuyển dịch hòng

phảng phất chân diện mục lời dạy của Tổ, chỉ đành gắng gượng tấc trách cho xong lời hứa với các đạo huynh. Nếu như có chút công đức nào đều xin hồi hướng về hiện tiền và lịch đại phụ mẫu, tổ tông, sư trưởng, quyến thuộc, oán thân trái chủ cùng hữu duyên chúng sanh khắp mười phương hư không pháp giới cùng sanh về Cực Lạc. Chân thành cảm tạ công đức đến các đạo hữu Minh Lập, Vạn Từ, Minh Tiến, Tuệ Cường đã cung cấp tài liệu, khuyến tấn. Chân thành cảm tạ đạo huynh Đức Phong đã sửa chữa góp ý. Chân thành cảm tạ đạo huynh Hồng Sơn đã khuyến tấn tái bản và đạo hữu Trần Hiền đã đứng mũi chịu sào cho việc tái bản lần này. Ngưỡng mong nếu việc làm cầu thả này có chút công đức hay phước đức nào, xin đều hồi hướng cho các đạo hữu thân tâm an lạc, phước huệ tăng trưởng, tinh tấn tu trì, cùng nhau hội ngộ chốn An Lạc.

Mùa Thu năm 2013, si ám phạm phu

Như Hòa kính bạch.